TÂM AN CHỨNG KHOÁN · TAMANCHUNGKHOAN.VN

Đọc báo cáo tài chính chuẩn CFA — chuỗi 50 tips

Loạt kiến thức đọc báo cáo tài chính nâng cao: ba báo cáo liên hệ với nhau, chất lượng lợi nhuận, dòng tiền, thuyết minh, kiểm toán, mô hình sàng lọc, quy định công bố thông tin và các sai lầm thường gặp. Không gắn mã cổ phiếu cụ thể.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải khuyến nghị hay tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình trong bài chỉ để sàng lọc, không phải kết luận về một doanh nghiệp. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành. Bản tổng hợp tạo ngày 25/10/2026.

Mục lục

W1 · Nền tảng đọc BCTC, 3 báo cáo liên hệ nhau, chất lượng lợi nhuận

Bài 1. Chất lượng lợi nhuận (earnings quality) là gì, và khác chất lượng báo cáo tài chính ở chỗ nào?

Bài 2. Lãi trên báo cáo kết quả kinh doanh có phải là tiền doanh nghiệp đang có trong tay không?

Bài 3. Ba báo cáo tài chính (bảng cân đối, kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ) nối với nhau như thế nào?

Bài 4. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (CFO) gồm những gì và không gồm những gì?

Bài 5. Vì sao khấu hao, dự phòng, lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện và lãi đầu tư được cộng hoặc trừ khi đi từ lãi sang tiền?

Bài 6. Phải thu, tồn kho và phải trả thay đổi sẽ làm dòng tiền kinh doanh tăng hay giảm: cách nhớ dấu cộng trừ

Bài 7. Cầu nối từ lợi nhuận sau thuế đến dòng tiền kinh doanh: đọc từng dòng như thế nào (ví dụ minh hoạ)?

Bài 8. Tỷ lệ dòng tiền kinh doanh trên lợi nhuận sau thuế (CFO/LNST) là gì, đọc thế nào, và khi nào thấp hơn 1 vẫn bình thường?

Bài 9. Lợi nhuận từ hoạt động chính khác lãi cuối cùng ở chỗ nào, và cách tách trên báo cáo kết quả kinh doanh

Bài 10. Năm hiểu lầm thường gặp: 'dòng tiền âm là lãi giả', 'dòng tiền dương là lãi thật' và những điều khác

W2 · Doanh thu – phải thu – hàng tồn kho

Bài 11. Doanh thu được ghi nhận khi nào? Khác biệt giữa thu tiền và ghi nhận doanh thu

Bài 12. Khoản phải thu trên báo cáo tài chính gồm những gì và khác nhau ra sao?

Bài 13. Số ngày thu tiền bình quân (DSO) là gì và tính thế nào cho đúng?

Bài 14. Phải thu tăng nhanh hơn doanh thu có phải dấu hiệu xấu không?

Bài 15. Dự phòng nợ phải thu khó đòi là gì? Thang trích lập theo thời gian quá hạn ở Việt Nam

Bài 16. Hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng như thế nào, và vì sao đó là 'lãi từ việc bớt lo xa'?

Bài 17. Hàng tồn kho gồm những gì và được ghi nhận theo giá nào?

Bài 18. Vòng quay hàng tồn kho và số ngày tồn kho: công thức và những sai lầm thường gặp

Bài 19. Hàng tồn kho tăng nhanh hơn giá vốn: tích trữ chủ động hay hàng bán chậm?

Bài 20. Chu kỳ chuyển đổi tiền (CCC) là gì? Vì sao có doanh nghiệp có chu kỳ âm?

W3 · Dòng tiền – nợ vay – thanh khoản

Bài 21. Ba dòng tiền kinh doanh, đầu tư, tài chính: mỗi dòng nói gì và 8 tổ hợp dấu đọc thế nào?

Bài 22. Lãi vay đã trả, lãi tiền gửi và cổ tức nhận nằm ở dòng nào của báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và vì sao so CFO giữa các công ty cần cẩn thận?

Bài 23. Dòng tiền tự do (Free Cash Flow) là gì? Các cách tính và vì sao mỗi nguồn một khác

Bài 24. Nợ vay và nợ phải trả khác nhau thế nào? Cách tách nợ chịu lãi khỏi các khoản nợ hoạt động

Bài 25. Hệ số thanh toán hiện hành, nhanh và tiền mặt: cách tính và vì sao hệ số cao không luôn tốt

Bài 26. Chi phí lãi vay và hệ số bao phủ lãi vay (ICR): cách tính và giới hạn của chỉ số

Bài 27. Vốn hoá chi phí lãi vay là gì? Vì sao một phần lãi vay không nằm trong chi phí tài chính?

Bài 28. Nợ ròng bằng bao nhiêu năm dòng tiền kinh doanh? Cách đọc khả năng trả nợ

Bài 29. Kỳ hạn nợ vay: vay ngắn hạn nhiều có nguy hiểm không? Khi nào là lệch kỳ hạn

Bài 30. Tái cấp vốn (refinancing) là gì? Vay mới để trả nợ cũ có luôn đáng lo?

W4 · Thuyết minh – bên liên quan – kiểm toán

Bài 31. Thuyết minh báo cáo tài chính là gì và vì sao không nên chỉ đọc bảng cân đối và báo cáo kết quả kinh doanh?

Bài 32. Đọc thuyết minh báo cáo tài chính theo thứ tự nào? Tám mục nên ưu tiên trước

Bài 33. Giao dịch với bên liên quan là gì? Ai được coi là bên liên quan và nên đọc phần này thế nào?

Bài 34. Báo cáo kiểm toán gồm những phần nào và nên đọc phần nào trước?

Bài 35. Bốn loại ý kiến kiểm toán: chấp nhận toàn phần, ngoại trừ, trái ngược và từ chối đưa ra ý kiến khác nhau thế nào?

Bài 36. Ý kiến ngoại trừ có hai nguồn gốc rất khác nhau: sai sót hay bị giới hạn phạm vi. Vì sao cần phân biệt?

Bài 37. Đoạn 'Vấn đề cần nhấn mạnh' trong báo cáo kiểm toán khác ý kiến ngoại trừ thế nào? Có phải tín hiệu xấu không?

Bài 38. Kiểm toán có đảm bảo báo cáo tài chính không có gian lận không? Vì sao kiểm toán viên không thể 'bắt' hết sai sót?

Bài 39. Báo cáo tài chính tự lập, soát xét và kiểm toán khác nhau thế nào? Mức đảm bảo ra sao?

Bài 40. Vì sao lợi nhuận trước và sau kiểm toán có thể chênh nhau? Những nguyên nhân hợp lý và khi nào nên hỏi thêm

W5 · Mô hình sàng lọc, nghiên cứu VN, quy định và sai lầm khi đọc

Bài 41. Mô hình sàng lọc báo cáo tài chính (M-Score, Z-Score, F-Score...) là gì, dùng để làm gì và KHÔNG dùng để làm gì?

Bài 42. Vì sao điểm sàng lọc cao không có nghĩa là gian lận? Ví dụ về tỷ lệ cơ sở và dương tính giả

Bài 43. Beneish M-Score: tám chỉ số đo điều gì và đọc điểm thế nào?

Bài 44. Altman Z-Score gốc, Z' và Z'' khác nhau thế nào? Bản nào được thiết kế cho doanh nghiệp không phải sản xuất?

Bài 45. Các mô hình sàng lọc có dùng được cho ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán và bất động sản không? Vì sao dùng sai ngành dễ ra kết quả vô nghĩa?

Bài 46. Nghiên cứu trên 30 doanh nghiệp sản xuất (2019-2023) nói gì về M-Score và Z-Score, và 'độ chính xác 53,94%' thực chất là gì?

Bài 47. Hạn công bố báo cáo tài chính quý, bán niên và năm của công ty đại chúng và công ty niêm yết là bao lâu?

Bài 48. Khi nào doanh nghiệp niêm yết phải giải trình biến động hoặc chênh lệch lợi nhuận? Ngưỡng 10% và 5% nghĩa là gì?

Bài 49. Mười sai lầm phổ biến khi đọc báo cáo tài chính

Bài 50. Mười câu hỏi để phân biệt 'lãi thật' và 'lãi trên giấy' khi đọc một báo cáo tài chính (checklist)

Chất lượng lợi nhuận (earnings quality) là gì, và khác chất lượng báo cáo tài chính ở chỗ nào?

Câu trả lời ngắn

Chất lượng lợi nhuận hỏi: con số lãi đáng dựa vào đến đâu khi nhìn về phía trước, tức lãi có bền, có tiền đi kèm, đến từ hoạt động chính không. Chất lượng báo cáo tài chính hỏi điều khác: thông tin công bố có phản ánh đúng thực tế kinh tế hay không. Theo khung của CFA Institute, đây là hai tầng riêng, nên báo cáo trung thực vẫn có thể cho lợi nhuận kém bền. Giới học thuật không có một định nghĩa duy nhất, nên bài nêu từng cách hiểu thay vì chọn bên. Đây là bài trụ cột của chuỗi "lãi thật hay lãi trên giấy".



Sơ đồ hai tầng: chất lượng báo cáo và chất lượng lợi nhuận

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Hai tầng: chất lượng báo cáo và chất lượng lợi nhuận

Theo phần công khai của tài liệu "Financial Reporting Quality" (CFA Institute), **chất lượng báo cáo** nói về bản thân thông tin: số liệu và thuyết minh có phản ánh đúng thực tế kinh tế không. **Chất lượng kết quả**, tức chất lượng lợi nhuận, nói về lợi nhuận và dòng tiền mà hoạt động thật tạo ra: có bền không, có phải cơ sở tốt để nhìn tiếp không. Lợi nhuận chất lượng cao thường được hiểu là bền hơn.

	Chất lượng báo cáo	Chất lượng lợi nhuận
Câu hỏi chính	Thông tin có trung thực, đầy đủ, dễ hiểu không?	Lãi có bền, có tiền, đến từ hoạt động chính không?
Đọc ở đâu	Thuyết minh, chính sách kế toán, báo cáo kiểm toán	Báo cáo kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ

Chất lượng ở đây là một dải chứ không phải hai trạng thái. Các lựa chọn và ước tính kế toán có thể nghiêng về phía thận trọng hoặc tích cực, và những khoản dựa nhiều vào ước tính như dự phòng hay khấu hao là chỗ dễ nghiêng nhất. Nghiêng chưa tự nó là sai phạm; nó chỉ cho biết nên đọc kỹ ở đâu.



Ma trận hai chiều chất lượng báo cáo và chất lượng lợi nhuận

Khung khái niệm hai chiều, không phải số liệu thật.

Vì sao tách hai tầng? Vì chúng sai theo hai kiểu khác nhau. Một công ty có thể công bố đầy đủ, ước tính hợp lý, nhưng năm đó lãi nhờ bán một tài sản không lặp lại: báo cáo tốt, lợi nhuận kém bền. Ngược lại, ước tính thiên lệch có thể làm đường lãi trông rất đều.

Khung CFA cũng lưu ý: ngay cả dòng tiền kinh doanh vẫn có thể bị tác động, chẳng hạn kéo dài thời gian trả nhà cung cấp, hoặc cách phân loại một khoản thu chi vào dòng này hay dòng khác. Vì vậy "có tiền" cần đọc kỹ, không phải bảo chứng tuyệt đối.

Các quan điểm khác nhau

1. Khung hai tầng của CFA. Chất lượng báo cáo và chất lượng kết quả là hai khái niệm tách bạch. Dễ dùng làm kim chỉ nam khi đọc, nhưng chỉ là khung khái niệm, không cho ra một con số.

2. Không có một định nghĩa duy nhất. Dechow, Ge và Schrand (2010), trong bài tổng quan về các thước đo, yếu tố quyết định và hệ quả của chất lượng lợi nhuận, cho rằng định nghĩa phụ thuộc vào quyết định mà người dùng cần đưa ra. Các thước đo hay gặp gồm độ bền, mức dồn tích, độ mượt, tính kịp thời, việc tránh báo lỗ và mức phản ứng của nhà đầu tư. Theo suy luận của Tâm An, mỗi thước đo nhìn một khía cạnh nên không nhất thiết cho cùng kết luận.

3. Chất lượng là ít dồn tích. Dồn tích là phần lãi chưa thành tiền, hiểu đơn giản là chênh lệch giữa lợi nhuận và dòng tiền kinh doanh. Sloan (1996), trên mẫu doanh nghiệp niêm yết ở Mỹ, cho thấy phần lợi nhuận từ dồn tích kém bền hơn phần từ tiền. Cách này cho thước đo cụ thể nhưng ngầm coi dồn tích cao là xấu, trong khi doanh nghiệp tăng trưởng nhanh có dồn tích dương tự nhiên.

4. Dồn tích bất thường. Họ mô hình Jones và Dechow, Sloan và Sweeney (1995) tách dồn tích thành phần "bình thường", ước lượng theo quy mô và tăng trưởng của cả nhóm doanh nghiệp, và phần dư "bất thường" được dùng như dấu hiệu của quản trị lợi nhuận. Một nghiên cứu năm 2024 trên Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (3.370 quan sát, 350 doanh nghiệp niêm yết, 2013 đến 2022, loại ngân hàng và tài chính) dùng phần này làm biến cần giải thích và gọi là "gian lận". Tâm An lưu ý đó là thước đo thống kê về dồn tích, không phải phát hiện về hành vi của một doanh nghiệp cụ thể.

5. Ở Việt Nam, bằng chứng còn trái chiều. Nghiên cứu trên Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, chuyên san Kinh tế và Kinh doanh, năm 2021 (307 công ty niêm yết, 3.684 báo cáo, 2007 đến 2018) lấy biến cần giải thích là lợi nhuận trước và sau kiểm toán chênh nhau quá ngưỡng 5% hoặc 10%. Trong mẫu này, biến dồn tích kiểu RSST mang dấu âm ở cả 8 cột hồi quy, ngược kỳ vọng "dồn tích cao thì rủi ro cao", và sức giải thích thấp (pseudo R^2 từ 0,023 đến 0,069). Một nghiên cứu tại hội thảo ASEAN International Sandbox Conference năm 2025 (30 doanh nghiệp sản xuất, 150 quan sát, 2019 đến 2023) nhận xét độ nhạy của mô hình M-Score với gian lận là thấp. Hai nghiên cứu đo những thứ khác nhau (chênh lệch trước và sau kiểm toán, một điểm mô hình), không đo chất lượng lợi nhuận đúng nghĩa, và chỉ đúng cho mẫu và giai đoạn của chúng. Hàm ý thận trọng: chưa thể coi dồn tích cao là "đèn đỏ" tự động.

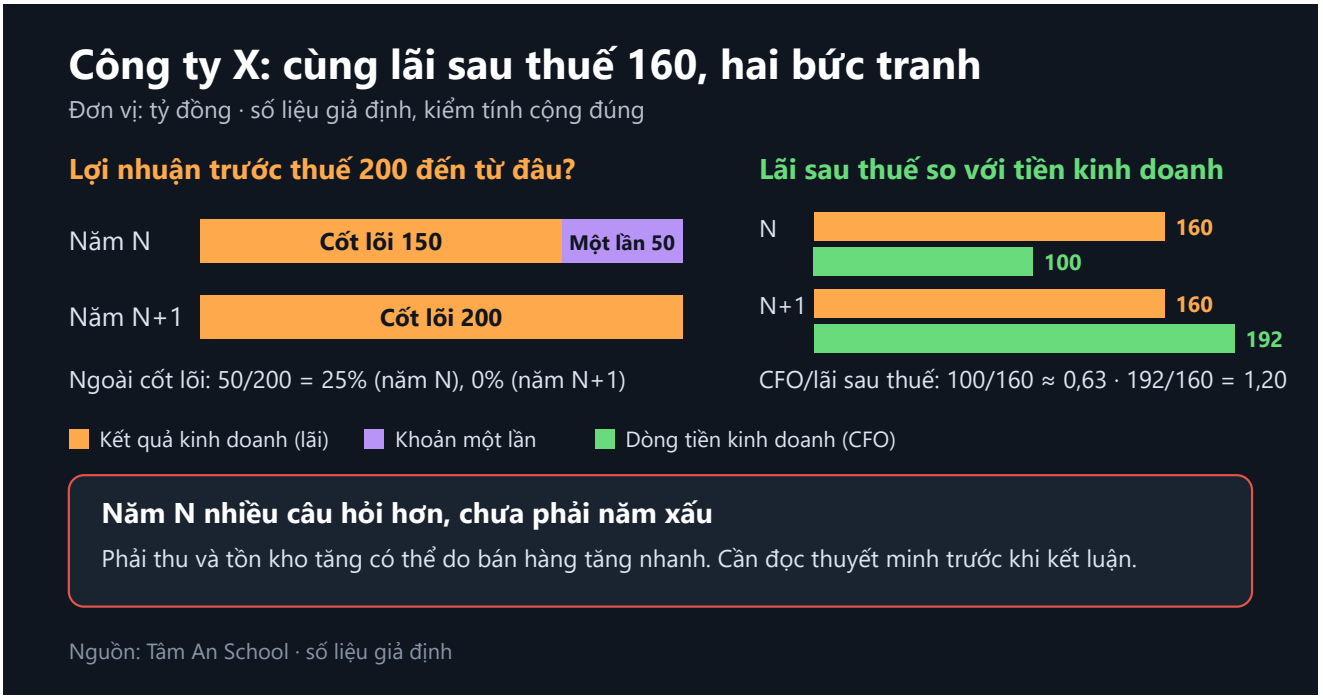
Cách làm việc của Tâm An. Chuỗi bài dùng ba câu hỏi (lãi có bền, có tiền, đến từ hoạt động chính không) kèm một câu cho tầng báo cáo: ước tính và công bố có hợp lý không. Đây là cách tổ chức việc đọc, không phải định nghĩa chuẩn hay điểm số.

Ví dụ minh hoạ

Công ty X giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng. Hai năm có cùng lợi nhuận sau thuế 160 nhưng cơ cấu khác nhau. Để gọn: doanh thu và chi phí tài chính bù trừ bằng không, thuế đã nộp bằng thuế ghi nhận, tài sản bình quân 1.000.

Chỉ tiêu	Năm N	Năm N+1
Lợi nhuận gộp	380	430
Chi phí bán hàng và quản lý	230	230
Lợi nhuận cốt lõi	150	200
Lãi thanh lý tài sản (một lần)	50	0
Lợi nhuận trước thuế	200	200
Thuế 20%	40	40
Lợi nhuận sau thuế	160	160
Cộng khấu hao	+30	+30
Trừ lãi thanh lý (tiền thuộc dòng đầu tư)	-50	0
Thay đổi phải thu	-40	-8
Thay đổi hàng tồn kho	-20	-5
Thay đổi phải trả	+20	+15
Dòng tiền kinh doanh (CFO)	100	192

Kiểm cộng: năm N, 380 - 230 + 50 - 40 = 160 và CFO = 160 + 30 - 50 - 40 - 20 + 20 = 100. Năm N+1, 430 - 230 - 40 = 160 và CFO = 160 + 30 - 8 - 5 + 15 = 192.



Công ty X hai năm cùng lợi nhuận sau thuế 160 nhưng cơ cấu và dòng tiền khác nhau

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

- **Bền không?** Năm N, 50 trên 200 lợi nhuận trước thuế (25%) đến từ khoản một lần; nếu không lặp lại, mọi thứ khác không đổi, lợi nhuận trước thuế thấp đi đúng bấy nhiêu. Năm N+1 toàn bộ đến từ hoạt động chính.
- **Có tiền không?** CFO trên lợi nhuận sau thuế là 100/160, khoảng 0,63 ở năm N, và 192/160 = 1,20 ở năm N+1. Dồn tích (lợi nhuận sau thuế trừ CFO) là 60, tức 6,0% tài sản bình quân, ở năm N và -32, tức -3,2%, ở năm N+1.

Nhưng năm N chưa phải năm xấu: phải thu tăng 40 và tồn kho tăng 20 có thể chỉ vì bán hàng đang mở rộng; chỉ thuyết minh mới phân biệt được. Năm N+1 cũng chưa chắc tốt hơn: CFO cao hơn lãi có thể do khấu hao lớn, tiền khách trả trước hoặc kéo dài khoản phải trả. Và bảng không cho biết ước tính khấu hao, dự phòng có hợp lý không: đó là câu hỏi của tầng báo cáo.

Cách đọc trên báo cáo

Gợi ý của Tâm An:

1. **Nhìn nhiều kỳ**, không nhìn một kỳ lẻ, vì mùa vụ và thời điểm thu tiền gây nhiễu.
2. **Báo cáo kết quả kinh doanh:** tách lợi nhuận gộp trừ chi phí bán hàng và quản lý khỏi doanh thu và chi phí tài chính, lãi từ công ty liên kết, thu nhập khác. Xem lợi nhuận hoạt động chính khác lãi cuối cùng ở đâu.
3. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, phương pháp gián tiếp:** đọc phần điều chỉnh (khấu hao, dự phòng, chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện, lãi lỗ đầu tư) và thay đổi vốn lưu động, tìm dòng lớn nhất làm CFO lệch khỏi lợi nhuận. Xem cầu nối từ lợi nhuận sau thuế đến dòng tiền kinh doanh và tỷ lệ CFO trên lợi nhuận sau thuế.
4. **Báo cáo tình hình tài chính (trước năm 2026 gọi là bảng cân đối kế toán):** đối chiếu phải thu, hàng tồn kho, phải trả, dự phòng với bước 3.
5. **Thuyết minh và báo cáo kiểm toán:** nơi trả lời tầng chất lượng báo cáo (chính sách kế toán, thay đổi ước tính, chi tiết phải thu, biến động dự phòng).

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo tài chính từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99/2025/TT-BTC thay Thông tư 200/2014/TT-BTC; tên gọi và cách trình bày một số chỉ tiêu có thể khác, nên đối chiếu mẫu hiện hành khi so các kỳ.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật của một doanh nghiệp, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã: hiển thị cầu nối lợi nhuận đến dòng tiền, tỷ trọng lãi ngoài hoạt động chính, mức dồn tích, để người đọc tự quyết định có đào sâu không. Đó chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Chênh lệch giữa lãi và tiền không phải lúc nào cũng đáng lo: doanh nghiệp tăng trưởng nhanh, xây dựng, bất động sản hay nhập hàng trước mùa vụ có thể có dòng tiền thấp hơn lãi một cách hợp lý.
- Ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cấu trúc báo cáo riêng; cách đọc trong bài chủ yếu áp dụng cho doanh nghiệp phi tài chính.
- Khoản một lần không tự động là xấu, chỉ không nên mặc nhiên cho rằng nó lặp lại; thận trọng quá mức cũng làm lệch lợi nhuận, theo chiều ngược lại.

Đừng nói quá

- Không viết "lãi thấp hơn tiền là lãi giả" hay "dòng tiền dương là lãi thật"; cả hai bỏ qua nguyên nhân kinh doanh.
- Từ khung CFA hay các nghiên cứu trên, không suy ra một doanh nghiệp cụ thể "có vấn đề" hay "không có vấn đề". Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Mọi chỉ số trong chuỗi bài này, từ tỷ lệ dòng tiền trên lợi nhuận, dồn tích đến điểm của các mô hình sàng lọc, chỉ để quyết định có nên đọc kỹ hơn không. Một tín hiệu lệch chỉ là điểm bắt đầu đặt câu hỏi, chưa phải bằng chứng về sai phạm.

Với mỗi tín hiệu, hãy nêu ít nhất một nguyên nhân kinh doanh hợp lý khác: dòng tiền thấp hơn lãi có thể là tăng trưởng, mùa vụ, đổi chính sách bán chịu; lãi ngoài hoạt động chính cao có thể là bản chất mô hình đầu tư; dồn tích cao có thể do mở rộng quy mô. Ngưỡng cảnh báo chưa hiệu chỉnh cho thị trường Việt Nam, nên bài không đưa ngưỡng nào. Chuỗi bài không chẩn đoán gian lận và không đánh giá doanh nghiệp cụ thể; chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 12/10/2026.

- CFA Institute, "Financial Reporting Quality", CFA Program Level I, giáo trình 2026: chỉ dùng khung khái niệm ở trang công khai.
- Dechow, P., Ge, W. và Schrand, C. (2010), Journal of Accounting and Economics 50(2-3): 344-401, xác nhận qua tóm tắt và kho lưu trữ.
- Sloan, R.G. (1996), The Accounting Review 71(3): 289-315.
- Dechow, P., Sloan, R. và Sweeney, A. (1995), "Detecting earnings management", The Accounting Review 70(2).
- Phạm Thị Ngọc Bích và cộng sự (2024), Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á 35(4): 78-97, tr. 81, 85.
- Bùi Phương Chi, Nguyễn Thị Hồng Thúy và Lăng Trịnh Mai Hương (2021), Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, chuyên san Kinh tế và Kinh doanh 37(1): 40-49, tr. 44-45, 48.
- Hoang Hung Dau (2025), Proceedings of the ASEAN International Sandbox Conference, vol. 7: 177-186, tr. 180, 183-184.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC thay Thông tư 200/2014/TT-BTC từ năm tài chính 2026: nhắc ở mức khái niệm, điều khoản cụ thể cần đối chiếu văn bản hiện hành.

Đọc thêm

- Lãi trên báo cáo kết quả kinh doanh có phải là tiền không?
- Cầu nối từ lợi nhuận sau thuế đến dòng tiền kinh doanh

- Tỷ lệ CFO trên lợi nhuận sau thuế đọc thế nào?
- Lợi nhuận hoạt động chính khác lãi cuối cùng ở đâu?
- Năm hiểu lầm về lợi nhuận và dòng tiền
- Mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Chất lượng báo cáo cho biết số liệu có đáng tin không; chất lượng lợi nhuận cho biết lãi có đáng dựa vào để nhìn tiếp không. Hãy giữ hai câu hỏi tách bạch, nhớ rằng giới học thuật chưa thống nhất một định nghĩa, và dùng mọi chỉ số chỉ như tín hiệu để đọc kỹ hơn, chưa phải kết luận về một doanh nghiệp.

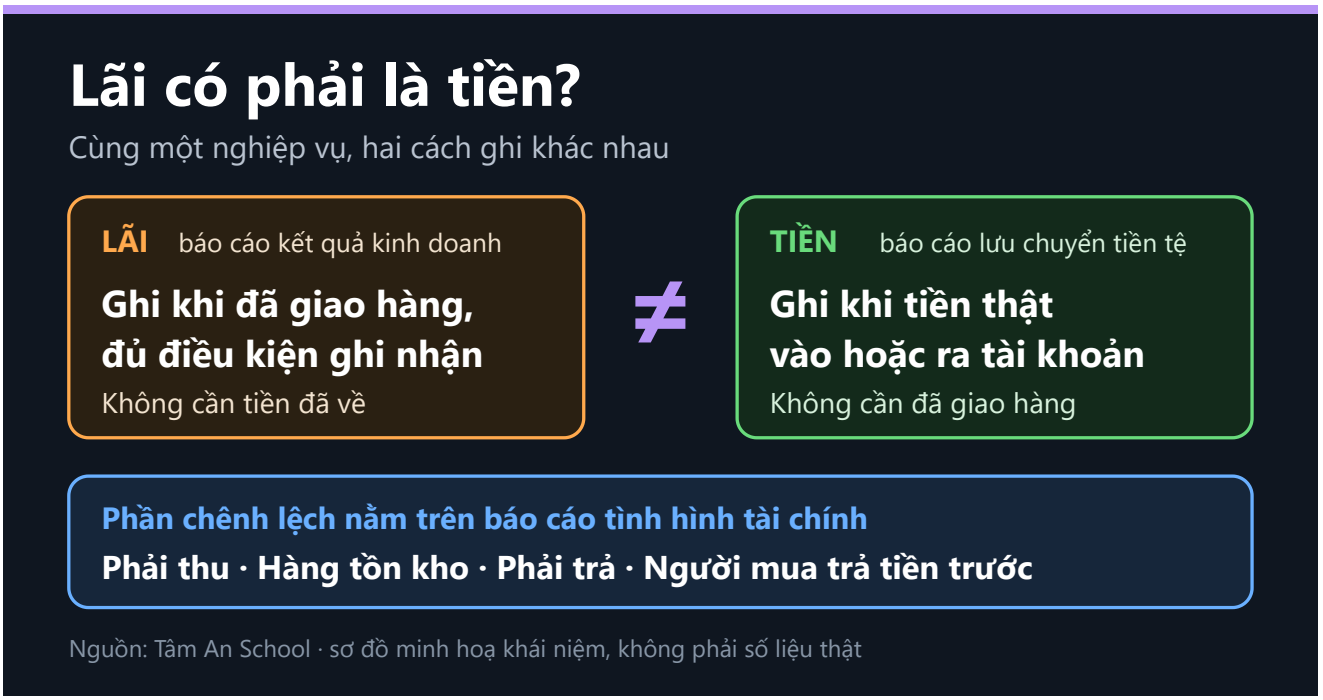
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/chat-luong-loi-nhuan-la-gi-khac-chat-luong-bao-cao-tai-chinh-the-nao

Lãi trên báo cáo kết quả kinh doanh có phải là tiền doanh nghiệp đang có trong tay không?

Câu trả lời ngắn

Không hẳn. Lãi trên báo cáo kết quả kinh doanh là lợi nhuận kế toán: doanh nghiệp ghi doanh thu khi đủ điều kiện (chủ yếu là đã giao hàng) và ghi chi phí khi phát sinh, chứ không đợi đến lúc tiền vào hay ra. Phần lãi chưa thu được tiền nằm ở phải thu và hàng tồn kho; ngược lại, có chi phí làm giảm lãi mà kỳ này không có đồng nào đi ra, như khấu hao và dự phòng. Vì vậy lãi và tiền lệch nhau là chuyện bình thường; điều đáng hỏi là chênh lệch nằm ở khoản nào và có tự đảo chiều không.



Lãi và tiền: cùng một nghiệp vụ, hai cách ghi, phần chênh lệch nằm trên báo cáo tình hình tài chính

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Lãi ghi theo "đã phát sinh", tiền ghi theo "đã nhận hoặc đã trả"

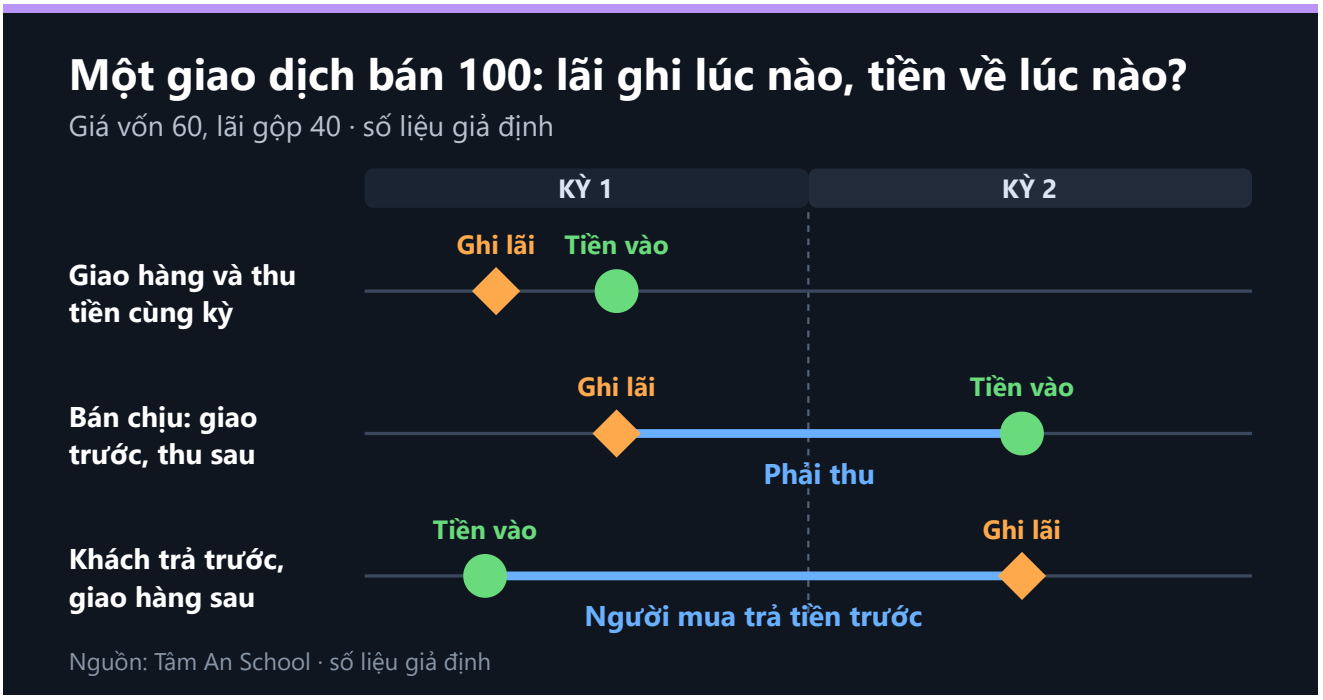
Kế toán doanh nghiệp Việt Nam dựa trên cơ sở dồn tích. Theo Chuẩn mực kế toán số 01 (Chuẩn mực chung), đoạn 03, mọi nghiệp vụ được ghi sổ vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào lúc thực tế thu hay chi tiền. Đoạn 06 là nguyên tắc phù hợp (ghi doanh thu thì ghi chi phí tạo ra nó trong cùng kỳ), đoạn 08 là nguyên tắc thận trọng (không đánh giá cao tài sản và thu nhập, có lập dự phòng nhưng không quá lớn).

Với doanh thu bán hàng, Chuẩn mực số 14, đoạn 10, đòi hỏi đồng thời năm điều kiện: đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu cho người mua; không còn nắm quyền quản lý hay kiểm soát hàng hoá; doanh thu xác định được tương đối chắc chắn; đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế; xác

định được chi phí liên quan. Hướng dẫn tài khoản doanh thu trong Thông tư 99/2025/TT-BTC, theo bản Công báo đã đọc, vẫn xoay quanh các điều kiện này. Điểm đáng chú ý: việc đã nhận tiền hay chưa không nằm trong danh sách.

Giao hàng trước, thu tiền sau thì lãi ghi trước, phần chưa thu nằm ở phải thu. Thu tiền trước, giao hàng sau thì có tiền nhưng chưa có doanh thu: theo hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC, khoản này nằm ở chỉ tiêu "người mua trả tiền trước".

Giao dịch bán 100, giá vốn 60	Ghi doanh thu, lãi gộp 40	Tiền vào	Nằm ở đâu giữa hai mốc
Giao hàng và thu tiền cùng kỳ	Kỳ 1	Kỳ 1	Không lệch
Giao 20/12, khách trả 15/1	Năm cũ	Năm mới	Phải thu
Khách trả trước tháng 11, giao tháng 2 năm sau	Năm sau	Năm trước	Người mua trả tiền trước



Ba tình huống của một giao dịch bán 100: thời điểm ghi lãi và thời điểm tiền về

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Ba nguồn làm lãi và tiền lệch nhau

1. **Thời điểm thu và chi.** Bán chịu làm phải thu tăng, mua chịu làm phải trả nhà cung cấp tăng, khách trả trước làm người mua trả tiền trước tăng. Đó là chênh lệch thời điểm, không phải thêm bớt lợi nhuận.
2. **Khoản có trong lãi nhưng không có tiền đi cùng trong kỳ.** Khấu hao là tiền đã chi một lần khi mua tài sản rồi phân bổ dần vào chi phí. Dự phòng là ước tính, ghi chi phí khi chưa có tiền ra. Ngược lại, có khoản ghi vào lãi mà chưa có tiền về, như chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện.

3. **Hàng tồn kho và vốn lưu động.** Mua hàng bằng tiền nhưng chỉ khi bán ra mới thành giá vốn: tiền đã đi mà chi phí chưa vào lãi.

Gộp lại là bộ khung của báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp: lợi nhuận, cộng chi phí không dùng tiền, trừ phần tăng phải thu và tồn kho, cộng phần tăng phải trả, bằng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh. Xem tiền thuần từ hoạt động kinh doanh gồm những gì.

Trong bài trụ cột, chất lượng lợi nhuận hỏi lãi có bền, có tiền, đến từ hoạt động chính không. Bài này chỉ đào sâu nhánh "có tiền": cơ chế đứng sau chênh lệch giữa lãi và tiền.

Khi nào lãi cao mà tiền thấp vẫn bình thường, khi nào nên hỏi thêm

Hai câu hỏi giúp phân loại: chênh lệch nằm ở khoản nào, và có tự đảo chiều qua các kỳ không.

Tình huống	Vì sao có thể hợp lý	Nên kiểm tra thêm
Tăng trưởng nhanh	Bán chịu và dự trữ hàng nhiều hơn cho quy mô mới	Phải thu, tồn kho tăng nhanh hơn hay chậm hơn doanh thu
Ngành có mùa vụ	Nhập hàng trước mùa, thu tiền sau mùa	So cùng kỳ năm trước, nhìn tổng nhiều kỳ
Lệch kéo dài, không đảo chiều	Có thể là đặc thù mô hình kinh doanh	Phải thu tồn đọng ở khách nào, tuổi nợ, mức dự phòng

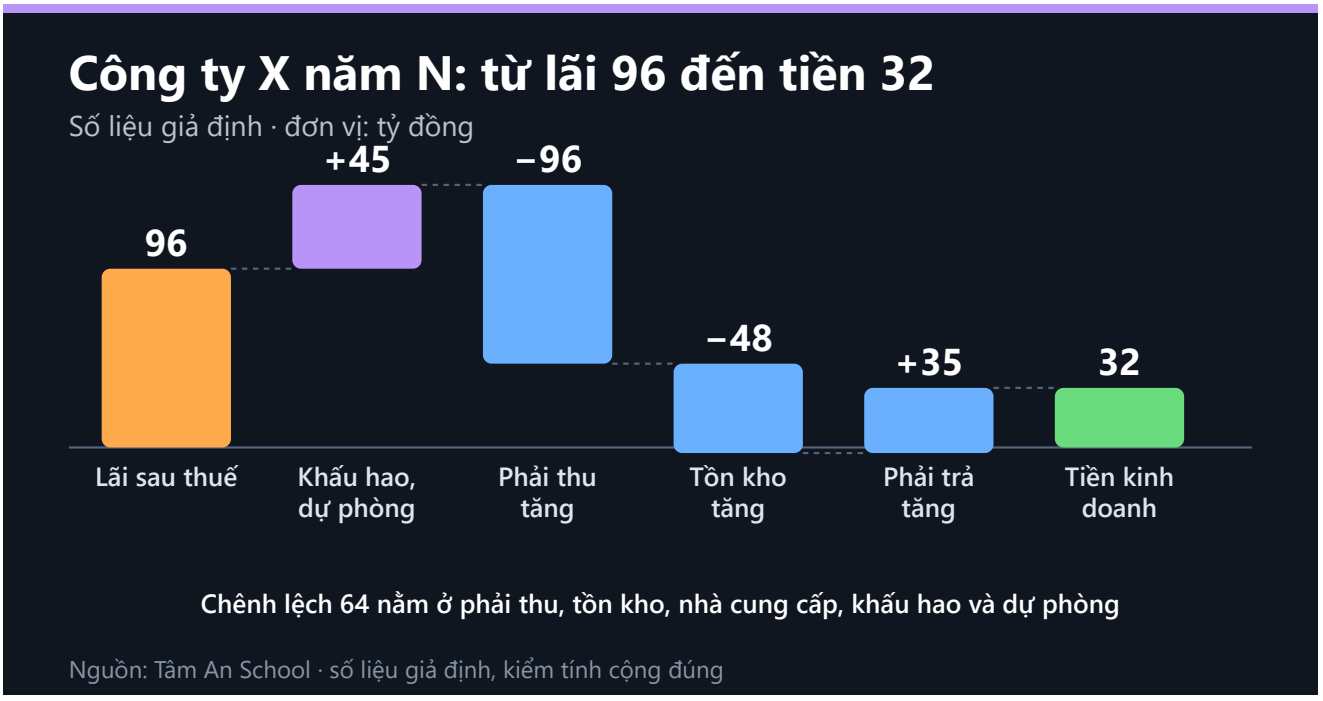
Chiều ngược lại cũng cần đọc: tiền cao hơn lãi có thể do khấu hao lớn, khách trả trước hoặc kéo dài thời gian trả nhà cung cấp. Theo phần công khai của tài liệu "Financial Reporting Quality" (CFA Institute), dòng tiền kinh doanh cũng có thể bị tác động bởi cách quản lý khoản phải trả hay cách phân loại luồng tiền, nên "có tiền" cũng cần đọc kỹ.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Công ty X giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt và đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Để gọn: chi phí tài chính ròng bằng không, thuế nộp bằng thuế ghi nhận, khấu hao và dự phòng nằm trong chi phí bán hàng và quản lý, bỏ qua thuế giá trị gia tăng. Năm N công ty tăng trưởng bằng bán chịu. Năm N+1 xét hai kịch bản cùng lãi, chỉ khác ở vốn lưu động: A thu được nợ cũ, B phải thu và tồn kho tiếp tục tăng.

Chỉ tiêu	Năm N	N+1, kịch bản A	N+1, kịch bản B
Doanh thu thuần	1.000	1.050	1.050
Giá vốn	-640	-672	-672
Chi phí bán hàng và quản lý	-240	-253	-253
Lợi nhuận trước thuế	120	125	125
Thuế 20%	-24	-25	-25
Lợi nhuận sau thuế	96	100	100
Cộng khấu hao và dự phòng	+45	+42	+42
Thay đổi phải thu	-96	+30	-80
Thay đổi hàng tồn kho	-48	+10	-30
Thay đổi phải trả nhà cung cấp	+35	-20	+10
Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	32	162	42

Kiểm cộng: năm N, 1.000 - 640 - 240 = 120, thuế 24, lãi sau thuế 96; tiền = 96 + 45 - 96 - 48 + 35 = 32. Năm N+1, 1.050 - 672 - 253 = 125, thuế 25, lãi sau thuế 100; A: 100 + 42 + 30 + 10 - 20 = 162; B: 100 + 42 - 80 - 30 + 10 = 42. Kiểm chéo từ phía tiền năm N: 904 - 653 - 195 - 24 = 32 (thu từ khách, trả nhà cung cấp, chi phí bằng tiền, thuế).



Cầu nối của công ty X năm N từ lợi nhuận sau thuế 96 đến tiền kinh doanh 32

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

- **Năm N.** Lãi 96 nhưng tiền 32, khoảng một phần ba (chỉ là phép chia, không phải ngưỡng). Chênh lệch 64 nằm ở chỗ phải thu tăng 96 và tồn kho tăng 48 giữ phần lãi dưới dạng tài sản khác tiền, nhà cung cấp tài trợ lại 35, khấu hao và dự phòng 45 được cộng trở lại. Riêng con số này chưa đủ để nói tốt hay xấu.
- **Năm N+1, kịch bản A.** Lãi 100, tiền 162 vì thu về nợ cũ. Cộng hai năm, lãi 196 và tiền 194, gần như khớp: chênh lệch năm N đã tự đảo chiều.
- **Năm N+1, kịch bản B.** Cùng lãi 100 nhưng tiền chỉ 42; cộng hai năm, lãi 196 mà tiền 74, khoảng 38%. Báo cáo kết quả kinh doanh giống hệt kịch bản A, câu chuyện dòng tiền khác hẳn. Đây là lúc nên hỏi: khoản nào chưa thu, của ai, hạn trả bao lâu, dự phòng có theo kịp không. Câu trả lời có thể rất bình thường, chẳng hạn thanh toán theo mốc hợp đồng, cũng có thể không; bảng số chưa cho biết.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Báo cáo kết quả kinh doanh:** lấy doanh thu và lợi nhuận sau thuế, rồi tách lãi hoạt động chính khỏi lãi cuối cùng.
2. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, phương pháp gián tiếp:** từ lợi nhuận, đọc phần điều chỉnh (khấu hao, dự phòng, chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện) và thay đổi vốn lưu động, tìm dòng lớn nhất làm tiền lệch khỏi lãi.
3. **Báo cáo tình hình tài chính và thuyết minh:** đối chiếu phải thu, tồn kho, phải trả, người mua trả tiền trước giữa đầu và cuối kỳ với bước 2 (có thể không khớp từng đồng); xem phải thu theo tuổi nợ và khách hàng, biến động dự phòng.
4. **Nhiều kỳ:** so tổng lãi với tổng tiền của vài năm thay vì một kỳ lẻ. Cách đọc tỷ lệ tiền trên lãi có ở bài tỷ lệ dòng tiền kinh doanh trên lợi nhuận sau thuế.

Về chuyển kỳ: Thông tư 99/2025/TT-BTC có hiệu lực từ 01/01/2026, áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày đó. Theo Điều 17, mẫu báo cáo gọi là "Báo cáo tình hình tài chính" (trước đây là bảng cân đối kế toán) và "Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh"; bài này gọi gọn là báo cáo kết quả kinh doanh. Mã số chỉ tiêu đã được đánh lại, nên khi so năm tài chính 2025 (lập theo Thông tư 200/2014/TT-BTC) với 2026, hãy ghép theo tên chỉ tiêu, không theo mã số. Ngân hàng, tổ chức tín dụng theo hướng dẫn kế toán của Ngân hàng Nhà nước, không theo thông tư này.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật của một doanh nghiệp, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã: hiển thị cầu nối từ lợi nhuận sang dòng tiền và các khoản vốn lưu động lớn, để người đọc tự quyết định có đào sâu hay không; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Bằng chứng nghiên cứu chưa thống nhất. Sloan (1996), trên mẫu doanh nghiệp niêm yết ở Mỹ, cho thấy phần lợi nhuận từ dồn tích kém bền hơn phần từ tiền. Ở Việt Nam, một nghiên cứu năm 2021 (307 công ty niêm yết, 2007 đến 2018) thấy biến dồn tích mang dấu âm ở cả 8 cột hồi quy, ngược kỳ vọng. Hai nghiên cứu đo khác nhau và chỉ đúng cho mẫu của chúng, nên chưa thể coi chênh lệch lãi và tiền là đèn đỏ tự động.
- Cách đọc chủ yếu cho doanh nghiệp phi tài chính; công ty X đã đơn giản hoá, báo cáo thật còn nhiều dòng khác.

Đừng nói quá

- Không viết "lãi chưa có tiền là lãi ảo": doanh thu ghi đúng chuẩn mực vẫn hợp lệ, chỉ là chưa thành tiền. Cũng không viết "dòng tiền dương là lãi thật": tiền có thể đến từ khách trả trước hay kéo dài khoản phải trả.
- Từ ví dụ và các nghiên cứu trên, không suy ra một doanh nghiệp cụ thể "có vấn đề" hay "không có vấn đề". Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Chênh lệch giữa lãi và tiền, phải thu hay tồn kho tăng nhanh chỉ là tín hiệu để quyết định có nên đọc kỹ hơn không, chưa phải bằng chứng về sai phạm. Với mỗi tín hiệu, hãy nêu ít nhất một nguyên nhân kinh doanh hợp lý khác: tiền thấp hơn lãi có thể do tăng trưởng, mùa vụ, đổi chính sách bán chịu; tiền cao hơn lãi có thể do khấu hao lớn hay khách trả trước. Bài không đưa ngưỡng cảnh báo nào vì chưa có ngưỡng hiệu chỉnh cho Việt Nam. Chuỗi bài không đánh giá doanh nghiệp cụ thể; chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 13/10/2026.

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 "Chuẩn mực chung" (Quyết định 165/2002/QĐ-BTC), đoạn 03, 06, 08; số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" (Quyết định 149/2001/QĐ-BTC), đoạn 10. Đọc từ bản đăng lại; hiệu lực cần đối chiếu văn bản mới nhất.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (ban hành 27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026): Điều 2, 17, 31, hướng dẫn tài khoản doanh thu và tiền thu trước; thay Thông tư 200/2014/TT-BTC.
- CFA Institute, "Financial Reporting Quality", CFA Program Level I, giáo trình 2026: chỉ trang công khai.
- Sloan, R.G. (1996), The Accounting Review 71(3): 289-315.
- Bùi Phương Chi, Nguyễn Thị Hồng Thúy và Lăng Trịnh Mai Hương (2021), Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, chuyên san Kinh tế và Kinh doanh 37(1): 40-49, tr. 44-45, 48.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì, khác chất lượng báo cáo tài chính thế nào? (bài trụ cột)
- Ba báo cáo tài chính nối với nhau như thế nào?
- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh gồm những gì?
- Tỷ lệ dòng tiền kinh doanh trên lợi nhuận sau thuế đọc thế nào?
- Doanh thu được ghi nhận khi nào, khác thu tiền thế nào?
- Lợi nhuận hoạt động chính khác lãi cuối cùng ở đâu?

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Lãi trên báo cáo kết quả kinh doanh cho biết kết quả theo nguyên tắc dồn tích; tiền cho biết bao nhiêu trong đó đã nằm trong tay. Hai con số lệch nhau là chuyện bình thường, điều đáng hỏi là lệch ở khoản nào và có tự đảo chiều qua các kỳ không. Hãy dùng chênh lệch này như một tín hiệu để đọc kỹ hơn, chưa phải kết luận về một doanh nghiệp.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/lai-tren-bao-cao-ket-qua-kinh-doanh-co-phai-la-tien-khong

Ba báo cáo tài chính (bảng cân đối, kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ) nối với nhau như thế nào?

Câu trả lời ngắn

Ba báo cáo trả lời ba câu hỏi về cùng một doanh nghiệp: bảng cân đối kế toán cho biết có gì và nợ gì tại một ngày; báo cáo kết quả kinh doanh cho biết lãi hay lỗ trong một kỳ; báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho biết tiền thật vào ra trong kỳ. Chúng nối với nhau ở ba chỗ: lãi sau thuế chảy vào lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối; lãi, qua khoản không bằng tiền và vốn lưu động, thành tiền thuần từ hoạt động kinh doanh; tiền cuối kỳ trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ bằng tiền trên bảng cân đối. Ba phép kiểm này cho biết số liệu có nhất quán không, không chứng minh số liệu đúng.



Ba báo cáo tài chính trả lời ba câu hỏi khác nhau và nối với nhau ở ba chỗ

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Ba báo cáo, ba câu hỏi

Cách hình dung của Tâm An: bảng cân đối là ảnh chụp ngày cuối kỳ; hai báo cáo kia là hai đoạn phim cả kỳ, một đoạn đếm lãi, một đoạn đếm tiền. Mọi thay đổi giữa ảnh đầu kỳ và ảnh cuối kỳ phải giải thích được bằng hai đoạn phim.

	Bảng cân đối kế toán	Báo cáo kết quả kinh doanh	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Câu hỏi	Có gì, nợ gì?	Lãi hay lỗ?	Tiền vào ra bao nhiêu?
Mốc thời gian	Một ngày	Một kỳ	Một kỳ

Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC (Điều 17), bảng cân đối kế toán nay gọi là Báo cáo tình hình tài chính; bài này giữ tên quen thuộc cho khớp tiêu đề. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chia dòng tiền theo ba hoạt động: kinh doanh, đầu tư, tài chính (Chuẩn mực số 24, đoạn 04 và 05), xem thêm: ba dòng tiền kinh doanh, đầu tư, tài chính đọc thế nào.

Bài trụ cột và bài thứ hai đi từ phía lãi và tiền; bài này vẽ bản đồ chung.

Mối nối thứ nhất: lãi sau thuế chảy vào vốn chủ sở hữu

Báo cáo kết quả kinh doanh kết thúc ở lợi nhuận sau thuế, nhưng con số đó không nằm yên: nó được cộng vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, một dòng thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối. Phần đem chia cổ tức hoặc trích quỹ thì làm khoản này giảm:

lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ = đầu kỳ + lợi nhuận sau thuế - cổ tức - các khoản trích (± điều chỉnh khác)

Điều chỉnh khác, nếu có, nằm ở thuyết minh vốn chủ sở hữu.

Mối nối thứ hai: từ lãi sang tiền kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ gián tiếp bắt đầu từ lợi nhuận; mẫu theo Thông tư 200/2014/TT-BTC mở bằng lợi nhuận trước thuế, rồi đi qua ba nhóm dòng:

1. **Điều chỉnh:** khấu hao, dự phòng, chênh lệch tỷ giá đánh giá lại là khoản ảnh hưởng lãi mà kỳ này không có tiền đi hay về cùng; lãi lỗ đầu tư và chi phí lãi vay cũng được cộng hoặc trừ lại vì tiền của chúng tính riêng.
2. **Thay đổi vốn lưu động:** phải thu, tồn kho, phải trả, mỗi dòng là chênh lệch hai ngày trên bảng cân đối.
3. **Lãi vay đã trả và thuế đã nộp:** hai khoản tiền thật đi ra, trừ ở cuối chuỗi.

Kết quả là tiền thuần từ hoạt động kinh doanh; từng dòng có ở bài cầu nối từ lợi nhuận sau thuế đến dòng tiền kinh doanh và bài phải thu, tồn kho, phải trả làm dòng tiền tăng hay giảm. Chuẩn mực số 24, đoạn 16, cho phép trình bày luồng tiền kinh doanh theo phương pháp trực tiếp (liệt kê tiền thu, tiền chi) hoặc gián tiếp (đi từ lợi nhuận); hai cách cho cùng một con số, ví dụ bên dưới tính cả hai.

Mối nối thứ ba: tiền cuối kỳ và phương trình kế toán

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kết thúc bằng một phép cộng: tiền đầu kỳ cộng tiền thuần của ba hoạt động bằng tiền cuối kỳ, và con số đó phải bằng khoản tiền và tương đương tiền trên bảng cân đối cùng ngày.

Bảng cân đối có phép kiểm riêng: tổng tài sản bằng tổng nguồn vốn, tức tài sản bằng nợ phải trả cộng vốn chủ sở hữu. Từ đó suy ra cách kiểm không cần mở báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

thay đổi tiền = thay đổi nợ phải trả + thay đổi vốn chủ sở hữu - thay đổi tài sản không phải tiền

Ngoại lệ: giao dịch không dùng tiền, như mua tài sản bằng cách ghi nợ, nằm ở thuyết minh chứ không ở báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Chuẩn mực số 24, đoạn 29 và 30); nên "mọi thay đổi đều có dấu vết" chỉ đúng khi đọc cả thuyết minh.



Ba mối nối: lãi vào vốn chủ, lãi thành tiền kinh doanh, tiền cuối kỳ khớp bảng cân đối

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Công ty X giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt và đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Để gọn: thuế nộp bằng thuế ghi nhận, lãi vay trả hết trong năm và xếp vào hoạt động kinh doanh như mẫu gián tiếp của Thông tư 200, không có giao dịch không dùng tiền hay tiền ngoại tệ, bỏ qua thuế giá trị gia tăng.

Báo cáo kết quả kinh doanh năm N: doanh thu thuần 900, giá vốn 580, chi phí bán hàng và quản lý 150 (gồm khấu hao 40), chi phí lãi vay 20, nên lợi nhuận trước thuế 150, thuế 20% là 30, lợi nhuận sau thuế 120. Cổ tức trả trong năm 40.

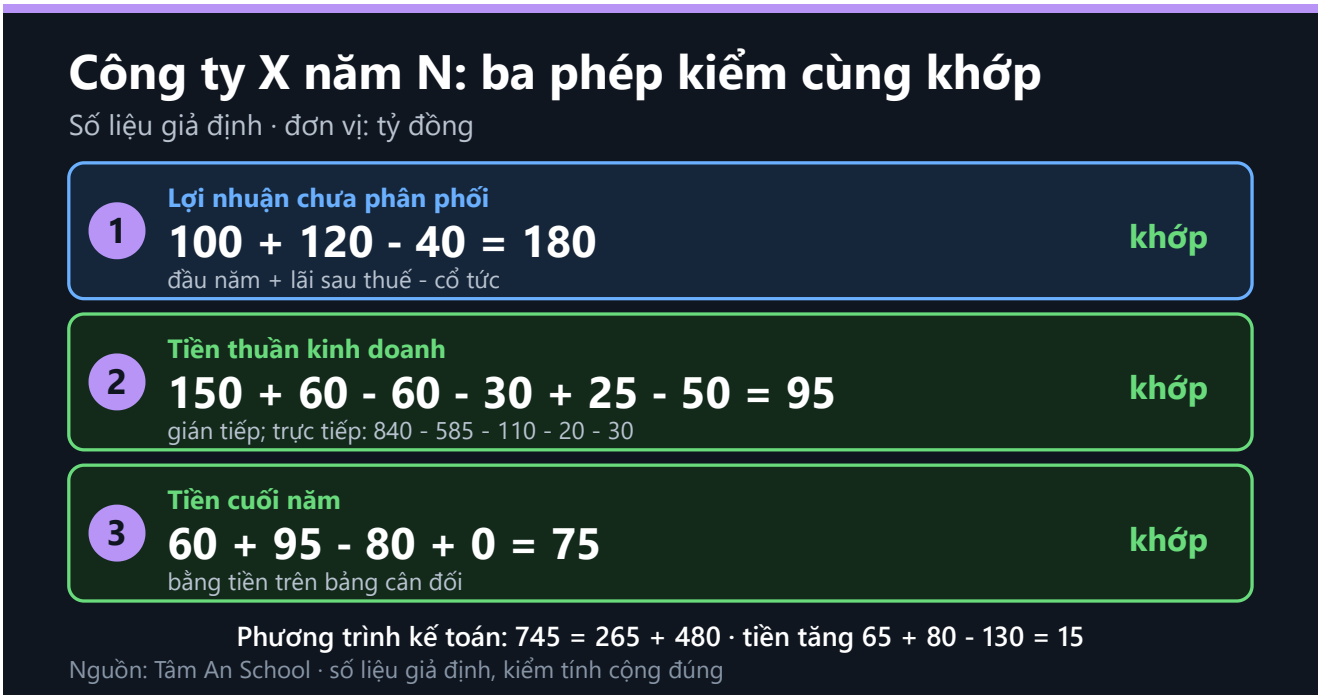
Bảng cân đối kế toán	Đầu năm N	Cuối năm N
Tiền	60	75
Phải thu	120	180
Hàng tồn kho	90	120
Tài sản cố định ròng	330	370
Tổng tài sản	**600**	**745**
Phải trả người bán	70	95
Vay	130	170
Vốn góp	300	300
Lợi nhuận chưa phân phối	100	180
Tổng nguồn vốn	**600**	**745**

Lưu chuyển tiền tệ năm N (gián tiếp)	Số
Lợi nhuận trước thuế	150
Cộng khấu hao và chi phí lãi vay	+60
Phải thu tăng, tồn kho tăng, phải trả tăng	-60, -30, +25
Lãi vay đã trả, thuế đã nộp	-50
Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**95**
Mua tài sản cố định	-80
Vay mới 60, trả gốc 20, trả cổ tức 40	0
Thay đổi tiền trong năm	**15**

Phương pháp trực tiếp cho cùng kết quả: thu từ khách hàng 900 - 60 = 840; trả nhà cung cấp 580 + 30 - 25 = 585; chi phí bằng tiền 150 - 40 = 110; 840 - 585 - 110 - 20 - 30 = 95.

Ba mối nối đều khớp:

- **Mối nối 1.** 100 + 120 - 40 = 180, đúng lợi nhuận chưa phân phối cuối năm.
- **Mối nối 2.** 150 + 60 - 60 - 30 + 25 - 50 = 95; các thay đổi vốn lưu động lấy đúng từ bảng cân đối: phải thu 180 - 120 = 60, tồn kho 120 - 90 = 30, phải trả 95 - 70 = 25.
- **Mối nối 3.** 60 + 95 - 80 + 0 = 75, bằng khoản tiền cuối năm. Phương trình kế toán đúng ở cả hai ngày (600 = 200 + 400; 745 = 265 + 480), và từ phía bảng cân đối: nợ tăng 65, vốn chủ tăng 80, tài sản không phải tiền tăng 130, nên tiền tăng 65 + 80 - 130 = 15.



Công ty X năm N: ba phép kiểm cùng khớp, tiền tăng 15

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Lãi sau thuế 120, tiền kinh doanh 95, chênh 25: phải thu và tồn kho tăng giữ lại 90, khấu hao cộng trở lại 40, nhà cung cấp tài trợ 25. Khớp chỉ cho biết các con số nhất quán, không cho biết khoản phải thu tăng đó có thu được hay không.

Cách đọc trên báo cáo

Khi mở một bộ báo cáo, đi theo thứ tự:

1. **Phạm vi và kỳ:** hợp nhất hay riêng lẻ, năm hay quý, đơn vị tính, theo mẫu của thông tư nào.
2. **Bảng cân đối và kết quả kinh doanh:** tổng tài sản có bằng tổng nguồn vốn ở cả hai cột không.
3. **Mối nối 1:** lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ trừ đầu kỳ có bằng lãi sau thuế trừ cổ tức và các khoản trích không.
4. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:** dấu của ba hoạt động.
5. **Mối nối 2:** đối chiếu thay đổi phải thu, tồn kho, phải trả với bảng cân đối (có thể không khớp từng đồng); nên nhìn nhiều kỳ thay vì một kỳ lẻ.
6. **Mối nối 3 và thuyết minh:** tiền cuối kỳ có bằng tiền trên bảng cân đối không; chỗ chưa giải thích được thì tìm trong thuyết minh.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật của một doanh nghiệp, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã: đối chiếu các mối nối để người đọc tự quyết định có đào sâu thuyết minh hay không; chỉ là công cụ sàng lọc.

Hợp nhất hay riêng lẻ, quý hay năm, trực tiếp hay gián tiếp

- **Hợp nhất và riêng lẻ.** Công ty mẹ có công ty con thì ngoài báo cáo riêng còn lập báo cáo hợp nhất, theo pháp luật về báo cáo tài chính hợp nhất (Thông tư 99/2025/TT-BTC, Điều 16; hiện dựa trên Thông tư 202/2014/TT-BTC và văn bản sửa đổi, cần đối chiếu bản mới nhất). Ba mối nối đúng trong từng bộ, đừng nối số của bộ này với bộ kia. Theo cách hiểu của Tâm An, ở bộ hợp nhất lãi sau thuế còn chia cho cổ đông công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát.
- **Quý và năm.** Báo cáo giữa niên độ gồm quý và bán niên (Điều 15), có mẫu đầy đủ và tóm lược (Điều 17). Hãy nhìn tiêu đề cột: số một quý hay lũy kế từ đầu năm. Ba mối nối chỉ khớp khi các báo cáo cùng một khoảng thời gian; lấy lãi một quý nối với chênh lệch từ đầu năm sẽ lệch dù báo cáo đúng.
- **Trực tiếp và gián tiếp.** Cùng tiền thuần kinh doanh; gián tiếp bắt đầu từ lợi nhuận nên tiện cho mối nối thứ hai.
- **Chuyển kỳ.** Thông tư 99/2025/TT-BTC có hiệu lực từ 01/01/2026, áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày đó; báo cáo năm 2025 vẫn lập theo Thông tư 200/2014/TT-BTC. Mã số chỉ tiêu đã được đánh lại, nên khi so hai thời kỳ hãy ghép theo tên chỉ tiêu. Số đầu kỳ 2026 có thể được điều chỉnh theo hướng dẫn chuyển đổi (Điều 29 và 30); xem thuyết minh. Ngân hàng, tổ chức tín dụng theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Điểm cần cẩn trọng

- **Khớp không có nghĩa là đúng.** Báo cáo vẫn có thể khớp khi ước tính khấu hao, dự phòng chưa hợp lý; đó là câu hỏi của thuyết minh, không nằm ở phép cộng.
- **Không khớp từng đồng chưa chắc là lỗi.** Làm tròn, giao dịch không dùng tiền, tỷ giá, phạm vi hợp nhất, trình bày lại số kỳ trước đều có thể tạo chênh lệch nhỏ.
- **Khớp ở mối nối thứ ba chưa bảo đảm cách phân loại.** Theo phần công khai của "Financial Reporting Quality" (CFA Institute), dòng tiền kinh doanh có thể bị tác động bởi cách quản lý khoản phải trả hay cách phân loại luồng tiền.
- Chủ yếu cho doanh nghiệp phi tài chính; công ty X đã đơn giản hoá.

Đừng nói quá

- Không viết "ba báo cáo khớp nên báo cáo đáng tin" hay "có chỗ lệch nghĩa là báo cáo sai".
- Không đồng nhất "lãi sau thuế" với "tiền doanh nghiệp có". Từ ví dụ không suy ra một doanh nghiệp cụ thể tốt hay không; bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Khi một mối nối khó khớp, đó là tín hiệu để đọc thuyết minh kỹ hơn, chưa phải bằng chứng về sai phạm. Với mỗi chỗ lệch, hãy nêu ít nhất một nguyên nhân hợp lý khác, như làm tròn, giao dịch không dùng tiền, tỷ giá, phạm vi hợp nhất. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 13/10/2026.

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 (Quyết định 165/2002/QĐ-BTC), đoạn 04, 05, 16, 29, 30. Đọc từ bản đăng lại; hiệu lực cần đối chiếu văn bản mới nhất.
- Thông tư 200/2014/TT-BTC, mẫu B03-DN gián tiếp, đối chiếu qua mẫu đăng lại.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (ban hành 27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026): Điều 15, 16, 17, 29, 30, 31; thay Thông tư 200/2014/TT-BTC.
- Thông tư 202/2014/TT-BTC (báo cáo hợp nhất); bản sửa đổi năm 2026 chỉ có nguồn thứ cấp.
- CFA Institute, "Financial Reporting Quality", CFA Program Level I, giáo trình 2026: chỉ trang công khai.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (bài trụ cột)
- Lãi có phải là tiền không?
- Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh gồm những gì?
- Cầu nối từ lợi nhuận sau thuế đến dòng tiền
- Phải thu, tồn kho, phải trả làm dòng tiền tăng hay giảm?
- Ba dòng tiền kinh doanh, đầu tư, tài chính đọc thế nào?

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Ba báo cáo là ba góc nhìn về cùng một doanh nghiệp, nối với nhau ở ba chỗ: lãi vào lợi nhuận chưa phân phối, lãi thành tiền kinh doanh, tiền cuối kỳ khớp bảng cân đối. Kiểm ba chỗ này cho biết số liệu có nhất quán không, chưa chứng minh số liệu đúng. Chỗ nào khó khớp là tín hiệu để đọc thuyết minh kỹ hơn, chưa phải kết luận về một doanh nghiệp.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/ba-bao-cao-tai-chinh-noi-voi-nhau-nhu-the-nao

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (CFO) gồm những gì và không gồm những gì?

Câu trả lời ngắn

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh, gọi tắt là CFO, là chênh lệch giữa tiền thu và tiền chi từ hoạt động tạo ra doanh thu chủ yếu của doanh nghiệp trong kỳ. Nó gồm tiền thu bán hàng và dịch vụ, tiền trả nhà cung cấp, tiền trả người lao động, thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp và, với doanh nghiệp phi tài chính, lãi vay đã trả. Nó không gồm tiền mua sắm tài sản cố định, góp vốn, lãi và cổ tức nhận được (đầu tư), cũng không gồm vay, trả nợ gốc và cổ tức đã trả (tài chính). Vài dòng, nhất là lãi vay đã vốn hoá, phụ thuộc chuẩn mực và mẫu biểu nên cần đối chiếu.



CFO gồm tiền kinh doanh; mua sắm tài sản cố định thuộc đầu tư; vay nợ và cổ tức thuộc tài chính

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

CFO là gì, và vì sao là dòng cuối của phần hoạt động kinh doanh

Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 (VAS 24, đoạn 04) định nghĩa hoạt động kinh doanh là các hoạt động tạo ra doanh thu chủ yếu và các hoạt động khác không phải đầu tư hay tài chính. Đầu tư là mua sắm, thanh lý tài sản dài hạn và các khoản đầu tư khác; tài chính là hoạt động làm đổi quy mô và kết cấu vốn chủ sở hữu và vốn vay. Kinh doanh là phần còn lại.

Mọi khoản thu chi bằng tiền được xếp vào một trong ba hoạt động (đoạn 05). Trong phần kinh doanh, các dòng được cộng lại; dòng cuối là CFO, bằng tổng cộng các chỉ tiêu phía trên theo hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC. Cộng tiếp tiền thuần từ đầu tư và tài chính ra thay đổi tiền trong kỳ, như bài ba báo

cáo nối với nhau đã vẽ. Đoạn 08 nêu lý do CFO được quan tâm: khả năng tạo tiền từ hoạt động chính để trả nợ, duy trì hoạt động và trả cổ tức mà không cần vốn bên ngoài.

Những khoản nằm trong CFO

Theo VAS 24 (đoạn 08, 09) và hướng dẫn mẫu B03-DN của Thông tư 99, các dòng điển hình, theo cách trình bày trực tiếp:

- **Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác**, kể cả thu nợ của kỳ trước và tiền người mua ứng trước.
- **Tiền trả nhà cung cấp hàng hoá, dịch vụ**, kể cả chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh; không kể tiền mua sắm, xây dựng tài sản cố định.
- **Tiền trả người lao động**, **lãi vay đã trả** (doanh nghiệp phi tài chính) và **thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp**.
- **Thu, chi khác** của hoạt động kinh doanh: hoàn thuế, bồi thường, nộp các loại thuế khác, bảo hiểm xã hội, ký quỹ; cùng mua, bán chứng khoán nắm giữ để kinh doanh.

Hai điểm hay bị bỏ sót. Tiền khách ứng trước vẫn là tiền thu của kinh doanh dù chưa ghi doanh thu. Và "trả nợ nhà cung cấp" khác mục đích thì khác dòng: trả nhà thầu xây dựng cơ bản thuộc đầu tư, trả người cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho sản xuất kinh doanh thuộc kinh doanh.

Những khoản không nằm trong CFO

- **Đầu tư:** tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định; tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định; cho vay và thu hồi cho vay; mua, bán công cụ nợ của đơn vị khác (không kể để kinh doanh); góp vốn và thu hồi vốn; lãi cho vay, lãi tiền gửi có kỳ hạn, cổ tức và lợi nhuận được chia (doanh nghiệp phi tài chính).
- **Tài chính:** tiền vay nhận được, trả nợ gốc vay và nợ thuê tài chính; phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp, mua lại cổ phiếu; cổ tức và lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu.

Hệ quả quan trọng nhất: tiền mua sắm tài sản cố định không làm giảm CFO; công ty chi mạnh mở rộng nhà máy vẫn có thể có CFO dương. Giao dịch không dùng tiền, như mua tài sản bằng cách nhận nợ, không xuất hiện trong báo cáo mà nằm ở thuyết minh (đoạn 29, 30).

Chỗ phụ thuộc chuẩn mực và mẫu biểu

- **Lãi vay đã trả.** Với doanh nghiệp phi tài chính, VAS 24 (đoạn 22) xếp lãi vay đã trả vào kinh doanh; khoản trả nợ vay gồm gốc và lãi thì lãi thuộc kinh doanh, gốc thuộc tài chính (đoạn 07). Mẫu B03-DN của Thông tư 99 (nay gọi là "chi phí đi vay đã trả") xếp phần đã vốn hoá vào tài sản dở dang ở hoạt động đầu tư, chia theo tỷ lệ vốn hoá, nên hai doanh nghiệp vay như nhau có thể có CFO khác nhau.
- **Lãi và cổ tức nhận được.** VAS 24 (đoạn 22) xếp lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận thu được vào đầu tư; hướng dẫn của Thông tư 99 gồm cả lãi tiền gửi có kỳ hạn và lãi trái phiếu, nhưng loại lãi tiền gửi không kỳ hạn khỏi dòng này, nên khoản đó cần đọc chính sách kế toán.

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp.** Thuộc kinh doanh, trừ trường hợp được xác định là đầu tư (đoạn 25).
- **Loại hình và mẫu biểu.** Ngân hàng, tổ chức tín dụng, bảo hiểm có cách xếp riêng (đoạn 12 đến 15, 23); bài chỉ nói doanh nghiệp phi tài chính. Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, từ năm tài chính bắt đầu từ 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025/TT-BTC, mã số chỉ tiêu đánh lại nên chỉ ghép theo tên dòng. Mẫu B03-DN của Thông tư 200 chưa mở từ văn bản gốc; với báo cáo 2025 hãy đối chiếu tên dòng thực tế.

Trực tiếp hay gián tiếp: cùng một CFO

VAS 24 (đoạn 16) cho phép trình bày CFO theo một trong hai phương pháp. Trực tiếp liệt kê tiền thu, tiền chi theo từng nội dung. Gián tiếp đi từ lợi nhuận trước thuế, điều chỉnh khoản không bằng tiền, lãi lỗ thuộc đầu tư và tài chính, và thay đổi vốn lưu động; từng dòng được giải ở bài cầu nối từ lợi nhuận sau thuế đến dòng tiền kinh doanh. Hai cách cho cùng một con số. Ở cách gián tiếp, lãi tiền gửi và cổ tức bị trừ khỏi lợi nhuận vì tiền của chúng nằm ở đầu tư; chi phí đi vay được cộng lại rồi trừ bằng lãi vay đã trả.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Công ty X giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Để gọn: thuế nộp bằng thuế ghi nhận, lãi vay và chi phí trả hết trong năm, không vốn hoá lãi vay, bỏ qua thuế giá trị gia tăng.

Năm N: doanh thu thuần 1.200, giá vốn 780, chi phí bán hàng và quản lý 222 (gồm khấu hao 50 và lương 95), doanh thu tài chính 12 (lãi tiền gửi có kỳ hạn, cổ tức nhận), chi phí đi vay 30; lợi nhuận trước thuế 180, thuế 36, lợi nhuận sau thuế 144. Bảng cân đối: phải thu 160 lên 205, tồn kho 140 xuống 125, phải trả người bán 80 lên 100, người mua trả trước 20 lên 50. Công ty mua tài sản cố định 90, vay mới 100, trả gốc 40, trả cổ tức 50; tiền đầu năm 80.

Khoản (năm N)	Số	Hoạt động
Thu từ khách hàng (1.200 - 45 + 30)	1.185	Kinh doanh
Trả nhà cung cấp	-822	Kinh doanh
Trả người lao động	-95	Kinh doanh
Lãi vay, thuế đã trả	-30, -36	Kinh doanh
CFO	**202**	
Mua tài sản cố định; lãi, cổ tức nhận	-90, +12	Đầu tư
Vay 100, trả gốc 40, cổ tức 50	+10	Tài chính
Thay đổi tiền (80 lên 214)	**134**	

Trả nhà cung cấp: mua hàng 780 - 15 = 765, trừ phải trả tăng 20 còn 745, cộng chi phí khác 77 thành 822. Cách gián tiếp: 180 + 50 - 12 + 30 = 248; trừ phải thu tăng 45, cộng tồn kho giảm 15, phải trả tăng 20, người mua trả trước tăng 30 thành 268; trừ lãi vay 30 và thuế 36 còn 202. Hai cách cùng ra 202; bảng cân

đối cân ở hai ngày (780 và 984).



Công ty X năm N: mỗi dòng tiền nằm ở hoạt động nào và CFO bằng 202

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

CFO 202 cao hơn lãi sau thuế 144 vì khấu hao 50 không phải tiền, người mua ứng trước 30, phải trả và tồn kho bù lại phần phải thu tăng.

Các dòng điều chỉnh khi đọc CFO

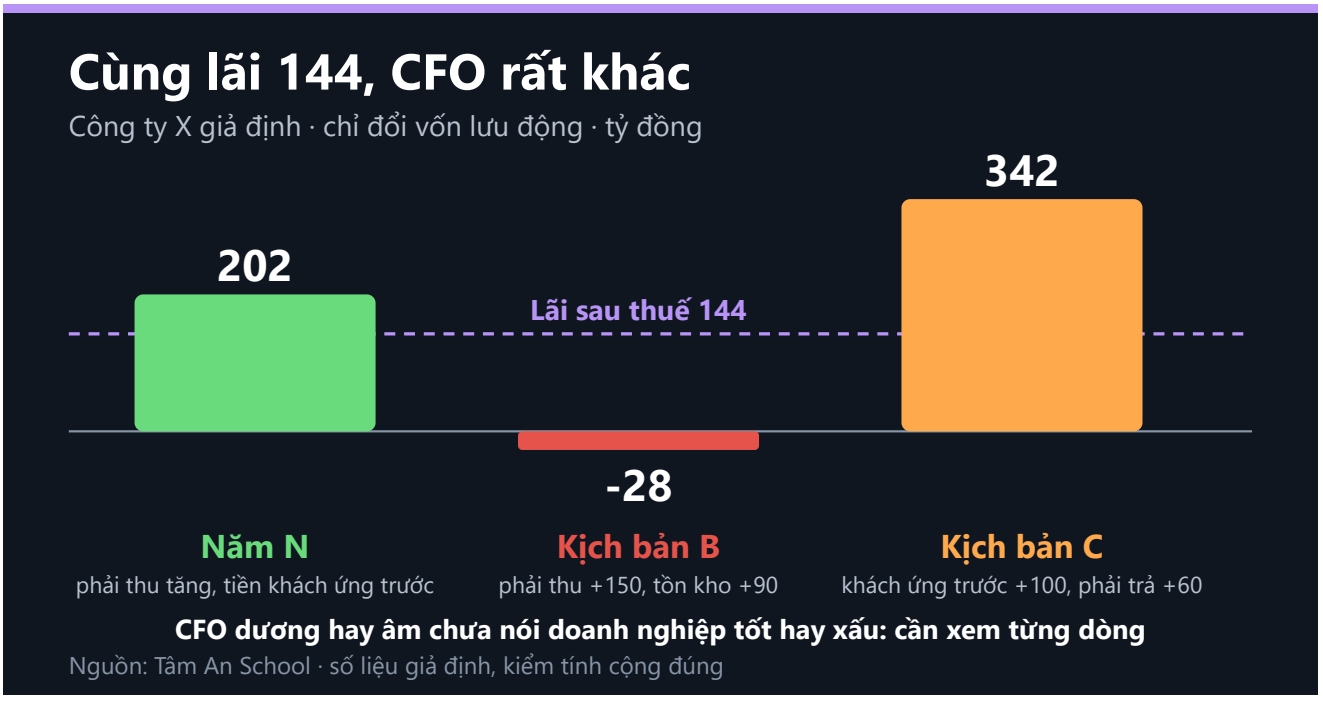
- **Bán chịu (phải thu).** Phải thu tăng làm CFO thấp hơn lãi; thu nợ cũ làm CFO cao hơn.
- **Tồn kho và phải trả nhà cung cấp.** Tích trữ hàng làm tiền ra trước doanh thu; kéo dài thời hạn trả làm tiền ở lại công ty tạm thời.
- **Tiền người mua trả trước.** Tiền vào trước khi ghi doanh thu, kèm nghĩa vụ giao hàng về sau; ở mẫu gián tiếp của Thông tư 99 nằm trong thay đổi các khoản phải trả, ở mẫu trực tiếp trong tiền thu bán hàng.

Những hiểu lầm thường gặp

Giữ nguyên lãi 144 và các dòng khác của năm N, chỉ đổi vốn lưu động:

Điều chỉnh vào CFO	Năm N	Kịch bản B	Kịch bản C
Phải thu	-45	-150	0
Tồn kho	+15	-90	0
Phải trả nhà cung cấp	+20	+30	+60
Người mua trả trước	+30	0	+100
CFO	**202**	**-28**	**342**

- **"CFO dương là lãi tốt."** Kịch bản C có CFO 342, hơn hai lần lãi, chủ yếu nhờ tiền khách trả trước và kéo dài khoản phải trả, thường đảo chiều ở kỳ sau. Theo phần công khai của "Financial Reporting Quality" (CFA Institute), CFO có thể bị tác động bởi cách quản lý khoản phải trả hay cách phân loại luồng tiền.
- **"CFO âm là doanh nghiệp có vấn đề."** Kịch bản B có lãi 144 nhưng CFO -28 vì phải thu tăng 150 và tồn kho tăng 90. Có thể do tăng trưởng bằng bán chịu, tích hàng trước mùa bán; cũng có thể do phải thu khó thu. Nên xem tiếp: phải thu theo thời gian quá hạn, tồn kho so với giá vốn, nhiều kỳ liền nhau, nguồn bù đắp ở dòng tài chính.
- **"CFO là tiền tự do."** Không: mua sắm tài sản cố định nằm ngoài CFO. Hai công ty cũng chưa chắc so thẳng được vì khác mức vốn hoá lãi vay, loại hình, mẫu biểu.



Công ty X giả định: ba kịch bản cùng lãi sau thuế 144 nhưng CFO là 202, -28 và 342

Cách đọc trên báo cáo

1. **Phạm vi, kỳ, mẫu:** hợp nhất hay riêng lẻ, quý hay lũy kế, Thông tư 200 hay 99.
2. **Phần kinh doanh:** trực tiếp hay gián tiếp; đọc từng dòng trước dòng cuối; lãi vay đã trả nằm ở đâu, có vốn hoá không.
3. **So với lãi:** CFO khác lãi sau thuế bao nhiêu, do dòng nào.

4. **Đọc cùng đầu tư và tài chính**, để biết khoản chi lớn và nguồn bù đắp.
5. **Nhiều kỳ và thuyết minh**, vì một kỳ lẻ chịu ảnh hưởng của mùa vụ.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để người đọc tự quyết định có đào sâu thuyết minh hay không; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Cách xếp trong bài là của doanh nghiệp phi tài chính, theo VAS 24 (đọc từ bản đăng lại, hiệu lực cần đối chiếu văn bản mới nhất) và hướng dẫn mẫu B03-DN của Thông tư 99.
- Doanh nghiệp được trình bày luồng tiền theo cách phù hợp nhất với đặc điểm kinh doanh (đoạn 06) và bổ sung chỉ tiêu (Thông tư 99, Điều 18), nên báo cáo thật có thể khác bài.

Đừng nói quá

- Không viết "CFO dương là lãi thật, doanh nghiệp tốt" hay "CFO âm là có vấn đề".
- Không viết "lãi vay luôn thuộc kinh doanh": phần đã vốn hoá theo hướng dẫn của Thông tư 99 xếp vào đầu tư.
- Không dùng ví dụ để suy ra một doanh nghiệp cụ thể; bài không phải khuyến nghị.

Tín hiệu không phải kết luận

Khi CFO lệch xa lãi hoặc đổi dấu, đó là tín hiệu để xem các dòng cấu thành và thuyết minh, chưa phải bằng chứng về điều gì. Mỗi chênh lệch đều có nguyên nhân hợp lý khác: tăng trưởng, mùa vụ, tiền ứng trước theo hợp đồng, cách xếp lãi vay. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 13/10/2026.

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 (Quyết định 165/2002/QĐ-BTC), đoạn 04 đến 09, 12 đến 16, 22, 25, 29, 30: đọc từ bản đăng lại, hiệu lực cần đối chiếu.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026): Phụ lục IV mục D (lập mẫu B03-DN), đọc từ Công báo số 1581 + 1582 ngày 16/11/2025; Điều 18, 31.
- Thông tư 200/2014/TT-BTC (báo cáo năm 2025): mẫu B03-DN chưa mở từ văn bản gốc.
- CFA Institute, "Financial Reporting Quality", CFA Program Level I, giáo trình 2026: chỉ trang công khai.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Lãi có phải là tiền không?
- Ba báo cáo nối với nhau thế nào?

- Cầu nối từ lợi nhuận sau thuế đến dòng tiền
- Ba dòng tiền kinh doanh, đầu tư, tài chính
- Lãi vay đã trả, cổ tức nhận nằm ở dòng nào?

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

CFO là dòng cuối của phần hoạt động kinh doanh: tiền thu bán hàng trừ tiền trả nhà cung cấp, người lao động, lãi vay và thuế; mua sắm tài sản cố định, góp vốn, lãi và cổ tức nhận được nằm ở đầu tư, vay nợ và cổ tức nằm ở tài chính. Một vài dòng, nhất là lãi vay đã vốn hoá, tuỳ chuẩn mực và mẫu biểu. CFO dương hay âm chưa nói doanh nghiệp tốt hay xấu: đó là tín hiệu để xem các dòng cấu thành và thuyết minh, chưa phải kết luận.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/dong-tien-tu-hoat-dong-kinh-doanh-cfo-gom-nhung-gi-va-khong-gom-gi

Vì sao khấu hao, dự phòng, lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện và lãi đầu tư được cộng hoặc trừ khi đi từ lãi sang tiền?

Câu trả lời ngắn

Lợi nhuận ghi theo nguyên tắc dồn tích, còn dòng tiền kinh doanh chỉ đếm tiền thật vào và ra. Phương pháp gián tiếp đi từ lợi nhuận trước thuế sang tiền bằng cách xử lý hai loại khoản. Loại thứ nhất đã làm lãi thấp hoặc cao lên mà kỳ này không có tiền đi qua: khấu hao, dự phòng, chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện. Loại thứ hai có tiền thật nhưng thuộc hoạt động khác, như lãi thanh lý tài sản, lãi tiền gửi, cổ tức: tiền nằm ở dòng đầu tư. Chi phí không bằng tiền được cộng lại; lãi không bằng tiền hoặc lãi thuộc đầu tư bị trừ đi; khoản lỗ thì ngược lại.



Bốn nhóm điều chỉnh khi đi từ lợi nhuận trước thuế sang dòng tiền kinh doanh: khấu hao, dự phòng, tỷ giá chưa thực hiện, lãi lỗ đầu tư

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Vì sao phải điều chỉnh

Bài ba báo cáo nối với nhau đã vẽ mối nối này. Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 (VAS 24, đoạn 16) mô tả phương pháp gián tiếp: lấy lợi nhuận trước thuế rồi điều chỉnh cho khoản không bằng tiền như khấu hao và dự phòng, lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện, lãi, lỗ đầu tư, và thay đổi vốn lưu động. Thông tư 99/2025/TT-BTC (Phụ lục IV, mẫu B03-DN) nêu cùng nhóm, thêm chi phí đi vay. Bài CFO gồm và không gồm gì đã so hai phương pháp; bài này đi vào từng nhóm điều chỉnh.

Cách nhớ dấu bằng ba câu hỏi

1. **Khoản này đã trừ vào lãi mà chưa có tiền kinh doanh nào đi ra?** Cộng lại: khấu hao, trích lập dự phòng, lỗ tỷ giá đánh giá lại.
2. **Khoản này đã cộng vào lãi mà chưa có tiền kinh doanh nào đi vào?** Trừ đi: hoàn nhập dự phòng, lãi tỷ giá đánh giá lại.
3. **Tiền có thật nhưng thuộc đầu tư hay tài chính?** Lấy phần lãi ra khỏi lãi kinh doanh (lãi trừ, lỗ cộng) để tiền hiện ở đúng dòng.

Thông tư 99 hướng dẫn cùng dấu: trừ nếu có lãi, cộng nếu có lỗ; riêng dự phòng so số dư cuối kỳ với đầu kỳ. Ba câu hỏi là cách nhớ của Tâm An, không phải điều khoản.

Khấu hao: chi phí không có tiền ra trong kỳ

VAS 03 (đoạn 05, 29) định nghĩa khấu hao là sự phân bổ có hệ thống giá trị phải khấu hao của tài sản cố định hữu hình trong thời gian sử dụng hữu ích; số khấu hao mỗi kỳ vào chi phí của kỳ, trừ khi được tính vào giá trị tài sản khác, như tài sản tự xây dựng. Tiền mua tài sản đã ra một lần ở hoạt động đầu tư vào kỳ mua. Những kỳ sau, khấu hao làm lãi thấp đi nhưng không chi thêm đồng nào, nên được cộng lại. Khấu hao nằm trong hàng tồn kho chưa bán hoặc xây dựng cơ bản dở dang có hướng dẫn riêng; ví dụ dưới đây bỏ qua.

Dự phòng: số dư cuối kỳ so với đầu kỳ

Theo Thông tư 99 (Phụ lục II), dự phòng tổn thất tài sản gồm năm loại: giảm giá chứng khoán kinh doanh, tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, nợ phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho, tổn thất tài sản sinh học. Trích thêm thì tăng chi phí (hàng tồn kho vào giá vốn, phải thu khó đòi vào chi phí quản lý, hai loại đầu vào chi phí tài chính); hoàn nhập thì giảm đúng khoản đó, nên lãi tăng mà không có tiền vào.

Ở báo cáo lưu chuyển tiền tệ, dòng dự phòng lập từ chênh lệch số dư đầu và cuối kỳ của các khoản dự phòng tổn thất tài sản và dự phòng phải trả: cộng nếu số dư cuối kỳ lớn hơn, trừ nếu nhỏ hơn. Dòng thay đổi hàng tồn kho không gồm số dư dự phòng, để khỏi tính hai lần. Dự phòng tăng không phải mất tiền: tiền khách chưa trả đã nằm ở dòng phải thu tăng.

Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

VAS 10 (đoạn 10, 12) yêu cầu khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, như tiền gửi hoặc phải thu bằng ngoại tệ, được báo cáo theo tỷ giá cuối kỳ; chênh lệch khi đánh giá lại cuối năm vào thu nhập hoặc chi phí của năm, trừ vài trường hợp riêng. Thông tư 99 (tài khoản 413) ghi vào doanh thu tài chính nếu lãi, chi phí tài chính nếu lỗ, theo số thuần.

Số ngoại tệ không đổi, chỉ cách quy ra đồng thay đổi: lãi hay lỗ "trên giấy". VAS 24 gọi là chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện; Thông tư 99 gọi là chênh lệch do đánh giá lại. Lãi thì trừ, lỗ thì cộng. Với tiền ngoại tệ đang giữ, VAS 24 (đoạn 31) yêu cầu trình bày riêng ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá để số dư tiền khớp bảng cân đối: tiền cuối kỳ tăng vì quy đổi, nhưng phần đó không nằm ở dòng tiền kinh doanh.

Lãi, lỗ đầu tư và chi phí lãi vay

Theo Thông tư 99, dòng lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính gồm lãi, lỗ thanh lý tài sản cố định; lãi, lỗ bán hoặc thu hồi đầu tư tài chính (không gồm mua bán chứng khoán kinh doanh); lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia. Lãi thuần thì trừ, lỗ thuần thì cộng, vì tiền của chúng đã nằm ở dòng đầu tư (VAS 24 đoạn 10). Mua bán chứng khoán kinh doanh thuộc hoạt động kinh doanh (VAS 24 đoạn 09) nên lãi của nó không bị trừ.

Chi phí lãi vay ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh được cộng lại, rồi lãi vay thực trả trừ ở dòng riêng, như bài về CFO đã tả. Cách xếp lãi tiền gửi không kỳ hạn và lãi vay đã vốn hoá tuỳ chuẩn mực và mẫu biểu, cần đối chiếu.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

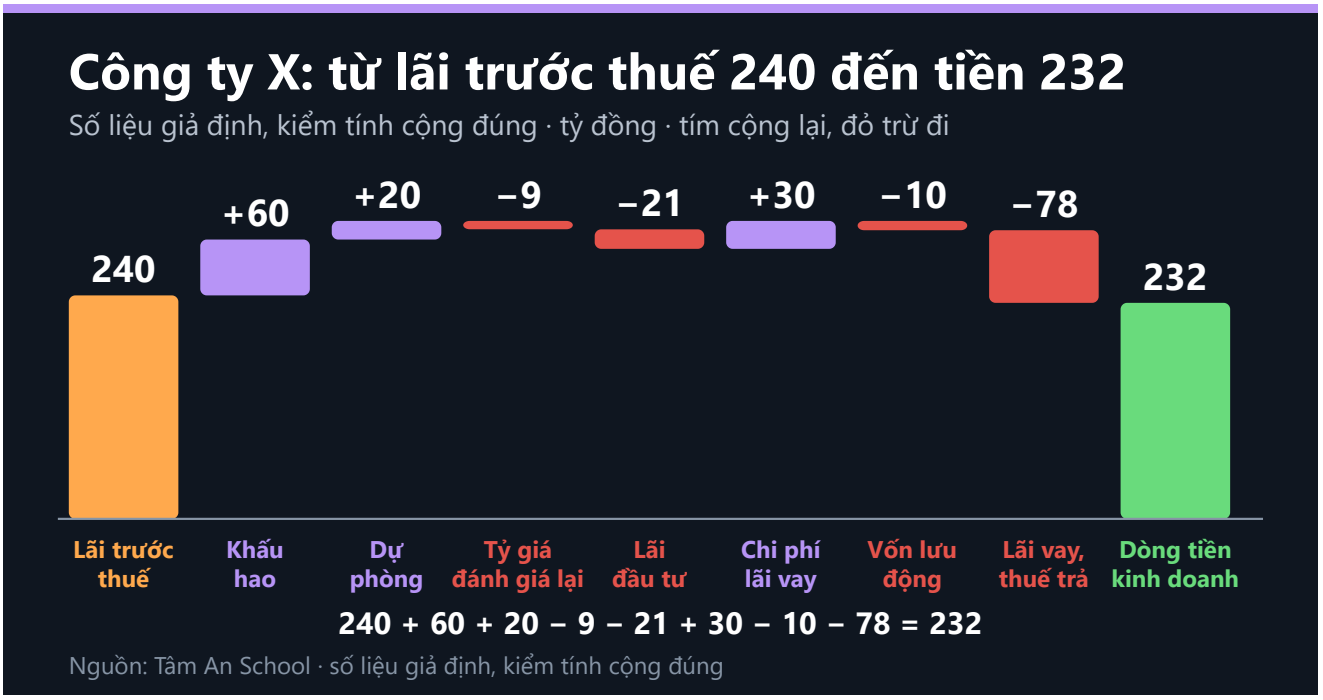
Công ty X giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Để gọn: thuế nộp bằng thuế ghi nhận, lãi vay trả hết trong năm, không xoá nợ, bỏ qua thuế giá trị gia tăng.

Năm N: doanh thu thuần 1.500; giá vốn 950 (gồm trích dự phòng hàng tồn kho 8); chi phí bán hàng và quản lý 310 (gồm khấu hao 60, trích dự phòng phải thu 12); doanh thu tài chính 25 (lãi tiền gửi có kỳ hạn 6, cổ tức 10, lãi tỷ giá chưa thực hiện 9 do đánh giá lại tiền gửi ngoại tệ); chi phí lãi vay 30; thu nhập khác 5 (lãi thanh lý tài sản cố định: thu 12, giá trị còn lại 7). Lợi nhuận trước thuế 240, thuế 48, sau thuế 192. Bảng cân đối: tiền đầu năm 100; phải thu gộp 200 lên 250; hàng tồn kho gộp 180 xuống 160; phải trả người bán 120 lên 140; dự phòng 30 lên 50. Công ty mua tài sản cố định 90, vay mới 80, trả gốc 50, trả cổ tức 60.

Cầu nối năm N	Số	Dấu
Lợi nhuận trước thuế	240	
Khấu hao	+60	cộng
Dự phòng (50 - 30)	+20	cộng
Lãi tỷ giá chưa thực hiện	-9	trừ
Lãi đầu tư (5 + 6 + 10)	-21	trừ
Chi phí lãi vay	+30	cộng
Trước thay đổi vốn lưu động	**320**	
Phải thu tăng, tồn kho giảm, phải trả tăng	-50, +20, +20	
Lãi vay đã trả, thuế đã nộp	-30, -48	
CFO	**232**	

Kiểm cộng. Cách trực tiếp: thu từ khách hàng 1.500 - 50 = 1.450; hàng mua vào 950 - 8 - 20 = 922, trừ phải trả tăng 20 thành 902 trả nhà cung cấp; chi phí quản lý bằng tiền 310 - 60 - 12 = 238; 1.450 - 902 - 238 - 30 - 48 = 232. Đầu tư -90 + 12 + 16 = -62, tài chính 80 - 50 - 60 = -30; tiền thuần 140, cộng ảnh

hưởng tỷ giá 9, tiền 100 lên 249. Bảng cân đối cân: 1.050 và 1.232.



Công ty X giả định: cầu nối từ lợi nhuận trước thuế 240 đến dòng tiền kinh doanh 232

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

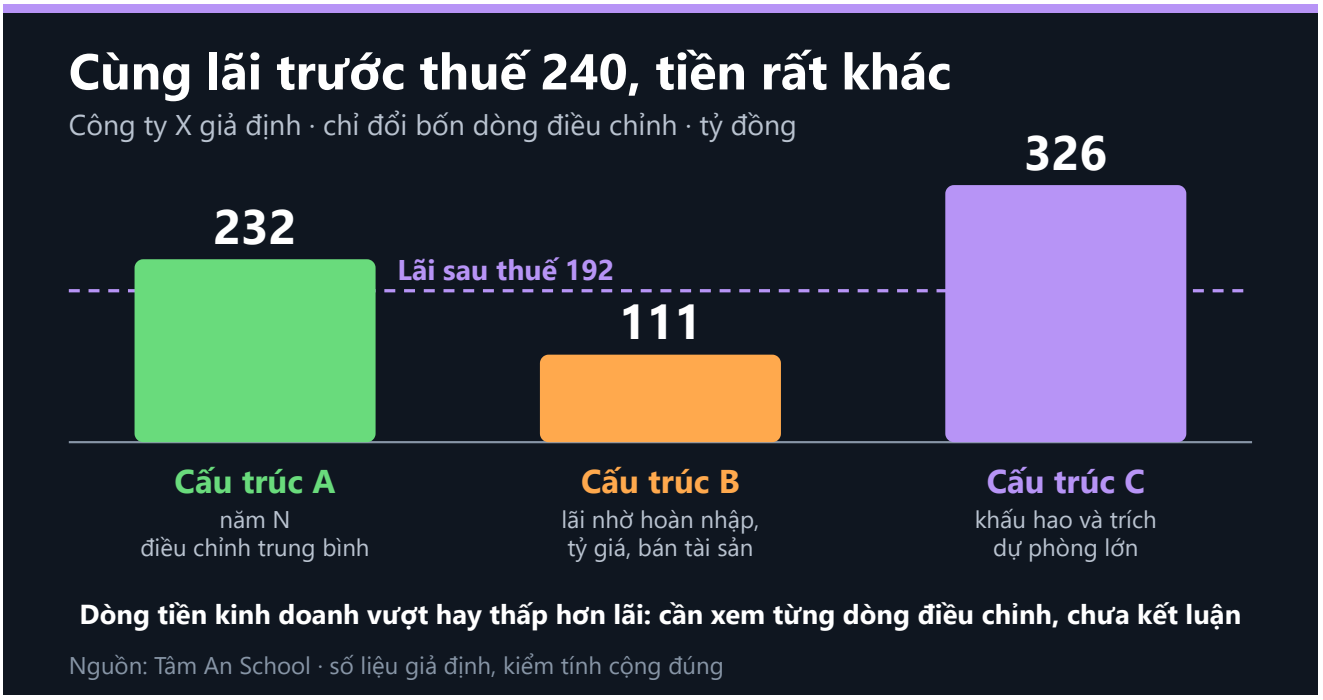
CFO 232 cao hơn lãi sau thuế 192: các điều chỉnh không bằng tiền và thuộc đầu tư cộng ròng 50, vốn lưu động trừ 10, lãi vay cộng rồi trừ lại bằng không.

Cùng một lãi, ba cấu trúc

Giữ lãi trước thuế 240, lãi sau thuế 192 và vốn lưu động, lãi vay, thuế như năm N (tổng -58); chỉ đổi bốn dòng điều chỉnh, mỗi cột là một công ty X giả định khác.

Dòng	A (năm N)	B	C
Khấu hao	+60	+40	+90
Dự phòng	+20	-25	+45
Tỷ giá chưa thực hiện	-9	-30	+15
Lãi, lỗ đầu tư	-21	-56	-6
Vốn lưu động, lãi vay, thuế	-58	-58	-58
CFO	**232**	**111**	**326**

Kiểm cộng: A 240 + 60 + 20 - 9 - 21 - 58 = 232; B 240 + 40 - 25 - 30 - 56 - 58 = 111; C 240 + 90 + 45 + 15 - 6 - 58 = 326. Ở B, lãi nhờ nhiều hoàn nhập dự phòng, lãi tỷ giá trên giấy và lãi bán tài sản; ở C, khấu hao và trích dự phòng lớn kéo lãi xuống nên CFO vượt xa lãi. Cả hai đều có thể do nguyên nhân hợp lý; bảng chỉ cho thấy dòng nào cần mở thuyết minh.



Công ty X giả định: ba cấu trúc cùng lãi trước thuế 240 nhưng dòng tiền kinh doanh là 232, 111 và 326

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Những hiểu lầm thường gặp

- **"Khấu hao là dòng tiền vào."** Không. Khấu hao không tạo ra đồng nào; nó được cộng lại vì lãi đã bị trừ một khoản không ra tiền. Tiền thật đã ra lúc mua tài sản.
- **"Dự phòng tăng là mất tiền, hoàn nhập là có tiền."** Cả hai chỉ là bút toán ước tính; ở B, hoàn nhập làm lãi tăng nhưng tiền không vào.
- **"Lãi tỷ giá là tiền."** Lãi đánh giá lại là phần quy đổi cuối kỳ, chưa thực hiện.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, phần kinh doanh gián tiếp:** so tên dòng, không so mã số, vì báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99 với mã số đánh lại.
2. **Báo cáo kết quả kinh doanh và bảng cân đối:** tìm khấu hao, trích dự phòng, doanh thu và chi phí tài chính; số dư dự phòng đầu và cuối kỳ cho phép tự kiểm dòng dự phòng.
3. **Thuyết minh và nhiều kỳ liền nhau:** chính sách khấu hao, mức dự phòng, tỷ giá áp dụng, nguồn lãi đầu tư; một kỳ lẻ có thể có khoản một lần.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để người đọc thấy dòng điều chỉnh nào lớn và tự quyết định có đào sâu hay không; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Bài nói về doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có mẫu riêng.
- VAS 03, 10, 24 đọc từ bản đăng lại, hiệu lực cần đối chiếu văn bản mới nhất. Khấu hao nằm trong hàng tồn kho, chênh lệch tỷ giá khi thanh toán của hoạt động kinh doanh, lãi tiền gửi không kỳ hạn, lãi vay đã vốn hoá còn tuỳ chuẩn mực và mẫu biểu, cần đối chiếu. Mẫu B03-DN của Thông tư 200 chưa mở từ văn bản gốc.
- Thời gian khấu hao và mức dự phòng là ước tính của doanh nghiệp.

Đừng nói quá

- Không viết "khấu hao làm tăng dòng tiền" hay "CFO cao hơn lãi là tốt, thấp hơn là xấu".
- Không dùng ví dụ giả định để suy ra một doanh nghiệp cụ thể; bài không phải khuyến nghị.

Tín hiệu không phải kết luận

Khi các dòng điều chỉnh lớn so với lợi nhuận hoặc đổi dấu giữa các kỳ, đó là tín hiệu để mở thuyết minh và so nhiều kỳ, chưa phải bằng chứng về điều gì. Ngành nặng tài sản, doanh nghiệp giữ hoặc vay ngoại tệ, kỳ có thanh lý tài sản: đều là nguyên nhân hợp lý. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- VAS 24 (Quyết định 165/2002/QĐ-BTC), đoạn 09, 10, 16, 31 và phụ lục mẫu; VAS 10 (cùng quyết định), đoạn 10, 12: đọc từ bản đăng lại, hiệu lực cần đối chiếu.
- VAS 03 (Quyết định 149/2001/QĐ-BTC), đoạn 05, 29: đọc từ bản sao văn bản.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026): Phụ lục IV hướng dẫn lập B03-DN phương pháp gián tiếp; Phụ lục II, tài khoản 229 và 413; đọc từ Công báo ngày 16/11/2025.
- Thông tư 200/2014/TT-BTC (báo cáo năm 2025): mẫu B03-DN chưa mở từ văn bản gốc.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Ba báo cáo nối với nhau thế nào?
- CFO gồm và không gồm những gì?
- Phải thu, tồn kho, phải trả làm dòng tiền tăng hay giảm
- Cầu nối từ lợi nhuận sau thuế đến dòng tiền kinh doanh
- Hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng như thế nào?

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Khi đi từ lãi sang tiền theo phương pháp gián tiếp, khoản chi phí không bằng tiền (khấu hao, trích dự phòng, lỗ tỷ giá chưa thực hiện) được cộng lại; khoản thu nhập không bằng tiền (hoàn nhập dự phòng, lãi tỷ giá chưa thực hiện) và lãi thuộc đầu tư bị trừ đi, vì tiền của lãi đầu tư nằm ở dòng đầu tư. Khấu hao không phải dòng tiền vào, dự phòng tăng không phải mất tiền, lãi tỷ giá chưa thực hiện không phải tiền thật. Dòng điều chỉnh lớn hoặc đổi dấu là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/vi-sao-khau-hao-du-phong-duoc-cong-lai-khi-di-tu-lai-sang-tien

Phải thu, tồn kho và phải trả thay đổi sẽ làm dòng tiền kinh doanh tăng hay giảm: cách nhớ dấu cộng trừ

Câu trả lời ngắn

Khi đi từ lãi sang tiền kinh doanh, các khoản vốn lưu động theo một quy tắc dấu ngắn gọn: **tài sản ngược, nợ xuôi**. Tài sản hoạt động tăng (phải thu, hàng tồn kho, chi phí trả trước) nghĩa là tiền nằm lại dưới dạng khác nên dòng điều chỉnh mang dấu trừ; tài sản giảm thì dấu cộng. Nợ hoạt động tăng (phải trả người bán, người mua trả tiền trước, chi phí phải trả) nghĩa là chưa phải chi hoặc đã nhận tiền trước nên dấu cộng; nợ giảm thì dấu trừ. Chỉ cần đặt hai bảng cân đối cạnh nhau, lấy số cuối kỳ trừ số đầu kỳ rồi áp quy tắc. Còn cộng lại làm dòng tiền tăng hay giảm so với lãi thì tuỳ từng doanh nghiệp, từng kỳ, và dấu một mình chưa nói tốt hay xấu.



Tài sản hoạt động tăng thì tiền giảm, nợ hoạt động tăng thì tiền tăng

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Cách nhớ: tài sản ngược, nợ xuôi

Quy tắc này là hệ quả của phương trình kế toán, không phải mẹo học thuộc. Tài sản bằng nợ phải trả cộng vốn chủ sở hữu (bài ba báo cáo nối với nhau đã vẽ phương trình này). Tách khoản tiền ra khỏi tài sản: tiền bằng nợ cộng vốn trừ các tài sản khác ngoài tiền. Nếu mọi thứ khác đứng yên, tiền đi cùng chiều với nợ và ngược chiều với tài sản khác. Đó là toàn bộ lý do của chữ "ngược" và chữ "xuôi".

Nói đời thường: tiền nằm lại trong phải thu hay trong kho là tiền không còn trong két; tiền nhà cung cấp cho chịu hay khách ứng trước là tiền còn ở lại trong két.

Khoản trên bảng cân đối	Tăng so với đầu kỳ	Giảm so với đầu kỳ
Tài sản hoạt động: phải thu, hàng tồn kho, chi phí trả trước	Trừ	Cộng
Nợ hoạt động: phải trả người bán, người mua trả tiền trước, chi phí phải trả	Cộng	Trừ

- **Phải thu tăng: trừ**, vì doanh thu đã vào lãi nhưng khách chưa trả. Giảm: cộng, vì thu được nợ cũ.
- **Hàng tồn kho tăng: trừ**, vì tiền đã ra mua hoặc làm hàng chưa bán. Giảm: cộng.
- **Chi phí trả trước tăng: trừ**, vì đã trả cho kỳ sau (thuê, bảo hiểm) mà chưa vào chi phí. Thông tư 99/2025/TT-BTC đổi tên khoản này thành "chi phí chờ phân bổ", nên ghép hai kỳ theo ý nghĩa của dòng.
- **Phải trả người bán tăng: cộng**, vì hàng đã nhận chưa trả tiền. Giảm: trừ, vì doanh nghiệp trả nợ.
- **Người mua trả tiền trước tăng: cộng**, vì tiền vào trước doanh thu, kèm nghĩa vụ giao hàng. Giảm: trừ, vì giao hàng mà không có tiền vào thêm.
- **Chi phí phải trả tăng: cộng**, vì chi phí đã tính vào lãi nhưng chưa chi tiền.

Khoản nào không đi theo quy tắc này

Không phải cứ có chữ "phải thu" hay "phải trả" trên bảng cân đối là vào dòng vốn lưu động:

- **Lãi vay phải trả, thuế phải nộp.** Cuối cầu nối đã có hai dòng riêng là lãi vay đã trả và thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp, nên hai khoản này thường được xử lý ở đó để không tính hai lần (cần đối chiếu mẫu).
- **Phải trả mua, xây dựng tài sản cố định.** Theo hướng dẫn của Thông tư 99, trả nợ nhà thầu xây dựng cơ bản là luồng tiền đầu tư. Vay và cổ tức phải trả thuộc tài chính. Bài về dòng tiền kinh doanh gồm những gì và không gồm những gì (tập 4 của chuỗi) đã liệt kê cách xếp này.
- **Dự phòng, tỷ giá, giao dịch không dùng tiền, thay đổi phạm vi hợp nhất** làm chênh lệch giữa hai bảng cân đối không còn trùng đúng số trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Bài vì sao khấu hao, dự phòng được cộng lại giải thích riêng các dòng này.

Vì vậy phép tính tay giúp hiểu dấu và độ lớn, chứ không thay số công bố; khi lệch nhiều, xem thuyết minh.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

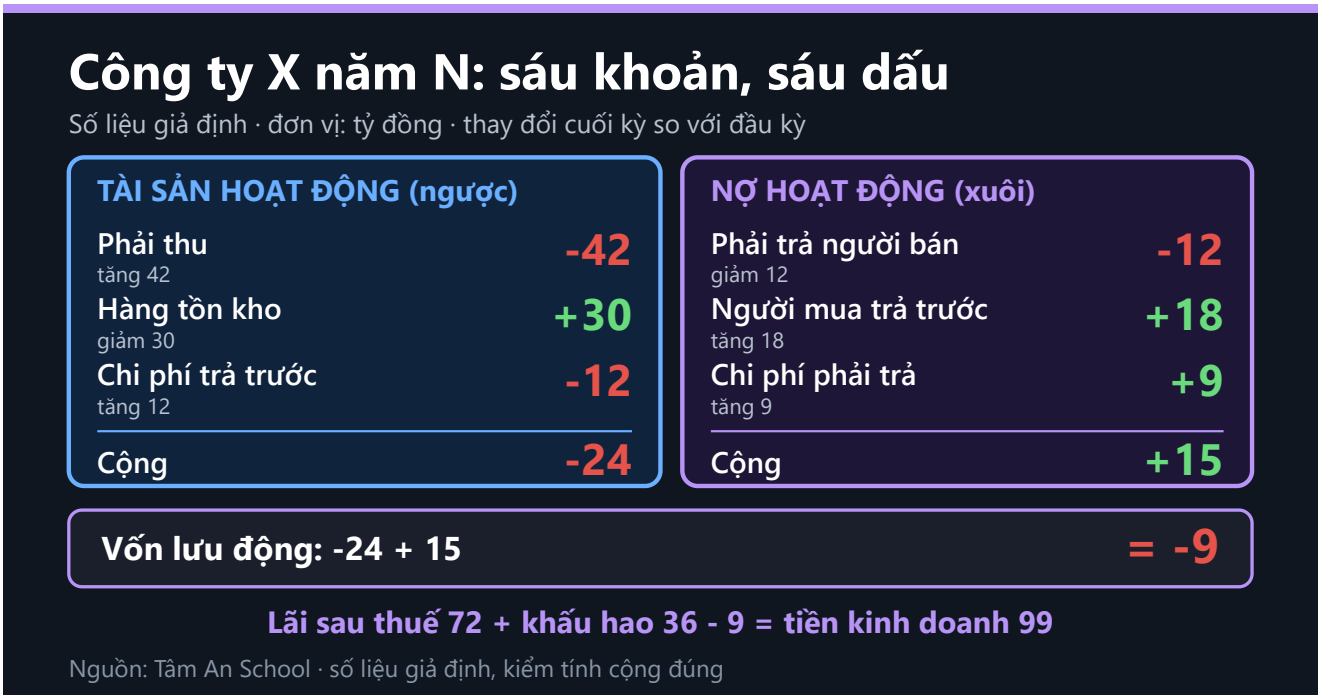
Công ty X giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Để gọn: lãi vay và chi phí tài chính ròng bằng không, thuế đã nộp bằng thuế ghi nhận, bỏ qua thuế giá trị gia tăng. Năm N công ty có lợi nhuận sau thuế 72, khấu hao 36, mua tài sản cố định 60, trả cổ tức 30, tiền đầu năm 50.

Bảng cân đối của công ty X	Đầu năm N	Cuối năm N
Tiền	50	59
Phải thu	210	252
Hàng tồn kho	180	150
Chi phí trả trước	24	36
Tài sản cố định ròng	278	302
Tổng tài sản	**742**	**799**
Phải trả người bán	130	118
Người mua trả tiền trước	40	58
Chi phí phải trả	22	31
Vay	150	150
Vốn góp	300	300
Lợi nhuận chưa phân phối	100	142
Tổng nguồn vốn	**742**	**799**

Áp quy tắc cho sáu khoản vốn lưu động:

Khoản	Thay đổi	Quy tắc	Dòng điều chỉnh
Phải thu	tăng 42	tài sản tăng: trừ	-42
Hàng tồn kho	giảm 30	tài sản giảm: cộng	+30
Chi phí trả trước	tăng 12	tài sản tăng: trừ	-12
Phải trả người bán	giảm 12	nợ giảm: trừ	-12
Người mua trả tiền trước	tăng 18	nợ tăng: cộng	+18
Chi phí phải trả	tăng 9	nợ tăng: cộng	+9
Cộng sáu dòng			**-9**

Tài sản hoạt động góp -42 + 30 - 12 = -24; nợ hoạt động góp -12 + 18 + 9 = +15; tổng -9.



Công ty X năm N: sáu khoản vốn lưu động, mỗi khoản một dấu, cộng lại là -9

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Từ lãi sang tiền: 72 + 36 (khấu hao) - 9 (vốn lưu động) = 99. Dòng tiền kinh doanh 99 cao hơn lãi 72 là 27, chủ yếu vì khấu hao 36 không phải tiền chi; vốn lưu động góp ròng -9 vì phải thu và chi phí trả trước tăng lấy đi tiền, còn kho giảm và hai khoản nợ tăng bù lại một phần. Mua tài sản cố định -60 và cổ tức -30 đưa tiền từ 50 lên 59, đúng với bảng cân đối.

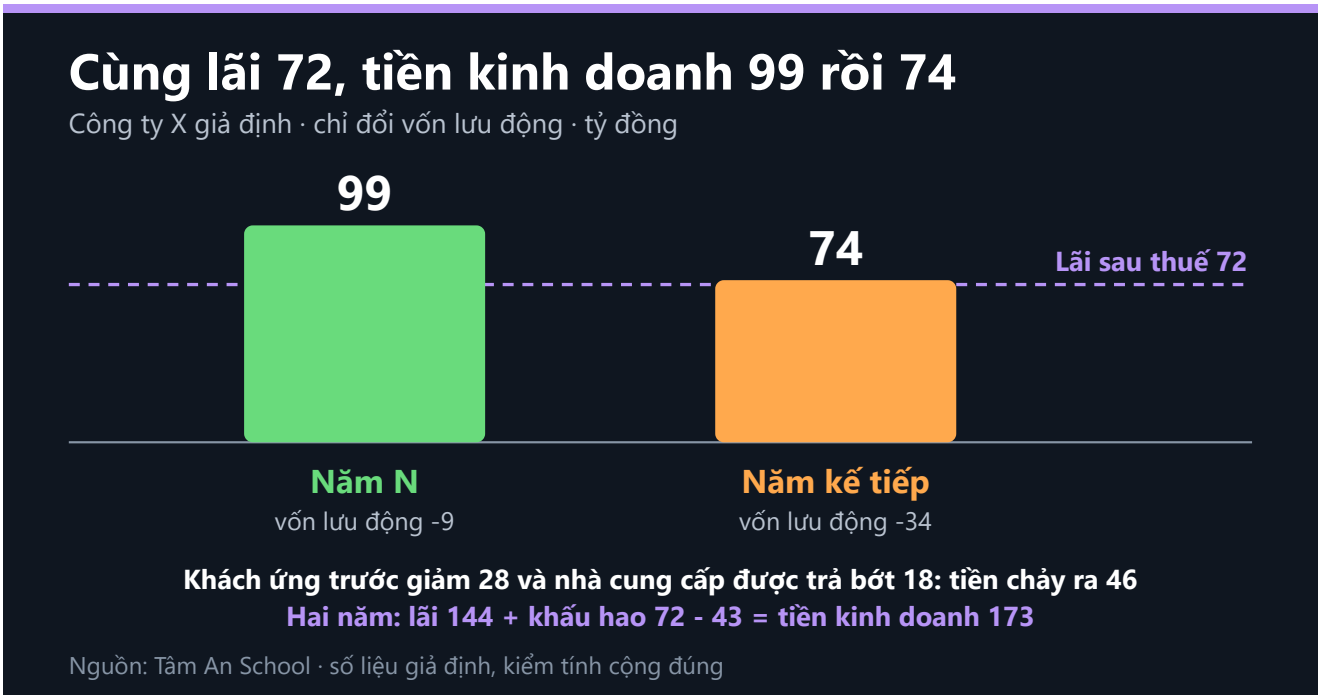
Hai phép kiểm chéo cùng khớp. Bảng cân đối cân ở cả hai ngày (742 và 799), lợi nhuận chưa phân phối 100 + 72 - 30 = 142. Từ phương trình: nợ tăng 15, vốn chủ tăng 42, tài sản khác tiền tăng 48 (42 - 30 + 12 + 24), nên tiền tăng 15 + 42 - 48 = 9, đúng bằng 99 - 60 - 30.

Năm kế tiếp: khi các khoản tạm thời quay lại

Giữ lãi 72 và khấu hao 36, chỉ đổi vốn lưu động (giả định): phải thu giảm từ 252 xuống 240, phải trả người bán giảm từ 118 xuống 100, người mua trả tiền trước giảm từ 58 xuống 30 vì giao hàng; các khoản còn lại không đổi.

Dòng điều chỉnh	Năm N	Năm kế tiếp
Phải thu	-42	+12
Hàng tồn kho	+30	0
Chi phí trả trước	-12	0
Phải trả người bán	-12	-18
Người mua trả tiền trước	+18	-28
Chi phí phải trả	+9	0
Vốn lưu động	**-9**	**-34**
Dòng tiền kinh doanh (72 + 36 + vốn lưu động)	**99**	**74**

Cùng lãi 72, dòng tiền kinh doanh từ 99 xuống 74. Tiền khách ứng trước được dùng hết khi giao hàng (giảm 28), nhà cung cấp được trả bớt thêm 18: 28 + 18 = 46 chảy ra, trong khi phải thu giảm chỉ đưa vào 12. Cộng hai năm: lãi 144 và khấu hao 72 cho 216, vốn lưu động -43, dòng tiền kinh doanh 173.



Công ty X giả định: cùng lãi sau thuế 72 nhưng dòng tiền kinh doanh là 99 rồi 74

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Cách hiểu của Tâm An, không phải điều khoản: dòng điều chỉnh dương lớn ở khoản nợ thường đảo chiều khi doanh nghiệp giao hàng hoặc trả nợ. Theo phần công khai của "Financial Reporting Quality" (CFA Institute), dòng tiền kinh doanh có thể bị tác động bởi cách quản lý khoản phải trả hay cách phân loại luồng tiền. Ngược lại, dấu trừ lớn ở phải thu hay tồn kho có thể là năm mở rộng. Cả hai chiều cần nhìn nhiều kỳ.

Dấu to thì cần hỏi thêm gì

- **Phải thu.** Giả sử doanh thu thuần của công ty X tăng 8% (từ 1.000 lên 1.080, con số giả định nằm ngoài các bảng trên) còn phải thu tăng 20% (210 lên 252). Phải thu tăng nhanh hơn doanh thu là điều nên hỏi thêm, chưa phải kết luận: khách lớn có thể trả theo mốc hợp đồng, cũng có thể thu nợ chậm lại. Bài số ngày thu tiền bình quân đổi tỷ lệ này thành số ngày.
- **Hàng tồn kho.** Tăng có thể là chuẩn bị mùa bán hoặc hàng khó bán. Giảm có thể do bán tốt.
- **Phải trả người bán, người mua trả trước.** Giữ tiền ở lại tạm thời, nhưng tiền ứng trước kèm nghĩa vụ giao hàng và nợ nhà cung cấp rồi cũng phải trả. Bài chu kỳ chuyển đổi tiền gộp thời gian thu, giữ hàng và trả vào một con số.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Phạm vi, kỳ, mẫu:** hợp nhất hay riêng lẻ, quý hay lũy kế. Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính bắt đầu từ 01/01/2026 theo Thông tư 99 với mã số chỉ tiêu đánh lại, nên ghép theo tên dòng, không theo mã số.
2. **Lập bảng hai kỳ** cho sáu khoản vốn lưu động từ bảng cân đối; tính cuối kỳ trừ đầu kỳ.
3. **Áp quy tắc** "tài sản ngược, nợ xuôi", rồi so với các dòng thay đổi vốn lưu động trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Lệch nhiều thì xem thuyết minh về dự phòng, ngoại tệ, giao dịch không dùng tiền.
4. **Nhìn tổng ròng và dòng lớn nhất**, đặt cạnh doanh thu và giá vốn.
5. **Nhìn nhiều kỳ**, vì mùa vụ làm một kỳ lẻ nhiễu. Xem cầu nối từ lợi nhuận sau thuế đến dòng tiền kinh doanh, nơi các dòng này nằm cạnh khấu hao, lãi vay và thuế.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để người đọc tự quyết định có đào sâu thuyết minh hay không; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Cách xếp trong bài là cho doanh nghiệp phi tài chính, theo hướng dẫn mẫu B03-DN của Thông tư 99 và chuẩn mực số 24 (đọc từ bản đăng lại, hiệu lực cần đối chiếu văn bản mới nhất). Ngân hàng, tổ chức tín dụng, bảo hiểm có cách xếp riêng.
- Mẫu B03-DN của Thông tư 200 chưa mở từ văn bản gốc; tên và thứ tự dòng của báo cáo 2025 cần đối chiếu báo cáo thực tế.
- Doanh nghiệp được bổ sung chỉ tiêu (Thông tư 99, Điều 18), nên báo cáo thật có thể chia khác bài.

Đừng nói quá

- Không viết "phải thu tăng là lãi giả" hay "phải trả tăng là dòng tiền tốt"; mỗi dấu có nguyên nhân kinh doanh hợp lý.
- Không viết "dòng điều chỉnh dương là tốt, âm là xấu": dấu chỉ cho biết tiền nằm lại hay ở lại, không đánh giá chất lượng.
- Không dùng ví dụ công ty X để suy ra một doanh nghiệp cụ thể; bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Khi một dòng vốn lưu động lớn bất thường, hay khi dòng tiền kinh doanh lệch xa lãi vì các dòng này, đó là tín hiệu để xem thuyết minh và nhiều kỳ, chưa phải bằng chứng về điều gì. Tăng trưởng, mùa vụ, điều khoản thanh toán theo hợp đồng và tiền ứng trước đều là nguyên nhân hợp lý khác. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi. Bài chất lượng lợi nhuận nói rõ vì sao lãi và tiền cần đọc cùng nhau.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 (Quyết định 165/2002/QĐ-BTC), đoạn 08, 16: đọc từ bản đăng lại, hiệu lực cần đối chiếu.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026): Phụ lục IV mục D (lập mẫu B03-DN), đọc từ Công báo số 1581 + 1582 ngày 16/11/2025; Phụ lục II (tên gọi chi phí chờ phân bổ); Điều 18, 31.
- Thông tư 200/2014/TT-BTC (báo cáo năm 2025): mẫu B03-DN chưa mở từ văn bản gốc.
- CFA Institute, "Financial Reporting Quality", CFA Program Level I, giáo trình 2026: chỉ trang công khai.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Ba báo cáo nối với nhau thế nào?
- Khấu hao, dự phòng được cộng lại vì sao?
- Cầu nối từ lợi nhuận sau thuế đến dòng tiền
- Số ngày thu tiền bình quân (DSO)
- Chu kỳ chuyển đổi tiền (CCC)

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Khi đi từ lãi sang tiền kinh doanh, nhớ "tài sản ngược, nợ xuôi": phải thu, hàng tồn kho, chi phí trả trước tăng thì trừ, giảm thì cộng; phải trả người bán, người mua trả tiền trước, chi phí phải trả tăng thì cộng, giảm thì trừ. Quy tắc suy ra từ phương trình kế toán và đọc được trên bảng cân đối hai kỳ, nhưng lãi vay phải trả, thuế phải nộp, phải trả mua tài sản cố định, dự phòng và tỷ giá đi theo dòng riêng. Dấu lớn chỉ là tín hiệu để xem thuyết minh và nhiều kỳ, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

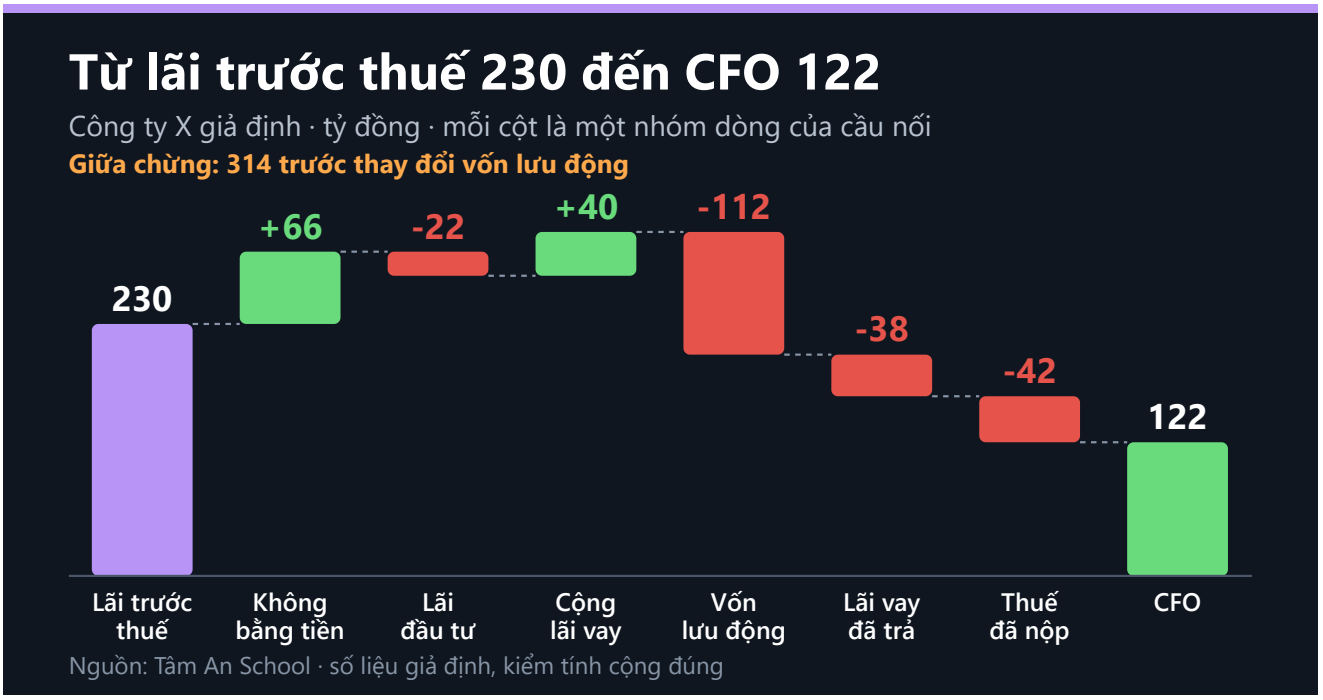
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/phai-thu-ton-kho-phai-tra-thay-doi-lam-dong-tien-kinh-doanh-tang-hay-giam

Cầu nối từ lợi nhuận sau thuế đến dòng tiền kinh doanh: đọc từng dòng như thế nào (ví dụ minh hoạ)?

Câu trả lời ngắn

Cầu nối từ lợi nhuận sau thuế đến dòng tiền kinh doanh (CFO) là phần phương pháp gián tiếp của báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Nó đi qua năm chặng: xuất phát từ lợi nhuận trước thuế; cộng chi phí không bằng tiền, trừ lãi không bằng tiền; bóc khỏi lãi những khoản mà tiền thuộc đầu tư hoặc tài chính; điều chỉnh vốn lưu động, đọc từ hai ngày của bảng cân đối kế toán; cuối cùng trừ lãi vay và thuế thực trả. Quy tắc dấu chung: tài sản vốn lưu động tăng thì trừ, khoản phải trả tăng thì cộng. Trong ví dụ giả định của bài, lãi sau thuế 184 đi qua từng dòng ra CFO 122, khớp với cách tính trực tiếp.



Công ty X giả định: cầu nối từ lợi nhuận trước thuế 230 đến CFO 122 qua từng nhóm dòng

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định, không phải số liệu thật.

Vì sao cầu nối bắt đầu từ lợi nhuận trước thuế

Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 (VAS 24, đoạn 16) cho phép trình bày dòng tiền kinh doanh theo phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp, cùng một con số, như bài CFO gồm những gì và không gồm những gì đã minh hoạ. Bài này ghép đầy đủ cách gián tiếp. Hướng dẫn mẫu B03-DN của Thông tư 99/2025/TT-BTC đi từ lợi nhuận trước thuế, vì thuế được xử lý ở cuối bằng số thực nộp. Muốn xuất phát từ lợi nhuận sau thuế, phải cộng lại thuế ghi nhận trước; quên bước này là cách dễ tính thuế hai lần.

Chặng 2: các khoản không bằng tiền

- **Khấu hao** là chi phí ghi vào kết quả kinh doanh nhưng tiền đã chi từ lúc mua tài sản, ở dòng đầu tư: cộng lại. Lý do chi tiết có ở bài khấu hao, dự phòng được cộng lại.
- **Dự phòng**, chẳng hạn cho phải thu khó đòi, là chi phí chưa có tiền ra: cộng lại; hoàn nhập dự phòng làm lãi tăng mà không có tiền vào: trừ đi.
- **Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện** khi đánh giá lại số dư gốc ngoại tệ: lãi bị trừ, lỗ được cộng, vì chưa có tiền vào hay ra.

Để không tính hai lần: đã cộng dự phòng phải thu ở đây thì ở chặng 4 dùng số phải thu trước dự phòng (dự phòng nằm ở dòng riêng của bảng cân đối).

Chặng 3: bóc khoản mà tiền thuộc đầu tư và tài chính

- **Lãi tiền gửi, cổ tức nhận được, lãi thanh lý tài sản** nằm trong lãi trước thuế nhưng tiền thuộc dòng đầu tư, nên bị trừ ở dòng kinh doanh (Thông tư 99 gọi chung là lãi từ hoạt động đầu tư). Lãi thanh lý là tiền thu trừ giá trị còn lại; lỗ thanh lý ngược lại được cộng.
- **Chi phí đi vay (lãi vay)** được cộng lại rồi ở chặng 5 trừ bằng số tiền đã trả; nghe thừa nhưng hai số có thể lệch nhau.

Chỗ cần đối chiếu: lãi vay đã vốn hoá vào tài sản dở dang có thể được xếp vào đầu tư theo hướng dẫn của Thông tư 99, và lãi tiền gửi không kỳ hạn không phải lúc nào cũng nằm ở dòng này; hãy đọc chính sách kế toán.

Chặng 4: vốn lưu động, đọc từ hai ngày của bảng cân đối

Mỗi dòng là số dư cuối kỳ trừ số dư đầu kỳ của một khoản trên bảng cân đối, rồi đặt dấu theo câu hỏi: tiền bị giữ lại hay được giữ lại?

- **Tài sản tăng thì trừ.** Phải thu tăng: bán chịu, tiền chưa về. Tồn kho tăng: tiền nằm trong hàng. Chi phí trả trước tăng (Thông tư 99 gọi là chi phí chờ phân bổ): đã chi trước cho kỳ sau.
- **Khoản phải trả tăng thì cộng.** Phải trả người bán tăng: nhận hàng chưa trả tiền. Tiền người mua trả trước tăng: tiền vào trước doanh thu. Giảm thì ngược lại.

Cách nhớ dấu được giải kỹ ở bài phải thu, tồn kho, phải trả thay đổi. Khi ghép cầu nối cần nhớ thêm: chênh lệch số dư thô chưa chắc bằng đúng dòng trên báo cáo, vì tỷ giá, phạm vi hợp nhất, nợ xoá sổ và giao dịch không bằng tiền (VAS 24, đoạn 29 và 30) cũng làm số dư đổi; phải trả mua tài sản cố định thuộc đầu tư; lãi vay phải trả và thuế phải nộp được tách khỏi dòng phải trả để xử lý ở chặng 5, như ví dụ dưới đây. Với báo cáo thật hãy đọc chú thích từng dòng.

Chặng 5: lãi vay và thuế thực trả

Số đã trả bằng số ghi nhận trong kỳ trừ phần tăng của khoản phải trả tương ứng, vì phần tăng là phần chưa trả. Theo VAS 24 (đoạn 22 và 25), với doanh nghiệp phi tài chính, lãi vay đã trả và thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp thuộc hoạt động kinh doanh, trừ trường hợp thuế được xác định là đầu tư. Ngân

hàng, tổ chức tín dụng, bảo hiểm có cách xếp riêng.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Công ty X giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Để gọn: không có thuế hoãn lại, thuế giá trị gia tăng, lãi vay vốn hoá hay giao dịch không bằng tiền.

Năm N, kết quả kinh doanh: doanh thu thuần 1.500, giá vốn 1.020, chi phí bán hàng và quản lý 238 (gồm khấu hao 60, dự phòng phải thu 12), doanh thu tài chính 20 (lãi tiền gửi và cổ tức 14, lãi tỷ giá chưa thực hiện 6), chi phí lãi vay 40, lãi thanh lý tài sản cố định 8; lợi nhuận trước thuế 230, thuế 46, lợi nhuận sau thuế 184. Bảng cân đối, đầu kỳ lên cuối kỳ: phải thu 300 lên 370, dự phòng phải thu 20 lên 32, tồn kho 150 lên 190, chi phí trả trước 20 lên 32, phải trả người bán 90 lên 115, người mua trả trước 45 xuống 30, thuế phải nộp 12 lên 16, lãi vay phải trả 6 lên 8. Công ty mua tài sản cố định 120, thanh lý một tài sản thu 20 (giá trị còn lại 12), vay 90, trả gốc 50, trả cổ tức 60; tiền đầu kỳ 100.

Dòng của cầu nối	Số	Nhìn ở đâu	Dấu, vì sao
Lợi nhuận trước thuế	230	Kết quả kinh doanh	Xuất phát (sau thuế 184 + thuế 46)
Khấu hao	+60	Thuyết minh tài sản cố định	Chi phí không bằng tiền
Dự phòng phải thu	+12	Thuyết minh dự phòng	Chi phí chưa có tiền ra
Lãi tỷ giá chưa thực hiện	-6	Thuyết minh tỷ giá	Lãi chưa có tiền vào
Lãi đầu tư (14 + 8)	-22	Doanh thu tài chính, thu nhập khác	Tiền ở dòng đầu tư
Chi phí lãi vay	+40	Chi phí tài chính	Cộng lại, trừ bằng số đã trả
Trước thay đổi vốn lưu động	**314**		230 + 60 + 12 - 6 - 22 + 40
Phải thu	-70	Bảng cân đối: 300 lên 370	Bán chịu, tiền chưa về
Tồn kho	-40	150 lên 190	Tiền nằm trong hàng
Chi phí trả trước	-12	20 lên 32	Đã chi trước
Phải trả người bán	+25	90 lên 115	Chưa trả tiền
Người mua trả trước	-15	45 xuống 30	Tiền đã nhận từ kỳ trước
Lãi vay đã trả	-38	40 trừ tăng 2	Tiền thực chi
Thuế đã nộp	-42	46 trừ tăng 4	Tiền thực nộp
CFO	**122**		314 - 112 - 38 - 42

Nhìn theo năm nhóm từ lãi sau thuế: 184, cộng khoản không bằng tiền 66, trừ lãi đầu tư 22, cộng chênh lệch lãi vay 2 (40 trừ 38), trừ vốn lưu động 112, cộng chênh lệch thuế 4 (46 trừ 42), bằng 122. CFO thấp hơn lãi sau thuế 62 chủ yếu vì phải thu và tồn kho tăng. Tỷ lệ CFO trên lãi sau thuế khoảng 0,66; cách đọc tỷ lệ này, kể cả khi thấp hơn 1 vẫn bình thường, có ở bài tỷ lệ CFO trên lợi nhuận sau thuế.

Từ số dư hai ngày sang dòng cầu nối

Công ty X giả định · tỷ đồng · bảng cân đối đầu kỳ và cuối kỳ

Khoản	Số dư đầu → cuối	Tính	Dòng cầu nối
Phải thu	300 → 370	tăng 70	-70
Tồn kho	150 → 190	tăng 40	-40
Chi phí trả trước	20 → 32	tăng 12	-12
Phải trả người bán	90 → 115	tăng 25	+25
Người mua trả trước	45 → 30	giảm 15	-15
Lãi vay (ghi nhận 40)	phải trả 6 → 8	40 - 2 = đã trả	-38
Thuế (ghi nhận 46)	phải nộp 12 → 16	46 - 4 = đã nộp	-42

Xanh dương: đọc từ bảng cân đối · tím: đọc từ thuyết minh vay và thuế
Nguồn: Tâm An School · số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng

Công ty X giả định: từ số dư hai ngày của bảng cân đối sang các dòng vốn lưu động, lãi vay và thuế đã trả

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Mẹo kiểm tra tổng khớp

Bốn phép thử, cách làm của Tâm An chứ không phải điều khoản.

1. **Mỗi dòng vốn lưu động khớp chênh lệch hai ngày.** Nếu khác, tìm lý do ở tỷ giá, nợ xoá sổ, phạm vi hợp nhất.
2. **Đối chiếu cách trực tiếp.** Thu từ khách hàng ước 1.500 - 70 - 15 = 1.415; trả nhà cung cấp 1.020 + 40 - 25 = 1.035; chi phí bằng tiền khác 238 - 60 - 12 + 12 = 178 (12 cuối là chi phí trả trước tăng). Trừ lãi vay 38 và thuế 42 ra 122, đúng bằng cầu nối. Với báo cáo thật phép này chỉ gần đúng.
3. **Ba dòng tiền khớp số dư tiền.** CFO 122, đầu tư -86 (mua 120, thu thanh lý 20, lãi và cổ tức 14), tài chính -20 (vay 90, trả gốc 50, cổ tức 60): tiền tăng 16, từ 100 lên 116; bảng cân đối cân ở 1.250 và 1.424. Bài ba dòng tiền đọc cả ba cùng nhau.
4. **Truy dòng lệch.** Nếu tổng tự tính lệch CFO báo cáo một số D: D bằng hai lần một dòng thì nhiều khả năng dòng đó sai dấu; D bằng đúng một dòng thì nhiều khả năng bị bỏ sót. Cộng nhầm phải thu 70 ra 262, lệch 140; quên cộng lại lãi vay 40 ra 82, lệch 40.



Công ty X giả định: phép thử cầu nối có khớp không, và cách truy dòng sai dấu

Nếu vẫn lệch ở báo cáo thật, phần dư chưa chắc là bất thường: một số báo cáo gộp lãi vay hoặc thuế vào dòng khác.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Phạm vi, kỳ, mẫu:** hợp nhất hay riêng lẻ, quý hay luỹ kế, Thông tư 200 hay 99; mã số đánh lại từ năm tài chính 2026 nên chỉ ghép theo tên dòng.
2. **Dòng đầu và dòng tổng giữa:** khoản không bằng tiền lớn hay nhỏ so với lãi.
3. **Nhóm vốn lưu động:** tìm dòng lớn nhất, mở hai ngày bảng cân đối.
4. **Hai dòng cuối:** lãi vay đã trả, thuế đã nộp so với số ghi nhận.
5. **CFO so với lãi sau thuế**, cùng đầu tư, tài chính, nhiều kỳ.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để người đọc tự quyết định có đào sâu thuyết minh hay không; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Cách xếp là của doanh nghiệp phi tài chính theo VAS 24 (đọc từ bản đăng lại, hiệu lực cần đối chiếu) và hướng dẫn mẫu B03-DN của Thông tư 99. Mẫu của Thông tư 200, áp dụng cho báo cáo năm 2025, chỉ được đọc qua bản đăng lại; hãy đối chiếu tên dòng thực tế.
- Doanh nghiệp được bổ sung chỉ tiêu (Thông tư 99, Điều 18), nên báo cáo thật có thể khác bài.
- Dồn tích theo Sloan (1996, mẫu Mỹ) tính từ bảng cân đối, không trùng hẳn với lãi sau thuế trừ CFO; bài không mượn kết luận đó cho thị trường Việt Nam.

Đừng nói quá

- Không viết "CFO thấp hơn lãi nghĩa là lãi không thật": cầu nối chỉ chỉ ra nguồn gốc chênh lệch.
- Không viết "khấu hao là nguồn tiền": khấu hao chỉ là chi phí không bằng tiền.
- Không coi tiêu chí so CFO với lợi nhuận trong khung chín tiêu chí của Piotroski (2000) là ngưỡng kết luận: đó là sàng lọc trên mẫu nghiên cứu.

Tín hiệu không phải kết luận

Khi cầu nối cho thấy phần lớn chênh lệch nằm ở một dòng, ví dụ phải thu tăng nhanh hơn doanh thu, đó là tín hiệu để mở thuyết minh và so các kỳ, chưa phải bằng chứng về điều gì. Mỗi chênh lệch đều có nguyên nhân hợp lý khác: tăng trưởng bằng bán chịu, tích hàng trước mùa bán, tiền ứng trước theo hợp đồng, cách xếp lãi vay hay thuế. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 (Quyết định 165/2002/QĐ-BTC), đoạn 04 đến 08, 16, 22 đến 25, 29, 30: bản đăng lại, hiệu lực cần đối chiếu.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026): Phụ lục IV mục D (mẫu B03-DN, phương pháp gián tiếp, phân loại luồng tiền), đọc từ Công báo số 1581 + 1582 ngày 16/11/2025; Điều 17, 18, 31.
- Thông tư 200/2014/TT-BTC (báo cáo năm 2025): mẫu B03-DN gián tiếp, đọc qua bản đăng lại của mẫu, chưa mở văn bản gốc.
- Sloan (1996), The Accounting Review 71(3), tr. 289-315; Piotroski (2000), Journal of Accounting Research 38 (Supplement): chỉ diễn giải khái niệm.
- CFA Institute, "Analyzing Statements of Cash Flows I và II", "Financial Reporting Quality", CFA Program Level I, giáo trình 2026: chỉ trang công khai.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- CFO gồm những gì và không gồm những gì?
- Vì sao khấu hao, dự phòng được cộng lại?
- Phải thu, tồn kho, phải trả: cách nhớ dấu
- Tỷ lệ CFO trên lợi nhuận sau thuế
- Ba dòng tiền kinh doanh, đầu tư, tài chính

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Cầu nối từ lợi nhuận đến CFO là một bảng kế toán sắp lại cùng một lượng tiền: bắt đầu từ lợi nhuận trước thuế, cộng hoặc trừ khoản không bằng tiền, bóc khoản thuộc đầu tư và tài chính, điều chỉnh vốn lưu động từ hai ngày của bảng cân đối, rồi trừ lãi vay và thuế thực trả. Tổng phải khớp với cách tính trực tiếp và với

thay đổi số dư tiền. Dòng lệch nhiều nhất là tín hiệu để mở thuyết minh và so các kỳ, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/cau-noi-tu-loi-nhuan-sau-thue-den-dong-tien-kinh-doanh

Tỷ lệ dòng tiền kinh doanh trên lợi nhuận sau thuế (CFO/LNST) là gì, đọc thế nào, và khi nào thấp hơn 1 vẫn bình thường?

Câu trả lời ngắn

Tỷ lệ CFO/LNST lấy lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (CFO) chia cho lợi nhuận sau thuế (LNST) cùng kỳ. Nó trả lời một câu hẹp: mỗi đồng lãi kế toán đã kèm bao nhiêu đồng tiền thu về từ hoạt động chính. Khi lãi sau thuế dương, tỷ lệ lớn hơn 1 nghĩa là tiền nhiều hơn lãi, quanh 1 là tiền đi cùng lãi, nhỏ hơn 1 là một phần lãi chưa thành tiền hoặc đang nằm trong phải thu và hàng tồn kho. Không có ngưỡng thần kỳ nào; mọi mốc chỉ là quy ước tham khảo. Một năm thường nhiễu nên cần nhìn nhiều năm. Thấp hơn 1 vẫn bình thường khi doanh nghiệp tăng trưởng, có mùa vụ, bán chịu theo kế hoạch hoặc thuộc ngành vốn lưu động lớn.



Ba vùng đọc tỷ lệ CFO chia LNST: lớn hơn 1, quanh 1 và nhỏ hơn 1, kèm nguyên nhân thường gặp

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Công thức và cách tính

Tỷ lệ = CFO ÷ LNST, cùng một kỳ, cùng phạm vi (hợp nhất hay riêng lẻ). Tử số là dòng cuối phần hoạt động kinh doanh của báo cáo lưu chuyển tiền tệ, đã giải ở bài CFO gồm và không gồm những gì. Mẫu số là lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kết quả kinh doanh.

- **Cùng đã trừ lãi vay và thuế.** Với doanh nghiệp phi tài chính, VAS 24 (đoạn 22, 25) xếp lãi vay đã trả và thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp vào hoạt động kinh doanh, nên CFO đã trừ hai khoản này như lãi sau thuế. Phần lãi vay đã vốn hoá có thể nằm ở đầu tư theo mẫu của Thông tư 99, nên cần đọc đúng dòng.
- **Cùng phạm vi.** CFO hợp nhất là của cả tập đoàn, nên thường dùng lợi nhuận sau thuế chung chứ không riêng phần cổ đông công ty mẹ; đây là cách hiểu của Tâm An.

Đây là quy ước của người phân tích, không phải chỉ tiêu bắt buộc theo chuẩn mực.

Ba vùng đọc, và vì sao không có ngưỡng thần kỳ

Giả sử lãi sau thuế dương. Ba vùng chỉ để đặt câu hỏi, không phân loại doanh nghiệp.

Vùng	Nguyên nhân hợp lý thường gặp	Nên xem thêm
Lớn hơn 1	Khấu hao lớn, thu nợ cũ, khách trả trước, tồn kho giảm	Có do kéo dài khoản phải trả hay tiền ứng trước, kỳ sau sẽ đảo chiều không
Quanh 1	Hoạt động ổn định, vốn lưu động ít đổi	Các dòng bên trong có bù trừ nhau không
Nhỏ hơn 1	Tăng trưởng bán chịu, trữ hàng trước mùa, thu tiền theo tiến độ	Kéo dài bao nhiêu kỳ, nguồn bù đắp ở dòng tài chính là gì

Không có một số duy nhất tách vùng an toàn khỏi vùng nguy hiểm. Mốc nào cũng cần hiệu chỉnh theo ngành và chu kỳ kinh doanh, mà các mốc lưu hành thường chưa được hiệu chỉnh trên thị trường Việt Nam. Bài này vì thế không nêu số ngưỡng.

Vì sao một năm không đủ

Một đợt thu nợ rơi vào cuối tháng mười hai thay vì đầu tháng một đủ làm tỷ lệ đổi vùng. Vì vậy hãy xem:

- **Tổng ba đến năm năm:** CFO cộng dồn chia LNST cộng dồn, để chênh lệch thời điểm triệt tiêu bớt.
- **Bốn quý gần nhất** cộng dồn, vì từng quý lẻ nhiễu hơn do mùa vụ.
- **Chuỗi tỷ lệ từng năm,** để biết đổi vùng là ngẫu nhiên hay có xu hướng.

Một phép tính tham khảo của Tâm An cho thấy độ phân tán. Trên kho báo cáo tài chính năm 2018 đến 2025 của doanh nghiệp niêm yết phi tài chính, chỉ lấy doanh nghiệp-năm có lãi sau thuế dương (khoảng 9.400 quan sát, chưa đối chiếu từng báo cáo với bản gốc): khoảng 52% có tỷ lệ từ 1 trở lên, khoảng 20% từ 0 đến dưới 1, khoảng 28% có CFO âm dù lãi dương. Trong 934 doanh nghiệp có lãi sau thuế dương cả năm năm liền 2021 đến 2025, khoảng bốn trên năm (746) có ít nhất một năm dưới 1 và ít nhất một năm từ 1 trở lên. Con số chỉ cho thấy tỷ lệ một năm hay đổi vùng; nó không cho biết mức nào là bình thường và không nói gì về doanh nghiệp cụ thể.

Khi nào thấp hơn 1 vẫn bình thường, khi nào nên hỏi thêm

Thường bình thường:

- **Đang tăng trưởng:** doanh thu tăng thì phải thu và tồn kho tăng trước khi tiền về.
- **Mùa vụ:** trữ hàng trước mùa cao điểm làm tiền chi ra trước doanh thu.
- **Bán chịu có kế hoạch:** cho khách trả chậm để mở thị trường.
- **Ngành vốn lưu động lớn,** như xây dựng, phân phối: chu kỳ thu tiền dài nên tỷ lệ thường dưới 1 trong nhiều kỳ.

Nên đặt câu hỏi khi:

- Tỷ lệ dưới 1 **kéo dài nhiều kỳ** và tổng nhiều năm cũng thấp, không có kỳ thu hồi nào bù lại.
- **Phải thu tăng nhanh hơn doanh thu** nhiều kỳ, hoặc tồn kho tăng nhanh hơn giá vốn.
- Chênh lệch được **bù bằng vay hoặc phát hành thêm vốn** ở dòng tài chính.
- Thuyết minh cho thấy phải thu tập trung vào ít khách hoặc phải thu quá hạn tăng.

Chiều ngược lại cũng cần hỏi: tỷ lệ cao nhờ kéo dài khoản phải trả hoặc nhận tiền ứng trước thường đảo chiều kỳ sau. Theo phần công khai của "Financial Reporting Quality" (CFA Institute), CFO có thể bị tác động bởi lựa chọn như kéo dài khoản phải trả và, có thể, cách phân loại luồng tiền; tỷ lệ cao không tự động là tín hiệu tốt.

Các biến thể của tỷ lệ

Chỉ nêu khái niệm:

- **CFO chia lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh:** bỏ phần lãi lỗ ngoài hoạt động chính khỏi mẫu số; hai vế phải cùng đã trừ hay chưa trừ lãi vay, thuế.
- **CFO trừ chi mua sắm tài sản cố định,** thường gọi là dòng tiền tự do; mỗi nguồn tính một kiểu nên cần xem công thức.
- **Phiên bản học thuật.** Piotroski (2000, Journal of Accounting Research) chấm điểm bằng chín tiêu chí, một tiêu chí cho điểm khi CFO lớn hơn ROA, cả hai chia tổng tài sản đầu năm. Cùng mẫu số nên về đại số tiêu chí này hỏi CFO có lớn hơn lợi nhuận không, gần vùng lớn hơn 1. Mẫu gốc là doanh nghiệp Mỹ giai đoạn 1976 đến 1996, nên không áp nguyên cho Việt Nam.

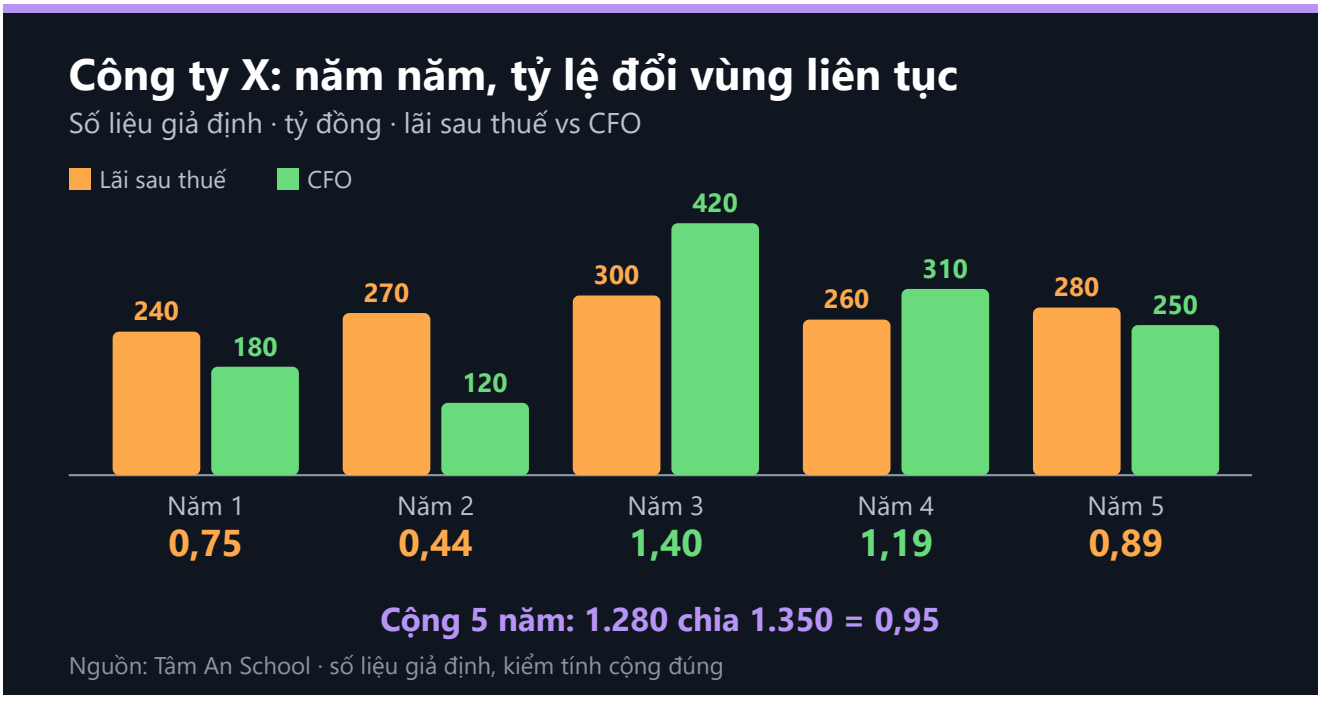
Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Công ty X giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật; lãi sau thuế khoảng 240 đến 300 mỗi năm. CFO = lãi sau thuế + khấu hao và khoản không bằng tiền + tác động vốn lưu động (phải thu, tồn kho, phải trả, tiền khách ứng trước); số âm nghĩa là vốn lưu động hút tiền.

Năm	Lãi sau thuế	Khấu hao, khoản không bằng tiền	Vốn lưu động	CFO	CFO/LNST
1	240	+60	-120	180	0,75
2	270	+65	-215	120	0,44
3	300	+70	+50	420	1,40
4	260	+70	-20	310	1,19
5	280	+75	-105	250	0,89
Cộng	**1.350**	**+340**	**-410**	**1.280**	**0,95**

Kiểm cộng: 240 + 60 - 120 = 180; 270 + 65 - 215 = 120; 300 + 70 + 50 = 420; 260 + 70 - 20 = 310; 280 + 75 - 105 = 250; tổng 1.280 = 1.350 + 340 - 410.

Giả sử năm 1 và 2 công ty mở rộng, bán chịu và trữ hàng: 0,75 rồi 0,44, hai năm cộng lại 300 trên 510, tức 0,59. Năm 3 thu được nợ cũ và có khách trả trước: 1,40. Năm 5 trữ hàng trước mùa nên về 0,89. Từng năm chạy từ 0,44 đến 1,40, đủ ba vùng; cộng dồn cả 5 năm là 0,95. Chênh 70 giữa lãi và CFO là vốn lưu động hút 410, được khấu hao và khoản không bằng tiền 340 bù gần hết.



Công ty X năm năm: lãi sau thuế, CFO và tỷ lệ CFO chia LNST từng năm, từ 0,44 đến 1,40

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Giờ xét công ty X kịch bản B, cùng lãi sau thuế 240, 270, 300, 260, 280 (cộng 1.350) nhưng CFO lần lượt 150, 120, 140, 100, 90 (cộng 600). Tỷ lệ từng năm 0,63; 0,44; 0,47; 0,38; 0,32, cộng dồn 0,44: dưới 1 cả năm năm, càng về sau càng thấp, 750 lãi chưa thành tiền (1.350 - 600). Nếu thuyết minh còn cho thấy phải thu tăng nhanh hơn doanh thu và phải đi vay để bù, đây là chuỗi nên đặt câu hỏi về việc thu tiền; vẫn là câu hỏi, chưa phải kết luận, vì có thể công ty cho khách lớn trả chậm theo kế hoạch.



Hai kịch bản cùng lãi sau thuế 1.350 trong 5 năm: kịch bản A cộng dồn 0,95, kịch bản B cộng dồn 0,44

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Giới hạn của tỷ số

- **Lãi gần 0:** lãi 4, CFO 60 cho 15,0. Số lớn chỉ vì mẫu số bé; khi đó hãy đọc số tuyệt đối của CFO.
- **Lãi âm:** lỗ 30, CFO +40 cho -1,33. Dấu âm không còn nghĩa chuyển hoá; tỷ số không đọc được, hãy xem CFO và nguồn bù khoản lỗ.
- **Khoản một lần.** Giả sử lãi sau thuế 280, trong đó 60 là lãi thanh lý tài sản (bỏ qua thuế riêng khoản này). Tiền thanh lý nằm ở đầu tư và cách gián tiếp trừ lãi đó ra, nên CFO 220 cho 220/280 = 0,79; bỏ khoản một lần khỏi lãi, 220/220 = 1,00. Tỷ lệ thấp là do cách ghi, không do thu tiền kém.
- **Loại hình doanh nghiệp.** Ngân hàng, bảo hiểm, công ty chứng khoán có cách phân loại dòng tiền riêng (VAS 24 có đoạn riêng), nên không áp máy móc. Bất động sản và xây dựng cần thận trọng vì tiền mua đất, chi phí dự án thường qua hàng tồn kho nên CFO biến động mạnh.
- **Không chỉ ra nguyên nhân.** Tỷ lệ cho biết có lệch, không cho biết do dòng nào; hãy xuống bảng cầu nối từ lợi nhuận sau thuế đến dòng tiền kinh doanh.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Kỳ và phạm vi:** năm hay bốn quý gần nhất, hợp nhất hay riêng lẻ, Thông tư 200 hay 99 (từ năm tài chính 2026, mã số chỉ tiêu đánh lại nên ghép theo tên dòng).
2. **Hai số:** lợi nhuận sau thuế (báo cáo kết quả kinh doanh); lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (báo cáo lưu chuyển tiền tệ).
3. **Nhiều kỳ:** tỷ lệ từng năm và cộng dồn ba đến năm năm.
4. **Dòng điều chỉnh:** phải thu, tồn kho, phải trả, tiền ứng trước làm CFO lệch khỏi lãi bao nhiêu.
5. **Thuyết minh, dòng đầu tư và tài chính:** tiền chi vào đâu, nguồn bù đắp là gì.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để người đọc tự quyết định có đào sâu thuyết minh hay không; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công thức, mẫu số và cách xếp dòng của CFO có thể khác giữa các nguồn và thời kỳ báo cáo; cách xếp trong bài là của doanh nghiệp phi tài chính theo VAS 24 (đọc từ bản đăng lại, hiệu lực cần đối chiếu văn bản mới nhất) và hướng dẫn mẫu B03-DN của Thông tư 99.
- Phép tính phân bố trên kho báo cáo chỉ là tham khảo nội bộ.

Đừng nói quá

- Không viết "tỷ lệ dưới 1 là lãi giả" hay "trên 1 là lãi thật".
- Không viết "dưới một mốc nào đó là nguy hiểm": bài không đưa mốc.
- Không dùng bài để kết luận về một doanh nghiệp cụ thể; bài không phải khuyến nghị.

Tín hiệu không phải kết luận

Khi tỷ lệ CFO/LNST lệch xa 1 nhiều kỳ liền, đó là tín hiệu để xem dòng điều chỉnh, thuyết minh và nguồn bù đắp, chưa phải bằng chứng về điều gì. Mỗi vùng đều có nguyên nhân kinh doanh hợp lý khác: tăng trưởng, mùa vụ, bán chịu có kế hoạch, khấu hao lớn, tiền ứng trước theo hợp đồng, khoản một lần. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 (Quyết định 165/2002/QĐ-BTC), đoạn 04, 05, 08, 16, 22, 25: đọc từ bản đăng lại ngày 13/10/2026 (tập 4), hiệu lực cần đối chiếu.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026): Phụ lục IV mục D, Công báo số 1581 + 1582 ngày 16/11/2025; Thông tư 200/2014/TT-BTC cho báo cáo năm 2025.
- Piotroski, J. (2000), "Value Investing: The Use of Historical Financial Statement Information to Separate Winners from Losers", Journal of Accounting Research 38 (Supplement): tiêu chí ACCRUAL.
- CFA Institute, "Financial Reporting Quality", CFA Program Level I, giáo trình 2026: chỉ trang công khai, truy cập lại 14/10/2026.
- Tâm An School: phép tính phân bố trên kho báo cáo tài chính niêm yết 2018 đến 2025 (tham khảo nội bộ); ví dụ công ty X tự tính lại bằng Python.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Lãi có phải là tiền không?
- CFO gồm và không gồm những gì?
- Cầu nối từ lợi nhuận sau thuế đến dòng tiền

- Năm hiểu lầm về lợi nhuận và dòng tiền
- Ba dòng tiền kinh doanh, đầu tư, tài chính

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Tỷ lệ CFO/LNST chia tiền kinh doanh cho lãi sau thuế cùng kỳ, cùng phạm vi: lớn hơn 1, quanh 1 hay nhỏ hơn 1 chỉ là cách chia để đặt câu hỏi, không có ngưỡng thần kỳ nào. Một năm thường nhiễu nên cần nhìn nhiều năm hoặc cộng dồn. Thấp hơn 1 vẫn bình thường khi tăng trưởng, mùa vụ, bán chịu có kế hoạch hoặc vốn lưu động lớn; nên hỏi thêm khi dưới 1 nhiều kỳ liền, phải thu tăng nhanh hơn doanh thu hay phải vay để bù. Tỷ số lệch là tín hiệu để xem dòng điều chỉnh và thuyết minh, chưa phải kết luận.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/ty-le-cfo-tren-loi-nhuan-sau-thue-la-gi-doc-the-nao

Lợi nhuận từ hoạt động chính khác lãi cuối cùng ở chỗ nào, và cách tách trên báo cáo kết quả kinh doanh

Câu trả lời ngắn

Báo cáo kết quả kinh doanh không có dòng nào tên "lợi nhuận hoạt động chính": đó là cách tách của người phân tích. Cách phổ biến nhất là lấy lợi nhuận gộp trừ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; phần còn lại của lợi nhuận trước thuế đến từ doanh thu và chi phí tài chính, thu nhập và chi phí khác. Đừng nhầm với dòng "Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh": theo mẫu Thông tư 99, dòng đó đã gồm cả phần tài chính. Hai công ty cùng lãi sau thuế vẫn có thể có phần từ hoạt động chính rất khác nhau (công ty X giả định: 93% và 53%); phần ngoài đó có thể không lặp lại, nhưng chỉ thuyết minh mới trả lời được.



Lãi cuối cùng đi từ doanh thu xuống qua ba nhóm: chính, tài chính, khác

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Báo cáo kết quả kinh doanh đọc từ trên xuống

Mẫu B02-DN của Thông tư 99/2025/TT-BTC (Phụ lục IV, mục C) mô tả báo cáo là kết quả của ba nhóm: hoạt động kinh doanh chính, tài chính và khác. Thông tư gọi tên báo cáo là "Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh". Bảng dưới đây theo tên dòng và thứ tự của mẫu Thông tư 99; bài không nêu mã số.

Dòng trên mẫu (Thông tư 99)	Nhóm
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ; Giá vốn hàng bán	Chính
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Chính
Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	Tuỳ mô hình
Doanh thu hoạt động tài chính	Tài chính
Chi phí tài chính (trong đó: chi phí đi vay)	Tài chính
Chi phí bán hàng; Chi phí quản lý doanh nghiệp	Chính
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tổng các dòng trên
Thu nhập khác; Chi phí khác; Lợi nhuận khác	Khác
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Thuần + khác
Chi phí thuế TNDN hiện hành; hoãn lại	Thuế
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Cuối cùng

Hai điểm dễ đọc nhầm. Thứ nhất, mẫu đặt hai dòng tài chính ngay dưới lợi nhuận gộp, trước chi phí bán hàng và quản lý; lợi nhuận thuần bằng lợi nhuận gộp, cộng lãi/lỗ bán bất động sản đầu tư, cộng doanh thu tài chính, trừ chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý. Vì vậy "thuần từ hoạt động kinh doanh" rộng hơn "hoạt động chính". Thứ hai, thu nhập khác và chi phí khác nằm dưới dòng đó; thanh lý, nhượng bán tài sản cố định ghi phần chênh lệch (lãi vào thu nhập khác, lỗ vào chi phí khác).

"Lợi nhuận hoạt động chính" nghĩa là gì?

Không có định nghĩa duy nhất và mẫu biểu không có dòng này, nên hãy ghi rõ cách dùng. Ba cách phổ biến:

- **Cách 1, hẹp:** lợi nhuận gộp trừ chi phí bán hàng trừ chi phí quản lý. Dễ tính nhất, dùng trong ví dụ bên dưới; bài chất lượng lợi nhuận gọi là lợi nhuận cốt lõi.
- **Cách 2, theo mô hình:** nếu bán bất động sản đầu tư hay đầu tư tài chính chính là cách doanh nghiệp kiếm tiền, cộng dòng tương ứng vào phần chính; đó là phán đoán về mô hình.
- **Cách 3, loại khoản một lần nằm trong dòng chính:** lấy cách 1 rồi bỏ khoản không lặp lại, điển hình là hoàn nhập dự phòng.

Mỗi cách cho tỷ trọng khác nhau, không cách nào "đúng" tuyệt đối. Bài nói doanh nghiệp phi tài chính; tổ chức tín dụng lập báo cáo theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước (Thông tư 99, Điều 2.2), các loại hình tài chính khác có thể có mẫu riêng, cần đối chiếu.

Vì sao tách quan trọng: các khoản dễ không lặp lại

Theo hướng dẫn tài khoản của Thông tư 99, những chỗ sau có thể làm lãi cuối cùng cao hơn lãi hoạt động chính, hoặc làm lãi chính chứa khoản một lần:

- **Doanh thu hoạt động tài chính** gồm lãi cho vay và lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi chuyển nhượng khoản đầu tư (giá bán trừ giá trị ghi sổ), lãi tỷ giá, kể cả lãi do chỉ đánh giá lại khoản mục có gốc ngoại tệ cuối kỳ.
- **Thu nhập khác** gồm lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, tiền bồi thường, tiền phạt khách vi phạm hợp đồng, thu khoản nợ khó đòi đã xoá sổ, nợ phải trả không xác định được chủ nợ.
- **Hoàn nhập dự phòng nằm trong dòng chính.** Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho ghi giảm giá vốn nên làm tăng lợi nhuận gộp; hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp; hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính ghi giảm chi phí tài chính. Vì thế cách 1 vẫn có thể chứa khoản một lần; xem bài hoàn nhập dự phòng.
- **Lãi từ công ty liên kết.** Mẫu B02-DN của Thông tư 99 không có dòng riêng; cổ tức và lợi nhuận được chia nằm trong doanh thu tài chính. Với báo cáo hợp nhất, tóm tắt thứ cấp về Thông tư 43/2026/TT-BTC nêu chỉ tiêu bổ sung cho phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết (cần đối chiếu mẫu).

Một lần không có nghĩa là xấu: có doanh nghiệp giữ nhiều tiền gửi nên thu nhập tài chính đều đặn, có doanh nghiệp mà đầu tư là mô hình. Tách để đặt câu hỏi, chưa phải để kết luận.

Cách tự tách bằng ba bước

1. **Gạch dòng.** Đánh dấu mọi dòng ngoài bán hàng và dịch vụ: tài chính, bất động sản đầu tư, thu nhập khác, chi phí khác.
2. **Tính.** Lợi nhuận hoạt động chính (cách 1) bằng lợi nhuận gộp trừ chi phí bán hàng trừ chi phí quản lý. Tỷ trọng bằng phần đó chia cho lợi nhuận trước thuế (thuế không chia theo từng khoản); nếu chi phí tài chính lớn, tỷ trọng có thể vượt 100%.
3. **Mở thuyết minh, đọc nhiều kỳ.** Doanh thu tài chính, thu nhập khác gồm gì; có hoàn nhập dự phòng nào trong giá vốn, chi phí quản lý; điều chỉnh nếu muốn (cách 3) rồi so các kỳ.



Ba bước tự tách: gạch dòng, tính tỷ trọng, mở thuyết minh

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Công ty X giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Để gọn: thuế bằng 20% lợi nhuận trước thuế ở cả hai kịch bản, không có lãi/lỗ bất động sản đầu tư, không có thuế hoãn lại. A: hoạt động chính là nguồn lãi chủ yếu. B: cùng lãi sau thuế nhưng nhiều khoản ngoài hoạt động chính.

Dòng	Kịch bản A	Kịch bản B
Doanh thu thuần	3.000	3.000
Giá vốn hàng bán	2.280	2.500
Lợi nhuận gộp	720	500
Doanh thu hoạt động tài chính	70	170
Chi phí tài chính (đi vay 55)	60	60
Chi phí bán hàng	110	110
Chi phí quản lý doanh nghiệp	190	150
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**430**	**350**
Thu nhập khác; chi phí khác	25; 5	110; 10
Lợi nhuận trước thuế	**450**	**450**
Thuế 20%	90	90
Lợi nhuận sau thuế	**360**	**360**
Hoạt động chính, cách 1	420 (93,3%)	240 (53,3%)
Hoạt động chính, cách 3 (bỏ hoàn nhập 40)	420 (93,3%)	200 (44,4%)

Chi tiết. A: doanh thu tài chính 70 gồm lãi tiền gửi 40, cổ tức 20, lãi tỷ giá 10; chi phí tài chính 60 gồm lãi vay 55, lỗ tỷ giá 5. B: doanh thu tài chính 170 gồm lãi tiền gửi 30, cổ tức 20, lãi chuyển nhượng một khoản đầu tư 120; chi phí quản lý 150 sau khi hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi 40 (không hoàn nhập thì là 190); thu nhập khác 110 gồm lãi thanh lý tài sản cố định 90 và tiền bồi thường 20, chi phí khác 10 là tiền phạt. Kiểm cộng: A 720 + 70 - 60 - 110 - 190 = 430, cộng 25 trừ 5 được 450, hoạt động chính 720 - 110 - 190 = 420; B 500 + 170 - 60 - 110 - 150 = 350, cộng 110 trừ 10 được 450, hoạt động chính 500 - 110 - 150 = 240, bỏ hoàn nhập 40 còn 200.

Dòng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chỉ lệch 80 (430 và 350), nhưng lợi nhuận hoạt động chính lệch 180 (420 và 240), vì ở B lãi tài chính và lãi khác dày hơn. Nếu các khoản ngoài hoạt động chính của B không lặp lại và mọi thứ khác không đổi, lợi nhuận trước thuế thấp đi đúng phần đó. Nhưng B chưa chắc là kém: lãi chuyển nhượng có thể là chiến lược danh mục.



Công ty X giả định: cùng lợi nhuận trước thuế 450, phần hoạt động chính 420 và 240

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Báo cáo hợp nhất: lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Báo cáo hợp nhất gồm cả công ty con, nên lợi nhuận sau thuế chia hai phần: thuộc cổ đông công ty mẹ và thuộc cổ đông không kiểm soát (cổ đông khác của công ty con). Giả sử công ty X lập báo cáo hợp nhất, phần của cổ đông không kiểm soát là 40 (số liệu giả định) và phần của cổ đông công ty mẹ là 360 - 40 = 320. Tách hoạt động chính vẫn làm trên toàn bộ lợi nhuận hợp nhất. Tên dòng theo hướng dẫn báo cáo hợp nhất (Thông tư 202/2014/TT-BTC sửa bởi Thông tư 43/2026/TT-BTC, mức xác minh B) cần đối chiếu mẫu biểu áp dụng; bài chỉ nói ở mức khái niệm.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Phạm vi, kỳ, mẫu:** hợp nhất hay riêng lẻ, quý hay lũy kế, Thông tư 200 (báo cáo năm 2025) hay Thông tư 99 (từ năm tài chính bắt đầu từ 01/01/2026); mã số đã đánh lại nên ghép hai kỳ theo tên dòng.
2. **Xếp dòng vào ba nhóm**, ghi cách tách đã dùng, tính tỷ trọng qua vài kỳ.
3. **Thuyết minh:** doanh thu tài chính, thu nhập khác, biến động dự phòng.
4. **Đối chiếu với tiền:** lãi thanh lý, cổ tức và lãi tiền gửi đã vào lãi nhưng tiền thuộc luồng đầu tư; xem lãi có phải là tiền không và CFO gồm những gì.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để hiển thị tỷ trọng lãi ngoài hoạt động chính qua nhiều kỳ, để người đọc tự quyết định có đào sâu thuyết minh hay không; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Tên và thứ tự dòng lấy từ mẫu Thông tư 99. Mẫu B02-DN của Thông tư 200 chưa mở từ văn bản gốc, nên với báo cáo năm 2025 hãy đối chiếu tên và thứ tự dòng thực tế.
- Doanh nghiệp được bổ sung chỉ tiêu ngoài Phụ lục IV (Điều 18), nên báo cáo thật có thể có thêm dòng.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được trình bày theo số thuần: lãi lớn hơn lỗ vào doanh thu tài chính, ngược lại vào chi phí tài chính.
- "Hoạt động chính" là cách tách để học và sàng lọc, không phải chỉ tiêu của chuẩn mực hay mẫu biểu.

Đừng nói quá

- Không viết "lãi ngoài hoạt động chính là lãi giả": đó là lãi trên báo cáo, chỉ chưa chắc lặp lại.
- Không viết "lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là lãi hoạt động chính": dòng đó đã gồm cả phần tài chính.
- Không viết "tỷ trọng hoạt động chính thấp là xấu" hay "cao là tốt" khi chưa đọc thuyết minh.
- Không dùng ví dụ để suy ra doanh nghiệp cụ thể; bài không phải khuyến nghị.

Tín hiệu không phải kết luận

Khi tỷ trọng hoạt động chính thấp, hoặc đổi mạnh giữa các kỳ, đó là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải bằng chứng về điều gì. Mỗi trường hợp có nguyên nhân hợp lý khác: mô hình đầu tư, thanh lý theo kế hoạch tái cơ cấu, tiền nhàn rỗi lớn, hoàn nhập vì đã thu được khoản nợ từng lập dự phòng. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026): mẫu B02-DN (Công báo số 1577 + 1578), Phụ lục IV mục C (Công báo số 1579 + 1580), hướng dẫn các tài khoản doanh thu và chi phí (Phụ lục II, Công báo số 1573 + 1574), Điều 2, 18; Công báo ngày 16/11/2025, đọc từ bản PDF (mức A).
- Thông tư 200/2014/TT-BTC (báo cáo năm 2025): mẫu B02-DN chưa mở từ văn bản gốc.
- Thông tư 202/2014/TT-BTC sửa bởi Thông tư 43/2026/TT-BTC (hợp nhất): chỉ thấy tóm tắt thứ cấp (mức B).
- CFA Institute, "Financial Reporting Quality", CFA Program Level I, giáo trình 2026: chỉ trang công khai.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Lãi có phải là tiền không?
- Ba báo cáo nối với nhau thế nào?

- CFO gồm và không gồm những gì?
- Tỷ lệ CFO trên lợi nhuận sau thuế
- Hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng thế nào?

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Báo cáo kết quả kinh doanh không có dòng 'lợi nhuận hoạt động chính'; cách tách phổ biến là lợi nhuận gộp trừ chi phí bán hàng và chi phí quản lý, rồi so với lợi nhuận trước thuế. Dòng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh theo mẫu Thông tư 99 đã gồm cả phần tài chính, nên rộng hơn lãi hoạt động chính. Doanh thu tài chính, thu nhập khác và hoàn nhập dự phòng là những chỗ lãi có thể không lặp lại. Tỷ trọng thấp chưa nói doanh nghiệp tốt hay xấu: đó là tín hiệu để mở thuyết minh và so nhiều kỳ, chưa phải kết luận.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/loi-nhuan-tu-hoat-dong-chinh-khac-lai-cuoi-cung-o-cho-nao

Năm hiểu lầm thường gặp: 'dòng tiền âm là lãi giả', 'dòng tiền dương là lãi thật' và những điều khác

Câu trả lời ngắn

Năm hiểu lầm hay gặp khi đọc lãi và dòng tiền có chung một lỗi: lấy một dấu hiệu rồi kết luận ngay. Dòng tiền âm không tự động là lãi giả. Dòng tiền dương không tự động là lãi thật. Lãi tăng chưa chắc là doanh nghiệp tốt hơn. Khấu hao không phải tiền vào, dự phòng không phải tiền ra trong kỳ. Và một chỉ số hay một điểm mô hình, dù hữu ích để sàng lọc, chưa đủ để kết luận. Mỗi dấu hiệu chỉ là một câu hỏi: tiền nằm ở đâu, lãi đến từ đâu, khoản đó có lặp lại không. Bài này khép lại đợt đầu của chuỗi Đọc báo cáo tài chính; mỗi hiểu lầm đều có bốn phần, kết thúc bằng chỗ nó đúng một phần.



Năm hiểu lầm về lãi và dòng tiền: mỗi dấu hiệu là một câu hỏi, chưa phải kết luận

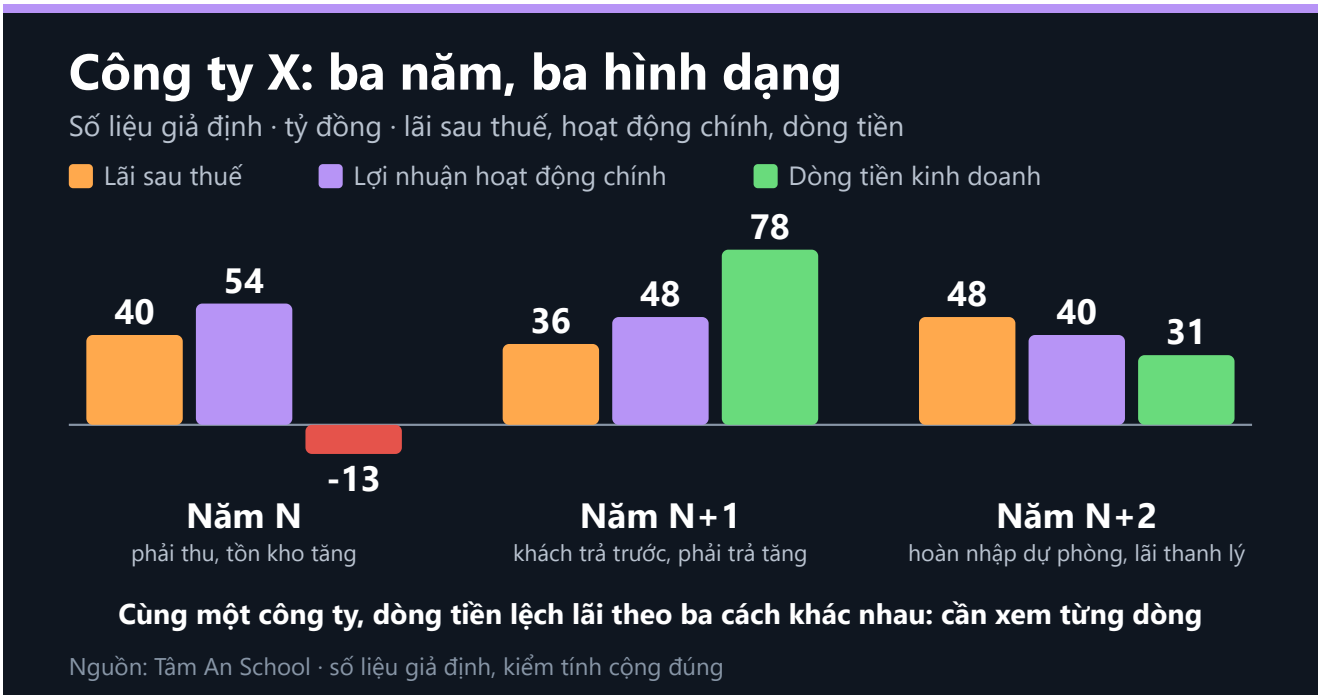
Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định qua ba năm

Công ty X giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Ba năm liền N, N+1, N+2. Để gọn: bỏ qua lãi vay và thuế giá trị gia tăng, thuế 20% nộp bằng thuế ghi nhận, chi phí bán hàng và quản lý trả bằng tiền. "Lợi nhuận hoạt động chính" là cách gọi của bài: lãi gộp trừ chi phí bán hàng, quản lý và khấu hao, trước dự phòng và khoản một lần.

Chỉ tiêu	Năm N	Năm N+1	Năm N+2
Doanh thu thuần	500	520	540
Giá vốn	-330	-348	-366
Chi phí bán hàng và quản lý (tiền)	-100	-108	-118
Khấu hao	-16	-16	-16
Lợi nhuận hoạt động chính	**54**	**48**	**40**
Dự phòng phải thu (hoàn nhập ghi dương)	-4	-3	+12
Lãi thanh lý tài sản (một lần)	0	0	+8
Thuế 20%	-10	-9	-12
Lợi nhuận sau thuế	**40**	**36**	**48**
Cộng khấu hao; cộng dự phòng; trừ lãi thanh lý	+16; +4; 0	+16; +3; 0	+16; -12; -8
Phải thu; hàng tồn kho	-55; -30	+5; +3	-6; -4
Phải trả nhà cung cấp; khách trả trước	+12; 0	+6; +9	+2; -5
Dòng tiền kinh doanh (CFO)	**-13**	**78**	**31**

Kiểm cộng: lợi nhuận trước thuế 50, 45, 60; thuế 10, 9, 12 còn 40, 36, 48. CFO = 40 + 16 + 4 - 55 - 30 + 12 = -13; 36 + 16 + 3 + 5 + 3 + 6 + 9 = 78; 48 + 16 - 12 - 8 - 6 - 4 + 2 - 5 = 31. Cách trực tiếp ra cùng số: năm N, thu từ khách 500 - 55 = 445, trả nhà cung cấp 330 + 30 - 12 = 348, chi phí bán hàng và quản lý 100, thuế 10, nên 445 - 348 - 100 - 10 = -13; tương tự 534 - 339 - 108 - 9 = 78 và 529 - 368 - 118 - 12 = 31.



Công ty X giả định ba năm: lãi sau thuế 40, 36, 48; lợi nhuận hoạt động chính 54, 48, 40; CFO -13, 78, 31

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Hiểu lầm 1: "Dòng tiền âm là lãi giả"

- **Vì sao nhiều người nghĩ vậy.** Lãi nằm ở báo cáo kết quả kinh doanh, tiền ở báo cáo lưu chuyển tiền tệ; hai số ngược dấu thì dễ nghĩ lãi "không có thật".
- **Thực tế.** Năm N, công ty X lãi 40 nhưng dòng tiền kinh doanh âm 13: phải thu tăng 55 vì bán chịu nhiều hơn, tồn kho tăng 30, hai khoản giữ phần lãi dưới dạng tài sản khác tiền. Hàng đã giao, khách chưa trả: đó là thời điểm ghi nhận, không phải lãi bịa ra. Bài lãi có phải là tiền không đã vẽ cầu nối này; tập 6 bàn phải thu, tồn kho, phải trả, tập 7 bàn cầu nối từng dòng.
- **Cách kiểm.** Tách dòng tiền thành các dòng cấu thành; xem phải thu theo thời gian quá hạn, tồn kho so với giá vốn, nhiều kỳ liền nhau, nguồn bù đắp ở dòng tài chính.
- **Khi nào đúng một phần.** Nếu dòng tiền âm kéo dài nhiều kỳ, phải thu tăng nhanh hơn doanh thu và thuyết minh không giải thích, phần lãi nằm trên sổ chưa chắc thu được. Câu hỏi lúc đó là "khoản phải thu có thu hồi được không", không phải "lãi có giả không".

Hiểu lầm 2: "Dòng tiền dương là lãi thật, doanh nghiệp tốt"

- **Vì sao nhiều người nghĩ vậy.** Tiền là thứ cầm được, nên tiền dương nghe như bằng chứng cuối cùng.
- **Thực tế.** Năm N+1, công ty X lãi 36 nhưng dòng tiền 78, hơn hai lần lãi. Phần chênh 42 gồm 19 khoản không bằng tiền và 23 từ vốn lưu động: khách trả trước 9, phải trả tăng 6, thu nợ cũ 5, tồn kho giảm 3. Tiền khách trả trước kèm nghĩa vụ giao hàng sau, khoản phải trả rồi sẽ đến hạn; cả hai thường đảo chiều ở kỳ sau (cách hiểu của Tâm An). Phần công khai giáo trình CFA Institute cũng nêu dòng tiền kinh doanh có thể bị tác động bởi cách quản lý khoản phải trả hay cách phân loại luồng tiền.
- **Cách kiểm.** Đọc từng dòng trước dòng cuối, so với lãi qua nhiều kỳ, xem phần chênh có lặp lại được không. Bài tỷ lệ dòng tiền kinh doanh trên lợi nhuận sau thuế là cách nhanh để mở câu hỏi này.
- **Khi nào đúng một phần.** Dòng tiền dương, ổn định nhiều kỳ, gần hoặc cao hơn lãi một cách hợp lý, chủ yếu từ tiền thu bán hàng, là tín hiệu hỗ trợ cho chất lượng lợi nhuận; nhưng chỉ là tín hiệu hỗ trợ, không phải giấy chứng nhận.

Hiểu lầm 3: "Lãi tăng nghĩa là doanh nghiệp tốt hơn"

- **Vì sao nhiều người nghĩ vậy.** Lãi tăng là tin dễ thấy nhất.
- **Thực tế.** Năm N+2, lãi sau thuế tăng từ 36 lên 48, tức một phần ba. Nhưng lợi nhuận hoạt động chính giảm từ 48 xuống 40. Phần tăng đến từ hoàn nhập dự phòng 12 và lãi thanh lý 8, đều không phải tiền bán hàng; dòng tiền kinh doanh còn 31 so với 78. Cùng một con số lãi, nguồn gốc và độ lặp lại có thể khác nhau, như bài trụ cột chất lượng lợi nhuận đã bàn; cách tách phần lãi hoạt động chính ở bài lợi nhuận từ hoạt động chính khác lãi cuối cùng ở chỗ nào.
- **Cách kiểm.** Tách lợi nhuận hoạt động chính khỏi khoản một lần và khoản ước tính; xem doanh thu, chi phí và dòng tiền có cùng chiều không; đọc thuyết minh về hoàn nhập và thanh lý.

- **Khi nào đúng một phần.** Lãi tăng chủ yếu từ hoạt động chính, doanh thu và biên cùng cải thiện, dòng tiền theo kịp: thường là tín hiệu tích cực. Ngược lại, thu nhập ngoài hoạt động chính không mặc nhiên xấu: với doanh nghiệp lấy đầu tư nắm giữ làm mô hình, nó có thể là hoạt động chính.

Hiểu lầm 4: "Khấu hao là dòng tiền vào, dự phòng là chi phí bằng tiền"

- **Vì sao nhiều người nghĩ vậy.** Ở cách gián tiếp, khấu hao và dự phòng là những dòng được cộng thêm vào lãi, nghe như "có thêm tiền"; còn dự phòng làm lãi giảm, dễ bị hiểu là đã chi ra.
- **Thực tế.** Hai dòng này chỉ hoàn lại phần chi phí bị trừ khỏi lãi mà không có tiền đi ra trong kỳ. Mẫu lưu chuyển tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư 99 đi từ lợi nhuận trước thuế rồi cộng khấu hao, dự phòng; chuẩn mực kế toán số 24 (đoạn 16) mô tả cách điều chỉnh khoản không bằng tiền. Cách kiểm đơn giản nhất là viết lại theo cách trực tiếp: năm N, thu từ khách 445, trả nhà cung cấp 348, chi phí bán hàng và quản lý 100, thuế 10, ra -13. Trong phép tính đó không có khấu hao hay dự phòng, vì không có tiền đi qua. Tương tự, hoàn nhập dự phòng 12 năm N+2 làm lãi tăng 12 mà không đồng nào vào, nên phải trừ ra. Bài khấu hao, dự phòng được cộng lại (tập 5) giải từng dòng.
- **Cách kiểm.** Tìm hai dòng ở phần điều chỉnh; viết lại theo cách trực tiếp và xem chúng biến mất; đọc thuyết minh về khấu hao, trích lập và hoàn nhập dự phòng.
- **Khi nào đúng một phần.** Khấu hao không phải tiền vào nhưng cũng không phải chi phí "ảo": nó phân bổ số tiền đã chi mua tài sản ở kỳ trước, và doanh nghiệp muốn duy trì năng lực thường phải chi lại. Dự phòng không phải tiền ra trong kỳ, nhưng là ước tính một tổn thất có thể xảy ra: nếu khoản phải thu thật sự không thu được, tiền không bao giờ vào.



Công ty X giả định năm N: cùng một dòng tiền -13 theo cách trực tiếp và gián tiếp; khấu hao và dự phòng chỉ có ở cách gián tiếp

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Hiểu lầm 5: "Một chỉ số hay một điểm mô hình là đủ để kết luận"

- **Vì sao nhiều người nghĩ vậy.** Một con số gọn thì dễ nhớ, dễ so, và nghe khách quan.
- **Thực tế.** Dòng tiền chia lãi của công ty X qua ba năm là -0,33; 2,17; 0,65, mỗi tỷ lệ có lời giải thích kinh doanh riêng; nhìn một năm thì không biết năm nào "bình thường". Nghiên cứu tại Việt Nam cho cùng bài học. Bùi Phương Chi và cộng sự (2021), trên 3.684 báo cáo năm của 307 công ty niêm yết 2007-2018, lấy chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán làm biến phụ thuộc; một số biến, như tài sản mềm, có liên hệ thống kê nhưng sức giải thích thấp (pseudo R bình phương dưới 0,07), và một biến dồn tích mang dấu ngược giả thuyết ở cả tám cột. Hoang Hung Dau (2025), trên 30 doanh nghiệp sản xuất, 150 quan sát 2019-2023, nhận xét độ nhạy của M-Score thấp. Cả hai theo mẫu và giai đoạn cụ thể, không áp được cho từng doanh nghiệp.
- **Cách kiểm.** Coi chỉ số như đèn báo để quyết định đọc gì tiếp: nhiều kỳ, nhiều chỉ tiêu, thuyết minh. Bộ câu hỏi đầy đủ ở bài mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy, bài chốt của cả lô.
- **Khi nào đúng một phần.** Chỉ số và mô hình có ích để sắp thứ tự doanh nghiệp nào nên đọc kỹ trước. Chúng sai khi bị dùng như bản án.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Đặt cạnh nhau** lợi nhuận sau thuế, dòng tiền kinh doanh, phải thu, tồn kho, phải trả, qua nhiều kỳ.
2. **Hỏi phần chênh đến từ dòng nào** và dòng đó có lặp lại được không.
3. **Tách phần lãi** hoạt động chính khỏi khoản một lần, khoản ước tính; đọc thuyết minh của dòng lớn.
4. **Kiểm phạm vi và mẫu:** hợp nhất hay riêng lẻ, quý hay lũy kế. Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99 với mã số đánh lại, nên ghép theo tên dòng.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đánh dấu chỗ nên mở thuyết minh trước; đó chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- "Tiền khách trả trước và khoản phải trả thường đảo chiều" là cách hiểu của Tâm An, không phải điều khoản.
- Cách xếp dòng dành cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán trình bày riêng.

Đừng nói quá

- Không viết "dòng tiền âm là lãi giả" hay "dòng tiền dương là lãi thật".
- Không viết "khấu hao là tiền" hay "dự phòng là tiền đã chi".
- Không dùng một tỷ lệ, một điểm mô hình hay một kỳ làm kết luận về doanh nghiệp.

Tín hiệu không phải kết luận

Dòng tiền lệch xa lãi, lãi tăng nhờ khoản một lần hay một chỉ số cho điểm bất thường đều là tín hiệu để đọc thêm, chưa phải bằng chứng về điều gì. Mỗi tín hiệu có nguyên nhân kinh doanh hợp lý khác: tăng trưởng, mùa vụ, tiền ứng trước theo hợp đồng, thanh lý tài sản, ước tính được xem xét lại. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi của một doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- CFA Institute, "Financial Reporting Quality", CFA Program Level I, giáo trình 2026: chỉ trang công khai.
- Bùi Phương Chi, Nguyễn Thị Hồng Thúy, Lăng Trịnh Mai Hương (2021), VNU Journal of Science: Economics and Business 37(1): 40-49.
- Hoang Hung Dau (2025), AISC Proceedings vol. 7, tr. 177-186.
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 (Quyết định 165/2002/QĐ-BTC), đoạn 16: đọc từ bản đăng lại, hiệu lực cần đối chiếu.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026), Phụ lục IV mục D, Công báo số 1581 + 1582 ngày 16/11/2025; Thông tư 200/2014/TT-BTC cho báo cáo năm 2025.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Lãi có phải là tiền không?
- Vì sao khấu hao, dự phòng được cộng lại?
- Tỷ lệ CFO trên lợi nhuận sau thuế
- Lợi nhuận từ hoạt động chính khác lãi cuối cùng ở đâu?
- Mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Năm hiểu lầm có chung một lỗi là lấy một dấu hiệu để kết luận: dòng tiền âm có thể là lãi đang nằm ở phải thu và tồn kho; dòng tiền dương có thể đến từ khoản tạm thời; lãi tăng có thể đến từ khoản một lần; khấu hao và dự phòng không phải tiền vào hay ra trong kỳ; một chỉ số chỉ để sàng lọc. Mỗi dấu hiệu là tín hiệu để xem tiền nằm ở đâu, lãi đến từ đâu và khoản đó có lặp lại không, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

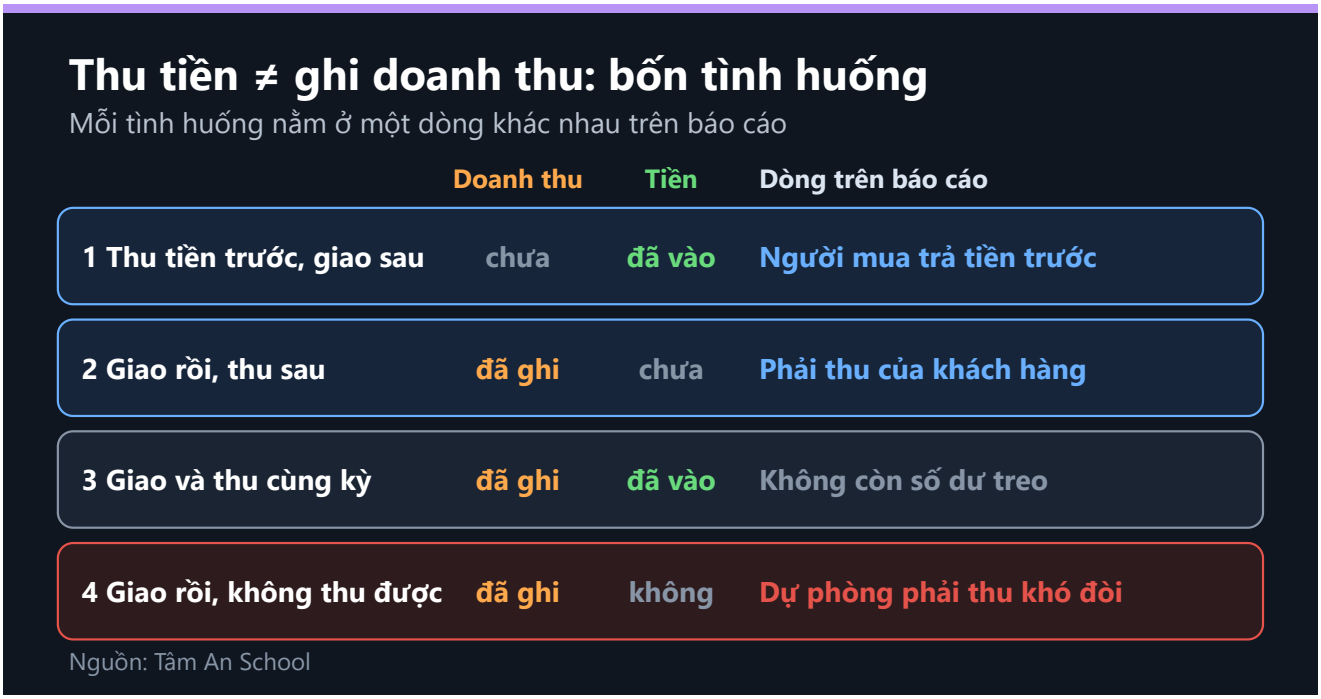
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/nam-hieu-lam-thuong-gap-ve-loi-nhuan-va-dong-tien

Doanh thu được ghi nhận khi nào? Khác biệt giữa thu tiền và ghi nhận doanh thu

Câu trả lời ngắn

Doanh thu bán hàng được ghi khi doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu hàng hoá cho người mua, cùng các điều kiện đi kèm, chứ không phải khi tiền về tài khoản. Vì vậy một hợp đồng rơi vào một trong bốn tình huống: thu tiền trước khi giao (có tiền, chưa có doanh thu, khoản đó nằm ở "người mua trả tiền trước"); giao rồi thu sau (nằm ở phải thu); giao và thu cùng kỳ; giao rồi không thu được (doanh thu vẫn nằm đó, phần mất hiện ra ở dự phòng và chi phí). Báo cáo tài chính cho biết khoảng cách giữa doanh thu và tiền nằm ở dòng nào.



Bốn tình huống thu tiền và giao hàng, mỗi tình huống nằm ở một dòng khác nhau trên báo cáo

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Mốc ghi nhận là chuyển giao rủi ro và lợi ích

Hướng dẫn tài khoản doanh thu trong Thông tư 99/2025/TT-BTC (Công báo, đã đọc nguyên văn) quy định doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thoả năm điều kiện: đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu cho người mua; không còn nắm quyền quản lý hay kiểm soát hàng hoá; doanh thu xác định tương đối chắc chắn; đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế; xác định được chi phí. Chuẩn mực kế toán số 14, đoạn 10, nêu năm điều kiện cùng nội dung. Trong danh sách không có điều kiện "đã nhận tiền". Với dịch vụ, mốc là phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm báo cáo, nên dịch vụ làm dở thì ghi phần đã làm.

Chữ "giao hàng" đời thường chưa chắc trùng với "chuyển giao" theo các điều kiện trên. Thông tư 99 nêu vài chi tiết:

- Hợp đồng quy định bên bán chịu trách nhiệm lắp đặt thì doanh thu chỉ ghi sau khi lắp đặt xong.
- Doanh nghiệp là đại lý, không kiểm soát giá bán hay chất lượng hàng hoá thì doanh thu là phần hoa hồng, không phải toàn bộ giá trị hàng. Cụm "nghĩa vụ thực hiện" nằm trong phần hướng dẫn này; khung chung vẫn xoay quanh rủi ro và lợi ích, và bài không khẳng định văn bản đã chuyển sang mô hình khác.
- Bán trả chậm, trả góp: doanh thu xác định theo giá bán trả tiền ngay. Chiết khấu, giảm giá, hàng bán bị trả lại khiến doanh thu thấp đi.
- Thuế gián thu như thuế giá trị gia tăng không phải một phần của doanh thu, nên số tiền khách trả theo hoá đơn có thể lớn hơn doanh thu được ghi.

Về chuyển kỳ: Thông tư 99/2025/TT-BTC có hiệu lực từ 01/01/2026, áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày đó. Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, bài chưa mở lại để đối chiếu; với 2025 bài chỉ dựa vào Chuẩn mực số 14 (bản đăng lại). Từ 2026 theo Thông tư 99, đang đối chiếu.

Bốn tình huống và dòng báo cáo của từng tình huống

Tình huống	Doanh thu	Tiền	Nằm ở đâu trên báo cáo
1. Thu tiền trước, giao sau	Chưa ghi	Đã vào	Nợ phải trả: "Người mua trả tiền trước"
2. Giao rồi, thu sau	Đã ghi	Chưa vào	Tài sản: "Phải thu ngắn hạn của khách hàng"
3. Giao và thu cùng kỳ	Đã ghi	Đã vào	Không còn số dư treo
4. Giao rồi, không thu được	Đã ghi, không bị xoá	Không vào	"Dự phòng phải thu khó đòi" giảm phải thu; chi phí quản lý tăng

Tình huống 1. Thông tư 99 nêu rõ: kỳ nào đã thu tiền nhưng cuối kỳ chưa giao hàng, chưa cung cấp dịch vụ thì chưa được coi là đã bán, không ghi vào tài khoản doanh thu mà ghi bên Có tài khoản phải thu khách hàng; khi giao thật mới ghi doanh thu. Trên mẫu báo cáo tình hình tài chính (trước 2026 gọi là bảng cân đối kế toán), số dư đó là chỉ tiêu "Người mua trả tiền trước", thuộc nợ phải trả: nghĩa vụ giao hàng chưa làm xong, chưa phải thu nhập.

Đừng nhầm với "Doanh thu chờ phân bổ". Theo hướng dẫn tài khoản 3387, dòng này gồm tiền khách trả trước nhiều kỳ về cho thuê tài sản và một số khoản trong chương trình khách hàng truyền thống; văn bản ghi rõ không dùng cho tiền nhận trước của người mua mà chưa cung cấp hàng hoá, dịch vụ. Theo nguồn thứ cấp, tên cũ là "doanh thu chưa thực hiện"; tên trong báo cáo lập theo Thông tư 200 cần đối chiếu.

Tình huống 2. Doanh thu ghi ngay khi đủ điều kiện; phần chưa thu là quyền đòi tiền, nằm ở "Phải thu ngắn hạn của khách hàng". Tình huống 3 không để lại số dư treo, dùng làm mốc so sánh. Các loại khoản phải thu có ở bài khoản phải thu gồm những gì, cách đo thời gian chờ có ở bài số ngày thu tiền bình quân.

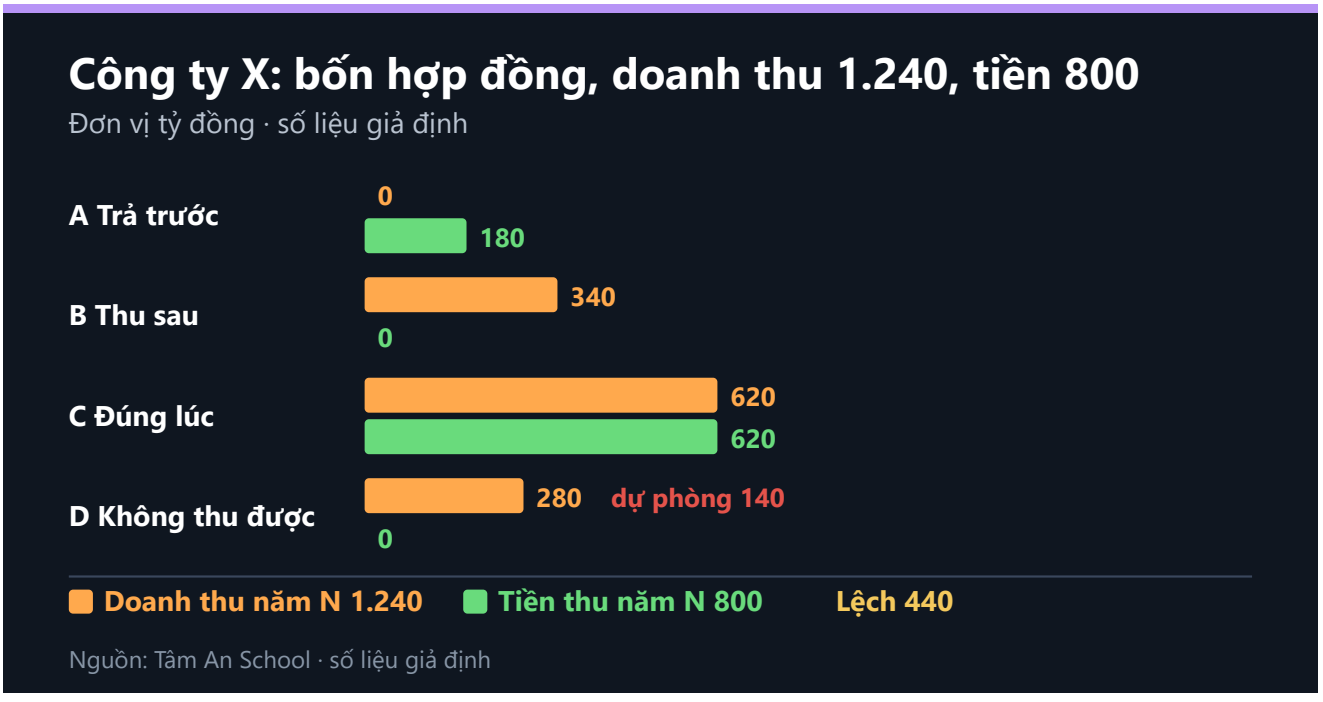
Tình huống 4. Doanh thu đã ghi đúng điều kiện lúc giao, nên không biến mất khi khách không trả. Theo hướng dẫn tài khoản dự phòng tổn thất tài sản của Thông tư 99, doanh nghiệp trích dự phòng nợ phải thu khó đòi khi khoản nợ quá hạn, hoặc chưa đến hạn nhưng có bằng chứng tổn thất (ví dụ khách đã mở thủ tục phá sản); số trích thêm ghi vào chi phí quản lý doanh nghiệp, không ghi giảm doanh thu. Thang mức trích có ở bài dự phòng nợ phải thu khó đòi. Nhìn riêng dòng doanh thu sẽ không thấy tình huống này; nó hiện ở dòng dự phòng và chi phí quản lý.

Lưu ý: điều kiện "đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế" phải đủ ngay khi ghi. Nếu lúc bán đã nghi ngờ lớn về khả năng thu tiền, câu hỏi là có đủ điều kiện ghi hay chưa, chứ không chỉ là dự phòng; đó là phán đoán của doanh nghiệp, đọc qua thuyết minh.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Công ty X giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt và đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Để gọn: bỏ qua thuế giá trị gia tăng, chiết khấu và hàng trả lại; đầu năm N không có số dư phải thu hay tiền trả trước. Năm N có bốn hợp đồng, mỗi hợp đồng một tình huống; khách của hợp đồng D đã mở thủ tục phá sản.

Hợp đồng	Giá trị	Giao	Thu	Doanh thu N	Tiền thu N	Cuối năm N
A (trả trước)	180	N+1	N	0	180	Người mua trả tiền trước 180
B (thu sau)	340	N	N+1	340	0	Phải thu 340
C (đúng lúc)	620	N	N	620	620	Không còn số dư
D (không thu được)	280	N	Chưa thu	280	0	Phải thu 280, dự phòng 140
Cộng	1.420			1.240	800	

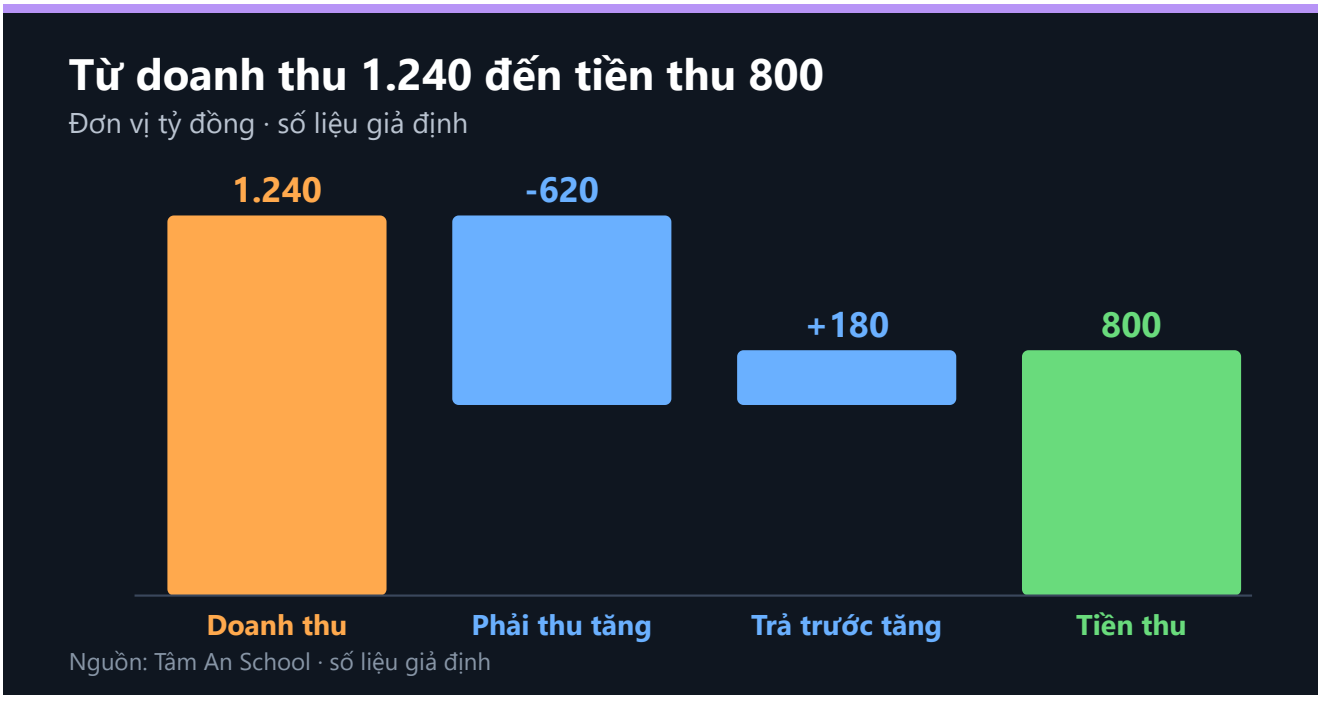


Công ty X giả định: bốn hợp đồng năm N, doanh thu 1.240 và tiền thu 800

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Giả sử công ty X ước tính tổn thất hợp đồng D là 140 và trích dự phòng đúng số đó vào chi phí quản lý. Cuối năm N, báo cáo tình hình tài chính có phải thu gộp 620 (340 + 280), trừ dự phòng 140, còn ròng 480; người mua trả tiền trước 180. Báo cáo kết quả kinh doanh ghi doanh thu 1.240 (340 + 620 + 280), không bị trừ 140.

Kiểm cầu nối: tiền thu bằng doanh thu, trừ phải thu tăng, cộng tiền trả trước tăng, tức 1.240 - 620 + 180 = 800, khớp cột tiền thu (180 + 620).



Cầu nối của công ty X giả định từ doanh thu 1.240 đến tiền thu 800

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Năm N+1, giả sử: giao hàng hợp đồng A (ghi doanh thu 180, không có tiền mới), thu 340 của B, thu được 140 của D và phần còn lại xử lý bằng dự phòng đã lập.

Các hợp đồng A đến D	Năm N	Năm N+1	Cộng hai năm
Doanh thu ghi nhận	1.240	180	1.420
Tiền thu từ khách	800	480	1.280
Doanh thu trừ tiền thu	440	-300	140

- **Năm N.** Lệch 440: phải thu tăng 620 kéo tiền xuống, tiền trả trước 180 kéo tiền lên.
- **Năm N+1.** Doanh thu chỉ 180 nhưng tiền 480, vì tiền phần lớn là doanh thu ghi từ năm trước.
- **Cộng hai năm.** Lệch đúng 140, bằng phần không thu được đã đi qua dự phòng. Chênh lệch thời điểm tự đảo chiều; chỉ phần mất thật ở lại.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Báo cáo kết quả kinh doanh:** doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, trừ giảm trừ ra doanh thu thuần.
2. **Thuyết minh:** mẫu của Thông tư 99 có mục nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (bán hàng, dịch vụ, hợp đồng xây dựng, bất động sản đầu tư...) và mục nguyên tắc kế toán nợ phải thu. Đọc để biết doanh nghiệp ghi ở mốc nào: giao hàng, nghiệm thu, tiến độ hay bàn giao.
3. **Báo cáo tình hình tài chính:** đối chiếu phải thu của khách hàng, dự phòng phải thu khó đòi, người mua trả tiền trước và doanh thu chờ phân bổ giữa đầu và cuối kỳ. Mã số khác nhau giữa các mẫu và hai thời kỳ, nên ghép theo tên chỉ tiêu.
4. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:** tiền thu từ khách hàng (cách trực tiếp) hoặc phần thay đổi phải thu (cách gián tiếp) cho biết doanh thu đã thành tiền đến đâu. Cách nối lãi với tiền có ở bài lãi trên báo cáo có phải là tiền không.
5. **Nhiều kỳ:** so các dòng này với doanh thu qua vài kỳ.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật của một doanh nghiệp, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã: đặt doanh thu cạnh phải thu, người mua trả tiền trước và dự phòng để người đọc tự quyết định có đào sâu thuyết minh hay không; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Mỗi ngành có hướng dẫn riêng. Chủ đầu tư bất động sản không ghi doanh thu đối với tiền khách trả trước theo tiến độ mà ghi khi bàn giao đủ điều kiện (Thông tư 99); nhà thầu xây dựng ghi theo phần công việc hoàn thành hoặc khối lượng được xác nhận (theo ghi chép căn cứ của dự án). Công ty X chỉ là bán hàng thông thường.
- "Chuyển giao rủi ro và lợi ích" hay "xác định tương đối chắc chắn" cần phán đoán; thuyết minh chính sách là nơi đọc mốc ghi của từng doanh nghiệp.
- Dự phòng là ước tính. Theo phần công khai của tài liệu "Financial Reporting Quality" (CFA Institute), dự phòng nợ phải thu khó đòi phụ thuộc phán đoán; mức thấp hay cao chưa tự nói gì, cần xem tuổi nợ và khách nợ.
- Người mua trả tiền trước chỉ thành doanh thu khi hợp đồng được thực hiện; số dư lớn không bảo đảm gì.

Đừng nói quá

- Không viết "doanh thu chưa thu được tiền là doanh thu ảo": doanh thu ghi đúng điều kiện vẫn hợp lệ, chỉ chưa thành tiền.
- Không viết "tiền thu trước nhiều là chắc chắn tốt" hay "dự phòng lớn là bán hàng sai". Cả hai chỉ là số dư cần đặt câu hỏi.
- Không suy từ công ty X ra doanh nghiệp cụ thể. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Phải thu tăng nhanh hơn doanh thu, người mua trả tiền trước giảm mạnh, dự phòng tăng hay doanh thu dồn vào cuối kỳ chỉ là tín hiệu để quyết định có đọc kỹ thuyết minh hay không, chưa phải bằng chứng về sai phạm. Mỗi tín hiệu có nguyên nhân hợp lý khác: đổi chính sách bán chịu, mùa vụ, hợp đồng trả trước đã giao, giao hàng theo lô, một khách lớn gặp khó khăn riêng. Bài không đưa ngưỡng cảnh báo nào. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi.

Giới hạn căn cứ: Chuẩn mực số 14 đọc từ bản đăng lại, chưa kiểm hiệu lực; chưa đối chiếu Thông tư 200 và tên chỉ tiêu giữa hai thời kỳ.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (ban hành 27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026), Công báo số 1569 đến 1582 ngày 16/11/2025: tài khoản 511 (mục 1.2 đến 1.5.8), tài khoản 338 (3387), tài khoản 229 (mục 1.4), mẫu báo cáo tình hình tài chính và thuyết minh. Đã đọc nguyên văn.
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" (Quyết định 149/2001/QĐ-BTC), đoạn 10: đọc từ bản đăng lại, hiệu lực cần đối chiếu.
- CFA Institute, "Financial Reporting Quality", CFA Program Level I, giáo trình 2026: chỉ trang công khai.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì, khác chất lượng báo cáo tài chính thế nào? (bài trụ cột)
- Lãi trên báo cáo kết quả kinh doanh có phải là tiền không?
- Khoản phải thu trên báo cáo tài chính gồm những gì?
- Số ngày thu tiền bình quân (DSO) là gì, tính thế nào?
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi là gì, thang trích lập theo thời gian quá hạn

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Doanh thu cho biết hàng hoá hay dịch vụ đã được chuyển giao theo các điều kiện của chuẩn mực; tiền cho biết bao nhiêu trong đó đã về. Khoảng cách giữa hai con số nằm ở phải thu, người mua trả tiền trước và dự phòng, và phần lớn là chênh lệch thời điểm sẽ tự đảo chiều. Hãy dùng các dòng này như tín hiệu để đọc thuyết minh kỹ hơn, chưa phải kết luận về một doanh nghiệp.

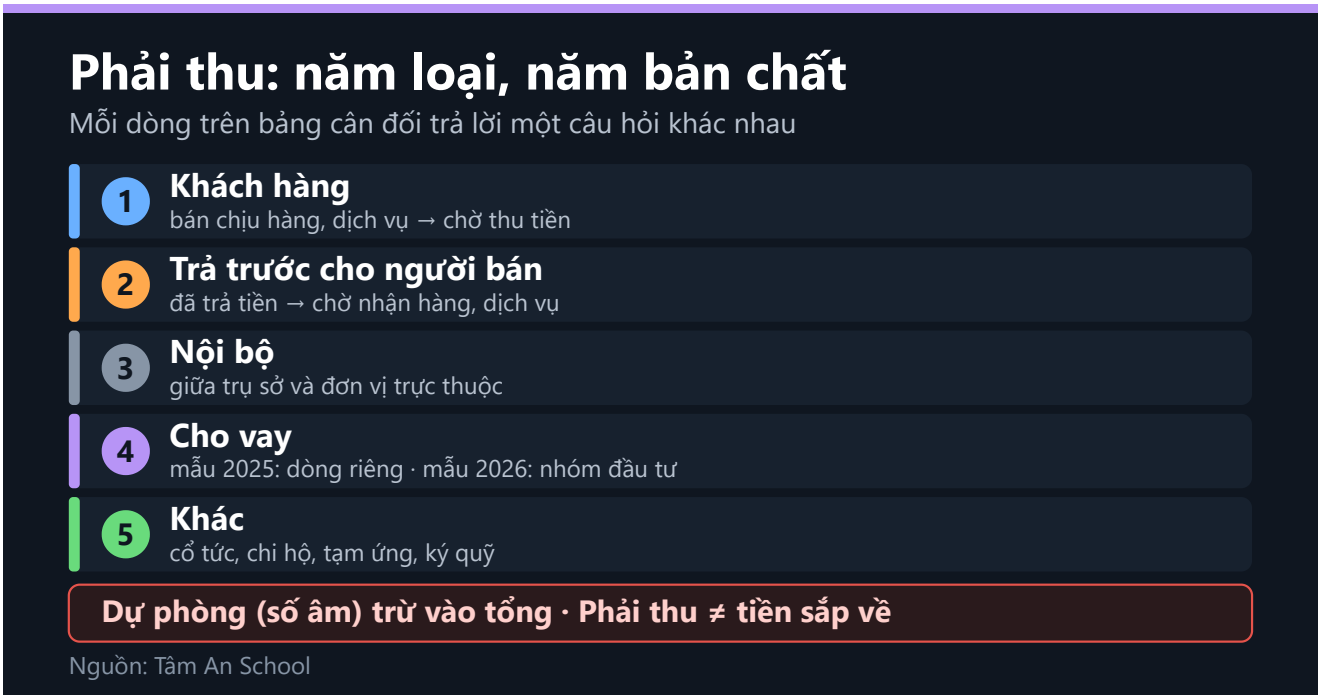
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/doanh-thu-duoc-ghi-nhan-khi-nao-khac-thu-tien-the-nao

Khoản phải thu trên báo cáo tài chính gồm những gì và khác nhau ra sao?

Câu trả lời ngắn

Trên bảng cân đối kế toán, "khoản phải thu" không phải một con số mà là một nhóm dòng khác nhau về bản chất. Phải thu của khách hàng sinh ra từ bán chịu, gắn trực tiếp với doanh thu. Trả trước cho người bán là tiền đã đưa đi để nhận hàng hoặc dịch vụ sau, nên thứ sắp "về" là hàng chứ chưa chắc là tiền. Phải thu nội bộ chỉ nằm giữa trụ sở và đơn vị trực thuộc. Phải thu khác gom những khoản không đến từ mua bán, như cổ tức, chi hộ, ký quỹ, tạm ứng. Khoản cho vay có chỗ đứng khác nhau giữa mẫu 2025 và mẫu 2026. Cuối nhóm là dự phòng. Vì vậy câu "phải thu là tiền sắp về" chỉ đúng một phần: trước khi cộng gộp, hãy hỏi mỗi dòng là gì, sinh ra từ nghiệp vụ nào và được thanh toán bằng gì. Bài này vẽ bản đồ đó, trong chuỗi Đọc báo cáo tài chính.



Bản đồ các khoản phải thu trên bảng cân đối: năm loại, mỗi loại một bản chất, chưa phải kết luận

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Bản đồ các khoản phải thu trên bảng cân đối

Báo cáo năm 2025 theo Thông tư 200 gọi báo cáo này là "Bảng cân đối kế toán"; từ năm tài chính 2026, theo Thông tư 99, tên là "Báo cáo tình hình tài chính" (cùng mẫu B01). Phải thu nằm ở hai nhóm: "Các khoản phải thu ngắn hạn" và "Các khoản phải thu dài hạn". Theo hướng dẫn lập báo cáo của Thông tư 99, ngắn hạn là kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở xuống hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường; dài hạn là phần vượt mức đó. Tên dòng dưới đây đọc trực tiếp từ mẫu B01.

Loại	Bản chất	Sinh ra từ	Đọc gì trước
Phải thu của khách hàng	Tiền còn phải thu từ người mua	Bán chịu hàng, dịch vụ; thanh lý tài sản	Thuyết minh: khách lớn, bên liên quan, dự phòng
Trả trước cho người bán	Tiền đã trả, chưa nhận hàng	Đặt cọc, ứng trước mua hàng	Ngắn hay dài hạn, so với quy mô mua
Phải thu nội bộ	Giữa trụ sở và đơn vị trực thuộc	Vốn giao, chi hộ, thu hộ	Có bị bù trừ khi tổng hợp không
Phải thu về cho vay (mẫu 2025)	Khoản cho vay theo hợp đồng vay	Cho bên khác vay	Bên vay, lãi suất, kỳ hạn
Phải thu khác	Không có tính chất thương mại	Cổ tức, chi hộ, tạm ứng, ký quỹ	Thuyết minh các khoản lớn
Dự phòng phải thu khó đòi	Số âm, trừ vào tổng	Ước tính khoản có thể không thu được	Lý do trích thêm hoặc hoàn nhập

Cùng nhóm còn "Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng" và "Tài sản thiếu chờ xử lý". Các dòng "Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ" và "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước" có chữ "thu" nhưng nằm ở tài sản ngắn hạn khác, không thuộc nhóm.

Phải thu của khách hàng. Khoản mang tính thương mại, phát sinh từ giao dịch mua bán: bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản. Hướng dẫn tài khoản của Thông tư 99 mô tả đây là khoản nợ mà quyền thu tiền chỉ phụ thuộc vào thời gian. Số trên dòng lấy từ số dư bên Nợ theo từng khách. Khách nào đã trả dư thì số dư bên Có của khách đó sang dòng "Người mua trả tiền trước" bên nguồn vốn, không bù vào đây: dòng này là số gộp theo khách.

Trả trước cho người bán. Cũng lấy từ số dư bên Nợ theo từng người bán. Nó sinh ra từ quyết định mua, không từ bán chịu. Khi hàng về, khoản này chuyển thành hàng tồn kho hoặc chi phí; nếu hàng không về, nó mới thành khoản đòi lại tiền.

Phải thu nội bộ. Theo hướng dẫn, đây là khoản phải thu giữa doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc, ngoài quan hệ giao vốn; khi lập báo cáo tổng hợp nó được bù trừ với phải trả nội bộ. Phải thu từ mua bán với công ty con hay công ty liên kết không phải loại này: Thông tư 200 xếp vào phải thu khách hàng, còn mẫu thuyết minh theo Thông tư 99 có mục "phải thu của khách hàng là các bên liên quan", chi tiết từng đối tượng.

Phải thu về cho vay. Mẫu 2025 có dòng riêng cho vay ngắn hạn và dài hạn. Mẫu B01 theo Thông tư 99 không còn dòng này trong nhóm phải thu: hướng dẫn lập dòng "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn" (ngắn hạn và dài hạn) ghi rõ có gồm các khoản cho vay.

Phải thu khác. Nhóm không có tính chất thương mại: cổ tức, lợi nhuận được chia, chi hộ, cho mượn tài sản, tiền phạt, bồi thường, và theo hướng dẫn lập báo cáo, cả tạm ứng, ký quỹ, ký cược. Mẫu thuyết minh theo Thông tư 99 yêu cầu chi tiết khoản tạm ứng, đặt cọc, ký quỹ chiếm từ 10% trở lên tổng phải thu khác.

Dự phòng phải thu khó đòi. Ghi bằng số âm trong ngoặc, trừ vào từng nhóm. Hướng dẫn nói rõ giá trị mỗi nhóm là sau khi trừ dự phòng. Cách ước tính mức dự phòng thuộc bài riêng của chuỗi; bài này chỉ nói chỗ nó nằm.

Đối chiếu mẫu áp dụng: mẫu 2025 và mẫu 2026

Khi đọc nhiều kỳ, ba điểm sau làm số "nhảy" dù doanh nghiệp không đổi gì:

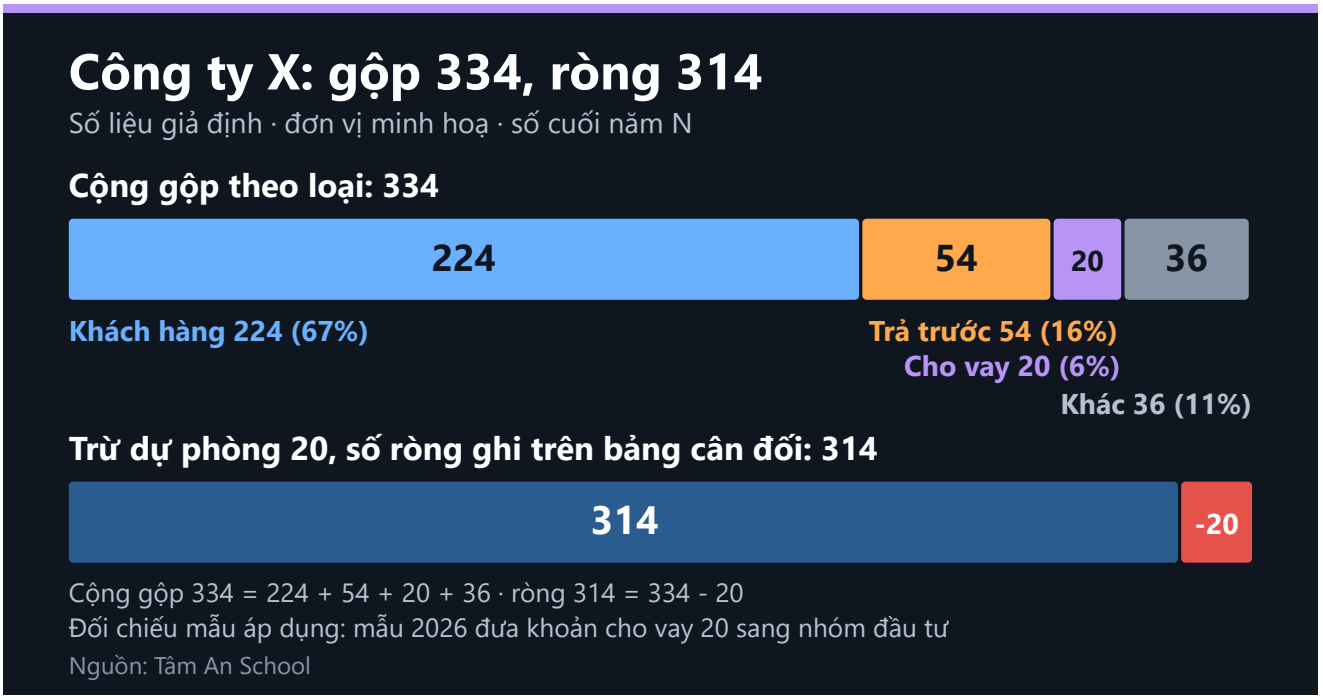
- **Cho vay đổi chỗ.** Mẫu 2025 có "Phải thu về cho vay"; mẫu 2026 đưa khoản cho vay vào nhóm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nên nhóm phải thu thấp hơn nếu có cho vay.
- **Mã số đã đánh lại** ở mẫu 2026, nên không ghép cột theo mã số.
- **Cách mô tả phân loại** trong nguyên tắc kế toán hai thông tư khác ở chi tiết; với bên liên quan, dựa vào thuyết minh của chính kỳ báo cáo.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định, tổng phải thu 334

Công ty X giả định, đơn vị minh hoạ, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Trình bày theo mẫu 2025 (có dòng cho vay); không có đơn vị trực thuộc nên phải thu nội bộ bằng không; dự phòng chỉ trích cho phải thu khách hàng và phải thu khác. Số cuối năm N.

Dòng	Ngắn hạn	Dài hạn	Cộng
Phải thu của khách hàng	194	30	224
Trả trước cho người bán	36	18	54
Phải thu nội bộ	0	0	0
Phải thu về cho vay	20	0	20
Phải thu khác	24	12	36
Cộng gộp	**274**	**60**	**334**
Dự phòng phải thu khó đòi	-14	-6	-20
Số ròng ghi trên bảng cân đối	**260**	**54**	**314**

Kiểm cộng: 194 + 36 + 0 + 20 + 24 = 274, trừ 14 còn 260; 30 + 18 + 12 = 60, trừ 6 còn 54; gộp 334, dự phòng 20, ròng 314. Theo loại: 224 + 54 + 0 + 20 + 36 = 334.



Công ty X giả định: tổng phải thu gộp 334 chia theo loại, trừ dự phòng 20 còn 314

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

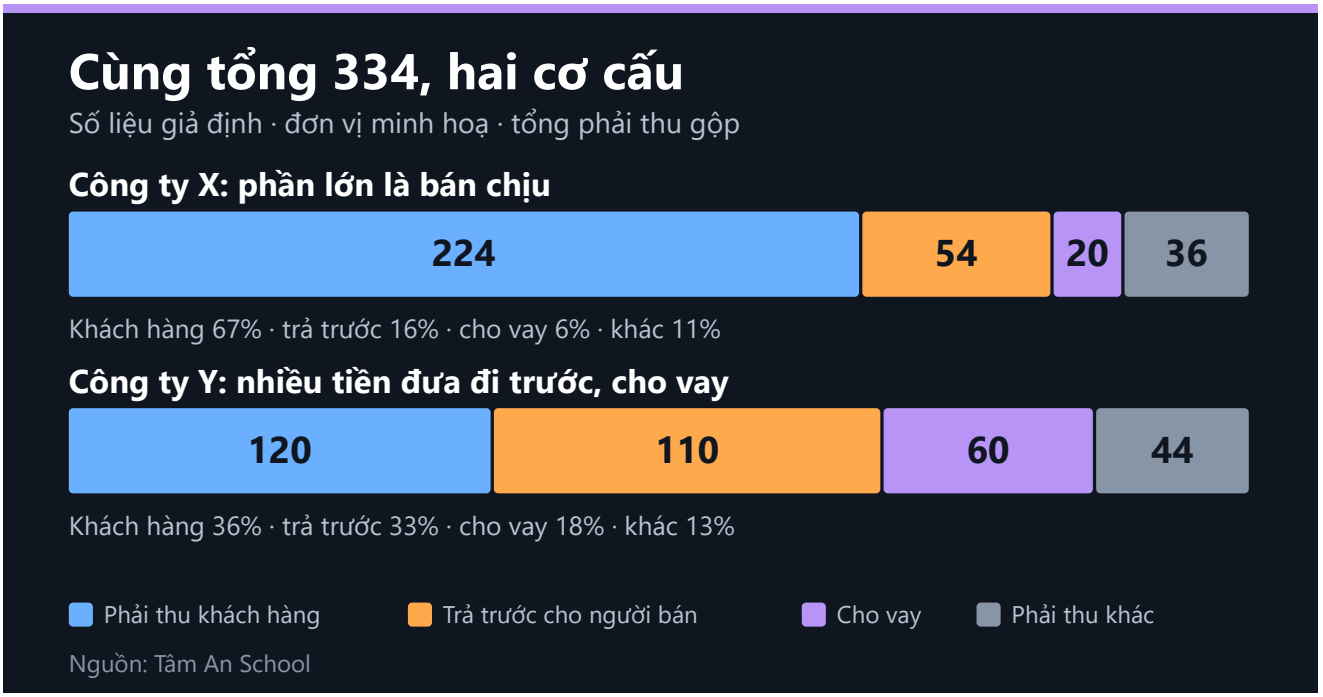
- **Cơ cấu.** Phải thu khách hàng chiếm khoảng 67% tổng gộp (224 trên 334), trả trước 16%, cho vay 6%, phải thu khác 11%.
- **Gộp và ròng.** Bảng cân đối thường chỉ cho thấy số ròng của cả nhóm. Muốn biết dự phòng 20 trừ vào khoản nào, phải mở thuyết minh: mẫu B09 theo Thông tư 99 để cột giá trị ghi sổ và cột giá trị dự phòng cạnh nhau cho từng nhóm.
- **Khách trả dư.** Giả sử theo sổ chi tiết còn khách trả trước 25. Số này nằm bên nguồn vốn, không trừ vào 224. Phép trừ 224 trừ 25 bằng 199 chỉ là cách tính của người phân tích, không phải số báo cáo công bố.
- **Đổi mẫu.** Theo mẫu 2026, khoản cho vay 20 sang nhóm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: nhóm phải thu của X là 314 gộp, 294 ròng, thấp hơn 20 mà doanh nghiệp không đổi gì. So hai kỳ phải đưa về cùng mẫu.

Hiểu nhầm "phải thu là tiền sắp về": đúng một phần ở đâu

Trong 334, hai loại thu bằng tiền theo bản chất là phải thu khách hàng (224) và cho vay (20): 244, chừng 73% tổng gộp. Trong 244 có 30 kỳ hạn trên 12 tháng, nên phần có thể thu trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ là nhiều nhất 214, chưa trừ dự phòng. Đó là kỳ hạn còn lại, không phải dự báo khách trả đúng hạn. Khoản 54 trả trước được thanh toán bằng hàng hoặc dịch vụ. Khoản 36 phải thu khác tuỳ loại: cổ tức nhận bằng tiền, ký quỹ hoàn lại, tạm ứng quyết toán bằng chứng từ chi phí (cách hiểu của Tâm An). Ba cách thanh toán khác nhau; cộng thành một con số sẽ che mất điều đó.

- **Phần đúng.** Với phải thu khách hàng, quyền thu tiền đã phát sinh và chỉ chờ thời gian.
- **Phần chưa đúng.** Số trên bảng cân đối là giá trị ghi sổ tại ngày báo cáo, chưa nói khách có trả không, bao giờ trả; dự phòng chỉ là ước tính của người lập. Trả trước và nhiều khoản khác không về bằng tiền của khách. Dài hạn là trên 12 tháng, không phải "sắp".

Đặt thêm công ty Y giả định cùng tổng phải thu gộp 334 nhưng cơ cấu khác: phải thu khách hàng 120 (khoảng 36%), trả trước 110 (33%), cho vay 60 (18%), phải thu khác 44 (13%); 120 + 110 + 60 + 44 = 334. Ở X phần lớn là bán chịu, ở Y phần lớn là tiền đưa đi trước hoặc cho vay, nên câu hỏi cũng khác: với X là khách có trả không; với Y là hàng đặt trước có về không, bên vay có trả không. Không cơ cấu nào mặc nhiên tốt hay xấu.



Cùng tổng phải thu 334, hai công ty giả định có cơ cấu khác nhau

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Đọc tên dòng và ngắn, dài hạn** của nhóm phải thu; xác định mẫu đang áp dụng (2025 hay 2026), vì cho vay nằm ở chỗ khác nhau.
2. **Tính tỷ trọng từng loại** trên tổng gộp, qua nhiều kỳ.
3. **Mở thuyết minh phải thu khách hàng:** giá trị ghi sổ, dự phòng, khách lớn, bên liên quan. Mẫu B09 theo Thông tư 99 còn có mục nợ xấu, nêu các khoản phải thu, cho vay quá hạn hoặc khó thu hồi và thời gian quá hạn.
4. **Mở thuyết minh phải thu khác** với các khoản lớn: tạm ứng, ký quỹ, chi hộ, cổ tức.
5. **Đối chiếu số gộp, dự phòng, số ròng** và lý do trích thêm hoặc hoàn nhập.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để tách các dòng phải thu, đưa về cùng mẫu rồi đánh dấu chỗ nên mở thuyết minh trước; đó chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán dùng mẫu riêng; bài chỉ nói doanh nghiệp phi tài chính. Doanh nghiệp được bổ sung chỉ tiêu ngoài mẫu kèm thuyết minh, nên hãy nhìn tên dòng thực tế trên báo cáo bạn đang cầm.
- Cách nhóm "thu bằng tiền, bằng hàng, bằng cấn trừ" là cách hiểu của Tâm An để dễ đọc, không phải phân loại của thông tư.

Đừng nói quá

- Không viết "phải thu là tiền sắp về" hay "phải thu tăng là bán được nhiều".
- Không cộng mọi dòng phải thu thành một con số rồi kết luận.
- Không so tổng phải thu mẫu 2025 với mẫu 2026 khi chưa đưa về cùng mẫu.

Tín hiệu không phải kết luận

Một dòng phải thu lớn, tỷ trọng thay đổi hay dự phòng tăng đều là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải bằng chứng về điều gì. Mỗi tín hiệu có nguyên nhân kinh doanh hợp lý khác: bán chịu để mở rộng, đặt cọc cho dự án dài, hợp đồng nhiều năm. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về chất lượng một khoản phải thu cụ thể.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026): Phụ lục IV, mẫu B01 và hướng dẫn lập các chỉ tiêu phải thu; mẫu thuyết minh B09 (phải thu của khách hàng, phải thu khác, nợ xấu); Phụ lục II (nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải thu, hướng dẫn tài khoản phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác). Công báo số 1565 + 1566, 1577 + 1578, 1579 + 1580 ngày 16/11/2025.
- Thông tư 200/2014/TT-BTC: hướng dẫn lập bảng cân đối (mẫu B01) và nguyên tắc kế toán các khoản phải thu; đọc từ bản sao toàn văn, cần đối chiếu Công báo số 279 + 280 ngày 28/02/2015 và các văn bản sửa đổi.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Doanh thu được ghi nhận khi nào, khác thu tiền thế nào?
- Số ngày thu tiền bình quân (DSO) là gì?
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi là gì?
- Giao dịch với bên liên quan là gì?
- Phải thu, tồn kho, phải trả thay đổi: dòng tiền tăng hay giảm?

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Phải thu trên bảng cân đối là một nhóm dòng, không phải một con số: phải thu của khách hàng thu bằng tiền, trả trước cho người bán đổi lấy hàng hoặc dịch vụ, phải thu nội bộ chỉ nằm giữa trụ sở và đơn vị trực thuộc, phải thu khác gồm cổ tức, chi hộ, tạm ứng, ký quỹ, còn khoản cho vay đổi chỗ giữa mẫu 2025 và mẫu 2026. Số trên bảng thường là số ròng sau dự phòng. Vì thế mỗi dòng là một tín hiệu để mở thuyết minh và đưa về cùng mẫu, chưa phải kết luận về khách hàng hay doanh nghiệp.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/khoan-phai-thu-tren-bao-cao-tai-chinh-gom-nhung-gi

Số ngày thu tiền bình quân (DSO) là gì và tính thế nào cho đúng?

Câu trả lời ngắn

Số ngày thu tiền bình quân, viết tắt là DSO (days sales outstanding), cho biết số dư phải thu tương đương doanh thu của bao nhiêu ngày. Một cách tính thông dụng là lấy phải thu bình quân chia doanh thu thuần rồi nhân với số ngày của kỳ. Nhưng không có công thức bắt buộc: chỉ cần đổi phải thu cuối kỳ sang bình quân, 365 sang 360 ngày, doanh thu chưa thuế sang có thuế giá trị gia tăng, phải thu khách hàng sang cả khoản trả trước cho người bán, hay số quý sang lũy kế, cùng một doanh nghiệp sẽ ra hai DSO cách nhau cả chục ngày. Vì vậy "tính cho đúng" nghĩa là chọn một định nghĩa, giữ nhất quán qua các kỳ và ghi rõ định nghĩa mỗi khi so sánh. Bài này không nêu mức DSO nào là tốt hay xấu, vì mức đó phụ thuộc ngành và điều khoản bán hàng.



Công thức DSO và năm lựa chọn làm con số đổi: số dư, số ngày, thuế, phạm vi phải thu, kỳ

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Công thức: một cách tính thông dụng

Danh mục chỉ số của CFA Institute định nghĩa vòng quay phải thu bằng doanh thu chia phải thu bình quân, và số ngày phải thu bằng số ngày của kỳ chia vòng quay đó. Đây là quy ước của người phân tích, không phải quy định của chuẩn mực hay thông tư kế toán Việt Nam, nên bài gọi là "một cách tính thông dụng".

- Phải thu bình quân = (số đầu kỳ + số cuối kỳ) chia 2.
- Vòng quay phải thu = doanh thu thuần chia phải thu bình quân.

- DSO = 365 chia vòng quay phải thu, tức phải thu bình quân chia doanh thu thuần, nhân 365.

Báo cáo quý thì dùng doanh thu quý và khoảng 90 hay 91 ngày thay cho 365. Cách hiểu của Tâm An: DSO quy số dư phải thu ra "số ngày doanh thu"; nó không phải điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Mẫu số gồm cả phần bán thu tiền ngay, nên doanh nghiệp bán tiền mặt nhiều có DSO thấp dù khách mua chịu vẫn trả chậm.

Năm lựa chọn làm con số đổi

1. Phải thu cuối kỳ hay bình quân. Doanh thu là dòng chảy của cả kỳ, còn phải thu là ảnh chụp một ngày. Dùng số cuối kỳ nghĩa là ghép doanh thu cả năm với ảnh chụp ngày cuối năm: nếu phải thu tăng mạnh trong năm, hoặc ngày cuối năm đúng cao điểm bán hàng, DSO bị đẩy lên. Bình quân hai đầu kỳ cân bằng hơn nhưng vẫn chỉ có hai điểm. Cách cuối kỳ vẫn dùng được, miễn là ghi rõ.

2. 365 hay 360 ngày. Cả hai đều gặp; 360 là cách làm tròn cho tháng 30 ngày. Chênh lệch khoảng 1,4% giá trị, nhỏ, nhưng thành sai lệch khi một bên dùng 365, bên kia dùng 360 rồi đem so.

3. Doanh thu thuần hay doanh thu có thuế giá trị gia tăng. Theo hướng dẫn lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Thông tư 99, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ không bao gồm thuế gián thu, trong đó có thuế giá trị gia tăng. Còn phải thu khách hàng thường ghi theo số tiền khách phải trả, nên nếu hoá đơn đã gồm thuế thì tử số có thuế, mẫu số không. Đây là cách hiểu của Tâm An, cần đối chiếu chính sách kế toán của từng doanh nghiệp. Có thể nhân doanh thu với một hệ số để cùng cơ sở thuế, nhưng khi có hàng xuất khẩu, hàng không chịu thuế hay nhiều thuế suất, hệ số chung không còn đúng. Cách thực tế hơn là giữ nguyên số trên báo cáo, thừa nhận độ lệch và chỉ so cùng một doanh nghiệp qua các kỳ.

4. Phải thu nào được đưa vào. Trong mẫu báo cáo tình hình tài chính của Thông tư 99 (tên mới của bảng cân đối kế toán), nhóm "Các khoản phải thu ngắn hạn" là chỉ tiêu tổng hợp gồm phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng, phải thu khác, dự phòng phải thu khó đòi và tài sản thiếu chờ xử lý. Ba điểm cần chú ý:

- Trả trước cho người bán là tiền đã trả nhà cung cấp cho hàng, dịch vụ chưa nhận. Nó không sinh ra từ doanh thu bán hàng, nên cộng vào tử số là trộn hai thứ khác nhau.
- Dòng phải thu của khách hàng lấy từ số dư Nợ chi tiết của tài khoản phải thu, còn dự phòng ở dòng riêng; dòng tổng của nhóm thì đã trừ dự phòng. Tính trước hay sau dự phòng cho hai số khác nhau.
- Mẫu có cả phải thu dài hạn của khách hàng; đưa vào hay không là lựa chọn cần ghi rõ.

Cách thông dụng nhất là chỉ lấy phải thu của khách hàng, vì mẫu số là doanh thu bán hàng.

5. Kỳ nào, và mùa vụ. Phải thu cuối quý chia doanh thu quý rồi nhân 91 ngày cho một con số; phải thu cuối quý ba chia doanh thu lũy kế chín tháng rồi nhân 365 ngày cho một con số hoàn toàn khác, và sai kỳ, vì tử số và mẫu số không cùng khoảng thời gian. Khi doanh thu dồn vào một quý, phải thu quý đó cao nhưng doanh thu quý đó cũng cao, nên DSO quý có thể trông thấp dù khoản mới phát sinh chưa đến hạn. Với doanh nghiệp có mùa vụ, nên so cùng quý với cùng quý năm trước, không so quý liền kề.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

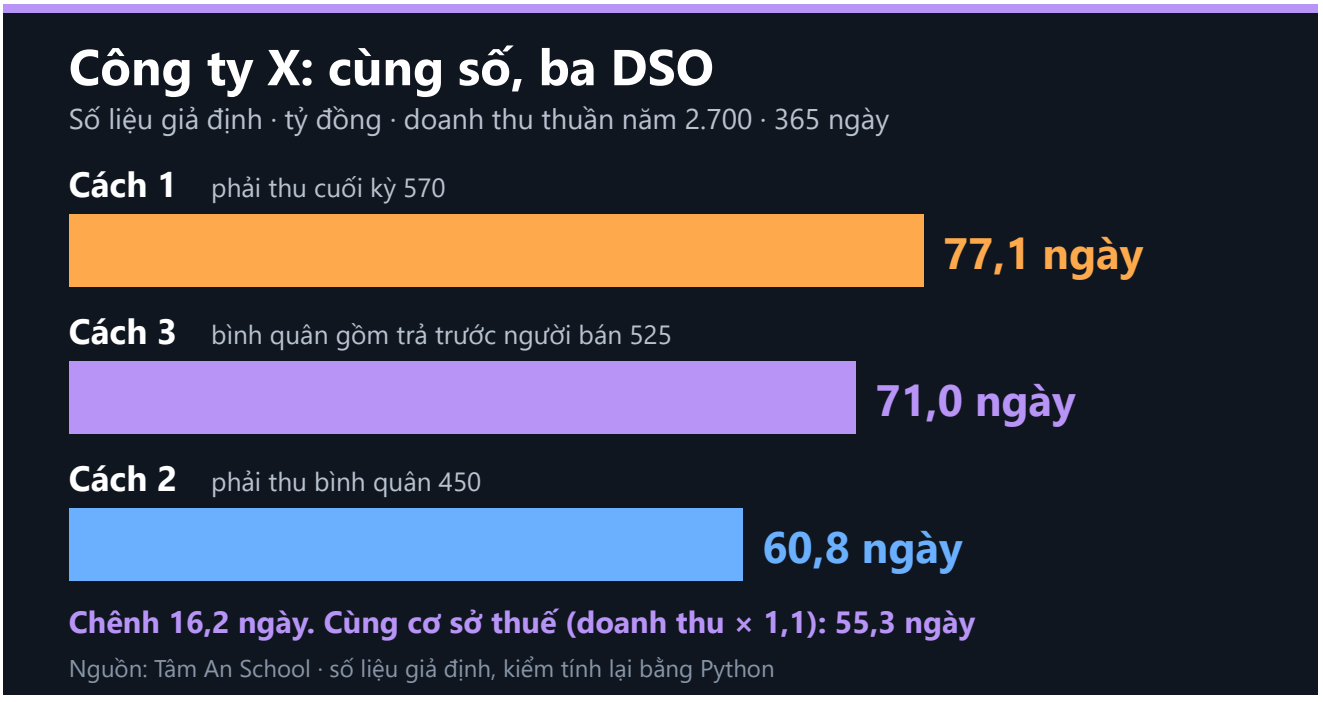
Công ty X giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính lại bằng Python, không phải số liệu thật. Doanh thu thuần cả năm là 2.700; bốn quý cộng lại: 480 + 560 + 610 + 1.050 = 2.700. Để minh hoạ phần thuế, giả sử toàn bộ doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng 10% (con số giả định, không phải khẳng định thuế suất hiện hành).

Chỉ tiêu	Đầu năm	Cuối quý 1	Cuối quý 2	Cuối quý 3	Cuối năm
Phải thu khách hàng	330	400	450	480	570
Trả trước cho người bán	60				90
Dự phòng phải thu khó đòi	12				30
Doanh thu thuần trong quý		480	560	610	1.050

Phải thu khách hàng bình quân = (330 + 570) chia 2 = 450; vòng quay = 2.700 chia 450 = 6,0 lần. Ba cách tính:

Cách	Tử số	Mẫu số	DSO
1. Phải thu khách hàng cuối kỳ, 365 ngày	570	2.700	**77,1 ngày**
2. Phải thu khách hàng bình quân, 365 ngày	450	2.700	**60,8 ngày**
3. Bình quân gồm cả trả trước người bán, 365 ngày	(390 + 660) chia 2 = 525	2.700	**71,0 ngày**

Cách 2 ra 365 chia 6,0 = 60,8, khớp với 450 chia 2.700 nhân 365. Cùng công ty, cùng báo cáo, ba cách ra 77,1; 71,0 và 60,8, cách nhau 16,2 ngày.



Công ty X giả định: ba cách tính ra 77,1; 71,0; 60,8 ngày từ cùng một bộ số

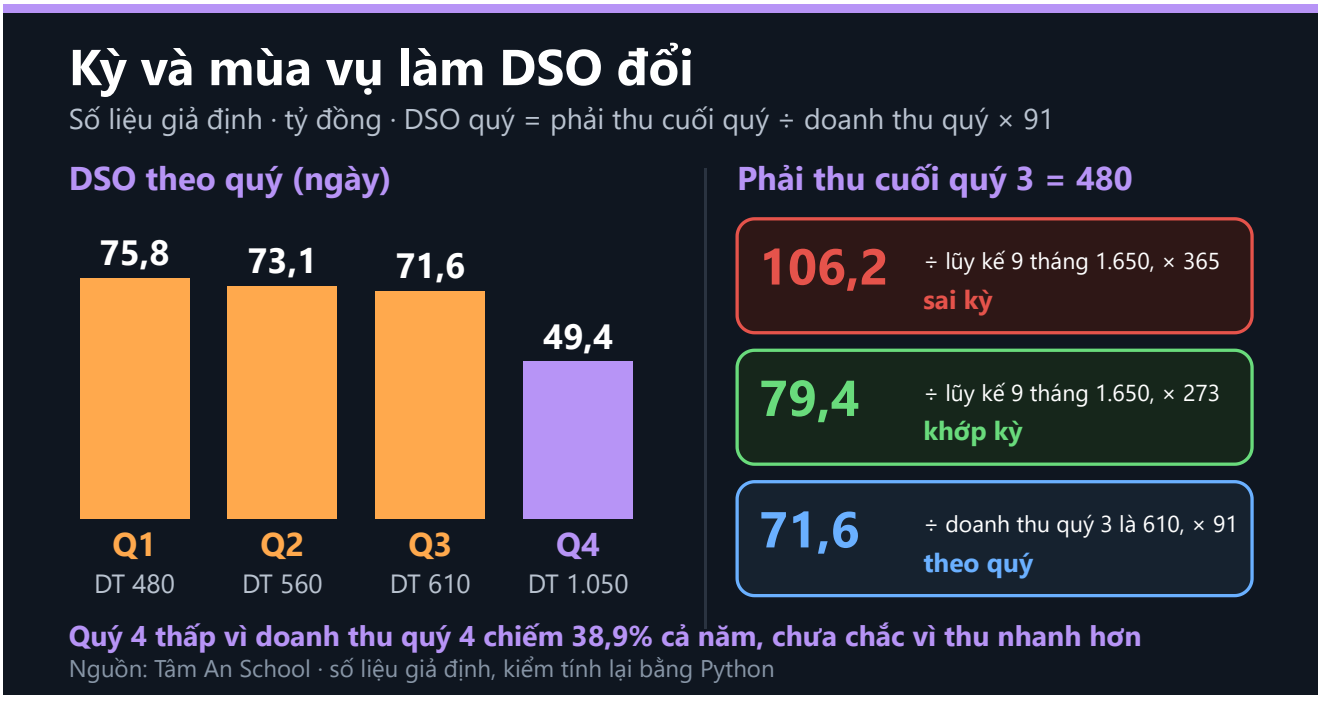
Số liệu giả định, kiểm tính lại bằng Python.

Đổi thêm một lựa chọn, bắt đầu từ cách 2 (60,8 ngày):

- **360 ngày thay 365:** 450 chia 2.700 nhân 360 = 60,0 ngày, giảm 0,8.
- **Cùng cơ sở thuế:** doanh thu thuần nhân 1,1 = 2.970; 450 chia 2.970 nhân 365 = 55,3 ngày, giảm 5,5.
- **Trừ dự phòng:** phải thu ròng bình quân = ((330 - 12) + (570 - 30)) chia 2 = 429; 429 chia 2.700 nhân 365 = 58,0 ngày, giảm 2,8.

Giữa 77,1 (cách 1) và 55,3 (bình quân, cùng cơ sở thuế) là 21,8 ngày, từ cùng một doanh nghiệp. Chưa con số nào "sai"; chúng trả lời những câu hỏi hơi khác nhau.

Còn kỳ và mùa vụ. DSO theo quý, tính bằng phải thu cuối quý chia doanh thu quý nhân 91, là 75,8; 73,1; 71,6 và 49,4 ngày cho quý một đến quý bốn. Quý bốn "thấp" chủ yếu vì doanh thu quý bốn là 1.050, chiếm 38,9% cả năm, chứ chưa chắc vì thu nhanh hơn. Nếu lấy phải thu cuối quý ba (480) chia doanh thu lũy kế chín tháng (1.650) rồi nhân nhầm 365, được 106,2 ngày; nhân đúng 273 ngày, được 79,4; theo số quý ba, 71,6.



Công ty X giả định: DSO theo quý 75,8; 73,1; 71,6; 49,4 và lỗi nhân 365 với doanh thu lũy kế chín tháng

Số liệu giả định, kiểm tính lại bằng Python.

Cách tính cho đúng: bốn việc nên làm

1. **Chọn định nghĩa trước khi nhìn kết quả**, ghi thành một dòng, chẳng hạn: "phải thu khách hàng bình quân đầu - cuối kỳ chia doanh thu thuần nhân 365".
2. **Giữ nguyên định nghĩa qua mọi kỳ** của cùng doanh nghiệp; nếu đổi, tính lại cả chuỗi kỳ trước.
3. **Chỉ so giữa các doanh nghiệp khi cùng định nghĩa**; mô hình bán hàng và điều khoản thanh toán khác nhau cũng làm DSO khác nhau.

4. **Nhìn kèm số gốc:** phải thu và doanh thu thay đổi bao nhiêu, vì DSO là một tỷ số và có thể đứng yên khi cả hai cùng tăng.

DSO cũng là một phần của chu kỳ chuyển đổi tiền: danh mục chỉ số của CFA Institute viết chu kỳ này bằng số ngày tồn kho cộng DSO trừ số ngày phải trả.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Phạm vi, kỳ, mẫu:** hợp nhất hay riêng lẻ, quý hay lũy kế. Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính bắt đầu từ 01/01/2026 theo Thông tư 99 với mã số chỉ tiêu đánh lại, nên ghép theo tên dòng, không theo mã số.
2. **Phải thu:** lấy dòng phải thu của khách hàng trên báo cáo tình hình tài chính (bảng cân đối kế toán), số cuối kỳ và số đầu kỳ; quyết định có cộng dòng dài hạn, trừ dự phòng hay không, rồi ghi lại.
3. **Doanh thu:** lấy dòng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ trên báo cáo kết quả kinh doanh, khớp kỳ với số dư: cả năm với cả năm, quý với quý.
4. **Số đầu kỳ:** khi sang mẫu mới, số đầu năm có thể được chuyển đổi hay phân loại lại so với số cuối năm đã công bố; xem thuyết minh trước khi lấy bình quân.
5. **Thuyết minh:** chi tiết phải thu khách hàng, bên liên quan, nợ quá hạn và dự phòng nếu có.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để ghi rõ định nghĩa DSO đang dùng và so từng doanh nghiệp với chính các kỳ trước của nó; đó chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công thức DSO là quy ước phân tích, không phải quy định kế toán; năm lựa chọn ở trên là quyết định của người tính.
- Độ lệch do thuế giá trị gia tăng là cách hiểu của Tâm An, chưa có nguồn đơn lẻ; mức 10% trong ví dụ chỉ để minh hoạ.
- Cách xếp dòng dành cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có báo cáo riêng. Quy ước 91 ngày cho quý là cách làm nội bộ, không phải chuẩn.

Đừng nói quá

- Không viết "DSO của doanh nghiệp này là X ngày" khi chưa nói rõ cách tính.
- Không viết "DSO thấp là tốt, cao là xấu": bài không đưa ra ngưỡng nào.
- Không so DSO giữa hai nguồn khi định nghĩa có thể khác nhau.
- Không dùng một con số DSO, một kỳ hay ví dụ giả định để kết luận về một doanh nghiệp.

Tín hiệu không phải kết luận

DSO tăng hay giảm giữa các kỳ chỉ là tín hiệu để mở báo cáo và thuyết minh, chưa phải bằng chứng về điều gì. Mỗi biến động đều có nguyên nhân kinh doanh hợp lý khác: đổi điều khoản bán chịu theo hợp đồng lớn, doanh thu dồn vào cuối kỳ do mùa vụ, thay đổi cơ cấu khách hàng, thay đổi phạm vi hợp nhất,

hay chỉ là khác định nghĩa. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi của một doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- CFA Institute, "Financial Analysis Techniques" (refresher reading Level I, 2026) và "Financial Ratio List" (CFA Program Level II): vòng quay phải thu, số ngày phải thu, chu kỳ chuyển đổi tiền; chỉ trang công khai.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026): mẫu Báo cáo tình hình tài chính, Công báo số 1577 + 1578 ngày 16/11/2025, tr. 33; hướng dẫn lập báo cáo này, Công báo số 1579 + 1580, tr. 60-61; hướng dẫn lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, cùng số Công báo, tr. 90-91.
- Thông tư 200/2014/TT-BTC cho báo cáo năm 2025: mẫu biểu chưa đối chiếu từ văn bản gốc trong bài này.
- Ghi chú nội bộ của Tâm An về DSO theo quý (nhân 91 ngày): quy ước, không phải chuẩn.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Khoản phải thu trên báo cáo tài chính gồm những gì?
- Phải thu tăng nhanh hơn doanh thu có phải dấu hiệu xấu không?
- Chu kỳ chuyển đổi tiền (CCC) là gì?
- Phải thu, tồn kho, phải trả thay đổi: dòng tiền tăng hay giảm?
- Doanh thu được ghi nhận khi nào, khác thu tiền thế nào?

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

DSO quy số dư phải thu ra số ngày doanh thu, theo một cách tính thông dụng chứ không phải quy định kế toán. Cùng một doanh nghiệp có thể ra 77,1; 71,0 hay 60,8 ngày chỉ vì chọn số dư cuối kỳ hay bình quân, có hay không khoản trả trước cho người bán, và còn lệch thêm vì số ngày, thuế giá trị gia tăng, kỳ và mùa vụ. Cách làm cho đúng là chọn một định nghĩa, giữ nhất quán qua các kỳ, ghi rõ khi so sánh, và coi biến động của DSO là tín hiệu để mở báo cáo và thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/so-ngay-thu-tien-binh-quan-dso-la-gi-tinh-the-nao

Phải thu tăng nhanh hơn doanh thu có phải dấu hiệu xấu không?

Câu trả lời ngắn

Chưa đủ để nói là xấu. Phải thu tăng nhanh hơn doanh thu là một **tín hiệu để hỏi thêm**, chưa phải bản án. Một nhóm tài liệu xếp nó vào các dấu hiệu cần xem kỹ, tiêu biểu là chỉ số DSRI trong khung sàng lọc của Beneish (1999). Các nghiên cứu tại Việt Nam mà bài đã đọc lại không cho kết quả mạnh và nhất quán. Nhiều nguyên nhân kinh doanh hợp lý cũng tạo ra đúng hiện tượng này. Cách làm an toàn là đo độ lệch, rồi kiểm tra tiếp: tuổi nợ, dự phòng, tiền thu sau ngày chốt sổ, dòng tiền kinh doanh. Đây là bài có quan điểm khác nhau (⚑): mục "Các quan điểm khác nhau" nêu từng quan điểm kèm nhóm nguồn, không chọn bên.



Phải thu chạy trước doanh thu: ba nhóm quan điểm và một danh sách kiểm tra, chưa phải kết luận

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Hiện tượng này là gì, đo thế nào

Hiện tượng: phải thu từ khách hàng tăng nhanh hơn doanh thu thuần cùng kỳ. Hai cách đo thường gặp:

- **Hệ số chạy lệch** (cách gọi của bài, không phải thuật ngữ chuẩn) bằng tốc độ tăng phải thu chia cho tốc độ tăng doanh thu, chỉ tính khi doanh thu tăng. Bằng 1 là hai khoản tăng đều nhau; lớn hơn 1 là phải thu chạy trước.
- **DSRI** trong khung của Beneish (1999) là tỷ lệ phải thu trên doanh thu kỳ này so với tỷ lệ kỳ trước, tức một cộng tốc độ tăng phải thu chia một cộng tốc độ tăng doanh thu. Bài xác minh cấu trúc biến qua VNU 2021 và AISC 2025; hệ số gốc lấy từ mẫu Mỹ, bài không dùng hệ số, không nêu ngưỡng.

Đổi tỷ lệ này thành số ngày là việc của bài số ngày thu tiền bình quân (tập 13), bài này không lặp lại. Phải thu gồm khoản nào: tập 12. Vì sao phải thu tăng ngay khi doanh thu tăng mà chưa có tiền: bài doanh thu được ghi nhận khi nào (tập 11).

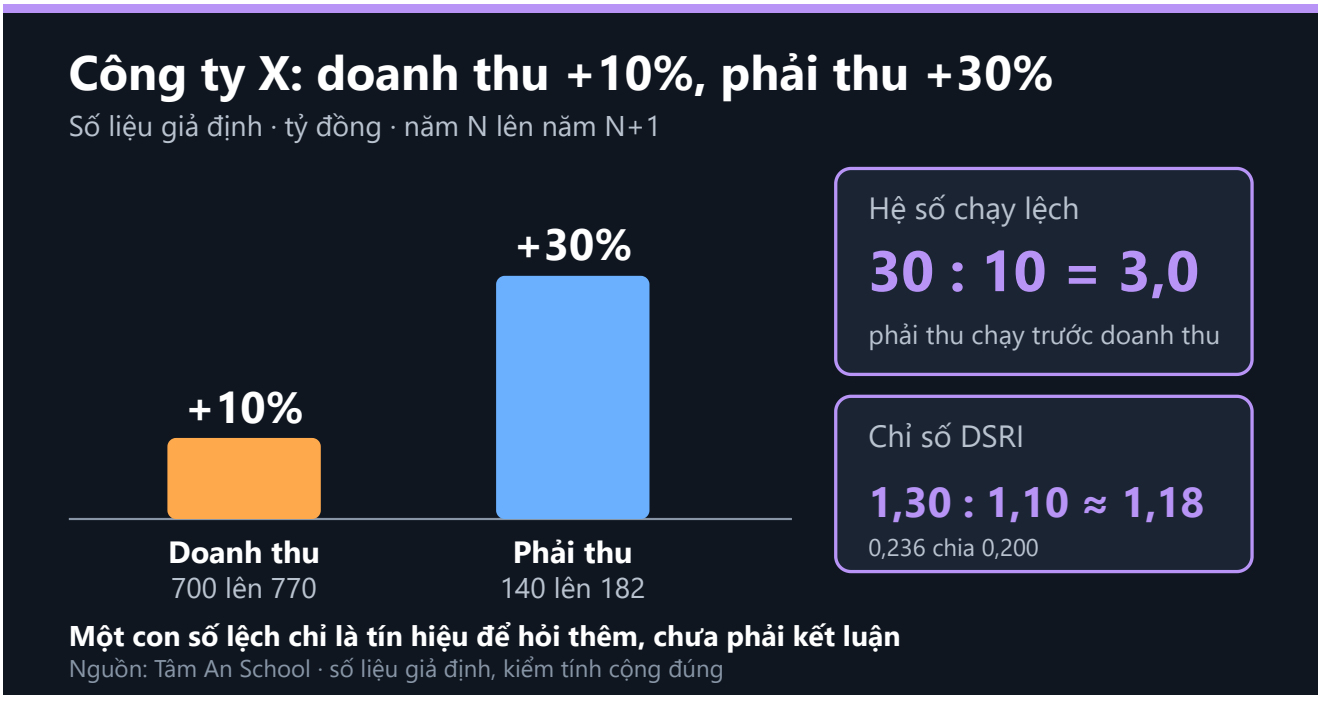
Lưu ý khi đo: phải thu là số dư tại một ngày, doanh thu là dòng chảy cả kỳ; phải thu thường gồm cả thuế giá trị gia tăng đầu ra còn doanh thu thuần thì không (cách hiểu của Tâm An); đổi phạm vi hợp nhất làm hai kỳ không so trực tiếp được.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Công ty X giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Để gọn: ngoài phải thu, các khoản vốn lưu động khác không đổi; thuế đã nộp bằng thuế ghi nhận.

Chỉ tiêu	Năm N	Năm N+1	Thay đổi
Doanh thu thuần	700	770	+10,0%
Phải thu khách hàng cuối kỳ	140	182	+30,0%
Phải thu chia doanh thu	0,200	0,236	
Lãi sau thuế	70	77	+10,0%

Hệ số chạy lệch là 30 chia 10, bằng 3,0. DSRI là 0,236 chia 0,200, khoảng 1,18 (1,30 chia 1,10 cho cùng kết quả). Số ngày thu tiền theo số dư cuối kỳ đi từ khoảng 73 lên 86. Phải thu tăng thêm 42 giữ lại 42 tiền: dòng tiền kinh doanh bằng 77 cộng khấu hao 20 trừ 42, tức 55, khoảng 0,71 lần lãi sau thuế.



Công ty X giả định: doanh thu 700 lên 770, phải thu 140 lên 182, hệ số chạy lệch 3,0

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Cùng những con số ấy, xét hai kịch bản chỉ khác ở thông tin đi kèm. Tuổi nợ ghi theo ba nhóm: chưa quá hạn; quá hạn dưới 90 ngày; quá hạn trên 90 ngày.

Điều biết thêm	Kịch bản A	Kịch bản B
Giải thích trong thuyết minh	Hợp đồng lớn 70 nghiệm thu tháng cuối; khách trả ngay 28, còn 42 trả sau 60 ngày	Không có
Tuổi nợ năm N+1 (năm N: 112; 20; 8)	154; 20; 8	128; 26; 28
Tiền thu sau ngày chốt sổ	42 vào đủ, đúng hạn	Chưa có thông tin
Dự phòng phải thu khó đòi	8 giữ nguyên	8 lên 9

Kiểm cộng: năm N, 112 + 20 + 8 = 140; năm N+1, kịch bản A 154 + 20 + 8 = 182, kịch bản B 128 + 26 + 28 = 182. Ở kịch bản A, phần kinh doanh còn lại giữ nguyên doanh thu 700 và phải thu 140; toàn bộ độ lệch đến từ hợp đồng lớn (doanh thu thêm 70, phải thu thêm 42).

- **Đọc kịch bản A.** Độ lệch có lời giải thích cụ thể, nợ quá hạn không đổi, tiền về đúng hạn. Tín hiệu được trả lời một phần; vẫn cần kiểm hợp đồng và điều khoản.
- **Đọc kịch bản B.** Chưa có lời giải thích, nợ quá hạn trên 90 ngày tăng từ 8 lên 28 (từ 5,7% lên 15,4% số phải thu) trong khi dự phòng chỉ tăng từ 8 lên 9. Đây là chỗ nên hỏi thêm, chưa phải kết luận: khoản quá hạn có thể đã được gia hạn có bảo đảm hoặc đang chờ nghiệm thu, và chính sách trích lập có thể chưa mô tả đủ.



Cùng phải thu tăng 30%: kịch bản A có hợp đồng lớn được thuyết minh, kịch bản B chưa có lời giải thích

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Các quan điểm khác nhau

Bài không chọn bên. Mỗi gạch đầu dòng là một quan điểm, kèm nhóm nguồn.

- **Nhóm khung sàng lọc kế toán (Beneish 1999; Dechow, Ge, Larson và Sloan 2011).** Phải thu tăng nhanh hơn doanh thu là một trong các dấu hiệu để xem kỹ. Beneish đưa DSRI vào mô hình tám biến; AISC 2025 mô tả DSRI là chỉ báo về khả năng doanh thu bị ghi tăng. Dechow và cộng sự đưa biến thay đổi phải thu vào F-score; theo VNU 2021, biến này chia cho tổng tài sản bình quân, không chia cho doanh thu. Hệ số của hai mô hình lấy từ mẫu Mỹ.
- **Nhóm nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam, kết quả không nhất quán.** VNU 2021 (Bùi Phương Chi và cộng sự; 3.684 báo cáo năm của 307 công ty, 2007 đến 2018): DSRI mang dấu dương nhưng hệ số rất nhỏ, ý nghĩa mức 10% ở 3 trong 8 cột; thay đổi phải thu dương ở cả 8 cột nhưng chỉ ý nghĩa 10% ở 2 cột; thay đổi hàng tồn kho không ý nghĩa; sức giải thích thấp (pseudo R bình phương dưới 0,07). Biến phụ thuộc là chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán, không phải gian lận đã chứng minh. JABES 2024 (Phạm Thị Ngọc Bích và cộng sự; 3.370 quan sát, 350 doanh nghiệp, 2013 đến 2022): vòng quay nợ phải thu, tính bằng giá vốn chia phải thu bình quân, không có ý nghĩa thống kê với dồn tích bất thường.
- **Nhóm nhận xét về giới hạn của mô hình sàng lọc.** AISC 2025 (Hoang Hung Dau; 30 doanh nghiệp sản xuất, 150 quan sát, 2019 đến 2023): tác giả nhận xét độ nhạy của M-Score thấp. Phần tổng quan của AISC còn dẫn hai nghiên cứu ở Indonesia: một cho DSRI không có ý nghĩa, một cho thấy thay đổi phải thu liên hệ ngược chiều với quản trị lợi nhuận (dẫn lại, chưa đọc bản gốc).
- **Nhóm khung chất lượng báo cáo (phần công khai của CFA Institute).** Phần công khai chỉ nêu khung khái niệm: dự phòng nợ khó đòi là ước tính dễ bị tác động, dòng tiền kinh doanh cũng có thể bị tác động. Theo hướng này, nên đọc kỹ ước tính và dòng tiền đi kèm (cách diễn giải của Tâm An).
- **Cách đọc theo mô hình kinh doanh (cách hiểu của Tâm An).** Phải thu tăng nhanh có thể là hệ quả bình thường của chính sách bán hàng, tăng trưởng, mùa vụ hay hợp đồng (mục sau).

Các quan điểm trả lời những câu hỏi khác nhau: nên soi gì, thống kê ở Việt Nam nói gì, mô hình đáng tin đến đâu, doanh nghiệp cụ thể thì sao. Chúng không loại trừ nhau, và bài không rút ra kết luận chung.

Các nguyên nhân kinh doanh hợp lý

Mỗi nguyên nhân kèm dấu vết cần tìm.

- **Mở rộng bán chịu có kế hoạch.** Nới điều kiện thanh toán để mở thị trường. Dấu vết: chính sách bán hàng, báo cáo của ban giám đốc.
- **Hợp đồng lớn chốt cuối kỳ.** Doanh thu và phải thu cùng dồn vào những tuần cuối, như kịch bản A. Dấu vết: doanh thu quý cuối cao, tiền về kỳ sau.
- **Mùa vụ.** Số dư cuối kỳ nặng hơn doanh thu bình quân. Dấu vết: so cùng kỳ năm trước, không so kỳ liền trước.
- **Đổi chính sách bán hàng.** Từ thu tiền ngay sang bán chịu, hoặc kéo dài kỳ thanh toán cho đại lý. Dấu vết: thuyết minh chính sách kế toán.
- **Đổi cơ cấu khách hàng.** Khách tổ chức hoặc xuất khẩu thường thanh toán chậm hơn khách lẻ; hợp nhất thêm công ty con cũng làm phải thu tăng. Dấu vết: doanh thu theo nhóm khách.

Danh sách kiểm tra tiếp

1. **Tuổi nợ.** Thuyết minh có chia phải thu theo thời gian quá hạn không (tuỳ mẫu biểu và doanh nghiệp)? Phần tăng nằm ở nhóm chưa đến hạn hay đã quá hạn?
2. **Dự phòng.** So dự phòng với tuổi nợ và chính sách trích lập đã công bố; mức trích theo quy định hiện hành cần đối chiếu văn bản. Bài dự phòng nợ phải thu khó đòi (tập 15) bàn riêng.
3. **Thu tiền sau ngày chốt sổ.** Phải thu cuối kỳ trước đã giảm bao nhiêu ở kỳ sau? Báo cáo quý kế tiếp và thuyết minh sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho manh mối; số chính xác chỉ doanh nghiệp có.
4. **So với dòng tiền kinh doanh.** Lãi tăng mà tiền thu không theo kịp, nhiều kỳ liền, là chỗ cần dừng lại (tập 6, tập 8).
5. **Khách lớn và bên liên quan.** Phải thu tập trung vào vài khách hoặc với bên liên quan thì đọc thuyết minh tương ứng; đó là câu hỏi cần đọc, chưa phải nhận định về ai.
6. **Điều khoản, nhiều kỳ, cùng ngành.** Điều kiện thanh toán có đổi không? Một kỳ lệch có thể là nhiễu; lệch liên tiếp mới đáng đào sâu.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Bảng cân đối kế toán:** dòng phải thu của khách hàng và dự phòng phải thu khó đòi, hai kỳ cạnh nhau. Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99/2025/TT-BTC (báo cáo này gọi là báo cáo tình hình tài chính), mã số chỉ tiêu đánh lại, nên ghép theo tên dòng.
2. **Báo cáo kết quả kinh doanh:** doanh thu thuần, cùng phạm vi.
3. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:** dòng thay đổi phải thu, và dòng tiền kinh doanh để so với lãi.
4. **Thuyết minh:** chính sách ghi nhận doanh thu, phải thu theo đối tượng và thời gian quá hạn nếu có, biến động dự phòng, bên liên quan.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đánh dấu chỗ nên mở thuyết minh trước; đó chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Hệ số chạy lệch chỉ dùng khi doanh thu tăng.
- Kết quả nghiên cứu chỉ đúng với mẫu, giai đoạn và mô hình nêu; không suy ra cho từng doanh nghiệp.
- Công ty X đã đơn giản hoá; cách đọc dành cho doanh nghiệp phi tài chính.
- Danh sách nguyên nhân và danh sách kiểm tra là cách trình bày của Tâm An, không phải điều khoản.

Đừng nói quá

- Không viết "phải thu tăng nhanh là báo cáo bị làm đẹp".
- Không viết "DSRI lớn hơn 1 nghĩa là doanh nghiệp có vấn đề" khi chưa có thuyết minh và hồ sơ.

- Không dùng hệ số hay ngưỡng của mô hình nước ngoài để chấm điểm một doanh nghiệp Việt Nam.
- Không viết "bằng chứng ở Việt Nam bác bỏ" hay "xác nhận": trong các mẫu đã đọc, kết quả yếu và không nhất quán.

Tín hiệu không phải kết luận

Phải thu tăng nhanh hơn doanh thu, DSRI lớn hơn 1 hay điểm mô hình cao đều là tín hiệu để đọc thêm, chưa phải bằng chứng về điều gì. Mỗi tín hiệu có nguyên nhân kinh doanh hợp lý khác: mở rộng bán chịu, hợp đồng lớn cuối kỳ, mùa vụ, đổi chính sách, đổi cơ cấu khách hàng. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- Beneish (1999), Financial Analysts Journal 55(5): 24-36: cấu trúc biến DSRI xác minh gián tiếp qua VNU 2021 và AISC 2025, chưa đọc bản gốc.
- Dechow, Ge, Larson và Sloan (2011), Contemporary Accounting Research 28(1): F-score.
- Bùi Phương Chi, Nguyễn Thị Hồng Thúy, Lăng Trịnh Mai Hương (2021), VNU Journal of Science: Economics and Business 37(1): 40-49, tr.47-48.
- Phạm Thị Ngọc Bích và cộng sự (2024), Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES) 35(4): 78-97, tr.90.
- Hoang Hung Dau (2025), AISC Proceedings vol. 7, tr. 177-186.
- CFA Institute, "Financial Reporting Quality", CFA Program Level I, giáo trình 2026: chỉ trang công khai.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026); Thông tư 200/2014/TT-BTC cho báo cáo năm 2025.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Doanh thu được ghi nhận khi nào?
- Khoản phải thu trên báo cáo tài chính gồm những gì?
- Số ngày thu tiền bình quân (DSO)
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi
- Vì sao điểm sàng lọc cao không có nghĩa là gian lận?

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Phải thu tăng nhanh hơn doanh thu là một tín hiệu để hỏi thêm, không phải bản án. Có nhóm tài liệu xếp nó vào các dấu hiệu cần xem kỹ, các nghiên cứu tại Việt Nam trong mẫu đã đọc cho kết quả yếu và không nhất quán, và nhiều nguyên nhân kinh doanh hợp lý tạo ra đúng hiện tượng này. Cùng một con số có thể có hai cách đọc, tuỳ vào lời giải thích, tuổi nợ, dự phòng, tiền thu sau ngày chốt sổ và dòng tiền kinh doanh. Mỗi dấu vết là một câu hỏi để đọc tiếp, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

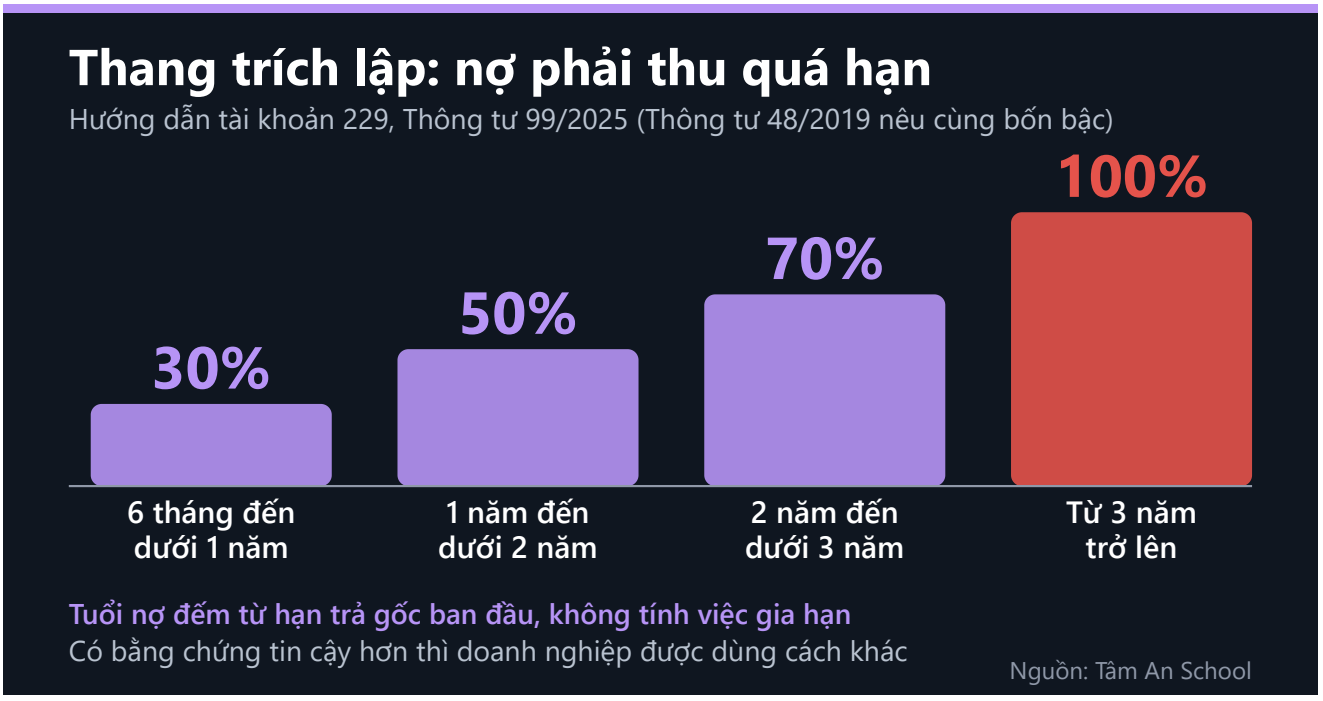
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/phai-thu-tang-nhanh-hon-doanh-thu-co-phai-dau-hieu-xau-khong

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là gì? Thang trích lập theo thời gian quá hạn ở Việt Nam

Câu trả lời ngắn

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là khoản doanh nghiệp ước tính và ghi vào chi phí khi có bằng chứng một phần hay toàn bộ khoản phải thu khó thu hồi. Nó làm lợi nhuận giảm ngay mà không có đồng tiền nào đi ra; trên bảng cân đối nó là dòng ghi âm, trừ vào giá trị phải thu. Về thang: hướng dẫn tài khoản 229 của Thông tư 99/2025/TT-BTC (năm tài chính bắt đầu từ 01/01/2026) nêu, với nợ quá hạn, mức 30% giá trị nếu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm, 50% từ 1 đến dưới 2 năm, 70% từ 2 đến dưới 3 năm, 100% từ 3 năm trở lên; Thông tư 48/2019/TT-BTC, Điều 6, nêu cùng bốn bậc. Đó là cách tính cho nợ quá hạn, không phải mức bắt buộc cho mọi khoản, và dự phòng không phải xoá nợ.



Thang trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn theo văn bản đã đọc: 30%, 50%, 70%, 100%

Sơ đồ nêu thang theo văn bản đã đọc; kỳ áp dụng xem mục kế tiếp.

Thang áp dụng cho kỳ nào

Mỗi văn bản có phạm vi kỳ riêng:

- **Năm tài chính bắt đầu từ 01/01/2026:** Thông tư 99/2025, Phụ lục II, tài khoản 229, mục 1.4. Đọc nguyên văn trên Công báo ngày 16/11/2025.
- **Báo cáo năm 2025 (lập theo Thông tư 200):** thang nằm ở Thông tư 48/2019, Điều 6 (hiệu lực 10/10/2019), đọc trên bản đăng lại và bản hợp nhất, không phải Công báo. Mục dự phòng của Thông tư 200 chưa mở; việc dựa vào Thông tư 48 cho kỳ này là cách hiểu của Tâm An, suy từ một hỏi đáp của Bộ Tài chính năm 2022.

- **Chi phí dự phòng được trừ thuế thu nhập doanh nghiệp:** Thông tư 48/2019, sửa bởi Thông tư 24/2022. Theo Quyết định 1760/QĐ-BTC ngày 01/7/2026 (qua báo chí), Thông tư 48 áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2025 đến khi có văn bản thay thế, không quá 31/12/2026.

Hai văn bản nêu cùng bốn bậc, nên khác biệt giữa hai kỳ là văn bản làm căn cứ, không phải tỷ lệ. Có tin về dự thảo thay Thông tư 48, chưa thấy ban hành; bài là trang sống, cập nhật tại chỗ khi văn bản đổi.

Dự phòng là gì và nằm ở đâu trên báo cáo

Cuối kỳ, doanh nghiệp so số dự phòng phải lập với số dư trên sổ: lớn hơn thì trích thêm, nhỏ hơn thì hoàn nhập phần chênh (tập 16 bàn riêng). Dự phòng hiện ra ở ba chỗ:

- **Báo cáo kết quả kinh doanh.** Không có dòng riêng. Khoản trích thêm ghi tăng chi phí quản lý doanh nghiệp (Nợ tài khoản 642, Có tài khoản 2293), nên lợi nhuận trước thuế giảm; theo cách tách ở tập 9, lợi nhuận hoạt động chính cũng giảm.
- **Báo cáo tình hình tài chính (bảng cân đối).** Mẫu B01-DN của Thông tư 99 có dòng "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" và dòng tương tự cho dài hạn, ghi âm trong nhóm phải thu; bài không nêu mã số vì mã đã đánh lại.
- **Thuyết minh.** Mẫu thuyết minh của Thông tư 99 nêu giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng đầu, cuối năm, lý do trích thêm hoặc hoàn nhập, và bảng "nợ xấu" gồm thời gian quá hạn, giá trị có thể thu hồi, đối tượng nợ lớn.

Thang trích lập và các lưu ý kèm theo

Với nợ phải thu quá hạn thanh toán, Thông tư 99 nêu mức trích lập trên giá trị khoản nợ: **30%** (quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm), **50%** (từ 1 đến dưới 2 năm), **70%** (từ 2 đến dưới 3 năm), **100%** (từ 3 năm trở lên). Năm lưu ý đi kèm (bốn điều đầu đọc từ cùng đoạn, điều thứ năm là cách hiểu của Tâm An):

- **Cách đếm.** Thời gian quá hạn căn cứ thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính việc hai bên gia hạn nợ. Gia hạn không làm tuổi nợ quay về không.
- **Thang riêng cho hai ngành.** Doanh nghiệp viễn thông và bán lẻ, với nợ cước trả sau và nợ bán lẻ trả góp của cá nhân: 30% từ 3 đến dưới 6 tháng, 50% từ 6 đến dưới 9 tháng, 70% từ 9 đến dưới 12 tháng, 100% từ 12 tháng.
- **Nợ chưa quá hạn.** Có bằng chứng khách nợ phá sản, bỏ trốn, đang bị truy tố hay thi hành án, mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết thì doanh nghiệp tự dự kiến mức tổn thất, tối đa bằng giá trị đang theo dõi.
- **Bằng chứng tin cậy hơn.** Nếu có bằng chứng tin cậy hơn hoặc phương pháp phù hợp hơn để xác định giá trị thu hồi, doanh nghiệp được áp dụng phương pháp đó. Vì vậy thang là căn cứ tính, con số cuối là ước tính.
- **Vùng dưới 6 tháng.** Đoạn đã đọc không nêu tỷ lệ cho nợ quá hạn dưới 6 tháng (ngoài hai ngành trên). Theo Tâm An, mức trích ở vùng này dựa vào bằng chứng và ước tính của doanh nghiệp; cần đối chiếu cách áp dụng.

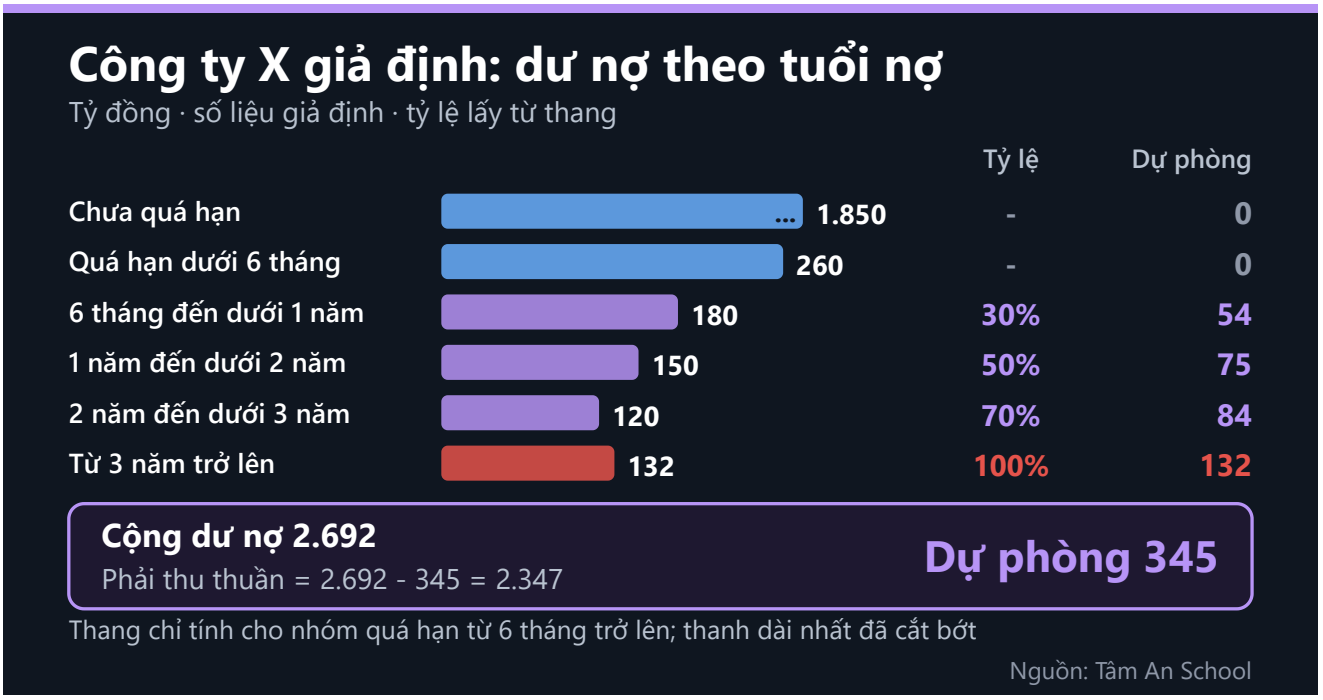
Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Công ty X giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Dư nợ là giả định; chỉ cột tỷ lệ lấy từ thang. Để gọn: bỏ qua phải thu dài hạn và dự phòng khác, hai nhóm đầu không có bằng chứng riêng nên dự phòng bằng 0, thuế 20% tính trên lợi nhuận kế toán, không xét dự phòng có được trừ thuế hay không.

Phải thu khách hàng gộp cuối năm N theo tuổi nợ:

Nhóm tuổi nợ	Dư nợ	Tỷ lệ	Dự phòng
Chưa quá hạn	1.850	không áp thang	0
Quá hạn dưới 6 tháng	260	không nêu	0
6 tháng đến dưới 1 năm	180	30%	54
1 năm đến dưới 2 năm	150	50%	75
2 năm đến dưới 3 năm	120	70%	84
Từ 3 năm trở lên	132	100%	132
Cộng	**2.692**		**345**

Kiểm cộng: dư nợ 1.850 + 260 + 180 + 150 + 120 + 132 = 2.692; dự phòng 54 + 75 + 84 + 132 = 345; phải thu thuần 2.347.



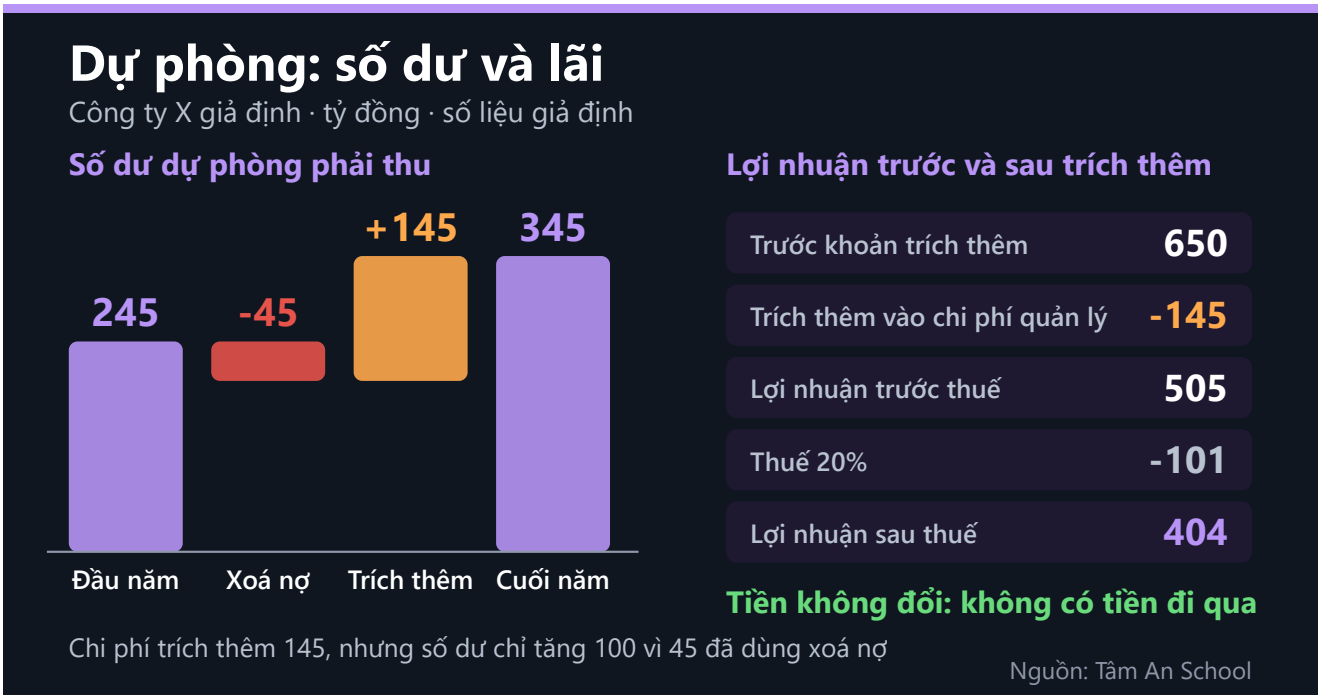
Công ty X giả định: dư nợ phải thu 2.692 theo nhóm tuổi nợ, dự phòng phải lập 345

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Số dư dự phòng đầu năm là 245. Trong năm, công ty xoá một khoản nợ 45 đã lập dự phòng đủ 100%, theo quyết định xoá nợ đúng quy định: số dư còn 200, lợi nhuận không đổi vì chi phí đã đi qua từ trước. Cuối năm cần số dư 345, nên trích thêm 345 - 200 = 145 vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Lợi nhuận trước thuế và trước khoản trích thêm là 650. Trừ 145 còn 505; thuế 20% là 101; lợi nhuận sau thuế 404. Nếu không trích thêm, lãi sau thuế là 650 - 130 = 520; chênh 116, đúng bằng 145 nhân 80%. Tiền không đổi vì dự phòng không có tiền đi qua.

Hai điểm đáng nhớ. Thứ nhất, thời gian trôi qua cũng làm dự phòng tăng: nhóm 180 ở bậc 30% sang bậc 50% mà chưa thu được đồng nào thì dự phòng từ 54 lên 90, tức lập thêm 180 nhân (50% - 30%) bằng 36, dù không có khách mới nào gặp khó. Thứ hai, số dư tăng 100 (từ 245 lên 345) nhưng chi phí trích thêm là 145, vì 45 đã dùng xoá nợ. Ở bước đi từ lãi sang tiền (tập 5), dòng dự phòng lập từ chênh lệch số dư đầu và cuối kỳ.



Công ty X giả định: số dư dự phòng 245 trừ 45 xoá nợ cộng 145 trích thêm thành 345; lợi nhuận trước thuế 650 còn 505

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Dự phòng khác xoá nợ ở chỗ nào

- **Dự phòng** là ước tính tổn thất ở thời điểm lập báo cáo; khoản phải thu vẫn nằm trên sổ, dự phòng ghi âm bên cạnh; ghi vào chi phí quản lý doanh nghiệp; có thể hoàn nhập khi ước tính đổi.
- **Xoá nợ** đưa khoản phải thu ra khỏi sổ khi khách nợ thực sự không có khả năng trả sau khi đã dùng mọi biện pháp thu nợ, hoặc khi bán nợ. Thực hiện theo pháp luật và điều lệ doanh nghiệp. Bút toán dùng số dự phòng đã lập; phần chưa lập vào chi phí quản lý.
- **Sau xoá nợ**, khoản nợ được theo dõi trong hệ thống quản trị, thuyết minh trong vòng 10 năm; thu lại được thì ghi vào thu nhập khác.

Xoá nợ không "thêm một khoản lỗ" nếu đã lập dự phòng đủ, và phải thu giảm sau xoá nợ chưa chắc là tiền đã về. Về cách phải thu được phân loại, xem bài khoản phải thu trên báo cáo tài chính gồm những gì.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Bảng cân đối.** Tìm dòng dự phòng phải thu cạnh phải thu gộp; tính tỷ lệ qua nhiều kỳ. Ở công ty X giả định, 345 trên 2.692 là 12,8%, và 345 trên phải thu quá hạn 842 là 41,0%. Cách tự tính của Tâm An để so các kỳ, không có ngưỡng đúng sai.
2. **Thuyết minh phải thu.** Đọc giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng, lý do trích thêm hoặc hoàn nhập, bảng nợ xấu. Đặt cạnh bài số ngày thu tiền bình quân.
3. **Tự kiểm chi phí trong kỳ.** Chi phí trích thêm xấp xỉ số dư cuối trừ số dư đầu, cộng số đã dùng xoá nợ, cộng hoàn nhập nếu có (công ty X: 345 - 245 + 45 = 145); cách kiểm của Tâm An.
4. **Cạnh doanh thu.** Phải thu tăng nhanh hơn doanh thu mà dự phòng đứng yên là câu hỏi để mở thuyết minh; bài phải thu tăng nhanh hơn doanh thu bàn vì sao chưa chắc là dấu hiệu xấu.
5. **Chuyển kỳ.** Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99 với mã số đánh lại, nên đối chiếu theo tên dòng. Hoàn nhập đọc ở bài hoàn nhập dự phòng; bức tranh chung ở bài trụ cột chất lượng lợi nhuận.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để thấy tỷ lệ dự phòng trên phải thu đổi thế nào qua các kỳ và nên mở thuyết minh dòng nào trước; chỉ là công cụ sàng lọc. Chuỗi bài ở Đọc báo cáo tài chính.

Điểm cần cẩn trọng

- Dự phòng là ước tính. Thang là căn cứ tính cho nợ quá hạn, không phải bảng phạt cố định; con số cuối phụ thuộc bằng chứng và phán đoán của doanh nghiệp.
- Bài nói về doanh nghiệp phi tài chính. Tổ chức tín dụng theo chế độ kế toán do Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn (Điều 2 Thông tư 99); ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cách trích lập riêng, bài không bàn.
- Thông tư 48/2019 gắn với chi phí được trừ thuế, Thông tư 99 là chế độ kế toán; số kế toán và số tính thuế có thể lệch.
- Chưa đối chiếu: mục dự phòng và mẫu thuyết minh của Thông tư 200, tình trạng Thông tư 48 sau 31/12/2026.

Đừng nói quá

- Không viết "mọi khoản quá hạn phải trích đúng 30%, 50%, 70%, 100%": còn thang riêng cho hai ngành và phương pháp khác nếu có bằng chứng tin cậy hơn.
- Không viết "dự phòng cao là xấu" hay "dự phòng thấp là an toàn": cả hai phụ thuộc cơ cấu khách hàng và lịch sử thu nợ.
- Không viết "dự phòng là tiền đã chi": trong kỳ không có tiền đi ra.
- Không dùng số giả định để suy ra một doanh nghiệp thật; bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Dự phòng tăng mạnh, giảm khi nợ quá hạn tăng, hay tỷ lệ dự phòng trên phải thu lệch xa kỳ trước đều là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải bằng chứng về điều gì. Nguyên nhân kinh doanh hợp lý khác rất nhiều: một khách hàng lớn gặp khó, chuyển sang chế độ kế toán mới, chính sách thận trọng hơn, nợ cũ được thu hồi. Giáo trình của CFA Institute về chất lượng báo cáo tài chính xếp các ước tính như dự phòng nợ khó đòi vào nhóm cần đọc kỹ, như khung khái niệm chứ không phải chẩn đoán. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi của một doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026. Phần còn hạn chế ghi rõ.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (27/10/2025; hiệu lực 01/01/2026, Điều 31): Phụ lục II, tài khoản 229 (mục 1.1, 1.4, 3.3); Phụ lục IV, mẫu B01-DN, B09-DN và hướng dẫn lưu chuyển tiền tệ. Đọc nguyên văn từ Công báo ngày 16/11/2025.
- Thông tư 48/2019/TT-BTC (08/08/2019), Điều 3, Điều 6, sửa bởi Thông tư 24/2022/TT-BTC: đọc trên bản đăng lại và bản hợp nhất 16/VBHN-BTC, không phải Công báo.
- Quyết định 1760/QĐ-BTC ngày 01/7/2026: theo Thời báo Tài chính Việt Nam 02/07/2026 và Tạp chí Kinh tế Tài chính 04/07/2026; chưa mở văn bản.
- Bộ Tài chính, Hỏi đáp chính sách tài chính, 04/08/2022.
- CFA Institute, "Financial Reporting Quality", giáo trình 2026: chỉ trang công khai, ở mức khái niệm.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Vì sao khấu hao, dự phòng được cộng lại?
- Khoản phải thu trên báo cáo tài chính gồm những gì?
- Số ngày thu tiền bình quân (DSO)
- Phải thu tăng nhanh hơn doanh thu
- Hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng như thế nào?

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là ước tính tổn thất ghi vào chi phí quản lý doanh nghiệp, làm lãi giảm mà không có tiền đi ra, và hiện ra ở dòng ghi âm trên bảng cân đối cùng thuyết minh tuổi nợ. Với nợ quá hạn, văn bản đã đọc nêu thang 30%, 50%, 70%, 100% theo thời gian quá hạn từ 6 tháng; đó là căn cứ tính, có thang riêng cho vài ngành và cho phép phương pháp khác nếu có bằng chứng tin cậy hơn. Dự phòng khác xoá nợ. Khi tỷ lệ dự phòng đổi mạnh giữa các kỳ, đó là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/du-phong-no-phai-thu-kho-doi-la-gi-thang-trich-lap-theo-thoi-gian-qua-han

Hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng như thế nào, và vì sao đó là 'lãi từ việc bớt lo xa'?

Câu trả lời ngắn

Dự phòng là khoản chi phí doanh nghiệp ghi trước vì "lo xa": phần phải thu có thể không đòi được, hàng tồn kho có thể bán dưới giá vốn. Đến cuối kỳ, nếu mức cần lập thấp hơn số dư đã ghi, tức là "bớt lo", phần chênh lệch được hoàn nhập và ghi giảm đúng khoản chi phí trước đây đã tăng. Chi phí nhỏ đi thì lợi nhuận kỳ này lớn lên, dù không có đồng tiền nào đi vào. Hoàn nhập nằm lẫn trong giá vốn, chi phí quản lý hoặc chi phí tài chính chứ không có dòng riêng, và thường không lặp lại đều đặn, nên cần tách riêng khi xem lợi nhuận hoạt động chính.



Lo xa rồi bớt lo: năm trước trích dự phòng làm lãi thấp, năm sau hoàn nhập làm lãi cao, cả hai lần đều không có tiền đi qua

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Dự phòng là "lo xa", hoàn nhập là "bớt lo"

Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 (VAS 18, đoạn 11) chỉ cho ghi dự phòng phải trả khi có nghĩa vụ nợ hiện tại do sự kiện đã xảy ra, sự giảm sút lợi ích kinh tế có thể xảy ra và ước tính được giá trị đáng tin cậy. Đoạn 55 yêu cầu xem xét lại dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm; khi doanh nghiệp chắc chắn không còn phải chịu sự giảm sút lợi ích kinh tế thì phải hoàn nhập. Với hàng tồn kho, VAS 02 (đoạn 19 đến 24) cho lập dự phòng khi giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc, và đánh giá lại ở cuối kỳ năm sau.

Thông tư 99/2025/TT-BTC (Phụ lục II) gom quy tắc thành một phép so: số dự phòng phải lập cuối kỳ với số dư đang ghi trên sổ. Cao hơn thì ghi tăng dự phòng và tăng chi phí. Thấp hơn thì hoàn nhập, ghi giảm dự phòng và giảm chi phí trong kỳ. Hoàn nhập vì vậy là hệ quả của một ước tính được xem xét lại, không phải nghiệp vụ bán hàng. Theo VAS 29, thay đổi ước tính được áp dụng từ kỳ thay đổi, không sửa kỳ trước; năm trước đã bị trừ lãi, năm nay được cộng lãi, nên lợi nhuận lên xuống mà hoạt động kinh doanh có thể không đổi.

Hoàn nhập nằm ở dòng nào

Hoàn nhập ghi giảm chi phí chứ không ghi vào doanh thu, nên báo cáo kết quả kinh doanh không có dòng "hoàn nhập dự phòng". Theo Thông tư 99, nó đi vào đúng dòng chi phí mà trích lập đã đi vào:

Loại dự phòng	Hoàn nhập ghi giảm khoản nào
Giảm giá hàng tồn kho; tổn thất tài sản sinh học	Giá vốn hàng bán
Nợ phải thu khó đòi	Chi phí quản lý doanh nghiệp
Giảm giá chứng khoán kinh doanh; tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	Chi phí tài chính
Dự phòng phải trả (ví dụ bảo hành công trình xây dựng)	Chi phí theo mục đích đã lập; bảo hành công trình là chi phí bán hàng

Hệ quả khi đọc: hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho làm giá vốn thấp đi nên biên lợi nhuận gộp nhìn tốt lên; hoàn nhập phải thu làm chi phí quản lý nhẹ đi. Mẫu thuyết minh của Thông tư 99 còn có mục "các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp", liệt kê hoàn nhập dự phòng bảo hành, tái cơ cấu và dự phòng khác.

Hoàn nhập không có tiền đi vào

Bài vì sao khấu hao, dự phòng được cộng lại đã cho quy tắc dấu: trích lập là chi phí chưa có tiền ra nên được cộng lại; hoàn nhập là thu nhập chưa có tiền vào nên bị trừ đi. Thông tư 99 hướng dẫn dòng dự phòng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ lập từ chênh lệch số dư đầu và cuối kỳ của các khoản dự phòng: số dư giảm thì trừ.

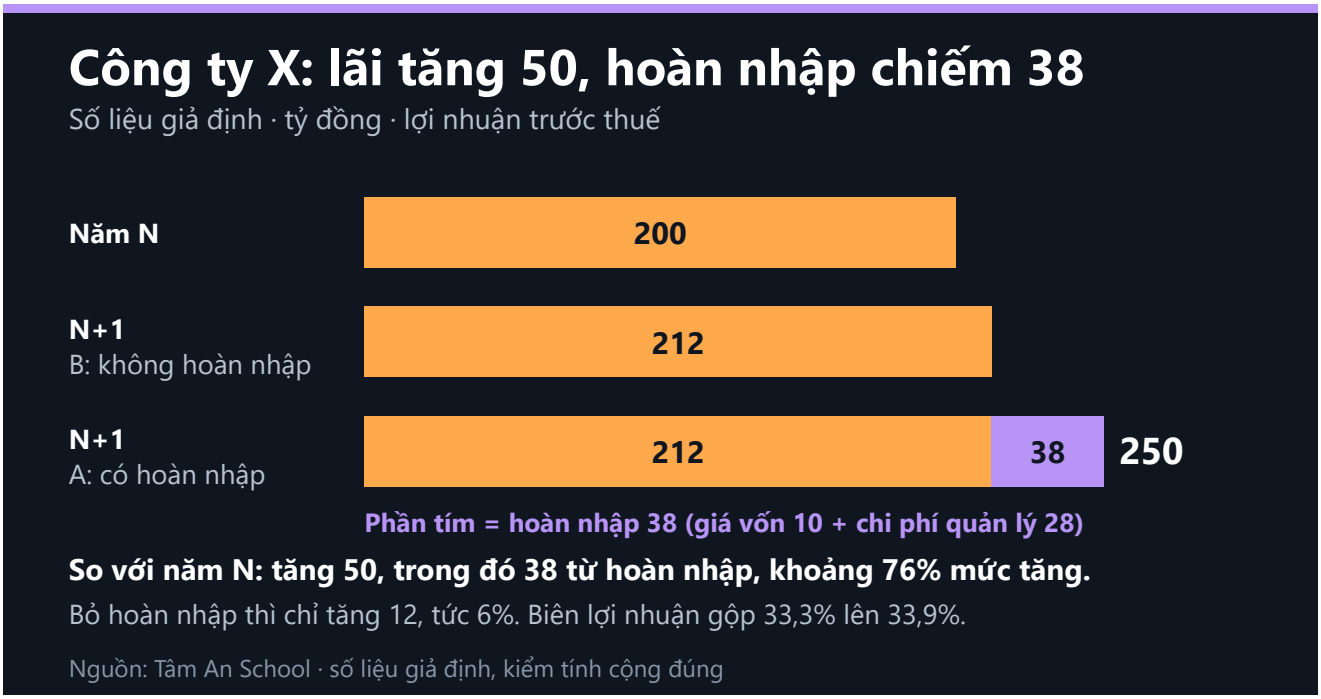
Có hai điểm dễ nhầm. Thứ nhất, số dư dự phòng cũng giảm khi doanh nghiệp dùng nó để bù khoản nợ xoá sổ (Phụ lục II ghi việc này cùng bên với hoàn nhập). Việc dùng dự phòng không đụng tới lãi, nên "dự phòng giảm" chưa chắc là hoàn nhập; thuyết minh mới tách được. Thứ hai, hoàn nhập có thể đi cùng tiền thật nếu lý do là khách đã trả khoản nợ từng lập dự phòng. Khi đó tiền nằm ở dòng phải thu giảm, theo quy tắc của bài phải thu, tồn kho, phải trả thay đổi, chứ không ở chính hoàn nhập. Hoàn nhập không tạo ra tiền, nhưng lý do đứng sau nó có thể có tiền.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Công ty X giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật; bỏ qua thuế, không dùng dự phòng để xoá nợ. Năm N lợi nhuận trước thuế là 200. Năm N+1 công ty hoàn nhập 38: dự phòng phải thu từ 70 xuống 42 (28), dự phòng hàng tồn kho từ 20 xuống 10 (10). Hai kịch bản cho năm N+1: A là số ghi sổ có hoàn nhập, B là số nếu không có hoàn nhập.

Năm N+1	A: có hoàn nhập	B: không hoàn nhập
Doanh thu thuần	1.800	1.800
Giá vốn hàng bán	1.190	1.200
Lợi nhuận gộp	**610**	**600**
Doanh thu tài chính trừ chi phí tài chính	-15	-15
Chi phí bán hàng	190	190
Chi phí quản lý doanh nghiệp	160	188
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**245**	**207**
Thu nhập khác trừ chi phí khác	5	5
Lợi nhuận trước thuế	**250**	**212**

Kiểm cộng: A 610 + 20 - 35 - 190 - 160 = 245, cộng 5 được 250; B 600 + 20 - 35 - 190 - 188 = 207, cộng 5 được 212. Chênh 38 đúng bằng hoàn nhập, nằm ở giá vốn (10) và chi phí quản lý (28). So với năm N, lợi nhuận trước thuế tăng 50, trong đó 38 đến từ hoàn nhập, khoảng 76% mức tăng (phép chia, không phải ngưỡng); không có hoàn nhập thì chỉ tăng 12, tức 6%. Biên lợi nhuận gộp nhích từ 33,3% lên 33,9% dù giá bán không đổi.



Công ty X giả định năm N+1: lợi nhuận trước thuế 250 có hoàn nhập 38, còn 212 nếu không có hoàn nhập; năm N là 200

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Nhìn sang tiền, giả sử các khoản điều chỉnh khác cộng lại là -30 ở cả ba trường hợp. A1: hoàn nhập vì đổi ước tính, phải thu gộp không đổi. A2: 28 hoàn nhập phải thu là do khách trả nợ cũ, nên phải thu gộp giảm 28.

Dòng tiền kinh doanh	B: không hoàn nhập	A1: đổi ước tính	A2: khách trả 28
Lợi nhuận trước thuế	212	250	250
Dự phòng (số dư giảm 38)	0	-38	-38
Phải thu giảm do thu nợ	0	0	+28
Các khoản khác (giả định)	-30	-30	-30
Dòng tiền kinh doanh	**182**	**182**	**210**

Kiểm cộng: B 212 - 30 = 182; A1 250 - 38 - 30 = 182; A2 250 - 38 + 28 - 30 = 210. Lãi 250 hay 212 đều cho dòng tiền 182: phần lãi tăng thêm 38 không mang tiền theo. Ở A2 tiền cao hơn 28 nhờ thu nợ, không phải nhờ hoàn nhập.



Công ty X giả định: cùng dòng tiền 182 dù lãi 250 hoặc 212; chỉ khi khách trả nợ thật thì dòng tiền mới lên 210

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Một lần hay bền: ba nguyên nhân và cách tách

Hoàn nhập chỉ xảy ra khi từng có số dư để hoàn, mà số dư ấy hữu hạn, nên thường không phải nguồn lãi đều đặn; nhưng không lặp lại không có nghĩa là xấu. Ba nguyên nhân hợp lý hay gặp:

- **Thu được nợ hoặc bán hàng tốt hơn dự kiến.** Có bằng chứng kinh doanh, thường có tiền đi kèm. Đây là tin tích cực thật, nhưng là việc đảo lại chi phí đã ghi trước đó.
- **Đổi ước tính.** Doanh nghiệp đánh giá lại khả năng thu hồi hoặc giá bán, trong khi phải thu gộp hay lượng hàng vẫn còn nguyên. Thuyết minh cần nêu lý do.
- **Hết nghĩa vụ.** Vụ việc kết thúc, thời hạn bảo hành qua đi, nghĩa vụ không còn phải chi trả.

Để tách hoàn nhập khỏi lợi nhuận hoạt động chính, dùng cách 3 của bài lợi nhuận từ hoạt động chính khác lãi cuối cùng ở chỗ nào: bỏ khoản không lặp lại khỏi dòng chính. Ba bước tự làm: tìm số hoàn nhập trong thuyết minh; trừ nó khỏi dòng đang chứa (giá vốn, chi phí quản lý hay chi phí tài chính); rồi so nhiều kỳ. Ở công ty X giả định, lợi nhuận hoạt động chính (gộp trừ chi phí bán hàng và quản lý) ghi sổ là 610 - 190 - 160 = 260; bỏ hoàn nhập 38 còn 222, đúng bằng kịch bản B.

Nhìn cả hai chiều: chỉ bỏ hoàn nhập mà giữ các kỳ trích lập lớn thì bức tranh lệch về phía xấu; cách công bằng hơn là cộng trích lập và hoàn nhập qua nhiều kỳ (cách làm của Tâm An, không phải điều khoản). Cách xác định mức dự phòng cần lập thuộc bài dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Báo cáo kết quả kinh doanh:** không có dòng hoàn nhập riêng. Chú ý giá vốn, chi phí quản lý hoặc chi phí tài chính giảm khi doanh thu không đổi, hay biên lợi nhuận gộp bật lên không rõ lý do.
2. **Báo cáo tình hình tài chính** (trước năm 2026 gọi là bảng cân đối kế toán): so số dư dự phòng đầu và cuối kỳ. Số dư giảm mạnh là câu hỏi để mở thuyết minh.
3. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, phần điều chỉnh:** dòng dự phòng lập từ chênh lệch số dư, số dư giảm thì mang dấu trừ.
4. **Thuyết minh:** theo mẫu Thông tư 99, bảng phải thu và hàng tồn kho có cột giá trị dự phòng đầu và cuối năm kèm dòng "lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập"; dự phòng phải trả có bảng đầu năm, số tăng, số giảm, cuối năm. Đây là nơi biết hoàn nhập vì lý do nào, và nhiều kỳ liền nhau cho biết nó có đi sau một kỳ trích lập lớn không.

Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200 (bảng ở dòng nào chỉ chắc theo Thông tư 99, cần đối chiếu cho năm 2025), từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99 với mã số đánh lại; hãy so tên dòng, không so mã số.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đánh dấu kỳ số dư dự phòng giảm đáng kể, giúp người đọc biết chỗ cần mở thuyết minh; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Bài nói về doanh nghiệp phi tài chính; tổ chức tín dụng theo chế độ kế toán của Ngân hàng Nhà nước (Thông tư 99, Điều 2), bảo hiểm và chứng khoán có mẫu riêng, cần đối chiếu.
- Dự phòng là ước tính của doanh nghiệp; hoàn nhập có thể hoàn toàn hợp lý. Bài không đánh giá mức dự phòng đúng hay sai.
- Ví dụ bỏ qua việc sử dụng dự phòng và thuế trên phần lãi hoàn nhập để gọn.

Đừng nói quá

- Không viết "hoàn nhập là lãi giả" hay "hoàn nhập là xấu": đó là kết quả đúng của một ước tính được xem xét lại.
- Không viết "doanh nghiệp hoàn nhập để lãi đẹp lên": con số không cho biết động cơ.
- Không suy ra doanh nghiệp cụ thể từ ví dụ giả định; bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Hoàn nhập lớn so với lợi nhuận trước thuế, hoặc lãi tăng chủ yếu nhờ hoàn nhập, là tín hiệu để mở thuyết minh và so nhiều kỳ, chưa phải bằng chứng về điều gì. Nguyên nhân hợp lý khác rất nhiều: khách đã trả nợ, giá hàng phục hồi, vụ việc kết thúc, hay doanh nghiệp có thêm thông tin nên đổi ước tính. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026): Phụ lục II, dự phòng tổn thất tài sản; Phụ lục IV, dòng dự phòng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ và mẫu thuyết minh; đọc từ Công báo ngày 16/11/2025.
- VAS 02 (Quyết định 149/2001/QĐ-BTC) đoạn 19 đến 24; VAS 18 (Quyết định 100/2005/QĐ-BTC) đoạn 11 và 55; VAS 29 (Quyết định 12/2005/QĐ-BTC) về thay đổi ước tính: đọc từ bản đăng lại, hiệu lực cần đối chiếu.
- Thông tư 200/2014/TT-BTC (báo cáo năm 2025): chưa mở từ văn bản gốc.
- CFA Institute, "Financial Reporting Quality" (giáo trình 2026, trang công khai, truy cập 12/10/2026).

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Vì sao khấu hao, dự phòng được cộng lại?
- Phải thu, tồn kho, phải trả làm dòng tiền tăng hay giảm
- Cầu nối từ lợi nhuận sau thuế đến dòng tiền kinh doanh
- Lợi nhuận từ hoạt động chính khác lãi cuối cùng ở chỗ nào?
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi là gì?

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Hoàn nhập dự phòng xảy ra khi số dự phòng cần lập cuối kỳ thấp hơn số dư đã ghi: phần chênh lệch ghi giảm chi phí tương ứng (giá vốn, chi phí quản lý hoặc chi phí tài chính) nên lợi nhuận kỳ này tăng mà không có tiền vào, nên khi đi từ lãi sang tiền phải trừ ra. Nó không có dòng riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh; thuyết minh cho biết lý do. Hoàn nhập vì thu được nợ, vì đổi ước tính hay vì hết nghĩa vụ đều có thể hợp lý, nhưng thường không lặp lại đều đặn nên nên tách khỏi lợi nhuận hoạt động chính. Hoàn nhập lớn hoặc lãi tăng chủ yếu nhờ hoàn nhập là tín hiệu để mở thuyết minh và so nhiều kỳ, chưa phải kết luận.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/hoan-nhap-du-phong-lam-loi-nhuan-tang-nhu-the-nao

Hàng tồn kho gồm những gì và được ghi nhận theo giá nào?

Câu trả lời ngắn

Hàng tồn kho là tài sản giữ để bán trong hoạt động bình thường, đang dở dang trong sản xuất, hoặc là nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ dùng để sản xuất hay cung cấp dịch vụ. Trên sổ, chúng tính theo giá gốc; nếu giá trị thuần có thể thực hiện được (giá bán ước tính trừ chi phí hoàn thiện và bán) thấp hơn giá gốc thì tính theo giá thấp hơn, phần chênh lập thành dự phòng giảm giá. Phương pháp tính giá xuất kho làm cùng một kho hàng có thể cho giá vốn và lợi nhuận khác nhau. Bài thuộc chuỗi Đọc báo cáo tài chính; vòng quay để tập sau.



Hàng tồn kho của công ty X giả định gồm sáu nhóm, trình bày theo giá gốc trừ dự phòng

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Hàng tồn kho gồm những gì

Theo hướng dẫn kế toán hàng tồn kho của Thông tư 99/2025/TT-BTC, hàng tồn kho là tài sản mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường, gồm:

- **Hàng mua đang đi đường:** đã mua nhưng chưa về kho.
- **Nguyên liệu, vật liệu** (chính, phụ, nhiên liệu, vật tư thay thế) và **công cụ, dụng cụ** chưa đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định.
- **Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang:** chi phí đã bỏ ra cho sản phẩm hay dịch vụ chưa hoàn thành.

- **Sản phẩm:** thành phẩm và bán thành phẩm. Ở bất động sản, Thông tư 99 còn nêu thành phẩm bất động sản (đất, nhà, hạ tầng đầu tư để bán).
- **Hàng hoá:** hàng mua về để bán, kể cả hàng hoá bất động sản.
- **Hàng gửi đi bán:** đã gửi cho khách hay đại lý nhưng chưa xác định là đã bán, nên chưa thành doanh thu. Thêm nguyên liệu, vật tư tại kho bảo thuế.

Chuẩn mực kế toán số 02 liệt kê gần giống. Hai ranh giới dễ bỏ qua. Thứ nhất, vật tư, phụ tùng thay thế dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh, và sản phẩm dở dang sản xuất vượt một chu kỳ, theo Thông tư 99 không trình bày là hàng tồn kho mà ở tài sản dài hạn; với bất động sản hay xây dựng, "tồn kho" ngắn hạn vì thế có thể nhỏ hơn quy mô dự án. Thứ hai, hàng nhận giữ hộ, ký gửi, gia công không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nên chỉ theo dõi ngoài sổ.

Ghi nhận theo giá nào: giá gốc, rồi so với giá trị thuần

Bước 1: giá gốc. Theo Chuẩn mực số 02 (đoạn 05 đến 11, bản đăng lại), giá gốc gồm chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác để đưa hàng đến địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Chi phí mua:** giá mua, thuế không được hoàn lại, vận chuyển, bốc xếp; chiết khấu thương mại và giảm giá được trừ ra.
- **Chi phí chế biến:** nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Chi phí sản xuất chung cố định phân bổ theo công suất bình thường; khi sản xuất dưới mức đó, phần không phân bổ ghi thẳng vào chi phí kỳ, không dồn vào hàng tồn kho.
- **Không tính vào giá gốc:** chi phí vượt mức bình thường, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Bước 2: so với giá trị thuần có thể thực hiện được, tức giá bán ước tính trừ chi phí ước tính để hoàn thành và bán; hàng tồn kho lấy số thấp hơn. Lý do (đoạn 18): tài sản không nên phản ánh cao hơn số tiền ước tính thu về; nguyên nhân có thể là hàng hư hỏng, lỗi thời, giá bán giảm, hoặc chi phí hoàn thiện và bán tăng. Ước tính phải dựa trên bằng chứng tin cậy (đoạn 20).

Điểm bất đối xứng: giá trị thuần cao hơn giá gốc thì hàng không được ghi tăng; lãi chỉ xuất hiện khi bán.

Các phương pháp tính giá xuất kho

Hàng nhập ở nhiều thời điểm với nhiều mức giá, nên khi xuất phải quy ước giá nào vào giá vốn, giá nào ở lại kho. Thông tư 99 nêu các phương pháp doanh nghiệp được chọn:

- **Giá đích danh:** theo giá thực tế của từng món; hợp với doanh nghiệp ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định, nhận diện được.
- **Bình quân gia quyền:** giá trung bình của hàng tồn đầu kỳ và hàng nhập trong kỳ, tính theo kỳ hoặc sau mỗi lô nhập.
- **Nhập trước, xuất trước:** hàng nhập trước xuất trước, nên hàng cuối kỳ mang giá các lô nhập gần cuối kỳ.
- **Giá bán lẻ** (cho bán lẻ) và **chi phí chuẩn** (có thể áp dụng cho sản xuất).

Chuẩn mực số 02 (đoạn 13) còn liệt kê nhập sau, xuất trước; danh sách của Thông tư 99 mà bài đã đọc không nêu phương pháp này. Doanh nghiệp chọn theo đặc điểm hàng và phải áp dụng nhất quán giữa các kỳ, trừ khi thay đổi chính sách kế toán.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

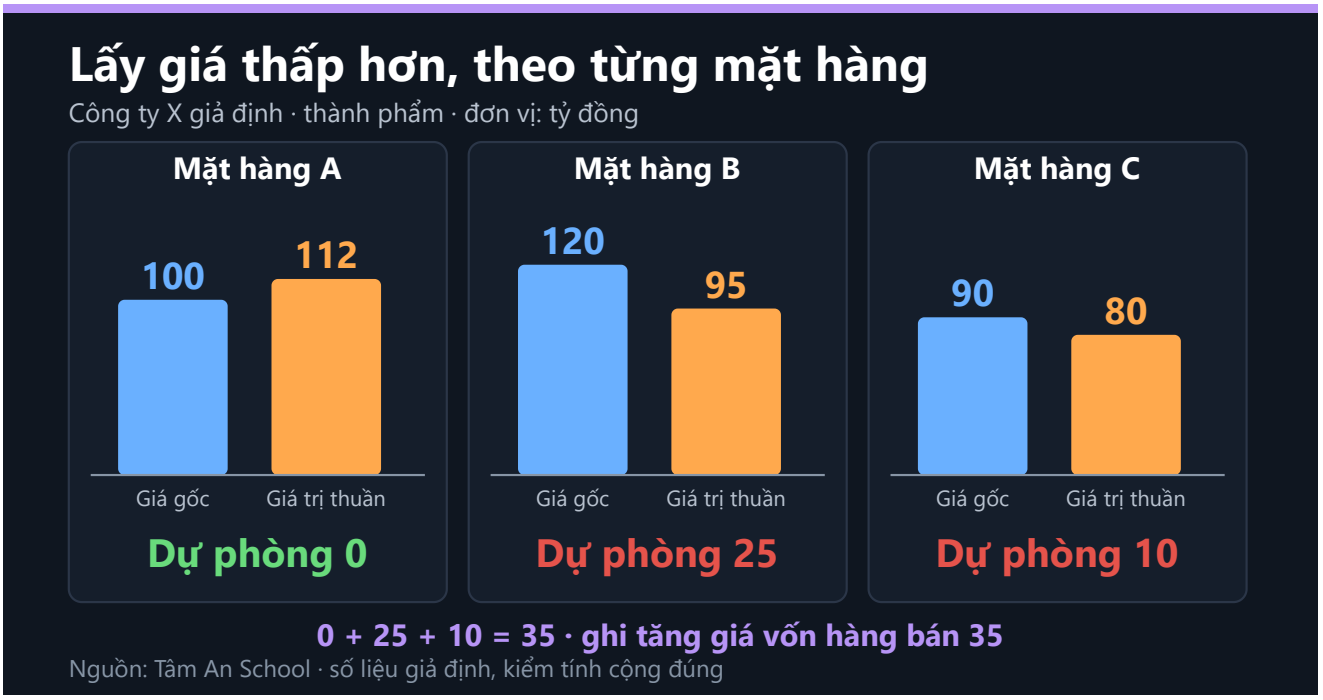
Công ty X giả định là doanh nghiệp sản xuất, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Hàng tồn kho cuối năm theo giá gốc:

Nhóm	Giá gốc
Nguyên liệu, vật liệu	240
Công cụ, dụng cụ	18
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	120
Thành phẩm	310
Hàng hoá	85
Hàng gửi đi bán	47
Cộng giá gốc	**820**
Dự phòng giảm giá	-35
Hàng tồn kho thuần	**785**

Kiểm cộng: 240 + 18 + 120 + 310 + 85 + 47 = 820; 820 - 35 = 785. Cơ cấu cho thấy thành phẩm khoảng 38% và nguyên liệu khoảng 29% giá gốc, là chỗ nên đọc tiếp.

Dự phòng theo từng mặt hàng. Ba mặt hàng thành phẩm của công ty X (giá gốc; giá bán ước tính trừ chi phí hoàn thiện và bán ra giá trị thuần): - Mặt hàng A: giá gốc 100; 130 - 18 = 112; dự phòng 0. - Mặt hàng B: giá gốc 120; 140 - 45 = 95; dự phòng 25. - Mặt hàng C: giá gốc 90; 100 - 20 = 80; dự phòng 10.

Cộng giá gốc 310, dự phòng 35. A có giá trị thuần cao hơn giá gốc 12 nhưng không được bù vào dự phòng của B và C, vì dự phòng lập theo từng mặt hàng (đoạn 19). Theo Thông tư 99, dự phòng lập thêm ghi tăng giá vốn hàng bán: giá vốn kỳ này tăng 35 dù chưa bán thêm gì. Giả sử năm sau B có giá trị thuần 105, C vẫn 80, dự phòng cần lập là 15 + 10 = 25, thấp hơn 35 đã lập; 10 chênh lệch hoàn nhập, ghi giảm giá vốn, làm lợi nhuận tăng 10 mà không từ bán hàng thêm: đáng đọc trong thuyết minh.



Giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần của ba mặt hàng thành phẩm công ty X giả định: dự phòng 0, 25 và 10

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Cùng một kho hàng, hai phương pháp, hai giá vốn. Lấy riêng nguyên liệu M, giá triệu đồng một tấn, giả sử giá nhập tăng dần: tồn đầu kỳ 100 tấn giá 10, mua lần một 100 tấn giá 12, mua lần hai 100 tấn giá 14. Xuất bán 200 tấn, doanh thu giả định 20 mỗi tấn, tức 4.000. Bình quân gia quyền tính một lần cuối kỳ.

Triệu đồng	Nhập trước, xuất trước	Bình quân gia quyền
Giá trị khả dụng	3.600	3.600
Giá vốn 200 tấn xuất	2.200	2.400
Tồn cuối 100 tấn	1.400	1.200
Lợi nhuận gộp	1.800	1.600

Cách tính: khả dụng 100 x 10 + 100 x 12 + 100 x 14 = 3.600; giá trung bình 3.600 chia 300 tấn = 12, nên bình quân cho giá vốn 200 x 12 = 2.400 và tồn 100 x 12 = 1.200. Nhập trước, xuất trước xuất lô 10 và lô 12: 1.000 + 1.200 = 2.200, còn lại lô 14: 1.400. Hai cột cùng cộng về 3.600: phương pháp chỉ chia lại tổng chi phí giữa giá vốn và hàng còn trong kho. Khi giá nhập tăng, nhập trước xuất trước đưa lô giá thấp vào giá vốn: giá vốn thấp hơn 200, lợi nhuận gộp cao hơn 200, kho mang giá gần giá mới. Nếu giá nhập giảm (đảo thứ tự 14, 12, 10), nhập trước xuất trước cho giá vốn 2.600 so với 2.400, chiều ngược lại. Phần chênh dần "trả" khi kho dùng hết, nhưng một kỳ cụ thể vẫn nhận con số khác; vì vậy đổi phương pháp tính giá là thay đổi chính sách kế toán, cần trình bày rõ (cách xử lý cần đối chiếu chuẩn mực liên quan).



Công ty X giả định, nguyên liệu M: cùng 3.600, nhập trước xuất trước cho giá vốn 2.200 còn bình quân gia quyền cho 2.400

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng; bình quân tính một lần cuối kỳ.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Mẫu và kỳ.** Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính bắt đầu từ 01/01/2026 theo Thông tư 99, mã số đánh lại. Ở mẫu Thông tư 99, "Hàng tồn kho" (mã 140) gồm hàng tồn kho (mã 141) cộng dự phòng (mã 142, số âm); phần dài hạn ở chỉ tiêu riêng. Khi so hai kỳ, ghép theo tên dòng, không theo mã số.
2. **Thuyết minh hàng tồn kho.** Tìm bảng chia theo loại, kèm giá gốc, dự phòng, giá trị ghi sổ. Chuẩn mực số 02 (đoạn 27) yêu cầu trình bày phương pháp tính giá, giá gốc tổng và từng loại, dự phòng, hoàn nhập, nguyên nhân trích lập thêm hoặc hoàn nhập, và hàng thế chấp, cầm cố.
3. **Chính sách kế toán và kết quả kinh doanh.** Xem phương pháp tính giá, cách lập dự phòng có đổi so với kỳ trước không. Giá vốn gồm giá gốc hàng đã bán, dự phòng lập thêm, hao hụt mất mát; hoàn nhập ghi giảm giá vốn.
4. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.** Thay đổi hàng tồn kho nằm ở phần điều chỉnh vốn lưu động (xem quy tắc dấu cho phải thu, tồn kho, phải trả); dự phòng là khoản không bằng tiền, như bài khấu hao, dự phòng được cộng lại giải thích.
5. **Đặt cạnh nhau** cơ cấu tồn kho nhiều kỳ, doanh thu và giá vốn. Vòng quay hàng tồn kho, tồn kho tăng nhanh hơn giá vốn và chu kỳ chuyển đổi tiền có bài riêng.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để biết nên mở thuyết minh hàng tồn kho trước; đó chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Cơ cấu hợp lý khác nhau theo ngành: sản xuất nhiều nguyên liệu và dở dang, thương mại nhiều hàng hoá, bất động sản nhiều chi phí dự án dở dang (nhận định của Tâm An). Không có cơ cấu "chuẩn" chung.
- Giá trị thuần và dự phòng là ước tính, phụ thuộc phán đoán về giá bán, chi phí và tình trạng hàng.
- Hiệu lực của Quyết định 149/2001/QĐ-BTC (chứa Chuẩn mực số 02) chưa kiểm trên cổng nhà nước; Thông tư 99 vẫn dẫn chiếu Chuẩn mực số 02. Cần "đối chiếu văn bản mới nhất".
- Dành cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có báo cáo riêng.

Đừng nói quá

- Không viết "tồn kho nhiều là xấu".
- Không coi việc đổi phương pháp tính giá là kết luận về lợi nhuận: đó là cách chia chi phí khác, có thể được thuyết minh đầy đủ.
- Không viết "có dự phòng là hàng hỏng" hay "hoàn nhập là lãi thật".
- Không dùng công ty X để suy ra doanh nghiệp cụ thể; bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Dự phòng tăng mạnh, hoàn nhập lớn kéo lợi nhuận, đổi phương pháp tính giá hay cơ cấu tồn kho lệch nhiều so với kỳ trước đều là tín hiệu để đọc thêm thuyết minh và nhiều kỳ, chưa phải bằng chứng về điều gì. Mỗi tín hiệu có nguyên nhân kinh doanh hợp lý khác: giá nguyên liệu biến động, mùa vụ, mở rộng sản xuất, đổi danh mục sản phẩm. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" (Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001): đã đọc đoạn 01 đến 29 từ bản đăng lại trên vanban.vcci.com.vn; trang này ghi tình trạng "hết hiệu lực", trang khác ghi "còn hiệu lực", chưa xác minh trên cổng nhà nước nên ghi "đối chiếu văn bản mới nhất".
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026), đọc từ PDF Công báo (mức A): Phụ lục II, nguyên tắc kế toán hàng tồn kho và Tài khoản 152, 154, 155, 156, 157, 229, 632 (Công báo số 1565 + 1566 đến 1573 + 1574); Phụ lục IV, Báo cáo tình hình tài chính (số 1579 + 1580) và Bản thuyết minh (số 1581 + 1582).
- Thông tư 200/2014/TT-BTC (báo cáo năm 2025): phần hàng tồn kho chưa mở từ văn bản gốc, bài không nêu điều khoản hay mã số.
- CFA Institute, "Analysis of Inventories", giáo trình 2026: chỉ trang công khai.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Phải thu, tồn kho, phải trả: cách nhớ dấu cộng trừ
- Khấu hao, dự phòng được cộng lại vì sao?
- Vòng quay hàng tồn kho và số ngày tồn kho
- Hàng tồn kho tăng nhanh hơn giá vốn
- Chu kỳ chuyển đổi tiền (CCC)

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Hàng tồn kho gồm nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, chi phí sản xuất dở dang, thành phẩm, hàng hoá và hàng gửi đi bán, tính theo giá gốc và hạ xuống giá trị thuần có thể thực hiện được khi thấp hơn, phần chênh lập thành dự phòng theo từng mặt hàng. Cùng một kho hàng, phương pháp tính giá xuất kho có thể cho giá vốn và lợi nhuận khác nhau trong một kỳ. Cơ cấu theo loại, phương pháp tính giá và thuyết minh là chỗ cần đọc; mỗi thay đổi lớn là tín hiệu để đọc thêm, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/hang-ton-kho-gom-nhung-gi-va-duoc-ghi-nhan-theo-gia-nao

Vòng quay hàng tồn kho và số ngày tồn kho: công thức và những sai lầm thường gặp

Câu trả lời ngắn

Vòng quay hàng tồn kho cho biết trong một kỳ, hàng tồn kho "quay" được bao nhiêu lần so với giá vốn đã bán; số ngày tồn kho là cùng con số ấy đọc bằng ngày. Cách tính thông dụng theo bảng công thức của CFA Institute: vòng quay bằng giá vốn hàng bán chia hàng tồn kho bình quân, và số ngày tồn kho bằng số ngày trong kỳ chia vòng quay. Đây là cách tính phổ biến, không phải quy định của chuẩn mực hay thông tư, nên mỗi nguồn có thể tính hơi khác nhau. Điều đáng chú ý hơn công thức là sáu chỗ dễ tính sai: dùng doanh thu thay giá vốn, dùng tồn kho cuối kỳ thay bình quân, quên mùa vụ và số ngày của kỳ ngắn, so giữa các ngành khác nhau, bỏ sót phần tồn kho nằm ngoài một dòng, và cộng gộp nhiều loại hàng. Ở công ty X giả định bên dưới, cùng một năm cho ra từ khoảng 56 đến khoảng 85 ngày chỉ vì cách tính. Bài không đưa mốc "tốt" hay "xấu", vì mức hợp lý còn tuỳ mô hình kinh doanh; bài thuộc chuỗi Đọc báo cáo tài chính.



Vòng quay và số ngày tồn kho: công thức thông dụng và ba cách tính cho ba kết quả khác nhau

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Công thức và cách đọc

- **Vòng quay hàng tồn kho** = giá vốn hàng bán ÷ hàng tồn kho bình quân. Giá vốn lấy từ báo cáo kết quả kinh doanh, hàng tồn kho từ bảng cân đối kế toán (từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99, báo cáo này gọi là báo cáo tình hình tài chính).
- **Số ngày tồn kho** = số ngày trong kỳ ÷ vòng quay. Kỳ năm thường dùng 365 ngày, có nơi dùng 360; chọn một cách rồi giữ nhất quán khi so.

- **Hàng tồn kho bình quân** thường là trung bình của số đầu kỳ và số cuối kỳ. Khi có số từng quý, có thể lấy trung bình nhiều điểm.

Cách đọc: số ngày tồn kho là thời gian trung bình hàng nằm trong kho trước khi chuyển thành giá vốn, với giả định đơn giản là hàng ra vào đều đặn; vì là trung bình nên nó không cho biết mặt hàng nào nằm lâu. Công thức cùng khuôn với số ngày thu tiền bình quân, chỉ khác tử số là giá vốn. Số ngày tồn kho cũng là một thành phần của chu kỳ chuyển đổi tiền. Hàng tồn kho gồm những gì và ghi nhận theo giá nào nằm ở bài hàng tồn kho gồm những gì; bài này chỉ bàn cách tính.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

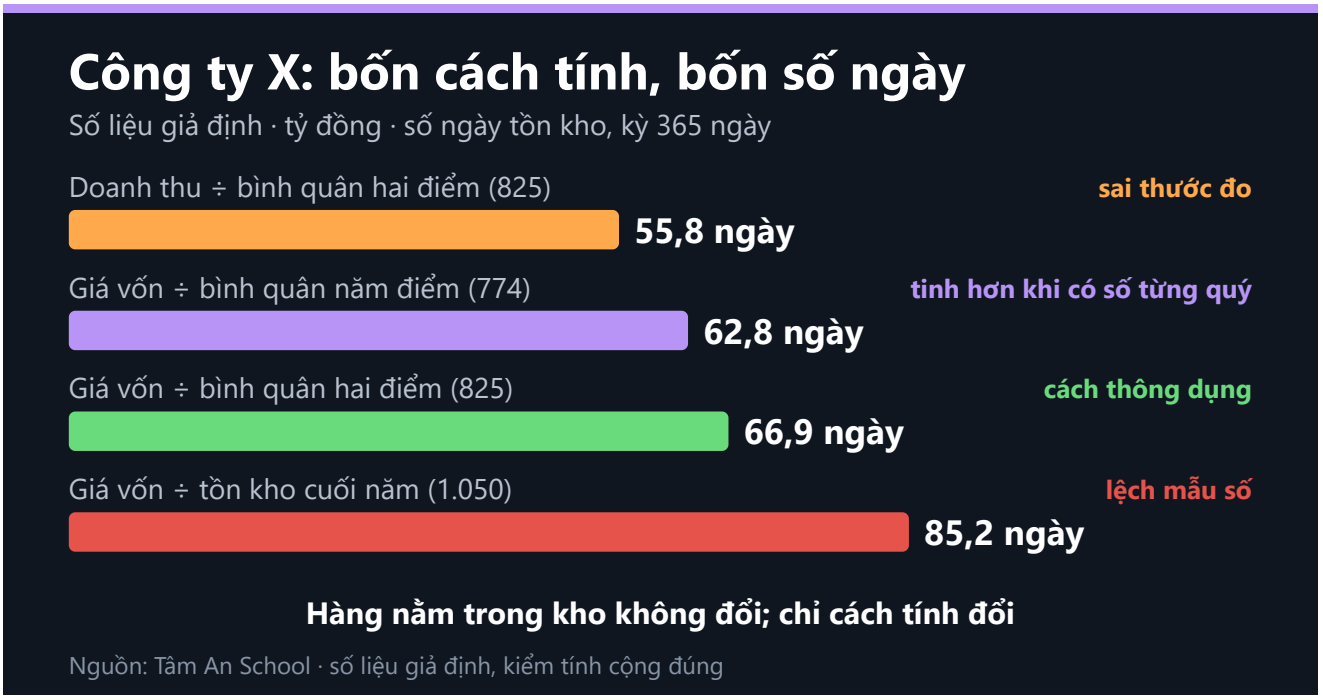
Công ty X giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Doanh thu thuần năm là 5.400, giá vốn 4.500 (lãi gộp 900). Giá vốn theo quý là 1.000, 1.050, 1.150 và 1.300. Hàng tồn kho tăng dần vì công ty chuẩn bị hàng cho đợt bán cuối năm.

Thời điểm	Đầu năm	Cuối quý I	Cuối quý II	Cuối quý III	Cuối năm
Hàng tồn kho	600	640	700	880	1.050

Bốn cách tính cho cùng một năm:

Cách tính	Vòng quay	Số ngày (365)
Giá vốn ÷ tồn kho bình quân đầu và cuối năm (825)	5,45	66,9
Doanh thu ÷ tồn kho bình quân đầu và cuối năm	6,55	55,8
Giá vốn ÷ tồn kho cuối năm	4,29	85,2
Giá vốn ÷ bình quân năm điểm (774)	5,81	62,8

Kiểm cộng: bình quân đầu và cuối năm là (600 + 1.050) ÷ 2 = 825. Bình quân năm điểm là (600 + 640 + 700 + 880 + 1.050) ÷ 5 = 774. Vòng quay 4.500 ÷ 825 = 5,4545 nên 365 ÷ 5,4545 = 66,9 ngày (bảng làm tròn hai chữ số thập phân; số ngày tính từ vòng quay chưa làm tròn). Cùng một công ty, cùng một năm, số ngày chạy từ 55,8 đến 85,2, chênh khoảng 29 ngày. Chênh lệch ấy đến từ cách tính, không từ kinh doanh; sáu mục sau giải thích từng nguồn lệch.



Công ty X giả định: bốn cách tính cho bốn số ngày tồn kho khác nhau trong cùng một năm

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Sáu sai lầm thường gặp

1. Dùng doanh thu thay giá vốn. Hàng tồn kho ghi theo giá gốc, còn doanh thu đã gồm lãi gộp: hai thứ khác thước đo. Ở công ty X, doanh thu lớn hơn giá vốn đúng 1,2 lần nên vòng quay thành 6,55 thay vì 5,45 và số ngày thành 55,8 thay vì 66,9, thấp hơn khoảng 11 ngày dù hàng không bán nhanh hơn. Biên lãi gộp càng cao, số càng lệch. Nếu một nguồn dùng doanh thu, phải ghi rõ và không đặt cạnh số tính theo giá vốn.

2. Dùng tồn kho cuối kỳ thay bình quân. Tử số là dòng chảy cả năm, mẫu số lại là ảnh chụp một ngày. Khi tồn kho tăng mạnh vào cuối kỳ, như công ty X, số ngày phình lên 85,2, cao hơn khoảng 18 ngày. Số cuối kỳ không phải lúc nào cũng sai: với câu hỏi "lượng hàng đang có đủ bán bao nhiêu ngày" thì hợp lý, nhưng phải gọi đúng tên và không đặt cạnh số bình quân.

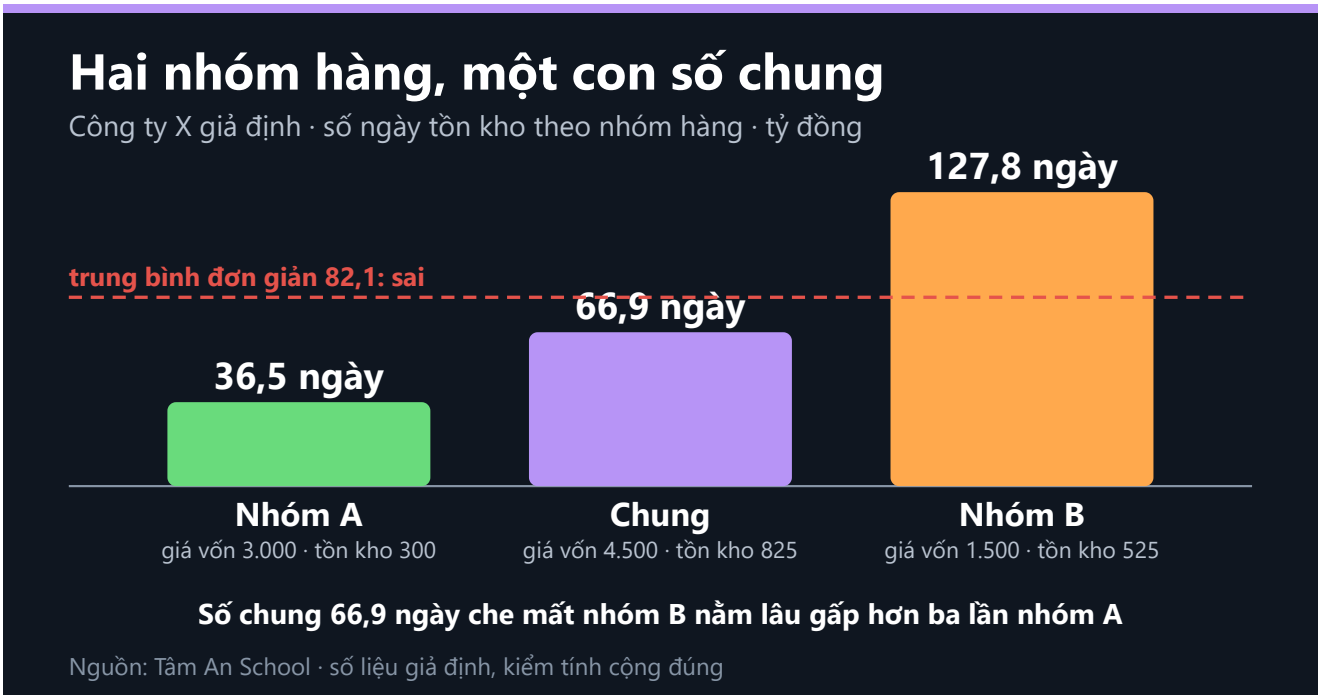
3. Quên mùa vụ, quý và lũy kế. Bình quân hai điểm bỏ qua đoạn giữa kỳ. Với năm điểm, công ty X ra 62,8 ngày, thấp hơn 66,9 khoảng 4 ngày, vì tồn kho chỉ dâng cao ở nửa cuối năm. Lỗi nặng hơn là ở kỳ ngắn: giá vốn quý IV là 1.300, tồn kho bình quân quý (880 + 1.050) ÷ 2 = 965, vòng quay của quý chỉ 1,347 lần. Số ngày đúng là 92 chia 1,347, khoảng 68,3 ngày; máy móc chia 365 thì ra khoảng 270,9, gấp gần bốn lần. Lũy kế chín tháng cũng vậy: giá vốn 3.200, tồn kho bình quân (600 + 880) ÷ 2 = 740, vòng quay 4,324; số ngày phải dùng là 273 và ra 63,1 ngày, chia 365 sẽ ra 84,4. Quý có mùa vụ nên so với quý liền trước dễ gây hiểu lầm; so cùng quý năm trước thường hợp lý hơn.

4. So giữa các ngành khác nhau. Doanh nghiệp bán hàng dùng nhanh và doanh nghiệp có chu kỳ sản xuất dài có số ngày tồn kho khác nhau vì mô hình, không vì ai quản lý tốt hơn. Phép so có ích nhất là cùng doanh nghiệp qua các kỳ cùng quý, hoặc với nhóm cùng mô hình và cùng cách tính. Một nghiên cứu trên 3.370 quan sát của 350 doanh nghiệp niêm yết (Phạm Thị Ngọc Bích và cộng sự, 2024) ghi vòng quay

hàng tồn kho trung bình 215 vòng mỗi năm, độ lệch chuẩn 4.588, giá trị nhỏ nhất âm 0,39, lớn nhất hơn 228 nghìn. Phân bố rộng và có giá trị lạ như vậy, theo cách hiểu của Tâm An, thường do mẫu số rất nhỏ ở một số quan sát, nên trung bình ấy không thể làm mốc cho doanh nghiệp nào.

5. Tưởng hàng tồn kho nằm trọn trong một dòng, và giá vốn là giá vốn "thuần". Theo tài liệu so sánh của Grant Thornton Việt Nam (2025) về Thông tư 99, phân loại hàng tồn kho dài hạn được bổ sung sản phẩm, chi phí dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường. Mẫu báo cáo theo Thông tư 99 cũng có chỉ tiêu riêng "chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn" tách khỏi dòng "hàng tồn kho". Doanh nghiệp có nhiều dở dang dài hạn sẽ thấy dòng hàng tồn kho ngắn hạn nhìn "nhanh" hơn thực tế. Ngược lại, bất động sản đầu tư (nắm giữ cho thuê hoặc chờ tăng giá) là nhóm tài sản riêng, không thuộc hàng tồn kho, nên không cộng vào mẫu số. Về tử số, tài khoản giá vốn hàng bán theo Thông tư 99 còn gồm dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hao hụt mất mát, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ, và chi phí hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như khấu hao, sửa chữa: một phần "giá vốn" không đi qua kho theo nghĩa vật chất. Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, cần đối chiếu từng khoản.

6. Cộng gộp nhiều loại hàng. Giả sử công ty X có hai nhóm hàng. Nhóm A: giá vốn 3.000, tồn kho bình quân 300, vòng quay 10, số ngày 36,5. Nhóm B: giá vốn 1.500, tồn kho bình quân 525, vòng quay 2,86, số ngày 127,8. Cộng lại ra đúng 4.500 và 825, tức 5,45 vòng, 66,9 ngày. Con số chung che mất nhóm B nằm lâu gấp hơn ba lần nhóm A. Lấy trung bình đơn giản hai số ngày (82,1) hay hai vòng quay (6,43) đều sai, vì chưa tính trọng số. Tương tự, nguyên liệu, dở dang và thành phẩm cộng chung một dòng có ý nghĩa rất khác nhau; số cộng chung chỉ là điểm xuất phát để mở thuyết minh.



Công ty X giả định: hai nhóm hàng với 36,5 và 127,8 ngày, số chung 66,9 ngày che mất nhóm chậm

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Chọn kỳ và số ngày trước:** năm, quý hay lũy kế, rồi đếm đúng số ngày của kỳ.

2. **Giá vốn** lấy từ báo cáo kết quả kinh doanh, cùng kỳ với số ngày đã chọn.
3. **Hàng tồn kho** lấy từ bảng cân đối kế toán: số đầu kỳ (cột số đầu năm), số cuối kỳ, và các điểm giữa kỳ nếu có báo cáo quý.
4. **Tự kiểm bằng thuyết minh:** mở thuyết minh về hàng tồn kho để xem cơ cấu theo loại, dự phòng giảm giá và tổng có khớp dòng trên bảng cân đối không; tìm thêm khoản dở dang dài hạn hay bất động sản nếu có. Tên bảng và cách chia loại tuỳ mẫu, cần đối chiếu.
5. **Tính hai cách** (bình quân hai điểm và nhiều điểm) rồi xem chênh bao nhiêu; chênh lớn thường do mùa vụ hoặc thay đổi mạnh cuối kỳ.
6. **Ghép nhiều kỳ cùng quý** và ghép theo tên dòng khi chuyển từ báo cáo năm 2025 (Thông tư 200) sang năm tài chính 2026 (Thông tư 99), vì mã số chỉ tiêu đã được đánh lại.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để ghi rõ cách tính và số ngày của từng kỳ trước khi so sánh; đó chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Công thức trong bài là cách tính thông dụng, không phải quy định. Nguồn khác có thể dùng 360 ngày, tồn kho cuối kỳ hay doanh thu; hãy đọc định nghĩa của nguồn trước khi so.
- Vòng quay tăng không luôn có nghĩa kho gọn hơn. Nếu giá nguyên liệu đẩy giá vốn công ty X lên 4.950 (tăng 10%) trong khi tồn kho bình quân vẫn 825, vòng quay lên 6,00 và số ngày còn 60,8, dù lượng hàng không đổi. Bài tồn kho tăng nhanh hơn giá vốn bàn thêm chiều ngược lại.
- Cách xếp trong bài là của doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán trình bày riêng.

Đừng nói quá

- Không viết "vòng quay cao là tốt" hay "số ngày tồn kho cao là hàng ế".
- Không xếp hạng hai doanh nghiệp khác ngành theo số ngày tồn kho.
- Không dùng một kỳ, một cách tính hay trung bình cả mẫu để kết luận về doanh nghiệp.

Tín hiệu không phải kết luận

Số ngày tồn kho tăng, vòng quay giảm hay chênh lớn giữa các cách tính là tín hiệu để mở thuyết minh và đọc nhiều kỳ, chưa phải bằng chứng. Mỗi tín hiệu có nguyên nhân kinh doanh hợp lý khác: mùa vụ, tích hàng chủ động trước mùa bán, chu kỳ sản xuất dài, giá nguyên liệu, hay chỉ do cách tính. Nghiên cứu của Phạm Thị Ngọc Bích và cộng sự (2024), 350 doanh nghiệp niêm yết, 2013 đến 2022, ghi nhận biến vòng quay hàng tồn kho có liên hệ dương, ý nghĩa 5%, với thước đo dồn tích bất thường mà tác giả gọi là "gian lận báo cáo tài chính", chưa phải gian lận đã được chứng minh. Hệ số in 0,0000 do làm tròn và dữ liệu phân tán rất rộng, nên kết quả chỉ mô tả mẫu ấy, không dùng để nghi ngờ một doanh nghiệp. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- CFA Institute, "Financial Ratio List", CFA Program: công thức vòng quay và số ngày tồn kho; lưu ý một tỷ số có thể được định nghĩa khác nhau.
- CFA Institute, "Financial Analysis Techniques", CFA Program Level I 2026: chỉ trang công khai.
- Phạm Thị Ngọc Bích, Mai Đức Nghĩa, Đinh Ngọc Tú, Lê Vũ Ngọc Thanh (2024), Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES) 35(4): 78-97, Bảng 2 tr. 86 và Bảng 7 tr. 90.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026), Phụ lục II, tài khoản 632, Công báo số 1573 + 1574 ngày 16/11/2025; tên chỉ tiêu mẫu báo cáo tình hình tài chính ở Phụ lục IV; Thông tư 200/2014/TT-BTC cho báo cáo năm 2025.
- Grant Thornton Việt Nam (2025), "Một số cập nhật quan trọng trong Thông tư số 99/2025/TT-BTC", tr. 32: tài liệu thứ cấp, chỉ dùng ở mức "theo tài liệu".

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Phải thu, tồn kho, phải trả thay đổi: cách nhớ dấu cộng trừ
- Số ngày thu tiền bình quân (DSO)
- Hàng tồn kho gồm những gì?
- Hàng tồn kho tăng nhanh hơn giá vốn
- Chu kỳ chuyển đổi tiền (CCC)

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Vòng quay hàng tồn kho bằng giá vốn hàng bán chia hàng tồn kho bình quân, số ngày tồn kho bằng số ngày trong kỳ chia vòng quay: cách tính thông dụng, không phải quy định. Sáu chỗ dễ sai là dùng doanh thu thay giá vốn, dùng tồn kho cuối kỳ thay bình quân, quên mùa vụ và số ngày của kỳ ngắn, so giữa ngành khác nhau, bỏ sót phần tồn kho nằm ngoài một dòng, và cộng gộp nhiều loại hàng. Số ngày tăng hay chênh lớn giữa các cách tính là tín hiệu để mở thuyết minh và đọc nhiều kỳ, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

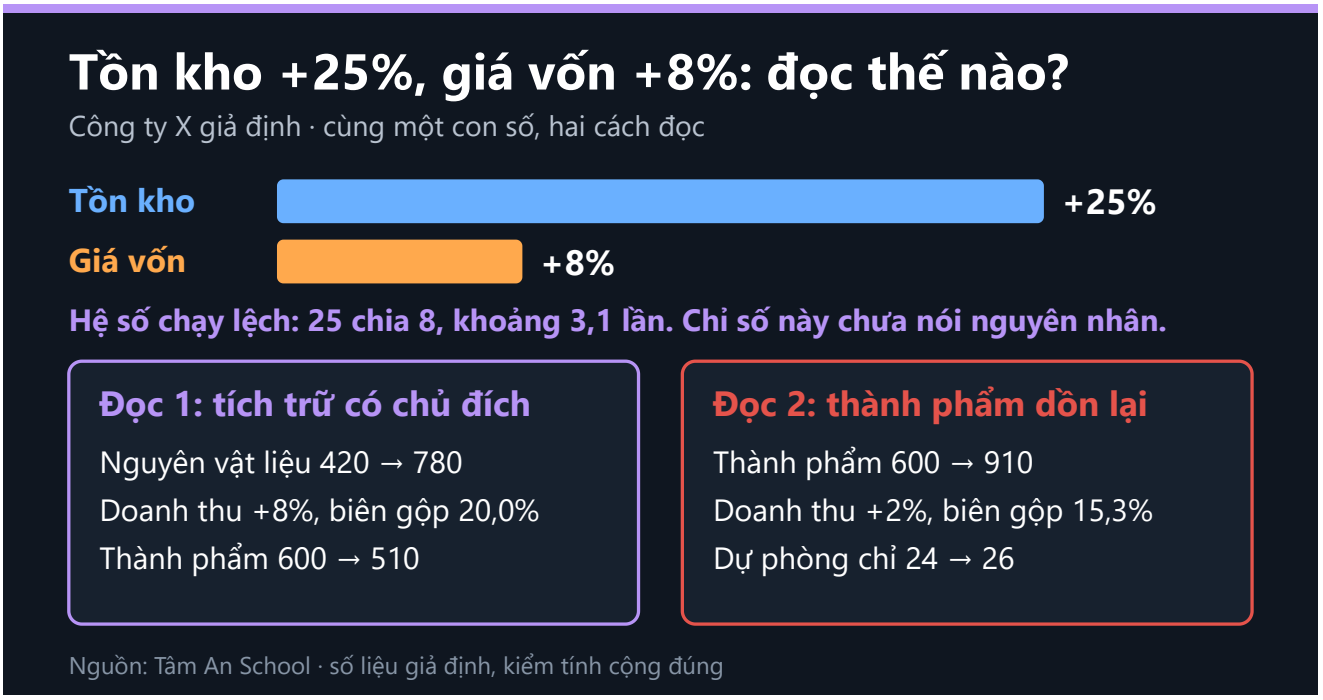
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/vong-quay-hang-ton-kho-va-so-ngay-ton-kho-cong-thuc-va-sai-lam

Hàng tồn kho tăng nhanh hơn giá vốn: tích trữ chủ động hay hàng bán chậm?

Câu trả lời ngắn

Hàng tồn kho tăng nhanh hơn giá vốn hàng bán là dấu hiệu nên xem kỹ, nhưng tự nó chưa cho biết đó là tích trữ chủ động hay hàng bán chậm. Cả hai cách hiểu đều có thể đúng, tuỳ doanh nghiệp và tuỳ kỳ. Việc nên làm là kiểm tra tiếp: tồn kho tăng ở nhóm nào, doanh thu, biên gộp và dự phòng cùng kỳ ra sao, thuyết minh và dòng tiền nói gì. Bài không chọn bên: nó đặt các cách hiểu cạnh nhau rồi đưa danh sách kiểm tra. Bài 19 của chuỗi Đọc báo cáo tài chính; tồn kho gồm những gì và ghi theo giá nào có ở bài về hàng tồn kho.



Cùng một con số: tồn kho tăng 25%, giá vốn tăng 8%, hai cách đọc khác nhau

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Vì sao đem tồn kho so với giá vốn

Giá vốn là giá gốc của hàng đã bán trong kỳ (báo cáo kết quả kinh doanh). Tồn kho là số dư hàng chưa bán cuối kỳ (bảng cân đối). Nếu hàng đi ra đều đặn, hai số này thường đi cùng nhau; khi tồn kho tăng nhanh hơn hẳn, số ngày hàng nằm kho đang dài ra. Cách đặt câu hỏi giống bài phải thu tăng nhanh hơn doanh thu, chỉ đổi khoản mục.

Bài dùng một chỉ số làm việc, gọi là **hệ số chạy lệch**: tốc độ tăng tồn kho chia tốc độ tăng giá vốn. Đây là cách đọc của Tâm An để sắp thứ tự câu hỏi, không phải chỉ tiêu của chuẩn mực.

Cách đo	Cách tính	Dùng để
Hệ số chạy lệch	tăng trưởng tồn kho chia tăng trưởng giá vốn	Thấy tồn kho chạy trước giá vốn
Số ngày tồn kho	số ngày trong kỳ chia vòng quay tồn kho	Đổi mức lệch thành số ngày nằm kho
Biến trong nghiên cứu	(tồn kho cuối trừ đầu kỳ) chia tài sản bình quân	Biến của mô hình sàng lọc; chia theo tài sản, không theo giá vốn

Cách tính số ngày tồn kho đầy đủ ở bài vòng quay hàng tồn kho. Hệ số chạy lệch nhiễu theo bốn cách: kỳ gốc nhỏ làm phần trăm phóng đại; giá nguyên liệu tăng làm giá trị tồn kho tăng dù số lượng không đổi; giá vốn có thể gồm trích lập dự phòng; tồn kho cuối kỳ có thể chỉ là mùa vụ.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định, cùng một con số, hai cách đọc

Công ty X giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Cuối năm N tồn kho 1.200, giá vốn cả năm 6.000, doanh thu 7.500. Năm N+1, tồn kho 1.500 (tăng 25,0%), giá vốn 6.480 (tăng 8,0%). Hệ số chạy lệch là 25 chia 8, khoảng 3,1 lần. Tính đơn giản theo tồn kho cuối kỳ, số ngày tồn kho đi từ 73,0 lên 84,5. Tiền nằm thêm trong kho là 300; theo quy tắc dấu ở bài phải thu, tồn kho, phải trả, khoản này trừ 300 khỏi dòng tiền kinh doanh. Những số này giống hệt ở hai kịch bản; chỉ phần còn lại khác.

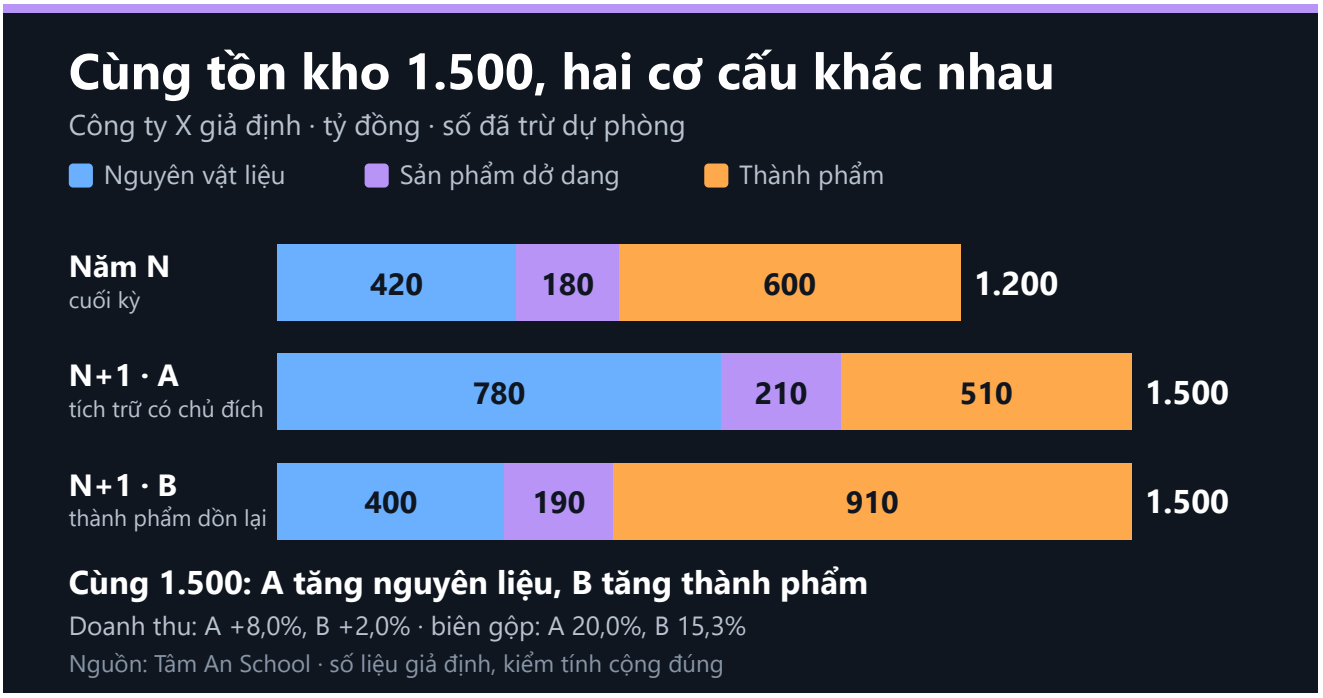
Chỉ tiêu	Năm N	N+1, kịch bản A: tích trữ có chủ đích	N+1, kịch bản B: thành phẩm dồn lại
Nguyên vật liệu	420	780	400
Sản phẩm dở dang	180	210	190
Thành phẩm	600	510	910
Tổng tồn kho	**1.200**	**1.500**	**1.500**
Doanh thu thuần	7.500	8.100	7.650
Giá vốn	6.000	6.480	6.480
Lãi gộp (biên gộp)	1.500 (20,0%)	1.620 (20,0%)	1.170 (15,3%)
Dự phòng giảm giá đã trích	24	25	26

Kiểm cộng: 420 + 180 + 600 = 1.200; 780 + 210 + 510 = 1.500; 400 + 190 + 910 = 1.500. Lãi gộp: 7.500 - 6.000 = 1.500; 8.100 - 6.480 = 1.620; 7.650 - 6.480 = 1.170. Các nhóm tồn kho là số đã trừ dự phòng.

Kịch bản A. Nguyên vật liệu tăng 360 (khoảng 85,7%), thành phẩm giảm 90. Doanh thu tăng 8,0%, cùng nhịp giá vốn, biên gộp vẫn 20,0%, dự phòng gần như không đổi. Giả sử thuyết minh nêu việc dự trữ trước mùa cao điểm, theo hợp đồng đã ký. Đọc như vậy, đây là tích trữ có chủ đích: tiền nằm trong nguyên liệu

để phục vụ doanh thu kỳ sau.

Kịch bản B. Nguyên vật liệu giảm nhẹ, thành phẩm tăng 310 (khoảng 51,7%). Doanh thu chỉ tăng 2,0% trong khi giá vốn tăng 8,0%, biên gộp từ 20,0% xuống 15,3%, dự phòng chỉ tăng 2. Đọc như vậy, hàng làm ra nhiều hơn hàng bán được, có thể phải giảm giá để bán, và câu hỏi kế tiếp là dự phòng đã đủ chưa. Thành phẩm nằm kho khoảng 51 ngày ở B, khoảng 29 ngày ở A.



Công ty X giả định: tồn kho cùng 1.500 nhưng cơ cấu nguyên liệu, dở dang, thành phẩm khác nhau ở hai kịch bản

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Hai kịch bản chỉ là hai điểm trên một dải. B vẫn có thể có lý do hợp lý, chẳng hạn lô hàng đã có đơn đặt sau ngày kết thúc kỳ; A vẫn có rủi ro, chẳng hạn giá nguyên liệu quay đầu giảm. Hệ số chạy lệch giống nhau ở cả hai, nên không phân biệt được.

Các quan điểm khác nhau

Mỗi gạch đầu dòng là một nhóm cách hiểu kèm nguồn. Bài không chọn bên.

- **Mô hình sàng lọc quốc tế: tồn kho tăng là biến cần để ý.** Dechow, Ge, Larson và Sloan (2011, *Contemporary Accounting Research* 28(1)) đưa biến thay đổi hàng tồn kho vào mô hình F-score cùng thay đổi phải thu và tỷ lệ tài sản mềm; ở mô hình thứ nhất hệ số của biến mang dấu dương, trên mẫu doanh nghiệp Mỹ 1982 đến 2005 (theo ghi chú tổng hợp của Tâm An). Piotroski (2000, *Journal of Accounting Research* 38) không dùng tồn kho, nhưng dùng thay đổi biên gộp và thay đổi vòng quay tài sản trong chín tiêu chí, trên nhóm doanh nghiệp có tỷ lệ giá trị sổ sách trên giá thị trường cao, 1976 đến 1996. Theo cách nối của Tâm An, hai thước đo này thường đổi khi hàng bán chậm. Giới hạn: mô hình thống kê trên mẫu lớn, không phải kết luận cho từng doanh nghiệp.
- **Bằng chứng tại Việt Nam: chưa thấy tồn kho tăng là tín hiệu riêng.** Bùi Phương Chi, Nguyễn Thị Hồng Thúy và Lăng Trịnh Mai Hương (2021, VNU Journal of Science: Economics and Business 37(1)) dùng 3.684 báo cáo năm của 307 công ty niêm yết, 2007 đến 2018; biến cần giải thích là chênh lệch

lợi nhuận trước và sau kiểm toán vượt 5% hoặc 10%, không phải hành vi đã được chứng minh. Trong bảng hồi quy theo F-score, hệ số biến thay đổi hàng tồn kho mang dấu âm và không có dấu sao ý nghĩa ở cả tám cột, trong khi giả thuyết của nhóm tác giả là cùng chiều. Phần diễn giải bằng lời của bài không hoàn toàn khớp bảng, nên Tâm An dựa vào bảng. Kết quả chỉ theo mẫu và giai đoạn đó.

- **Giải thích kinh doanh: tích trữ có thể là quyết định hợp lý.** Đây là cách hiểu của Tâm An, tổng hợp lý do hay gặp, không trích điều khoản. Doanh nghiệp có thể dự trữ trước mùa cao điểm hoặc trước khi giá nguyên liệu tăng, chuẩn bị cho nhà máy, điểm bán hay dự án mới, hoặc đổi cơ cấu hàng. Ở xây dựng và bất động sản, "hàng tồn kho" phần lớn là chi phí dự án dở dang, chỉ chuyển vào giá vốn khi bàn giao, nên tồn kho chạy trước giá vốn là chuyện thường. Tích trữ có cái giá: vốn bị giữ, chi phí lưu kho, rủi ro giá quay đầu.
- **Đo lường kế toán: con số tăng có thể là giá, không phải lượng.** Theo các mục tiêu học tập công khai của bài đọc về hàng tồn kho của CFA Institute, hàng tồn kho đo theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, và lạm phát hoặc giảm phát ảnh hưởng tới các phương pháp tính giá. Theo cách hiểu của Tâm An, tồn kho và giá vốn có thể phản ánh mặt bằng giá ở những thời điểm khác nhau, nên so hai tốc độ tăng cần thận trọng.
- **Về chính chỉ số.** Các tài liệu đã đọc không có ngưỡng cho tỷ lệ này, nên mọi cách chia "bao nhiêu lần thì đáng lo" chỉ là quy ước tham khảo. Theo cách hiểu của Tâm An, có hai cách dùng: đèn báo sớm để quyết định đọc gì tiếp, hoặc bỏ đi vì quá nhiễu theo kỳ gốc và mùa vụ. Bài dùng cách thứ nhất.

Cách làm việc của Tâm An. Coi tích trữ chủ động và hàng bán chậm là hai giả thuyết, thêm dữ kiện cho mỗi bên bằng danh sách dưới đây, và chấp nhận "chưa đủ căn cứ" khi dữ kiện thiếu.

Cách đọc trên báo cáo

Danh sách kiểm tra tiếp, theo thứ tự nên làm:

1. **Cơ cấu tồn kho.** Mở thuyết minh, xem nhóm nào tăng: nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang và thành phẩm gợi ba câu chuyện khác nhau.
2. **Dự phòng giảm giá.** Xem số dư và biến động trích lập, hoàn nhập. Dự phòng tăng chậm hơn nhiều so với nhóm đang phình là câu hỏi cần trả lời. Theo tài liệu hướng dẫn thứ cấp, trích lập hay hoàn nhập đi vào giá vốn.
3. **Hàng tồn kho theo thời gian.** Nếu doanh nghiệp công bố thời gian nằm kho, xem phần nằm lâu. Không phải báo cáo nào cũng có; cần đối chiếu mẫu thực tế.
4. **Giá vốn và biên gộp cùng kỳ.** Doanh thu có đi cùng giá vốn không, biên gộp tăng, giữ hay giảm. Tồn kho tăng kèm biên gộp giảm là tổ hợp nên hỏi thêm.
5. **Dòng tiền kinh doanh.** Mức tăng tồn kho trên bảng cân đối có khớp dòng điều chỉnh hàng tồn kho trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ không; nếu lệch, đọc thuyết minh.
6. **Cùng kỳ năm trước.** So cùng quý năm trước để loại mùa vụ, rồi nhìn vài kỳ liền.
7. **Lời giải thích của doanh nghiệp.** Đối chiếu với cơ cấu ở bước 1 và biên gộp ở bước 4.
8. **Phạm vi và mẫu.** Hợp nhất hay riêng lẻ, quý hay lũy kế. Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99, mã số chỉ tiêu đánh lại, nên ghép hai kỳ theo tên dòng.



Sáu việc kiểm tra tiếp khi tồn kho tăng nhanh hơn giá vốn

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt cạnh nhau tốc độ tăng tồn kho, giá vốn, biên gộp và dòng tiền qua nhiều kỳ, để người đọc quyết định có mở thuyết minh hàng tồn kho trước hay không; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Hệ số chạy lệch nhạy với kỳ gốc: tồn kho đầu kỳ nhỏ thì tăng phần trăm rất lớn dù số tuyệt đối không đáng kể.
- Bất động sản và xây dựng: tồn kho chủ yếu là chi phí dở dang, chu kỳ dài, cần cách đọc riêng.
- Mua hoặc hợp nhất công ty con có tồn kho làm hai kỳ khó so sánh.
- Hai kịch bản đã đơn giản hoá; cách xếp dòng dành cho doanh nghiệp phi tài chính.
- "Giá vốn có thể chứa dự phòng" là hướng dẫn thứ cấp; cần đối chiếu mẫu biểu và thuyết minh thực tế.

Đừng nói quá

- Không viết "tồn kho tăng nhanh hơn giá vốn là hàng ế", cũng không viết "là dự trữ thông minh".
- Không dùng 3,1 lần của ví dụ làm ngưỡng; đó chỉ là kết quả của số giả định.
- Không viết "nghiên cứu đã chứng minh" theo một chiều: hai nhóm nguồn đi hai hướng, theo mẫu và giai đoạn riêng.

Tín hiệu không phải kết luận

Tồn kho tăng nhanh hơn giá vốn là tín hiệu để xem thêm, chưa phải bằng chứng rằng hàng bán chậm hay rằng doanh nghiệp tích trữ khôn ngoan. Mỗi hướng đều có nguyên nhân kinh doanh hợp lý: mùa vụ, tăng trưởng, nhà máy hoặc dự án mới, giá nguyên liệu, tiến độ bàn giao. Chỉ người có đủ hồ sơ, kể cả thông tin nội bộ mà báo cáo không có, mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- Dechow, Ge, Larson và Sloan (2011), *Contemporary Accounting Research* 28(1): mô hình F-score.
- Piotroski (2000), *Journal of Accounting Research* 38 (phụ trương): chín tiêu chí, gồm thay đổi biên gộp và vòng quay tài sản.
- Bùi Phương Chi, Nguyễn Thị Hồng Thúy, Lăng Trịnh Mai Hương (2021), VNU Journal of Science: Economics and Business 37(1): 40-49, bảng hồi quy F-score.
- CFA Institute, bài đọc "Analysis of Inventories", giáo trình 2026: chỉ các mục tiêu học tập công khai.
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 (Quyết định 149/2001/QĐ-BTC): qua tài liệu tổng hợp, chưa mở văn bản gốc; chỉ nói ở mức khái niệm, hiệu lực cần đối chiếu.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026) có tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho; Thông tư 200/2014/TT-BTC cho báo cáo năm 2025.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Hàng tồn kho gồm những gì và ghi theo giá nào?
- Vòng quay hàng tồn kho và số ngày tồn kho
- Phải thu tăng nhanh hơn doanh thu: dấu hiệu xấu?
- Phải thu, tồn kho, phải trả và dòng tiền kinh doanh
- Mô hình sàng lọc báo cáo tài chính là gì?

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Tồn kho tăng nhanh hơn giá vốn là tín hiệu để xem thêm, chưa phải kết luận. Có các cách hiểu khác nhau: mô hình sàng lọc quốc tế coi đó là biến cần để ý, bằng chứng tại Việt Nam chưa thấy tín hiệu riêng, giải thích kinh doanh cho rằng tích trữ có thể hợp lý, còn góc đo lường lưu ý con số có thể phản ánh giá chứ không phải lượng. Cùng một con số có thể ứng với hai kịch bản rất khác nhau, nên cần xem cơ cấu tồn kho, dự phòng, biên gộp, thuyết minh và dòng tiền.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/hang-ton-kho-tang-nhanh-hon-gia-von-tich-tru-hay-ban-cham

Chu kỳ chuyển đổi tiền (CCC) là gì? Vì sao có doanh nghiệp có chu kỳ âm?

Câu trả lời ngắn

Chu kỳ chuyển đổi tiền (viết tắt CCC, từ cash conversion cycle) là cách tính thông dụng trong phân tích, không phải quy định kế toán: **CCC = số ngày thu tiền + số ngày tồn kho − số ngày trả tiền người bán**. Hình dung một lô hàng: tiền đi ra khi doanh nghiệp trả nhà cung cấp, tiền quay về khi khách trả; khoảng giữa hai mốc, tính bằng ngày, là thời gian doanh nghiệp tự lo vốn cho vòng quay. CCC dương nghĩa là tiền bị "giam" trong phải thu và hàng tồn kho một số ngày. CCC âm nghĩa là doanh nghiệp nhận tiền trước khi phải trả, tức nhà cung cấp hoặc khách ứng trước đang cấp vốn cho vòng quay. Âm không tự động là tốt, vì cách tính, mùa vụ, ngành và điều khoản với người bán đều làm con số đổi nghĩa.



Ba thành phần của chu kỳ chuyển đổi tiền: thu tiền cộng tồn kho trừ trả tiền người bán

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Công thức và ba thành phần

Danh mục công thức của chương trình CFA (Financial Ratio List, CFA Institute) viết: chu kỳ chuyển đổi tiền, còn gọi chu kỳ hoạt động ròng, bằng số ngày tồn kho cộng số ngày thu tiền trừ số ngày trả tiền người bán; mỗi số ngày là số ngày trong kỳ chia cho vòng quay tương ứng. Cách tính từng thành phần đã có bài riêng nên chỉ nhắc ngắn: số ngày thu tiền bình quân và số ngày tồn kho.

Thành phần	Trả lời câu hỏi	Thường lấy từ
Số ngày thu tiền (DSO)	Bán xong mất bao nhiêu ngày khách mới trả	Phải thu khách hàng; doanh thu thuần
Số ngày tồn kho	Hàng nằm trong kho bao nhiêu ngày trước khi bán	Hàng tồn kho; giá vốn
Số ngày trả tiền người bán	Doanh nghiệp giữ tiền của nhà cung cấp bao nhiêu ngày	Phải trả người bán; giá vốn (xem phần hạn chế)

Hai thành phần đầu kéo chu kỳ dài ra vì tiền còn nằm trong tài sản; thành phần thứ ba kéo ngắn lại vì tiền nằm ở phía nợ. Đó là ba khoản của quy tắc "tài sản ngược, nợ xuôi" trong bài về phải thu, tồn kho, phải trả thay đổi thì dòng tiền kinh doanh tăng hay giảm, nhìn bằng số ngày thay cho số tiền.

CCC là chỉ số phân tích, không phải chỉ tiêu bắt buộc trong mẫu báo cáo tài chính. Người đọc tự lấy số trên bảng cân đối kế toán (từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99 gọi là báo cáo tình hình tài chính) và báo cáo kết quả kinh doanh rồi tính, nên cùng một công ty có thể ra các CCC khác nhau tuỳ người tính; điều quan trọng là ghi rõ công thức.

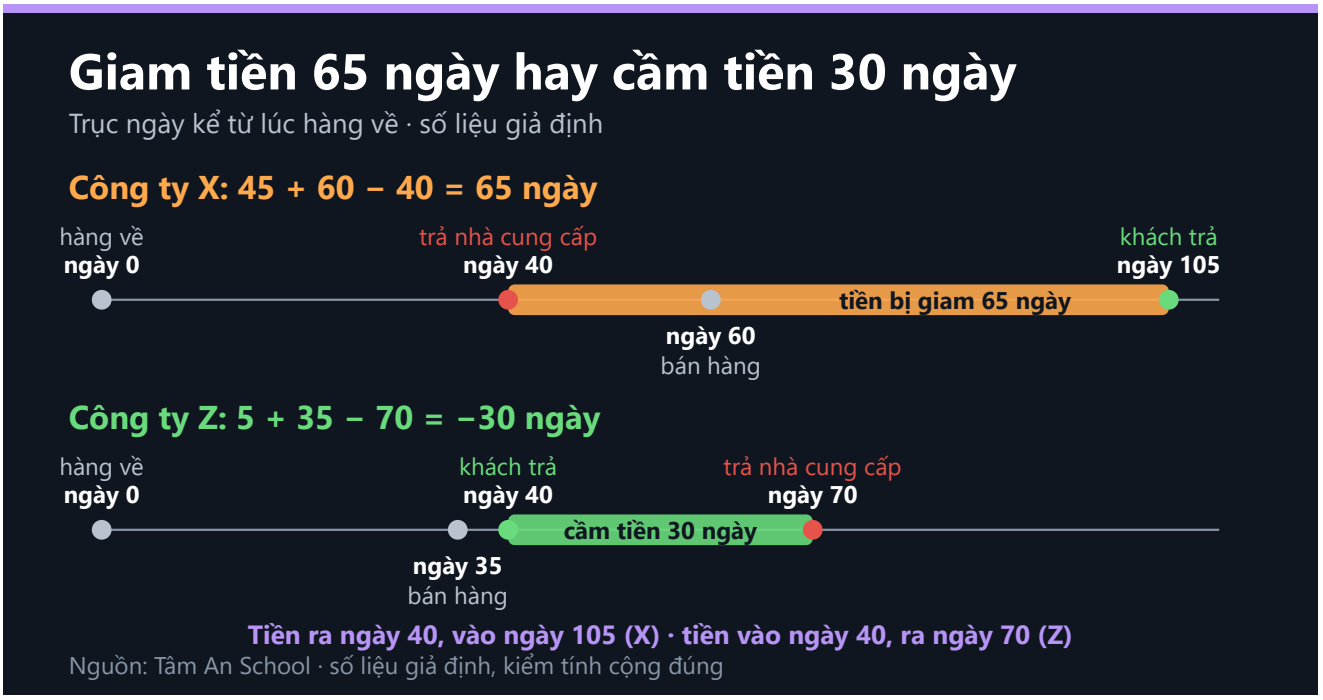
Ví dụ minh hoạ: hai công ty giả định cùng doanh thu

Hai công ty giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Cả hai có doanh thu thuần 3.650 và giá vốn 2.920 trong năm 365 ngày, tức mỗi ngày doanh thu 10 và giá vốn 8; số dư giả định không đổi trong năm nên số cuối kỳ bằng số bình quân. Hai công ty khác nhau ở điều khoản bán, tốc độ quay hàng và điều khoản mua.

Công ty giả định	Số ngày thu tiền	Số ngày tồn kho	Số ngày trả tiền người bán	CCC
X	45	60	40	45 + 60 − 40 = **65**
Z	5	35	70	5 + 35 − 70 = **−30**

Đọc theo một lô hàng, lấy ngày hàng về làm mốc 0:

- **Công ty X.** Trả nhà cung cấp ngày 40, hàng bán ngày 60, khách trả ngày 105 (60 + 45). Tiền ra ngày 40, vào ngày 105: tiền bị giam 65 ngày.
- **Công ty Z.** Hàng bán ngày 35, khách trả ngày 40 (35 + 5), nhưng trả nhà cung cấp đến ngày 70. Tiền vào ngày 40, ra ngày 70: công ty Z cầm tiền chưa phải trả 30 ngày, nên CCC là âm 30.



Hai công ty giả định trên trục thời gian: công ty X giam tiền 65 ngày, công ty Z cầm tiền 30 ngày

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng. Sơ đồ theo một lô hàng.

Đổi số ngày ra tiền (phải thu bằng số ngày nhân doanh thu mỗi ngày; tồn kho và phải trả bằng số ngày nhân giá vốn mỗi ngày):

Số dư giả định	Công ty X	Công ty Z
Phải thu	450	50
Hàng tồn kho	480	280
Phải trả người bán	320	560
Phải thu + tồn kho − phải trả	**610**	**−230**

Cùng doanh thu, công ty X có 610 tiền nằm trong ba khoản này, còn công ty Z có ròng 230 tiền do nhà cung cấp cấp. Chênh lệch 840 đến từ điều khoản và tốc độ quay, không đến từ quy mô.



Ba khoản vốn lưu động cốt lõi: công ty X cần 610, công ty Z âm 230

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Lưu ý: 610 không bằng 65 nhân doanh thu mỗi ngày (650) hay 65 nhân giá vốn mỗi ngày (520), vì phải thu tính theo doanh thu còn tồn kho và phải trả tính theo giá vốn. CCC là thước đo thời gian, không đổi thẳng ra tiền bằng một phép nhân.

Vì sao có doanh nghiệp có chu kỳ âm

CCC âm khi số ngày thu tiền cộng số ngày tồn kho còn ngắn hơn số ngày trả tiền người bán. Ở mức khái niệm, có ba điều kiện thường đi cùng nhau; bài không nêu doanh nghiệp cụ thể nào:

1. **Thu tiền ngay hoặc gần ngay, hoặc thu trước.** Khách trả tại quầy hoặc thanh toán điện tử khi mua, nên phải thu rất nhỏ (như 5 ngày của Z); có mô hình khách ứng tiền trước khi nhận hàng.
2. **Bán nhanh.** Hàng thiết yếu, tiêu dùng nhanh, quay vòng trong vài tuần (như 35 ngày của Z).
3. **Trả người bán chậm.** Mua khối lượng lớn nên được cho thời hạn dài, hoặc mô hình giữ tiền hộ rồi chuyển cho đối tác sau (như 70 ngày của Z).

Ở mức khái niệm, các mô hình hay gặp là bán lẻ, tiêu dùng nhanh và nền tảng trung gian; mỗi mô hình ghi nhận doanh thu và giá vốn khác nhau nên cần xem chính sách kế toán trước khi so số. Cách hiểu của Tâm An, không phải điều khoản: CCC âm là đặc điểm của cách tổ chức vòng quay, không cho biết lãi hay lỗ.

Khi tăng trưởng và khi điều khoản đổi

Giữ nguyên số ngày, giả định doanh thu và giá vốn của cả hai công ty cùng tăng 20% (mỗi ngày 12 và 9,6). Ba khoản ròng của công ty X tăng từ 610 lên 732, tức tăng 122, nên dòng điều chỉnh vào dòng tiền kinh doanh là −122; của công ty Z đổi từ −230 thành −276, giảm 46, nên dòng điều chỉnh là +46. Đó là

quy tắc dấu của bài về vốn lưu động (tập 6): cùng mức tăng trưởng, công ty CCC dương cần thêm vốn, công ty CCC âm thu thêm tiền từ chính vòng quay; khi quy mô co lại thì ngược lại.

Về điều khoản: nếu nhà cung cấp rút thời hạn của công ty Z từ 70 ngày xuống 40 ngày (giả định, các số khác không đổi), phải trả người bán giảm từ 560 xuống 320, ba khoản ròng chuyển từ −230 lên +10, tức tiền chảy ra 240, và CCC thành 5 + 35 − 40 = 0 ngày. Lợi thế của CCC âm dựa vào điều khoản của người bán, mà điều khoản có thể đổi.

Hạn chế của chỉ số này

- **Phụ thuộc cách tính từng thành phần.** Danh mục CFA dùng số dư bình quân và, với số ngày trả tiền, lấy giá trị mua hàng làm mẫu số. Người đọc thường chỉ có giá vốn nên dùng giá vốn thay thế, hoặc dùng số cuối kỳ thay số bình quân; mỗi lựa chọn cho một CCC khác, và sai số của từng thành phần cộng dồn vào CCC.
- **Mùa vụ.** Phải thu và tồn kho cuối quý ở doanh nghiệp bán theo mùa có thể lệch xa trung bình năm, nên CCC một quý lẻ dễ nhiễu; nên so cùng quý các năm.
- **Khác ngành, khác mô hình.** CCC của một chuỗi bán lẻ không so được với một nhà máy sản xuất hàng dài ngày hay một nhà thầu thi công; so sánh có ý nghĩa nhất là cùng doanh nghiệp qua các kỳ, rồi cùng ngành.
- **Khách trả trước không nằm trong phải thu.** Tiền khách ứng trước (nằm ở phía nợ, kèm nghĩa vụ giao hàng) không làm số ngày thu tiền âm trong cách tính thông dụng, nên chỉ số không phản ánh hết lợi thế của mô hình thu trước. Một số bài phân tích đề xuất điều chỉnh; đó là quan điểm phê bình, không phải định nghĩa chuẩn.
- **Phải trả người bán có thể lẫn khoản khác.** Theo hướng dẫn của Thông tư 99, trả nợ nhà thầu xây dựng cơ bản là luồng tiền đầu tư; cộng cả khoản phải trả loại này vào số ngày trả tiền sẽ kéo CCC ngắn đi không chính xác. Xem thuyết minh để tách.
- **Kéo dài thời hạn trả không phải lúc nào cũng là kỹ năng.** Cho người bán chờ lâu làm CCC ngắn lại, nhưng cũng có thể phản ánh khó khăn thanh toán. Giáo trình công khai của CFA Institute nhắc dòng tiền kinh doanh có thể bị tác động bởi cách quản lý khoản phải trả.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Phạm vi, kỳ, mẫu:** hợp nhất hay riêng lẻ, quý hay lũy kế. Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính bắt đầu từ 01/01/2026 theo Thông tư 99 với mã số chỉ tiêu đánh lại, nên ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã số.
2. **Lấy số:** doanh thu thuần và giá vốn trên báo cáo kết quả kinh doanh; phải thu khách hàng, hàng tồn kho, phải trả người bán trên bảng cân đối kế toán. Chọn số bình quân hoặc số cuối kỳ và giữ nguyên cho mọi kỳ.
3. **Tính ba số ngày rồi CCC** và ghi lại công thức.
4. **Phân rã:** CCC đổi vì thành phần nào; mỗi thành phần dẫn tới một câu hỏi khác nhau. Bài hệ số thanh toán hiện hành, nhanh và tiền mặt nối tiếp sang góc nhìn thanh khoản.
5. **Mở thuyết minh:** chi tiết phải thu, tồn kho, phải trả người bán, người mua trả tiền trước (thường có).
6. **Nhìn nhiều kỳ, cùng ngành**, kèm dòng tiền kinh doanh.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để người đọc tự quyết định có đào sâu thuyết minh hay không; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Bài chỉ áp dụng cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cấu trúc báo cáo riêng.
- Công thức là của giáo trình phân tích, không phải quy định pháp luật; bài không đưa mốc "tốt" hay "xấu", mốc ở nơi khác chỉ là quy ước của từng tác giả, từng ngành.
- Công ty X và Z đã đơn giản hoá: số dư không đổi trong năm, bỏ qua thuế giá trị gia tăng, các loại phải thu, phải trả khác và mùa vụ. Báo cáo thật có thể chia khoản mục khác (Thông tư 99 cho doanh nghiệp bổ sung chỉ tiêu).

Đừng nói quá

- Không viết "CCC âm là tốt" hay "CCC dương là xấu": số này chỉ cho biết thời gian tiền nằm trong vòng quay, không đánh giá chất lượng hay lợi nhuận.
- Không viết "CCC âm nghĩa là không cần vốn": điều khoản có thể đổi và khoản phải trả vẫn đến hạn.
- Không dùng ví dụ công ty X và Z để suy ra một doanh nghiệp thật; bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Khi CCC dài ra nhiều kỳ liền nhau, hay chuyển từ âm sang dương, đó là tín hiệu để xem thêm phải thu, tồn kho và điều khoản với nhà cung cấp, chưa phải bằng chứng về điều gì. Mở rộng bán chịu vào kênh mới, tích hàng trước mùa, đổi nhà cung cấp hay đổi mô hình kinh doanh đều là nguyên nhân hợp lý khác. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi của doanh nghiệp. Bài chất lượng lợi nhuận nói vì sao lãi, vốn lưu động và dòng tiền cần đọc cùng nhau.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- CFA Institute, "Financial Ratio List" (chương trình CFA cấp độ II, tệp công khai): công thức ba số ngày và chu kỳ chuyển đổi tiền; vòng quay phải trả theo giá trị mua hàng và số dư bình quân.
- CFA Institute, "Financial Analysis Techniques" và "Financial Reporting Quality" (giáo trình 2026): chỉ trang công khai.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026): Điều 17, 18, 31; Phụ lục IV mục D (luồng tiền xây dựng cơ bản thuộc đầu tư), đọc từ Công báo số 1581 + 1582 ngày 16/11/2025. Thông tư 200/2014/TT-BTC (báo cáo năm 2025): chỉ để nêu giai đoạn chuyển tiếp.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python, ngày 14/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Số ngày thu tiền bình quân (DSO)
- Vòng quay và số ngày tồn kho
- Phải thu, tồn kho, phải trả và dòng tiền kinh doanh
- Hệ số thanh toán hiện hành, nhanh và tiền mặt

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Chu kỳ chuyển đổi tiền (CCC) bằng số ngày thu tiền cộng số ngày tồn kho trừ số ngày trả tiền người bán: số ngày tiền bị giam trong vòng quay hàng hoá. Với hai công ty giả định cùng doanh thu, công ty có CCC dương 65 ngày phải có sẵn 610 trong ba khoản phải thu, tồn kho, phải trả, còn công ty có CCC âm 30 ngày có ròng 230 do nhà cung cấp cấp. Đó là cách tính thông dụng của giáo trình, không phải quy định, và phụ thuộc cách tính từng thành phần, mùa vụ, ngành và điều khoản với người bán. CCC âm không đồng nghĩa là tốt; sự thay đổi qua nhiều kỳ chỉ là tín hiệu để xem thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/chu-ky-chuyen-doi-tien-ccc-la-gi

Ba dòng tiền kinh doanh, đầu tư, tài chính: mỗi dòng nói gì và 8 tổ hợp dấu đọc thế nào?

Câu trả lời ngắn

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chia mọi khoản tiền vào ra trong kỳ thành ba dòng, mỗi dòng trả lời một câu hỏi riêng. **Dòng tiền kinh doanh** (CFO): hoạt động chính có tự tạo ra tiền không? **Dòng tiền đầu tư**: doanh nghiệp bỏ tiền vào tài sản dài hạn, góp vốn, cho vay, hay thu tiền về từ thanh lý và thu hồi? **Dòng tiền tài chính**: vốn bên ngoài vào từ đâu (vay, phát hành cổ phiếu) và ra đâu (trả nợ gốc, cổ tức)? Mỗi dòng dương hoặc âm nên ba dòng cho tám tổ hợp dấu. Cách đọc của Tâm An: dòng dương là nguồn tiền, dòng âm là nơi tiền được sử dụng; tám tổ hợp là tám câu chuyện nguồn và sử dụng để mở câu hỏi, không phải tám phán quyết tốt xấu. Cùng một tổ hợp có thể là mở rộng hoặc chống đỡ, nên phải đọc nhiều kỳ, độ lớn từng dòng và số dư tiền.



Ba dòng tiền kinh doanh, đầu tư, tài chính cộng với tiền đầu kỳ cho tiền cuối kỳ

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Ba dòng tiền nói gì

Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 (VAS 24, đoạn 04, 05) yêu cầu trình bày luồng tiền theo ba loại hoạt động: kinh doanh là hoạt động tạo doanh thu chủ yếu và phần còn lại; đầu tư là mua sắm, thanh lý tài sản dài hạn và các khoản đầu tư khác; tài chính là hoạt động làm đổi quy mô và kết cấu vốn chủ sở hữu và vốn vay. Đoạn 08, 10, 11 liệt kê luồng tiền điển hình:

Dòng	Tiền vào điển hình	Tiền ra điển hình
Kinh doanh	Thu bán hàng, dịch vụ; hoàn thuế	Trả nhà cung cấp, người lao động, lãi vay, thuế
Đầu tư	Thanh lý tài sản; thu hồi cho vay, vốn góp; lãi, cổ tức nhận	Mua sắm tài sản cố định; cho vay; góp vốn
Tài chính	Vay nhận được; phát hành cổ phiếu	Trả nợ gốc; cổ tức; mua lại cổ phiếu

Bảng cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm xếp lãi riêng (đoạn 23). Ba dòng cộng lại mới cho thay đổi tiền: **tiền đầu kỳ + dòng kinh doanh + dòng đầu tư + dòng tài chính (± tỷ giá) = tiền cuối kỳ**, khớp với tiền trên bảng cân đối kế toán (từ năm tài chính 2026 gọi là báo cáo tình hình tài chính). Cách ba báo cáo nối nhau ở bài ba báo cáo, riêng dòng kinh doanh ở bài dòng tiền kinh doanh.

Một điểm dễ nhầm: **"tiền" ở đây là tiền và tương đương tiền.** VAS 24 (đoạn 04, theo bản đăng lại) tính tương đương tiền là khoản đầu tư ngắn hạn không quá ba tháng. Theo cách đọc của Tâm An, khoản gửi kỳ hạn dài hơn nằm ngoài tiền, nên chuyển tiền sang đó có thể làm dòng đầu tư âm dù chưa "tiêu" tiền; cần đối chiếu thuyết minh.

Tám tổ hợp dấu: nguồn và sử dụng

Dấu dương là dòng đó đưa tiền vào ròng, dấu âm là đưa tiền ra ròng. Ba dòng cho 2 × 2 × 2 = 8 tổ hợp, viết theo thứ tự (kinh doanh, đầu tư, tài chính). Đây là cách ghi nhớ của Tâm An, dựa trên ý "nguồn và sử dụng tiền" của giáo trình; chuẩn mực không xếp loại từng tổ hợp.

Dấu	Nguồn và sử dụng	Hỏi tiếp
(+, −, −)	Tiền kinh doanh nuôi đầu tư, trả nợ, cổ tức; có thể là vận hành ổn định	Mức trả có vượt khả năng tạo tiền không
(+, −, +)	Kinh doanh tạo tiền nhưng đầu tư lớn hơn nên huy động thêm; có thể là giai đoạn tăng trưởng	Nguồn bổ sung là vốn hay nợ, ngắn hay dài hạn
(+, +, −)	Tiền kinh doanh và tiền thu từ đầu tư dùng trả nợ, cổ tức; có thể là giảm nợ nhờ bán tài sản	Bán gì, có lặp lại không
(+, +, +)	Cả ba dòng đưa tiền vào, tiền cuối kỳ tăng mạnh; có thể đang tích tiền cho kế hoạch	Vì sao vẫn huy động, sẽ dùng vào việc gì
(−, −, +)	Vay hoặc phát hành tài trợ cho đầu tư và phần hoạt động chính chưa tạo tiền	Dòng kinh doanh âm do đâu; tiền huy động vào đâu
(−, +, +)	Bán hoặc thu hồi đầu tư và huy động vốn để bù kinh doanh âm; có thể là tái cơ cấu	Bán tài sản nào, đủ bù trong bao lâu
(−, +, −)	Thu từ bán hoặc thu hồi đầu tư dùng trả nợ và bù kinh doanh; có thể là thu hẹp	Khoản thu có phải một lần không
(−, −, −)	Cả ba dòng đưa tiền ra, tiền cuối kỳ giảm; chỉ đứng được khi tiền đầu kỳ đã dày	Tiền còn đủ trong bao lâu



Tám tổ hợp dấu của dòng tiền kinh doanh, đầu tư, tài chính

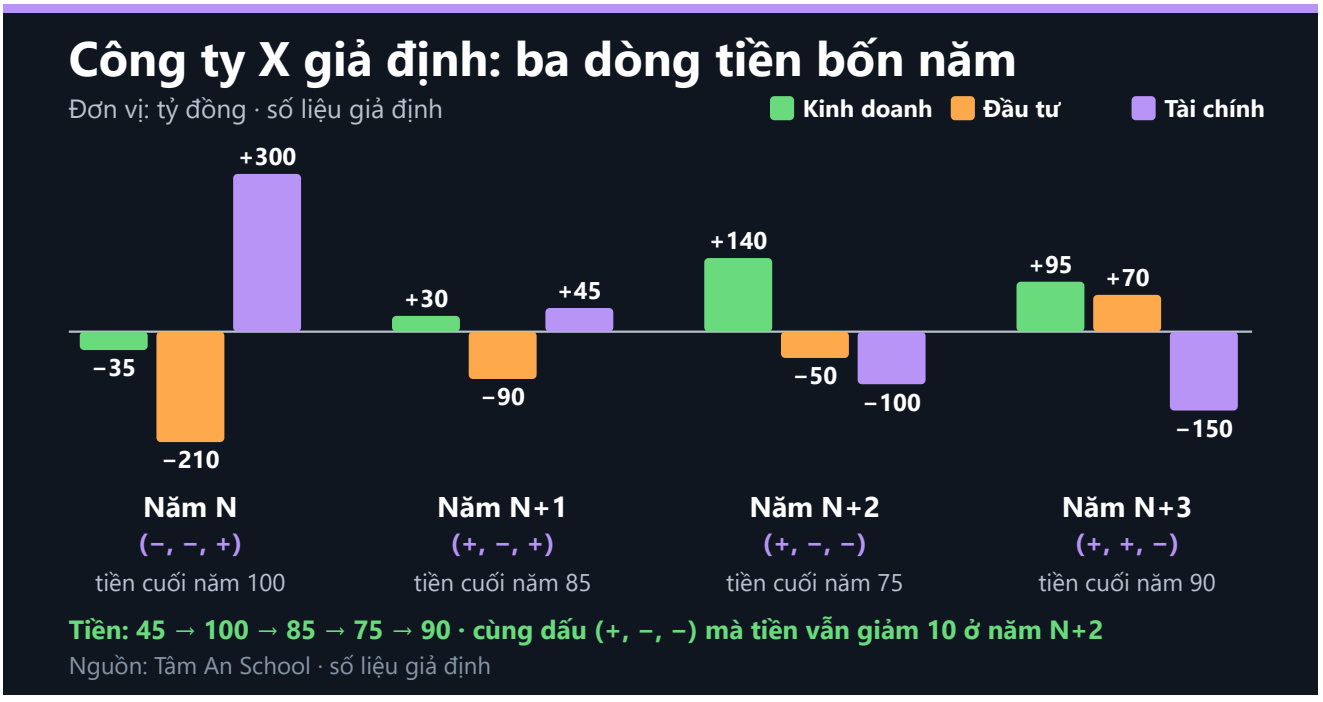
Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Hai điều rút ra. **Không tổ hợp nào tự động tốt hay xấu**: dấu chỉ cho biết hướng đi của tiền, nguyên nhân và độ lớn nằm ở dòng thành phần. Và **dấu không cho biết tiền cuối kỳ tăng hay giảm**: (+, −, −) có thể kèm tiền tăng hoặc giảm.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định qua bốn năm

Công ty X giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật; không ngoại tệ, không giao dịch không dùng tiền. Tiền đầu năm N là 45.

Khoản (tỷ đồng)	Năm N	Năm N+1	Năm N+2	Năm N+3
Dòng tiền kinh doanh	−35	+30	+140	+95
Chi mua sắm tài sản cố định	−210	−95	−50	−15
Thu thanh lý, thu hồi cho vay	0	+5	0	+85
Dòng tiền đầu tư	**−210**	**−90**	**−50**	**+70**
Phát hành cổ phiếu	+150	0	0	0
Vay nhận được	+160	+70	0	0
Trả nợ gốc	−10	−25	−65	−120
Cổ tức đã trả	0	0	−35	−30
Dòng tiền tài chính	**+300**	**+45**	**−100**	**−150**
Thay đổi tiền	**+55**	**−15**	**−10**	**+15**
Tiền cuối năm	100	85	75	90
Tổ hợp dấu	(−, −, +)	(+, −, +)	(+, −, −)	(+, +, −)



Công ty X giả định bốn năm: ba dòng tiền và tiền cuối năm 100, 85, 75, 90

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

- **Năm N (−, −, +).** Xây nhà máy: chi 210, hoạt động chính mới chạy nên dòng kinh doanh âm 35. Phát hành 150 và vay 160, trừ trả gốc 10, đưa vào 300: 210 vào tài sản, 35 bù hoạt động chính, 55 giữ lại thành tiền.
- **Năm N+1 (+, −, +).** Dòng kinh doanh dương 30 nhưng chi đầu tư ròng 90, thiếu 60; vay ròng 45 (70 trừ 25) bù một phần, nên tiền giảm 15.

- **Năm N+2 (+, −, −).** Dòng kinh doanh 140 vượt chi đầu tư 50 một khoảng 90, nhưng trả nợ gốc 65 và cổ tức 35 là 100, nên tiền giảm 10 dù hoạt động chính khoẻ.
- **Năm N+3 (+, +, −).** Thanh lý tài sản được 60 và thu hồi khoản cho vay 25, tổng 85; cùng 95 từ kinh doanh, công ty trả nợ gốc 120 và cổ tức 30, tiền tăng 15. Bỏ khoản 85 thu một lần thì tiền giảm 70 (95 − 15 − 150): việc trả nợ dựa một phần vào khoản không lặp lại.

Cộng bốn năm: dòng kinh doanh 230, đầu tư −280, tài chính +95, tổng +45, đúng bằng tiền từ 45 lên 90. Phần 95 là vốn bên ngoài ròng: phát hành 150, vay ròng 10, trừ cổ tức 65. Hoạt động chính tự tạo 230 nhưng chưa đủ cho 280 đầu tư. Đây chỉ là chuỗi giả định, không phải vòng đời bắt buộc.

Cùng một dấu, hai câu chuyện

Công ty Y giả định cũng ở tổ hợp (−, −, +): dòng kinh doanh −60, đầu tư −20, tài chính +95 từ vay mới, nên tiền tăng 15. Cùng dấu với công ty X năm N, nhưng tiền huy động đi hướng khác:

Tiền huy động đi đâu	Công ty X, năm N	Công ty Y
Dòng tài chính	300	95
Vào tài sản (đầu tư)	210	20
Bù dòng kinh doanh âm	35	60
Giữ lại thành tiền	55	15

X dùng phần lớn vốn để tạo tài sản mới, nên câu hỏi là tài sản đó tạo tiền khi nào. Y dùng phần lớn để bù hoạt động chính, nên câu hỏi là vì sao dòng kinh doanh âm. Âm ở Y chưa chắc xấu: nhập hàng trước mùa bán hay mở kênh bán chịu mới đều là lý do hợp lý; bài cầu nối từ lợi nhuận sau thuế đến dòng tiền kinh doanh chỉ cách mở từng dòng. Tương tự, (+, +, −) của X năm N+3 có thể là giảm nợ nhờ bán tài sản không còn dùng, cũng có thể là bán bớt năng lực sản xuất để trả nợ đến hạn; chỉ thuyết minh mới phân biệt được.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Phạm vi, kỳ, mẫu:** hợp nhất hay riêng lẻ, quý hay lũy kế. Báo cáo năm 2025 theo Thông tư 200, từ năm tài chính bắt đầu từ 01/01/2026 theo Thông tư 99 với mã số đánh lại: ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã số.
2. **Ghi dấu và độ lớn cả ba dòng**, kèm tiền đầu kỳ và cuối kỳ; mở dòng đầu tư và tài chính ra thành phần.
3. **Hỏi hai câu:** tiền huy động đi đâu, và tiền trả nợ, cổ tức đến từ hoạt động chính hay từ khoản bán một lần.
4. **Nhìn nhiều kỳ và cộng dồn**, vì một năm lẻ chịu ảnh hưởng của mùa vụ hay đợt đầu tư lớn.
5. **Xem số dư tiền và thuyết minh.** VAS 24 (đoạn 32, theo bản đăng lại) yêu cầu trình bày khoản tiền lớn nắm giữ nhưng không sử dụng được.
6. **Đi sâu:** xem lãi vay đã trả, lãi và cổ tức nhận nằm ở dòng nào và dòng tiền tự do.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để người đọc tự quyết định có mở thuyết minh hay không; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Bài chỉ nói về doanh nghiệp phi tài chính.
- Cách xếp khoản vào dòng nào phụ thuộc chuẩn mực và mẫu biểu. Lãi vay đã trả là kinh doanh theo VAS 24, nhưng phần đã vốn hoá theo hướng dẫn của Thông tư 99 xếp vào đầu tư; doanh nghiệp còn được trình bày theo cách phù hợp nhất với đặc điểm kinh doanh (đoạn 06), nên hai công ty chưa chắc so được ngay.
- Tám tổ hợp là khung ghi nhớ của Tâm An, không phải phân loại của chuẩn mực; bài không nêu tần suất từng tổ hợp. Công ty X và Y đã đơn giản hoá; báo cáo thật có thể thêm chỉ tiêu (Thông tư 99, Điều 18).

Đừng nói quá

- Không viết "dòng tiền đầu tư âm là xấu": phần lớn là chi mua sắm tài sản.
- Không viết "dòng tiền tài chính dương là đang khó" hay "âm là an toàn".
- Không xếp loại doanh nghiệp bằng một tổ hợp dấu của một kỳ, không dùng X và Y suy ra doanh nghiệp thật. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Tổ hợp dấu đổi giữa các kỳ, dòng kinh doanh âm kéo dài được tài trợ bằng nợ, hay trả nợ nhờ khoản bán một lần đều là tín hiệu để mở các dòng thành phần và thuyết minh, chưa phải bằng chứng về điều gì. Mỗi tín hiệu có nguyên nhân kinh doanh hợp lý khác: giai đoạn xây dựng, mùa vụ, tăng vốn lưu động theo tăng trưởng, tái cơ cấu, lịch đáo hạn nợ. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp. Bài chất lượng lợi nhuận nói vì sao lãi và dòng tiền cần đọc cùng nhau.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026; các đoạn VAS 24 đối chiếu thêm ngày 16/10/2026.

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 (Quyết định 165/2002/QĐ-BTC): đoạn 04 đến 06, 08, 10, 11, 22 đến 24, 32. Đọc từ bản đăng lại (vanban.vcci.com.vn, docs.kreston.vn), không phải cổng nhà nước; hiệu lực cần đối chiếu.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026): Điều 17, 18, 31; Phụ lục IV mục D, Công báo số 1581 + 1582 ngày 16/11/2025. Thông tư 200/2014/TT-BTC chỉ để nêu giai đoạn chuyển tiếp.
- CFA Institute, "Analyzing Statements of Cash Flows I và II" (giáo trình 2026): chỉ trang công khai.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tính lại bằng Python ngày 16/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Ba báo cáo tài chính nối với nhau thế nào?
- Dòng tiền kinh doanh gồm những gì?
- Cầu nối từ lợi nhuận sau thuế đến dòng tiền kinh doanh
- Lãi vay đã trả, lãi tiền gửi và cổ tức nhận nằm ở dòng nào?
- Dòng tiền tự do là gì?

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chia tiền vào ra thành ba dòng: kinh doanh (hoạt động chính có tự tạo tiền không), đầu tư (tiền bỏ vào tài sản dài hạn hay thu về từ thanh lý, thu hồi) và tài chính (vốn bên ngoài vào và ra); tiền đầu kỳ cộng ba dòng, cộng trừ tỷ giá, bằng tiền cuối kỳ. Ba dấu cho tám tổ hợp nguồn và sử dụng, là khung ghi nhớ của Tâm An chứ không phải phân loại của chuẩn mực. Với công ty X giả định qua bốn năm, cùng tổ hợp dấu (+, −, −) vẫn có thể kèm tiền giảm 10, và cùng tổ hợp (−, −, +) ở công ty X và Y là hai câu chuyện khác nhau về nơi tiền huy động được dùng. Không tổ hợp nào tự động tốt hay xấu; dấu của một kỳ chỉ là tín hiệu để mở các dòng thành phần, nhiều kỳ và thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/ba-dong-tien-kinh-doanh-dau-tu-tai-chinh-doc-the-nao

Lãi vay đã trả, lãi tiền gửi và cổ tức nhận nằm ở dòng nào của báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và vì sao so CFO giữa các công ty cần cẩn thận?

Câu trả lời ngắn

Theo cách trình bày của doanh nghiệp phi tài chính Việt Nam (Chuẩn mực kế toán số 24 và hướng dẫn mẫu B03-DN của Thông tư 99/2025/TT-BTC), **lãi vay đã trả nằm ở hoạt động kinh doanh** (chỉ tiêu "chi phí đi vay đã trả"), trừ phần đã vốn hoá vào tài sản dở dang thì chuyển sang đầu tư. **Lãi cho vay, lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi trái phiếu và cổ tức nhận được nằm ở đầu tư. Cổ tức đã trả nằm ở tài chính.** Vì lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (CFO) là dòng cuối của phần kinh doanh, một khoản lãi xếp sang chỗ khác sẽ đổi con số CFO dù tiền thật vào ra ngân hàng không đổi. Chuẩn mực quốc tế (IAS 7) cho phép chọn cách xếp khác; vốn hoá lãi vay, loại hình và mẫu biểu cũng làm lệch. Vì vậy so CFO giữa các công ty chỉ có nghĩa khi đã đưa về cùng cơ sở.



Sáu khoản tiền lãi và cổ tức nằm ở ba hoạt động nào theo cách trình bày của doanh nghiệp phi tài chính Việt Nam

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Bản đồ vị trí: các khoản tiền và ba hoạt động

Bài CFO gồm và không gồm những gì đã nêu các khoản trong CFO; bài này đi sâu vào tiền lãi và cổ tức, theo hướng dẫn mẫu B03-DN của Thông tư 99 (đọc từ Công báo).

Khoản tiền	Hoạt động
Lãi vay đã trả, phần không vốn hoá (gồm lãi kỳ trước trả kỳ này, lãi trả trước)	Kinh doanh
Lãi vay đã trả, phần vốn hoá vào tài sản dở dang	Đầu tư, tách theo tỷ lệ vốn hoá của kỳ
Lãi cho vay, lãi gửi có kỳ hạn, lãi trái phiếu, cổ tức nhận bằng tiền	Đầu tư
Lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	Đoạn đã đọc không nêu dòng
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu, trả nợ gốc vay	Tài chính

Thông tư 99 dặn doanh nghiệp theo dõi riêng tiền lãi và tiền gốc khi trả ngân hàng. Chuẩn mực số 24 (đoạn 22, theo bản đăng lại) cũng xếp lãi vay đã trả vào kinh doanh và cổ tức đã trả vào tài chính.

Nhìn thấy các khoản này ở đâu trên báo cáo

- **Cách trực tiếp.** Phần kinh doanh có một dòng riêng "chi phí đi vay đã trả", ghi số âm. Lãi tiền gửi và cổ tức nhận hiện ở dòng thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia của phần đầu tư.
- **Cách gián tiếp.** Đi từ lợi nhuận trước thuế. Chi phí đi vay đã ghi vào kết quả kinh doanh được cộng lại; lãi và cổ tức nhận, vốn thuộc đầu tư, bị trừ ra; sau đó dòng "chi phí đi vay đã trả" trừ số tiền thực trả. Hai cách cùng ra một CFO.

Ví dụ: công ty X giả định (tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật) có lợi nhuận trước thuế 290, gồm doanh thu tài chính 20 (lãi gửi có kỳ hạn 14, cổ tức nhận 6) và chi phí đi vay 50; khấu hao 80; vốn lưu động không đổi. Gián tiếp: 290 + 80 − 20 + 50 = 400; trừ lãi vay đã trả 50 và thuế 60, ra CFO 290. Trực tiếp: 1.500 − 1.100 − 60 − 50, cũng 290. Khoản 20 đi qua đầu tư.

Vì sao so CFO giữa các công ty cần cẩn thận

1. **Chuẩn mực khác nhau.** Theo tài liệu họp năm 2013 của Ủy ban Diễn giải IFRS, IAS 7 không quy định cứng chỗ xếp lãi và cổ tức của doanh nghiệp phi tài chính: lãi vay có thể ở kinh doanh hoặc tài chính, lãi và cổ tức nhận có thể ở kinh doanh hoặc đầu tư, miễn nhất quán giữa các kỳ.
2. **Lãi vay vốn hoá.** Công ty có nhiều công trình dở dang chuyển phần lãi lớn hơn sang đầu tư nên CFO nhìn cao hơn dù vay như nhau.
3. **Loại hình.** Ngân hàng, tổ chức tín dụng và bảo hiểm có cách xếp riêng (Chuẩn mực số 24, đoạn 12 đến 15 và 23); báo cáo tổ chức tín dụng cũng không theo mẫu Thông tư 99. Bài chỉ nói doanh nghiệp phi tài chính.
4. **Thời kỳ và mẫu biểu.** Báo cáo năm 2025 theo Thông tư 200, từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99 với mã số đánh lại. Mẫu Thông tư 99 dùng tên "chi phí đi vay đã trả"; tên dòng ở mẫu Thông tư 200 chưa mở từ văn bản gốc, cần đối chiếu. Ghép theo nội dung dòng, không theo mã số.
5. **Quyền chọn cách trình bày.** Thông tư 99 cho doanh nghiệp trình bày theo cách phù hợp nhất với đặc điểm kinh doanh, theo bản chất giao dịch khi chưa có hướng dẫn cụ thể, và được bổ sung chỉ tiêu.

6. **Lãi tiền gửi nhỏ lẻ.** Lãi tiền gửi không kỳ hạn bị loại khỏi dòng thu lãi và đoạn đã đọc không nói xếp ở đâu. Văn bản cũng không nêu riêng chỗ xếp lãi của khoản gửi có kỳ hạn không quá ba tháng (tương đương tiền).

Ví dụ minh hoạ: cùng đồng tiền, ba cách xếp

Công ty X và công ty Z giả định, tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Hai công ty có dòng tiền ngân hàng giống hệt nhau từng đồng: thu từ khách 1.500, chi hoạt động 1.100, thuế 60, lãi vay đã trả 50 (không vốn hoá), lãi tiền gửi có kỳ hạn nhận 14, cổ tức nhận 6, mua tài sản cố định 200, vay mới 100, trả nợ gốc 40, cổ tức đã trả 70. Tiền tăng 100 ở cả hai; chỉ khác cách xếp.

Dòng	Cách 1: như Việt Nam (X)	Cách 2: lãi vay và lãi nhận vào kinh doanh	Cách 3: lãi vay vào tài chính (Z)
Kinh doanh (CFO)	**290**	**310**	**340**
Đầu tư	−180	−200	−180
Tài chính	−10	−10	−60
Thay đổi tiền	100	100	100

Cách 2 đưa 20 lãi, cổ tức nhận vào CFO (290 + 20 = 310). Cách 3 chuyển lãi vay 50 sang tài chính (−10 − 50 = −60) nên CFO lên 340. Cả ba con số khớp với đồng tiền thật; Z có CFO cao hơn X 50, tức hơn 17%, mà không có thêm một đồng nào.



Cùng một dòng tiền thật, ba cách xếp lãi cho CFO là 290, 310 và 340

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng. Một công ty thực tế chỉ dùng một cách theo chuẩn mực áp dụng.

Ví dụ thứ hai: lãi vay vốn hoá

Hai công ty giả định khác: công ty V và công ty K cùng có CFO trước lãi vay 400 và cùng trả lãi vay 80. Công ty V đang xây nhà máy nên giả sử vốn hoá 60% lãi (48); công ty K không vốn hoá. CFO của V là 400 − 32 = **368**, của K là 400 − 80 = **320**; V còn có 48 lãi vay ở dòng chi mua sắm, xây dựng của phần đầu tư. Cùng 80 lãi vay đã trả, CFO của V cao hơn K 48, tức 15%, chỉ vì khoản 48 đi vào tài sản dở dang. Cơ chế vốn hoá: vốn hoá chi phí lãi vay là gì.



Hai công ty cùng trả lãi vay 80: CFO là 368 với công ty vốn hoá 60% và 320 với công ty không vốn hoá

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Cách đưa CFO về cùng cơ sở để so sánh

Bước thực dụng: chọn một cơ sở chung rồi quy mọi công ty về đó. Với ba cách ở ví dụ đầu, mốc "sau lãi vay, không tính lãi và cổ tức nhận" cho cách 1 giữ 290, cách 2 lấy 310 trừ 20, cách 3 lấy 340 trừ 50: cả ba ra 290. Mốc "trước lãi vay" cho cách 1 cộng 50, cách 2 lấy 310 trừ 20 cộng 50, cách 3 giữ 340: cả ba ra 340. Với lãi vay vốn hoá, cần cộng thêm phần ở đầu tư; Chuẩn mực số 24 (đoạn 24, theo bản đăng lại) yêu cầu trình bày tổng lãi vay đã trả trong kỳ, kể cả phần vốn hoá. Danh mục công thức của chương trình CFA (Financial Ratio List) cũng dặn khi tính dòng tiền tự do: chỉ cộng lại lãi vay nếu lãi đã bị trừ trong CFO, điều có thể không đúng với công ty chọn cách xếp khác theo IFRS. Xem thêm: dòng tiền tự do và các cách tính.

Các quan điểm khác nhau

Các nguồn không cùng một cách làm; bài chỉ nêu, không chọn bên.

- **Chuẩn mực kế toán Việt Nam và hướng dẫn mẫu B03-DN của Thông tư 99:** lãi vay đã trả ở kinh doanh (phần vốn hoá ở đầu tư), lãi và cổ tức nhận ở đầu tư, cổ tức trả ở tài chính. Theo cách hiểu của Tâm An, cách này gắn lãi vay với kết quả kinh doanh.

- **IAS 7, chưa tính sửa đổi theo IFRS 18:** theo tài liệu của IFRS Foundation, lãi vay có thể ở kinh doanh vì lãi tham gia xác định lợi nhuận, hoặc ở tài chính vì là chi phí huy động vốn; lãi và cổ tức nhận có thể ở kinh doanh hoặc đầu tư vì là lợi tức đầu tư. Doanh nghiệp tự chọn và giữ nhất quán; cách xếp lãi đã vốn hoá chưa rõ ràng theo tài liệu họp năm 2013.
- **IFRS 18, theo tóm tắt của các hãng kiểm toán:** áp dụng từ kỳ báo cáo bắt đầu từ 01/01/2027 (cho phép áp dụng sớm). Theo các tóm tắt này (chưa đối chiếu nguyên văn), lựa chọn trên bị bỏ với đa số doanh nghiệp: lãi vay đã trả về tài chính, lãi và cổ tức nhận về đầu tư, có ngoại lệ cho doanh nghiệp có hoạt động chính là đầu tư hoặc cấp tín dụng. Doanh nghiệp lập theo chuẩn mực trong nước không bị ràng buộc trực tiếp.
- **Giáo trình phân tích tài chính:** không tranh luận xếp đúng hay sai mà hướng người phân tích tự đưa các công ty về cùng cơ sở.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Phạm vi, kỳ, mẫu:** hợp nhất hay riêng lẻ, quý hay lũy kế, Thông tư 200 hay 99.
2. **Tìm dòng lãi vay đã trả** trong phần kinh doanh và xem có phần vốn hoá ở đầu tư không.
3. **Tìm dòng thu lãi, cổ tức** trong phần đầu tư, so với doanh thu tài chính trên báo cáo kết quả kinh doanh.
4. **Mở thuyết minh** về lãi vay vốn hoá và chính sách xếp lãi tiền gửi.
5. **Quy về cùng cơ sở** trước khi so CFO giữa các công ty hay so với lợi nhuận, như tỷ lệ ở bài CFO chia lợi nhuận sau thuế.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để người đọc tự quyết định có đào sâu thuyết minh hay không; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Cách xếp trong bài là của doanh nghiệp phi tài chính, theo Chuẩn mực số 24 (bản đăng lại, hiệu lực cần đối chiếu) và hướng dẫn mẫu B03-DN của Thông tư 99; mẫu Thông tư 200 chưa mở từ văn bản gốc.
- IAS 7 và IFRS 18 trích theo tài liệu họp của IFRS Foundation và tóm tắt của hãng kiểm toán, chưa đối chiếu toàn văn.
- Ba cách xếp trong ví dụ chỉ để đo độ lớn chênh lệch; công ty thực tế dùng một cách. Số liệu đã đơn giản hoá (không thuế giá trị gia tăng, không thay đổi vốn lưu động).

Đừng nói quá

- Không viết "CFO cao hơn nghĩa là tạo tiền tốt hơn" khi chưa biết lãi vay và lãi nhận xếp ở đâu.
- Không viết "lãi vay luôn nằm ở kinh doanh": phần vốn hoá và chuẩn mực khác cho kết quả khác.
- Không dùng bài để kết luận về doanh nghiệp cụ thể; bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Khi CFO của hai công ty chênh nhau nhiều, hoặc CFO của một công ty nhảy mạnh giữa hai kỳ, đó là tín hiệu để xem dòng lãi vay, phần vốn hoá và chính sách xếp lãi, chưa phải bằng chứng về điều gì. Đổi mẫu biểu, vay thêm xây công trình hay đổi cách trình bày đều là nguyên nhân hợp lý. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi của doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 16/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026): Phụ lục IV mục D (nguyên tắc 1.1 đến 1.4, mục 3, các chỉ tiêu lãi vay, thu lãi và cổ tức, cổ tức trả, cách gián tiếp), đọc nguyên văn từ Công báo số 1581 + 1582 ngày 16/11/2025; Điều 17, 18, 31.
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 (Quyết định 165/2002/QĐ-BTC), đoạn 12 đến 15, 22 đến 25: đọc từ bản đăng lại, hiệu lực cần đối chiếu.
- IFRS Foundation, tài liệu họp Ủy ban Diễn giải IFRS (12 đến 13/03/2013), trích IAS 7 đoạn 31, 33; trang IFRS 18 (hiệu lực 01/01/2027); nội dung sửa đổi theo tóm tắt của hãng kiểm toán.
- CFA Institute, "Financial Ratio List" (chương trình CFA cấp độ II, tệp PDF công khai): mục 40, 41.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python, ngày 16/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- CFO gồm và không gồm những gì?
- Vốn hoá chi phí lãi vay
- Hệ số bao phủ lãi vay (ICR)
- Dòng tiền tự do và các cách tính
- CFO chia lợi nhuận sau thuế

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Theo cách trình bày của doanh nghiệp phi tài chính Việt Nam, lãi vay đã trả nằm ở hoạt động kinh doanh (phần vốn hoá ở đầu tư), lãi cho vay, lãi tiền gửi có kỳ hạn và cổ tức nhận nằm ở đầu tư, cổ tức đã trả nằm ở tài chính. Vì vậy cùng một dòng tiền thật có thể cho CFO khác nhau khi chuẩn mực, mức vốn hoá lãi vay, loại hình hay mẫu biểu khác: trong ví dụ giả định, ba cách xếp cho CFO là 290, 310 và 340, và hai công ty cùng trả lãi vay 80 có CFO 368 và 320. Muốn so CFO giữa các công ty cần đưa về cùng cơ sở trước. Các nguồn còn khác nhau về chỗ xếp lãi, và chênh lệch CFO chỉ là tín hiệu để xem thêm, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/lai-vay-da-tra-lai-tien-gui-co-tuc-nhan-nam-o-dong-nao-cua-bao-cao-luu-chuyen-tien-te

Dòng tiền tự do (Free Cash Flow) là gì? Các cách tính và vì sao mỗi nguồn một khác

Câu trả lời ngắn

Dòng tiền tự do (free cash flow, viết tắt FCF) không có một định nghĩa duy nhất. Đó là tên gọi chung của "tiền còn lại sau khi trừ chi tiêu đầu tư vào tài sản dài hạn", và có ít nhất ba cách tính hay gặp. Cách giản lược: **FCF = dòng tiền kinh doanh (CFO) − tiền chi mua sắm tài sản cố định**. Hai cách của giáo trình định giá, theo danh mục công thức của chương trình CFA: **FCFF = CFO + lãi vay × (1 − thuế suất) − đầu tư vốn cố định** (tiền còn lại cho mọi bên cấp vốn) và **FCFE = CFO − đầu tư vốn cố định + vay ròng** (tiền còn lại cho cổ đông). Cùng một báo cáo có thể cho ba con số khác nhau, chưa kể cách xếp lãi vay và cách chọn dòng "chi tiêu vốn". Vì vậy mọi con số FCF chỉ có nghĩa khi đi kèm công thức.



Ba cách tính dòng tiền tự do: giản lược, FCFF và FCFE cùng xuất phát từ dòng tiền kinh doanh

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Ba cách tính hay gặp

Cách gọi	Công thức	Trả lời câu hỏi	Nguồn
FCF giản lược	CFO − tiền chi mua sắm tài sản cố định	Làm kinh doanh xong và chi đầu tư xong, còn bao nhiêu tiền	Cách gọi thông dụng trong phân tích; bài không dẫn một nguồn duy nhất
FCFF (dòng tiền tự do của doanh nghiệp)	CFO + lãi vay × (1 − thuế suất) − đầu tư vốn cố định	Tiền còn lại cho cả chủ nợ lẫn cổ đông, chưa tính cách tài trợ	Danh mục công thức CFA, công thức số 41
FCFE (dòng tiền tự do của cổ đông)	CFO − đầu tư vốn cố định + vay ròng	Tiền còn lại cho cổ đông, sau khi tính tiền vay mới trừ nợ gốc đã trả	Danh mục công thức CFA, công thức số 40

Cả ba bắt đầu từ CFO. Như bài về CFO gồm những gì, tiền mua sắm tài sản cố định thuộc hoạt động đầu tư nên không làm giảm CFO; vì thế muốn biết tiền "còn lại" phải trừ thêm khoản này. Hai bước điều chỉnh còn lại:

- **FCFF cộng lại lãi vay sau thuế** để đo tiền tạo ra trước khi chia cho chủ nợ. Danh mục CFA ghi chú rằng chỉ cộng lãi vay khi nó đã bị trừ trong CFO; điều này có thể không xảy ra ở công ty chọn cách xử lý thay thế theo IFRS.
- **FCFE cộng vay ròng**, tức tiền vay mới trừ nợ gốc đã trả, vì cổ đông chỉ nhận phần còn lại sau khi chủ nợ đã được xử lý.

Vì sao mỗi nguồn một khác

Khi hai nguồn đưa ra hai con số FCF cho cùng một năm, thường có ít nhất một trong sáu nguyên nhân sau.

1. **Công thức khác nhau.** Giản lược, FCFF, FCFE là ba phép tính khác nhau, còn có biến thể như trừ thêm cổ tức đã trả; không so thẳng được.
2. **Lãi vay đã trả nằm ở đâu.** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 (VAS 24, đoạn 22) xếp lãi vay đã trả của doanh nghiệp phi tài chính vào hoạt động kinh doanh. Hướng dẫn mẫu báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Thông tư 99/2025/TT-BTC nêu lãi vay là kinh doanh hoặc đầu tư, và phần đã vốn hoá vào tài sản dở dang thì xếp vào đầu tư. Hai doanh nghiệp vay như nhau nhưng vốn hoá khác nhau sẽ có CFO, và FCF giản lược, khác nhau.
3. **"Chi tiêu vốn" lấy dòng nào.** Trên báo cáo, đó là tiền thực chi trong kỳ, không phải giá trị tài sản tăng thêm. Tài sản mua chịu hay nhận nợ không xuất hiện trong báo cáo kỳ đó mà ở thuyết minh (VAS 24, đoạn 29, 30), còn tiền trả nhà thầu xây dựng cơ bản ở kỳ sau mới vào dòng đầu tư. Ngoài ra còn câu hỏi có trừ thu thanh lý tài sản hay không, và có tính chi cho bất động sản đầu tư, góp vốn, mua công ty khác hay không. Bài chưa xác minh được quy ước chung cho phần này.
4. **Phạm vi và kỳ báo cáo.** Hợp nhất hay riêng lẻ, quý hay luỹ kế, báo cáo năm 2025 theo Thông tư 200 hay từ năm tài chính bắt đầu từ 01/01/2026 theo Thông tư 99 với mã số chỉ tiêu đánh lại. Ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã số.

5. **Thuế suất và lãi dùng trong FCFF.** Dòng công thức ghi "tax rate" mà không nói thuế suất danh nghĩa hay thực tế, và ghi "interest expense" (chi phí lãi vay) chứ không phải lãi đã trả bằng tiền. Hai lựa chọn này cho kết quả hơi khác nhau.
6. **Cách công cụ lấy số.** Công cụ tự động phải quyết định lấy dòng nào làm chi tiêu vốn. Bài không đánh giá nguồn nào, chỉ khuyên đọc ghi chú công thức của nguồn đó.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Công ty X giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Năm N của công ty X: CFO là 300 (đã trừ lãi vay đã trả 40, không có phần vốn hoá); tiền chi mua sắm tài sản cố định 180; tiền thu thanh lý tài sản 20; vay mới 100, trả nợ gốc 40 (vay ròng 60); cổ tức đã trả 50; thuế suất giả định 20%. Tiền tăng 300 − 180 + 20 + 60 − 50 = 150.

Cùng bộ số đó, năm cách tính cho năm con số:

Cách tính (năm N)	Phép tính	Kết quả
FCF giản lược	300 − 180	**120**
FCF trừ chi mua sắm ròng (đã trừ thu thanh lý)	300 − (180 − 20)	**140**
FCFF theo danh mục CFA	300 + 40 × (1 − 0,2) − 180	**152**
FCFE theo danh mục CFA	300 − 180 + 60	**180**
FCF giản lược sau cổ tức	120 − 50	**70**

Thấp nhất là 70, cao nhất là 180, chênh 110, nhưng không con số nào sai: mỗi con số trả lời một câu hỏi. FCFE cao nhất vì có 60 tiền vay ròng, không phải tiền do kinh doanh tạo ra.

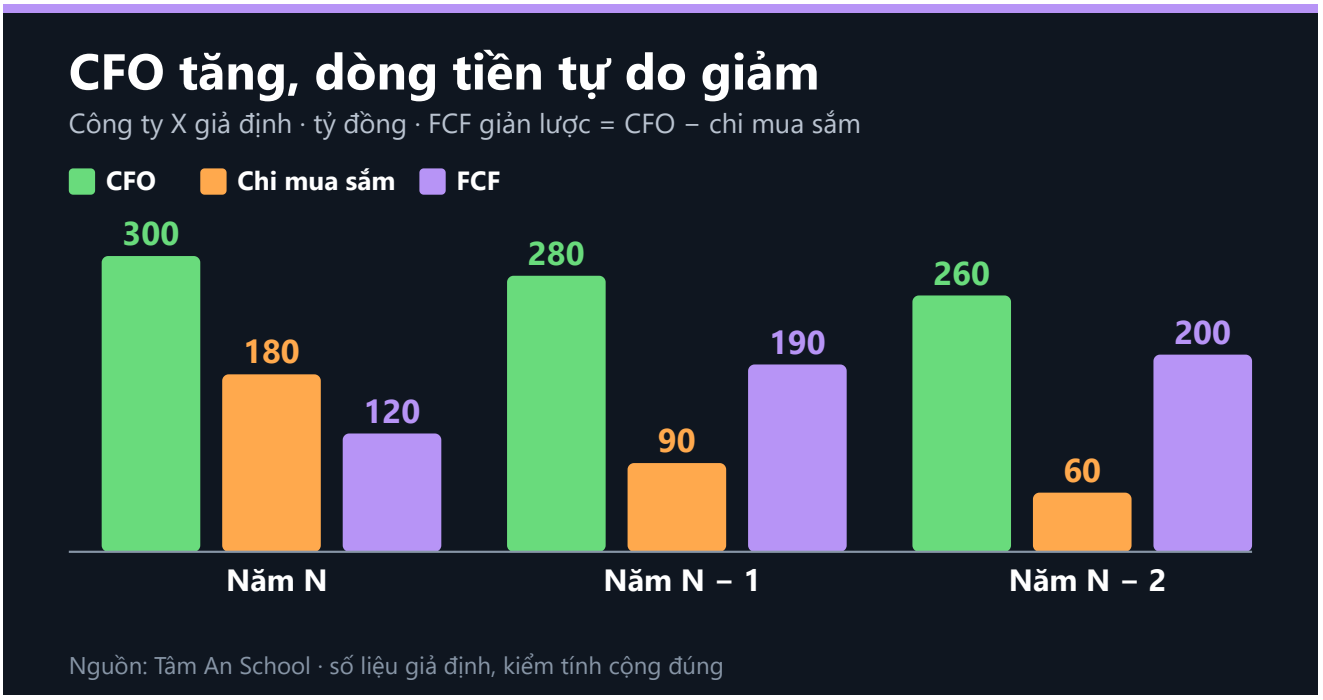


Cùng một báo cáo của công ty X giả định, năm cách tính cho các con số từ 70 đến 180

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Khi lãi vay được vốn hoá. Giả sử trong 40 lãi vay của năm N có 10 được vốn hoá vào tài sản dở dang, nên CFO chỉ trừ 30 và thành 310, còn 10 nằm ở phần đầu tư (số 180 vẫn là chi mua sắm thuần). Cùng dòng tiền thật, FCF giản lược trừ mỗi dòng 180 ra 130, còn nếu người tính coi 10 là chi đầu tư và trừ nốt thì ra 120. Ở FCFF, nếu cộng cả 40 lãi vay như công thức gốc mà không đọc chú thích thì được 162, còn đúng chú thích (chỉ cộng phần đã trừ trong CFO, tức 30) thì được 154; chênh 8 chính là 10 × (1 − 0,2).

Ba năm nhìn cùng nhau. Giả định CFO của công ty X ở ba năm gần nhất là 300 (năm N), 280 (năm N − 1) và 260 (năm N − 2), còn chi mua sắm tài sản cố định lần lượt 180, 90 và 60. FCF giản lược là 120, 190 và 200: CFO tăng đều mà FCF giảm vì công ty tăng chi đầu tư. Tổng ba năm: CFO 840, chi mua sắm 330, FCF 510, trung bình 170 mỗi năm. Một năm chi mạnh kéo FCF xuống không đương nhiên là xấu; cần hỏi khoản chi dành cho mục đích gì và nguồn tiền nào bù vào (năm N có 60 vay ròng).



Ba năm của công ty X giả định: CFO tăng nhưng dòng tiền tự do giảm khi chi đầu tư tăng

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Các quan điểm khác nhau

Bài không chọn bên. Mỗi quan điểm dưới đây đều có người dùng.

- **Nhóm đọc nhanh trong phân tích đại chúng:** dùng FCF giản lược vì chỉ cần hai dòng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Hạn chế: không tính đến lãi vay phải trả và cách công ty được tài trợ.
- **Nhóm giáo trình định giá (danh mục công thức CFA), FCFF:** tính tiền tạo ra cho mọi bên cấp vốn, độc lập với việc công ty vay nhiều hay ít. Hạn chế: phải xử lý đúng cách xếp lãi vay và chọn thuế suất.
- **Nhóm giáo trình, FCFE:** tính tiền còn lại cho cổ đông, có tính vay ròng. Hạn chế: vay mới làm FCFE tăng dù kinh doanh không đổi.

- **Về chi tiêu vốn, một số tác giả phân tích** đề nghị chỉ trừ phần chi để duy trì năng lực hiện có, còn phần mở rộng coi là lựa chọn đầu tư. Quan điểm khác giữ nguyên toàn bộ khoản chi trên báo cáo vì báo cáo không tách hai phần, mà ước tính phần duy trì là chủ quan. Bài không dẫn tác giả cụ thể.
- **Về lãi vay,** quan điểm theo VAS 24 xếp lãi vay đã trả vào kinh doanh; quan điểm theo hướng dẫn Thông tư 99 tách phần vốn hoá sang đầu tư; danh mục CFA nhắc rằng một số công ty theo IFRS chọn cách xử lý thay thế.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Phạm vi, kỳ, mẫu:** hợp nhất hay riêng lẻ, quý hay luỹ kế, Thông tư 200 hay Thông tư 99.
2. **Lấy CFO** ở báo cáo lưu chuyển tiền tệ; xem lãi vay đã trả nằm ở dòng nào, có vốn hoá không.
3. **Lấy tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định** ở phần đầu tư; xem thêm các dòng góp vốn, thu thanh lý.
4. **Chọn công thức và ghi lại.** Viết rõ "CFO trừ chi mua sắm" hay FCFF, FCFE, rồi giữ nguyên công thức cho mọi kỳ.
5. **Nhìn vay ròng và cổ tức ở phần tài chính** để biết tiền "còn lại" dùng vào đâu.
6. **Mở thuyết minh:** tài sản mua chịu, lãi vốn hoá, cam kết đầu tư. Nhìn nhiều kỳ, kèm bài ba dòng tiền kinh doanh, đầu tư, tài chính.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để người đọc tự quyết định có đào sâu thuyết minh hay không; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Bài chỉ áp dụng cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cách xếp luồng tiền và cấu trúc báo cáo riêng.
- FCF là chỉ số phân tích của giáo trình và thực hành, không phải chỉ tiêu bắt buộc trong mẫu báo cáo; bài chưa đối chiếu từng chỉ tiêu của mẫu để khẳng định tuyệt đối.
- Công thức CFA trích từ danh mục công khai (tệp ghi năm 2022); bản mới hơn có thể khác. Bài không đưa mốc "FCF cao" hay "thấp".
- Công ty X đã đơn giản hoá: bỏ qua thuế giá trị gia tăng, lãi nhận được và mua chịu tài sản.

Đừng nói quá

- Không viết "FCF dương là tốt, FCF âm là xấu": FCF âm khi mở rộng có thể là lựa chọn, FCF dương có thể nhờ cắt chi đầu tư hoặc vay thêm.
- Không viết "FCF là tiền cổ đông chắc chắn nhận": tiền thật còn phụ thuộc nợ đến hạn, cổ tức và quyết định của doanh nghiệp.
- Không so FCF của hai nguồn khi chưa biết công thức. Không dùng ví dụ công ty X để suy ra doanh nghiệp thật; bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Khi FCF của một doanh nghiệp đổi mạnh giữa các kỳ, hoặc hai nguồn cho hai con số khác nhau, đó là tín hiệu để xem công thức, cách xếp lãi vay và khoản chi đầu tư trong thuyết minh, chưa phải bằng chứng về điều gì. Chi đầu tư dồn vào một năm, vay thêm để mở rộng, thanh lý tài sản hay đổi cách trình bày đều là nguyên nhân hợp lý khác. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi của doanh nghiệp. Bài chất lượng lợi nhuận nói vì sao lãi và dòng tiền cần đọc cùng nhau.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 16/10/2026.

- CFA Institute, "Financial Ratio List" (chương trình CFA cấp độ II, tệp PDF công khai, tên tệp ghi 2022): công thức số 40 (FCFE) và số 41 (FCFF) cùng chú thích về lãi vay; đã mở và đọc ngày 16/10/2026.
- CFA Institute, "Analyzing Statements of Cash Flows I và II" (giáo trình 2026): chỉ trang công khai.
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 (Quyết định 165/2002/QĐ-BTC), đoạn 10, 22, 29, 30: đọc từ bản đăng lại, hiệu lực cần đối chiếu văn bản mới nhất.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026): Phụ lục IV mục D (lập mẫu báo cáo lưu chuyển tiền tệ), Điều 31, đọc từ Công báo số 1581 + 1582 ngày 16/11/2025. Thông tư 200/2014/TT-BTC (báo cáo năm 2025): chỉ để nêu giai đoạn chuyển tiếp.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python, ngày 16/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- CFO gồm những gì và không gồm gì
- Ba dòng tiền kinh doanh, đầu tư, tài chính
- Lãi vay đã trả, cổ tức nhận nằm ở dòng nào?
- CFO trên lợi nhuận sau thuế
- Nợ ròng bằng bao nhiêu năm dòng tiền kinh doanh?

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Dòng tiền tự do (FCF) là tiền còn lại sau khi trừ chi tiêu đầu tư vào tài sản dài hạn, nhưng không có định nghĩa duy nhất: cách giản lược lấy dòng tiền kinh doanh trừ chi mua sắm tài sản cố định; theo danh mục công thức CFA, FCFF cộng thêm lãi vay sau thuế còn FCFE cộng vay ròng. Với công ty giả định, cùng một báo cáo cho các con số từ 70 đến 180 tuỳ công thức, cách xếp lãi vay và cách chọn dòng chi tiêu vốn. Vì vậy con số FCF chỉ có nghĩa khi đi kèm công thức, và nên nhìn nhiều năm vì chi đầu tư không đều. FCF cao hay thấp chưa phải kết luận về doanh nghiệp; đó là tín hiệu để xem thuyết minh.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/dong-tien-tu-do-free-cash-flow-la-gi-cac-cach-tinh

Nợ vay và nợ phải trả khác nhau thế nào? Cách tách nợ chịu lãi khỏi các khoản nợ hoạt động

Câu trả lời ngắn

Nợ phải trả là toàn bộ phần nợ trên bảng cân đối kế toán (từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99 gọi là báo cáo tình hình tài chính): phải trả người bán, người mua trả tiền trước, thuế, lương, chi phí phải trả, vay, trái phiếu và nhiều khoản khác. **Nợ vay**, nói đủ hơn là **nợ chịu lãi**, chỉ là một phần trong đó: vay và nợ thuê tài chính, trái phiếu và vài khoản tương tự, tức phần có gốc và lãi phải trả bằng tiền. Phần còn lại phần lớn là nợ hoạt động, từ mua bán và nghĩa vụ với nhà nước, người lao động, khách hàng. Mẫu báo cáo không có dòng "tổng nợ vay": người đọc tự cộng, nên "nợ phải trả trên tổng tài sản" và "nợ vay trên tổng tài sản" kể hai câu chuyện khác nhau.



Nợ phải trả chia thành nợ chịu lãi, nợ hoạt động và nợ ước tính, hoãn lại

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Phần nợ của bảng cân đối gồm những dòng nào

Theo mẫu Thông tư 99, nợ chia theo kỳ hạn thanh toán còn lại (ngắn hạn là không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh thông thường), nên chưa cho biết có chịu lãi hay không. Cách nhóm theo bản chất dưới đây là cách đọc của Tâm An, không phải trình bày bắt buộc của mẫu:

Nhóm	Dòng trên báo cáo (tên theo mẫu Thông tư 99)
Nợ chịu lãi	Vay và nợ thuê tài chính (ngắn hạn, dài hạn); Trái phiếu chuyển đổi (nợ gốc)
Cần xem riêng (người đọc xếp khác nhau)	Cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả; Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ
Nợ hoạt động	Phải trả người bán; Người mua trả tiền trước; Thuế và các khoản phải nộp; Phải trả người lao động; Chi phí phải trả; Doanh thu chờ phân bổ; Phải trả khác
Ước tính, quỹ, hoãn lại	Dự phòng phải trả; Quỹ khen thưởng, phúc lợi; Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Năm chỗ dễ nhầm khi tách nợ chịu lãi

1. **Trái phiếu thường không có dòng riêng.** Hướng dẫn lập của Thông tư 99 cho biết dòng vay và nợ thuê tài chính lấy số cả từ tài khoản trái phiếu phát hành. Trái phiếu chuyển đổi có dòng riêng ở nợ dài hạn, chỉ ghi phần nợ gốc.
2. **Lãi vay chưa trả không nằm ở dòng vay.** Hướng dẫn lập dòng chi phí phải trả nêu ví dụ lãi vay phải trả, và mẫu thuyết minh có dòng "Lãi vay phải trả". Chỉ cộng dòng vay sẽ bỏ sót lãi chưa trả.
3. **Kỳ hạn tính theo thời gian còn lại.** Dòng vay ngắn hạn mô tả khoản có kỳ hạn thanh toán còn lại không quá 12 tháng. Theo tiêu chí này, khoản vay dài hạn sắp đến hạn trong 12 tháng tới được đọc là thuộc dòng ngắn hạn; đây là suy ra của Tâm An vì hướng dẫn không dùng cụm "nợ dài hạn đến hạn".
4. **Người mua trả tiền trước không phải khoản vay.** Dòng này phản ánh tiền người mua ứng trước, doanh nghiệp có nghĩa vụ cung cấp hàng hoá, dịch vụ, không gồm doanh thu nhận trước (có dòng riêng là doanh thu chờ phân bổ). Khoản này trả bằng giao hàng, không bằng gốc và lãi.
5. **Nợ hoạt động vẫn là nợ thật.** Không ghi như khoản vay nhưng đến hạn vẫn phải trả; với phải trả khác hay phải trả bên liên quan, đọc thuyết minh để biết bản chất.

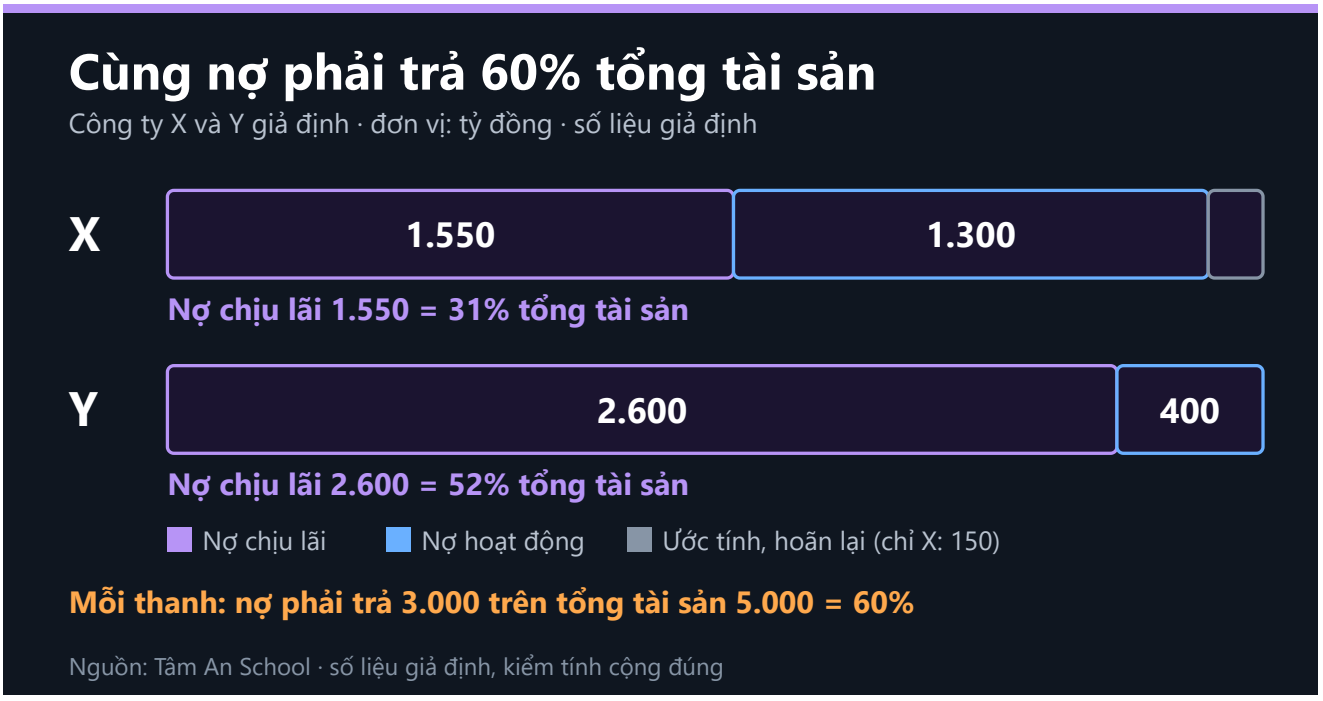
Ví dụ minh hoạ: hai công ty giả định cùng tỷ lệ 60%

Hai công ty giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Cả hai có tổng tài sản 5.000 và nợ phải trả 3.000, tức đều 60%. Cơ cấu nợ của công ty X:

Dòng nợ của công ty X giả định (in đậm là chịu lãi)	Số tiền
Phải trả người bán ngắn hạn	520
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	410
Thuế phải nộp 60, người lao động 70, phải trả khác 40 và 50	220
Chi phí phải trả ngắn hạn (có lãi vay phải trả 30)	150
Dự phòng phải trả 110, thuế hoãn lại phải trả 40	150
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	**600**
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**800**
Trái phiếu chuyển đổi (nợ gốc)	**150**
Cộng nợ phải trả	**3.000**

Cộng theo nhóm: nợ chịu lãi 600 + 800 + 150 = **1.550**; nợ hoạt động 520 + 410 + 220 + 150 = **1.300**; nợ ước tính và hoãn lại **150**; 1.550 + 1.300 + 150 = 3.000. Công ty Y cũng có nợ phải trả 3.000, gồm vay và nợ thuê tài chính 2.600 (ngắn hạn 900, dài hạn 1.700) và nợ khác 400.

Chỉ tiêu (số giả định)	Công ty X	Công ty Y
Nợ chịu lãi	1.550	2.600
Nợ chịu lãi / tổng tài sản	31%	52%
Nợ không chịu lãi	1.450	400



Hai công ty giả định cùng nợ phải trả 60% tổng tài sản nhưng nợ chịu lãi 31% và 52%

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Cùng 60%, nợ chịu lãi của Y gấp khoảng 1,7 lần của X (2.600 / 1.550). Bảng chưa nói công ty nào tốt hơn: X có 1.450 nghĩa vụ không chịu lãi nhưng vẫn phải trả đúng hạn, còn Y gánh gốc và lãi lớn hơn.

Số "nợ vay" còn phụ thuộc cách cộng: thêm 30 lãi vay phải trả nằm trong chi phí phải trả thì nợ chịu lãi mở rộng của X là 1.580 (31,6%); trừ 700 tiền thì còn 850. Khoản được trừ do người đọc định nghĩa, nên phải ghi rõ cách tính (bài về nợ ròng đi sâu phần này).

Khi nợ vay giảm. Sang năm sau, giả sử nợ chịu lãi của X giảm từ 1.550 xuống 1.250, tức giảm 300 (khoảng 19,4%). Cùng lúc phải trả người bán tăng từ 520 lên 700 và người mua trả tiền trước tăng từ 410 lên 530, các khoản khác giữ nguyên. Nợ hoạt động lên 1.600, nợ ước tính và hoãn lại vẫn 150, nên nợ phải trả vẫn 1.250 + 1.600 + 150 = 3.000. Ví dụ chỉ xét phía nợ, không ghép đủ bảng cân đối. Nợ vay giảm 300 nhưng tổng nghĩa vụ không đổi: nghĩa vụ chuyển sang nhà cung cấp và khách hàng.



Nợ chịu lãi giảm 300, nợ hoạt động tăng 300, tổng nợ phải trả vẫn 3.000 trong ví dụ giả định

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng. Ví dụ chỉ xét phía nợ phải trả.

Các quan điểm khác nhau

Đo đòn bẩy bằng nợ gộp hay nợ chịu lãi, và nó nói gì về rủi ro, chưa có đáp án chung. Các nguồn dưới đây đo khác nhau; bài không chọn bên.

- **Giáo trình phân tích (CFA Institute, danh mục công thức).** "Tổng nợ" là nợ chịu lãi ngắn hạn và dài hạn, loại trừ các khoản như chi phí phải trả và phải trả người bán; các tỷ lệ nợ trên tài sản, vốn chủ sở hữu, vốn dùng số này.
- **Nghiên cứu trong nước (Phạm Thị Ngọc Bích và cộng sự, 2024).** Mẫu 3.370 quan sát của 350 doanh nghiệp niêm yết, 2013-2022, dùng tỷ lệ tổng nợ trên tổng tài sản (không tách nợ chịu lãi) để giải thích mức dồn tích bất thường, một thước đo quản trị lợi nhuận. Hệ số tuyến tính đổi dấu giữa hai cách ước lượng (tác giả gọi là không bền); mô hình bậc hai cho hình chữ U với điểm đổi chiều ước tính 0,903, hệ số bậc hai chỉ có ý nghĩa ở mức 10%.

- **Nghiên cứu khác trong nước (Bùi Phương Chi và cộng sự, 2021).** Mẫu 307 công ty niêm yết, 2007-2018, biến phụ thuộc là chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán. Chỉ số đòn bẩy tài chính trong khung M-Score có hệ số dương, có ý nghĩa ở cả tám cột ước lượng, nhưng sức giải thích thấp (pseudo R2 dưới 0,07).

Cách hiểu của Tâm An: ba nguồn đo bằng ba cách, kết quả khác hướng, nên không có cơ sở dùng một tỷ lệ nợ nói về một doanh nghiệp cụ thể.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Phạm vi, kỳ, mẫu:** hợp nhất hay riêng lẻ, quý hay lũy kế. Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính bắt đầu từ 01/01/2026 theo Thông tư 99, mã số chỉ tiêu đánh lại. Ghép hai kỳ theo tên dòng và nội dung, không theo mã số; bài không đối chiếu từng dòng giữa hai mẫu.
2. **Bảng cân đối kế toán:** cộng các dòng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn, trái phiếu chuyển đổi; ghi riêng cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ và mua bán lại trái phiếu Chính phủ nếu có.
3. **Thuyết minh:** mục vay và nợ thuê tài chính (số đầu năm, cuối năm, tăng, giảm; vay quá hạn chưa thanh toán; vay với bên liên quan), trái phiếu phát hành, chi phí phải trả (dòng lãi vay phải trả), phải trả khác.
4. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:** đối chiếu số dư vay qua các dòng tiền thu từ đi vay, trả nợ gốc vay, trả nợ gốc thuê tài chính. Hướng dẫn lập không gồm chuyển nợ vay thành vốn góp, nên số dư có thể đổi mà dòng tiền không đổi. Với X giả định: 1.550 + 400 (thu từ đi vay) − 550 (trả nợ gốc vay) − 50 (trả nợ gốc thuê tài chính) − 100 (vay chuyển thành vốn góp, không qua tiền) = 1.250. Dòng tiền của phần vay là −200, còn số dư giảm 300 vì thêm 100 không qua tiền.
5. **Hai tỷ lệ cạnh nhau:** nợ phải trả và nợ chịu lãi trên tổng tài sản, qua nhiều kỳ, so cùng ngành; kèm hệ số bao phủ lãi vay và kỳ hạn nợ vay.
6. **Hỏi nợ vay giảm lấy tiền từ đâu:** dòng tiền kinh doanh, bán tài sản, phát hành vốn, hay kéo dài thời hạn trả nhà cung cấp (xem chu kỳ chuyển đổi tiền và hệ số thanh toán).

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để gợi ý mở thuyết minh về vay trước khi diễn giải một tỷ lệ nợ; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Bài chỉ áp dụng cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cấu trúc báo cáo riêng.
- Tách nợ chịu lãi và nợ hoạt động là cách đọc của người phân tích, không phải phân loại bắt buộc. Tên dòng đổi theo mẫu và thời kỳ, doanh nghiệp được bổ sung chỉ tiêu ngoài mẫu (Thông tư 99, Điều 18): đọc nội dung dòng và thuyết minh.
- Công ty X và Y đã đơn giản hoá (vài dòng, số tròn, bỏ qua lãi suất, kỳ hạn). Bài không đưa mức nợ "cao" hay "thấp".

Đừng nói quá

- Không viết "nợ phải trả cao nghĩa là vay nhiều": như ví dụ, cùng 60% có thể là nợ chịu lãi 31% hoặc 52%.

- Không viết "nợ hoạt động là nợ an toàn", cũng không viết "nợ vay giảm là tình hình tốt lên" khi chưa xem nghĩa vụ chuyển sang dòng nào.
- Không dùng hình chữ U hay điểm 0,903 của một nghiên cứu làm ngưỡng nhận xét doanh nghiệp. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Khi nợ chịu lãi giảm đúng lúc phải trả người bán và tiền khách ứng trước tăng mạnh, hoặc nợ chịu lãi tăng trong lúc nợ hoạt động co lại, đó là tín hiệu để xem thêm thuyết minh và dòng tiền, chưa phải bằng chứng về điều gì. Nguyên nhân kinh doanh hợp lý khác cũng cho hình ảnh đó: đổi điều khoản mua bán, mùa vụ, dự án nhận tiền đặt cọc, chuyển nợ thành vốn, tái cơ cấu nguồn vốn. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về doanh nghiệp. Bài chất lượng lợi nhuận nói vì sao nợ, lãi và dòng tiền cần đọc cùng nhau.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 16/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026), Công báo số 1577 + 1578 và 1579 + 1580 ngày 16/11/2025: mẫu B01-DN phần nợ phải trả; hướng dẫn lập các dòng vay, trái phiếu chuyển đổi, chi phí phải trả, người mua trả tiền trước; mẫu thuyết minh B09-DN.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC, Phụ lục IV mục D, Công báo số 1581 + 1582: các dòng tiền vay và trả nợ gốc. Điều 18, 31 và Thông tư 200/2014/TT-BTC chỉ để nêu giai đoạn chuyển tiếp.
- CFA Institute, "Financial Ratio List" (chương trình CFA cấp độ II, tệp công khai ghi 2022): định nghĩa tổng nợ và các tỷ lệ nợ.
- Phạm Thị Ngọc Bích, Mai Đức Nghĩa, Đinh Ngọc Tú, Lê Vũ Ngọc Thanh (2024), Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á, 35(4), tr. 78-97.
- Bùi Phương Chi, Nguyễn Thị Hồng Thúy, Lăng Trịnh Mai Hương (2021), VNU Journal of Science: Economics and Business, 37(1), tr. 40-49.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Chu kỳ chuyển đổi tiền (CCC)
- Hệ số thanh toán hiện hành, nhanh và tiền mặt
- Chi phí lãi vay và hệ số bao phủ lãi vay
- Nợ ròng bằng bao nhiêu năm dòng tiền kinh doanh
- Kỳ hạn nợ vay: vay ngắn hạn nhiều có nguy hiểm không

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Nợ phải trả là toàn bộ nghĩa vụ trên bảng cân đối kế toán, còn nợ vay (nợ chịu lãi) chỉ gồm vay và nợ thuê tài chính, trái phiếu và vài khoản tương tự. Với hai công ty giả định cùng nợ phải trả 60% tổng tài sản, nợ chịu lãi của công ty X là 31% và của công ty Y là 52%. Lãi vay chưa trả nằm ở chi phí phải trả, trái phiếu

thường nằm trong dòng vay, và khi nợ vay giảm thì nghĩa vụ có thể chỉ chuyển sang nhà cung cấp và khách hàng. Đây là cách đọc của người phân tích, không phải phân loại bắt buộc của mẫu báo cáo; các nghiên cứu đo đòn bẩy bằng nợ gộp hay nợ chịu lãi cho kết quả không thống nhất, và mọi thay đổi chỉ là tín hiệu để xem thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

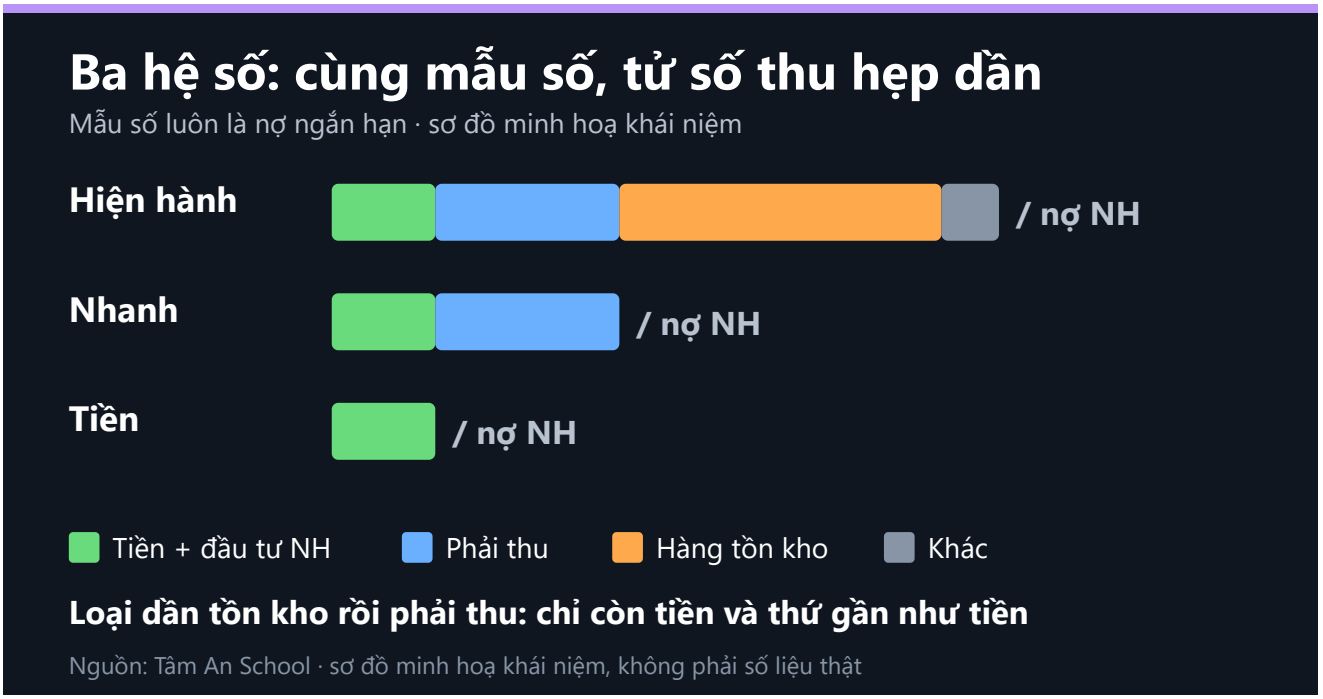
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/no-vay-va-no-phai-tra-khac-nhau-the-nao

Hệ số thanh toán hiện hành, nhanh và tiền mặt: cách tính và vì sao hệ số cao không luôn tốt

Câu trả lời ngắn

Ba hệ số thanh toán cùng lấy **nợ ngắn hạn** làm mẫu số và chỉ khác nhau ở tử số, tức là ở chỗ ta tin tài sản nào đổi ra tiền kịp: **hệ số hiện hành = tài sản ngắn hạn / nợ ngắn hạn**; **hệ số nhanh = (tiền + đầu tư ngắn hạn + phải thu) / nợ ngắn hạn**; **hệ số tiền = (tiền + đầu tư ngắn hạn) / nợ ngắn hạn**. Đó là định nghĩa trong danh mục công thức của chương trình CFA, danh mục này cũng nhắc một số tỷ số có thể được định nghĩa khác nhau. Hệ số cao chưa chắc tốt, vì tử số có thể phình lên nhờ hàng tồn kho bán chậm hay khoản phải thu khó thu, còn mẫu số có thể chứa khoản nợ không phải trả bằng tiền. Hệ số thấp cũng chưa chắc xấu. Muốn đọc đúng, hãy tách tài sản ngắn hạn thành từng phần trước khi nhìn con số tổng.



Ba hệ số thanh toán: cùng mẫu số nợ ngắn hạn, tử số thu hẹp dần từ tài sản ngắn hạn xuống tiền

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Ba hệ số và cách tử số thu hẹp dần

Ba hệ số là ba cách đếm "tiền lo được" ngày càng khắt khe:

Hệ số	Tử số	Câu hỏi nó trả lời
Hiện hành	Toàn bộ tài sản ngắn hạn	Gom hết tài sản sắp quay vòng thì lo được bao nhiêu lần nợ ngắn hạn?
Nhanh	Tiền + đầu tư ngắn hạn + phải thu	Chưa cần bán thêm hàng, lo được bao nhiêu lần?
Tiền	Tiền + đầu tư ngắn hạn	Chỉ bằng tiền và thứ gần như tiền, lo được bao nhiêu lần?

Với số dư không âm, hệ số hiện hành không nhỏ hơn hệ số nhanh, và hệ số nhanh không nhỏ hơn hệ số tiền, vì tử số sau là một phần của tử số trước. Đọc cả ba cùng lúc cho biết tài sản ngắn hạn đang nằm ở đâu. Danh mục CFA còn có hệ số thứ tư, *defensive interval ratio*, đo bằng số ngày chi tiêu mà nhóm tài sản của hệ số nhanh trang trải được.

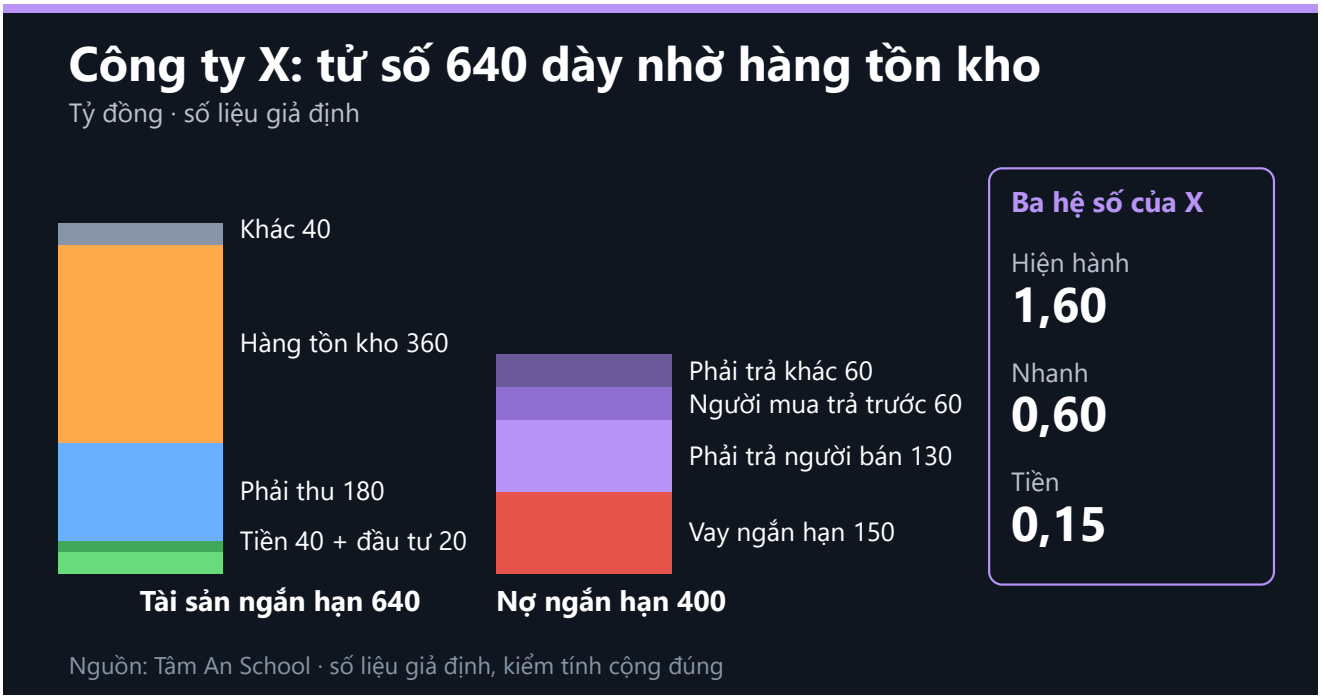
Về nguồn số: bảng cân đối kế toán (từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99 gọi là báo cáo tình hình tài chính) chia tài sản và nợ thành ngắn hạn và dài hạn; tiêu chí phân loại theo kỳ hạn tuỳ chuẩn mực và mẫu biểu nên bài không nêu chi tiết. Theo mẫu của Thông tư 99, tài sản ngắn hạn còn có dòng tài sản sinh học ngắn hạn, không có trong định nghĩa của CFA, nên cần ghi rõ xếp nó vào đâu khi tính hệ số nhanh.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Công ty X cuối kỳ có:

Tài sản ngắn hạn	Số tiền	Nợ ngắn hạn	Số tiền
Tiền và tương đương tiền	40	Vay ngắn hạn	150
Đầu tư ngắn hạn	20	Phải trả người bán	130
Phải thu	180	Người mua trả tiền trước	60
Hàng tồn kho	360	Phải trả khác	60
Tài sản ngắn hạn khác	40		
Cộng	**640**	**Cộng**	**400**

- Hệ số hiện hành = 640 / 400 = **1,60**.
- Hệ số nhanh = (40 + 20 + 180) / 400 = 240 / 400 = **0,60**.
- Hệ số tiền = (40 + 20) / 400 = 60 / 400 = **0,15**.



Cơ cấu tài sản ngắn hạn của công ty X giả định: hàng tồn kho 360 trên tổng 640, tiền và đầu tư chỉ 60

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Hệ số hiện hành 1,60 trông dày, nhưng hàng tồn kho chiếm 360 trên 640 tài sản ngắn hạn, tức hơn một nửa. Tồn kho và phải thu cộng lại là 540, khoảng 84% tử số, còn tiền và đầu tư ngắn hạn chỉ 60, khoảng 9%. Hàng nằm kho bao lâu và tiền về chậm cỡ nào thì xem số ngày tồn kho và chu kỳ chuyển đổi tiền.

Vì sao hệ số cao không luôn tốt

Thứ nhất, chất lượng của tử số. Giả sử một phần tư hàng tồn kho của công ty X (90 trên 360) phải ghi giảm giá vì bán chậm. Tài sản ngắn hạn còn 640 − 90 = 550, hệ số hiện hành từ 1,60 xuống 550 / 400 = **1,375**, trong khi hệ số nhanh vẫn 0,60 vì tồn kho vốn không nằm trong tử số của nó. Con số 1,60 trước đó chứa một phần giá trị khó thu hồi hơn vẻ ngoài; khoản phải thu cũng cần xem tuổi nợ và dự phòng.

Thứ hai, thanh khoản dư cũng có cái giá của nó. Hệ số rất cao có thể do giữ nhiều tiền nhàn rỗi hoặc tích hàng, cho chịu nhiều hơn nhu cầu. Có thể là để dành cho một khoản đầu tư sắp tới, cũng có thể vốn đang nằm yên; một con số không phân biệt được.

Thứ ba, số dư thay đổi theo thời điểm. Giả sử cuối kỳ công ty X vay ngắn hạn thêm 100: tiền và nợ ngắn hạn cùng tăng 100, tài sản ngắn hạn thành 740, nợ ngắn hạn thành 500. Hệ số hiện hành từ 1,60 xuống 1,48, hệ số nhanh từ 0,60 lên 0,68, hệ số tiền từ 0,15 lên **0,32** (160 / 500). Hệ số tiền "tăng gấp đôi" mà không có thêm đồng tiền ròng nào, chỉ có thêm một nghĩa vụ. Quy luật chung: cộng cùng một số vào cả tử số và mẫu số thì hệ số xích lại gần 1.

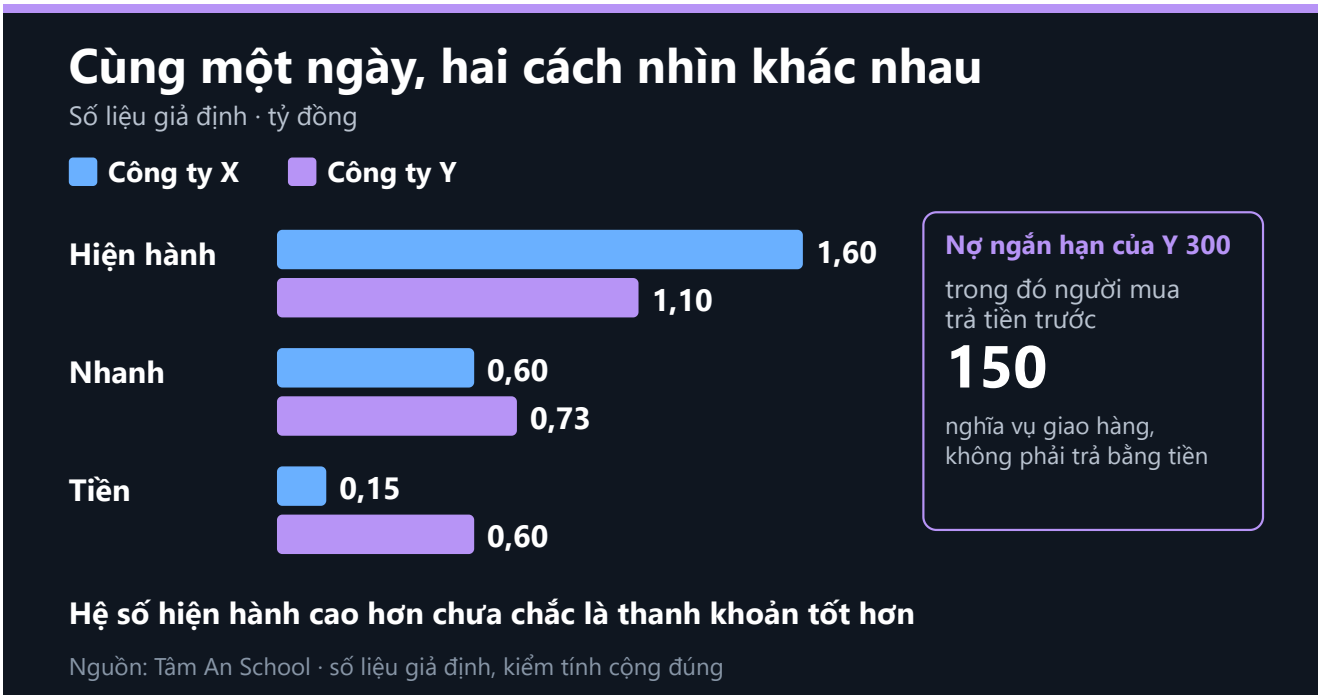
Công ty Y giả định: hệ số hiện hành thấp hơn nhưng không yếu hơn

Công ty Y (tỷ đồng, số liệu giả định) có tài sản ngắn hạn 330 gồm tiền 150, đầu tư ngắn hạn 30, phải thu 40, hàng tồn kho 90, khác 20; nợ ngắn hạn 300 gồm vay ngắn hạn 30, phải trả người bán 90, người mua trả tiền trước 150, phải trả khác 30. Cả hai cột cộng đúng.

Hệ số	Công ty X	Công ty Y
Hiện hành	1,60	1,10
Nhanh	0,60	0,73
Tiền	0,15	0,60

Hệ số hiện hành cho thấy X "hơn" Y, hệ số tiền cho thấy ngược lại: Y có 180 tiền và đầu tư ngắn hạn trên 300 nợ, X chỉ có 60 trên 400. Khác biệt lớn nằm ở mẫu số: nợ ngắn hạn của Y có 150 là **tiền người mua trả trước**. Theo hướng dẫn của Thông tư 99, khoản đã thu tiền mà cuối kỳ chưa giao hàng hay dịch vụ thì chưa ghi nhận doanh thu, nó nằm ở phía nợ như một nghĩa vụ phải thực hiện. Nghĩa vụ này thường được thanh toán bằng cách giao hàng hay cung cấp dịch vụ chứ không phải bằng tiền, trừ khi không giao được.

Thử loại khoản trả trước khỏi mẫu số (cách nhìn thử của Tâm An, không phải công thức chuẩn): Y còn mẫu số 150, hệ số hiện hành thành 330 / 150 = 2,20; X còn mẫu số 340, hệ số hiện hành thành 640 / 340 ≈ 1,88. Thứ tự hai công ty đã đảo chiều chỉ vì cách đếm một khoản nợ, nên hãy ghi rõ đã đếm thế nào.



Công ty X và Y giả định: hiện hành 1,60 so 1,10; tiền 0,15 so 0,60; khoản người mua trả tiền trước 150 nằm ở nợ của Y

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Các điều kiện làm hệ số đổi nghĩa

- **Khác ngành, khác mô hình.** Mốc như "trên 1" hay "từ 1,5 đến 2" thường gặp trong giáo trình chỉ là quy ước tham khảo, khác nhau theo ngành và chưa gắn với một nguồn cụ thể; bài không đưa ngưỡng tốt hay xấu. Mô hình bán nhanh, thu tiền ngay có thể vận hành bình thường với hệ số thấp; mô hình có tồn kho lớn thường cao hơn. Số cuối quý của doanh nghiệp bán theo mùa lệch xa trung bình năm, nên so cùng quý.
- **Nợ ngắn hạn chứa gì.** Mục vay ngắn hạn có thể gồm cả phần đến hạn trong năm của khoản vay dài hạn; cần xem thuyết minh về vay và bài kỳ hạn nợ vay.
- **Tiền có thể không dùng tự do, và có nguồn ngoài bảng.** Tiền gửi bị hạn chế hay thế chấp có thể nằm trong số tiền tuỳ cách trình bày; ngược lại hạn mức tín dụng chưa rút không hiện trên bảng nhưng có thể là nguồn thanh khoản thật. Thuyết minh cho biết cả hai.
- **Chỉ có số dư, không có dòng tiền.** Ba hệ số là ảnh chụp một ngày, không cho biết kỳ tới tạo ra hay tiêu hao bao nhiêu tiền. Bài nợ vay và nợ phải trả khác nhau thế nào tách nợ chịu lãi khỏi nợ hoạt động.

Một mô hình sàng lọc dùng hệ số hiện hành thế nào

Trong mô hình F-Score của Piotroski (2000, *Journal of Accounting Research*, số phụ), hệ số hiện hành xuất hiện một lần trong chín tín hiệu, dưới dạng **thay đổi**: so hệ số hiện hành cuối năm nay với năm trước và coi cải thiện là tín hiệu tốt về khả năng trả nợ ngắn hạn. Giả định này đặt cho nhóm cổ phiếu có tỷ lệ giá trị sổ sách trên giá thị trường cao, vốn thường bị hạn chế tài chính, giai đoạn 1976 đến 1996. Mô hình nhìn **hướng thay đổi** chứ không đặt ngưỡng cho mức hệ số, và đó là giả định của một nghiên cứu cho một mẫu cụ thể, không phải quy luật. Cách dùng và giới hạn của loại công cụ này nằm ở bài mô hình sàng lọc báo cáo tài chính.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Phạm vi và kỳ:** hợp nhất hay riêng lẻ. Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99 với mã số chỉ tiêu đánh lại, nên ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã số.
2. **Lấy số và tính cả ba hệ số:** tổng tài sản ngắn hạn, nợ ngắn hạn, các nhóm tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu, hàng tồn kho; ghi công thức đã dùng.
3. **Tách tử số và mẫu số**, so với kỳ trước; mở thuyết minh về tiền bị hạn chế, tuổi nợ phải thu, tồn kho chậm luân chuyển, phần vay đến hạn.
4. **Nhìn nhiều kỳ, cùng ngành**, kèm dòng tiền kinh doanh.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để tách tài sản ngắn hạn thành từng phần qua các kỳ; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Bài chỉ áp dụng cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cấu trúc báo cáo và cách đo thanh khoản riêng.

- Công thức là của giáo trình phân tích, không phải quy định pháp luật; cùng một doanh nghiệp có thể ra các hệ số khác nhau tuỳ người tính.
- Công ty X và Y đã đơn giản hoá; hai tình huống giảm giá hàng tồn kho và vay thêm là ví dụ riêng lẻ, không mô tả hành vi của doanh nghiệp nào.

Đừng nói quá

- Không viết "hệ số hiện hành cao là an toàn" hay "thấp là rủi ro": con số chỉ cho biết tài sản ngắn hạn nhiều hay ít so với nợ ngắn hạn, không cho biết chất lượng từng phần.
- Không dùng ví dụ X và Y để suy ra một doanh nghiệp thật; bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Khi hệ số hiện hành cao mà hệ số tiền thấp, khi hệ số tiền tăng đột ngột cùng lúc vay ngắn hạn tăng, hoặc khi hệ số giảm nhiều kỳ liền nhau, đó là tín hiệu để xem thêm thành phần tài sản, thành phần nợ và thuyết minh, chưa phải bằng chứng về điều gì. Mùa vụ, khoản đầu tư sắp tới, hạn mức vay chưa rút và đổi mô hình kinh doanh đều là nguyên nhân hợp lý khác. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp. Bài chất lượng lợi nhuận nói vì sao lãi, vốn lưu động, thanh khoản và dòng tiền cần đọc cùng nhau.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- CFA Institute, "Financial Ratio List" (chương trình CFA cấp độ II, tệp công khai, tên tệp ghi 2022): định nghĩa hệ số hiện hành, nhanh, tiền, khoảng thời gian phòng thủ.
- Piotroski, J. D. (2000), "Value Investing: The Use of Historical Financial Statement Information to Separate Winners from Losers", *Journal of Accounting Research* 38 (Supplement): biến thay đổi hệ số hiện hành, mẫu 1976 đến 1996.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026): Điều 17, mẫu báo cáo tình hình tài chính, hướng dẫn tiền thu trước chưa giao hàng không ghi nhận doanh thu; đọc từ Công báo. Thông tư 200/2014/TT-BTC (báo cáo năm 2025): chỉ để nêu giai đoạn chuyển tiếp.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python, ngày 14/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Chu kỳ chuyển đổi tiền (CCC)
- Nợ vay và nợ phải trả
- Kỳ hạn nợ vay
- Vòng quay và số ngày tồn kho
- Mô hình sàng lọc báo cáo tài chính

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Hệ số hiện hành, hệ số nhanh và hệ số tiền cùng lấy nợ ngắn hạn làm mẫu số và thu hẹp dần tử số: tài sản ngắn hạn, rồi bỏ hàng tồn kho, rồi chỉ còn tiền và đầu tư ngắn hạn. Với công ty X giả định (tài sản ngắn hạn 640, nợ ngắn hạn 400), ba hệ số là 1,60, 0,60 và 0,15, vì hàng tồn kho chiếm 360 trên 640; ghi giảm giá 90 đưa hệ số hiện hành về 1,375, còn khoản vay ngắn hạn thêm 100 đưa hệ số tiền từ 0,15 lên 0,32 mà không có thêm tiền ròng. Công ty Y thấp hơn ở hệ số hiện hành nhưng dày tiền, với 150 trong nợ là tiền người mua trả trước. Đó là cách tính thông dụng của giáo trình, không phải quy định, và ngưỡng chỉ là quy ước tham khảo. Hệ số thay đổi theo ngành, mùa vụ, thành phần nợ và cách đếm; hướng thay đổi qua nhiều kỳ chỉ là tín hiệu để xem thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/he-so-thanh-toan-hien-hanh-nhanh-va-tien-mat-cach-tinh

Chi phí lãi vay và hệ số bao phủ lãi vay (ICR): cách tính và giới hạn của chỉ số

Câu trả lời ngắn

Hệ số bao phủ lãi vay (interest coverage ratio, ICR) hỏi một câu: lợi nhuận trước khi trừ lãi vay và thuế gấp mấy lần lãi vay? Danh mục công thức của chương trình CFA viết là **lợi nhuận trước lãi vay và thuế (EBIT) chia lãi vay phải trả**, và nhắc rằng một số tỷ số có thể được định nghĩa khác nhau. Trên báo cáo của doanh nghiệp phi tài chính Việt Nam, cách tính thông dụng là **(tổng lợi nhuận kế toán trước thuế + chi phí đi vay) / chi phí đi vay**, lấy cả hai số từ báo cáo kết quả kinh doanh. Đó là cách tính của người phân tích, không phải quy định pháp luật.

Chỉ số có ba giới hạn lớn. Tử số gồm cả thu nhập tài chính và khoản thu một lần. Mẫu số chỉ gồm chi phí đi vay đã tính vào kết quả kỳ này, không gồm phần đã vốn hoá, và có thể gồm khoản chưa chi tiền. Và chỉ số không nói gì về nợ gốc. Vì vậy hãy tính ba phiên bản (kế toán, cốt lõi, theo tiền), ghi rõ công thức, và coi kết quả là tín hiệu để mở thuyết minh.



ICR: lợi nhuận trước lãi vay và thuế gấp mấy lần chi phí đi vay, ba phiên bản kế toán, cốt lõi và theo tiền

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Công thức và lấy từng số ở đâu

Hai phiên bản sau là cách đặt của Tâm An để kiểm tra phiên bản đầu, không phải công thức của giáo trình hay quy định:

Phiên bản	Công thức	Câu hỏi nó trả lời
Kế toán	(Lợi nhuận trước thuế + chi phí đi vay) / chi phí đi vay	Lợi nhuận trước lãi vay và thuế gấp mấy lần lãi vay ghi nhận?
Cốt lõi	(Lợi nhuận trước thuế + chi phí đi vay − doanh thu tài chính − lợi nhuận khác) / chi phí đi vay	Chỉ hoạt động chính có tự trả được lãi không?
Theo tiền	(Tiền thuần từ kinh doanh + lãi vay đã trả + thuế đã nộp) / lãi vay đã trả	Tiền thật có đủ trả lãi đã chi không?

Lấy số ở đâu. Trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo mẫu Thông tư 99, chi phí tài chính có dòng "trong đó: chi phí đi vay", là chi phí đi vay phải trả được tính vào chi phí tài chính trong kỳ; cộng nó với dòng "tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" là đủ cho phiên bản kế toán. Phiên bản theo tiền lấy thêm "chi phí đi vay đã trả" và "thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp" ở phần kinh doanh của báo cáo lưu chuyển tiền tệ, với điều kiện lãi đã trả nằm trong dòng tiền kinh doanh; xem lãi vay đã trả nằm ở dòng nào. Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99 với mã số đánh lại; tên dòng ở mẫu Thông tư 200 bài chưa đối chiếu, nên ghép hai kỳ theo tên và nội dung dòng.

"Chi phí đi vay" rộng hơn chữ "lãi". Theo hướng dẫn tài khoản chi phí tài chính, bên Nợ gồm lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài chính; chi phí đi vay và chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần theo kỳ hạn; lãi trái phiếu chuyển đổi tính trên phần nợ gốc theo lãi suất của trái phiếu tương tự không có quyền chuyển đổi. Một phần mẫu số vì thế có thể là chi phí không chi tiền trong kỳ.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Báo cáo kết quả kinh doanh rút gọn:

Dòng	Số tiền
Doanh thu thuần 2.000, giá vốn 1.560, **lợi nhuận gộp**	**440**
Doanh thu tài chính (lãi tiền gửi 15, cổ tức 10, lãi bán một khoản đầu tư 20)	45
Chi phí tài chính (chi phí đi vay 80, lỗ tỷ giá 15)	95
Chi phí bán hàng 120, chi phí quản lý doanh nghiệp 170	290
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**100**
Thu nhập khác 30, chi phí khác 10, **lợi nhuận khác**	**20**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**120**

- **ICR kế toán:** 120 + 80 = 200; 200 / 80 = **2,50**.
- **ICR cốt lõi:** bỏ doanh thu tài chính 45 và lợi nhuận khác 20: 200 − 45 − 20 = 135; 135 / 80 = **1,69** (làm tròn từ 1,6875).

- **ICR theo tiền:** giả sử tiền thuần từ hoạt động kinh doanh là 118 sau khi đã trừ lãi vay đã trả 66 và thuế đã nộp 24 (ba số tự đặt, không suy ra từ bảng trên). Tử số 118 + 66 + 24 = 208; 208 / 66 = **3,15**.



Công ty X giả định: ICR kế toán 2,50, cốt lõi 1,69, theo tiền 3,15 cho cùng một công ty

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Ba con số trả lời ba câu hỏi khác nhau, không con số nào "đúng nhất". Từ 2,50 xuống 1,69 vì 65 trong tử số không đến từ hoạt động chính: lãi bán đầu tư là khoản thu một lần, còn lãi tiền gửi và cổ tức tuỳ doanh nghiệp coi là cốt lõi hay không. Bản cốt lõi này vẫn để lỗ tỷ giá 15 trong tử số; muốn loại nó phải ghi rõ. Số 3,15 cao hơn vì dòng tiền kinh doanh đã cộng lại các khoản không bằng tiền như khấu hao.

Mẫu số 80 cũng khác lãi vay đã trả 66: chênh 14 gồm phần phân bổ chi phí phát hành trái phiếu chưa chi tiền (giả sử 12) và lãi chưa đến kỳ trả (giả sử 2).

Mẫu số thiếu phần vốn hoá: công ty V giả định

Hướng dẫn tài khoản chi phí tài chính viết rõ tài khoản này phản ánh chi phí đi vay "nhưng không được vốn hóa theo quy định", và không hạch toán vào đó chi phí đầu tư xây dựng cơ bản. Lãi vay đã tính vào tài sản dở dang vì thế không có ở dòng chi phí đi vay của kỳ, tức không có trong mẫu số.

Công ty V giả định (tỷ đồng, số liệu tự đặt) có lợi nhuận trước lãi vay và thuế 210. Trong kỳ phát sinh lãi vay 100; giả sử vốn hoá 40% (tức 40) vào một công trình đang xây, còn 60 ghi vào chi phí đi vay. Lợi nhuận trước thuế là 210 − 60 = 150.

- ICR theo báo cáo = 210 / 60 = **3,50**.
- Cách nhìn thử của Tâm An, đưa cả phần vốn hoá vào mẫu số: 210 / 100 = **2,10**.



Công ty V giả định: cùng lợi nhuận trước lãi vay và thuế 210, ICR theo báo cáo 3,50, tính đủ lãi phát sinh 2,10

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng. Cách nhìn thử không phải công thức chuẩn.

Cùng một khoản vay, chỉ vì 40 được ghi vào tài sản dở dang mà ICR báo cáo cao hơn 1,40. Phần lãi vốn hoá không biến mất mà nằm trong giá trị tài sản. Cơ chế ở bài vốn hoá chi phí lãi vay là gì. Phần chính sách kế toán của mẫu thuyết minh Thông tư 99 yêu cầu nêu tỷ lệ vốn hoá; số tiền theo từng dự án tuỳ thuyết minh của doanh nghiệp, bài chưa đối chiếu dòng nào của mẫu.

Một nghiên cứu trong nước dùng chỉ số này thế nào

Phạm Thị Ngọc Bích và cộng sự (2024, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, 35(4), tr. 78 đến 97) dùng mẫu 3.370 quan sát của 350 doanh nghiệp niêm yết, 2013 đến 2022. Biến "khả năng đảm bảo lãi vay" bằng 1 nếu EBIT chia lãi vay lớn hơn 1, trung bình 0,9697 (khoảng 97% quan sát ở nhóm 1). Hệ số dương, có ý nghĩa ở mức 1% trong mô hình giải thích mức dồn tích bất thường (một thước đo quản trị lợi nhuận); tác giả diễn giải đó là doanh nghiệp "làm đẹp" khả năng đảm bảo lãi vay. Bài chỉ lấy hai ý: biến gần như hằng số nên ít biến thiên, và đó là diễn giải cho một mẫu cụ thể, không phải quy luật.

Giới hạn: năm điều khiến ICR đổi nghĩa

1. **Không có nợ gốc.** Giả sử công ty X có 300 nợ gốc đến hạn trong 12 tháng tới. Cách nhìn thử của Tâm An: tiền trước lãi và thuế 208 so với lãi đã trả cộng gốc, 66 + 300 = 366, cho 208 / 366 ≈ **0,57**, trong khi ICR vẫn 2,50. Con số này không nói công ty gặp khó, chỉ cho thấy ICR không trả lời câu hỏi đó; gốc có thể được gia hạn hoặc vay mới (xem nợ ròng bằng bao nhiêu năm dòng tiền kinh doanh).
2. **Tử số âm hoặc nhỏ.** Công ty Z giả định lỗ trước thuế 20, chi phí đi vay 80: (−20 + 80) / 80 = **0,75**. Dưới 1 chỉ có nghĩa số học: lợi nhuận trước lãi vay và thuế chưa bằng lãi vay ghi nhận; khi lỗ sâu hơn lãi vay, tử số âm và tỷ số không còn đọc là "gấp mấy lần".

3. **Mẫu số rất nhỏ.** Doanh nghiệp ít vay, hoặc phần lớn lãi được vốn hoá, cho ICR lớn bất thường; khoản vay mới cuối kỳ cũng chỉ góp vài ngày lãi vào mẫu số.
4. **Gộp hay thuần.** Mẫu số là lãi vay gộp, lãi tiền gửi nằm ở doanh thu tài chính; tính theo lãi ròng cho kết quả khác, nên cần ghi rõ cách đếm.
5. **Một kỳ, một ngành.** Doanh nghiệp theo mùa vụ hay chu kỳ có ICR dao động mạnh. Bài không đưa mốc tốt hay xấu: các mốc thường gặp trong tài liệu tín dụng chưa gắn được với nguồn cụ thể, nên bài chỉ giữ mốc bằng 1 như điểm hoà vốn tính toán.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Phạm vi, kỳ, mẫu:** hợp nhất hay riêng lẻ, Thông tư 200 hay 99; ghép theo tên dòng, không theo mã số.
2. **Báo cáo kết quả kinh doanh:** lấy tổng lợi nhuận kế toán trước thuế và dòng "trong đó: chi phí đi vay"; tính ICR kế toán.
3. **Tách thu nhập ngoài hoạt động chính:** thuyết minh doanh thu tài chính và lợi nhuận khác; tính ICR cốt lõi. Xem lợi nhuận hoạt động chính khác lãi cuối cùng ở chỗ nào.
4. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:** chi phí đi vay đã trả (phần vốn hoá nằm ở đầu tư) và thuế đã nộp.
5. **Thuyết minh:** vay và trái phiếu, tỷ lệ vốn hoá, nợ gốc đến hạn trong 12 tháng. Xem nợ vay và nợ phải trả khác nhau thế nào.
6. **Nhiều kỳ, cùng ngành**, kèm dòng tiền kinh doanh.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để tính các phiên bản ICR qua nhiều kỳ; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Bài chỉ áp dụng cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cấu trúc báo cáo và cách đo riêng.
- ICR cốt lõi, ICR theo tiền và hai cách nhìn thử (nợ gốc, vốn hoá) là cách đặt của Tâm An để minh hoạ, chưa kiểm chứng trên dữ liệu thực tế.

Đừng nói quá

- Không viết "ICR cao nghĩa là trả nợ an toàn" hay "ICR thấp là sắp vỡ nợ": chỉ số không so với nợ gốc, tiền mặt hay khả năng vay mới.
- Không viết "vốn hoá lãi vay là che giấu": vốn hoá là cách ghi nhận khi đủ điều kiện của chuẩn mực; bài chỉ nói nó làm mẫu số nhỏ đi. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Khi ICR kế toán đẹp nhưng ICR cốt lõi hay ICR theo tiền thấp hơn nhiều, khi chi phí đi vay ghi nhận lệch xa lãi vay đã trả, hoặc khi ICR tăng đúng lúc phần lãi vốn hoá tăng, đó là tín hiệu để xem thêm thuyết minh về thu nhập tài chính, trái phiếu và vốn hoá, chưa phải bằng chứng về điều gì. Lợi nhuận một lần, mùa vụ,

dự án đang xây hợp lệ và đổi cơ cấu vay đều là nguyên nhân hợp lý khác. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp. Bài chất lượng lợi nhuận nói vì sao lãi, nợ và dòng tiền cần đọc cùng nhau.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.

- CFA Institute, "Financial Ratio List" (chương trình CFA cấp độ II, tệp công khai, tên tệp ghi 2022): mục 33, 34 và đoạn mở đầu.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026), đọc từ Công báo: số 1573 + 1574 (hướng dẫn tài khoản chi phí tài chính), số 1579 + 1580 (báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh), số 1581 + 1582 (báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chính sách kế toán trong thuyết minh). Thông tư 200/2014/TT-BTC chỉ để nêu giai đoạn chuyển tiếp.
- Phạm Thị Ngọc Bích, Mai Đức Nghĩa, Đinh Ngọc Tú, Lê Vũ Ngọc Thanh (2024), *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á* 35(4): 78 đến 97.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python, ngày 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Lợi nhuận hoạt động chính khác lãi cuối cùng
- Lãi vay đã trả nằm ở dòng nào
- Nợ vay và nợ phải trả
- Vốn hoá chi phí lãi vay
- Nợ ròng và dòng tiền kinh doanh

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Hệ số bao phủ lãi vay hỏi lợi nhuận trước lãi vay và thuế gấp mấy lần lãi vay. Với công ty X giả định (lợi nhuận trước thuế 120, chi phí đi vay 80), ICR kế toán là 2,50; bỏ doanh thu tài chính 45 và lợi nhuận khác 20 thì ICR cốt lõi còn 1,69; theo tiền, với lãi vay đã trả 66 và thuế đã nộp 24, là 3,15. Công ty V giả định ghi 60 trong 100 lãi vay phát sinh vào chi phí, vốn hoá 40, nên ICR theo báo cáo 3,50 trong khi tính đủ lãi phát sinh chỉ 2,10. ICR không nói gì về nợ gốc: với 300 gốc đến hạn, tiền trước lãi và thuế 208 chỉ bằng khoảng 0,57 lần lãi cộng gốc trong cách nhìn thử của Tâm An. Công thức là cách tính của giáo trình và người phân tích, không phải quy định; bài không đưa mốc tốt hay xấu. Hướng thay đổi qua nhiều kỳ chỉ là tín hiệu để xem thuyết minh về thu nhập tài chính, trái phiếu và vốn hoá, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

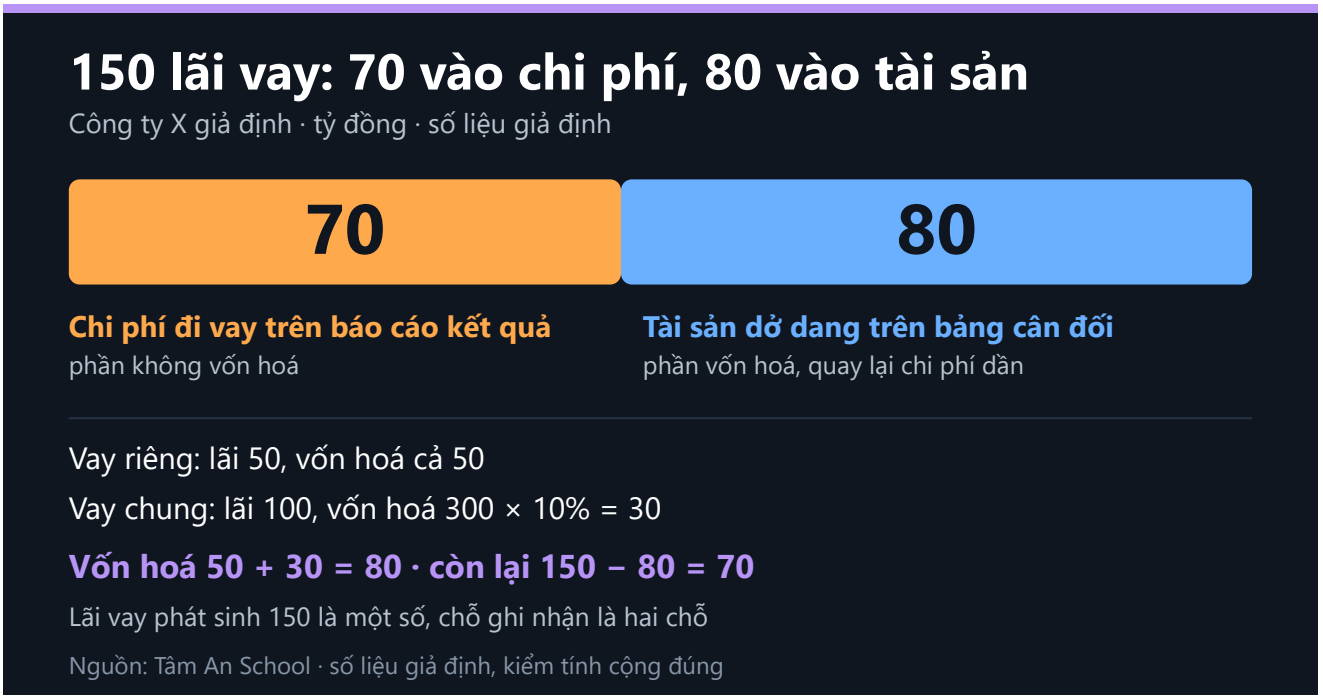
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/he-so-bao-phu-lai-vay-icr-cach-tinh-va-gioi-han

Vốn hoá chi phí lãi vay là gì? Vì sao một phần lãi vay không nằm trong chi phí tài chính?

Câu trả lời ngắn

Vốn hoá chi phí đi vay là cộng lãi vay (và một số chi phí đi vay khác) vào giá trị tài sản đang đầu tư xây dựng hoặc sản xuất dở dang, thay vì ghi ngay vào chi phí tài chính. Theo Chuẩn mực kế toán số 16, chi phí đi vay ghi vào chi phí khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá; Thông tư 99/2025/TT-BTC vẫn dẫn chiếu chuẩn mực này. Vì vậy dòng "chi phí đi vay" trên báo cáo kết quả chỉ là **phần không vốn hoá**; phần còn lại nằm trong tài sản dở dang trên bảng cân đối và quay lại chi phí dần khi tài sản đưa vào sử dụng. Hệ quả: lợi nhuận kỳ này cao hơn, hệ số bao phủ lãi vay (ICR) trên báo cáo cao hơn, tài sản dở dang lớn hơn, tiền lãi đã trả chia giữa hai hoạt động của báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Đó là cách hạch toán hợp lệ khi đủ điều kiện, không phải kết luận về doanh nghiệp; điều cần đọc là số vốn hoá, tỷ lệ vốn hoá và dự án nào.



Cùng 150 lãi vay phát sinh: 70 vào chi phí tài chính, 80 vào tài sản dở dang

Sơ đồ minh hoạ, số liệu giả định.

Điều kiện để một khoản lãi vay được vốn hoá

Chuẩn mực số 16 (Quyết định 165/2002/QĐ-BTC; các đoạn dưới đây đọc từ bản đăng lại, hiệu lực cần đối chiếu) đặt các điều kiện:

- **Tài sản dở dang:** tài sản đang đầu tư xây dựng hoặc sản xuất, cần thời gian đủ dài mới sẵn sàng sử dụng hay bán. Bản đăng lại có nêu mốc số tháng; bài không dùng làm tiêu chí vì chưa đối chiếu văn bản gốc. Trên bảng cân đối theo mẫu Thông tư 99, nhóm này là "tài sản dở dang dài hạn".

- **Liên quan trực tiếp** đến việc đầu tư xây dựng hay sản xuất tài sản đó (đoạn 07), chắc chắn thu được lợi ích kinh tế và xác định được đáng tin cậy (đoạn 08).
- **Bắt đầu** khi đủ ba điều kiện cùng lúc (đoạn 13): đã có chi phí đầu tư, đã có chi phí đi vay, và hoạt động chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng đang diễn ra.
- **Tạm ngừng** khi gián đoạn bất thường, trừ khi gián đoạn là cần thiết (đoạn 16); **chấm dứt** khi các hoạt động chủ yếu hoàn thành (đoạn 18). Hướng dẫn tài khoản 241 của Thông tư 99 cũng nhắc đầu tư không được gián đoạn bất thường do chậm tiến độ.
- **Trần:** không vượt tổng chi phí đi vay phát sinh trong kỳ (đoạn 11).

Thông tư 99 (Phụ lục II, hệ thống tài khoản) nêu thêm các trường hợp **không** vốn hoá: vay để đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết; nhà thầu vay để thi công công trình cho khách hàng, kể cả vay riêng; chênh lệch tỷ giá hối đoái. Chi phí thẩm định, thu xếp khoản vay chỉ vốn hoá khi từ khoản vay riêng cho tài sản dở dang đủ điều kiện.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Công ty X ở năm đầu của dự án nhà máy hai năm; ví dụ bỏ qua thuế.

Nguồn vay	Dư nợ	Lãi suất	Lãi phát sinh	Vốn hoá
Vay riêng cho nhà máy	500	10%	50	50
Vay chung, khoản thứ nhất	600	8%	48	
Vay chung, khoản thứ hai	400	13%	52	
Vay chung, cộng	1.000	bình quân 10%	100	30
Cộng			**150**	**80**

- **Vay riêng:** vốn hoá toàn bộ lãi thực tế, 50 (thu nhập đầu tư tạm thời sẽ xét ở dưới).
- **Vay chung:** tỷ lệ vốn hoá là lãi suất bình quân gia quyền, (48 + 52) / 1.000 = 10%. Giả sử chi tiêu luỹ kế bình quân của năm cho nhà máy mà vay riêng không tài trợ là 300 (số đặt), vốn hoá 300 × 10% = 30.
- **Kết quả:** lãi phát sinh 150, vốn hoá 80, chi phí đi vay ghi vào kết quả kinh doanh 150 − 80 = **70**.

Đặt cạnh **công ty Y giả định**: cùng lợi nhuận trước thuế và chi phí đi vay 240, cùng lãi phát sinh 150, nhưng vay của Y bù vốn lưu động, không có tài sản dở dang đủ điều kiện nên không vốn hoá.

	Công ty X (vốn hoá 80)	Công ty Y (không vốn hoá)
Lợi nhuận trước thuế và chi phí đi vay	240	240
Chi phí đi vay trên báo cáo kết quả	70	150
Lợi nhuận trước thuế	**170**	**90**
ICR theo chi phí đi vay trên báo cáo	3,43	1,60
ICR theo tổng lãi vay phát sinh	1,60	1,60
Tài sản dở dang tăng thêm	80	0



Công ty X và Y giả định cùng 150 lãi vay: lợi nhuận trước thuế 170 so 90, ICR trên báo cáo 3,43 so 1,60

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

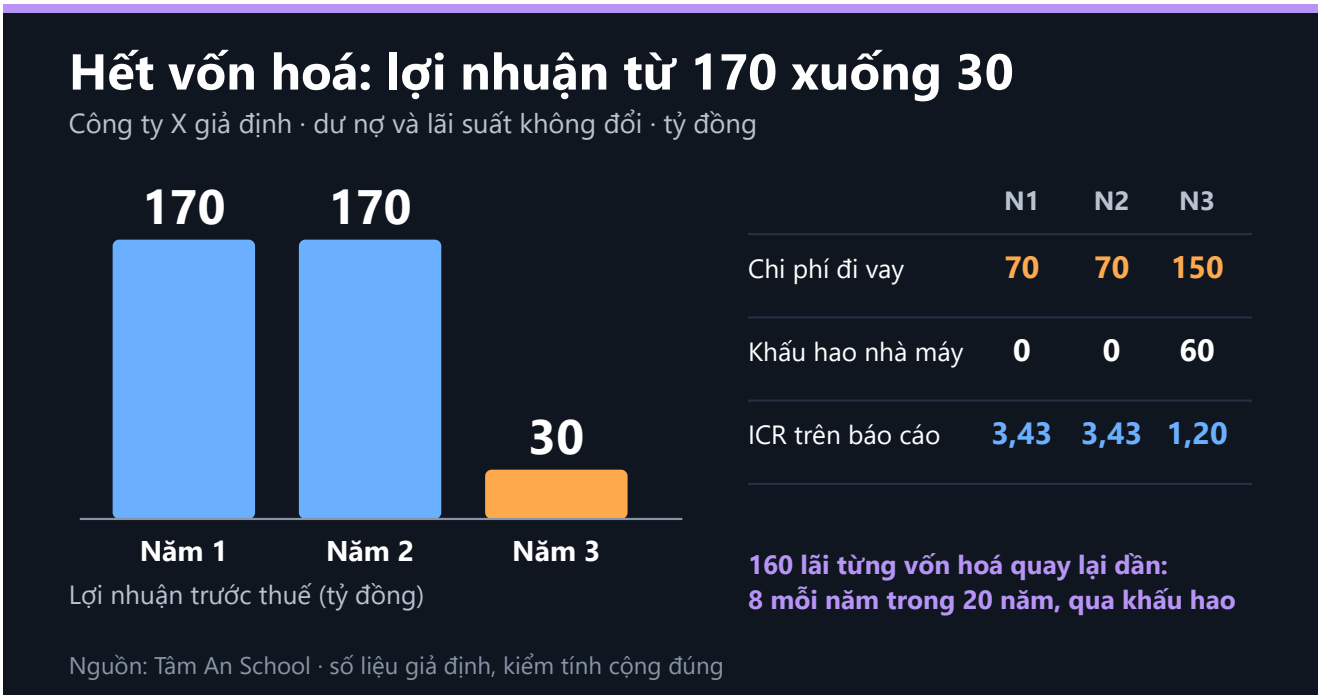
Cùng gánh nặng lãi 150, lợi nhuận trước thuế của X cao hơn Y 80, gần gấp đôi. ICR ở đây là lợi nhuận trước thuế và chi phí đi vay chia cho chi phí đi vay (cách tính và giới hạn nằm ở bài hệ số bao phủ lãi vay). Trên báo cáo X có ICR 3,43, hơn gấp đôi Y, dù tính trên tổng lãi vay phát sinh thì hai công ty bằng nhau. Dòng ICR thứ hai là cách nhìn thử của Tâm An, không phải công thức chuẩn.

Nếu có lãi gửi tạm thời. Giả sử vay riêng của X chưa giải ngân hết nên gửi tạm, thu 5 lãi. Chuẩn mực trừ khoản này vào chi phí đi vay vốn hoá, nên vốn hoá từ vay riêng còn 50 − 5 = 45, tổng vốn hoá 75, còn chi phí đi vay trên báo cáo vẫn 70. Theo Thông tư 99, lãi gửi tạm thời loại này không vào doanh thu tài chính vì được giảm trừ vào chi phí đi vay khi vốn hoá.

Phần vốn hoá đi đâu, và quay lại thế nào

Giả sử dự án mỗi năm vốn hoá 80 và chi tiêu đầu tư khác 520. Cuối năm một, chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 520 + 80 = 600; cuối năm hai là 1.040 + 160 = **1.200**, trong đó 160 lãi vốn hoá chiếm khoảng 13,3%. Sang năm ba nhà máy hoàn thành, vốn hoá chấm dứt, toàn bộ 150 lãi vay trở lại chi phí tài chính, còn nguyên giá 1.200 bắt đầu khấu hao: giả sử đường thẳng 20 năm, mỗi năm 60, trong đó 160 / 20 = 8 là phần lãi đã vốn hoá. Để tách riêng hiệu ứng kế toán, giả sử nhà máy chưa tạo thêm lợi nhuận ở năm ba.

Công ty X	Năm 1	Năm 2	Năm 3
Lợi nhuận trước thuế, chi phí đi vay và khấu hao nhà máy	240	240	240
Chi phí đi vay trên báo cáo	70	70	150
Khấu hao nhà máy	0	0	60
Lợi nhuận trước thuế	**170**	**170**	**30**
ICR theo chi phí đi vay trên báo cáo	3,43	3,43	1,20



Công ty X giả định: lợi nhuận trước thuế 170, 170 rồi 30 khi nhà máy hoàn thành và hết vốn hoá

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Lợi nhuận từ 170 xuống 30 không vì công ty vay thêm hay lãi suất tăng, mà vì lãi vay thôi vào tài sản và khấu hao nhà máy bắt đầu. Khoản 160 không biến mất, chỉ dời thời điểm ghi chi phí: 8 mỗi năm trong 20 năm, nằm trong khấu hao; tiền lãi thì đã trả đủ từ lúc vay. Vì khấu hao nhà máy thường nằm trong giá vốn hoặc chi phí sản xuất, phần lãi từng vốn hoá có thể quay lại ở dòng thuộc lợi nhuận từ hoạt động chính, không còn ở chi phí tài chính; cách tách xem bài lợi nhuận từ hoạt động chính.

Vốn hoá chạm vào ba báo cáo thế nào

1. **Bảng cân đối:** tài sản dở dang tăng, ở ví dụ thêm 80 mỗi năm, nhưng chưa tạo doanh thu. Theo Thông tư 99, nếu dự án không thể tiếp tục thì phải đánh giá khả năng thu hồi chi phí đã bỏ ra, phần chênh lệch ghi vào kết quả kinh doanh; phần lãi trong tài sản dở dang cũng có thể bị ghi giảm.
2. **Báo cáo kết quả:** dòng "trong đó: chi phí đi vay" dưới chi phí tài chính, theo mẫu Thông tư 99, lấy từ sổ chi tiết tài khoản 635, nên không chứa phần đã vốn hoá.
3. **Lưu chuyển tiền tệ:** tiền lãi 150 đã trả của X chia hai, 70 ở dòng chi phí đi vay đã trả (kinh doanh), 80 trong tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản (đầu tư), tách theo tỷ lệ vốn hoá. Cách xếp và hệ quả cho CFO nằm ở bài lãi vay đã trả nằm ở dòng nào; dòng tiền tự do ở bài các cách tính.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Phạm vi, kỳ, mẫu:** hợp nhất hay riêng lẻ. Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99 với mã số chỉ tiêu đánh lại; ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã số.
2. **Chính sách kế toán:** mẫu thuyết minh của Thông tư 99 có mục nguyên tắc vốn hoá chi phí đi vay, nêu tỷ lệ vốn hoá của kỳ. Chuẩn mực số 16 (đoạn 22) còn yêu cầu thuyết minh tổng chi phí đi vay đã vốn hoá; vị trí con số tuỳ doanh nghiệp, cần tìm.
3. **Tài sản dở dang:** mẫu thuyết minh của Thông tư 99 yêu cầu chi tiết các công trình chiếm từ 10% trên tổng giá trị xây dựng cơ bản dở dang, và nêu lý do nếu sản xuất dở dang dài hạn bị gián đoạn bất thường.
4. **Đối chiếu ba số:** dư nợ bình quân nhân lãi suất ước lượng lãi phát sinh; so với chi phí đi vay trên báo cáo cộng số vốn hoá. Lệch lớn là chỗ cần đọc thêm; ước lượng chỉ để định hướng.
5. **Lưu chuyển tiền tệ:** so chi phí đi vay đã trả (kinh doanh) với chi phí đi vay trên báo cáo kết quả. Hai số có thể lệch vì vốn hoá, trả lãi trước hay sau, hoặc trái phiếu trả lãi một lần khi đáo hạn.
6. **Nhiều kỳ:** số vốn hoá, tiến độ dự án, kỳ hoàn thành và kỳ ngay sau đó.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để người đọc tự quyết định có đào sâu thuyết minh dự án hay không; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Bài chỉ áp dụng cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cách trình bày riêng.
- Chuẩn mực số 16 đọc từ bản đăng lại (trang đó ghi văn bản ở trạng thái hết hiệu lực, trong khi Thông tư 99 vẫn dẫn chiếu), nên hiệu lực cần đối chiếu. Công thức chi tiết của tỷ lệ vốn hoá nằm ở thông tư hướng dẫn mà bài chưa mở.
- Ví dụ đã đơn giản hoá: bỏ qua thuế và vốn lưu động, vốn hoá đều 80 mỗi năm, chi tiêu bình quân 300, khấu hao 20 năm và nhà máy chưa tạo lợi nhuận ở năm ba đều là giả định. Việc lãi vốn hoá quay lại qua khấu hao hay giá vốn là diễn giải của Tâm An.

Đừng nói quá

- Không viết "vốn hoá lãi vay là thủ thuật": khi đủ điều kiện đó là cách ghi nhận theo chuẩn mực.
- Không viết "lãi vay vốn hoá là lãi không phải trả": tiền lãi vẫn trả đủ, chỉ đổi chỗ ghi nhận.
- Không viết "ICR cao nghĩa là trả lãi tốt" khi chưa biết phần vốn hoá; không dùng ví dụ để suy ra doanh nghiệp thật; bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Khi chi phí đi vay thấp hơn nhiều so với dư nợ nhân lãi suất, khi tài sản dở dang phình ra nhiều kỳ mà tiến độ không rõ, hay khi lợi nhuận tụt mạnh đúng kỳ dự án hoàn thành, đó là tín hiệu để mở thuyết minh dự án và tỷ lệ vốn hoá, chưa phải bằng chứng về điều gì. Dự án dài hạn, vay riêng, giải ngân và bàn giao theo giai đoạn đều là nguyên nhân hợp lý. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp. Xem thêm chất lượng lợi nhuận.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026), đọc từ Công báo ngày 16/11/2025: Phụ lục II (tài khoản 241, 335, 341, 343, 515, 627, 635), Phụ lục IV (mẫu B01, B02, B03, B09 và hướng dẫn lập). Thông tư 200/2014/TT-BTC: chỉ nêu giai đoạn chuyển tiếp.
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay" (Quyết định 165/2002/QĐ-BTC), đoạn 07, 08, 10, 11, 13, 16, 18, 22: đọc từ bản đăng lại, hiệu lực cần đối chiếu.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python, ngày 14/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Lợi nhuận từ hoạt động chính
- Lãi vay đã trả nằm ở dòng nào
- Dòng tiền tự do
- Hệ số bao phủ lãi vay (ICR)
- Nợ vay và nợ phải trả

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Vốn hoá chi phí đi vay là cộng lãi vay liên quan trực tiếp đến tài sản đang đầu tư xây dựng hoặc sản xuất dở dang vào giá trị tài sản, thay vì ghi vào chi phí tài chính ngay; dòng chi phí đi vay trên báo cáo kết quả chỉ còn phần không vốn hoá. Với công ty X giả định, lãi vay phát sinh 150 gồm 80 vốn hoá và 70 vào chi phí; lợi nhuận trước thuế 170 so với 90 của công ty Y cùng lãi vay nhưng không vốn hoá, và ICR trên báo cáo 3,43 so với 1,60, trong khi tính trên tổng lãi vay phát sinh hai công ty bằng nhau. Khi nhà máy hoàn thành, lãi vay trở lại chi phí và khấu hao bắt đầu nên lợi nhuận của X rơi từ 170 xuống 30 dù dư nợ không

đổi; 160 lãi từng vốn hoá không biến mất mà quay lại dần qua khấu hao. Vốn hoá là cách ghi nhận hợp lệ khi đủ điều kiện, không phải thủ thuật. Cần đọc số vốn hoá, tỷ lệ vốn hoá, tiến độ dự án và lãi vay đã trả; các hiện tượng trên chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/von-hoa-chi-phi-lai-vay-la-gi

Nợ ròng bằng bao nhiêu năm dòng tiền kinh doanh? Cách đọc khả năng trả nợ

Câu trả lời ngắn

Số năm trả nợ ròng = nợ ròng / dòng tiền kinh doanh (CFO). Con số trả lời một câu hỏi giả định: nếu mỗi năm công ty vẫn tạo ra CFO như năm vừa rồi và dồn toàn bộ vào trả nợ ròng thì cần chừng ấy năm. Đó là phép tính quy ước, không phải lịch trả nợ: nợ thật trả theo kỳ hạn từng hợp đồng, và đầu tư, cổ tức cũng lấy bớt tiền. Có hai chỗ nhập nhằng. **Nợ ròng không có định nghĩa chung:** thường hiểu là nợ chịu lãi trừ tiền, nhưng danh mục công thức CFA không có công thức nợ ròng, còn một tổ chức xếp hạng quốc tế vừa trừ "tiền khả dụng" vừa cộng nghĩa vụ giống nợ. **CFO của một năm không đứng yên:** vốn lưu động có thể kéo nó lên hoặc xuống. Bài không đưa thang "bao nhiêu năm là chấp nhận được" vì chưa có nguồn.



Số năm trả nợ ròng gồm hai nửa: nợ ròng là số dư một ngày, CFO là dòng tiền cả năm

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Hai nửa của phép tính

Tử số lấy từ báo cáo tình hình tài chính (tên gọi từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99, trước đó là bảng cân đối kế toán) và thuyết minh; mẫu số lấy từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Tử số là số dư một ngày, mẫu số là dòng tiền cả năm, nên đây chỉ là ước lượng thô. Không đọc bằng "số năm" khi CFO bằng hoặc nhỏ hơn 0, hay khi nợ ròng âm (tiền nhiều hơn nợ chịu lãi).

Nợ ròng có nhiều cách định nghĩa

Ba nguồn dưới đây tính nợ khác nhau; bài không chọn bên.

- **Giáo trình phân tích (danh mục công thức CFA, tệp công khai ghi năm 2022).** "Tổng nợ" là nợ chịu lãi ngắn hạn và dài hạn, loại trừ các khoản như chi phí phải trả và phải trả người bán. Trong 41 công thức của danh mục không có công thức nợ ròng, nợ trên EBITDA hay nợ ròng trên CFO, và phần mở đầu nhắc rằng một số tỷ số có thể được định nghĩa khác nhau.
- **Tổ chức xếp hạng (S&P Global Ratings, phương pháp ngày 01/04/2019).** Tính "nợ điều chỉnh" sau khi trừ tiền và đầu tư thanh khoản có thể tiếp cận, vì công ty có sẵn tiền thì linh hoạt hơn; số trừ tuỳ từng công ty, và không trừ khi tổ chức này thấy đặc điểm kinh doanh yếu hơn hoặc chủ sở hữu là quỹ đầu tư tài chính. Đồng thời cộng vào nợ các nghĩa vụ giống nợ như thuê tài sản, nghĩa vụ hưu trí, nghĩa vụ tháo dỡ tài sản, công cụ vốn lai, bảo lãnh tài chính. Chỉ số lõi là FFO trên nợ (FFO là EBITDA trừ lãi và thuế đã trả bằng tiền) và nợ trên EBITDA; CFO trên nợ chỉ nằm trong nhóm chỉ số bổ sung.
- **Cách giản lược của Tâm An dùng trong bài.** Nợ ròng = vay và nợ thuê tài chính (ngắn hạn và dài hạn, trong đó có trái phiếu) + trái phiếu chuyển đổi (nợ gốc) − tiền và tương đương tiền − đầu tư tài chính ngắn hạn. Dễ lấy từ báo cáo, nhưng là lựa chọn của người phân tích (mẫu báo cáo của Thông tư 99 không có dòng nợ ròng), bỏ qua nghĩa vụ ngoài dòng vay và coi mọi đầu tư tài chính ngắn hạn là gần như tiền.

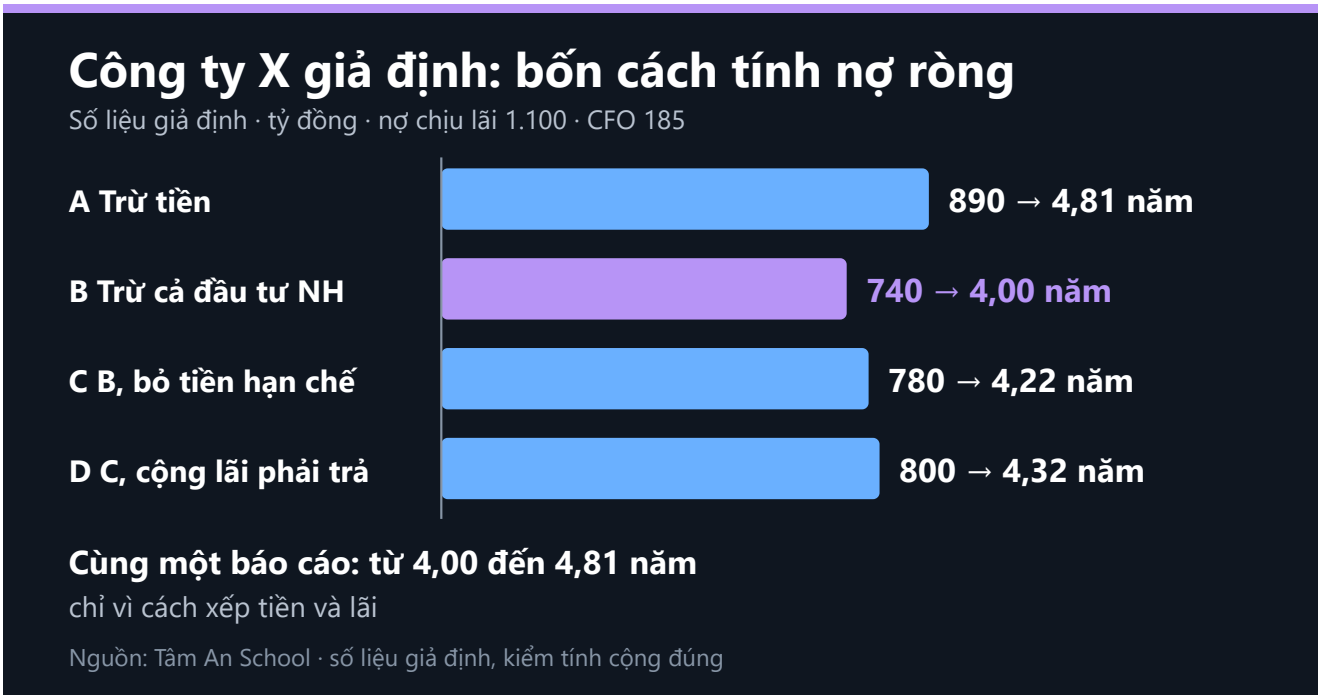
Bốn chỗ làm nợ ròng đổi

1. **Tương đương tiền chỉ gồm khoản không quá ba tháng.** Chuẩn mực kế toán số 24 (VAS 24, đoạn 04) và hướng dẫn của Thông tư 99 mô tả tương đương tiền là khoản đầu tư ngắn hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng từ ngày mua. Tiền gửi có kỳ hạn dài hơn thuộc nhóm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nên "tiền" và "đầu tư tài chính ngắn hạn" là hai dòng; trừ cả hai hay chỉ một là lựa chọn.
2. **Tiền chưa chắc dùng tự do.** VAS 24 (đoạn 32, 33) và mẫu thuyết minh của Thông tư 99 yêu cầu trình bày giá trị và lý do của khoản tiền lớn bị hạn chế bởi pháp luật hoặc ràng buộc khác, ví dụ tiền ký quỹ, ký cược, quỹ chuyên dùng. Trừ cả phần này thì nợ ròng thấp hơn mức thật sự dùng được.
3. **Nghĩa vụ giống nợ nằm ngoài dòng vay.** Lãi vay phải trả nằm ở chi phí phải trả, như bài về nợ vay và nợ phải trả đã nêu. Hợp đồng thuê hoạt động không huỷ ngang, nợ tiềm tàng và cam kết nằm ở thuyết minh. Cộng chúng vào nợ hay không là điểm các cách định nghĩa khác nhau.
4. **Nợ ngoại tệ.** Khi lập báo cáo, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, kể cả khoản đi vay (hướng dẫn tài khoản chênh lệch tỷ giá của Thông tư 99). Nợ ròng có thể đổi vì tỷ giá trong khi CFO không đổi.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định, bốn cách tính nợ ròng

Công ty X giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Cuối năm N: vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn 340, dài hạn 760 (có trái phiếu thường), cộng **1.100**; tiền và tương đương tiền 210, trong đó 40 bị hạn chế sử dụng; đầu tư tài chính ngắn hạn 150; lãi vay phải trả 20 nằm trong chi phí phải trả. CFO năm N là **185**.

Cách tính nợ ròng của X	Phép tính	Nợ ròng	Số năm (chia 185)
A. Chỉ trừ tiền và tương đương tiền	1.100 − 210	890	4,81
B. Trừ cả đầu tư tài chính ngắn hạn	1.100 − 210 − 150	740	4,00
C. Như B, không trừ 40 tiền bị hạn chế	1.100 − (210 − 40) − 150	780	4,22
D. Như C, cộng 20 lãi vay phải trả	1.100 + 20 − 170 − 150	800	4,32



Công ty X giả định: bốn cách tính nợ ròng cho 890, 740, 780 và 800, tương ứng 4,81 đến 4,00 năm

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Cùng một báo cáo cho từ 4,00 đến 4,81 năm, chỉ vì cách xếp tiền và lãi. Thêm tỷ giá: giả sử 300 trong 1.100 vay bằng ngoại tệ và tỷ giá tăng 5%, khoản vay tăng 15; nợ ròng cách B thành 755, số năm 4,08 dù CFO không đổi. Từ đây bài dùng cách B (nợ ròng 740).

Mẫu số: CFO của một năm không đứng yên

CFO 185 của X gồm hai phần giả định. Phần thứ nhất: EBITDA 235 trừ lãi vay đã trả 70 và thuế thu nhập đã nộp 35, còn **130** (VAS 24 xếp lãi vay đã trả, đoạn 22, và thuế thu nhập đã nộp, đoạn 25, vào luồng tiền kinh doanh của doanh nghiệp phi tài chính). Phần thứ hai: **55** từ vốn lưu động giải phóng vì phải thu giảm (xem bài về phải thu, tồn kho, phải trả thay đổi). Cùng nợ ròng 740, mỗi mẫu số cho một số năm:

Mẫu số (số giả định)	Giá trị	Số năm
CFO năm N	185	4,00
CFO trước thay đổi vốn lưu động (cách gọi của Tâm An)	130	5,69
EBITDA (chưa trừ lãi và thuế đã trả; không phải tiền)	235	3,15
CFO trung bình ba năm (120, 95, 185)	133,3	5,55
CFO thấp nhất trong ba năm	95	7,79

Chỉ vì chọn mẫu số, số năm đi từ 3,15 đến 7,79; EBITDA thấp nhất vì chưa trừ 70 lãi và 35 thuế đã trả bằng tiền.

Ba năm nhìn cùng nhau.

Năm (X giả định)	Nợ chịu lãi	Tiền và đầu tư ngắn hạn	Nợ ròng (cách B)	CFO	Số năm
N − 2	940	300	640	120	5,33
N − 1	1.020	320	700	95	7,37
N	1.100	360	740	185	4,00



Ba năm của công ty X giả định: nợ ròng tăng 640, 700, 740 nhưng số năm giảm từ 7,37 xuống 4,00 vì CFO năm N có 55 từ vốn lưu động

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Nợ ròng tăng đều, nhưng số năm từ 7,37 xuống 4,00 vì CFO năm N nhảy lên 185, trong đó 55 từ vốn lưu động; nếu đó là khoản một lần, năm sau số năm có thể quay lại cao hơn.

Số năm chưa phải thời gian trả nợ

- **CFO chưa phải tiền rảnh.** Giả sử X còn chi mua sắm tài sản cố định 95 và cổ tức 30 mỗi năm: tiền còn lại 185 − 95 − 30 = 60, và 740 / 60 ≈ 12,3 năm. Hai con số 4,00 và 12,3 trả lời hai câu hỏi khác nhau; tiền còn lại có nhiều cách tính, xem bài dòng tiền tự do.
- **Kỳ hạn quyết định, không phải số năm bình quân.** X có 340 vay ngắn hạn, khoảng 1,8 lần CFO 185. Đủ tiền (360 tiền và đầu tư), vay mới hay gia hạn là câu hỏi của bảng kỳ hạn trong thuyết minh, không phải của một phép chia.
- **Lãi vay đến trước gốc.** CFO thường đã trừ lãi vay đã trả; khả năng chịu lãi đọc riêng qua hệ số bao phủ lãi vay.
- **Khác ngành, khác chu kỳ.** Nợ vay đầu tư tài sản tạo tiền lâu dài có thể cho số năm dài hơn nợ vay vốn lưu động.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Phạm vi, kỳ, mẫu:** hợp nhất hay riêng lẻ, quý hay luỹ kế. Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính bắt đầu từ 01/01/2026 theo Thông tư 99, mã số chỉ tiêu đánh lại, nên ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã số.
2. **Báo cáo tình hình tài chính:** các dòng vay và nợ thuê tài chính, trái phiếu chuyển đổi, tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn; ghi lại cách xếp.
3. **Thuyết minh:** tương đương tiền, tiền bị hạn chế, vay (kỳ hạn, quá hạn), thuê hoạt động, cam kết, nợ tiềm tàng, lãi vay phải trả.
4. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:** CFO, lãi vay và thuế đã trả, thay đổi vốn lưu động; xem bài CFO gồm những gì.
5. **Nhiều kỳ, cùng ngành:** theo dõi nợ ròng và CFO riêng, rồi mới chia.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để gợi ý mở thuyết minh về tiền và vay trước khi diễn giải một tỷ lệ nợ ròng; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Bài chỉ áp dụng cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cách tính nợ riêng.
- Số năm và các công thức nợ ròng là cách đọc của người phân tích hoặc tổ chức xếp hạng, không phải chỉ tiêu hay quy định kế toán.
- Phương pháp S&P đọc từ bản 01/04/2019, có thể đã được cập nhật; danh mục CFA là tệp ghi năm 2022.
- Công ty X đã đơn giản hoá: vài dòng, số tròn, bỏ qua lãi suất và kỳ hạn.

Đừng nói quá

- Không viết "X cần 4 năm để trả hết nợ": số năm chỉ đúng nếu CFO giữ nguyên và dồn hết vào trả nợ.

- Không viết "số năm ít là an toàn, nhiều là nguy hiểm", cũng không viết "nợ ròng thấp nghĩa là ít nợ" khi chưa xem tiền bị hạn chế, nghĩa vụ ngoài dòng vay và kỳ hạn. Bài không có thang đo và không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Khi nợ ròng tăng mà số năm giảm, khi các cách tính nợ ròng lệch xa nhau, hoặc khi CFO một năm khác hẳn trung bình nhiều năm, đó là tín hiệu để xem thuyết minh về tiền, vay, vốn lưu động và kỳ hạn, chưa phải bằng chứng về điều gì. Thu phải thu nhanh, đổi điều khoản mua bán, mùa vụ, chi đầu tư dồn vào một năm, tái cơ cấu nguồn vốn và thay đổi tỷ giá đều là nguyên nhân hợp lý khác. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp. Bài chất lượng lợi nhuận nói vì sao lãi, nợ và dòng tiền cần đọc cùng nhau.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.

- CFA Institute, "Financial Ratio List" (chương trình CFA cấp độ II, tệp PDF công khai, tên tệp ghi 2022): mục 29 và đoạn mở đầu; đã mở và đọc ngày 17/10/2026.
- S&P Global Ratings, "Corporate Methodology: Ratios And Adjustments" (01/04/2019): thuật ngữ chính, chỉ số lõi và bổ sung, đoạn 22-25; đọc từ bản sao đăng công khai.
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 (Quyết định 165/2002/QĐ-BTC), đoạn 04, 22, 25, 32, 33: đọc từ bản đăng lại, hiệu lực cần đối chiếu văn bản mới nhất.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026), đọc từ Công báo ngày 16/11/2025: hệ thống tài khoản, tài khoản chênh lệch tỷ giá, mẫu thuyết minh, hướng dẫn lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Thông tư 200/2014/TT-BTC (báo cáo năm 2025): chỉ để nêu giai đoạn chuyển tiếp.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python, ngày 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- CFO gồm những gì và không gồm gì
- Phải thu, tồn kho, phải trả thay đổi làm dòng tiền kinh doanh tăng hay giảm
- Dòng tiền tự do (Free Cash Flow)
- Nợ vay và nợ phải trả
- Chi phí lãi vay và hệ số bao phủ lãi vay

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Số năm trả nợ ròng bằng nợ ròng chia dòng tiền kinh doanh (CFO) là phép tính quy ước: nếu CFO giữ nguyên và dồn hết vào trả nợ ròng thì cần chừng ấy năm, chưa phải lịch trả nợ thật. Nợ ròng không có định nghĩa chung: danh mục công thức CFA không có công thức này, còn tổ chức xếp hạng S&P Global Ratings vừa trừ tiền khả dụng vừa cộng nghĩa vụ giống nợ. Với công ty X giả định, nợ ròng là 890, 740,

780 hoặc 800 tuỳ cách xếp tiền và lãi, tức 4,00 đến 4,81 năm so với CFO 185; đổi mẫu số thì số năm đi từ 3,15 đến 7,79, và qua ba năm nợ ròng tăng mà số năm giảm vì vốn lưu động. Bài không đưa thang tốt hay xấu; các biến động chỉ là tín hiệu để xem thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

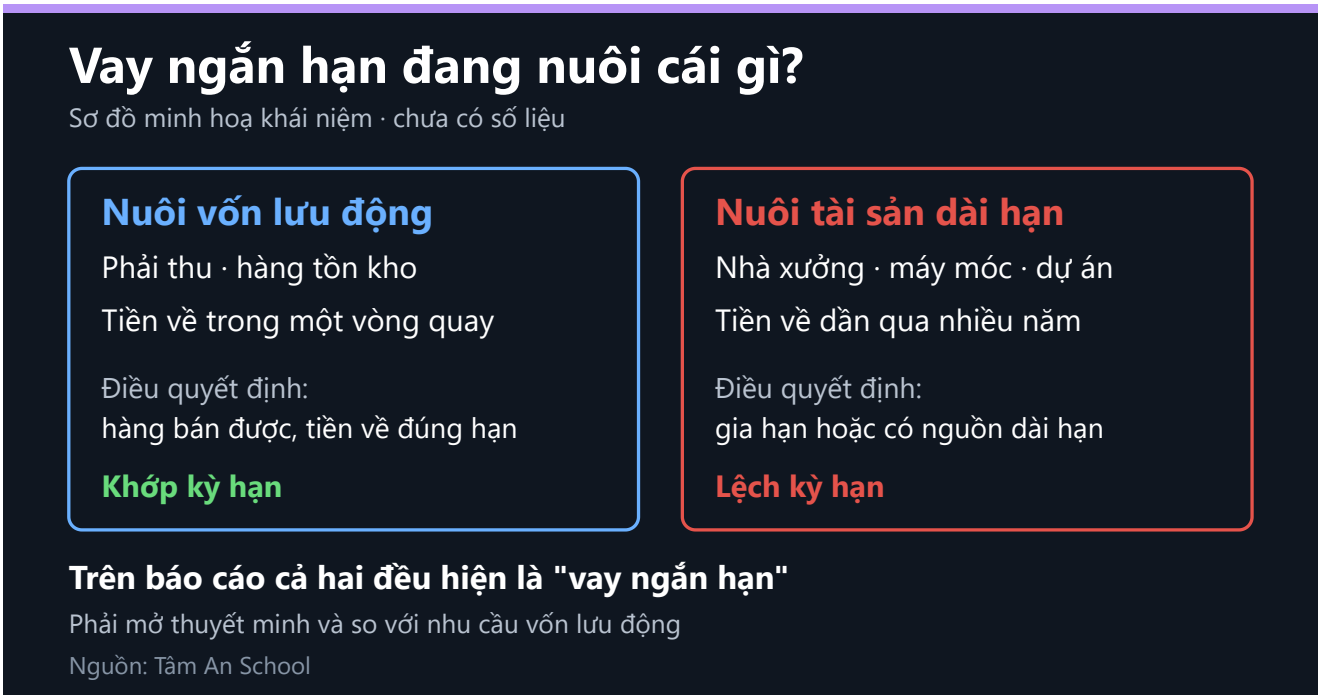
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/no-rong-bang-bao-nhieu-nam-dong-tien-kinh-doanh

Kỳ hạn nợ vay: vay ngắn hạn nhiều có nguy hiểm không? Khi nào là lệch kỳ hạn

Câu trả lời ngắn

Vay ngắn hạn nhiều **không tự động nguy hiểm**, và cũng không tự động an toàn. Câu hỏi đúng là: khoản vay ngắn hạn đó đang nuôi cái gì, và đến hạn có được gia hạn hay thay bằng nguồn khác không. Nếu nó nuôi vốn lưu động (phải thu, hàng tồn kho) và được trả rồi vay lại đều theo vòng quay hàng hoá, đó là cách tài trợ phổ biến. **Lệch kỳ hạn** là khi phần vay ngắn hạn lớn hơn nhu cầu vốn lưu động hoạt động, nên có thể đang nuôi nhà xưởng, dự án hay tài sản dài hạn: tiền thu hồi sau nhiều năm, nhưng nghĩa vụ trả đến trong vòng 12 tháng. Phép thử thô, quy ước của Tâm An: **phần vay ngắn hạn có thể đang nuôi tài sản dài hạn ≈ max(0, vay ngắn hạn − nhu cầu vốn lưu động hoạt động)**; nó chỉ để biết nên mở thuyết minh chỗ nào, không phải ngưỡng nguy hiểm.



Hai việc một khoản vay ngắn hạn có thể đang làm: nuôi vốn lưu động quay vòng hoặc nuôi tài sản dài hạn

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

"Ngắn hạn" trên báo cáo nghĩa là gì

Theo hướng dẫn lập báo cáo tình hình tài chính của Thông tư 99 (tên mới của bảng cân đối kế toán từ năm tài chính 2026), dòng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phản ánh khoản vay có **kỳ hạn thanh toán còn lại không quá 12 tháng** hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường, tính từ cuối kỳ kế toán. Hệ quả:

1. **Tính theo thời gian còn lại, không theo kỳ hạn gốc.** Khoản vay năm năm khi còn tám tháng nằm ở dòng ngắn hạn. Hướng dẫn không dùng cụm "nợ dài hạn đến hạn", nên việc xếp phần đến hạn của vay dài hạn vào dòng ngắn hạn là suy ra của Tâm An; cần xem thuyết minh.
2. **Nhãn ngắn hạn không cho biết khoản vay "sống" bao lâu:** hạn mức trả rồi giải ngân lại nhiều năm vẫn hiện là ngắn hạn ở mỗi kỳ.
3. **Mẫu thuyết minh có số dư, chưa có lịch đáo hạn.** Mẫu thuyết minh vay trong Thông tư 99 gồm số cuối năm, tăng, giảm, đầu năm, chi tiết theo đối tượng chiếm từ 10% trở lên và số quá hạn chưa thanh toán. Riêng nợ thuê tài chính có bảng theo thời hạn (từ một năm trở xuống, trên một đến năm năm, trên năm năm); trái phiếu phải nêu kỳ hạn gốc. Lịch đáo hạn các khoản vay, nếu có, nằm ở thuyết minh bổ sung và chưa chắc báo cáo nào cũng có.

Hai việc một khoản vay ngắn hạn có thể đang làm

Nuôi vốn lưu động: tiền về từ bán hàng và thu tiền khách trong một vòng quay; điều quyết định là hàng có bán được, tiền có về đúng hạn. **Nuôi tài sản dài hạn** (nhà xưởng, máy móc, dự án): tiền về dần qua nhiều năm; điều quyết định là bên cho vay có gia hạn hay có nguồn dài hạn thay thế.

Để ước lượng việc thứ nhất, Tâm An dùng **nhu cầu vốn lưu động hoạt động = phải thu + hàng tồn kho − phải trả người bán − người mua trả tiền trước**. Hai khoản trừ là phần nhà cung cấp và khách hàng đã tài trợ, thường không trả lãi. Đây là quy ước của Tâm An, mỗi người tính một kiểu. Các số ngày liên quan nằm ở bài chu kỳ chuyển đổi tiền.

Cách nhìn thứ hai là **vốn lưu động ròng** = tài sản ngắn hạn − nợ ngắn hạn, theo đẳng thức kế toán cũng bằng (vốn chủ sở hữu + nợ dài hạn) − tài sản dài hạn; số âm nghĩa là nợ ngắn hạn đang tài trợ một phần tài sản dài hạn. Nhưng nợ ngắn hạn gồm cả phải trả người bán và tiền khách ứng trước, vốn tự quay vòng, nên phép thử đặt riêng **vay ngắn hạn** cạnh nhu cầu vốn lưu động.

Ví dụ minh hoạ: hai công ty giả định cùng vay ngắn hạn 420

Đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật; cùng tổng tài sản 1.600.

Khoản mục (số liệu giả định)	Công ty X	Công ty Y
Tiền và đầu tư ngắn hạn	70	50
Phải thu	210	120
Hàng tồn kho	380	220
Tài sản ngắn hạn khác	40	20
Tài sản ngắn hạn	**700**	**410**
Tài sản dài hạn	900	1.190
Vay ngắn hạn	420	420
Phải trả người bán	150	100
Người mua trả tiền trước	40	60
Phải trả khác ngắn hạn	30	20
Nợ ngắn hạn	**640**	**600**
Vay dài hạn	260	200
Vốn chủ sở hữu	700	800

- **Công ty X:** nhu cầu vốn lưu động hoạt động = 210 + 380 − 150 − 40 = **400**; vay ngắn hạn 420 chỉ lớn hơn 20, nhỏ hơn cả tiền và đầu tư ngắn hạn 70. Vốn lưu động ròng = 700 − 640 = 60 = (700 + 260) − 900.
- **Công ty Y:** nhu cầu = 120 + 220 − 100 − 60 = **180**. Vay ngắn hạn 420 vượt nhu cầu **240**, khoảng 57% số vay ngắn hạn. Vốn lưu động ròng = 410 − 600 = **−190** = (800 + 200) − 1.190: nguồn dài hạn thiếu 190 so với tài sản dài hạn.



Cùng vay ngắn hạn 420: nhu cầu vốn lưu động của công ty X là 400, của công ty Y chỉ 180, phần vượt 240

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Bảng chưa nói Y xấu hơn X; nó chỉ chỉ ra **chỗ cần hỏi**: 240 vay gắn với tài sản nào, và nếu không được gia hạn thì lấy gì trả.

Lịch đáo hạn và dòng tiền của công ty Y

Giả sử thuyết minh cho thấy tổng vay của Y là 620 (420 ngắn hạn cộng 200 dài hạn), trong đó 60 là phần đến hạn của một khoản vay dài hạn. Lịch đáo hạn giả định: 420 trong 12 tháng tới, 120 từ tháng 13 đến tháng 24, 80 sau đó; 420 + 120 + 80 = 620. Giả sử dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh năm vừa qua là 140: cộng với tiền và đầu tư ngắn hạn 50 được 190, trên 420 đến hạn, chưa tới một nửa (khoảng 45%), thiếu 230.



Công ty Y giả định: 420 đáo hạn trong 12 tháng, 120 năm sau, 80 về sau; tiền và dòng tiền 190 che khoảng 45%

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng. Dòng tiền 140 chỉ là một năm minh hoạ, không mặc định tái diễn.

Khoảng thiếu 230 có thể được lấp bằng gia hạn, hạn mức chưa rút, bán tài sản hay huy động vốn mới, mỗi đường đều có điều kiện. Bài tái cấp vốn nói kỹ chuyện vay mới trả nợ cũ; bài nợ ròng bằng bao nhiêu năm dòng tiền kinh doanh nói cách đo sức trả nợ theo dòng tiền.

Vay nuôi vốn lưu động cũng có thể thành "dài hạn trá hình"

Ở công ty X, vay ngắn hạn gần đúng bằng nhu cầu vốn lưu động. Giả sử trong hàng tồn kho 380 có 100 bán chậm, nằm kho vượt một vòng quay thông thường. Khi đó 100 trong số 420 vay ngắn hạn (gần một phần tư) thực chất nuôi hàng chưa biết bao giờ ra tiền, và nếu hàng phải giảm giá thì nghĩa vụ trả vay vẫn nguyên. Vì vậy phép thử phải đi cùng số ngày tồn kho; bài hệ số thanh toán giúp xem tài sản ngắn hạn nhiều tiền hay nhiều hàng.

Những điều kiện làm vay ngắn hạn đổi nghĩa

- **Mùa vụ và ngành:** doanh nghiệp bán theo mùa vay nhiều trước vụ, trả sau vụ; bán lẻ, dịch vụ thu trước, điện nước có kết cấu vốn lưu động khác sản xuất tồn kho lớn. So cùng quý, cùng ngành.
- **Hạn mức chưa rút và tài sản bảo đảm:** hạn mức chưa giải ngân không hiện trên bảng nhưng có thể là nguồn thanh khoản thật; thế chấp nằm ở thuyết minh.
- **Vay bắc cầu có kế hoạch:** vay ngắn để đợi phát hành trái phiếu hay vay dài hạn là có chủ ý, nhưng phụ thuộc kế hoạch đó thành hiện thực.

Giới học thuật nhìn kỳ hạn nợ thế nào

Ba nghiên cứu là bối cảnh, không phải ngưỡng; Tâm An mới đọc phần tóm tắt công khai.

- **Diamond (1991), mô hình lý thuyết:** kỳ hạn tối ưu cân giữa việc người vay thích nợ ngắn hạn (kỳ vọng xếp hạng tín nhiệm tốt lên) và rủi ro thanh khoản (bị thanh lý quá sớm). Nhóm xếp hạng cao ưa nợ ngắn, nhóm trung bình chọn nợ dài, nhóm yếu nhất chỉ vay được ngắn. Cùng tỷ trọng vay ngắn có thể đến từ hai thái cực.
- **Stohs và Mauer (1996), thực nghiệm:** doanh nghiệp lớn hơn, ít rủi ro hơn và có tài sản kỳ hạn dài hơn dùng nợ dài hơn; quan hệ với xếp hạng không đơn điệu. Đó là xu hướng, không phải luật.
- **Almeida, Campello, Laranjeira và Weisbenner (2012):** quanh khủng hoảng tín dụng năm 2007, nhóm có nợ dài hạn đến hạn ngay sau đó cắt đầu tư mạnh hơn nhóm tương đương; thời bình không thấy hiệu ứng như vậy. Rủi ro nằm ở **trùng thời điểm đáo hạn và lúc tín dụng thắt**.

Cách hiểu của Tâm An: ba nguồn không đưa ra mức vay ngắn "an toàn", chỉ cho thấy kỳ hạn quan trọng nhất khi tín dụng khó khăn.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Phạm vi và kỳ:** hợp nhất hay riêng lẻ, quý hay lũy kế. Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99 với mã số chỉ tiêu đánh lại; bài chưa đối chiếu từng dòng giữa hai mẫu, nên ghép hai kỳ theo tên dòng và nội dung, không theo mã số.
2. **Bảng cân đối kế toán (báo cáo tình hình tài chính):** lấy vay ngắn hạn, vay dài hạn, trái phiếu, phải thu, hàng tồn kho, phải trả người bán, người mua trả tiền trước, tài sản dài hạn; tính cả hai cách nhìn.
3. **Thuyết minh vay và trái phiếu:** số dư, tăng giảm, đối tượng chiếm từ 10% trở lên, vay quá hạn, kỳ hạn gốc trái phiếu, tài sản bảo đảm, lịch đáo hạn nếu có.
4. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:** tiền thu từ đi vay và tiền trả nợ gốc vay qua nhiều kỳ, đặt cạnh dòng tiền kinh doanh, so cùng ngành.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để tách vay ngắn hạn khỏi nhu cầu vốn lưu động và gợi ý mở thuyết minh kỳ hạn; chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- Bài chỉ áp dụng cho doanh nghiệp phi tài chính; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cấu trúc báo cáo và quản lý kỳ hạn riêng.
- Công thức "vay ngắn hạn trừ nhu cầu vốn lưu động hoạt động" là quy ước của Tâm An; nó bỏ qua tiền giữ lại, tài sản và nợ ngắn hạn khác.
- Công ty X và Y đã đơn giản hoá; dòng tiền 140 và lịch đáo hạn của Y là giả định, không phải dự báo.

Đừng nói quá

- Không viết "vay ngắn hạn nhiều là rủi ro" hay "vay ngắn hạn là lệch kỳ hạn": như ví dụ, cùng 420 mà phần vượt nhu cầu có thể là 20 hoặc 240.
- Không viết "vay dài hạn thì an toàn": khoản dài hạn sẽ trượt sang dòng ngắn hạn khi còn dưới 12 tháng.

- Không dùng ba nghiên cứu hay con số 57% của ví dụ làm ngưỡng nhận xét doanh nghiệp. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Khi vay ngắn hạn lớn hơn nhiều nhu cầu vốn lưu động, hoặc nợ đến hạn trong 12 tháng lớn hơn nhiều tiền và dòng tiền kinh doanh, đó là tín hiệu để xem thêm thuyết minh vay, lịch đáo hạn, hạn mức chưa rút và tài sản bảo đảm, chưa phải bằng chứng về điều gì. Mùa vụ, vay bắc cầu có kế hoạch, thói quen gia hạn của bên cho vay và mô hình thu tiền trước đều là nguyên nhân hợp lý khác. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp. Bài chất lượng lợi nhuận nói vì sao lãi, nợ, thanh khoản và dòng tiền cần đọc cùng nhau; bài nợ vay và nợ phải trả tách nợ chịu lãi trước khi xét kỳ hạn.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026), Công báo số 1579 + 1580 ngày 16/11/2025: hướng dẫn lập báo cáo tình hình tài chính, dòng nợ ngắn hạn, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn. Công báo số 1577 + 1578: mẫu báo cáo và mẫu thuyết minh về vay, nợ thuê tài chính, trái phiếu phát hành. Thông tư 200/2014/TT-BTC chỉ để nêu giai đoạn chuyển tiếp.
- Diamond, D. W. (1991), *The Quarterly Journal of Economics* 106(3), tr. 709-737; Stohs, M. H. và Mauer, D. C. (1996), *The Journal of Business* 69(3), tr. 279-312; Almeida, H., Campello, M., Laranjeira, B. và Weisbenner, S. (2012), *Critical Finance Review* 1(1), tr. 3-58: đều đọc phần tóm tắt.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tính lại bằng Python ngày 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Chu kỳ chuyển đổi tiền (CCC)
- Nợ vay và nợ phải trả
- Hệ số thanh toán hiện hành, nhanh và tiền mặt
- Nợ ròng bằng bao nhiêu năm dòng tiền kinh doanh
- Tái cấp vốn là gì?

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Vay ngắn hạn trên báo cáo là khoản còn không quá 12 tháng phải trả, tính theo thời gian còn lại; nó có thể đang nuôi vốn lưu động quay vòng hoặc nuôi tài sản dài hạn, và bảng không phân biệt hai việc. Theo quy ước của Tâm An, phần vay ngắn hạn vượt nhu cầu vốn lưu động hoạt động (phải thu cộng tồn kho trừ phải trả người bán và tiền khách trả trước) là chỗ có thể lệch kỳ hạn: hai công ty giả định cùng vay ngắn hạn 420, công ty X có nhu cầu 400 nên phần vượt chỉ 20, công ty Y có nhu cầu 180 nên phần vượt 240 và vốn lưu động ròng âm 190; nếu 420 đáo hạn trong 12 tháng thì tiền cộng dòng tiền giả định 190 chỉ che

khoảng 45%. Vay nuôi hàng bán chậm cũng có thể thành dài hạn trá hình. Đây là phép sàng lọc theo quy ước, không phải chuẩn mực hay ngưỡng; kết quả phụ thuộc mùa vụ, ngành, hạn mức chưa rút và việc ngân hàng gia hạn, và chỉ là tín hiệu để xem thuyết minh vay, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

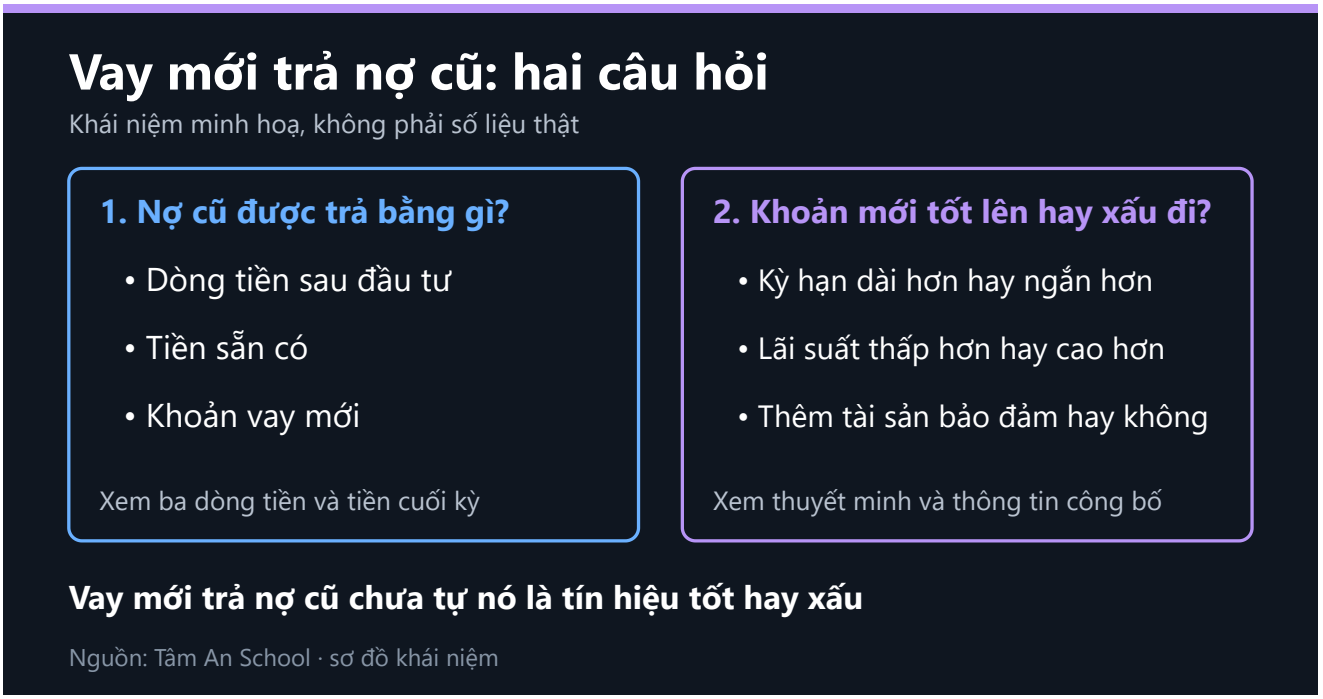
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/ky-han-no-vay-vay-ngan-han-nhieu-co-nguy-hiem-khong

Tái cấp vốn (refinancing) là gì? Vay mới để trả nợ cũ có luôn đáng lo?

Câu trả lời ngắn

Tái cấp vốn (refinancing) là việc doanh nghiệp dùng nguồn vốn mới, thường là khoản vay hoặc trái phiếu mới, hoặc thoả thuận lại để kéo dài khoản cũ, nhằm thay thế nợ đã đến hạn hay sắp đến hạn. (Cách hiểu thông dụng; mẫu báo cáo không có dòng "tái cấp vốn".) Vay mới để trả nợ cũ là chuyện bình thường: hạn mức vốn lưu động được rút rồi trả nhiều lần trong năm, hay đổi khoản vay lãi cao lấy khoản lãi thấp hơn. Vì vậy **vay mới trả nợ cũ không tự động là dấu hiệu xấu**. Hai câu hỏi đáng đặt ra: nợ cũ được trả bằng nguồn nào, và khoản mới có điều khoản tốt lên hay xấu đi so với khoản cũ. Dòng tiền kinh doanh không đủ trả lãi, vay mới chủ yếu để trả gốc, kỳ hạn mới ngắn hơn, lãi suất cao hơn hay thêm tài sản bảo đảm là những tín hiệu nên xem thêm, chưa phải kết luận.



Vay mới trả nợ cũ: hai câu hỏi cần đặt ra là nợ cũ được trả bằng gì và khoản mới tốt lên hay xấu đi

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Ba kiểu tái cấp vốn và dấu vết trên báo cáo

- **Gia hạn với chủ nợ:** khoản vay giữ nguyên, ngày đến hạn dời ra xa. Có thể không có dòng tiền nào; chỉ đổi ở dòng phân loại ngắn hạn, dài hạn và ở thuyết minh.
- **Vay khoản mới để trả khoản cũ:** dòng thu từ đi vay và trả nợ gốc vay cùng xuất hiện, hoặc được trình bày thuần, tuỳ cách giải ngân.
- **Phát hành trái phiếu hay cổ phiếu để trả vay:** trái phiếu nằm trong thu từ đi vay; cổ phiếu nằm ở dòng thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp.

Trong tin tức ngân hàng, "tái cấp vốn" còn là việc ngân hàng trung ương cho ngân hàng thương mại vay; bài này chỉ nói doanh nghiệp phi tài chính, không bàn "tái cơ cấu nợ".

Tái cấp vốn hiện ra ở đâu

1. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, luồng tài chính.** Theo Thông tư 99, luồng tài chính làm thay đổi quy mô và kết cấu vốn chủ sở hữu và vốn vay. Hai dòng chính là **tiền thu từ đi vay**, gồm cả vay bằng trái phiếu thông thường hay chuyển đổi, và **tiền trả nợ gốc vay**, không gồm trả gốc bằng tài sản phi tiền tệ hay chuyển nợ vay thành vốn góp. Chênh lệch hai dòng là vay ròng.
2. **Báo cáo tình hình tài chính** (tên mới của bảng cân đối kế toán từ năm tài chính 2026). Khoản vay có kỳ hạn thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh thông thường thuộc dòng vay ngắn hạn; còn lại thuộc dòng dài hạn. Kỳ hạn mới có thể chuyển khoản vay từ dòng này sang dòng kia.
3. **Thuyết minh.** Bài nợ vay và nợ phải trả nói về bảng vay với số đầu năm, tăng, giảm, cuối năm. Mức chi tiết về kỳ hạn, lãi suất, bảo đảm tuỳ từng báo cáo.

Từ hai dòng của luồng tài chính, Tâm An dùng một cách đo (không phải chỉ tiêu chuẩn): **hệ số đảo nợ = tiền thu từ đi vay trong kỳ / dư nợ vay bình quân**. Hệ số cao cho biết dư nợ quay vòng nhanh, chưa nói gì về chất lượng. Vay ròng gần 0 trong khi vay mới và trả gốc đều lớn nghĩa là dư nợ giữ nguyên nhờ liên tục thay khoản này bằng khoản khác.

Ví dụ minh hoạ: hai công ty giả định cùng hệ số đảo nợ 0,90

Hai công ty giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Cả hai có dư nợ vay đầu năm và cuối năm đều 1.200; trong năm thu từ đi vay 1.080 và trả nợ gốc vay 1.080, nên vay ròng bằng 0 và hệ số đảo nợ là 1.080 / 1.200 = **0,90**.

Chỉ tiêu (số giả định)	Công ty X	Công ty Y
Dòng tiền kinh doanh (đã trừ lãi vay đã trả)	310	25
Lãi vay đã trả	84	108
Chi đầu tư	90	70
Dòng tiền sau đầu tư (kinh doanh trừ chi đầu tư)	220	-45
Cổ tức đã trả	60	0
Thay đổi tiền trong năm	+160	-45
Tiền đầu năm, cuối năm	140, 300	150, 105
Kỳ hạn bình quân khoản mới so với khoản cũ	15 tháng so với 12	6 tháng so với 14
Lãi suất khoản mới so với khoản cũ	6,8% so với 7,6%	11,0% so với 9,0%
Tài sản bảo đảm	không đổi	thêm tài sản thế chấp

Kiểm tính: X có 310 - 90 - 60 = +160; Y có 25 - 70 = -45.



Công ty X và Y giả định cùng hệ số đảo nợ 0,90 nhưng dòng tiền sau đầu tư, thay đổi tiền, kỳ hạn và lãi suất khoản mới khác nhau

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Với X, vay mới là lựa chọn: dòng tiền sau đầu tư 220 đủ trả cổ tức 60 và còn dư, tiền tăng 160, khoản mới dài hơn và rẻ hơn khoản cũ. Với Y, dòng tiền kinh doanh chỉ 25 sau khi trả lãi 108; cộng lại lãi thì được 133, bằng khoảng 1,23 lần lãi, còn X là 394 trên 84, khoảng 4,69 lần (cách tính tạm của Tâm An). Sau đầu tư Y hụt 45, tiền co từ 150 xuống 105 trong khi dư nợ giữ nguyên nhờ vay mới. Khoản mới của Y ngắn hơn nên lần tái cấp vốn kế tiếp đến sớm hơn, và nếu toàn bộ dư nợ chuyển sang lãi suất 11,0% thì lãi là 1.200 x 11,0% = 132, tăng 24 so với 108 (1.200 x 9,0%).

Bảng không cho biết Y có tái cấp vốn được hay không, cũng không chứng minh X an toàn; nó chỉ cho thấy một con số đảo nợ có thể che hai tình huống.

Hệ số đảo nợ đọc từ báo cáo có thể thấp hơn thực tế

Hướng dẫn lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Thông tư 99 nêu một số luồng tiền được báo cáo trên cơ sở thuần, trong đó có các khoản đi vay ngắn hạn có thời hạn thanh toán không quá 3 tháng. Giả sử riêng ở mục này, trong 1.080 tiền vay mới của X có 720 là các lần rút hạn mức kỳ hạn 3 tháng (dư nợ bình quân 180, quay 4 lần trong năm: 180 x 4 = 720) và 360 là khoản vay trung hạn thay thế khoản cũ. Nếu 720 được trình bày thuần thì hai dòng chỉ hiện 360 thu và 360 trả; hệ số đảo nợ tính từ báo cáo là 360 / 1.200 = **0,30**, trong khi cộng đủ là 1.080 / 1.200 = **0,90**.



Cùng một thực tế: hệ số đảo nợ đọc từ dòng báo cáo là 0,30 nếu 720 vay hạn mức ngắn hạn trình bày thuần, cộng đủ là 0,90

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Hệ số tính từ hai dòng báo cáo vì vậy có thể chỉ là mức tối thiểu. Cùng hướng dẫn còn nêu hai điểm: giao dịch tài chính không trực tiếp dùng tiền, như chuyển nợ vay thành vốn chủ sở hữu, không trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ; và thanh toán bù trừ cùng một đối tượng thì trình bày thuần nếu thuộc cùng một luồng tiền. Tâm An diễn giải: khi một ngân hàng cấp khoản mới rồi bù trừ ngay với khoản cũ của chính nó, có thể chỉ hiện phần chênh lệch. Văn bản đọc được không nêu riêng trường hợp này. Vì vậy cần đối chiếu số dư vay với bảng tăng giảm trong thuyết minh.

Gia hạn: dòng trên bảng đổi, tiền không đổi

Giả sử riêng ở mục này, X có tài sản ngắn hạn 900, nợ ngắn hạn ngoài vay 500, vay ngắn hạn 700 và vay dài hạn 500. Trong kỳ X thoả thuận kéo khoản vay 400 đang còn dưới 12 tháng sang kỳ hạn mới 36 tháng; không có đồng tiền nào vào hay ra. Vay ngắn hạn còn 300, vay dài hạn thành 900, tổng vẫn 1.200. Hệ số thanh toán hiện hành từ 900 / (700 + 500) = 0,75 lên 900 / (300 + 500) = **1,125**, dù tiền không tăng thêm đồng nào. Cải thiện này đến từ việc dời ngày phải trả; tốt hay xấu tuỳ điều khoản mới, bài không đánh giá.

Hai mô hình lý thuyết nói gì, và không nói gì

Hai mô hình lý thuyết, không hiệu chỉnh trên dữ liệu Việt Nam và không cho ngưỡng nào để đọc một doanh nghiệp.

- **Diamond (1991, *Quarterly Journal of Economics*).** Theo tóm tắt, người đi vay xếp hạng cao thích nợ ngắn hạn, người xếp hạng thấp hơn một chút thích nợ dài hạn, người thấp hơn nữa chỉ phát hành được nợ ngắn hạn; rủi ro thanh khoản là rủi ro mất phần lợi ích dự án mà người vay không chuyển nhượng được do chủ nợ có động cơ thanh lý quá mức. Nợ ngắn hạn vì vậy có thể là lựa chọn, cũng có thể là loại nợ duy nhất thị trường chịu cho vay.

- **He và Xiong (2012, *Journal of Finance*).** Mô hình về rủi ro đảo nợ từ xung đột lợi ích giữa chủ nợ và cổ đông khi nợ đáo hạn: thanh khoản thị trường nợ kém đi và kỳ hạn ngắn hơn có thể đẩy doanh nghiệp vào phá sản ngay khi giá trị nền tảng còn cao hơn. Tái cấp vốn phụ thuộc điều kiện thị trường, nằm ngoài báo cáo.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Phạm vi và kỳ:** hợp nhất hay riêng lẻ. Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99 với mã số chỉ tiêu đánh lại, nên ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã số.
2. **Hai dòng luồng tài chính** qua nhiều kỳ: tính vay ròng và hệ số đảo nợ, ghi rõ cách tính, rồi đối chiếu số dư vay với bảng tăng giảm trong thuyết minh.
3. **Nợ cũ được trả bằng gì:** dòng tiền sau đầu tư (xem dòng tiền tự do), tiền sẵn có hay khoản vay mới, đặt trong ba dòng tiền.
4. **So khoản mới với khoản cũ:** kỳ hạn, lãi suất, tài sản bảo đảm, nếu thuyết minh hay công bố khác nêu; ghép với nợ ròng so với dòng tiền kinh doanh và kỳ hạn nợ vay.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để tính vay mới, trả gốc, vay ròng và gợi ý mở thuyết minh về vay. Cách ghép nhiều cờ (tiền so với nợ đến hạn, bao phủ lãi vay, trái phiếu đến hạn, tài sản thế chấp, ý kiến kiểm toán) trong thiết kế của Tâm An chỉ là sàng lọc, trọng số đều nhau, chưa hiệu chỉnh trên dữ liệu vỡ nợ.

Điểm cần cẩn trọng

- Ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cấu trúc báo cáo và cách đo nợ riêng, bài không áp dụng.
- "Hệ số đảo nợ" là cách đo của Tâm An, không phải chỉ tiêu chuẩn. Công ty X và Y đã đơn giản hoá, các tình huống 720 và 400 là ví dụ riêng lẻ.
- Cách trình bày luồng tiền khi vay giải ngân thẳng cho chủ nợ cũ chưa có nguồn đọc được nêu riêng; hãy xem thuyết minh của từng báo cáo.

Đừng nói quá

- Không viết "vay mới trả nợ cũ là xấu" hay "không tái cấp vốn là an toàn": cùng hệ số 0,90 có thể là hạn mức quay vòng lành mạnh hoặc dòng tiền không đủ.
- Không dùng X và Y để suy ra một doanh nghiệp thật hay dự báo tái cấp vốn thành công hay thất bại. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Khi vay ròng gần 0 nhưng vay mới và trả gốc đều lớn, khi dòng tiền sau đầu tư âm kéo dài trong lúc tiền co lại, hoặc khi khoản mới ngắn hơn, lãi cao hơn và thêm tài sản bảo đảm, đó là tín hiệu để xem thêm thuyết minh và thông tin công bố, chưa phải bằng chứng về điều gì. Nguyên nhân hợp lý khác cũng cho

hình ảnh đó: hạn mức quay vòng theo mùa vụ, đổi khoản lãi cao lấy khoản lãi thấp, đầu tư mở rộng đang chờ thu tiền, hỗ trợ từ công ty mẹ hay thoả thuận gia hạn đã ký. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026), Phụ lục IV mục D, Công báo số 1581 + 1582 ngày 16/11/2025: nguyên tắc lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, hai dòng thu từ đi vay và trả nợ gốc vay, hướng dẫn thuyết minh. Phụ lục IV phần báo cáo tình hình tài chính, Công báo số 1579 + 1580: dòng vay ngắn hạn, dài hạn theo kỳ hạn còn lại. Thông tư 200/2014/TT-BTC: giai đoạn chuyển tiếp.
- Diamond, D. W. (1991), "Debt Maturity Structure and Liquidity Risk", *Quarterly Journal of Economics* 106(3): 709-737 (chỉ đọc tóm tắt).
- He, Z. và Xiong, W. (2012), "Rollover Risk and Credit Risk", *Journal of Finance* 67(2) (chỉ đọc tóm tắt bản NBER).
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python, ngày 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Ba dòng tiền kinh doanh, đầu tư, tài chính
- Dòng tiền tự do (Free Cash Flow)
- Nợ vay và nợ phải trả
- Nợ ròng và dòng tiền kinh doanh
- Kỳ hạn nợ vay

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Tái cấp vốn là dùng nguồn vốn mới, hoặc thoả thuận lại để kéo dài, nhằm thay thế nợ đến hạn; vay mới trả nợ cũ vì vậy không tự động là dấu hiệu xấu. Hai câu hỏi cần đặt ra là nợ cũ được trả bằng nguồn nào, và khoản mới tốt lên hay xấu đi về kỳ hạn, lãi suất, bảo đảm. Với công ty X và Y giả định, cùng dư nợ 1.200, cùng vay mới và trả gốc 1.080, hệ số đảo nợ cùng 0,90, nhưng dòng tiền sau đầu tư của X là 220 còn của Y là âm 45, tiền của Y co từ 150 xuống 105 và khoản mới của Y ngắn hơn, lãi cao hơn. Hệ số tính từ hai dòng báo cáo còn có thể chỉ là mức tối thiểu: nếu 720 vay hạn mức ngắn hạn được trình bày thuần, con số đọc được là 0,30 thay vì 0,90. Hệ số đảo nợ là cách đo của Tâm An, không phải chỉ tiêu chuẩn, và các tín hiệu chỉ là cớ để đọc thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/tai-cap-von-la-gi-vay-moi-tra-no-cu-co-dang-lo-khong

Thuyết minh báo cáo tài chính là gì và vì sao không nên chỉ đọc bảng cân đối và báo cáo kết quả kinh doanh?

Câu trả lời ngắn

Thuyết minh báo cáo tài chính là phần giải thích đi kèm ba báo cáo chính. Theo hướng dẫn lập của Thông tư 99/2025/TT-BTC, đây là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính, mô tả bằng lời hoặc phân tích chi tiết các số liệu trên ba báo cáo kia, cùng thông tin cần thiết khác theo chuẩn mực kế toán. Ba báo cáo chính (báo cáo tình hình tài chính, tên mới của bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; báo cáo lưu chuyển tiền tệ) chỉ cho số theo từng khoản mục. Thuyết minh cho biết số đó tính theo chính sách nào, gồm những gì, tài sản nào đang thế chấp, còn nghĩa vụ nào chưa nằm trên bảng. Vì vậy **chỉ đọc hai báo cáo đầu dễ bỏ sót phần giải thích chính các con số**. Thuyết minh vẫn do doanh nghiệp lập, nên nó mở ra câu hỏi, chưa phải kết luận.



Bốn phần của bộ báo cáo tài chính năm: ba báo cáo cho số theo khoản mục, thuyết minh giải thích số và bổ sung thông tin

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Thuyết minh nằm ở đâu trong bộ báo cáo

Điều 17 của Thông tư 99 nêu hệ thống báo cáo tài chính gồm bốn thành phần. Báo cáo năm của doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục gồm mẫu B01-DN, B02-DN, B03-DN và **Bản thuyết minh, mẫu B09-DN**. Báo cáo giữa niên độ (quý, bán niên) kèm bản thuyết minh **chọn lọc** (mẫu B09a-DN), lập theo Chuẩn mực kế toán số 27; vì vậy thuyết minh quý thường ngắn hơn thuyết minh năm.

Ba báo cáo chính nối với thuyết minh bằng một cột. Mẫu báo cáo tình hình tài chính có cột "Thuyết minh" cạnh cột "Mã số", và hướng dẫn lập nêu rằng mỗi khoản mục cần được đánh dấu dẫn tới thông tin liên quan trong bản thuyết minh. Gặp một dòng lớn, hãy nhìn cột đó để biết nên mở mục nào.

Với công ty đại chúng, Thông tư 96/2020/TT-BTC (Điều 10 khoản 1 điểm a) yêu cầu báo cáo tài chính năm công bố phải gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục và thuyết minh. Thuyết minh vì vậy là một phần của bộ báo cáo được công bố, không phải tài liệu đọc thêm.

Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200/2014/TT-BTC; Thông tư 99 áp dụng từ năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau 01/01/2026. Bài mô tả mẫu của Thông tư 99, chưa đối chiếu từng mục với mẫu cũ.

Thuyết minh làm ba việc

Hướng dẫn lập của Thông tư 99 nêu ba nhóm nội dung:

1. **Cơ sở lập báo cáo và chính sách kế toán cụ thể** được chọn cho các giao dịch, sự kiện quan trọng. Ví dụ cách khấu hao tài sản cố định hay tính giá hàng tồn kho.
2. **Thông tin mà chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu nhưng chưa nằm trên các báo cáo khác.** Ví dụ tài sản dùng để thế chấp, cầm cố, hay các khoản nợ tiềm tàng và cam kết.
3. **Thông tin bổ sung** chưa có trên các báo cáo khác nhưng cần để trình bày trung thực, hợp lý tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Một con số trên báo cáo chỉ có nghĩa khi biết nó được tính theo chính sách nào và gắn với ràng buộc nào.

Bản đồ mẫu thuyết minh theo Thông tư 99

Bảng tóm tắt mẫu B09-DN của Thông tư 99. Đây là mẫu hướng dẫn; báo cáo thật có thể sắp xếp và đánh số khác.

Phần của mẫu	Có gì	Câu hỏi nên đặt
Đặc điểm hoạt động	Hình thức sở hữu vốn, ngành nghề, chu kỳ kinh doanh, công ty con, liên kết, đơn vị trực thuộc, khả năng so sánh	Báo cáo gộp những đơn vị nào?
Kỳ kế toán, chuẩn mực và chế độ	Kỳ năm, đồng tiền, chế độ kế toán, tuyên bố tuân thủ	Lập theo chế độ nào?
Chính sách kế toán (29 mục trong mẫu)	Phải thu, hàng tồn kho, khấu hao, vay, chi phí đi vay, doanh thu	Số được tính ra thế nào?
Thông tin bổ sung cho báo cáo tình hình tài chính (32 mục)	Chi tiết từng khoản mục, tài sản thế chấp, tài sản nhận giữ hộ	Khoản mục gồm gì, ràng buộc nào?
Thông tin bổ sung cho báo cáo kết quả kinh doanh (11 mục)	Doanh thu, giá vốn, chi phí tài chính, chi phí theo yếu tố, thuế	Lãi đến từ đâu?
Thông tin bổ sung cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ (5 mục)	Tiền bị hạn chế, giao dịch không bằng tiền, vay và trả gốc	Luồng tiền nào không hiện?
Những thông tin khác	Nợ tiềm tàng, cam kết, sự kiện sau ngày kết thúc kỳ, bên liên quan, giả định và ước tính quan trọng	Còn gì ngoài bảng?

Điều 18 của Thông tư 99 cho phép doanh nghiệp bổ sung chỉ tiêu cho phù hợp đặc điểm hoạt động, kèm yêu cầu thuyết minh nội dung đã bổ sung.

Ví dụ minh hoạ: hai công ty giả định có ba báo cáo giống nhau

Hai công ty giả định X và Y, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính cộng đúng, không phải số liệu thật. Ở ba báo cáo chính cả hai giống hệt nhau:

- **Báo cáo tình hình tài chính:** tổng tài sản 2.000 (ngắn hạn 900, dài hạn 1.100, trong đó tài sản cố định hữu hình 1.000); nợ phải trả 1.100 (ngắn hạn 750, dài hạn 350); vốn chủ sở hữu 900. Kiểm: 900 + 1.100 = 2.000 = 1.100 + 900.
- **Báo cáo kết quả kinh doanh:** doanh thu thuần 1.500, lợi nhuận trước thuế 200, thuế 20% là 40, lợi nhuận sau thuế 160.

Chỉ xem hai báo cáo này, hai công ty như nhau; thuyết minh khác ở bốn chỗ:

Mục thuyết minh (số giả định)	Công ty X	Công ty Y
Khấu hao cụm dây chuyền nguyên giá 1.000 (đường thẳng, không giá trị thanh lý)	10 năm, 100 mỗi năm	5 năm, 200 mỗi năm
Tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp khoản vay (trên giá trị còn lại 1.000)	200, tức 20%	800, tức 80%
Bảo lãnh khoản vay cho một bên khác	Không có	400, tức 20% tổng tài sản
Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ	Không có	Ký thoả thuận kéo khoản vay ngắn hạn 300 thành 24 tháng



Công ty X và Y giả định có cùng số liệu ở ba báo cáo chính nhưng thuyết minh khác ở bốn điểm: khấu hao, thế chấp, bảo lãnh, sự kiện sau ngày kết thúc kỳ

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Khấu hao (mục chính sách kế toán). Cả hai báo lãi trước thuế 200, nhưng Y đã trừ khấu hao 200 cho cụm dây chuyền còn X trừ 100. Tính lại đơn giản, giữ nguyên mọi khoản khác và bỏ qua thuế hoãn lại: nếu Y dùng 10 năm như X, chi phí giảm 100, lãi trước thuế thành 300 và lãi sau thuế 20% thành 240 thay vì 160; nếu X dùng 5 năm như Y, lãi trước thuế còn 100 và lãi sau thuế còn 80. Cùng lãi 200 nhưng không cùng thước đo. Thời gian khấu hao là ước tính: 5 năm có thể do thiết bị lạc hậu nhanh, 10 năm có thể do thiết bị bền; bảng không cho biết bên nào hợp lý hơn.



Cùng lãi trước thuế 200, nhưng khấu hao 10 năm hay 5 năm: tính lại cho thấy lãi 300 hoặc 100

Số liệu giả định, tính đơn giản, bỏ qua thuế hoãn lại.

Thế chấp (mục tài sản cố định hữu hình). Mẫu yêu cầu thuyết minh giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm khoản vay. Y có 800 trên 1.000 đang thế chấp, X có 200. Câu hỏi không phải "Y xấu hơn" mà là còn bao nhiêu tài sản chưa thế chấp nếu cần vay thêm.

Bảo lãnh (mục nợ tiềm tàng và cam kết). Khoản bảo lãnh 400 không nằm trong nợ phải trả 1.100 vì chưa phát sinh nghĩa vụ trả. Nó chỉ lộ ra ở thuyết minh. Con số này bằng 20% tổng tài sản, khoảng 44% vốn chủ sở hữu. Nếu bên được bảo lãnh trả đúng hạn, nghĩa vụ không phát sinh; thuyết minh cho biết nó tồn tại, không cho biết nó có xảy ra hay không. Theo cách hiểu thông dụng, bảo lãnh thường xếp vào nợ tiềm tàng hoặc cam kết; cách xếp cụ thể tuỳ từng báo cáo.

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ. Điều 20 của Thông tư 99 (khoản 4 điểm b) nêu: với khoản nợ ngắn hạn, thoả thuận gia hạn thành dài hạn xảy ra từ sau ngày kết thúc kỳ đến ngày phát hành báo cáo là sự kiện phát sinh sau không cần điều chỉnh, và doanh nghiệp thuyết minh sự kiện đó. Vì vậy báo cáo của Y vẫn xếp 300 vào vay ngắn hạn: hệ số thanh toán hiện hành là 900 / 750 = **1,20**; nếu coi 300 đã là nợ dài hạn, hệ số là 900 / 450 = **2,00** (cách tính của Tâm An, không phải số trên báo cáo). Chỉ thuyết minh cho thấy khoảng cách này.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Phạm vi và mẫu:** hợp nhất hay riêng lẻ, năm hay quý, chế độ kế toán áp dụng. Ghép hai kỳ theo tên chỉ tiêu, không theo mã số, vì mã số đã đánh lại từ năm tài chính 2026.
2. **Theo cột "Thuyết minh":** từ ba khoản mục lớn nhất, mở mục tương ứng và kiểm tổng chi tiết có bằng số trên báo cáo không.
3. **Chính sách kế toán** của các khoản mục lớn, và mọi thay đổi chính sách hay ước tính so với năm trước.
4. **Phần ngoài bảng:** tài sản thế chấp, nợ tiềm tàng, cam kết, sự kiện sau ngày kết thúc kỳ.

5. **Ghi lại câu hỏi** thay vì kết luận, rồi đi tiếp theo thứ tự đọc thuyết minh, phần giao dịch với bên liên quan và báo cáo kiểm toán.

Ba báo cáo chính nối nhau thế nào có ở bài ba báo cáo nối với nhau; bảng vay trong thuyết minh có ở bài nợ vay và nợ phải trả.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để gợi ý mục thuyết minh nên mở (thế chấp, vay, cam kết, sự kiện sau ngày kết thúc kỳ). Đó chỉ là công cụ sàng lọc.

Điểm cần cẩn trọng

- **Thuyết minh do doanh nghiệp lập.** Mức chi tiết tuỳ từng báo cáo; doanh nghiệp được chủ động sắp xếp số thứ tự, nên số mục trong báo cáo thật có thể khác con số 29 và 32 của mẫu.
- **Dài không có nghĩa là tốt.** Thuyết minh nhiều trang vẫn có thể thiếu đúng điều bạn cần.
- **Phạm vi bài.** Ngân hàng và tổ chức tín dụng theo hướng dẫn riêng của Ngân hàng Nhà nước; chứng khoán, bảo hiểm và chế độ khác có thể có mẫu khác. Bài chủ yếu cho doanh nghiệp phi tài chính.
- **Công ty X và Y đã đơn giản hoá;** bảo lãnh, thế chấp hay thoả thuận gia hạn ngoài đời có nhiều điều kiện đi kèm.

Đừng nói quá

- Không viết "thuyết minh là nơi chứa sự thật" hay "đọc thuyết minh là đủ": cần đọc cùng ba báo cáo và thông tin công bố khác.
- Không dùng X và Y để suy ra doanh nghiệp thật; khấu hao 5 năm hay 10 năm không có đáp án đúng chung cho mọi tài sản. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Khi thuyết minh cho thấy phần lớn tài sản đang thế chấp, bảo lãnh lớn so với vốn chủ, chính sách khấu hao khác hẳn nhau hay có thoả thuận kéo nợ sau ngày kết thúc kỳ, đó là cớ để đọc kỹ thêm, chưa phải bằng chứng về điều gì. Nguyên nhân hợp lý khác cũng cho hình ảnh đó: thế chấp để có lãi suất thấp, bảo lãnh trong nhóm công ty có kiểm soát rủi ro, thiết bị lạc hậu nhanh, hay gia hạn là bước đã dự tính. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (ban hành 27/10/2025, hiệu lực 01/01/2026, áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày đó), đọc nguyên văn PDF Công báo số 1563 + 1564 (Điều 17, 18, 20), số 1577 + 1578 (mẫu B09-DN) và số 1581 + 1582 (Phụ lục IV, hướng dẫn lập và trình bày thuyết minh): hệ thống báo cáo, bốn thành phần, nội dung và cấu trúc bản thuyết minh.

- Thông tư 96/2020/TT-BTC, Điều 10 khoản 1: đọc từ bản sao toàn văn, hiệu lực hiện hành cần đối chiếu bản mới nhất.
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 và số 27: chỉ qua các điều khoản viện dẫn trong Thông tư 99, chưa đọc nguyên văn quyết định ban hành.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python, ngày 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (bài trụ cột)
- Ba báo cáo tài chính nối với nhau như thế nào?
- Đọc thuyết minh theo thứ tự nào?
- Giao dịch với bên liên quan
- Báo cáo kiểm toán gồm những phần nào?
- Nợ vay và nợ phải trả

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Thuyết minh là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính: nêu chính sách kế toán đã chọn, chi tiết các số trên ba báo cáo chính và những thông tin chưa có ở đó, như tài sản thế chấp, nợ tiềm tàng, cam kết, sự kiện sau ngày kết thúc kỳ. Với công ty X và Y giả định, cùng tổng tài sản 2.000, cùng lãi trước thuế 200, thuyết minh cho thấy khấu hao 10 năm so với 5 năm (nếu Y theo 10 năm thì lãi trước thuế là 300), tài sản thế chấp 20% so với 80%, bảo lãnh 400 và khoản vay ngắn hạn 300 vừa được kéo thành 24 tháng sau ngày kết thúc kỳ (hệ số hiện hành 1,20 trên báo cáo, 2,00 nếu coi 300 là nợ dài hạn). Thuyết minh vẫn do doanh nghiệp lập, nên các tín hiệu chỉ là cớ để đọc kỹ thêm, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/thuyet-minh-bao-cao-tai-chinh-la-gi

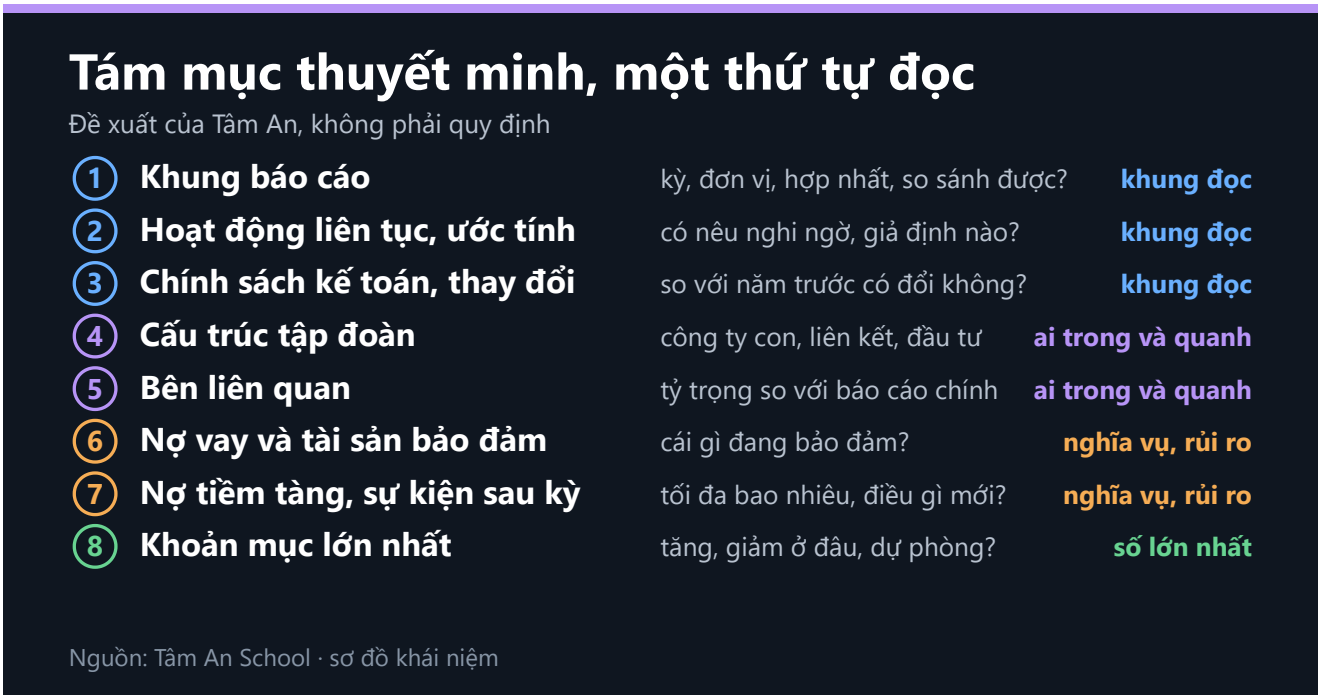
Đọc thuyết minh báo cáo tài chính theo thứ tự nào? Tám mục nên ưu tiên trước

Câu trả lời ngắn

Không có thứ tự đọc nào do quy định bắt buộc. Theo hướng dẫn của Thông tư 99, doanh nghiệp được chủ động sắp xếp các phần trong thuyết minh, nên trang đầu chưa chắc là phần quan trọng nhất. Tâm An đề xuất đọc **tám mục theo bốn nhóm**, từ những điều quyết định cách hiểu mọi con số đến những chi tiết cần nhiều thời gian hơn:

1. Khung báo cáo: kỳ, đơn vị, hợp nhất hay riêng lẻ, chuẩn mực, khả năng so sánh.
2. Hoạt động liên tục cùng các giả định và ước tính quan trọng.
3. Chính sách kế toán chủ chốt và mọi thay đổi.
4. Cấu trúc tập đoàn.
5. Bên liên quan.
6. Nợ vay, trái phiếu và tài sản bảo đảm.
7. Nợ tiềm tàng, cam kết và sự kiện sau ngày kết thúc kỳ.
8. Chi tiết và biến động của các khoản mục lớn nhất.

Đây là trình tự của người soạn, **không phải quy định**; mỗi mục chỉ là một câu hỏi để tìm hiểu thêm, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.



Tám mục thuyết minh nên đọc theo bốn nhóm: khung đọc, ai ở trong và quanh doanh nghiệp, nghĩa vụ và rủi ro, các khoản mục lớn

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Vì sao cần một thứ tự

Bài Thuyết minh báo cáo tài chính là gì nói thuyết minh là gì; bài này chỉ trả lời câu hỏi kế tiếp: mở ra rồi thì đọc gì trước.

- **Thuyết minh dài.** Theo mẫu B09-DN kèm Thông tư 99/2025/TT-BTC, phần chính sách kế toán có 29 nhóm, phần bổ sung cho báo cáo tình hình tài chính có 32 khoản mục.
- **Thứ tự trang không phải thứ tự rủi ro.** Doanh nghiệp được tự sắp xếp số thứ tự, miễn là mỗi khoản mục trên báo cáo chính được đánh dấu dẫn tới thông tin liên quan.
- **Thông tin nằm rải rác.** Số liệu bên liên quan vừa có mục riêng, vừa nằm ở bảng phải thu, bảng vay, bảng phải trả; đọc theo chủ đề mới gom được.

Hai lưu ý. Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99 với mã số chỉ tiêu đánh lại, nên ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã số. Và mẫu này dành cho doanh nghiệp thông thường; ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cấu trúc báo cáo riêng.



Bản đồ mẫu thuyết minh B09-DN theo Thông tư 99 và vị trí của tám mục ưu tiên

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, dựng từ đề mục của mẫu B09-DN; tên mục rút gọn.

Tám mục theo thứ tự đề xuất

Nhóm A: khung đọc (mục 1 đến 3).

1. Khung báo cáo. Phần đầu của mẫu nêu kỳ kế toán, đơn vị tiền, chế độ kế toán và tuyên bố tuân thủ chuẩn mực, tuyên bố về khả năng so sánh. Hỏi: hợp nhất hay riêng lẻ (công ty mẹ phải công bố cả hai theo Thông tư 96/2020, Điều 10); đơn vị là triệu hay tỷ đồng; có chuẩn mực nào không áp dụng và đã ghi rõ chưa; số đầu năm có bị điều chỉnh hay tái phân loại không. Khi hồi tố, hướng dẫn yêu cầu điều chỉnh số so sánh và giải trình; tỷ lệ tăng giảm phải tính trên số đã đổi.

2. Hoạt động liên tục, giả định và ước tính quan trọng. Mẫu yêu cầu: nếu Ban giám đốc xác định có sự kiện hoặc điều kiện có thể gây nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục, phải mô tả chúng cùng kế hoạch xử lý. Mẫu cũng có mục về giả định và ước tính quan trọng. Thông tư 99 còn có bộ mẫu riêng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Đọc sớm vì nếu giả định này không còn thì mọi số khác phải đọc theo cách khác. Đối chiếu với báo cáo kiểm toán (bốn loại ý kiến kiểm toán). Nếu không thấy nêu gì, hãy ghi lại là "không nêu".

3. Chính sách kế toán chủ chốt và thay đổi. Trong 29 nhóm chính sách, đọc trước các nhóm nhạy với lợi nhuận: doanh thu, hàng tồn kho, khấu hao, dự phòng phải thu và phải trả, thuế hoãn lại, vốn hoá chi phí đi vay (bài vốn hoá chi phí lãi vay). Trang công khai của CFA Institute về chất lượng báo cáo cũng nêu loại lựa chọn này: cách tính chi phí tồn kho, ước tính phải thu khó thu hồi, thời gian sử dụng hữu ích. Hỏi: so với năm trước có đổi không, vì sao, ảnh hưởng lợi nhuận bao nhiêu.

Nhóm B: ai ở trong và quanh doanh nghiệp (mục 4, 5).

4. Cấu trúc tập đoàn. Phần đặc điểm hoạt động liệt kê công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc, kèm tỷ lệ vốn góp và quyền biểu quyết. Bảng đầu tư tài chính cho giá gốc, giá trị có thể thu hồi hoặc hợp lý và dự phòng, kèm tóm tắt hoạt động và giao dịch trọng yếu với các công ty này. Hỏi: phạm vi hợp nhất có đổi không, khoản đầu tư lớn nhất nằm ở đâu, dự phòng đã lập chưa.

5. Bên liên quan. Mẫu có phần riêng cho bên liên quan, nhưng số liệu còn rải rác: phải thu khách hàng là bên liên quan, vay từ bên liên quan (kể cả khoản quá hạn chưa thanh toán), phải trả người bán và doanh thu liên quan. Hỏi: tỷ trọng so với doanh thu, phải thu, dư nợ vay; đối tác có tập trung không. Cách đọc kỹ hơn ở bài giao dịch với bên liên quan.

Nhóm C: nghĩa vụ và rủi ro (mục 6, 7).

6. Nợ vay, trái phiếu và tài sản bảo đảm. Cách đọc bảng vay đã có ở bài nợ vay và nợ phải trả; ở bước này chỉ hỏi thêm cái gì đang bảo đảm. Mẫu có phần các khoản ngoài báo cáo tình hình tài chính, trong đó phải thuyết minh tài sản dùng để cầm cố, thế chấp; bảng hàng tồn kho nêu giá trị hàng dùng để thế chấp. Mẫu cũng yêu cầu nêu các khoản tiền lớn giữ nhưng không được sử dụng. Hỏi: tài sản bảo đảm chiếm bao nhiêu phần tài sản, có khoản tiền nào "không tiêu được" không.

7. Nợ tiềm tàng, cam kết, sự kiện sau ngày kết thúc kỳ. Phần "Những thông tin khác" nêu các khoản nợ tiềm tàng, cam kết và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: điều chưa nằm trong số cuối kỳ hoặc vừa xảy ra ngay sau đó. Hỏi: số tiền tối đa có thể phải trả so với vốn chủ sở hữu, đã trích lập dự phòng chưa (đối chiếu bảng dự phòng phải trả), vụ việc ở giai đoạn nào, sự kiện sau kỳ, như một khoản vay mới, có đổi bức tranh không.

Nhóm D: số lớn nhất (mục 8).

8. Chi tiết và biến động của các khoản mục lớn nhất. Chọn ba khoản mục lớn nhất trên báo cáo tình hình tài chính, thường là phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang hoặc đầu tư tài chính, rồi đọc bảng chi tiết và bảng tăng giảm. Nhiều bảng trong mẫu yêu cầu chi tiết riêng từng đối tượng hoặc công trình chiếm từ 10% trên tổng. Mốc 10% chỉ là cách mẫu chọn khoản trình bày riêng, không phải ngưỡng cảnh báo.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Công ty X giả định, báo cáo hợp nhất, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt và đã kiểm tính. Báo cáo chính: doanh thu thuần 1.200; lợi nhuận sau thuế 96; tổng tài sản 2.000; vốn chủ sở hữu 800; vay 700; phải thu khách hàng 260; xây dựng cơ bản dở dang cuối năm 220. Các trích đoạn thuyết minh dưới đây cũng là giả định.

Mục	Trích đoạn thuyết minh (giả định)	Cách đo	Kết quả
1. Khung	Số đầu năm tái phân loại 90	90 / tổng tài sản 2.000	4,5%
2. Liên tục	Không nêu nghi ngờ; ước tính: thu hồi 220 xây dựng cơ bản dở dang qua khai thác	Ghi lại giả định	Đối chiếu mục 8
3. Chính sách	Khấu hao nhà máy nguyên giá 600 từ 8 lên 10 năm (thuế suất giả định 20%)	Khấu hao 75 còn 60, lãi sau thuế tăng 12; 12 / 96	12,5%
4. Cấu trúc	Đầu tư vào công ty liên kết 150	150 / 2.000	7,5%
5. Bên liên quan	Bán cho họ 180; phải thu 60; vay 100	180 / 1.200; 60 / 260; 100 / 700	15,0%; 23,1%; 14,3%
6. Vay, bảo đảm	Tài sản thế chấp 640	640 / 2.000	32,0%
7. Tiềm tàng, sau kỳ	Bảo lãnh 120, vụ kiện 50; sau 31/12 ký vay mới 300	170 / vốn chủ 800; 300 / vay 700	21,3%; 42,9%
8. Khoản mục lớn	Xây dựng cơ bản dở dang 140 lên 220; công trình lớn nhất 130	80 / 140; 130 / 220	+57,1%; 59,1%

Kiểm tính: 75 - 60 = 15, nhân (1 - 20%) được 12; 120 + 50 = 170.



Công ty X giả định: tám mục thuyết minh chuyển thành tỷ trọng so với số trên báo cáo chính

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Điều đáng chú ý nằm ở thứ tự ghép các mục. Mở ngay mục 8, người đọc thấy xây dựng cơ bản dở dang tăng 57,1% rồi dừng. Đọc theo thứ tự, mục 2 cho biết Ban giám đốc giả định 220 này sẽ thu hồi qua khai thác, mục 6 cho biết 640 tài sản đang thế chấp, mục 7 cho biết sau kỳ công ty ký thêm khoản vay 300, bằng 42,9% dư nợ hiện có. Ghép lại thành câu hỏi: công trình lớn nhất 130 được tài trợ bằng nguồn nào, bao giờ có tiền? Câu trả lời nằm ngoài ba mục đó.

Ví dụ thứ hai ở mục 3. Nếu giữ thời gian khấu hao cũ, lợi nhuận sau thuế của X là 96 - 12 = 84; khoảng chênh 12 đến từ một thay đổi ước tính chứ không từ bán hàng. Lý do đổi phải đọc ở chính thuyết minh. Bảng không cho biết X tốt hay xấu; nó chỉ cho thấy mỗi mục có thể đổi thành một câu hỏi có con số.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Chuẩn bị:** xác định hợp nhất hay riêng lẻ, kỳ nào, thông tư nào.
2. **Đánh dấu tám mục** trong tệp thuyết minh và ghi số trang.
3. **Mỗi mục ghi một con số và chia cho một số trên báo cáo chính** (doanh thu, tổng tài sản, vốn chủ sở hữu, dư nợ vay), ghi rõ cách tính. Đây là cách đo để ghi chú, không phải chỉ tiêu chuẩn.
4. **Lặp lại với kỳ trước** bằng cột đầu năm hoặc thuyết minh năm trước.
5. **Liệt kê câu hỏi chưa có lời đáp** để tìm ở thông tin công bố khác; chưa kết luận khi thiếu hồ sơ.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng thứ tự này ở trục phân tích theo mã để gợi ý mở đúng mục thuyết minh. Theo thiết kế câu hỏi khó về thuyết minh, một số bảng (bên liên quan, nợ tiềm tàng, sự kiện sau kỳ) vẫn cần bóc tách từ văn bản; mức hoàn thành thực tế chưa kiểm.

Điểm cần cẩn trọng

- Thứ tự tám mục là đề xuất của Tâm An; người khác có thể xếp khác, ngành khác có thuyết minh rất khác.
- Báo cáo giữa niên độ dùng thuyết minh chọn lọc, nên nhiều mục có thể vắng hoặc ngắn hơn báo cáo năm; mức chi tiết thực tế mỗi báo cáo mỗi khác.
- Các tỷ lệ trong ví dụ là cách đo minh hoạ của Tâm An, không có ngưỡng tốt hay xấu. Bài chỉ dùng tên mục theo mẫu của Thông tư 99, không so số mục với mẫu của Thông tư 200.

Đừng nói quá

- Không viết "có giao dịch với bên liên quan là xấu" hay "không có nợ tiềm tàng là an toàn": thuyết minh chỉ cho biết điều doanh nghiệp đã công bố.
- Không dùng công ty X để suy ra doanh nghiệp thật. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Khi tỷ trọng giao dịch với bên liên quan lớn, khi một thay đổi ước tính làm lợi nhuận tăng, khi tài sản thế chấp chiếm phần lớn tài sản, hay khi sau kỳ có khoản vay mới lớn, đó là tín hiệu để xem thêm, chưa phải bằng chứng về điều gì. Nguyên nhân hợp lý khác cũng cho hình ảnh đó: đặc thù ngành khiến giao dịch diễn ra trong nhóm công ty, đổi ước tính sau nâng cấp tài sản, vay mới thay khoản cũ lãi cao hơn. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026): mẫu B09-DN (Công báo số 1577 + 1578), hướng dẫn lập thuyết minh Phụ lục IV mục E (Công báo số 1581 + 1582) và mẫu B09-DNKLT (Công báo số 1579 + 1580), đọc nguyên văn PDF ngày 17/10/2026. Thông tư 200/2014/TT-BTC: giai đoạn chuyển tiếp.
- Thông tư 96/2020/TT-BTC Điều 10 khoản 1 (bản sao toàn văn).
- CFA Institute, Financial Reporting Quality (giáo trình 2026), chỉ trang công khai.
- Trình tự tám mục: đề xuất của Tâm An. Số liệu ví dụ: tự đặt, tự tính lại bằng Python ngày 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Thuyết minh báo cáo tài chính là gì
- Giao dịch với bên liên quan
- Bốn loại ý kiến kiểm toán
- Nợ vay và nợ phải trả
- Vốn hoá chi phí lãi vay

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Không quy định nào bắt buộc một thứ tự đọc thuyết minh, và doanh nghiệp được tự sắp xếp thứ tự các phần. Tâm An đề xuất tám mục theo bốn nhóm: khung báo cáo; hoạt động liên tục cùng giả định, ước tính; chính sách kế toán chủ chốt; cấu trúc tập đoàn; bên liên quan; nợ vay và tài sản bảo đảm; nợ tiềm tàng, cam kết, sự kiện sau ngày kết thúc kỳ; rồi chi tiết các khoản mục lớn. Với công ty X giả định, mỗi mục đổi thành một tỷ trọng so với báo cáo chính: ước tính khấu hao mới chiếm 12,5% lợi nhuận sau thuế, giao dịch bán cho bên liên quan 15,0% doanh thu, tài sản thế chấp 32,0% tổng tài sản, khoản vay mới sau ngày kết thúc kỳ 42,9% dư nợ vay. Thứ tự này là đề xuất, các tỷ lệ là cách đo minh hoạ không có ngưỡng, và tất cả chỉ là câu hỏi để tìm hiểu thêm, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/doc-thuyet-minh-bao-cao-tai-chinh-theo-thu-tu-nao

Giao dịch với bên liên quan là gì? Ai được coi là bên liên quan và nên đọc phần này thế nào?

Câu trả lời ngắn

Bên liên quan là hai bên mà một bên có khả năng kiểm soát bên kia, hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định chính sách tài chính và hoạt động. Đó là cách Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 (VAS 26) định nghĩa. **Giao dịch với bên liên quan** là việc chuyển giao nguồn lực hay nghĩa vụ giữa các bên đó, không xét có tính giá hay không. Chuẩn mực liệt kê năm nhóm: mẹ, con và cùng tập đoàn; công ty liên kết; cá nhân có quyền biểu quyết đáng kể cùng người thân mật thiết; nhân sự quản lý chủ chốt cùng người thân mật thiết; doanh nghiệp do các cá nhân đó nắm phần quan trọng quyền biểu quyết. Chuẩn mực coi quan hệ này là đặc điểm bình thường của kinh doanh, nên **giao dịch với bên liên quan không tự nó là dấu hiệu sai**. Phần đáng đọc là: ai, giao dịch gì, bao nhiêu so với quy mô, giá ra sao, số dư còn lại bao nhiêu.



Năm nhóm được coi là bên liên quan theo VAS 26: mẹ con cùng tập đoàn, công ty liên kết, cá nhân có quyền biểu quyết đáng kể, quản lý chủ chốt, doanh nghiệp do các cá nhân đó nắm quyền biểu quyết

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Ai được coi là bên liên quan

Đoạn 03 của VAS 26 nêu năm trường hợp:

- **Mẹ, con, cùng tập đoàn:** doanh nghiệp kiểm soát hoặc bị kiểm soát, trực tiếp hay gián tiếp, hoặc cùng chịu một quyền kiểm soát chung với doanh nghiệp báo cáo.
- **Công ty liên kết**, hiểu theo VAS 07.

- **Cá nhân có quyền biểu quyết** đủ để ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp, kể cả thành viên mật thiết trong gia đình: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột.
- **Nhân viên quản lý chủ chốt**, có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý, kiểm soát hoạt động, kể cả thành viên mật thiết trong gia đình của họ.
- **Doanh nghiệp do các cá nhân ở hai nhóm trên nắm phần quan trọng quyền biểu quyết**, gồm doanh nghiệp của người lãnh đạo, cổ đông chính và doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với doanh nghiệp báo cáo.

Đoạn 05 giải thích hai từ then chốt. **Kiểm soát** là sở hữu, trực tiếp hay gián tiếp, hơn nửa quyền biểu quyết, hoặc có vai trò đáng kể trong quyền quyết định chính sách theo luật hay thoả thuận. **Ảnh hưởng đáng kể** là quyền tham gia quyết định chính sách nhưng không kiểm soát, ví dụ qua đại diện trong hội đồng quản trị hay tham gia lập chính sách. Đoạn 03 dặn xét **bản chất** quan hệ, không chỉ hình thức.

Đoạn 06 không coi là bên liên quan: hai công ty chỉ có chung giám đốc (trừ hai trường hợp quản lý chủ chốt và doanh nghiệp của cá nhân nói trên); tổ chức, cá nhân cung cấp tài chính, đoàn thể, cơ quan nhà nước trong quan hệ thông thường; khách hàng, nhà cung cấp, nhà phân phối hay đại lý giao dịch khối lượng lớn, dù dẫn đến phụ thuộc kinh tế. Khách hàng lớn là rủi ro tập trung, chưa tự là bên liên quan.

Phải thuyết minh những gì

Đoạn 18 đến 25 của VAS 26 tóm lại thành năm ý:

1. **Quan hệ kiểm soát phải nêu dù không có giao dịch** (đoạn 20, 21).
2. **Khi có giao dịch**, nêu bản chất quan hệ, loại giao dịch và các yếu tố (đoạn 22): khối lượng bằng giá trị hoặc tỷ lệ, giá trị hoặc tỷ lệ các khoản chưa thanh toán, chính sách giá (đoạn 23).
3. **Các loại giao dịch chủ yếu** (đoạn 19): mua bán hàng và tài sản, dịch vụ, đại lý, thuê tài sản, cho vay và góp vốn, bảo lãnh và thế chấp, hợp đồng quản lý. Đoạn 18 nhấn mạnh tiền lương và tiền vay của người lãnh đạo.
4. **Được gộp** khoản cùng bản chất, trừ khi cần tách để hiểu ảnh hưởng (đoạn 24).
5. **Có ngoại lệ** (đoạn 04, 25): không phải trình bày giao dịch nội bộ tập đoàn trong báo cáo hợp nhất, trong báo cáo công ty mẹ lập cùng báo cáo hợp nhất, hay trong báo cáo công ty con do mẹ sở hữu toàn bộ nếu mẹ cũng lập ở Việt Nam và công bố báo cáo hợp nhất tại Việt Nam. Giao dịch với công ty liên kết, hạch toán theo vốn chủ sở hữu nên không bị loại trừ, vẫn trình bày riêng.

Vì sao đáng đọc: bên liên quan có thể làm giao dịch mà bên độc lập không làm, và giá có thể khác (đoạn 08, 11); chuẩn mực nêu ba cách xác định giá (đoạn 12) và nhắc có giao dịch không có giá, như cho vay không lãi (đoạn 16). Giới hạn: ảnh hưởng của quan hệ mà không dẫn đến giao dịch thì không yêu cầu trình bày (đoạn 10).

Dấu vết trong mẫu thuyết minh theo Thông tư 99

Theo Thông tư 99, bản thuyết minh là bộ phận không thể tách rời của báo cáo, phân tích chi tiết các số trên ba báo cáo chính. Mẫu thuyết minh năm có nhiều dòng riêng cho bên liên quan, rải trong các khoản mục:

- phải thu của khách hàng và phải trả người bán là các bên liên quan, chi tiết từng đối tượng;

- các khoản vay từ bên liên quan, kể cả vay đã quá hạn nhưng chưa thanh toán;
- trái phiếu, kể cả trái phiếu chuyển đổi, do bên liên quan nắm giữ;
- doanh thu từ các bên liên quan, chi tiết từng đối tượng.

Cuối mẫu, trong phần "Những thông tin khác", có một mục riêng: **thông tin về các bên liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên)**. Vậy cần đọc cả hai nơi: các dòng theo khoản mục và mục tổng hợp ở cuối. Mẫu chỉ nêu tiêu đề; nội dung chi tiết do chuẩn mực quy định. Doanh nghiệp được chủ động sắp xếp số thứ tự thuyết minh, nên tìm theo tên, không theo số. Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99, mã số chỉ tiêu đánh lại; bài chưa đối chiếu mẫu thuyết minh Thông tư 200.

Ví dụ minh hoạ: bảng thuyết minh giả định của công ty X

Công ty X giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, đã kiểm tính lại, không phải số liệu thật: doanh thu 2.000, giá vốn 1.500, lợi nhuận sau thuế 160, tổng tài sản 3.000, vốn chủ sở hữu 1.200. Trích đoạn thuyết minh giả định:

Bên liên quan (giả định)	Quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Số dư cuối năm	Chính sách giá
Công ty A	Công ty mẹ	Mua hàng	400	Phải trả 50	Giá thị trường
Công ty A	Công ty mẹ	Vay	không thêm	Dư nợ 500	Lãi 8,0%/năm, lãi 40
Công ty B	Công ty liên kết	Bán hàng	300	Phải thu 120	Giá thị trường
Công ty B	Công ty liên kết	Cho vay	không thêm	Dư nợ 60	Không tính lãi
Công ty C	Do thành viên hội đồng quản trị sở hữu	Thuê nhà xưởng	24	không có	Không nêu
Ban điều hành	Quản lý chủ chốt	Thù lao	18	không có	Theo hợp đồng lao động

Công ty X giả định: sáu dòng với bên liên quan

tỷ đồng · doanh thu 2.000 · giá vốn 1.500 · tổng tài sản 3.000

Bên liên quan	Giao dịch	Năm nay	Số dư cuối năm	Chính sách giá
A · công ty mẹ	Mua hàng	**400**	phải trả 50	giá thị trường
A · công ty mẹ	Vay	—	dư nợ 500	lãi 8,0%, lãi 40
B · công ty liên kết	Bán hàng	**300**	phải thu 120	giá thị trường
B · công ty liên kết	Cho vay	—	dư nợ 60	**không tính lãi**
C · của thành viên HĐQT	Thuê nhà xưởng	**24**	—	**không nêu**
Ban điều hành	Thù lao	**18**	—	theo hợp đồng

Đặt từng dòng cạnh quy mô, rồi hỏi giá và điều kiện thanh toán

Nguồn: Tâm An School · số liệu giả định

Công ty X giả định có sáu dòng giao dịch với bên liên quan: mua hàng và vay từ công ty mẹ, bán hàng và cho vay công ty liên kết, thuê nhà xưởng, thù lao ban điều hành

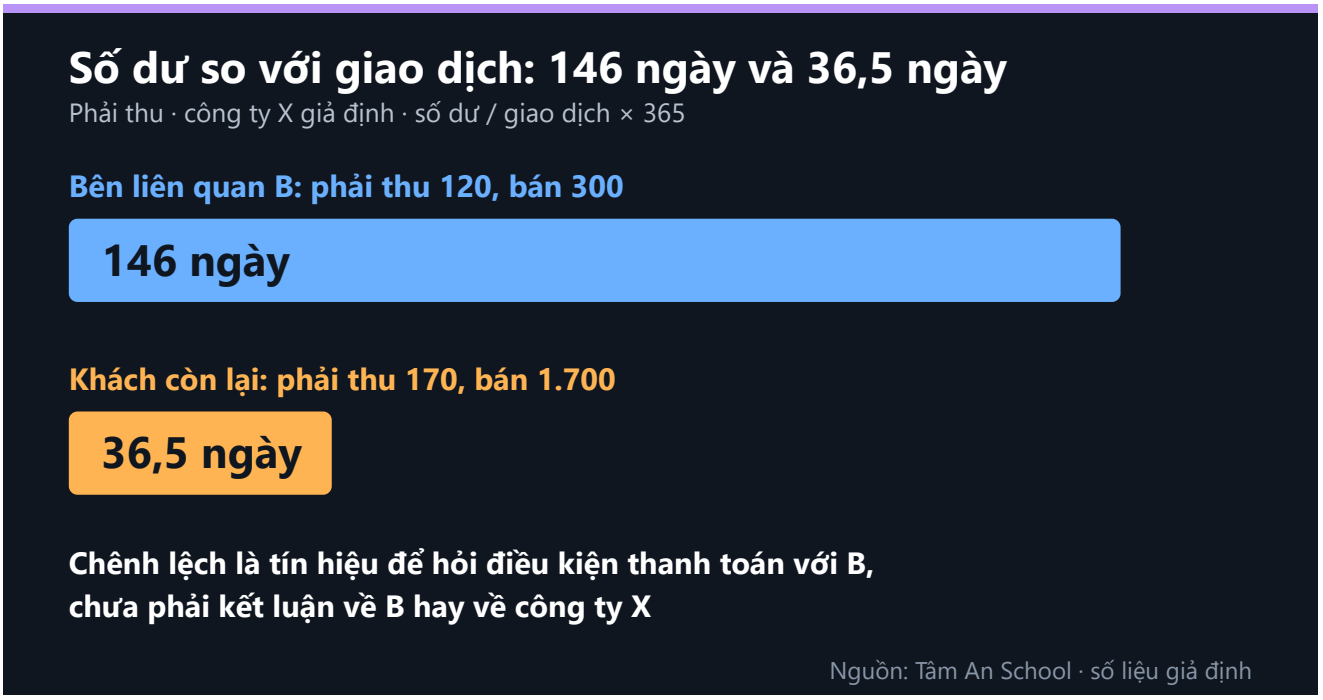
Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Thứ nhất, đặt từng dòng cạnh quy mô. Các tỷ lệ sau là cách đo của Tâm An, không phải chỉ tiêu chuẩn, không có ngưỡng nào để gọi là cao hay thấp:

- bán cho B: 300 trên doanh thu 2.000, bằng 15,0%;
- mua từ A: 400 trên giá vốn 1.500, khoảng 26,7%;
- vay từ A: dư nợ 500 trên tổng tài sản 3.000, khoảng 16,7%;
- tiền nằm ở bên liên quan: phải thu B 120 cộng cho B vay 60 là 180, bằng 15,0% vốn chủ sở hữu;
- thù lao 18 trên lợi nhuận sau thuế 160, khoảng 11,3%.

Thứ hai, tách vận hành khỏi tài chính. Mua bán, thuê nhà xưởng, thù lao là vận hành; vay và cho vay là tài chính. Khoản cho B vay 60 không tính lãi thuộc trường hợp đoạn 16 nêu, giao dịch không có giá: nên tìm lý do và điều khoản, chưa nói khoản vay sai. Dòng thuê nhà xưởng ghi "không nêu" chính sách giá, trong khi chính sách giá là một yếu tố thuyết minh (đoạn 23): đó là câu hỏi cho phần giải trình, chưa phải kết luận.

Thứ ba, so số dư với giao dịch. Phải thu B là 120 trên giao dịch 300; ngoài B, X bán 1.700 và còn phải thu 170. Số dư chia giao dịch rồi nhân 365 là 146 ngày với B và 36,5 ngày với khách còn lại. Chênh lệch lớn là tín hiệu để xem điều kiện thanh toán với B, chưa phải bằng chứng; thanh toán theo tiến độ hợp đồng là một lý do có thể có.



Số dư phải thu so với giao dịch: bên liên quan B 120 trên 300 tương đương 146 ngày, các khách khác 170 trên 1.700 tương đương 36,5 ngày, công ty X giả định

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Giả sử riêng ở mục này, X lập báo cáo hợp nhất và còn bán cho công ty con S một khoản 200. Đây là giao dịch nội bộ, loại khỏi doanh thu hợp nhất 2.000 và theo đoạn 25 không cần thuyết minh. Còn 300 bán cho liên kết B vẫn nằm trong 2.000 và phải trình bày riêng.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Phạm vi và kỳ:** hợp nhất hay riêng lẻ; báo cáo riêng của mẹ lập cùng báo cáo hợp nhất có thể không có phần này (đoạn 04).
2. **Tìm theo tên:** các dòng bên liên quan trong chi tiết phải thu, nợ vay, phải trả, trái phiếu, doanh thu, rồi mục tổng hợp cuối phần thông tin khác.
3. **Lập danh sách ai là ai:** mẹ, liên kết, cá nhân, quản lý chủ chốt, doanh nghiệp của họ.
4. **Tách vận hành và tài chính**, đặt từng khoản cạnh doanh thu, giá vốn, tổng tài sản hay vốn chủ sở hữu.
5. **Chính sách giá, điều kiện thanh toán:** có nêu không, có nhất quán giữa các kỳ không.
6. **Số dư và quá hạn:** so số dư với giao dịch.
7. **Nhiều kỳ:** danh sách đối tác và tỷ trọng đổi thế nào, đặt trong thuyết minh nói chung và thứ tự đọc thuyết minh.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để tính tỷ trọng doanh thu, giá vốn và tiền nằm ở bên liên quan rồi gợi ý mở thuyết minh; chỉ là công cụ sàng lọc, chưa hiệu chỉnh ngưỡng nào.

Điểm cần cẩn trọng

- Định nghĩa trong bài là định nghĩa kế toán của VAS 26. Pháp luật doanh nghiệp và chứng khoán có khái niệm "người có liên quan" và quy định thẩm quyền chấp thuận giao dịch riêng; bài không bàn, đừng lẫn hai khái niệm.
- Bài không áp dụng cho ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, vốn có chế độ báo cáo riêng.
- Thuyết minh chỉ cho thấy điều doanh nghiệp công bố; một dòng có thể gồm nhiều đối tác. Chuẩn mực có thể được thay bằng bộ mới; khi đó cần đối chiếu lại.
- Công ty A, B, C, S và số liệu là giả định, đã đơn giản hoá.

Đừng nói quá

- Không viết "giao dịch bên liên quan là xấu" hay "không có giao dịch bên liên quan là an toàn".
- Không suy từ một tỷ lệ hay một dòng "không nêu chính sách giá" ra kết luận giá có hợp lý hay không.
- Không dùng ví dụ X để suy ra doanh nghiệp thật. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Khi giao dịch với bên liên quan lớn so với doanh thu hay giá vốn, khi phải thu bên liên quan nằm lâu hơn hẳn khách khác, khi có khoản cho vay không lãi hay chính sách giá không được nêu, đó là cớ để đọc kỹ thuyết minh và thông tin công bố khác, chưa phải bằng chứng về điều gì. Cùng hình ảnh ấy có nhiều nguyên nhân hợp lý: chuỗi cung ứng nội bộ, hợp đồng dài hạn với công ty liên kết, hỗ trợ vốn từ công ty mẹ. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan", ban hành theo Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (đợt 3): đọc toàn văn đoạn 01 đến 25 qua bản đăng lại của VCCI, đối chiếu một bản thứ hai; chưa mở bản Công báo năm 2004.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026): mẫu Bản thuyết minh B09 và hướng dẫn lập, đọc nguyên văn từ PDF Công báo số 1577 + 1578, 1579 + 1580, 1581 + 1582 ngày 16/11/2025. Thông tư 200/2014/TT-BTC: giai đoạn chuyển tiếp.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python ngày 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Thuyết minh báo cáo tài chính là gì?
- Đọc thuyết minh theo thứ tự nào?
- Khoản phải thu gồm những gì

- Nợ vay và nợ phải trả
- Doanh thu được ghi nhận khi nào

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Bên liên quan, theo VAS 26, là bên có khả năng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong quyết định chính sách tài chính và hoạt động; chuẩn mực liệt kê năm nhóm: mẹ con cùng tập đoàn, công ty liên kết, cá nhân có quyền biểu quyết đáng kể, quản lý chủ chốt, và doanh nghiệp do các cá nhân đó nắm quyền biểu quyết. Thuyết minh phải nêu quan hệ kiểm soát dù không giao dịch, và khi có giao dịch phải nêu loại, giá trị, số dư chưa thanh toán và chính sách giá; mẫu theo Thông tư 99 có các dòng riêng về phải thu, phải trả, vay, trái phiếu, doanh thu và một mục tổng hợp ở cuối. Với công ty X giả định, bán cho công ty liên kết chiếm 15,0% doanh thu, phải thu bên liên quan nằm 146 ngày so với 36,5 ngày của khách còn lại, và có một khoản cho vay không lãi; đó là chỗ để đọc kỹ điều khoản. Giao dịch với bên liên quan không tự nó là dấu hiệu sai, các tỷ lệ là cách đo của Tâm An, và tín hiệu chỉ là cớ để đọc thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

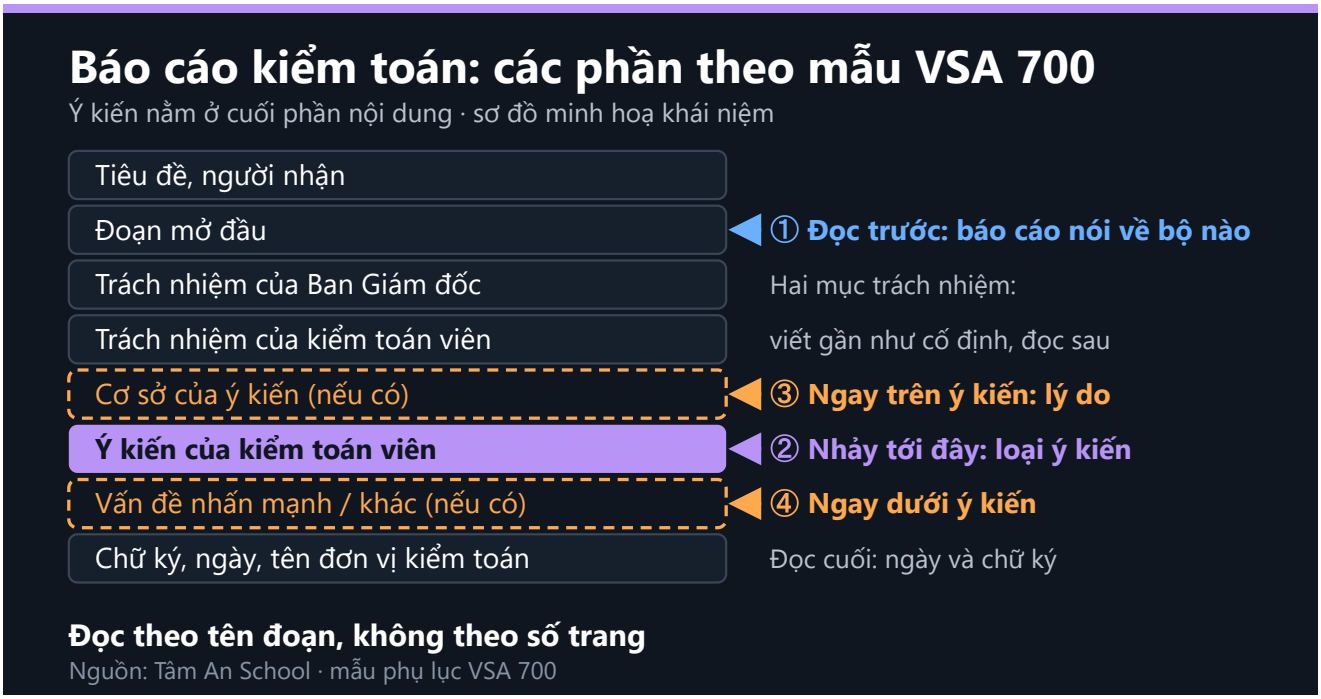
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/giao-dich-voi-ben-lien-quan-la-gi

Báo cáo kiểm toán gồm những phần nào và nên đọc phần nào trước?

Câu trả lời ngắn

Báo cáo kiểm toán là văn bản do doanh nghiệp kiểm toán độc lập phát hành về một bộ báo cáo tài chính. Theo mẫu trong chuẩn mực kiểm toán số 700 (VSA 700, ban hành kèm Thông tư 214/2012/TT-BTC), báo cáo gồm: số hiệu và tiêu đề, người nhận, đoạn mở đầu, trách nhiệm của Ban Giám đốc, trách nhiệm của kiểm toán viên, ý kiến của kiểm toán viên, rồi chữ ký, ngày, tên đơn vị kiểm toán. Điểm dễ bất ngờ: trong mẫu này **ý kiến nằm ở cuối phần nội dung**, nên đọc từ trên xuống là đọc phần mô tả công việc trước phần kết luận. Thứ tự đọc gợi ý của Tâm An (không phải quy định): đoạn mở đầu để biết báo cáo nói về bộ báo cáo nào; nhảy tới đoạn ý kiến; đọc đoạn "Cơ sở" nếu có, vì nó đứng ngay trước ý kiến; rồi đoạn nhấn mạnh hay vấn đề khác ngay sau ý kiến, và mở thuyết minh được nhắc. Bốn loại ý kiến được so sánh ở bài riêng; bài này chỉ nói cấu trúc và thứ tự đọc.



Các phần của báo cáo kiểm toán theo mẫu VSA 700 và chỗ đọc đầu tiên: đoạn mở đầu, rồi nhảy tới ý kiến ở cuối nội dung

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Các phần của báo cáo kiểm toán theo mẫu

Bảng sắp theo thứ tự trong mẫu ở phụ lục VSA 700, kèm vị trí các đoạn bổ sung theo VSA 705 và VSA 706.

Thứ tự	Phần	Cho bạn biết	Đoạn
1	Số hiệu, tiêu đề "Báo cáo kiểm toán độc lập", người nhận	Của đơn vị kiểm toán nào, gửi ai	700: 21-22
2	Đoạn mở đầu	Đơn vị nào, báo cáo nào được kiểm toán, ngày kết thúc kỳ	700: 23
3	Trách nhiệm của Ban Giám đốc	Ai chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính	700: 25-26
4	Trách nhiệm của Kiểm toán viên	Kiểm toán theo chuẩn mực nào, đảm bảo hợp lý	700: 28-33
5	Cơ sở của ý kiến... (chỉ khi ý kiến không phải chấp nhận toàn phần)	Lý do dẫn tới ý kiến	705: 16
6	Ý kiến của kiểm toán viên	Kết luận	700: 34-35
7	Vấn đề cần nhấn mạnh; Vấn đề khác (nếu có)	Điều kiểm toán viên muốn người đọc chú ý	706: 07-08
8	Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật (nếu có)	Trách nhiệm báo cáo thêm	700: 38-39
9	Chữ ký, ngày, tên và địa chỉ đơn vị kiểm toán	Ai ký, ký khi nào	700: 40-42

Khi có phần số 8 thì các phần 2 đến 7 nằm dưới tiêu đề phụ "Báo cáo về báo cáo tài chính" (đoạn 39). Phụ lục chỉ là ví dụ minh hoạ; pháp luật có thể yêu cầu cách trình bày hay ngôn từ cụ thể (đoạn 43). Báo cáo thực tế có thể bố trí khác, nên hãy đọc theo tên đoạn, không theo số trang.

Vì sao "ý kiến ở cuối" đổi cách đọc

Theo mẫu phụ lục, hai mục trách nhiệm viết gần như cố định: Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và kiểm soát nội bộ cần thiết để báo cáo không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; kiểm toán viên chịu trách nhiệm đưa ra ý kiến. Hai mục cho biết ai làm gì, ít khi cho biết báo cáo này khác báo cáo kia ở đâu. Khác biệt nằm ở đoạn ý kiến và các đoạn bám quanh nó. Với báo cáo của doanh nghiệp nước ngoài, theo mô tả thường gặp thì ý kiến đặt lên đầu; bài chưa khảo sát nên không khẳng định, và cách an toàn là tìm theo tiêu đề đoạn.

Thứ tự đọc gợi ý: năm chặng

1. **Đoạn mở đầu (khoảng ba mươi giây).** Xem tên đơn vị, hợp nhất hay riêng lẻ, năm nào, các báo cáo nào được kiểm toán. Tránh nhầm với báo cáo kiểm toán của bộ báo cáo khác của cùng doanh nghiệp.

2. **Nhảy tới đoạn ý kiến.** Ý kiến chấp nhận toàn phần có tiêu đề "Ý kiến của kiểm toán viên" và cụm "phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu" (đoạn 34-35). Ba loại còn lại đổi tiêu đề thành "Ý kiến kiểm toán ngoại trừ", "Ý kiến kiểm toán trái ngược" hoặc "Từ chối đưa ra ý kiến" (VSA 705 đoạn 22).
3. **Đoạn "Cơ sở" nếu có.** Theo VSA 705 đoạn 16, đoạn này đứng ngay trước đoạn ý kiến. Với sai sót liên quan tới số liệu cụ thể, kiểm toán viên phải mô tả và lượng hoá ảnh hưởng, trừ khi không thể (đoạn 17).
4. **Đoạn ngay sau ý kiến.** "Vấn đề cần nhấn mạnh" phải tham chiếu rõ tới thuyết minh liên quan và nêu rằng ý kiến không bị thay đổi do vấn đề đó (VSA 706 đoạn 07). "Vấn đề khác" đứng sau ý kiến và đoạn nhấn mạnh, hoặc nằm trong phần yêu cầu khác của pháp luật (đoạn 08).
5. **Mở thuyết minh được nhắc.** Đoạn nhấn mạnh chỉ được nói về điều đã có trong báo cáo tài chính (đoạn 06), nên con số nằm ở thuyết minh. Xem thêm thứ tự đọc thuyết minh.

Hai mục trách nhiệm, chữ ký, ngày và tên đơn vị kiểm toán đọc sau cùng, như bước kiểm tra.



Năm chặng đọc báo cáo kiểm toán: đoạn mở đầu, đoạn ý kiến, đoạn cơ sở nếu có, đoạn nhấn mạnh hay vấn đề khác, rồi thuyết minh được nhắc

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

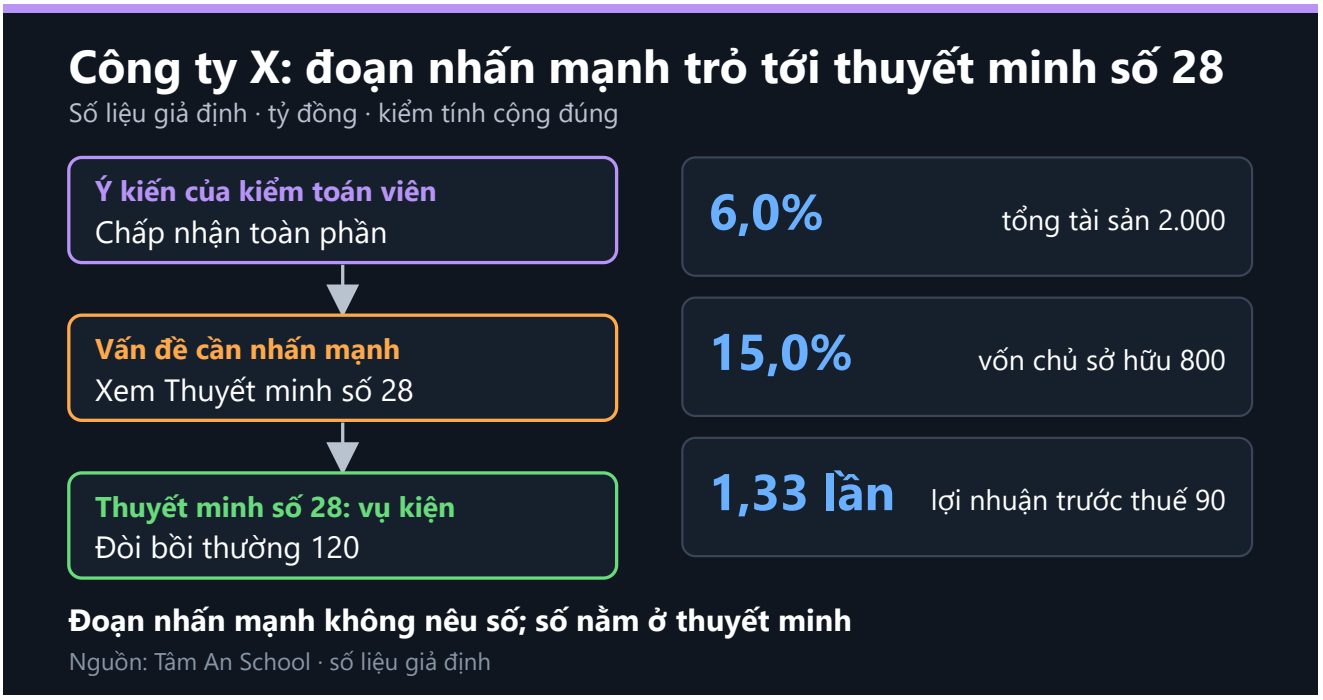
Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Báo cáo kiểm toán dưới đây là giả định, rút gọn, tự soạn theo cấu trúc mẫu, không phải của doanh nghiệp thật. Số liệu giả định, tỷ đồng, đã kiểm tính cộng đúng.

Báo cáo của công ty X có thứ tự: tiêu đề kèm người nhận; đoạn mở đầu nêu bộ báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh; hai mục trách nhiệm; "Ý kiến của kiểm toán viên" với cụm "trung thực và hợp lý"; rồi "Vấn đề cần nhấn mạnh" lưu ý Thuyết minh số 28 về một vụ kiện, và ý kiến không bị thay đổi do vấn đề này.

Đọc theo năm chặng: đoạn mở đầu khớp bộ báo cáo hợp nhất bạn đang cầm; tiêu đề và cụm "trung thực và hợp lý" cho biết đây là ý kiến chấp nhận toàn phần; không có đoạn "Cơ sở"; có đoạn nhấn mạnh trỏ tới Thuyết minh số 28; mở thuyết minh.

Thuyết minh số 28 giả định cho biết một đối tác khởi kiện công ty X đòi bồi thường **120**, vụ việc chưa có phán quyết, Ban Giám đốc cho rằng chưa đủ căn cứ để lập dự phòng. Đoạn nhấn mạnh không nêu số này; chỉ thuyết minh mới có. Cùng kỳ, công ty X có tổng tài sản 2.000, vốn chủ sở hữu 800, lợi nhuận trước thuế 90. Con số 120 bằng 6,0% tổng tài sản, 15,0% vốn chủ sở hữu và khoảng 1,33 lần lợi nhuận trước thuế. Để hình dung độ lớn, giả sử cực đoan và chưa tính thuế, nếu phải trả toàn bộ thì lợi nhuận trước thuế từ 90 thành âm 30 và vốn chủ sở hữu từ 800 còn 680. Đây không phải dự báo, và không có ngưỡng nào để nói bao nhiêu phần trăm là nhiều.



Công ty X giả định: ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh trỏ tới Thuyết minh số 28, nơi có con số 120 so với vốn chủ sở hữu 800 và lợi nhuận trước thuế 90

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Tương phản: một công ty Y giả định có hai tiêu đề liền nhau "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" rồi "Ý kiến kiểm toán ngoại trừ". Bước ba thành đoạn phải đọc vì lý do nằm ở đó. Phân biệt ngoại trừ do sai sót hay do giới hạn phạm vi và đoạn nhấn mạnh khác ngoại trừ thế nào có bài riêng.

Mỗi phần cho biết gì, và không cho biết gì

- **Ý kiến.** Là ý kiến về báo cáo tài chính "trên các khía cạnh trọng yếu", với mức đảm bảo hợp lý chứ không phải tuyệt đối (đoạn 30: kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý). Câu ý kiến không nêu triển vọng hay giá trị doanh nghiệp. Chủ đề kiểm toán có đảm bảo không có gian lận không có bài riêng.
- **Phạm vi.** Báo cáo nói về bộ báo cáo tài chính và thuyết minh nêu ở đoạn mở đầu. Với thông tin khác trong tài liệu chứa báo cáo tài chính, như phần diễn giải của báo cáo thường niên, VSA 720 đoạn 01 nêu: nếu hợp đồng không yêu cầu thì kiểm toán viên không phải đưa ra ý kiến về chúng.

- **Ngày lập.** Không được trước ngày lập báo cáo tài chính (đoạn 41); cho biết kiểm toán viên đã xem xét các sự kiện biết được đến lúc ký (đoạn A38).

Cách đọc trên báo cáo

1. **Đặt báo cáo kiểm toán cạnh bộ báo cáo tài chính.** Công ty mẹ phải công bố cả báo cáo riêng và hợp nhất theo Thông tư 96/2020/TT-BTC Điều 10 (bản gốc), nên hãy xác định qua đoạn mở đầu báo cáo kiểm toán thuộc bộ nào.
2. **Tìm tiêu đề ý kiến**, đọc ngược lên đoạn "Cơ sở" nếu có, đọc xuôi xuống đoạn nhấn mạnh hay vấn đề khác, rồi mở thuyết minh được trỏ tới.
3. **Xem ngày và chữ ký.** So ngày báo cáo kiểm toán với ngày lập báo cáo tài chính. Khi công bố, Thông tư 96/2020/TT-BTC Điều 10 yêu cầu kèm báo cáo kiểm toán, và kèm văn bản giải trình nếu ý kiến không phải chấp nhận toàn phần.
4. **Xem khuôn khổ lập báo cáo.** Câu ý kiến nêu khuôn khổ, thường là chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan (đoạn A31). Báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99/2025/TT-BTC với mã số chỉ tiêu đánh lại, nên ghép hai kỳ theo tên dòng, không theo mã số. Đoạn mở đầu liệt kê tiêu đề từng báo cáo (đoạn 23), nên tên ở đó theo bộ báo cáo của kỳ đó.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để ghi nhận loại ý kiến, có hay không đoạn nhấn mạnh hay vấn đề khác, và gợi ý mở đúng thuyết minh được nhắc. Đó là sàng lọc để đọc tiếp, không phải kết luận.

Điểm cần cẩn trọng

- **Căn cứ chuẩn mực có thể đổi.** Bài dựa trên bộ chuẩn mực ban hành kèm Thông tư 214/2012/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2014). Có dự thảo thông tư ban hành 31 chuẩn mực, hiệu lực dự kiến 01/01/2027, đang lấy ý kiến; Thông tư 137/2026/TT-BTC ngày 24/09/2026 mới ban hành hai chuẩn mực quản lý chất lượng, hiệu lực 01/01/2029, theo tin báo chí. Tính đến 17/10/2026, Tâm An chưa tìm thấy văn bản chính thức thay VSA 700, 705, 706. Nếu có, bài cập nhật tại chỗ.
- **Mẫu phụ lục chỉ minh hoạ.** Gặp mục không nằm trong bảng trên thì đọc theo tiêu đề; bài không bàn mục đó và chưa khảo sát báo cáo kiểm toán của ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán.

Đừng nói quá

- Không viết "có kiểm toán nghĩa là số liệu đúng từng đồng": ý kiến nói về mức trọng yếu và đảm bảo hợp lý.
- Không viết "ý kiến chấp nhận toàn phần là cổ phiếu tốt" hay "có đoạn nhấn mạnh là xấu". Bài không phải khuyến nghị đầu tư.
- Không viết "báo cáo kiểm toán xác nhận cả báo cáo thường niên"; không dùng X và Y để suy ra một doanh nghiệp hay một hãng kiểm toán thật.

Tín hiệu không phải kết luận

Một đoạn nhấn mạnh, tiêu đề ý kiến khác ý kiến chấp nhận toàn phần, hay một thuyết minh được trỏ tới đều là cớ để đọc thêm, chưa phải bằng chứng về điều gì. Nguyên nhân hợp lý khác cũng cho hình ảnh đó: sự không chắc chắn về kết quả vụ kiện hay quyết định của cơ quan quản lý, áp dụng sớm một chuẩn mực kế toán mới, một biến cố lớn đã ảnh hưởng đáng kể tới tình hình tài chính (ba ví dụ trong hướng dẫn VSA 706 đoạn A1). Chỉ cơ quan có thẩm quyền, kiểm toán độc lập và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.

- VSA 700 ban hành kèm Thông tư 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012: đoạn 16-17, 20-26, 28-35, 38-43, A13-A19, A28-A31, A36-A38 và phụ lục mẫu; đọc bản sao toàn văn trên expertis.vn và docs.kreston.vn, đối chiếu hai bản.
- VSA 705 đoạn 16, 17, 22; VSA 706 đoạn 06-08, A1; VSA 720 đoạn 01 (đọc bản sao toàn văn).
- Thông tư 96/2020/TT-BTC Điều 10 khoản 1 (bản gốc 16/11/2020; cần đối chiếu bản hợp nhất vì có thông tư sửa đổi).
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026) và Thông tư 200/2014/TT-BTC: giai đoạn chuyển tiếp.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python ngày 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Đọc thuyết minh báo cáo tài chính theo thứ tự nào?
- Bốn loại ý kiến kiểm toán
- Ý kiến ngoại trừ: do sai sót hay do giới hạn phạm vi
- Đoạn vấn đề cần nhấn mạnh khác ý kiến ngoại trừ thế nào
- Kiểm toán có đảm bảo không có gian lận không

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán theo mẫu VSA 700 gồm tiêu đề và người nhận, đoạn mở đầu, hai mục trách nhiệm, ý kiến của kiểm toán viên ở cuối phần nội dung, đoạn Cơ sở (nếu ý kiến không phải chấp nhận toàn phần) ngay trước ý kiến, đoạn nhấn mạnh hay vấn đề khác ngay sau ý kiến, rồi chữ ký, ngày và tên đơn vị. Thứ tự đọc gợi ý của Tâm An: đoạn mở đầu, nhảy tới ý kiến, đoạn Cơ sở nếu có, đoạn nhấn mạnh hay vấn đề khác, rồi thuyết minh được nhắc. Với công ty X giả định, ý kiến chấp nhận toàn phần kèm đoạn nhấn mạnh trỏ tới Thuyết minh số 28; con số 120 chỉ nằm ở thuyết minh, bằng 6,0% tổng tài sản 2.000, 15,0% vốn chủ sở hữu 800 và khoảng 1,33 lần lợi nhuận trước thuế 90. Ý kiến nói về báo cáo tài chính trên các khía cạnh trọng yếu với đảm bảo hợp lý, không phải đúng từng đồng; mẫu chỉ minh hoạ và căn cứ chuẩn mực có thể đổi. Đoạn nhấn mạnh hay tiêu đề ý kiến chỉ là cớ để đọc thêm, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/bao-cao-kiem-toan-gom-nhung-phan-nao-nen-doc-phan-nao-truoc

Bốn loại ý kiến kiểm toán: chấp nhận toàn phần, ngoại trừ, trái ngược và từ chối đưa ra ý kiến khác nhau thế nào?

Câu trả lời ngắn

Báo cáo kiểm toán kết thúc bằng một kết luận của kiểm toán viên: báo cáo tài chính có **phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu**, hay không. Kết luận ấy có **bốn dạng**: **chấp nhận toàn phần**, và ba dạng gọi chung là "ý kiến không phải chấp nhận toàn phần" là **ngoại trừ**, **trái ngược** và **từ chối đưa ra ý kiến**. Theo VSA 705 (đoạn 02), dạng nào được chọn phụ thuộc vào hai câu hỏi. Thứ nhất, **bản chất vấn đề**: báo cáo có sai sót trọng yếu, hay kiểm toán viên không thu thập đủ bằng chứng nên chưa thể kết luận là không còn sai sót trọng yếu. Thứ hai, **mức độ**: ảnh hưởng chỉ trọng yếu, hay còn **lan toả**. Hai câu hỏi ghép thành một ma trận hai nhân hai. Đây là cách phân loại kết luận, không phải thang điểm: loại ý kiến chưa nói doanh nghiệp tốt hay xấu.



Bốn loại ý kiến kiểm toán: ma trận hai câu hỏi, bản chất vấn đề và mức độ lan toả

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Ma trận hai câu hỏi của VSA 705

Chính phần hướng dẫn áp dụng của VSA 705 (đoạn A1) có bảng này:

Bản chất vấn đề	Trọng yếu nhưng không lan toả	Trọng yếu và lan toả
Báo cáo tài chính có sai sót trọng yếu	Ngoại trừ	Trái ngược
Không thu thập đủ bằng chứng thích hợp	Ngoại trừ	Từ chối đưa ra ý kiến

Ô còn lại, không còn sai sót trọng yếu và đủ bằng chứng, là chấp nhận toàn phần. Hai khái niệm cần nhớ:

- **Trọng yếu** là xét đoán của kiểm toán viên. VSA 705 không đưa ngưỡng phần trăm nào, nên bài này cũng không nêu ngưỡng.
- **Lan toả** (đoạn 05) mô tả ảnh hưởng thoả một trong ba tình huống: không chỉ giới hạn ở một số yếu tố, tài khoản hay khoản mục cụ thể; hoặc dù giới hạn ở một số khoản mục nhưng vẫn đại diện hoặc có thể đại diện cho phần quan trọng của báo cáo; hoặc liên quan đến thuyết minh mà người đọc cần để hiểu báo cáo tài chính.

Nhìn cột trái, sai sót trọng yếu và thiếu bằng chứng trọng yếu đều dẫn đến chữ "ngoại trừ". Cùng tên gọi nhưng hai nguồn gốc khác nhau; bài ý kiến ngoại trừ do sai sót hay do giới hạn phạm vi sẽ đi sâu phần này, bài hiện tại chỉ đặt cạnh nhau.

Bốn dạng nhìn từ câu chữ

Dạng ý kiến	Điều kiện theo chuẩn mực	Câu chữ trong đoạn ý kiến
Chấp nhận toàn phần	Kiểm toán viên kết luận báo cáo, xét tổng thể, không còn sai sót trọng yếu, và đã thu thập đủ bằng chứng (VSA 700, đoạn 11)	Mẫu câu: "đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu" theo khuôn khổ lập báo cáo (VSA 700, đoạn 35)
Ngoại trừ	Sai sót trọng yếu nhưng không lan toả; hoặc thiếu bằng chứng và ảnh hưởng có thể có là trọng yếu nhưng không lan toả (VSA 705, đoạn 07)	"Ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trong đoạn cơ sở", phần còn lại vẫn là trung thực và hợp lý; nếu do thiếu bằng chứng thì dùng cụm "ngoại trừ những ảnh hưởng có thể có" (đoạn 23)
Trái ngược	Sai sót trọng yếu và lan toả (đoạn 08)	Nêu rõ báo cáo "phản ánh không trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu" (đoạn 24)
Từ chối đưa ra ý kiến	Không thu thập đủ bằng chứng, ảnh hưởng có thể có là trọng yếu và lan toả (đoạn 09)	Nêu rằng kiểm toán viên không đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính (đoạn 25)

Hai điểm nhận dạng nhanh. Tiêu đề đoạn ý kiến phải ghi đúng tên dạng: "Ý kiến kiểm toán ngoại trừ", "Ý kiến kiểm toán trái ngược" hoặc "Từ chối đưa ra ý kiến" (đoạn 22). Và ngay trước đoạn ý kiến phải có đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", "Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược" hay "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến" (đoạn 16): đây là nơi trả lời hai câu hỏi ở trên.



Bốn cụm từ cần nhìn trong đoạn ý kiến: phản ánh trung thực và hợp lý, ngoại trừ, không trung thực và hợp lý, không đưa ra ý kiến

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, câu chữ rút gọn.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định, năm tình huống

Giả sử công ty X có, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, không phải số liệu thật: tổng tài sản 5.000, doanh thu 4.000, hàng tồn kho 800, lợi nhuận trước thuế 400. Với cùng bộ số này, ta thử năm tình huống giả định khác nhau của kiểm toán viên:

Tình huống (giả định)	Bản chất	Mức độ	Dạng ý kiến
1. Không còn sai sót trọng yếu chưa điều chỉnh, bằng chứng đầy đủ	Không có vấn đề	Không áp dụng	Chấp nhận toàn phần
2. Hàng tồn kho đang cao hơn giá trị thực 60 do chưa lập dự phòng giảm giá	Sai sót	Trọng yếu, một khoản mục	Ngoại trừ
3. Một khoản phải thu 250 không có thư xác nhận và không có thủ tục thay thế	Thiếu bằng chứng	Có thể trọng yếu, một khoản mục	Ngoại trừ
4. Doanh thu ghi cao hơn 600 do áp dụng sai chính sách ở nhiều hợp đồng, lan sang phải thu, tồn kho, thuế và thuyết minh	Sai sót	Trọng yếu và lan toả	Trái ngược
5. Hồ sơ của hai đơn vị thành viên (70% doanh thu, 60% tài sản) không được cung cấp	Thiếu bằng chứng	Có thể trọng yếu và lan toả	Từ chối đưa ra ý kiến



Công ty X giả định: năm tình huống kiểm toán dẫn đến bốn dạng ý kiến, số liệu minh hoạ

Số liệu giả định, kiểm tính đúng.

Tính lại cho tình huống 2: tồn kho 800 giảm 60 còn 740 (giảm 7,5%), lợi nhuận trước thuế 400 giảm còn 340 (giảm 15,0%), tổng tài sản giảm 1,2%. Ảnh hưởng nằm gọn ở một khoản mục nên có thể được xét là chưa lan toả. Ở tình huống 3, 250 là 5,0% tổng tài sản. Ở tình huống 4, 600 là 15,0% doanh thu, nhưng điều khiến ảnh hưởng thành lan toả là nó đi qua nhiều khoản mục, không chỉ con số lớn. Ở tình huống 5, hai đơn vị thành viên đại diện cho phần quan trọng của báo cáo, nên ảnh hưởng có thể có là lan toả dù chưa biết số đúng hay sai.

Đoạn trích giả định cho tình huống 2 (diễn đạt theo ý của chuẩn mực, không phải văn bản của báo cáo thật nào):

> **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ.** Hàng tồn kho của công ty X tại ngày 31/12/N được ghi nhận 800 tỷ đồng, chưa trừ dự phòng giảm giá. Theo đánh giá của chúng tôi, cần lập thêm dự phòng 60 tỷ đồng; nếu lập, hàng tồn kho giảm 60 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế giảm 60 tỷ đồng. **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ.** Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trong đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty X tại ngày 31/12/N.

Đoạn trích giả định cho tình huống 5:

> **Từ chối đưa ra ý kiến.** Chúng tôi không đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính của công ty X. Do tầm quan trọng của vấn đề nêu trong đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán.

Bảng và các đoạn trích chỉ minh hoạ cách hai câu hỏi dẫn tới bốn dạng, không mô tả doanh nghiệp nào.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Tìm tên dạng ý kiến** ở tiêu đề đoạn ý kiến. Nếu là "ngoại trừ", "trái ngược" hay "từ chối", chuyển sang bước hai.
2. **Đọc đoạn "Cơ sở" ngay trước đoạn ý kiến** và tự hỏi hai câu: là sai sót đã phát hiện hay là thiếu bằng chứng? Ảnh hưởng nằm ở một vài khoản mục hay trải rộng? Thứ tự đọc cả báo cáo đã nói ở bài về cấu trúc báo cáo kiểm toán.
3. **Xem có lượng hoá không.** Khi sai sót liên quan đến số liệu cụ thể, kiểm toán viên phải mô tả và lượng hoá ảnh hưởng tài chính, trừ khi không thể làm được; nếu không lượng hoá được thì phải nêu điều đó trong đoạn cơ sở (đoạn 17). Chuẩn mực nêu ví dụ lượng hoá ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu (A18).
4. **Mở thuyết minh** nhắc đến khoản mục liên quan, theo thứ tự đọc thuyết minh.
5. **Nhìn tính nhất quán toàn báo cáo.** Khi đã trái ngược hoặc từ chối về tổng thể báo cáo, báo cáo kiểm toán không được đồng thời đưa ý kiến chấp nhận toàn phần cho một khoản mục cụ thể của cùng bộ báo cáo (đoạn 15); chuẩn mực nêu các trường hợp không mâu thuẫn ở A16.
6. **Với công ty đại chúng,** khi công bố báo cáo tài chính năm có ý kiến không phải chấp nhận toàn phần, công ty phải kèm báo cáo kiểm toán và văn bản giải trình (Thông tư 96/2020/TT-BTC, Điều 10 khoản 1 điểm b). Văn bản giải trình là của doanh nghiệp, không phải của kiểm toán viên; nên đọc cả hai và phân biệt người nói.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính đã kiểm toán thật, trục phân tích theo mã của Tâm An ghi nhận loại ý kiến như một dữ kiện công bố để mở đoạn cơ sở và thuyết minh, không quy loại ý kiến thành điểm tốt hay xấu và không dùng nó để xếp hạng doanh nghiệp.

Điểm cần cẩn trọng

- Bài mô tả bộ chuẩn mực kiểm toán Việt Nam đang được tra cứu là còn hiệu lực (ban hành kèm Thông tư 214/2012/TT-BTC). Dự thảo bộ chuẩn mực mới, dự kiến hiệu lực 01/01/2027, mới ở mức dự thảo tính đến ngày kiểm; nếu được ban hành, câu chữ có thể đổi và bài sẽ được cập nhật.
- Ma trận mô tả quy tắc chọn dạng ý kiến; trọng yếu và lan toả vẫn là xét đoán của kiểm toán viên trong từng cuộc kiểm toán, bài không suy ra được từ con số bên ngoài.
- Công ty X và năm tình huống đã được đơn giản hoá; một báo cáo thật có thể có nhiều vấn đề cùng lúc. Kết luận soát xét báo cáo giữa niên độ là loại khác, không bàn ở đây.

Đừng nói quá

- Không viết "ngoại trừ là báo cáo sai hoàn toàn": ý kiến ngoại trừ chỉ loại ra phần được nêu, phần còn lại vẫn có ý kiến.
- Không viết "trái ngược là doanh nghiệp gian lận": trái ngược là kết luận về mức độ sai sót so với khuôn khổ lập báo cáo, không quy kết động cơ hay hành vi của ai.
- Không viết "chấp nhận toàn phần là bảo đảm không có sai sót hay không có gian lận": đó chỉ là kết luận trên cơ sở đảm bảo hợp lý; xem bài kiểm toán có đảm bảo không có gian lận không.
- Không đếm số lần "chấp nhận toàn phần" để xếp hạng doanh nghiệp, không dùng bài này để kết luận về một cổ phiếu. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

- Đoạn "Vấn đề cần nhấn mạnh" không phải dạng ý kiến thứ năm: theo VSA 706 nó không làm thay đổi ý kiến; xem bài đoạn nhấn mạnh khác ý kiến ngoại trừ thế nào.

Tín hiệu không phải kết luận

Một báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ, trái ngược hay từ chối là tín hiệu để đọc đoạn cơ sở và thuyết minh liên quan, chưa phải bằng chứng về điều gì cụ thể của doanh nghiệp. Nguyên nhân dẫn tới từng dạng rất khác nhau, từ bất đồng về cách ước tính đến giới hạn phạm vi công việc kiểm toán. Ngược lại, ý kiến chấp nhận toàn phần cũng chưa phải kết luận rằng doanh nghiệp tốt. Chỉ kiểm toán viên, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.

- VSA 705 "Ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần", VSA 700 "Hình thành ý kiến kiểm toán và báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính" và VSA 706 "Đoạn Vấn đề cần nhấn mạnh và Vấn đề khác": ba chuẩn mực ban hành kèm Thông tư 214/2012/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2014). Bài đọc toàn văn bản đăng lại của chuẩn mực; hiệu lực cần đối chiếu với nguồn chính thức.
- Thông tư 96/2020/TT-BTC, Điều 10 khoản 1, đọc từ bản sao toàn văn của văn bản gốc năm 2020; cần đối chiếu bản hợp nhất vì Thông tư 96 đã được sửa đổi một số điều ở các thông tư sau.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python, ngày 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Đọc thuyết minh theo thứ tự nào
- Báo cáo kiểm toán gồm những phần nào
- Ý kiến ngoại trừ: sai sót hay giới hạn phạm vi
- Đoạn nhấn mạnh khác ý kiến ngoại trừ thế nào
- Kiểm toán có đảm bảo không có gian lận không

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán có bốn dạng ý kiến: chấp nhận toàn phần, ngoại trừ, trái ngược và từ chối đưa ra ý kiến. Theo VSA 705, ba dạng sau được phân biệt bằng hai câu hỏi: vấn đề là sai sót trọng yếu hay là thiếu bằng chứng, và ảnh hưởng chỉ trọng yếu hay còn lan toả, ghép thành ma trận hai nhân hai. Với công ty X giả định (tài sản 5.000, doanh thu 4.000, tồn kho 800, lợi nhuận trước thuế 400), năm tình huống cho ra bốn dạng: tồn kho cao hơn 60 là ngoại trừ, phải thu 250 không xác nhận được cũng là ngoại trừ, doanh thu ghi cao hơn 600 lan sang nhiều khoản mục là trái ngược, hồ sơ hai đơn vị thành viên thiếu là từ chối. Cách đọc là xem tên dạng, đọc đoạn cơ sở ngay trước, xem có lượng hoá không và mở thuyết minh. Loại ý kiến chưa phải điểm tốt hay xấu, ngoại trừ không có nghĩa báo cáo sai hoàn toàn, và chấp nhận toàn phần không bảo đảm hết sai sót; đó là tín hiệu để đọc đoạn cơ sở, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/bon-loai-y-kien-kiem-toan-khac-nhau-the-nao

Ý kiến ngoại trừ có hai nguồn gốc rất khác nhau: sai sót hay bị giới hạn phạm vi. Vì sao cần phân biệt?

Câu trả lời ngắn

Hai báo cáo kiểm toán cùng ghi "Ý kiến kiểm toán ngoại trừ" vẫn có thể kể hai câu chuyện khác nhau. Theo VSA 705 (đoạn 07), ngoại trừ xuất hiện trong hai trường hợp:

- **Nguồn thứ nhất, sai sót.** Kiểm toán viên có bằng chứng đầy đủ, thích hợp và kết luận báo cáo có sai sót trọng yếu nhưng không lan toả. Điều đã biết: một phần báo cáo lệch so với khuôn khổ lập báo cáo.
- **Nguồn thứ hai, giới hạn phạm vi.** Kiểm toán viên không thu thập đủ bằng chứng thích hợp, và kết luận ảnh hưởng có thể có của sai sót chưa phát hiện (nếu có) có thể trọng yếu nhưng không lan toả. Điều đã biết ít hơn: phần này chưa kiểm chứng được, nên chưa biết đúng hay lệch.

Cần phân biệt vì câu hỏi tiếp theo khác nhau: với nguồn thứ nhất là "sai ở đâu, bao nhiêu"; với nguồn thứ hai là "vì sao không kiểm chứng được". Đây là cách đọc, không phải thang điểm. Ma trận bốn loại ý kiến đã có ở bài bốn loại ý kiến kiểm toán; bài này đi sâu chữ "ngoại trừ", ô nằm ở cả hai hàng.



Hai con đường dẫn tới cùng chữ ngoại trừ: sai sót và giới hạn phạm vi

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Hai nguồn, một cái tên

Tiêu chí	Nguồn 1: sai sót	Nguồn 2: giới hạn phạm vi
Kiểm toán viên biết	Báo cáo lệch khuôn khổ ở một điểm xác định	Chưa biết có lệch hay không
Đoạn "Cơ sở" phải có	Mô tả sai sót và lượng hoá ảnh hưởng tài chính nếu có số liệu cụ thể (đoạn 17)	Lý do không thu thập được bằng chứng (đoạn 20)
Cụm từ ở đoạn ý kiến (đoạn 23)	"ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trong đoạn cơ sở"	"ngoại trừ những ảnh hưởng có thể có của những vấn đề ..."

Thuật ngữ "lan toả" (đoạn 05a) dùng cho cả ảnh hưởng của sai sót lẫn "ảnh hưởng sâu, rộng có thể có" của sai sót chưa phát hiện. Ở nguồn thứ hai, kiểm toán viên không nói "báo cáo sai", mà nói "chưa kiểm chứng được, và phần ấy có thể có ảnh hưởng trọng yếu".

Nguồn thứ nhất: sai sót đến từ đâu

VSA 705 (A3) nhắc lại: sai sót là chênh lệch giữa giá trị, cách phân loại, trình bày hoặc thuyết minh của một khoản mục với yêu cầu của khuôn khổ lập báo cáo. Sai sót trọng yếu có thể phát sinh ở ba chỗ:

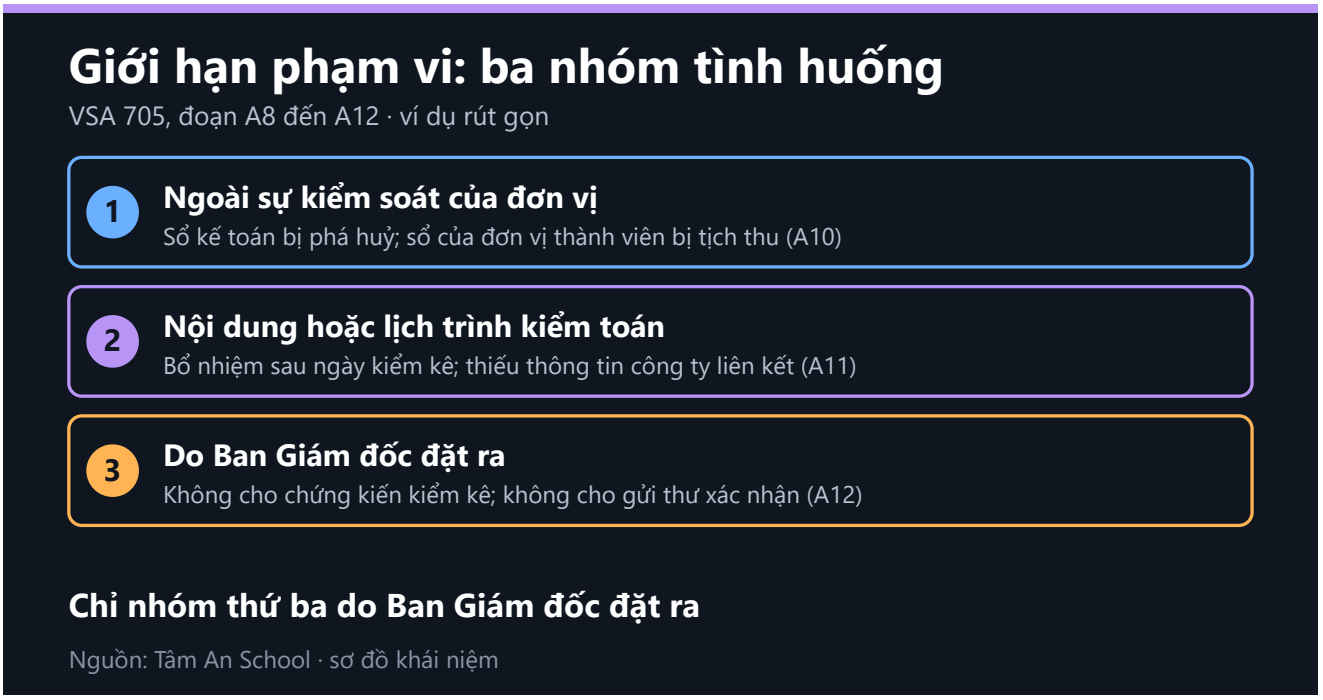
- **Chọn chính sách kế toán (A4):** chính sách không nhất quán với khuôn khổ, hoặc không trình bày các giao dịch quan trọng để đạt sự trình bày hợp lý.
- **Áp dụng chính sách (A6):** không nhất quán giữa các kỳ hoặc giữa các giao dịch tương tự, kể cả sai sót không có chủ ý khi áp dụng.
- **Thuyết minh (A7):** thiếu, trình bày sai quy định, hoặc thiếu thuyết minh cần thiết để đạt sự trình bày hợp lý.

Định nghĩa trên chỉ nói về chênh lệch so với khuôn khổ, không nói về nguyên nhân hay động cơ, và riêng ý kiến ngoại trừ cũng không cho biết điều đó. Sai sót cũng không chỉ là con số: nếu ở thuyết minh bằng lời, kiểm toán viên phải giải thích thuyết minh sai thế nào (đoạn 18); nếu thiếu thông tin cần thuyết minh, phải mô tả tính chất thông tin bị bỏ sót (đoạn 19). Vì vậy nên mở thuyết minh ngay sau đoạn cơ sở, theo thứ tự đọc thuyết minh.

Nguồn thứ hai: giới hạn phạm vi và ba nhóm tình huống

VSA 705 (A8) gọi việc không thu thập đủ bằng chứng là "giới hạn phạm vi kiểm toán" và chia ba nhóm:

Nhóm (A8)	Ví dụ do chuẩn mực nêu
Ngoài sự kiểm soát của đơn vị	Sổ kế toán bị phá huỷ; sổ của đơn vị thành viên quan trọng bị cơ quan nhà nước tịch thu vô thời hạn (A10)
Liên quan đến nội dung hoặc lịch trình kiểm toán	Thiếu thông tin tài chính của công ty liên kết để đánh giá phương pháp vốn chủ sở hữu; được bổ nhiệm sau ngày kiểm kê nên không chứng kiến kiểm kê (A11)
Do Ban Giám đốc đặt ra	Không cho chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho; không cho gửi thư xác nhận của bên thứ ba về số dư cụ thể (A12)



Ba nhóm tình huống dẫn tới giới hạn phạm vi kiểm toán theo VSA 705

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, ví dụ rút gọn từ chuẩn mực.

Chỉ nhóm thứ ba do Ban Giám đốc đặt ra; hai nhóm đầu có thể không liên quan đến ý chí của ai. Theo A9, không làm được một thủ tục cụ thể chưa tạo nên giới hạn nếu thủ tục thay thế vẫn cho đủ bằng chứng; đoạn cơ sở không nhắc thủ tục thay thế là chỗ nên ghi lại để hỏi, chưa phải kết luận.

Vì sao cần phân biệt: ba lý do

1. **Người đọc kiểm chứng được khác nhau.** Nếu đoạn cơ sở lượng hoá, người đọc ước tính lại chỉ tiêu bằng phép trừ đơn giản. Ở nguồn thứ hai không có số để trừ, vì chính kiểm toán viên chưa biết. Lẫn hai cách đọc dễ biến "chưa kiểm chứng được" thành "đã phát hiện sai".
2. **Giới hạn do Ban Giám đốc đặt ra có quy trình riêng.** Theo đoạn 11 đến 14, kiểm toán viên phải đề nghị bỏ giới hạn; nếu bị từ chối thì trao đổi với Ban quản trị và xét thủ tục thay thế. Ảnh hưởng có thể có trọng yếu nhưng không lan toả thì ngoại trừ (13a); lan toả đến mức ngoại trừ là chưa đủ thì rút khỏi cuộc kiểm toán nếu có thể, hoặc từ chối đưa ra ý kiến (13b). A9 nêu loại giới hạn này còn có thể ảnh hưởng đến việc có tiếp tục hợp đồng hay không, và đến cách đánh giá rủi ro do gian lận (không phải kết luận rằng đã có gian lận); đó là cân nhắc nghề nghiệp của kiểm toán viên. Sai sót không có quy trình này.
3. **Hướng leo thang khác nhau.** Nếu ảnh hưởng lan rộng, nguồn thứ nhất đi tới trái ngược (đoạn 08), nguồn thứ hai đi tới từ chối đưa ra ý kiến (đoạn 09).

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định, cùng một khoản mục, ba nguồn gốc

Giả sử công ty X có, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, không phải số liệu thật: tổng tài sản 3.200, doanh thu 2.500, hàng tồn kho 480, lợi nhuận trước thuế 260. Với cùng khoản mục hàng tồn kho 480, ba tình huống giả định:

Tình huống (giả định)	Nguồn gốc	Đoạn cơ sở có gì
A. Kiểm toán viên chứng kiến kiểm kê, số thực tế thấp hơn sổ 42, công ty chưa điều chỉnh	Sai sót	Con số 42 và ảnh hưởng đến lợi nhuận
B. Kiểm toán viên được bổ nhiệm sau ngày kiểm kê, thủ tục thay thế không đủ	Giới hạn, nhóm nội dung và lịch trình	Lý do; không có số lệch
C. Ban Giám đốc không cho chứng kiến kiểm kê, đề nghị bỏ giới hạn bị từ chối	Giới hạn, nhóm do Ban Giám đốc đặt ra	Lý do và việc đã đề nghị bỏ giới hạn



Công ty X giả định: cùng hàng tồn kho 480, ba nguồn gốc dẫn tới ý kiến ngoại trừ, số liệu minh hoạ

Số liệu giả định, kiểm tính đúng.

Tính lại tình huống A: tồn kho 480 còn 438 (giảm 8,75%), lợi nhuận trước thuế 260 còn 218 (giảm 16,2%), tổng tài sản 3.200 còn 3.158 (giảm 1,3%). Ở B và C không có số lệch để trừ: tồn kho 480 là 15,0% tổng tài sản, cho biết khoản mục chưa kiểm chứng lớn cỡ nào, không cho biết sai bao nhiêu hay có sai không. Việc xếp cả ba vào "không lan toả" là giả định của Tâm An, không phải kết luận của kiểm toán viên nào, và bài không nêu ngưỡng.

Đoạn trích giả định cho tình huống A (diễn đạt theo ý chuẩn mực, không phải văn bản của báo cáo thật nào):

> **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ.** Hàng tồn kho của công ty X tại ngày 31/12/N được ghi 480 tỷ đồng. Chúng tôi chứng kiến kiểm kê và thấy số thực tế thấp hơn số ghi sổ 42 tỷ đồng, công ty chưa điều chỉnh. Nếu điều chỉnh, hàng tồn kho và lợi nhuận trước thuế cùng giảm 42 tỷ đồng.

Đoạn trích giả định cho tình huống C:

> **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ.** Ban Giám đốc không cho phép chúng tôi chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho 480 tỷ đồng. Chúng tôi đã đề nghị bỏ giới hạn này nhưng không được chấp thuận, và không có thủ tục thay thế nào đủ để có bằng chứng. Do đó chúng tôi không thể xác định có cần điều chỉnh khoản mục này hay không. **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ.** Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu trong đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty X.

Đoạn A trả lời "lệch bao nhiêu"; đoạn C trả lời "vì sao chưa biết". Cùng chữ "ngoại trừ", cùng khoản mục, hai thông tin khác hẳn nhau.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Tìm đoạn "Cơ sở" ngay trước đoạn ý kiến**, theo cấu trúc báo cáo kiểm toán.
2. **Phân loại câu chữ.** "Ghi cao hơn", "chưa điều chỉnh", "không phù hợp với chuẩn mực" thiên về sai sót; "không thể thu thập", "không được tiếp cận", "không thể xác định" thiên về giới hạn phạm vi. Đây là gợi ý, đoạn cơ sở có thể nêu cả hai.
3. **Nếu là sai sót,** tìm con số lượng hoá (hoặc câu nói không lượng hoá được) rồi mở thuyết minh liên quan.
4. **Nếu là giới hạn,** ghi ba thứ: khoản mục nào, nhóm nào trong ba nhóm, có nhắc thủ tục thay thế hay đề nghị bỏ giới hạn không. Cụm "những ảnh hưởng có thể có" ở đoạn ý kiến khớp với nguồn này.
5. **Phân biệt người nói.** Đoạn cơ sở là lời kiểm toán viên; văn bản giải trình của doanh nghiệp (nếu được công bố) là lời doanh nghiệp. Đoạn "Vấn đề cần nhấn mạnh" là chuyện khác, xem bài đoạn nhấn mạnh khác ngoại trừ thế nào.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính đã kiểm toán thật, trục phân tích theo mã của Tâm An ghi nhận loại ý kiến và nguồn gốc nêu trong đoạn cơ sở như dữ kiện công bố để mở thuyết minh, không quy thành điểm tốt hay xấu.

Điểm cần cẩn trọng

- Bài mô tả bộ chuẩn mực đang tra cứu là còn hiệu lực (ban hành kèm Thông tư 214/2012/TT-BTC). Dự thảo bộ chuẩn mực mới, dự kiến hiệu lực 01/01/2027, mới ở mức dự thảo tính đến ngày kiểm; nếu được ban hành, câu chữ có thể đổi và bài sẽ được cập nhật.
- Xếp một vấn đề vào "sai sót" hay "giới hạn phạm vi" là xét đoán của kiểm toán viên; người đọc chỉ thấy kết quả qua câu chữ ở đoạn cơ sở, nên cách đọc trên là gợi ý, không phải quy tắc suy ngược.
- Công ty X và ba tình huống đã được đơn giản hoá; không có con số chung cho trọng yếu hay lan toả.

Đừng nói quá

- Không viết "giới hạn phạm vi nghĩa là doanh nghiệp che giấu": chỉ một trong ba nhóm do Ban Giám đốc đặt ra, và ngay nhóm ấy cũng chưa nói gì về động cơ.
- Không viết "ngoại trừ do sai sót nghĩa là gian lận": sai sót là chênh lệch so với khuôn khổ, kể cả sai sót không có chủ ý.
- Không viết "chưa kiểm chứng được nghĩa là số liệu sai": số liệu có thể đúng hay sai, và chính kiểm toán viên cũng chưa biết.
- Không viết "nguồn này nặng hơn nguồn kia": hai nguồn khác loại, mức độ nằm ở trọng yếu và lan toả, không nằm ở tên nguồn. Xem thêm bài kiểm toán có đảm bảo không có gian lận không.
- Không dùng loại ý kiến hay nguồn gốc của nó để chấm điểm doanh nghiệp hay kết luận về một cổ phiếu. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Một ý kiến ngoại trừ là tín hiệu để đọc đoạn cơ sở và thuyết minh liên quan, chưa phải bằng chứng về điều gì cụ thể của doanh nghiệp. Biết nguồn gốc giúp đặt đúng câu hỏi, chưa phải đưa ra câu trả lời. Chỉ người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.

- VSA 705 "Ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần", ban hành kèm Thông tư 214/2012/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2014). Bài đọc bản đăng lại toàn văn trên một trang tổng hợp văn bản kiểm toán, chưa đối chiếu Công báo hay cổng nhà nước, nên số đoạn và hiệu lực cần đối chiếu nguồn chính thức.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python, ngày 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Đọc thuyết minh theo thứ tự nào
- Báo cáo kiểm toán gồm những phần nào
- Bốn loại ý kiến kiểm toán khác nhau thế nào
- Đoạn nhấn mạnh khác ý kiến ngoại trừ thế nào
- Kiểm toán có đảm bảo không có gian lận không

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ có hai nguồn gốc theo VSA 705 đoạn 07: sai sót, khi kiểm toán viên có bằng chứng đầy đủ và kết luận một phần báo cáo lệch khuôn khổ; và giới hạn phạm vi, khi không thu thập đủ bằng chứng nên chưa biết báo cáo có lệch hay không. Giới hạn phạm vi có ba nhóm tình huống: ngoài kiểm soát của đơn vị, liên quan đến nội dung hoặc lịch trình kiểm toán, và do Ban Giám đốc đặt ra; chỉ nhóm thứ ba do Ban Giám đốc. Với công ty X giả định (tài sản 3.200, doanh thu 2.500, tồn kho 480, lợi

nhuận trước thuế 260), cùng khoản tồn kho cho ra ba tình huống: số kiểm kê thấp hơn sổ 42 là sai sót có con số, còn bổ nhiệm sau ngày kiểm kê hay bị không cho chứng kiến kiểm kê là giới hạn phạm vi, không có số lệch. Cần phân biệt vì người đọc kiểm chứng được khác nhau, giới hạn do Ban Giám đốc đặt ra có quy trình riêng, và hướng leo thang khác nhau. Hai nguồn không xếp trên một thang điểm; đó là tín hiệu để đọc đoạn cơ sở, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/y-kien-ngoai-tru-do-sai-sot-hay-do-gioi-han-pham-vi

Đoạn 'Vấn đề cần nhấn mạnh' trong báo cáo kiểm toán khác ý kiến ngoại trừ thế nào? Có phải tín hiệu xấu không?

Câu trả lời ngắn

Đoạn **"Vấn đề cần nhấn mạnh"** là đoạn đặt **sau** đoạn ý kiến, thu hút sự chú ý tới một vấn đề **đã được trình bày hoặc thuyết minh** trong báo cáo tài chính mà kiểm toán viên cho là đặc biệt quan trọng để hiểu báo cáo (VSA 706, đoạn 05 và 06). Khác biệt then chốt với ý kiến ngoại trừ: đoạn nhấn mạnh **không làm thay đổi ý kiến** (đoạn 07d), còn ý kiến ngoại trừ chính là một dạng ý kiến, đi kèm đoạn "Cơ sở" nêu lý do (VSA 705). Về câu hỏi "có phải tín hiệu xấu không": sự có mặt của đoạn này **chưa cho phép kết luận tốt hay xấu**. Nó là tấm biển chỉ đường tới một thuyết minh; điều đáng đọc là nội dung thuyết minh đó, và nội dung ấy có thể rất khác nhau.



So sánh ba đoạn dễ nhầm trong báo cáo kiểm toán: ý kiến ngoại trừ, vấn đề cần nhấn mạnh và vấn đề khác

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Ba đoạn dễ nhầm

Bảng đặt cạnh nhau ba loại đoạn hay bị gộp làm một. Vị trí các đoạn trong cả báo cáo đã nói ở bài cấu trúc báo cáo kiểm toán, còn bốn dạng ý kiến ở bài bốn loại ý kiến kiểm toán; ở đây chỉ so theo câu hỏi "đoạn này có đổi ý kiến không".

	Cơ sở và ý kiến ngoại trừ	Vấn đề cần nhấn mạnh	Vấn đề khác
Nói về điều gì	Vấn đề dẫn tới ý kiến không phải chấp nhận toàn phần (VSA 705)	Vấn đề **đã có** trong báo cáo tài chính, đặc biệt quan trọng để hiểu báo cáo (VSA 706, đoạn 05a)	Vấn đề **ngoài** báo cáo tài chính, giúp hiểu cuộc kiểm toán hoặc báo cáo kiểm toán (đoạn 05b)
Có đổi ý kiến không	Có: chính nó là dạng ý kiến	Không (đoạn 07d, A3)	Không; bổ sung sau khi đã hình thành ý kiến (đoạn 04)
Tiêu đề	"Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", "Ý kiến kiểm toán ngoại trừ"	"Vấn đề cần nhấn mạnh" hoặc "Các vấn đề cần nhấn mạnh" (đoạn 07b)	"Vấn đề khác" hoặc "Các vấn đề khác" (đoạn 08)

Chuẩn mực quy định gì về đoạn nhấn mạnh

Từ VSA 706, năm điểm đủ để đọc đúng:

1. **Chỉ trỏ tới điều đã có trong báo cáo tài chính** (đoạn 06). Đoạn 06 còn gắn việc dùng đoạn này với việc kiểm toán viên đã thu thập đủ bằng chứng cho thấy vấn đề đó không bị sai sót trọng yếu. Nói cách khác, vấn đề được nhấn mạnh thuộc loại "đã được trình bày hoặc thuyết minh phù hợp", chứ không phải loại bị xem là sai sót.
2. **Bốn yêu cầu về hình thức** (đoạn 07): đặt ngay sau đoạn ý kiến; dùng đúng tiêu đề; tham chiếu rõ vấn đề và thuyết minh liên quan; thể hiện ý kiến không bị thay đổi.
3. **Không thay thế** ý kiến ngoại trừ, trái ngược hay từ chối, và cũng không thay cho việc Ban Giám đốc phải trình bày thuyết minh theo khuôn khổ lập báo cáo (A3).
4. **Không nên dùng tràn lan** (A2): dùng rộng rãi làm giảm hiệu quả của việc trao đổi. Nếu đoạn nhấn mạnh thêm thông tin vượt thuyết minh, người đọc có thể hiểu vấn đề chưa được thuyết minh phù hợp; vì vậy đoạn này thường ngắn và chỉ trỏ sang thuyết minh. Tâm An không có nguồn về tần suất xuất hiện của nó, nên bài không đưa con số nào.
5. **Trao đổi trước với Ban quản trị** về dự định đưa đoạn này và dự thảo của nó (đoạn 09, A12).

Đoạn nhấn mạnh có thể trỏ tới những gì

Hướng dẫn A1 nêu ba ví dụ, đều là ví dụ chứ không phải danh sách đóng: sự không chắc chắn về kết quả tương lai của vụ kiện hoặc quyết định của cơ quan quản lý; việc áp dụng sớm một chuẩn mực kế toán mới (nếu được phép) mà ảnh hưởng lan toả tới báo cáo tài chính; một biến cố lớn đã hoặc đang ảnh hưởng đáng kể tới tình hình tài chính của đơn vị.

Phụ lục 01 của VSA 706 còn liệt kê bốn chuẩn mực khác (VSA 210, 560, 570 và 800) có quy định phải đưa đoạn nhấn mạnh trong trường hợp cụ thể. Bài chỉ đọc VSA 570 đoạn 19 và 20: khi báo cáo tài chính đã trình bày đầy đủ yếu tố không chắc chắn trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục, kiểm toán viên đưa ý kiến chấp nhận toàn phần kèm đoạn nhấn mạnh; nếu thuyết minh chưa đầy đủ thì phải là ý kiến ngoại trừ hoặc trái ngược.

Hai điều rút ra. **Cùng tên đoạn nhưng tính chất vấn đề rất khác nhau**: áp dụng sớm một chuẩn mực kế toán khác hẳn một yếu tố không chắc chắn về hoạt động liên tục. Và đoạn nhấn mạnh **không phải luôn "nhẹ"**. Cả hai chiều dẫn về một việc: đọc thuyết minh được trỏ tới.



Đoạn nhấn mạnh có thể trỏ tới những vấn đề rất khác nhau: vụ kiện chưa ngã ngũ, áp dụng sớm chuẩn mực mới, biến cố lớn, hoạt động liên tục

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, ví dụ theo hướng dẫn của chuẩn mực.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định, bốn tình huống

Giả sử công ty X có, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, không phải số liệu thật: tổng tài sản 3.000, vốn chủ sở hữu 1.200, doanh thu 2.400, lợi nhuận trước thuế 150. Bốn tình huống giả định khác nhau của báo cáo kiểm toán:

Tình huống (giả định)	Kiểm toán viên kết luận	Báo cáo kiểm toán có
A. Tháng 11 có hoả hoạn làm ngừng một dây chuyền ba tháng; tổn thất tài sản 45 đã ghi nhận và thuyết minh đầy đủ ở Thuyết minh số 31	Đủ bằng chứng, không còn sai sót trọng yếu	Ý kiến chấp nhận toàn phần, kèm "Vấn đề cần nhấn mạnh" trỏ tới Thuyết minh số 31
B. Khoản đầu tư ngắn hạn 200 chưa lập dự phòng giảm giá; theo đánh giá, cần lập thêm 40	Có sai sót trọng yếu, chưa lan toả	Ý kiến ngoại trừ, không có đoạn nhấn mạnh
C. Cả A và B xảy ra cùng một năm	Hai vấn đề khác nhau	Ý kiến ngoại trừ (về B) và đoạn nhấn mạnh (về A)
D. Cùng hoả hoạn như A, nhưng tổn thất 45 **chưa được ghi nhận**	Có sai sót ở khoản chưa ghi nhận	Ý kiến ngoại trừ về tổn thất, không phải đoạn nhấn mạnh



Công ty X giả định: bốn tình huống A, B, C, D cho thấy khi nào là đoạn nhấn mạnh, khi nào là ý kiến ngoại trừ, số liệu minh hoạ

Số liệu giả định, kiểm tính đúng.

Tính lại: ở tình huống A, tổn thất 45 bằng 1,5% tổng tài sản 3.000 và 3,75% vốn chủ sở hữu 1.200; lợi nhuận trước thuế 150 là con số **sau** khi đã trừ tổn thất (nếu không có hoả hoạn là 195). Ở tình huống B, dự phòng 40 làm lợi nhuận trước thuế từ 150 còn 110 (giảm 26,7%) và tổng tài sản từ 3.000 còn 2.960 (giảm 1,3%). Ở tình huống D, nếu ghi nhận tổn thất 45 thì lợi nhuận trước thuế từ 150 còn 105 (giảm 30,0%) và tổng tài sản giảm 1,5%. Đừng đọc các tỷ lệ này như ngưỡng: chuẩn mực không nêu ngưỡng nào để chọn giữa nhấn mạnh và ngoại trừ.

Điểm đáng nhìn là A và D: **cùng một sự kiện**, nhưng A được xử lý bằng đoạn nhấn mạnh vì sự kiện đã được ghi nhận và thuyết minh phù hợp, còn D thành ngoại trừ vì có sai sót. Đoạn nhấn mạnh không cứu được một khoản chưa ghi nhận (VSA 706, A3).

Đoạn trích giả định cho tình huống A, diễn đạt theo ý chuẩn mực, không phải văn bản của báo cáo thật nào. Lưu ý đoạn nhấn mạnh **không có con số**; con số nằm ở thuyết minh:

> **Vấn đề cần nhấn mạnh.** Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 31 của báo cáo tài chính, mô tả vụ hoả hoạn xảy ra tại một nhà máy của công ty X vào tháng 11 năm N và ảnh hưởng của vụ việc đến hoạt động. Ý kiến của chúng tôi không bị thay đổi do vấn đề này.

Ở tình huống C, đoạn nhấn mạnh đứng sau đoạn ý kiến ngoại trừ và nói rằng ý kiến ngoại trừ không liên quan đến vấn đề được nhấn mạnh. Bảng và đoạn trích chỉ minh hoạ cách phân biệt, không mô tả doanh nghiệp nào.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Tìm tiêu đề "Vấn đề cần nhấn mạnh"** ngay sau đoạn ý kiến (đoạn 07a); đọc theo tên đoạn, không theo số trang.
2. **Xác định loại ý kiến trước.** Đoạn nhấn mạnh có thể đi cùng ý kiến chấp nhận toàn phần, kể cả cùng ý kiến ngoại trừ (Phụ lục 03 của VSA 706 có ví dụ). Nguồn gốc của ý kiến ngoại trừ có bài riêng: do sai sót hay do giới hạn phạm vi.
3. **Mở thuyết minh được trỏ tới**, theo thứ tự đọc thuyết minh. Nên hỏi: sự kiện này là gì, đã ảnh hưởng số liệu nào, còn ảnh hưởng những kỳ sau không.
4. **Phân biệt người nói.** Thuyết minh là lời của Ban Giám đốc; đoạn nhấn mạnh là lời của kiểm toán viên và chỉ trỏ tới thuyết minh, không tự xác nhận hay bác bỏ từng ước tính trong đó.
5. **Khi ghép hai kỳ**, báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính 2026 theo Thông tư 99/2025/TT-BTC với mã số đánh lại; hãy ghép theo tên dòng, không theo mã số.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính đã kiểm toán thật, trục phân tích theo mã của Tâm An ghi nhận có hay không đoạn nhấn mạnh như một dữ kiện công bố, để gợi ý mở đúng thuyết minh được trỏ tới, không quy dữ kiện ấy thành điểm tốt hay xấu.

Điểm cần cẩn trọng

- **Căn cứ chuẩn mực có thể đổi.** Bài dựa trên bộ chuẩn mực ban hành kèm Thông tư 214/2012/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2014). Dự thảo thông tư ban hành 31 chuẩn mực mới, dự kiến hiệu lực 01/01/2027, mới ở mức dự thảo tính đến ngày kiểm; Tâm An chưa xác nhận bộ mới giữ nguyên quy định về đoạn nhấn mạnh hay không, và sẽ cập nhật tại chỗ nếu có thay đổi.
- **Bốn tình huống đã đơn giản hoá.** Báo cáo thật có thể có nhiều vấn đề cùng lúc, và chọn giữa nhấn mạnh với ngoại trừ là xét đoán của kiểm toán viên, không suy ra được từ con số bên ngoài.
- **Công bố thông tin.** Theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Điều 10 khoản 1 điểm b, công ty đại chúng kèm văn bản giải trình khi ý kiến không phải chấp nhận toàn phần; ý kiến chấp nhận toàn phần kèm đoạn nhấn mạnh vẫn gọi là chấp nhận toàn phần (VSA 570, đoạn 19). Bài không bàn nghĩa vụ theo các quy định khác; cần đối chiếu bản hợp nhất.

Đừng nói quá

- Không viết "đoạn nhấn mạnh là tín hiệu xấu", cũng không viết "đoạn nhấn mạnh là tín hiệu tốt hay chỉ là thủ tục": chuẩn mực không xếp đoạn này vào thang điểm nào, và nội dung được trỏ tới rất khác nhau.
- Không đếm số lần xuất hiện của đoạn này để xếp hạng doanh nghiệp, không dùng bài để kết luận về một cổ phiếu. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.
- Không viết "kiểm toán đã xác nhận mọi điều trong thuyết minh được nhấn mạnh": đoạn nhấn mạnh trỏ sang thuyết minh, không xác nhận từng ước tính. Về giới hạn của kiểm toán, xem bài kiểm toán có đảm bảo không có gian lận không.

Tín hiệu không phải kết luận

Một đoạn "Vấn đề cần nhấn mạnh" là cớ để đọc kỹ thuyết minh liên quan, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Nguyên nhân hợp lý khác cũng cho hình ảnh đó: một vụ kiện kéo dài, một chuẩn mực kế toán mới được áp dụng sớm, một biến cố đã được ghi nhận đầy đủ. Chỉ kiểm toán viên, cơ quan có thẩm quyền và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.

- VSA 706 "Đoạn Vấn đề cần nhấn mạnh và Vấn đề khác trong báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính" (ban hành kèm Thông tư 214/2012/TT-BTC): đoạn 04 đến 09, A1 đến A4, A12 và Phụ lục 01 đến 03; đọc bản đăng lại toàn văn, hiệu lực cần đối chiếu với nguồn chính thức.
- VSA 570 "Hoạt động liên tục": đoạn 17 đến 20, A21 và A22; VSA 705 "Ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần" (đoạn 16, 22): bản đăng lại toàn văn.
- Thông tư 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012 (hiệu lực 01/01/2014) và dự thảo thông tư ban hành 31 chuẩn mực kiểm toán (hiệu lực dự kiến 01/01/2027, mới ở mức dự thảo).
- Thông tư 96/2020/TT-BTC, Điều 10 khoản 1 (bản sao toàn văn văn bản gốc năm 2020; cần đối chiếu bản hợp nhất).
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python ngày 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Đọc thuyết minh theo thứ tự nào
- Báo cáo kiểm toán gồm những phần nào
- Bốn loại ý kiến kiểm toán
- Ý kiến ngoại trừ: sai sót hay giới hạn phạm vi
- Kiểm toán có đảm bảo không có gian lận không

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Đoạn "Vấn đề cần nhấn mạnh" nằm sau đoạn ý kiến, chỉ trỏ tới vấn đề đã được trình bày hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính và không làm thay đổi ý kiến (VSA 706, đoạn 05 đến 07); ý kiến ngoại trừ thì ngược lại, chính là một dạng ý kiến, kèm đoạn Cơ sở nêu lý do. Với công ty X giả định (tài sản 3.000, vốn chủ sở hữu 1.200, lợi nhuận trước thuế 150), cùng một vụ hoả hoạn gây tổn thất 45: nếu đã ghi nhận và thuyết minh đầy đủ thì ý kiến chấp nhận toàn phần kèm đoạn nhấn mạnh; nếu chưa ghi nhận thì lợi nhuận trước thuế từ 150 còn 105 và ý kiến có thể là ngoại trừ. Cùng tên đoạn có thể trỏ tới vấn đề rất khác nhau, từ vụ kiện hay chuẩn mực áp dụng sớm đến yếu tố không chắc chắn về hoạt động liên tục đã thuyết minh đầy đủ, nên điều cần đọc là thuyết minh được trỏ tới. Đoạn nhấn mạnh là cớ để đọc thêm, chưa phải tín hiệu tốt hay xấu và chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/doan-van-de-can-nhan-manh-khac-y-kien-ngoai-tru-the-nao

Kiểm toán có đảm bảo báo cáo tài chính không có gian lận không? Vì sao kiểm toán viên không thể 'bắt' hết sai sót?

Câu trả lời ngắn

Không. Báo cáo kiểm toán là ý kiến của kiểm toán viên trên cơ sở **đảm bảo hợp lý**, không phải lời cam kết rằng báo cáo tài chính hết sai sót hay không có gian lận. Theo VSA 200 (đoạn 05 và 13), đảm bảo hợp lý là đảm bảo ở **mức độ cao nhưng không phải tuyệt đối**, vì luôn có hạn chế vốn có của cuộc kiểm toán. VSA 240 (đoạn 05 và 06) nói thêm rằng hạn chế này không chia đều: nó nặng nhất với sai sót cố ý, vì hồ sơ có thể bị giả mạo, bị giấu hoặc có thông đồng. Nhưng kiểm toán không vô dụng: kiểm toán viên vẫn phải chủ động xử lý rủi ro sai sót cố ý, và sai sót được phát hiện về sau chưa tự nó chứng minh cuộc kiểm toán đã làm sai (VSA 200, A52). Bài không nói về doanh nghiệp hay kiểm toán viên cụ thể nào.



Ba nguồn hạn chế vốn có khiến kiểm toán chỉ đạt đảm bảo hợp lý, không phải tuyệt đối

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Đảm bảo hợp lý và rủi ro kiểm toán

Kiểm toán viên phải đạt được đảm bảo hợp lý rằng báo cáo, xét tổng thể, không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn, bằng cách thu thập đủ bằng chứng thích hợp để đưa **rủi ro kiểm toán** xuống mức thấp có thể chấp nhận được (VSA 200, đoạn 05). Chữ then chốt là "thấp", chứ không phải bằng không. Rủi ro kiểm toán là rủi ro đưa ra ý kiến không phù hợp khi báo cáo vẫn còn sai sót trọng yếu (đoạn 13, điểm c), gồm ba thành phần:

Thành phần	Thuộc về	Nội dung theo chuẩn mực
Rủi ro tiềm tàng	Đơn vị	Khoản mục có thể chứa sai sót trọng yếu trước khi xét kiểm soát; cao hơn với ước tính (A38)
Rủi ro kiểm soát	Đơn vị	Kiểm soát nội bộ không ngăn chặn hoặc phát hiện kịp; kiểm soát tốt cũng chỉ giảm bớt, vì có thể bị vô hiệu do thông đồng hay lạm quyền (A39)
Rủi ro phát hiện	Thủ tục	Thủ tục đã làm vẫn không phát hiện hết; chỉ giảm bớt, không loại trừ (13e, A44)

Hai thành phần đầu tồn tại độc lập với cuộc kiểm toán (A37). Kiểm toán viên chỉ tác động được vào thành phần thứ ba, theo quan hệ trái chiều: rủi ro có sai sót trọng yếu càng cao thì rủi ro phát hiện chấp nhận được càng thấp (A42).



Rủi ro kiểm toán gồm rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát và rủi ro phát hiện

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Ba nguồn hạn chế vốn có

VSA 200 (A45) nói kiểm toán viên không thể loại trừ hoàn toàn rủi ro kiểm toán; hầu hết bằng chứng mang tính thuyết phục hơn là khẳng định chắc chắn.

1. **Bản chất của việc lập báo cáo (A46).** Báo cáo gồm nhiều xét đoán và ước tính; có khoản mục mà nhiều cách hiểu đều chấp nhận được, nên có độ dao động mà thủ tục bổ sung cũng không loại hết.
2. **Bản chất của thủ tục kiểm toán (A47).** Thông tin có thể bị cố ý hay vô ý không cung cấp đủ; hành vi sai trái có thể tinh vi, như thông đồng giả mạo chứng từ, mà kiểm toán viên không được đào tạo làm chuyên gia xác minh chứng từ giả. Kiểm toán không phải cuộc điều tra hay thanh tra, nên không có quyền khám xét như cơ quan pháp luật.

3. **Thời gian và chi phí (A48 và A49).** Người dùng muốn có báo cáo trong thời gian và chi phí hợp lý, nên kiểm toán viên không thể xem xét mọi thông tin và tập trung nguồn lực vào phần hành nhiều rủi ro hơn.

Điểm cân bằng nằm ngay trong chuẩn mực: không được viện cớ thời gian hay chi phí để bỏ thủ tục mà không có thủ tục thay thế (A48), cũng không được dùng hạn chế vốn có để biện hộ cho bằng chứng chưa đủ thuyết phục (A52).

Vì sao sai sót cố ý khó bắt hơn nhầm lẫn

VSA 240 phân biệt hai loại theo hành vi cố ý hay không (đoạn 02); kiểm toán viên không đưa ra quyết định pháp lý về việc có gian lận thực sự hay không (đoạn 03), và việc ngăn ngừa, phát hiện trước hết thuộc về Ban Giám đốc và Ban quản trị (đoạn 04). Lý do sai sót cố ý khó phát hiện hơn (đoạn 06 đến 08, 13, 31):

- Hành vi có thể được tổ chức chặt chẽ để giấu, như giả mạo hồ sơ; khi có thông đồng, bằng chứng giả có thể khiến kiểm toán viên tin là thuyết phục.
- Rủi ro bỏ sót cao hơn khi người thực hiện là Ban Giám đốc, vì họ có điều kiện khống chế kiểm soát; rủi ro này có thể tồn tại ở mọi đơn vị.
- Thủ tục hiệu quả với nhầm lẫn có thể không hiệu quả với gian lận, và kiểm toán viên được thừa nhận chứng từ là xác thực trừ khi có lý do nghi ngờ.

VSA 200 (A51) nêu bốn vùng mà hạn chế vốn có ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng phát hiện, không phải vùng chắc chắn có vấn đề: gian lận liên quan đến Ban Giám đốc hoặc có thông đồng; sự hiện hữu và đầy đủ của giao dịch với bên liên quan; hành vi không tuân thủ pháp luật; và sự kiện tương lai ảnh hưởng đến hoạt động liên tục. Đó là các vùng "khó kiểm chứng hơn".

"Không bắt hết" không có nghĩa là "không làm gì"

VSA 240 đặt ra các yêu cầu cụ thể. Kiểm toán viên phải hoài nghi nghề nghiệp ngay cả khi đã biết về sự chính trực của Ban Giám đốc (đoạn 12); thảo luận trong nhóm về chỗ báo cáo dễ có sai sót cố ý (đoạn 15); phỏng vấn Ban Giám đốc, kiểm toán nội bộ và Ban quản trị (đoạn 17 đến 21); và coi doanh thu là khu vực có rủi ro gian lận, không phải vì nghi ngờ doanh nghiệp nào mà là giả định thận trọng, trừ khi ghi chép lý do khác (đoạn 26).

Bất kể đánh giá rủi ro ra sao, họ luôn phải kiểm tra bút toán ghi sổ và điều chỉnh (nhất là cuối kỳ), soát xét ước tính xem có thiên lệch không, và xét lý do kinh tế của giao dịch quan trọng ngoài hoạt động bình thường (đoạn 32). Chuẩn mực không hứa bắt hết, nhưng đòi hỏi thủ tục cụ thể để tăng cơ hội phát hiện.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định

Giả sử công ty X có, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt: tổng tài sản 3.000, doanh thu 2.400, lợi nhuận trước thuế 180.

Ví dụ 1: quan hệ giữa các rủi ro. Giả sử chấp nhận rủi ro kiểm toán 5% và trình bày theo mô hình nhân trong giáo trình. Rủi ro có sai sót trọng yếu đánh giá 20% thì rủi ro phát hiện chấp nhận được là 25%; đánh giá 50% thì còn 10%; đánh giá 100% thì còn 5%. Chuẩn mực không quy định tỷ lệ nào (A40); ví dụ chỉ để thấy chiều trái ngược (A42).

Ví dụ 2: chọn mẫu không thể hứa "bắt hết". Giả sử công ty X có 12.000 giao dịch bán hàng, trong đó 48 (0,4%) ghi sai. Nếu chỉ chọn ngẫu nhiên đơn giản 120 giao dịch (1,0%), xác suất mẫu không chứa giao dịch sai nào là 61,7%; tăng mẫu gấp bốn lên 480, xác suất bỏ sót tất cả vẫn là 14,0%. Đây là phép tính minh hoạ, không phải cỡ mẫu thực hành: kiểm toán viên kết hợp nhiều thủ tục. Tăng mẫu làm tăng chi phí mà không đưa rủi ro về không (A45, A48).

Ví dụ 3: ba sai sót khác nhau trong cùng báo cáo.

Tình huống (giả định)	Số tiền, so với lợi nhuận trước thuế	Dễ hay khó lộ
A. Nhầm lẫn: ghi nhầm kỳ một lô hàng cuối năm	8, tức 4,4%	Có dấu vết chứng từ thật, đối chiếu được ngày giao nhận
B. Cố ý của nhân viên: biển thủ khoản nhỏ bằng chứng từ giả	3, tức 1,7%	Nhỏ, giấu kỹ; giả sử kiểm toán viên xét là chưa trọng yếu
C. Cố ý, do Ban Giám đốc cùng bên thứ ba: ghi doanh thu kèm chứng từ giả trông hợp lệ	45, tức 25,0% (1,9% doanh thu)	Khống chế kiểm soát và thông đồng; bằng chứng có thể trông thuyết phục



Công ty X giả định: ba loại sai sót và độ khó phát hiện, số liệu minh hoạ

Số liệu giả định, kiểm tính đúng.

Tính lại: lợi nhuận trước thuế 180 thành 172 nếu sửa A, 177 nếu sửa B và 135 nếu sửa C. Con số 45 là 25,0% lợi nhuận nhưng chỉ 1,9% doanh thu, nên "trọng yếu" phụ thuộc xét đoán về cơ sở so sánh; VSA 200 (đoạn 06) không nêu ngưỡng, bài cũng không nêu. Cũng theo đoạn đó, kiểm toán viên không có

trách nhiệm phát hiện sai sót không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo, nên B có thể không bị bắt mà không trái chuẩn mực. Ở C, các thủ tục theo đoạn 32 cho cơ hội lộ ra, nhưng không bảo đảm chắc chắn.

Đoạn trích giả định từ báo cáo kiểm toán của công ty X (diễn đạt theo ý chuẩn mực, không phải báo cáo thật):

> **Trách nhiệm của kiểm toán viên.** Chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của công ty X có còn sai sót trọng yếu hay không. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu, không phân biệt do gian lận hay nhầm lẫn.

Hai cụm "đảm bảo hợp lý" và "đánh giá rủi ro" là chỗ báo cáo thật nói về giới hạn công việc (VSA 700, đoạn 30 và 31).

Cách đọc trên báo cáo

1. **Đọc đoạn trách nhiệm của kiểm toán viên** trong báo cáo kiểm toán, chú ý cụm "đảm bảo hợp lý".
2. **Hiểu ý kiến chấp nhận toàn phần đúng mức.** Theo VSA 700 (đoạn 11), đó là kết luận đã đạt đảm bảo hợp lý và có đủ bằng chứng thích hợp trong phạm vi công việc đã làm, không phải bảo chứng từng con số (xem bốn loại ý kiến).
3. **Đọc kỹ thuyết minh ở vùng khó kiểm chứng hơn** (A51): ước tính, bên liên quan, hoạt động liên tục; kỹ hơn vì khó kiểm chứng, không phải vì chắc có sai sót.
4. **Phân biệt mức đảm bảo.** Tự lập, soát xét và kiểm toán không cho cùng mức đảm bảo; bài so sánh ba loại nói riêng.
5. **Không dùng công cụ này thay công cụ kia.** Điểm sàng lọc chỉ để đặt câu hỏi, và điểm cao không có nghĩa là gian lận; "đã kiểm toán" cũng không có nghĩa là "hết rủi ro".

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính đã kiểm toán thật, trục phân tích theo mã của Tâm An ghi nhận loại ý kiến như một dữ kiện công bố để mở đoạn cơ sở và thuyết minh, không quy "đã kiểm toán" thành điểm an toàn và không dùng nó để xếp hạng.

Điểm cần cẩn trọng

- Bài mô tả bộ chuẩn mực đang được tra cứu là còn hiệu lực (Thông tư 214/2012/TT-BTC), đọc từ bản đăng lại; hiệu lực cần đối chiếu nguồn chính thức. Bộ chuẩn mực mới, dự kiến hiệu lực 01/01/2027, mới ở mức dự thảo tính đến ngày kiểm; nếu ban hành, câu chữ và số đoạn có thể đổi và bài sẽ được cập nhật.
- Mô hình nhân ở ví dụ 1 là cách trình bày trong giáo trình, không phải công thức bắt buộc; ví dụ chọn mẫu chỉ là phép tính xác suất.

Đừng nói quá

- Không viết "đã kiểm toán nghĩa là không có gian lận": chuẩn mực nói rõ chỉ đạt đảm bảo hợp lý.

- Không viết "báo cáo sau bị phát hiện sai nghĩa là kiểm toán viên làm ẩu": theo A52, phải xét thủ tục đã làm và bằng chứng đã thu thập trong hoàn cảnh cụ thể.
- Không dùng bài này để nhận xét một hãng kiểm toán hay một cổ phiếu cụ thể. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Hiểu giới hạn của kiểm toán giúp đọc báo cáo tỉnh táo hơn, nhưng chưa phải bằng chứng về điều gì của một doanh nghiệp cụ thể. Ý kiến chấp nhận toàn phần chưa phải kết luận rằng báo cáo hoàn toàn đúng; các vùng khó kiểm chứng là chỗ để đọc kỹ thuyết minh và đặt thêm câu hỏi, chưa phải dấu hiệu sai phạm. Chỉ kiểm toán viên, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.

- VSA 200 (đoạn 02 đến 06, 11, 13, A37 đến A52), VSA 240 (đoạn 02 đến 08, 12, 13, 15, 17 đến 21, 26, 31, 32) và VSA 700 (đoạn 11, 30, 31): ban hành kèm Thông tư 214/2012/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2014). Bài đọc toàn văn bản đăng lại; hiệu lực cần đối chiếu nguồn chính thức.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python, ngày 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Giao dịch với bên liên quan là gì
- Báo cáo kiểm toán gồm những phần nào
- Bốn loại ý kiến kiểm toán
- Tự lập, soát xét và kiểm toán khác nhau thế nào
- Vì sao điểm sàng lọc cao không có nghĩa là gian lận

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Kiểm toán không đảm bảo báo cáo tài chính không có gian lận. Theo VSA 200, kiểm toán viên chỉ phải đạt đảm bảo hợp lý, tức mức độ cao nhưng không tuyệt đối, và đưa rủi ro kiểm toán xuống mức thấp có thể chấp nhận được, không phải bằng không. Rủi ro gồm rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát của đơn vị, cùng rủi ro phát hiện của thủ tục. Hạn chế vốn có đến từ ba nguồn: bản chất lập báo cáo, bản chất thủ tục kiểm toán, và thời gian chi phí. Theo VSA 240, sai sót cố ý khó phát hiện hơn vì có thể bị giấu, có thông đồng, hoặc do Ban Giám đốc khống chế kiểm soát. Với công ty X giả định (lợi nhuận trước thuế 180), ba sai sót 8, 3 và 45 có độ khó lộ rất khác nhau. Kiểm toán viên vẫn phải hoài nghi nghề nghiệp, thảo luận nhóm và kiểm tra bút toán cuối kỳ. Đã kiểm toán chưa có nghĩa là hết rủi ro, và các vùng khó kiểm chứng là chỗ để đọc kỹ thuyết minh, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/kiem-toan-co-dam-bao-bao-cao-tai-chinh-khong-co-gian-lan-khong

Báo cáo tài chính tự lập, soát xét và kiểm toán khác nhau thế nào? Mức đảm bảo ra sao?

Câu trả lời ngắn

Ba loại báo cáo tài chính này khác nhau ở một điểm cốt lõi: **có bên độc lập đứng ra xác nhận hay không, và xác nhận ở mức nào**. Báo cáo **tự lập** do Ban Giám đốc lập, chưa có bên độc lập nào xác nhận. Báo cáo **soát xét** có kiểm toán viên thực hiện, chủ yếu bằng phỏng vấn và thủ tục phân tích, cho **đảm bảo có giới hạn** (VSRE 2400, đoạn 05). Báo cáo **kiểm toán** có kiểm toán viên thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp, cho **đảm bảo hợp lý** (VSA 200, đoạn 05 và 11). Cả ba vẫn là báo cáo do Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập: soát xét hay kiểm toán không chuyển trách nhiệm ấy sang kiểm toán viên. Với công ty niêm yết, theo bản gốc Thông tư 96/2020/TT-BTC, báo cáo quý có thể công bố khi chưa soát xét, báo cáo bán niên phải được soát xét, báo cáo năm phải được kiểm toán. Mức cao hơn là cách xếp tầng độ tin cậy, không phải điểm số.



Ba lớp báo cáo tài chính: tự lập, soát xét và kiểm toán, với ba mức đảm bảo khác nhau

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Ba lớp trong một bảng

Lớp	Ai thực hiện	Làm gì	Mức đảm bảo	Dạng câu kết luận
Tự lập	Ban Giám đốc lập	Lập theo chuẩn mực và chế độ kế toán	Chưa có xác nhận độc lập	Không có
Soát xét	Tổ chức kiểm toán	Chủ yếu phỏng vấn, thủ tục phân tích và thủ tục soát xét khác	Có giới hạn	"Không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo không phản ánh trung thực và hợp lý"
Kiểm toán	Tổ chức kiểm toán	Đánh giá rủi ro, thu thập đủ bằng chứng thích hợp	Hợp lý	"Báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu"

"Tự lập" là cách gọi của bài, không phải thuật ngữ trong chuẩn mực hay Thông tư 96.

Lớp một: báo cáo tự lập

Theo VSA 200 (đoạn 04), báo cáo tài chính do Ban Giám đốc lập với sự giám sát của Ban quản trị, đã ký tên, đóng dấu. Báo cáo quý của công ty niêm yết phải là dạng đầy đủ theo chuẩn mực kế toán về báo cáo giữa niên độ (Thông tư 96, Điều 14 khoản 3 điểm a). Chưa soát xét không có nghĩa là không có quy tắc; điều thiếu là bên độc lập kiểm tra và nêu kết luận.

Lớp hai: báo cáo soát xét

Chuẩn mực soát xét (VSRE 2400, ban hành kèm Thông tư 65/2015/TT-BTC) viết thẳng: soát xét là dịch vụ **đảm bảo có giới hạn** (đoạn 05). Đoạn 17 điểm (f) định nghĩa: đó là mức đạt được khi rủi ro của hợp đồng được giảm tới mức chấp nhận được trong điều kiện cụ thể, nhưng vẫn **cao hơn** rủi ro của hợp đồng đảm bảo hợp lý. Kiểm toán viên chủ yếu phỏng vấn và phân tích (đoạn 07).

Với báo cáo giữa niên độ do kiểm toán viên của chính đơn vị soát xét, như báo cáo bán niên, áp dụng VSRE 2410, nói rõ ba điều:

- **Mục đích khác kiểm toán.** Soát xét không cung cấp căn cứ để đưa ý kiến về tính trung thực và hợp lý (đoạn 08) và không được thiết kế để đạt đảm bảo hợp lý (đoạn 09).
- **Thủ tục.** Phỏng vấn, chủ yếu người phụ trách tài chính kế toán, cùng thủ tục phân tích; thông thường không đòi hỏi kiểm tra, quan sát hay xác nhận sổ, tài liệu kế toán (đoạn 19 và 20).
- **Báo cáo nói rõ giới hạn.** Báo cáo soát xét nêu phạm vi hẹp hơn đáng kể so với kiểm toán, nên không đảm bảo biết toàn bộ vấn đề trọng yếu như kiểm toán, và không đưa ra ý kiến kiểm toán (đoạn 43 điểm h).

Về tên gọi: một số tài liệu gọi mức này là "đảm bảo vừa phải", còn hai chuẩn mực đã đọc dùng "đảm bảo có giới hạn" (VSRE 2400) và "một mức độ có giới hạn" (VSRE 2410, đoạn 07), nên bài theo chuẩn mực. Soát xét cũng có thể ra kết luận ngoại trừ hoặc trái ngược (đoạn 45 đến 47), cùng khái niệm "trọng yếu" và "lan toả" với bài bốn loại ý kiến kiểm toán.

Lớp ba: báo cáo kiểm toán

Luật Kiểm toán độc lập (Điều 5 khoản 9) định nghĩa kiểm toán báo cáo tài chính là việc kiểm tra và đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu. VSA 200 (đoạn 05) nói đảm bảo hợp lý là đảm bảo ở **mức độ cao**, chỉ đạt được khi thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp, nhưng **không phải đảm bảo tuyệt đối** vì luôn có hạn chế vốn có. Đoạn 07 nêu ba việc: đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu, thu thập đủ bằng chứng, rồi hình thành ý kiến. Giới hạn của kiểm toán có bài riêng về kiểm toán có đảm bảo không có gian lận không; bài này chỉ đặt kiểm toán cạnh hai lớp còn lại.

Thời điểm công bố của công ty niêm yết

Theo bản gốc Thông tư 96/2020/TT-BTC (cần đối chiếu bản hợp nhất):

Báo cáo	Lớp	Hạn công bố	Điều
Báo cáo quý	Chưa soát xét	20 ngày kể từ ngày kết thúc quý; 30 ngày nếu là công ty mẹ hoặc đơn vị kế toán cấp trên	Điều 14.3
Báo cáo quý đã soát xét (nếu có)	Soát xét	5 ngày kể từ ngày ký, không quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Điều 14.3
Báo cáo bán niên	Soát xét, bắt buộc	5 ngày kể từ ngày ký, không quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm (60 ngày với công ty mẹ)	Điều 14.2
Báo cáo năm	Kiểm toán, bắt buộc	10 ngày kể từ ngày ký báo cáo kiểm toán, không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Điều 10.1

Bản đã soát xét hoặc đã kiểm toán phải đăng kèm kết luận soát xét hay báo cáo kiểm toán, và kèm văn bản giải trình nếu kết luận hoặc ý kiến không phải chấp nhận toàn phần. Điều 14 khoản 4 điểm c còn yêu cầu giải trình khi lợi nhuận sau thuế chênh từ 5% trở lên giữa trước và sau soát xét hoặc kiểm toán. Cách tính ngày ở bài hạn công bố báo cáo tài chính quý, bán niên và năm; nguyên nhân chênh lệch ở bài lợi nhuận trước và sau kiểm toán.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định, một năm ba lớp

Giả sử công ty X niêm yết, năm tài chính trùng năm dương lịch, không phải công ty mẹ. Mọi số dưới đây là **giả định**, tỷ đồng, đã tính lại bằng Python; chỉ minh hoạ, không phải tỷ lệ phát hiện thực tế.

Mốc (giả định)	Báo cáo	Lớp	Hạn tối đa theo bản gốc TT96	Lợi nhuận sau thuế lũy kế
Quý 2	Báo cáo quý 2	Chưa soát xét	20 ngày: 20/7	200
Bán niên	Báo cáo bán niên	Soát xét	45 ngày: 14/8	194
Quý 4	Báo cáo quý 4	Chưa kiểm toán	20 ngày: 20/1 năm sau	430
Năm	Báo cáo năm	Kiểm toán	90 ngày: 31/3 (30/3 nếu năm nhuận)	400



Công ty X giả định: số lợi nhuận qua ba lớp, từ 200 xuống 194 sau soát xét và từ 430 xuống 400 sau kiểm toán

Số liệu giả định, kiểm tính đúng.

Tình huống A, bán niên. Phân tích cho thấy phải thu tăng nhanh hơn doanh thu; sau khi hỏi Ban Giám đốc, hai bên thống nhất bổ sung dự phòng 6. Lợi nhuận sáu tháng từ 200 còn 194, giảm 3,0%, thấp hơn 5% nên xét riêng điểm c khoản 4 Điều 14, chưa phát sinh yêu cầu giải trình về chênh lệch này.

Tình huống B, năm. Số lũy kế bốn quý đã công bố là 430 (đã gồm điều chỉnh 6). Khi kiểm toán, thu thập thêm bằng chứng dẫn tới điều chỉnh dự phòng giảm giá hàng tồn kho 18 và dự phòng phải thu 12, tổng 30. Số sau kiểm toán là 400, giảm 7,0%, từ 5% trở lên nên doanh nghiệp phải giải trình nguyên nhân theo điều khoản trên.

Đoạn kết luận giả định, diễn đạt theo ý của chuẩn mực, không phải văn bản của báo cáo thật nào:

> **Báo cáo soát xét.** Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty X không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại ngày 30/6 và kết quả kinh doanh sáu

> tháng kết thúc cùng ngày. **Báo cáo kiểm toán.** Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty X tại ngày 31/12/N.

Soát xét nói bằng cách phủ định ("không thấy có vấn đề"), kiểm toán nói bằng cách khẳng định có điều kiện ("đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu"). Số 400 có mức đảm bảo cao nhất trong bảng, vẫn không phải số tuyệt đối đúng.



Hai lớp câu chữ: soát xét nói không thấy có vấn đề, kiểm toán nói đã phản ánh trung thực và hợp lý

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, câu chữ rút gọn.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Tìm văn bản của tổ chức kiểm toán đi kèm.** Báo cáo soát xét giữa niên độ có tiêu đề kiểu "Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ"; báo cáo kiểm toán có tiêu đề "Báo cáo kiểm toán độc lập". Hồ sơ không có văn bản nào thì nên hiểu bộ báo cáo chưa qua lớp ấy, trừ khi doanh nghiệp ghi khác (gợi ý của Tâm An).
2. **Đọc câu kết luận.** "Không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng" là dạng của soát xét; "đã phản ánh trung thực và hợp lý" là dạng của kiểm toán. Cấu trúc báo cáo kiểm toán và thứ tự đọc nằm ở bài về các phần của báo cáo kiểm toán.
3. **So số qua các lớp.** Đặt số quý cạnh số bán niên và số năm, ghi chênh lệch và đọc giải trình nếu có. Chênh lệch chưa nói gì về động cơ của ai.
4. **Nếu kết luận không phải chấp nhận toàn phần,** đọc đoạn cơ sở và văn bản giải trình; giải trình là lời của doanh nghiệp, không phải của kiểm toán viên.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo thật, trục phân tích theo mã của Tâm An ghi mỗi bộ số thuộc lớp nào cạnh số liệu như một dữ kiện công bố, không quy thành điểm tốt hay xấu và không dùng để xếp hạng.

Điểm cần cẩn trọng

- Chuẩn mực trong bài được đọc từ bản đăng lại, hiệu lực cần đối chiếu; bộ chuẩn mực kiểm toán mới mới ở mức dự thảo tính đến ngày kiểm.
- Bảng hạn dựa trên bản gốc Thông tư 96/2020, áp dụng cho công ty niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn; thông tư đã được sửa và có dự thảo thay thế. Ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có thể có quy định riêng, bài chưa tra.
- Công ty X và hai tình huống đã được đơn giản hoá; một số doanh nghiệp tự nguyện soát xét thêm, bài không nêu tỷ lệ.

Đừng nói quá

- Không viết "soát xét chỉ là kiểm toán nhẹ nên tin ngang nhau": hai lớp khác mức đảm bảo, thủ tục và dạng câu kết luận.
- Không viết "báo cáo chưa soát xét là sai hay đáng ngờ": đó chỉ là chưa có lớp xác nhận độc lập.
- Không viết "đã kiểm toán là đúng tuyệt đối hay không còn gian lận": đảm bảo hợp lý không phải đảm bảo tuyệt đối.
- Không dùng chênh lệch trước và sau kiểm toán để quy kết ai, không dùng bài này để kết luận về một cổ phiếu. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Một báo cáo thuộc lớp nào là dữ kiện để biết nên đọc với mức tin cậy ra sao và tìm phần nào trong hồ sơ, chưa phải đánh giá về doanh nghiệp. Chỉ kiểm toán viên, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về một doanh nghiệp.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.

- VSA 200 (đoạn 03, 04, 05, 07, 11), VSRE 2400 (đoạn 02, 05, 07, 14, 17) và VSRE 2410 (đoạn 01 đến 03, 07 đến 09, 19 đến 21, 43, 45 đến 47, Phụ lục 04), ban hành kèm Thông tư 214/2012/TT-BTC và Thông tư 65/2015/TT-BTC: đọc từ bản đăng lại, hiệu lực cần đối chiếu với nguồn chính thức.
- Thông tư 96/2020/TT-BTC, Điều 3, Điều 10 khoản 1, Điều 14 khoản 2 đến 4, và Luật Kiểm toán độc lập 67/2011/QH12, Điều 5 khoản 9: bản sao toàn văn; cần đối chiếu bản hợp nhất.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại ngày 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Báo cáo kiểm toán gồm những phần nào
- Bốn loại ý kiến kiểm toán
- Kiểm toán có đảm bảo không có gian lận không
- Vì sao lợi nhuận trước và sau kiểm toán có thể chênh nhau

- Hạn công bố báo cáo tài chính quý, bán niên và năm

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính có ba lớp xác nhận. Tự lập do Ban Giám đốc lập, chưa có bên độc lập xác nhận. Soát xét do kiểm toán viên thực hiện, chủ yếu phỏng vấn và thủ tục phân tích, cho đảm bảo có giới hạn theo VSRE 2400 và 2410, câu kết luận có dạng không thấy có vấn đề gì khiến cho rằng báo cáo không phản ánh trung thực và hợp lý. Kiểm toán thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp, cho đảm bảo hợp lý theo VSA 200, mức độ cao nhưng không tuyệt đối. Theo bản gốc Thông tư 96 năm 2020, công ty niêm yết công bố báo cáo quý trong 20 ngày có thể chưa soát xét, báo cáo bán niên phải soát xét, tối đa 45 ngày, báo cáo năm phải kiểm toán, tối đa 90 ngày, kèm giải trình nếu kết luận không phải chấp nhận toàn phần. Công ty X giả định: lợi nhuận sáu tháng từ 200 còn 194 sau soát xét, giảm 3,0%; lợi nhuận năm từ 430 còn 400 sau kiểm toán, giảm 7,0%, từ 5% trở lên nên phải giải trình. Mức xác nhận cao hơn không phải điểm số và không phải bảo đảm tuyệt đối; lớp báo cáo chỉ cho biết nên đọc với mức tin cậy nào, chưa phải kết luận về doanh nghiệp.

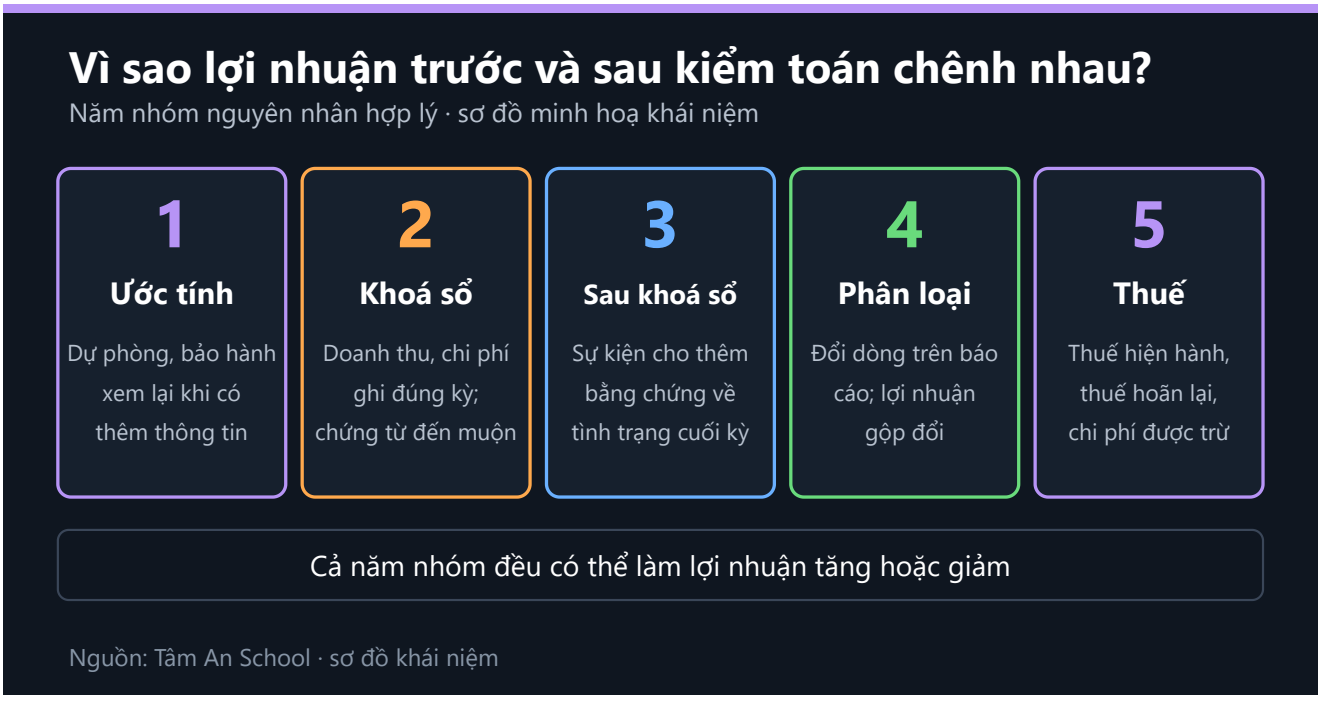
Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/bao-cao-tai-chinh-tu-lap-soat-xet-va-kiem-toan-khac-nhau-the-nao

Vì sao lợi nhuận trước và sau kiểm toán có thể chênh nhau? Những nguyên nhân hợp lý và khi nào nên hỏi thêm

Câu trả lời ngắn

Lợi nhuận "trước kiểm toán" và "sau kiểm toán" có thể khác nhau vì hai bản số liệu được chốt ở hai thời điểm, với lượng bằng chứng khác nhau. Kiểm toán viên tổng hợp các sai sót phát hiện được và yêu cầu Ban Giám đốc điều chỉnh (VSA 450, đoạn 08); điều chỉnh thì số liệu đổi. Nguyên nhân hợp lý thường rơi vào năm nhóm: **ước tính kế toán** được xem lại, **ghi nhận đúng kỳ** (khoá sổ), **sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**, **phân loại** giữa các dòng, và **thuế**. Chênh lệch có thể làm lợi nhuận tăng hoặc giảm. Với tổ chức niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn, Thông tư 96/2020 yêu cầu giải trình khi lợi nhuận sau thuế chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên. Bản thân chênh lệch chưa nói doanh nghiệp tốt hay xấu; thứ đáng đọc là giải trình từng khoản.



Năm nhóm nguyên nhân hợp lý khiến lợi nhuận trước và sau kiểm toán chênh nhau

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Hai bản số liệu, hai thời điểm

"Trước kiểm toán" là số do doanh nghiệp tự lập: có thể là báo cáo tài chính quý đã công bố (Thông tư 99/2025, Điều 15 khoản 2, nêu báo cáo quý gồm cả quý IV), hoặc bản đang lập trong lúc kiểm toán. "Sau kiểm toán" là báo cáo năm đi kèm báo cáo kiểm toán. Với công ty niêm yết, bản gốc Thông tư 96/2020 đặt hai mốc:

Báo cáo	Thời hạn công bố (bản gốc 2020)
Báo cáo tài chính quý (hoặc quý đã soát xét, nếu có)	20 ngày kể từ ngày kết thúc quý; 30 ngày nếu là công ty mẹ hoặc đơn vị kế toán cấp trên (Điều 14 khoản 3)
Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán	10 ngày kể từ ngày ký báo cáo kiểm toán, tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính (Điều 10 khoản 1 điểm c)

Giữa hai mốc là lúc kiểm toán thu thập bằng chứng; báo cáo quý lập trong thời hạn ngắn hơn nên có thể còn ước tính hay chứng từ chưa đủ (cách giải thích chung, không khẳng định đúng với doanh nghiệp nào). Số sau kiểm toán cũng không phải số "đúng tuyệt đối": chuẩn mực tính đến cả sai sót không được điều chỉnh (VSA 450, đoạn 11).

Năm nhóm nguyên nhân hợp lý

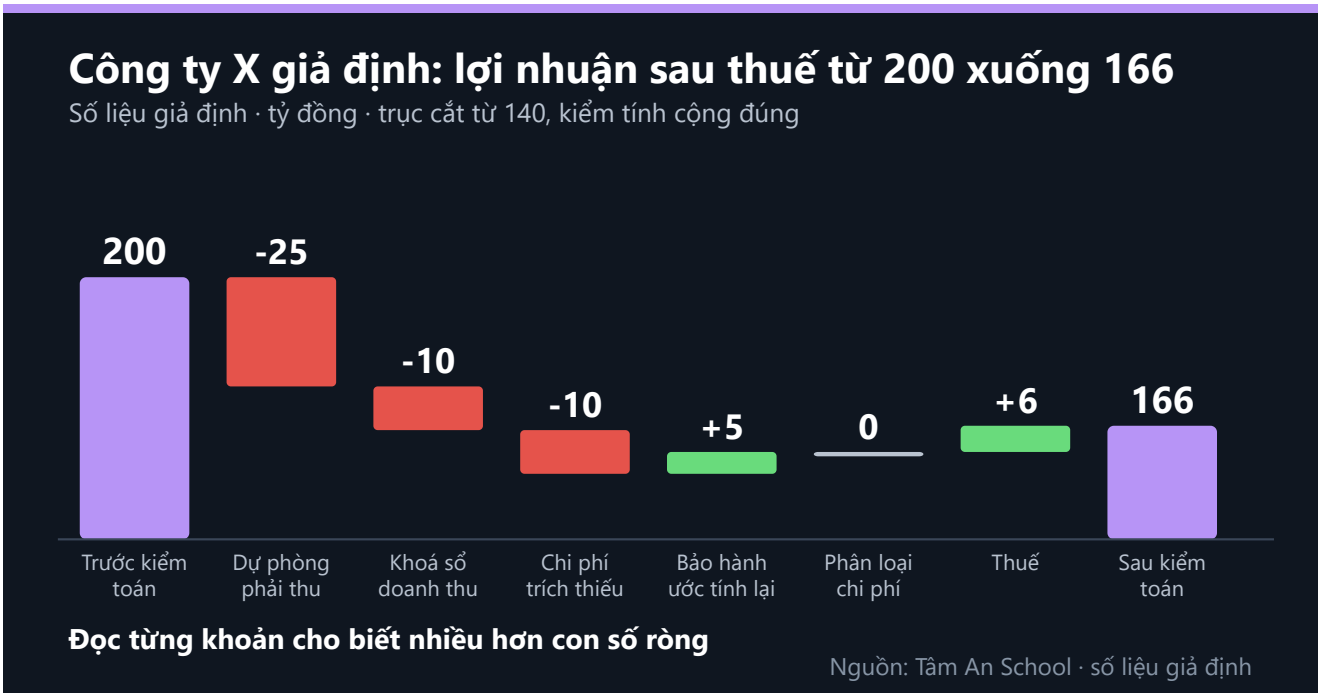
1. **Ước tính kế toán được xem lại.** VSA 540 (đoạn 07) định nghĩa ước tính kế toán là giá trị tiền tệ gần đúng khi không có phương pháp đo lường chính xác. VAS 29 (đoạn 15, 17) nêu ví dụ như phải thu khó đòi, hàng tồn kho lỗi thời, nghĩa vụ bảo hành, và nói ước tính cần xem lại khi có thêm thông tin; đó không phải sửa sai sót.
2. **Ghi nhận đúng kỳ (khoá sổ).** Doanh thu bán hàng chỉ ghi nhận khi thoả các điều kiện, trong đó có việc đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá (Thông tư 99/2025, tài khoản 511, mục 1.2). Hàng chưa giao đến cuối kỳ, hay hoá đơn nhận sau ngày khoá sổ nhưng thuộc kỳ trước, làm doanh thu hoặc chi phí chuyển kỳ.
3. **Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán.** VAS 23 (đoạn 03, 07) phân biệt sự kiện cho bằng chứng về sự việc đã tồn tại trong kỳ, cần điều chỉnh và sự kiện không cần điều chỉnh. Ví dụ trong chuẩn mực: khách hàng phá sản sau ngày kết thúc kỳ chứng minh phải thu cần điều chỉnh.
4. **Phân loại và trình bày.** VSA 450 (đoạn 04) định nghĩa sai sót gồm cả khác biệt về cách phân loại, trình bày, thuyết minh. Chuyển một khoản từ giá vốn sang chi phí bán hàng làm lợi nhuận gộp đổi nhưng lợi nhuận trước thuế giữ nguyên.
5. **Thuế.** VAS 17 (đoạn 03) xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp gồm thuế hiện hành và thuế hoãn lại. Lợi nhuận trước thuế đổi thì thuế đổi theo; bài không bàn quy định thuế.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định, từ 200 xuống 166

Giả sử công ty X, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, không phải số liệu thật, thuế suất giả định 20%:

Chỉ tiêu	Trước kiểm toán	Điều chỉnh	Sau kiểm toán
Doanh thu thuần	2.400	-40	2.360
Giá vốn	1.800	-50	1.750
Lợi nhuận gộp	600	+10	610
Chi phí bán hàng và quản lý	310	+50	360
Chi phí tài chính	40	0	40
Lợi nhuận trước thuế	250	-40	210
Thuế thu nhập doanh nghiệp	50	-6	44
Lợi nhuận sau thuế	200	-34	166

Sáu điều chỉnh giả định đứng sau bảng: **dự phòng phải thu** tăng 25 vì khách hàng báo sau ngày kết thúc năm rằng không trả được nợ (nhóm 1 và 3); **khoá sổ doanh thu**, lô hàng giá bán 40, giá vốn 30 chưa chuyển giao rủi ro và lợi ích đến cuối năm, lợi nhuận trước thuế giảm 10 (nhóm 2); **chi phí trích thiếu** 10, hoá đơn nhận sau ngày khoá sổ nhưng thuộc năm báo cáo (nhóm 2); **ước tính lại bảo hành** thấp hơn dự kiến 5, lợi nhuận tăng 5 (nhóm 1); **phân loại** chi phí vận chuyển 20 từ giá vốn sang chi phí bán hàng, lợi nhuận trước thuế không đổi (nhóm 4); **thuế**, giả sử một khoản chi phí 10 không đủ điều kiện tính vào chi phí được trừ, thuế tăng thêm 2 (nhóm 5).



Công ty X giả định: cầu nối lợi nhuận sau thuế từ 200 xuống 166 qua các điều chỉnh

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Tính lại bằng Python: lợi nhuận trước thuế 250 trừ 25, 10, 10, cộng 5 còn 210, giảm 40. Thuế trên 210 là 42, cộng 2 là 44, so với 50 trước đó. Lợi nhuận sau thuế từ 200 còn 166, giảm 34, tức 17,0% so với số trước. Lưu ý lợi nhuận gộp **tăng** 10 (biên gộp từ 25,0% lên 25,8%) dù lợi nhuận cuối cùng giảm: phân loại

lại chi phí vận chuyển làm gộp tăng 20, khoá sổ làm gộp giảm 10. Đọc từng khoản cho biết nhiều hơn con số ròng.

Mẫu số của phần trăm. Cùng chênh lệch 34, chia cho 200 là 17,0%, chia cho 166 là 20,5%. Giả sử năm khác, lợi nhuận sau thuế trước kiểm toán là 100 và sau kiểm toán là 95,2: chênh 4,8 là 4,8% nếu chia cho số trước, nhưng 5,04% nếu chia cho số sau, hai phía của mốc 5%. Lãi mỏng cũng dễ cho phần trăm lớn: lợi nhuận sau thuế 20 giảm còn 18 là chênh 10%, chỉ bằng 0,08% doanh thu 2.400. Các phép tính này chỉ minh hoạ, không phải mốc đánh giá.

Quy định công bố và giải trình

Thông tư 96/2020/TT-BTC, Điều 14 khoản 4, yêu cầu tổ chức niêm yết cổ phiếu và công ty đại chúng quy mô lớn đồng thời giải trình nguyên nhân trong một số trường hợp. Điểm c nêu trường hợp lợi nhuận sau thuế có chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại. Khoản 5 yêu cầu công ty mẹ giải trình trên cơ sở báo cáo của công ty mẹ hoặc báo cáo tổng hợp và hợp nhất. Các trường hợp còn lại của khoản 4 thuộc bài riêng về ngưỡng giải trình (xem Đọc thêm).

Phần văn bản đã đọc không giải thích cách tính 5% (chia cho số trước hay số sau) hay định nghĩa "trước kiểm toán", nên bài không suy diễn thêm. Quy định chỉ yêu cầu **giải trình**, không kết luận về doanh nghiệp.

Một góc nghiên cứu, và vì sao không nên suy diễn

Nghiên cứu của Bùi Phương Chi và cộng sự (VNU, 2021) dùng chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán ở mốc 5% và 10% làm biến đại diện trong mô hình trên 307 công ty niêm yết giai đoạn 2007 đến 2018. Đây không phải kết luận về doanh nghiệp nào: các tác giả gọi biến này là "gian lận báo cáo tài chính", tự ghi hạn chế là chỉ xác định bằng chênh lệch ấy, khó tiếp cận nội dung cụ thể của các sai lệch (tr.49); sức giải thích của mô hình thấp (pseudo R-squared dưới 0,07). Nghiên cứu của Hoang Hung Dau (AISC 2025) lấy mốc 5% của Thông tư 96 làm chuẩn so sánh cho M-Score và nhận xét độ nhạy của M-Score thấp. Chênh lệch được dùng để nghiên cứu, không phải bằng chứng ở một doanh nghiệp cụ thể.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Xác định hai bản:** số "trước" là bản nào, ngày nào; số "sau" là báo cáo năm kiểm toán ký ngày nào.
2. **Tìm văn bản giải trình** (nếu thuộc diện phải giải trình): nêu theo từng khoản mục và số tiền, hay chỉ một câu chung? Các khoản nêu có cộng đủ chênh lệch không?
3. **Xếp vào năm nhóm** ở trên: ước tính thì xem thuyết minh về dự phòng; khoá sổ thì xem phải thu, tồn kho, chi phí phải trả cuối kỳ; phân loại thì so lại biên lợi nhuận gộp; thuế thì xem thuyết minh chi phí thuế.
4. **Xem lan đến đâu** (lợi nhuận, tài sản, vốn chủ sở hữu, hay chỉ đổi dòng) và đọc báo cáo kiểm toán của bản sau. Điều chỉnh sau kiểm toán và loại ý kiến là hai việc khác nhau.
5. **Với công ty mẹ,** xem giải trình dựa trên báo cáo riêng hay hợp nhất.



Bốn câu hỏi khi đọc phần giải trình chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán

Sơ đồ minh hoạ khái niệm.

Khi nào nên hỏi thêm. Hỏi thêm là hỏi để hiểu, chưa phải để nghi ngờ. Nên đọc kỹ hơn khi giải trình chung chung không nêu khoản mục hay số tiền; các khoản nêu không cộng đủ chênh lệch; chênh lệch dồn vào một khoản mục lớn mà thuyết minh về ước tính sơ sài; hoặc cùng loại điều chỉnh lặp lại qua nhiều kỳ. Đây là gợi ý đọc của Tâm An, không phải ngưỡng hay quy định; mỗi tình huống đều có thể có lý do kinh doanh hợp lý.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật cùng văn bản giải trình, trục phân tích theo mã của Tâm An dùng kiến thức này để mở đúng chỗ cần đọc: khoản mục nào đổi, thuộc nhóm nào, giải trình có nêu số hay không, và không biến chênh lệch thành điểm tốt hay xấu.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025 với mã số chỉ tiêu đánh lại; bài không so mã số giữa hai thời kỳ.

Điểm cần cẩn trọng

- Các chuẩn mực kiểm toán (VSA 450, 540) và kế toán (VAS 17, 23, 29) được đọc từ bản đăng lại, không phải Công báo; hiệu lực cần đối chiếu. Bộ chuẩn mực kiểm toán mới (dự kiến 01/01/2027) mới ở mức dự thảo.
- Thông tư 96 đã được sửa đổi ở một số thông tư sau; bài dựa trên bản gốc 2020, cần đối chiếu bản hợp nhất.
- Công ty X, thuế suất 20% và sáu điều chỉnh đều là giả định đơn giản hoá; cách tính 5% thực tế cần đối chiếu hướng dẫn.

Đừng nói quá

- Không viết "có chênh lệch nghĩa là doanh nghiệp làm sai": ước tính và khoá sổ là phần bình thường của việc lập và kiểm toán báo cáo.
- Không viết "chênh lệch lớn là gian lận", cũng không viết "không chênh lệch là báo cáo đáng tin": chênh lệch nhỏ có thể che nhiều điều chỉnh ngược chiều, chênh lệch lớn có thể chỉ vì lợi nhuận nền nhỏ.
- Không dùng bài này để kết luận về một cổ phiếu hay xếp hạng doanh nghiệp. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Chênh lệch giữa lợi nhuận trước và sau kiểm toán là tín hiệu để mở văn bản giải trình, thuyết minh và báo cáo kiểm toán, chưa phải bằng chứng về điều gì cụ thể của doanh nghiệp. Nguyên nhân hợp lý rất đa dạng và chênh lệch có thể theo cả hai chiều. Ngược lại, báo cáo không có chênh lệch cũng chưa phải kết luận rằng doanh nghiệp tốt.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.

- Thông tư 96/2020/TT-BTC, Điều 10 khoản 1 điểm c, Điều 14 khoản 3, 4, 5: bản sao toàn văn văn bản gốc năm 2020; cần đối chiếu bản hợp nhất.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC: Điều 15 khoản 2 và Phụ lục II, tài khoản 511 mục 1.2, đọc từ Công báo số 1563 + 1564 và 1573 + 1574 ngày 16/11/2025.
- VSA 450 (đoạn 04, 08, 11), VSA 540 (đoạn 07) ban hành kèm Thông tư 214/2012/TT-BTC; VAS 17 (đoạn 03), VAS 23 (đoạn 03, 07), VAS 29 (đoạn 15, 17) ban hành năm 2005: đọc từ bản đăng lại trên docs.kreston.vn, hiệu lực cần đối chiếu.
- Bùi Phương Chi, Nguyễn Thị Hồng Thúy, Lăng Trịnh Mai Hương (2021), VNU J. Sci.: Econ. Bus. 37(1): 40-49; Hoang Hung Dau (2025), AISC Proceedings vol.7, tr.177-186: đã đọc toàn văn, chỉ diễn giải.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python, ngày 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Báo cáo tài chính tự lập, soát xét và kiểm toán khác nhau thế nào
- Khi nào doanh nghiệp niêm yết phải giải trình biến động lợi nhuận: ngưỡng 10% và 5%
- Vì sao điểm sàng lọc cao không có nghĩa là gian lận
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi là gì
- Doanh thu được ghi nhận khi nào

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Lợi nhuận trước và sau kiểm toán có thể chênh nhau vì hai bản được chốt ở hai thời điểm với lượng bằng chứng khác nhau. Năm nhóm nguyên nhân hợp lý là ước tính kế toán được xem lại, ghi nhận đúng kỳ, sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán, phân loại giữa các dòng và thuế; chênh lệch có thể theo cả hai chiều. Với công ty X giả định (tỷ đồng), lợi nhuận sau thuế từ 200 còn 166, giảm 34, tức 17,0% so với số trước, gồm dự phòng phải thu trừ 25, khoá sổ doanh thu trừ 10, chi phí trích thiếu trừ 10, bảo hành cộng 5, phân loại không đổi lợi nhuận và thuế thấp hơn 6; lợi nhuận gộp lại tăng 10. Cùng một chênh lệch có thể ra 4,8% hoặc 5,04% tuỳ mẫu số, và Thông tư 96 yêu cầu giải trình khi chênh lệch từ 5% trở lên nhưng phần đã đọc không nêu cách tính. Cách đọc là xác định hai bản, tìm giải trình theo từng khoản, cộng các khoản, xếp vào nhóm nguyên nhân. Chênh lệch chỉ là tín hiệu để đọc giải trình, không phải bằng chứng về doanh nghiệp, và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/vi-sao-loi-nhuan-truoc-va-sau-kiem-toan-co-the-chenh-nhau

Mô hình sàng lọc báo cáo tài chính (M-Score, Z-Score, F-Score...) là gì, dùng để làm gì và KHÔNG dùng để làm gì?

Câu trả lời ngắn

Mô hình sàng lọc báo cáo tài chính là một công thức lấy một nhóm chỉ số từ báo cáo tài chính, gộp thành một điểm (hoặc một xác suất) để **xếp thứ tự**: doanh nghiệp nào, dòng nào nên đọc kỹ trước. Nó dùng để thu hẹp danh sách cần xem, không dùng để kết luận. Các tên hay gặp đo việc khác nhau: **M-Score** (Beneish) hướng tới khả năng lợi nhuận bị tô điểm, **Z-Score** (Altman) hướng tới nguy cơ khó khăn tài chính, còn **F-Score** là tên chung của hai mô hình khác nhau: điểm từ 0 đến 9 về sức khoẻ tài chính (Piotroski) và chỉ số về khả năng báo cáo sai lệch trọng yếu (Dechow cùng cộng sự). Điểm cao là tín hiệu cần xem thêm, không phải bằng chứng gian lận hay phá sản.



Ba mô hình sàng lọc, bốn câu hỏi khác nhau: M-Score, Z-Score và hai loại F-Score

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Mô hình sàng lọc là gì: máy dò, không phải phiên toà

Mỗi doanh nghiệp niêm yết có hàng chục chỉ tiêu trên ba báo cáo, và người đọc không đủ thời gian đọc kỹ tất cả. Mô hình sàng lọc chọn trước vài chỉ số mà nghiên cứu cho là liên quan đến một câu hỏi cụ thể, gán cho mỗi chỉ số một hệ số bằng cách đối chiếu với một mẫu doanh nghiệp trong quá khứ, rồi cộng lại thành một điểm. Điểm không nói "vì sao"; nó chỉ cho biết báo cáo này trông giống nhóm nào trong mẫu.

Hãy hình dung chiếc máy dò kim loại ở cửa sân bay: nó kêu khi có kim loại, và thắt lưng hay chìa khoá cũng làm nó kêu. Tiếng kêu quyết định ai được kiểm tra kỹ hơn, không quyết định ai có vấn đề. Điểm cao cũng vậy: báo cáo được đọc kỹ hơn, còn nguyên nhân phải tìm trong thuyết minh, báo cáo kiểm toán và bối cảnh kinh doanh. Vì sao điểm cao vẫn thường có lời giải thích bình thường là chủ đề bài riêng (xem Đọc thêm).

Bốn tên gọi, bốn câu hỏi khác nhau

Tên	Câu hỏi hướng tới	Đầu vào chính	Đầu ra
M-Score (Beneish, 1999)	Lợi nhuận có dấu hiệu bị tô điểm không?	Tám chỉ số, so hai năm liền	Một điểm
Z-Score (Altman, 2000 tổng kết)	Có nguy cơ khó khăn tài chính không?	Bốn hoặc năm tỷ số trên tài sản hoặc nợ	Một điểm, chia vùng
F-Score (Piotroski, 2000)	Mạnh hay yếu về tài chính?	Chín tiêu chí đạt hoặc không	Điểm 0 đến 9
F-score (Dechow và cộng sự, 2011)	Giống nhóm báo cáo từng bị xác định là sai lệch trọng yếu?	Bảy nhóm biến	Xác suất chia cho xác suất nền

M-Score. Beneish (1999) xây một mô hình xác suất từ tám chỉ số tài chính, so năm hiện tại với năm trước, để nhận ra dấu hiệu của việc "thao túng lợi nhuận". Theo tóm tắt bài (Tâm An chỉ đọc phần tóm tắt), trong mẫu nghiên cứu mô hình xác định được khoảng một nửa số doanh nghiệp "thao túng" trước khi bị phát hiện, và doanh nghiệp bị gắn cờ cần được kiểm tra xem là do "thao túng" hay do nguyên nhân cấu trúc khác. Gắn cờ chưa trả lời câu hỏi nguyên nhân; từng chỉ số nằm ở bài riêng.

Z-Score. Altman dựng Z-Score từ năm 1968; bài tổng kết năm 2000 trình bày ba bản. Bản gốc dùng năm tỷ số, có giá thị trường của vốn chủ sở hữu. Bản Z' dùng giá trị sổ sách. Bản Z'' chỉ còn bốn tỷ số, không có biến doanh thu trên tổng tài sản. Mỗi bản có hệ số và cách đọc điểm theo vùng riêng, nên bài này không đưa số cụ thể; xem bài riêng về Z-Score.

Hai chữ F. Cùng gọi "F-Score" nhưng là hai thứ khác nhau, nên khi thấy cụm này hãy hỏi "của ai":

- *Piotroski (2000):* chín tiêu chí, đạt thì được một điểm: bốn về lợi nhuận (lãi trên tài sản dương, dòng tiền kinh doanh dương, lãi trên tài sản tăng, dòng tiền lớn hơn lãi), ba về nợ, thanh khoản và phát hành vốn, hai về hiệu quả hoạt động. Điểm 8 đến 9 là cao, 0 đến 1 là thấp. Mẫu gốc là nhóm cổ phiếu có tỷ lệ giá trị sổ sách trên giá thị trường cao, 1976 đến 1996; mục đích là phân biệt mạnh với yếu trong nhóm đó, không phải đo gian lận.
- *Dechow, Ge, Larson, Sloan (2011):* F bằng xác suất sai lệch trọng yếu mà mô hình tính được, chia cho xác suất nền trong mẫu; F bằng 1 là ngang mức nền, trên 1 là cao hơn. Mô hình thứ nhất dùng bảy nhóm biến: dồn tích, thay đổi phải thu, thay đổi tồn kho, tỷ trọng "tài sản mềm", thay đổi doanh thu thu tiền mặt, thay đổi lãi trên tài sản và phát hành vốn.

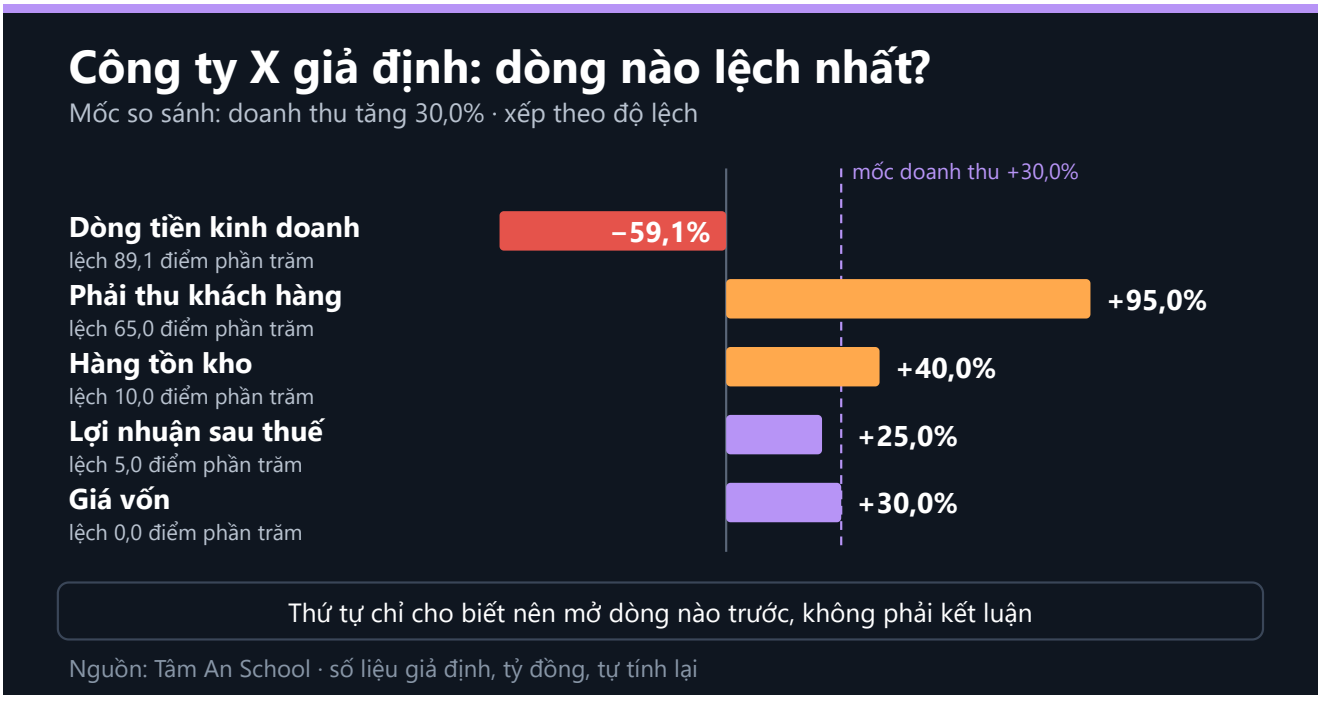
Ngoài ra còn các chỉ báo đơn lẻ như dồn tích của Sloan (1996), đo phần lãi không đi kèm tiền.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định, xếp thứ tự dòng cần đọc

Ví dụ này không áp công thức của mô hình nào, chỉ minh hoạ logic sàng lọc: so nhiều dòng với một mốc rồi xếp thứ tự đọc. Công ty X là giả định, đơn vị tỷ đồng, số liệu tự đặt, không phải số liệu thật.

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	Thay đổi
Doanh thu thuần	1.600	2.080	+30,0%
Giá vốn	1.200	1.560	+30,0%
Lợi nhuận sau thuế	120	150	+25,0%
Hàng tồn kho	150	210	+40,0%
Phải thu khách hàng	200	390	+95,0%
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	110	45	-59,1%

Lấy mức tăng doanh thu (30,0%) làm mốc và xếp các dòng theo độ lệch so với mốc: dòng tiền kinh doanh lệch 89,1 điểm phần trăm, phải thu 65,0, tồn kho 10,0, lợi nhuận sau thuế 5,0, giá vốn 0,0. Thứ tự này không có ngưỡng nào: nó chỉ cho biết nên mở dòng nào trước.



Công ty X giả định: độ lệch của từng dòng so với mức tăng doanh thu 30,0%

Số liệu giả định, kiểm tính lại bằng Python.

Giờ mở thuyết minh. Giả sử thuyết minh cho biết: trong số phải thu 390 có 150 của một khách hàng mới ký hợp đồng trong năm, thời hạn thanh toán 90 ngày, chưa đến hạn. Bỏ khoản này, phải thu còn 240, tăng 20,0% so với 200, thấp hơn mức tăng doanh thu. Dòng tiền cũng có lời giải: lợi nhuận sau thuế 150, cộng khấu hao 40, trừ phải thu tăng 190, trừ tồn kho tăng 60, cộng phải trả nhà cung cấp tăng 105, ra 45. Như vậy hai "cờ" phải thu và dòng tiền phần lớn là **cùng một câu chuyện**, không nên đếm thành hai bằng chứng độc lập.

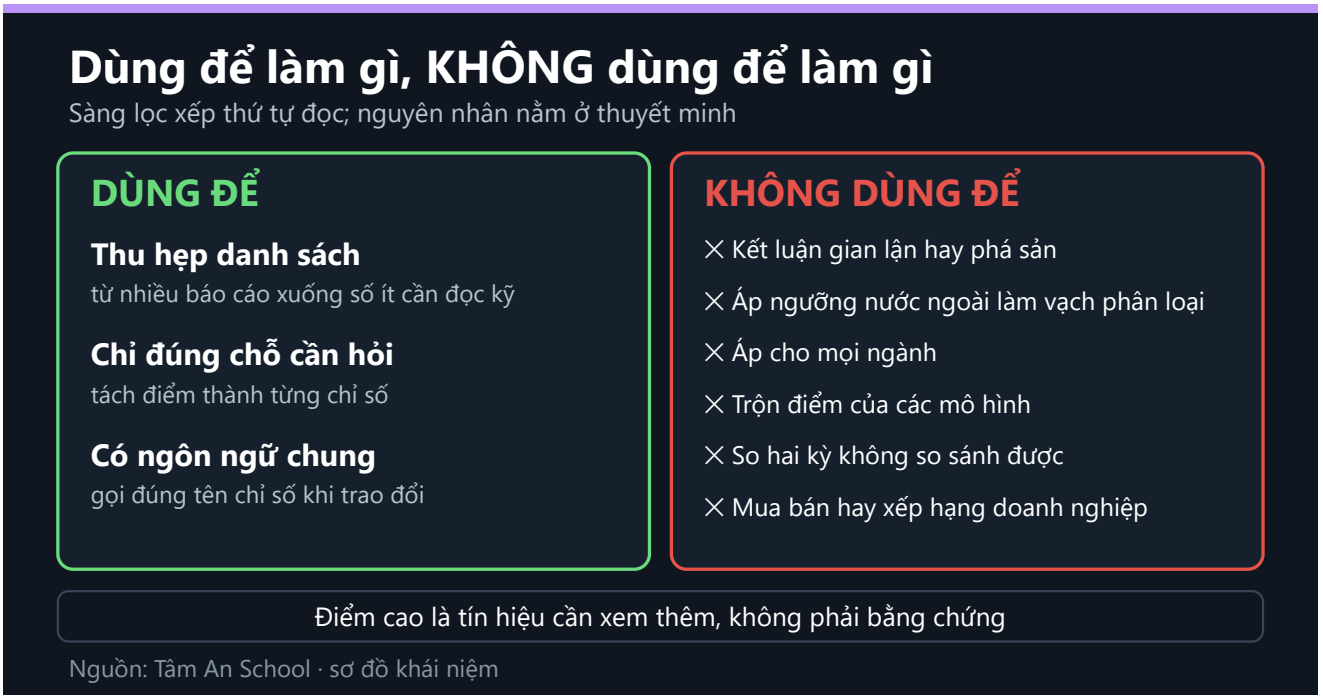
Vẫn còn câu hỏi mở: khoản 150 đã thu được sau ngày kết thúc năm chưa; tồn kho tăng 40,0% có đi kèm đơn hàng không; hợp đồng mới có thoả điều kiện ghi nhận doanh thu không. Đó là việc cần theo dõi ở kỳ sau, chưa phải kết luận về công ty X, và còn nhiều nguyên nhân kinh doanh hợp lý khác. Tính lại bằng Python: 1.600 lên 2.080 là +30,0%; 200 lên 390 là +95,0%; 110 xuống 45 là -59,1%; 150 + 40 - 190 - 60 + 105 = 45.

Mô hình sàng lọc dùng để làm gì

- **Thu hẹp danh sách.** Từ hàng trăm báo cáo xuống số ít cần đọc kỹ, theo một thước đo giữ nguyên cách tính.
- **Chỉ đúng chỗ cần hỏi.** Điểm là tổng của nhiều chỉ số. Tách điểm thành từng chỉ số cho biết dòng nào kéo điểm lên, như ví dụ ở trên.
- **Có ngôn ngữ chung.** Gọi đúng tên chỉ số giúp trao đổi rõ hơn là nói chung chung "báo cáo có vẻ lạ".

Mô hình sàng lọc KHÔNG dùng để làm gì

1. **Không kết luận gian lận hay phá sản.** Điểm là vị trí trong một mẫu nghiên cứu, không phải bằng chứng về điều đã xảy ra ở một doanh nghiệp.
2. **Không coi ngưỡng nước ngoài là vạch phân loại ở Việt Nam.** Hệ số và ngưỡng được hiệu chuẩn trên mẫu cụ thể: 1976 đến 1996 (Piotroski), 1982 đến 2005 (Dechow cùng cộng sự). Một nghiên cứu về doanh nghiệp sản xuất niêm yết ở Việt Nam (Hoang Hung Dau, 2025) kết luận các mô hình cổ điển cần hiệu chỉnh theo bối cảnh và nên kết hợp chỉ báo định tính.
3. **Không áp cho mọi ngành.** Ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có cấu trúc báo cáo khác; bất động sản và xây dựng ghi nhận doanh thu theo bàn giao hoặc tiến độ nên nhiều chỉ số bị méo. Bài riêng trong chuyên mục nói kỹ phần này.
4. **Không trộn các điểm với nhau.** Trong mẫu 150 quan sát giai đoạn 2019 đến 2023, nghiên cứu trên không thấy tương quan có ý nghĩa thống kê giữa M-Score và Z-Score (r khoảng -0,02) và nhận xét hai mô hình đo hai khía cạnh khác nhau. Đó là kết quả của một mẫu, không khái quát cho thị trường.
5. **Không dùng khi hai kỳ không so sánh được.** Mua bán sáp nhập, hợp nhất công ty con mới, đổi chính sách kế toán, tăng trưởng rất nhanh hay mùa vụ (khi dùng số quý) đều làm điểm lệch mà không liên quan đến chất lượng báo cáo.
6. **Không làm căn cứ mua bán hay xếp hạng doanh nghiệp.** Nội dung này không phải khuyến nghị đầu tư.



Dùng để làm gì và không dùng để làm gì: sáu giới hạn của mô hình sàng lọc

Sơ đồ minh hoạ khái niệm.

Cách đọc trên báo cáo một điểm sàng lọc

1. **Hỏi "điểm của ai":** M-Score, Z-Score, F-Score của Piotroski hay của Dechow; bản nào, số năm hay số quý.
2. **Tách điểm thành từng chỉ số** và xem chỉ số nào kéo lệch nhiều nhất, như bước xếp thứ tự ở công ty X.
3. **Mở thuyết minh** của đúng dòng đó: phải thu theo khách hàng và tuổi nợ, tồn kho theo loại, phạm vi hợp nhất, chính sách kế toán.
4. **Nghĩ đến nguyên nhân kinh doanh khác trước:** tăng trưởng nhanh, hợp đồng dài hạn, mua bán sáp nhập, mùa vụ.
5. **Ghi câu hỏi chưa có lời đáp** và quay lại ở kỳ sau, thay vì chốt một nhận định.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, trục phân tích theo mã của Tâm An dùng kiến thức này để chỉ ra dòng nào đang kéo một chỉ số lệch khỏi mức thường gặp, nên đọc thuyết minh nào, và không biến điểm thành xếp loại tốt hay xấu.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025 với mã số chỉ tiêu đánh lại; khi tự dựng chỉ số qua hai thời kỳ, bài không ghép theo mã số mà phải đối chiếu từng dòng.

Điểm cần cẩn trọng

- Bài Beneish (1999) chỉ được đọc phần tóm tắt, nên bài này không nêu hệ số hay ngưỡng của M-Score; mô tả "khoảng một nửa" là theo tóm tắt, trong mẫu nghiên cứu, không phải kết quả ở Việt Nam. Bài Altman (2000) đọc từ bản sao toàn văn, và bài cũng không nêu hệ số hay vùng điểm của

Z-Score.
- Công ty X, các con số và cách xếp theo độ lệch là giả định do Tâm An tự đặt để minh hoạ, không phải mô hình đã kiểm định.
- Nghiên cứu ở Việt Nam đã nêu là mẫu cụ thể, không dùng để kết luận cho toàn thị trường.

Đừng nói quá

- Không viết "điểm cao nghĩa là doanh nghiệp gian lận" hay "điểm thấp nghĩa là báo cáo đáng tin": điểm thấp cũng không chứng minh được điều gì.
- Không viết "mô hình dự báo chính xác": bài không có căn cứ nêu độ chính xác ở Việt Nam.
- Không so điểm của các mô hình khác nhau như cùng một thang đo, và không gọi "F-Score" mà không nói của ai.
- Không dùng bài này để kết luận về một cổ phiếu. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Điểm của một mô hình sàng lọc là tín hiệu để mở đúng dòng, đúng thuyết minh và đọc kỹ hơn, chưa phải bằng chứng về điều gì cụ thể của doanh nghiệp. Điểm cao có thể do tăng trưởng nhanh, hợp đồng mới, sáp nhập hay đặc thù ngành; điểm thấp cũng chưa phải kết luận rằng báo cáo đáng tin.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- Beneish (1999), Financial Analysts Journal 55(5): 24-36: chỉ đọc phần tóm tắt.
- Dechow và cộng sự (2011), Contemporary Accounting Research 28(1): 17-82; Piotroski (2000), Journal of Accounting Research 38 (Supplement): 1-41; Sloan (1996), The Accounting Review 71(3): 289-315: đã đọc bài gốc, chỉ diễn giải.
- Altman (2000), "Predicting financial distress of companies: revisiting the Z-score and ZETA models": bản sao toàn văn.
- Hoang Hung Dau (2025), AISC Proceedings vol. 7; Bùi Phương Chi và cộng sự (2021), VNU Journal of Science: Economics and Business 37(1): 40-49: chỉ diễn giải.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC, Điều 31 khoản 1, đọc từ Công báo.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Vì sao điểm sàng lọc cao không có nghĩa là gian lận
- Beneish M-Score: tám chỉ số đo điều gì
- Altman Z-Score gốc, Z' và Z'' khác nhau thế nào
- Mô hình sàng lọc có dùng được cho ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản không?
- Kiểm toán có đảm bảo không có gian lận không?

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Mô hình sàng lọc báo cáo tài chính biến nhiều chỉ số thành một điểm để xếp thứ tự dòng cần đọc: M-Score hướng tới khả năng lợi nhuận bị tô điểm, Z-Score hướng tới nguy cơ khó khăn tài chính, còn F-Score là tên chung của hai mô hình khác nhau, điểm 0 đến 9 của Piotroski và chỉ số của Dechow cùng cộng sự. Với công ty X giả định (tỷ đồng), doanh thu tăng 30,0% còn phải thu tăng 95,0% và dòng tiền kinh doanh giảm 59,1%; xếp theo độ lệch thì dòng tiền và phải thu đáng mở trước, và nếu thuyết minh cho thấy 150 là khoản của khách mới thì hai cờ phần lớn là một câu chuyện, còn câu hỏi về việc thu tiền thì vẫn mở. Điểm không dùng để kết luận, không áp ngưỡng nước ngoài như vạch phân loại, không áp cho mọi ngành và không trộn điểm của các mô hình. Điểm cao là tín hiệu để đọc thêm, chưa phải bằng chứng, và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/mo-hinh-sang-loc-bao-cao-tai-chinh-la-gi-dung-de-lam-gi

Vì sao điểm sàng lọc cao không có nghĩa là gian lận? Ví dụ về tỷ lệ cơ sở và dương tính giả

Câu trả lời ngắn

Điểm sàng lọc cao nghĩa là báo cáo của một công ty giống với nhóm cần đọc kỹ hơn, không phải bằng chứng rằng báo cáo có vấn đề. Lý do nằm ở một phép tính đơn giản: khi vấn đề thật hiếm, ngay cả một mô hình bắt được nhiều ca thật vẫn gắn cờ nhầm nhiều công ty bình thường hơn số ca thật nó bắt được. Trong ví dụ giả định dưới đây có 1.000 công ty, 5% có vấn đề thật; mô hình bắt đúng 60% ca thật và báo nhầm 10% công ty bình thường. Kết quả là 125 công ty bị gắn cờ, trong đó chỉ 30 công ty là ca thật, tức 24%. Cứ bốn lá cờ thì khoảng ba lá rơi vào công ty bình thường. Toàn bộ con số là số giả định, không phải hiệu năng của mô hình thật nào.



Một nghìn công ty giả định: 125 lá cờ, trong đó 30 là ca thật

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Hai câu hỏi nghe giống nhau nhưng khác nhau

Khi đọc kết quả của một mô hình sàng lọc, người ta hay nhầm hai xác suất đi ngược chiều nhau:

Câu hỏi	Tên thường gọi	Cách tính
Trong các công ty có vấn đề thật, mô hình gắn cờ được bao nhiêu phần?	Độ nhạy	Số ca thật bị cờ chia cho tổng số ca thật
Trong các công ty bị gắn cờ, bao nhiêu phần có vấn đề thật?	Độ tin cậy của lá cờ (giá trị dự báo dương)	Số ca thật bị cờ chia cho tổng số lá cờ

Các nghiên cứu thường báo cáo câu thứ nhất. Người đọc báo cáo của một công ty cụ thể lại đối diện câu thứ hai: "công ty này bị cờ, vậy khả năng có vấn đề là bao nhiêu?". Hai con số có thể lệch nhau rất xa, tuỳ **tỷ lệ cơ sở**: trong cả nhóm công ty đang xét, bao nhiêu phần thật sự có vấn đề.

Theo phần tóm tắt của bài gốc về mô hình M-Score năm 1999 (Tâm An chỉ đọc được tóm tắt), mô hình bắt được khoảng một nửa số doanh nghiệp mà nghiên cứu xác định là có điều chỉnh lợi nhuận, trước khi sự việc bị phát hiện; tóm tắt cũng nhấn mạnh rằng kết quả bị gắn cờ cần được kiểm tra xem do điều chỉnh lợi nhuận hay do nguyên nhân cấu trúc khác. Câu đầu nói về độ nhạy; câu sau nhắc đúng điều bài này bàn.

Bài dùng cách đếm **tần suất tự nhiên**: thay vì nói xác suất, đếm số công ty cụ thể trong một nhóm giả định.

Ví dụ minh hoạ: 1.000 công ty giả định

Ba giả định do Tâm An tự đặt, không phải số đo từ mô hình thật:

- Có 1.000 công ty; 5% (50 công ty) có vấn đề thật về chất lượng báo cáo, hiểu là điều sau này được xác minh. 950 công ty còn lại không có vấn đề.
- Mô hình gắn cờ 60% trong 50 ca thật: 30 công ty.
- Mô hình gắn cờ nhầm 10% trong 950 công ty bình thường: 95 công ty.

Nhóm	Có vấn đề thật	Không có vấn đề	Tổng
Bị gắn cờ	30	95	125
Không bị gắn cờ	20	855	875
Tổng	50	950	1.000

Tính lại bằng Python: 30 chia 125 là 24,0%; phần còn lại 95 chia 125 là 76,0% là lá cờ rơi vào công ty bình thường. Ở nhóm không bị cờ, 20 chia 875 là 2,3% vẫn có vấn đề thật.

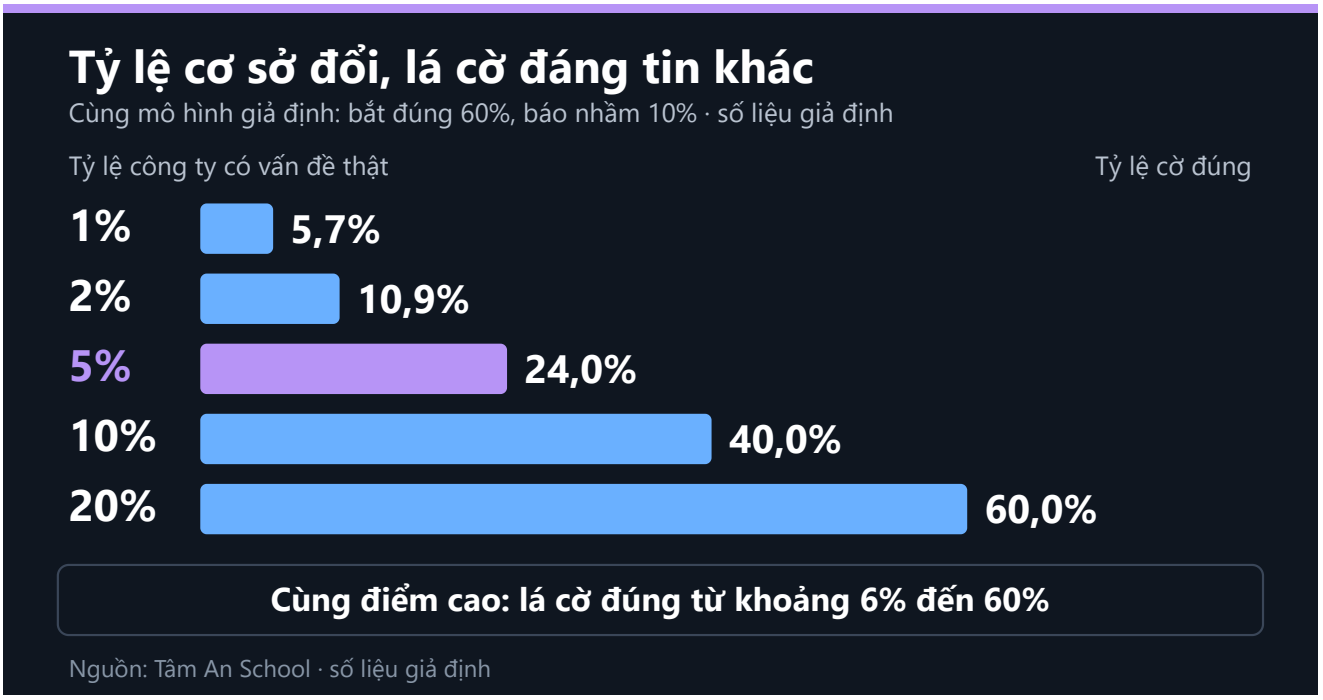
Hai điều cùng đúng. Lá cờ **có thông tin**: xác suất có vấn đề tăng từ 5% (cả nhóm) lên 24% (nhóm bị cờ), gấp 4,8 lần; không bị cờ thì còn 2,3%. Nhưng lá cờ **chưa đủ để kết luận**: 76% số cờ là công ty bình thường, và 2,3% số công ty không bị cờ vẫn có vấn đề. Điểm cao là lý do để đọc thêm, không phải kết quả của việc đọc.

Tỷ lệ cơ sở đổi thì kết quả đổi

Giữ nguyên độ nhạy 60% và tỷ lệ báo nhầm 10%, chỉ thay tỷ lệ công ty có vấn đề thật trong nhóm 1.000 công ty giả định:

Tỷ lệ có vấn đề thật	Cờ đúng (ca thật)	Cờ nhầm	Tỷ lệ cờ đúng
1%	6	99	5,7%
2%	12	98	10,9%
5%	30	95	24,0%
10%	60	90	40,0%
20%	120	80	60,0%

Cùng một mô hình, cùng một điểm cao, nhưng tỷ lệ cờ đúng đi từ khoảng 6% đến 60% chỉ vì nhóm công ty được xét khác nhau. Vì vậy câu "mô hình này đúng bao nhiêu phần trăm" vô nghĩa nếu thiếu hai thông tin: mô hình được thử trên nhóm nào, và trong nhóm đó vấn đề phổ biến đến đâu.



Cùng một mô hình giả định, tỷ lệ cờ đúng đổi từ 5,7% đến 60% theo tỷ lệ cơ sở

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Mô hình tốt hơn có đủ không? Giả sử độ nhạy lên 90%, tỷ lệ báo nhầm giữ 10%, tỷ lệ cơ sở 5%: 45 ca thật bị cờ, vẫn 95 cờ nhầm, tổng 140 cờ, cờ đúng 32,1%. Cờ nhầm không đổi vì nó là 10% của 950 công ty bình thường. Giảm cờ nhầm đòi hỏi giảm tỷ lệ báo nhầm, thường đánh đổi bằng bỏ sót nhiều ca thật hơn. Ở tỷ lệ cơ sở 5%, ngưỡng chặt giả định (độ nhạy 40%, báo nhầm 4%) cho 20 cờ thật, 38 cờ nhầm, cờ đúng 34,5%, nhưng bỏ sót 30 trong 50 ca thật; ngưỡng lỏng (độ nhạy 80%, báo nhầm 24%) cho 40 cờ thật nhưng 228 cờ nhầm, cờ đúng 14,9%. Các cặp số này là điểm giả định, không đọc được từ mô hình thật.

Vì sao công ty bình thường vẫn bị gắn cờ

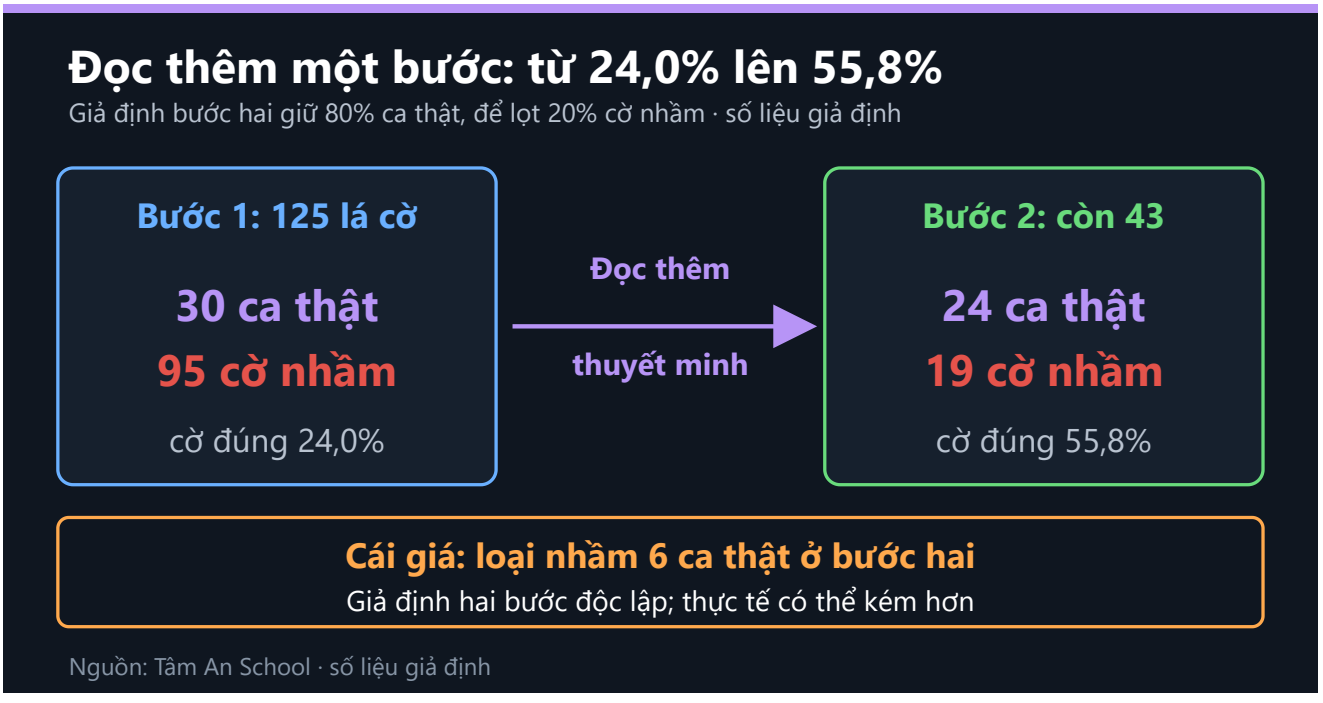
Nhiều hoạt động kinh doanh bình thường làm số liệu có hình dạng giống tín hiệu. Các nhóm nguyên nhân thường gặp, theo ghi chú nghiên cứu nội bộ của Tâm An:

1. **Tăng trưởng doanh thu nhanh** kéo phải thu, tài sản và nợ vay tăng theo.
2. **Mua bán sáp nhập hoặc hợp nhất công ty con mới** làm hai kỳ không so sánh được với nhau.
3. **Hợp đồng dài hạn, ghi nhận doanh thu theo tiến độ** làm phải thu và vốn lưu động lệch so với mô hình.
4. **Mùa vụ:** mô hình năm được xây cho dữ liệu năm, dữ liệu quý nhiễu hơn.
5. **Mô hình dựng từ dữ liệu nước ngoài, giai đoạn cũ,** theo chuẩn mực kế toán khác; ngưỡng chưa được hiệu chuẩn cho Việt Nam.

Trong 95 lá cờ nhầm của ví dụ, Tâm An chia giả định: 40 công ty tăng trưởng nhanh, 25 mua bán sáp nhập hoặc hợp nhất, 18 có hợp đồng dài hạn, 12 vì mùa vụ và lý do khác; 40 cộng 25 cộng 18 cộng 12 bằng 95. Cách chia chỉ minh hoạ rằng cờ nhầm thường có nguyên nhân kinh doanh đọc được.

Đọc thêm một bước làm đổi bức tranh

Giả sử sau khi bị cờ, 125 công ty được đọc tiếp phần thuyết minh và báo cáo kiểm toán. Giả định bước này giữ 80% ca thật (24 trong 30) và để lọt 20% cờ nhầm (19 trong 95). Còn 43 công ty, trong đó 24 là ca thật: 24 chia 43 là 55,8%. Từ 24,0% lên 55,8% nhờ đọc thêm, nhưng cái giá là 6 ca thật bị loại nhầm ở bước hai, và phép tính ngầm giả định hai bước độc lập với nhau. Thực tế, công ty tăng trưởng nhanh thường có cả điểm cao lẫn thuyết minh phức tạp, nên hai bước có thể sai cùng hướng.



Từ 125 lá cờ, đọc thêm thuyết minh, còn 43 công ty: 24 ca thật, tỷ lệ 55,8%

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Đối chiếu với một nghiên cứu về Việt Nam (tính lại)

Hoang Hung Dau (2025, AISC) lấy 30 doanh nghiệp sản xuất niêm yết, 150 quan sát năm 2019 đến 2023, và so phân loại của M-Score với chênh lệch lợi nhuận ròng trước và sau kiểm toán ở mốc 5% (mốc giải trình của Thông tư 96/2020). Chênh lệch này chỉ là một **đại diện**, không phải bằng chứng về điều gì. Từ

Bảng 3 của tác giả, Tâm An tính lại:

Nhóm	Chênh lệch trên 5%	Chênh lệch dưới 5%	Tổng
M-Score gắn cờ	5	17	22
Không gắn cờ	19	109	128
Tổng	24	126	150

Tỷ lệ chung có chênh lệch trên 5% là 24 chia 150 bằng 16,0%. Trong nhóm bị cờ là 5 chia 22 bằng 22,7%; trong nhóm không cờ là 19 chia 128 bằng 14,8%. Lá cờ đưa tỷ lệ từ 16,0% lên 22,7%, còn khoảng ba phần tư lá cờ không đi cùng chênh lệch lớn: cùng bài học với ví dụ giả định, lá cờ có thông tin nhưng yếu, và nhiều ca nằm ngoài nhóm cờ. Tác giả tự nêu độ nhạy của M-Score còn hạn chế; các tỷ lệ tổng hợp khác của nghiên cứu này sẽ được bàn ở bài riêng.

Một nghiên cứu khác (Nguyễn Hữu Ánh và Nguyễn Hà Linh, 2016) trên 229 doanh nghiệp phi tài chính niêm yết ở HOSE giai đoạn 2013 đến 2014 nêu rằng 48,4% doanh nghiệp liên quan đến điều chỉnh lợi nhuận. Nhận xét riêng của Tâm An, không phải kết luận của tác giả: nếu gần một nửa mẫu rơi vào nhóm đáng ngờ thì lá cờ ít giúp chọn nhóm cần xem trước.

Cách đọc trên báo cáo

Khi gặp điểm sàng lọc cao, trước khi nghĩ đến kết luận:

1. **Hỏi về tỷ lệ cơ sở:** điểm này được so với nhóm nào? Bao nhiêu phần của nhóm đó cũng vượt ngưỡng? Nếu rất nhiều công ty cùng bị cờ, lá cờ ít thông tin.
2. **Tách điểm thành các chỉ số thành phần** và xem chỉ số nào kéo điểm lên: phải thu, biên lợi nhuận gộp, tài sản, nợ vay hay dồn tích.
3. **Tìm nguyên nhân kinh doanh trong thuyết minh:** hợp nhất kinh doanh và công ty con, doanh thu và hợp đồng dài hạn, phải thu, hàng tồn kho.
4. **Nhìn nhiều kỳ và cùng ngành:** điểm cao một kỳ khác điểm cao lặp lại; cả ngành cùng cao khác một công ty cao riêng lẻ.
5. **Đối chiếu nguồn độc lập:** báo cáo lưu chuyển tiền tệ có đi cùng lợi nhuận không; báo cáo kiểm toán nêu gì.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, trục phân tích theo mã của Tâm An dùng kiến thức này để hiển thị điểm kèm thành phần, nhóm so sánh và dòng nhắc đây là tín hiệu sàng lọc, không phải xếp loại hay kết luận về doanh nghiệp.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025 với mã số chỉ tiêu đánh lại; bài không so mã số chỉ tiêu giữa hai thời kỳ.

Điểm cần cẩn trọng

- Mọi số trong ví dụ 1.000 công ty là giả định tự đặt để minh hoạ phép tính, không phải số đo của mô hình nào.

- "Vấn đề thật" ngoài đời được định nghĩa khác nhau tuỳ nghiên cứu (chênh lệch sau kiểm toán, dồn tích, quyết định xử lý...), nên tỷ lệ cơ sở không có một giá trị chung.
- Nghiên cứu AISC chỉ có 30 doanh nghiệp sản xuất, 150 quan sát: không suy ra cho doanh nghiệp cụ thể hay toàn thị trường.
- Mô hình sàng lọc không dành cho ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán vì cấu trúc báo cáo khác; điều này có bài riêng.
- Bài không nêu hệ số hay ngưỡng của mô hình nào; ngưỡng chỉ là quy ước tham khảo trong nghiên cứu.

Đừng nói quá

- Không viết "điểm cao nghĩa là báo cáo bị làm sai": phần lớn lá cờ trong ví dụ rơi vào công ty bình thường.
- Không viết "điểm thấp nghĩa là báo cáo sạch": nhóm không cờ vẫn có ca thật.
- Không viết "mô hình đúng X%" khi chưa nói mô hình được thử trên nhóm nào và tỷ lệ cơ sở bao nhiêu.
- Không dùng bài này để kết luận hay xếp hạng một cổ phiếu. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Điểm sàng lọc cao là tín hiệu để đọc thêm thuyết minh, dòng tiền và báo cáo kiểm toán, chưa phải bằng chứng gian lận hay phá sản của bất kỳ doanh nghiệp nào. Tỷ lệ cơ sở quyết định lá cờ đáng tin đến đâu, và nhiều công ty bình thường bị cờ vì nguyên nhân kinh doanh hợp lý. Ngược lại, không bị cờ cũng chưa phải kết luận rằng báo cáo đáng tin.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.

- Beneish, M. D. (1999), "The Detection of Earnings Manipulation", Financial Analysts Journal 55(5): 24-36: chỉ đọc phần tóm tắt, không đọc toàn văn.
- Hoang Hung Dau (2025), AISC Proceedings vol.7, tr.177-186: đã đọc toàn văn, diễn giải; số trong bảng tính lại là Tâm An tự tính từ Bảng 3 của tác giả.
- Nguyễn Hữu Ánh, Nguyễn Hà Linh (2016), VNU Journal of Economics and Business 32(2): 14-23: đã đọc phần tóm tắt, không đọc toàn văn.
- Ghi chú nghiên cứu nội bộ của Tâm An về nguyên nhân gắn cờ nhầm.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python ngày 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Mô hình sàng lọc báo cáo tài chính là gì
- Beneish M-Score: tám chỉ số
- Nghiên cứu 30 doanh nghiệp sản xuất

- Kiểm toán có đảm bảo báo cáo tài chính không
- Lợi nhuận trước và sau kiểm toán chênh nhau

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Điểm sàng lọc cao cho biết báo cáo giống nhóm cần đọc kỹ hơn, chưa cho biết báo cáo có vấn đề, vì độ nhạy (bắt được bao nhiêu ca thật) khác độ tin cậy của lá cờ (bao nhiêu lá cờ là ca thật) và cái sau phụ thuộc tỷ lệ cơ sở. Trong ví dụ giả định 1.000 công ty, 5% có vấn đề thật, mô hình bắt đúng 60% và báo nhầm 10%: 125 lá cờ, 30 ca thật, cờ đúng 24,0%; không bị cờ thì 2,3% vẫn có vấn đề. Tỷ lệ cơ sở 1%, 2%, 5%, 10%, 20% cho cờ đúng 5,7%, 10,9%, 24,0%, 40,0%, 60,0%; độ nhạy 90% chỉ nâng cờ đúng lên 32,1% vì cờ nhầm vẫn 95. Đọc thêm thuyết minh ở bước hai có thể đưa từ 125 cờ còn 43 công ty, 24 ca thật, 55,8%, nhưng loại nhầm 6 ca thật. Tính lại từ một nghiên cứu về 30 doanh nghiệp sản xuất: 22 quan sát bị cờ, 5 có chênh lệch trước và sau kiểm toán trên 5% (22,7%), so với 16,0% chung. Điểm cao là tín hiệu để đọc thêm, không phải bằng chứng gian lận hay phá sản, và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Bản web: tamanchungkhoan.vn/phan-tich/vi-sao-diem-sang-loc-cao-khong-co-nghia-la-gian-lan

Beneish M-Score: tám chỉ số đo điều gì và đọc điểm thế nào?

Câu trả lời ngắn

Beneish M-Score là một phương trình gom **tám chỉ số tài chính** thành một điểm. Mỗi chỉ số so năm nay với năm trước, nên giá trị 1 nghĩa là "không đổi" (riêng chỉ số dồn tích, mốc không đổi là 0). Sáu chỉ số soi doanh thu, phải thu, biên gộp, tài sản "khác", khấu hao và chi phí; một chỉ số soi đòn bẩy; chỉ số cuối đo phần lợi nhuận không đi kèm dòng tiền. Theo các nguồn thứ cấp, điểm cao hơn mốc −1,78 là vùng nghiên cứu coi là cần xem kỹ hơn. Đó là quy ước tham khảo trong một nghiên cứu trên doanh nghiệp Mỹ, không phải kết luận về doanh nghiệp nào. Giá trị thực dụng nhất của mô hình là chỉ ra **chỉ số nào lệch nhiều nhất**, để biết mở thuyết minh nào trước.



Tám chỉ số của M-Score, mỗi chỉ số so năm nay với năm trước

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Căn cứ của bài ở mức nào (nhãn ◐)

Mô hình do Beneish công bố năm 1999 (Financial Analysts Journal 55(5): 24-36). Bài gốc có phí, chỉ đọc được tóm tắt: mô hình xác định được khoảng một nửa số doanh nghiệp bị coi là "thao túng" lợi nhuận trước khi vụ việc bị phát hiện, và doanh nghiệp bị gắn cờ phải được kiểm tra xem do "thao túng" hay do nguyên nhân cấu trúc khác. Công thức, chín hệ số và mốc −1,78 lấy từ nguồn thứ cấp, nhất quán với nhau nhưng **chưa đối chiếu với bài gốc**, nên đọc là "theo tóm tắt nguồn thứ cấp". Cũng theo nguồn thứ cấp, mô hình gốc dùng dữ liệu doanh nghiệp Mỹ và loại tổ chức tài chính khỏi mẫu (doanh thu và phải thu của họ không có ý nghĩa tương tự).

Tám chỉ số: mỗi chỉ số hỏi một câu

Gọi năm hiện tại là t, năm trước là t−1. Bảng tóm tắt định nghĩa theo nguồn thứ cấp.

Chỉ số	So sánh gì	Lý do bình thường có thể làm tăng
DSRI	(phải thu ÷ doanh thu) năm t, chia cùng tỷ lệ năm t−1	Bán chịu để mở rộng; khách lớn có kỳ hạn dài
GMI	biên gộp năm t−1, chia biên gộp năm t	Giá nguyên liệu tăng; giảm giá giữ thị phần
AQI	tỷ trọng tài sản "khác" (ngoài tài sản ngắn hạn, TSCĐ ròng, đầu tư tài chính) trong tổng tài sản, năm t chia năm t−1	Đầu tư dài hạn đang xây dựng; lợi thế thương mại
Sales Growth Index	doanh thu năm t chia năm t−1	Doanh nghiệp tăng trưởng thật
DEPI	tỷ lệ [khấu hao ÷ (khấu hao + TSCĐ ròng)] năm t−1, chia năm t	Tài sản mới chưa khấu hao đủ năm
SGAI	(chi phí bán hàng và quản lý ÷ doanh thu) năm t, chia năm t−1	Mở rộng kênh bán
LVGI	[(nợ ngắn hạn + vay dài hạn) ÷ tổng tài sản] năm t, chia năm t−1	Vay để đầu tư mở rộng
TATA	(lợi nhuận từ hoạt động liên tục − CFO) ÷ tổng tài sản năm t	Phải thu, tồn kho tăng theo quy mô

Ba lưu ý. **Một**, chỉ số tăng chưa nói vì sao. **Hai**, ánh xạ từng dòng báo cáo Việt Nam vào từng biến (ví dụ đầu tư tài chính đã nằm trong tài sản ngắn hạn thì không cộng lần hai ở AQI) là việc người tính phải tự quyết và ghi lại. **Ba**, nguồn thứ cấp viết TATA theo dạng dòng tiền; chưa rõ bài gốc dùng đúng dạng này hay dạng suy ra từ bảng cân đối, và hai dạng có thể ra số khác nhau.

Phương trình, hệ số và cách hiểu điểm

Theo nguồn thứ cấp:

M = −4,84 + 0,920 × DSRI + 0,528 × GMI + 0,404 × AQI + 0,892 × tăng trưởng doanh thu + 0,115 × DEPI − 0,172 × SGAI + 4,679 × TATA − 0,327 × LVGI

Bốn điều đọc ra được mà không cần nhớ hệ số:

1. **Điểm "trung tính" là số âm.** Doanh nghiệp có mọi chỉ số bằng 1 và TATA bằng 0 có M = −4,84 + (0,920 + 0,528 + 0,404 + 0,892 + 0,115 − 0,172 − 0,327) = −2,48 (tính lại bằng Python). Từ −2,48 lên mốc −1,78 cần cộng thêm 0,70.
2. **TATA có hệ số dương lớn nhất, 4,679.** Dồn tích bằng 10% tổng tài sản (TATA bằng 0,10) tự nó cộng khoảng 0,47 điểm.

3. **SGAI và LVGI có hệ số âm**, tức chỉ số tăng làm điểm giảm. Đừng đọc từng hệ số theo trực giác: đó là kết quả ước lượng chung của cả phương trình.
4. **Hệ số chỉ đi cùng định nghĩa biến của tác giả**, không trộn với biến hay hệ số tự ước lượng khác.

Mốc −1,78 được nêu như điểm phân định giữa hai vùng; tài liệu khác có thể dùng mốc khác tuỳ mẫu. Bài chỉ nêu mốc đã đối chiếu được, không diễn giải điểm thành xác suất.

Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định, điểm −1,65

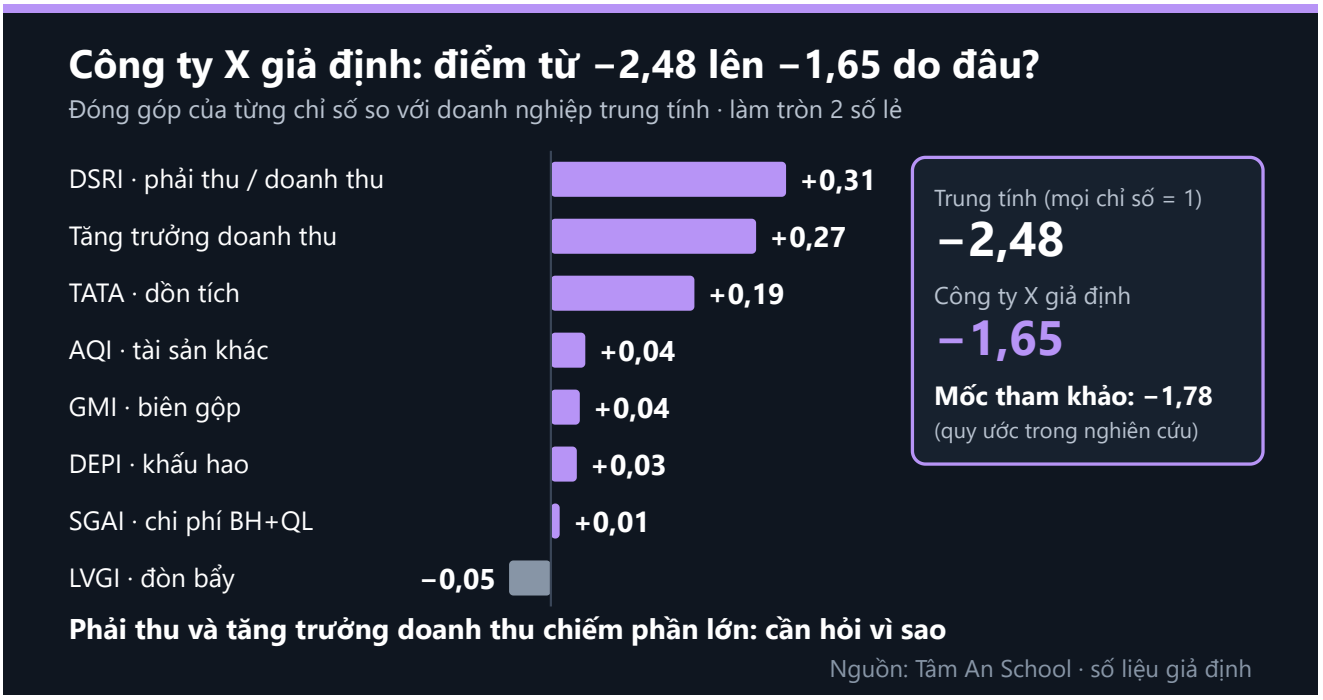
Giả sử công ty X, đơn vị tỷ đồng, số liệu giả định kiểm tính cộng đúng. Tổng tài sản năm t−1 là 500 (ngắn hạn) + 300 (TSCĐ ròng) + 20 (đầu tư tài chính dài hạn) + 180 (khác) = 1.000; năm t là 700 + 480 + 20 + 300 = 1.500.

Số liệu năm t−1 rồi năm t: doanh thu thuần 1.000 và 1.300; giá vốn 700 và 936; phải thu khách hàng 150 và 260; khấu hao 40 và 48; chi phí bán hàng và quản lý 150 và 182; nợ ngắn hạn 300 và 450; vay dài hạn 100 và 250; lợi nhuận sau thuế 80 và 100; dòng tiền kinh doanh (CFO) 85 và 40.

Tính lại bằng Python, năm t so với năm t−1:

- **DSRI:** phải thu trên doanh thu từ 15,0% lên 20,0%, được 1,33 (phải thu tăng 73,3%, doanh thu tăng 30,0%).
- **GMI:** biên gộp từ 30,0% xuống 28,0%, được 1,07.
- **AQI:** tài sản "khác" từ 18,0% lên 20,0% tổng tài sản, được 1,11.
- **Tăng trưởng doanh thu:** 1,30.
- **DEPI:** tỷ lệ khấu hao từ 11,8% xuống 9,1%, được 1,29.
- **SGAI:** chi phí trên doanh thu từ 15,0% xuống 14,0%, được 0,93.
- **LVGI:** từ 40,0% lên 46,7%, được 1,17.
- **TATA:** (100 − 40) ÷ 1.500 = 0,040.

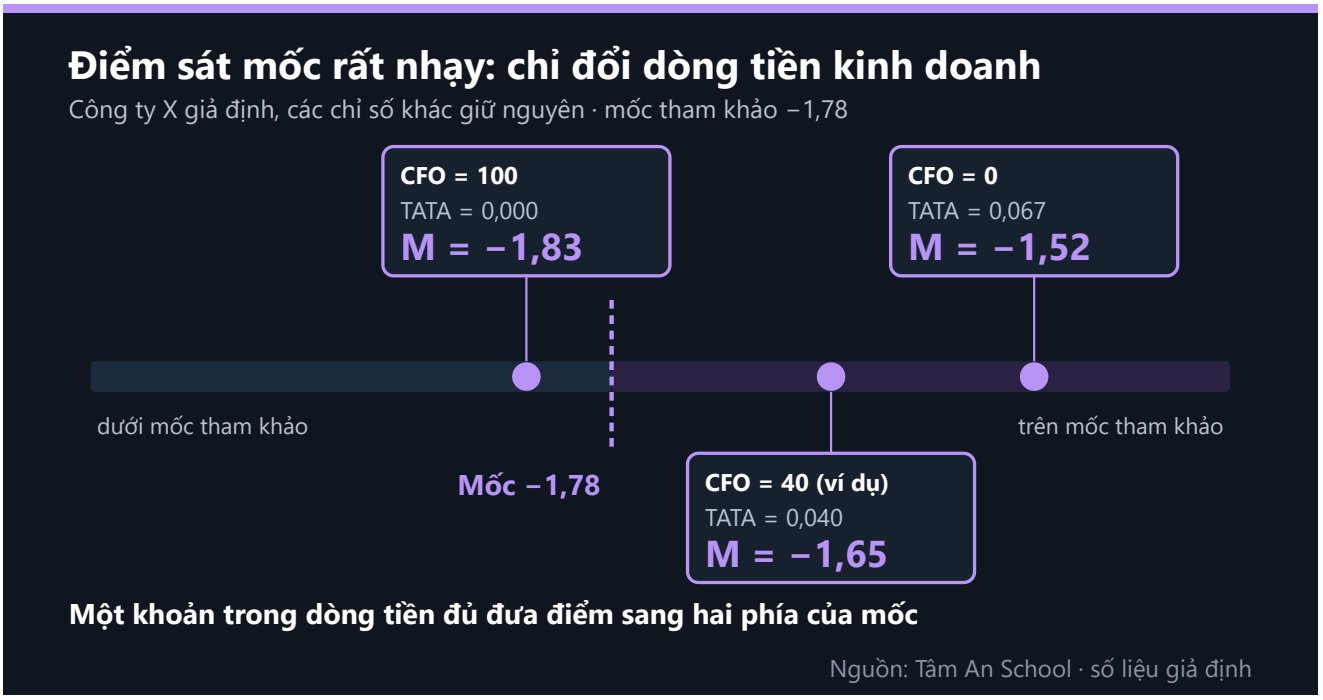
Thay vào phương trình, M = −1,65, cao hơn mốc −1,78 khoảng 0,13. Điểm đến từ đâu? Lấy hệ số nhân độ lệch của chỉ số so với giá trị trung tính: phải thu +0,31, tăng trưởng doanh thu +0,27, dồn tích +0,19, AQI +0,04, GMI +0,04, DEPI +0,03, SGAI +0,01, LVGI −0,05. Tổng +0,83 (làm tròn từng dòng nên tổng các dòng có thể lệch 0,01), đưa điểm từ −2,48 lên −1,65.



Công ty X giả định: đóng góp của từng chỉ số vào điểm M-Score

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Điểm sát mốc thì rất nhạy. Giữ nguyên mọi số khác, nếu CFO năm t là 100 thay vì 40 thì TATA bằng 0,000 và M = −1,83, dưới mốc; nếu CFO là 0 thì TATA bằng 0,067 và M = −1,52. Chênh 60, bằng 4% tổng tài sản, đủ đưa điểm sang hai phía mốc. Ngoài đời, CFO còn chịu tác động của thời điểm trả người bán hay cách phân loại dòng tiền (theo giáo trình CFA), nên mốc không phải ranh giới cứng.



Điểm M-Score của công ty X giả định đổi theo dòng tiền kinh doanh

Số liệu giả định, kiểm tính cộng đúng.

Đọc ví dụ thế nào? Điểm −1,65 chỉ cho biết hồ sơ của công ty X giống nhóm "nên xem kỹ"; phần việc của người đọc là ba câu hỏi. Vì sao phải thu tăng 73,3% khi doanh thu tăng 30,0% (thuyết minh phải thu theo tuổi nợ và dự phòng trả lời phần này)? Tài sản "khác" tăng từ 180 lên 300 là gì? CFO 40 so với lợi nhuận 100 đang nằm ở đâu? Cả ba có thể có lời giải hợp lý với doanh nghiệp tăng trưởng 30% và vay thêm để đầu tư; mô hình không biết điều đó.

Nghiên cứu ở Việt Nam cho thấy gì về cách dùng

Hai nghiên cứu trong nước đã đọc toàn văn dùng khung M-Score nhưng làm việc khác nhau. Bùi Phương Chi và cộng sự (VNU, 2021), trên 307 công ty niêm yết giai đoạn 2007-2018, ước lượng lại hệ số với biến phụ thuộc là chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán: đòn bẩy mang dấu dương ở mọi cột, dồn tích mang dấu âm ở mọi cột (ngược giả thuyết), các chỉ số còn lại phần lớn không có ý nghĩa; pseudo R-squared dưới 0,07. Đó là phương trình tự ước lượng, không thay hệ số Beneish. Hoang Hung Dau (AISC 2025) dùng chính phương trình ở trên cho 30 doanh nghiệp sản xuất giai đoạn 2019-2023: tỷ lệ quan sát có điểm trên −1,78 tăng từ 6,7% (2021) lên 26,7% (2023), và tác giả nhận xét độ nhạy của M-Score với gian lận là thấp (xem bài riêng ở Đọc thêm).

Cách đọc trên báo cáo

1. **Lấy hai năm trình bày cùng khuôn.** Bảng cân đối kế toán: phải thu, tài sản ngắn hạn, TSCĐ, đầu tư tài chính, tổng tài sản, nợ ngắn hạn, vay dài hạn. Báo cáo kết quả kinh doanh: doanh thu thuần, giá vốn, chi phí bán hàng và quản lý. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: khấu hao và CFO. Thuyết minh: nguyên giá và khấu hao lũy kế TSCĐ, phải thu theo tuổi nợ.
2. **Tính từng chỉ số, ghi lại cả số gốc** để người khác kiểm lại được.
3. **Tách điểm thành đóng góp từng chỉ số**, rồi mở thuyết minh của hai hoặc ba chỉ số lệch nhiều nhất.
4. **Kiểm tra hai năm có so sánh được không:** mua công ty con, trình bày lại số liệu năm trước, đổi chính sách kế toán, mùa vụ nếu dùng số quý.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200; từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025 với mã số chỉ tiêu đánh lại. Khi so hai năm này, tự đối chiếu từng dòng, không so theo mã số.

Mô hình không dành cho mọi ngành. Ngân hàng, bảo hiểm và chứng khoán có cấu trúc báo cáo khác, doanh thu và phải thu không có ý nghĩa như ở doanh nghiệp sản xuất, thương mại. Bất động sản nằm trong nhóm Tâm An loại trừ, còn xây dựng cần cảnh báo thêm, vì hợp đồng dài hạn và tiền khách trả trước làm méo phải thu, tài sản (đánh giá nội bộ, chưa phải kết luận nghiên cứu); xem bài riêng ở Đọc thêm.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, trục phân tích theo mã của Tâm An dùng kiến thức này để tính chỉ số, tách đóng góp và chỉ ra nên mở thuyết minh nào trước, kèm nhãn tín hiệu sàng lọc, không phải kết luận.

Điểm cần cẩn trọng

- Hệ số, công thức và mốc −1,78 mới đối chiếu qua nguồn thứ cấp. Một bài trong nước in hệ số của DSRI là 0,0920, khác 0,920 ở nơi khác; bài này dùng 0,920 và coi đó là điểm cần đối chiếu.
- Mô hình hiệu chuẩn trên dữ liệu Mỹ, mốc chưa hiệu chỉnh cho Việt Nam.
- Hai người ánh xạ dòng báo cáo vào biến khác nhau (tài sản dở dang, nợ dài hạn đến hạn, nguyên giá hay giá trị còn lại của TSCĐ) có thể ra hai điểm khác nhau; số quý chịu mùa vụ nên nhiễu hơn.

Đừng nói quá

- Không viết "M-Score vượt −1,78 nghĩa là doanh nghiệp “thao túng” lợi nhuận". Điểm chỉ cho biết cần xem thêm.
- Không viết "điểm thấp nghĩa là báo cáo đáng tin": mô hình có thể bỏ sót.
- Không nêu "độ chính xác" của mô hình như năng lực dự báo.
- Không dùng bài này để kết luận về một cổ phiếu hay xếp hạng doanh nghiệp. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Điểm M-Score cao là tín hiệu để mở đúng chỗ trên thuyết minh và hỏi thêm, chưa phải bằng chứng về điều gì cụ thể của doanh nghiệp. Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh, bán chịu nhiều và vay đầu tư như công ty X giả định có thể vượt mốc chỉ vì chính tăng trưởng đó. Ngược lại, điểm thấp cũng chưa phải kết luận rằng báo cáo đáng tin.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.

- Beneish (1999), Financial Analysts Journal 55(5): 24-36: chỉ đọc tóm tắt (bài gốc có phí).
- Định nghĩa tám chỉ số, hệ số, mốc −1,78, việc loại tổ chức tài chính khỏi mẫu gốc và mẫu dữ liệu Mỹ: nguồn thứ cấp, nhất quán ở ít nhất ba nguồn (gồm trang bách khoa trực tuyến "Beneish M-score" mở ngày 17/10/2026); chưa đối chiếu bài gốc.
- Bùi Phương Chi, Nguyễn Thị Hồng Thúy, Lăng Trịnh Mai Hương (2021), VNU Journal of Science: Economics and Business 37(1): 40-49; Hoang Hung Dau (2025), AISC Proceedings vol.7, tr.177-186: đã đọc toàn văn, chỉ diễn giải.
- CFA Institute, "Financial Reporting Quality" (CFA Program Level I, 2026): chỉ trang công khai.
- Ghi chú nội bộ Tâm An về mô hình sàng lọc (12/10/2026); Thông tư 99/2025/TT-BTC: hiệu lực 01/01/2026, áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày đó.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python ngày 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Mô hình sàng lọc báo cáo tài chính là gì, dùng để làm gì

- Vì sao điểm sàng lọc cao không có nghĩa là gian lận
- Nghiên cứu 30 doanh nghiệp sản xuất nói gì về M-Score và Z-Score
- Phải thu tăng nhanh hơn doanh thu có phải dấu hiệu xấu không
- Mô hình sàng lọc có dùng được cho ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản không

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Beneish M-Score gom tám chỉ số, mỗi chỉ số so năm nay với năm trước, thành một điểm: phải thu trên doanh thu, biên gộp, tài sản khác, tăng trưởng doanh thu, khấu hao, chi phí bán hàng và quản lý, đòn bẩy và dồn tích. Theo nguồn thứ cấp, hệ số lớn nhất thuộc về dồn tích (4,679), doanh nghiệp trung tính có điểm −2,48 và mốc tham khảo là −1,78; hệ số và mốc chưa được đối chiếu với bài gốc. Với công ty X giả định (tỷ đồng), doanh thu tăng từ 1.000 lên 1.300 còn phải thu tăng từ 150 lên 260, điểm là −1,65, trên mốc khoảng 0,13; phải thu (+0,31), tăng trưởng doanh thu (+0,27) và dồn tích (+0,19) chiếm phần lớn, và chỉ cần CFO đổi từ 40 sang 100 là điểm xuống −1,83. Cách đọc là tách điểm thành đóng góp từng chỉ số rồi mở đúng thuyết minh; mô hình hiệu chuẩn trên dữ liệu Mỹ và không dành cho ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản. Điểm cao chỉ là tín hiệu để xem thêm, không phải kết luận về doanh nghiệp và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Altman Z-Score gốc, Z' và Z'' khác nhau thế nào? Bản nào được thiết kế cho doanh nghiệp không phải sản xuất?

Câu trả lời ngắn

Ba phiên bản của Altman Z-Score là ba phương trình khác nhau, không phải một công thức viết lại. **Z gốc** (1968) dùng năm tỷ số và cần giá trị thị trường của vốn chủ sở hữu, nên chỉ tính được cho công ty niêm yết; mẫu xây dựng gồm 66 công ty sản xuất. **Z'** (đọc là "Z phẩy") thay giá trị thị trường bằng giá trị sổ sách, tính được cho công ty chưa niêm yết, và được ước lượng lại hoàn toàn nên cả năm hệ số đổi. **Z''** (đọc là "Z hai phẩy") bỏ thêm tỷ số vòng quay tài sản để giảm ảnh hưởng của ngành; tác giả tách bản này cho doanh nghiệp không phải sản xuất, và bản dùng cho thị trường mới nổi cộng thêm hằng số 3,25. Điểm của ba bản nằm trên ba thang khác nhau nên không so trực tiếp được. Điểm thấp hay vùng xám chỉ là tín hiệu để đọc thêm, không phải dự báo doanh nghiệp sẽ phá sản.



Ba phiên bản Altman Z-Score: Z gốc, Z' và Z''

Sơ đồ minh hoạ khái niệm; hệ số theo bản Altman (2000) đã đọc.

Ba phiên bản trong một bảng

	Z gốc (1968)	Z'	Z''
Nhắm tới	Công ty sản xuất niêm yết	Công ty không niêm yết	Doanh nghiệp không phải sản xuất; bản thị trường mới nổi cộng 3,25
Số biến	5	5	4 (bỏ doanh thu trên tổng tài sản)
Vốn chủ trong biến thứ tư	Giá trị thị trường	Giá trị sổ sách	Giá trị sổ sách
Hệ số theo thứ tự biến	1,2; 1,4; 3,3; 0,6; 1,0	0,717; 0,847; 3,107; 0,420; 0,998	6,56; 3,26; 6,72; 1,05
Mốc đã đọc	1,81 và 2,675	Vùng xám 1,23 đến 2,90	Bài này không nêu mốc (chưa xác minh)

Mẫu gốc của Z gồm 33 công ty sản xuất nộp đơn phá sản trong giai đoạn 1946 đến 1965 và 33 công ty sản xuất còn hoạt động ghép cặp, số liệu lấy một kỳ báo cáo trước thời điểm phá sản. Với Z', tác giả viết rằng chỉ thay vốn chủ sổ sách vào phương trình cũ là cách điều chỉnh tạm, nên đề nghị ước lượng lại toàn bộ; ông cũng nhận xét Z' có lẽ kém tin cậy hơn Z đôi chút và chưa được thử rộng vì thiếu cơ sở dữ liệu công ty tư nhân.

Năm tỷ số đo điều gì

1. **Vốn lưu động trên tổng tài sản** (tài sản ngắn hạn trừ nợ ngắn hạn): thanh khoản ròng so với quy mô.
2. **Lợi nhuận giữ lại trên tổng tài sản:** lợi nhuận tích luỹ qua cả đời doanh nghiệp. Bài gốc nhận xét tỷ số ngầm chứa yếu tố tuổi: công ty trẻ chưa kịp tích luỹ nên điểm thấp hơn.
3. **EBIT trên tổng tài sản** (lợi nhuận trước lãi vay và thuế): sức sinh lợi của tài sản, tách khỏi cấu trúc vốn và thuế.
4. **Vốn chủ sở hữu trên nợ phải trả:** cho biết tài sản có thể giảm giá bao nhiêu trước khi nợ vượt tài sản. Z gốc dùng giá thị trường của vốn chủ; Z' và Z'' dùng giá trị sổ sách.
5. **Doanh thu trên tổng tài sản:** vòng quay tài sản. Bài gốc nói riêng lẻ đây là tỷ số yếu nhất nhưng trong mô hình lại đóng góp lớn thứ hai; vì khác nhau mạnh giữa các ngành nên Z'' bỏ nó đi.

Khi đối chiếu với báo cáo Việt Nam: lợi nhuận giữ lại thường được đối chiếu với dòng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, nhưng một phần lợi nhuận đã trích sang các quỹ trong vốn chủ sở hữu; EBIT thường xấp xỉ bằng lợi nhuận trước thuế cộng chi phí lãi vay. Đây là cách đối chiếu của Tâm An, cần cân nhắc từng trường hợp.

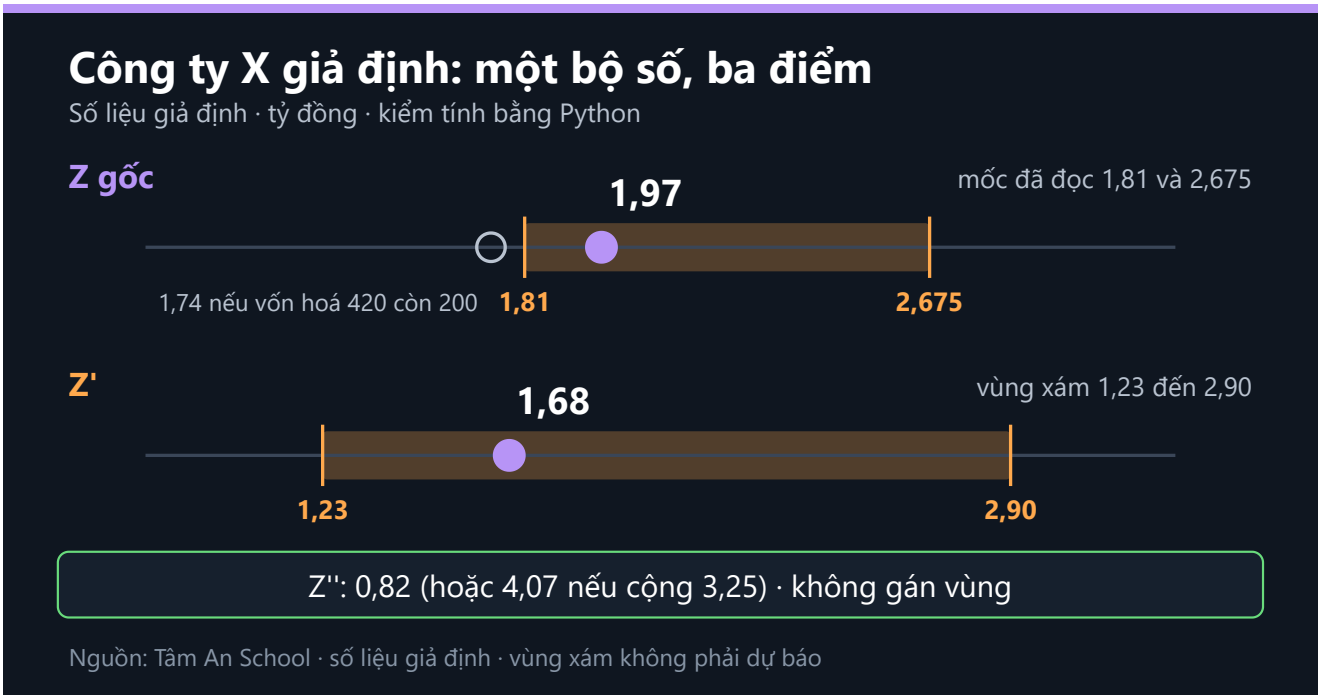
Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định, một bộ số, ba điểm

Giả sử công ty X, số liệu giả định, đơn vị tỷ đồng, tự đặt cho bài này và kiểm tính bằng Python:

Tổng tài sản 800; tài sản ngắn hạn 300, nợ ngắn hạn 340 (vốn lưu động -40); lợi nhuận giữ lại 40; EBIT 64; nợ phải trả 560, vốn chủ sổ sách 240; giá trị thị trường vốn chủ (giả định) 420; doanh thu thuần 1.000.

Các tỷ số: X1 = -0,05; X2 = 0,05; X3 = 0,08; X4 = 0,75 theo giá thị trường (0,43 theo sổ sách, tức 240 chia 560); X5 = 1,25.

Phiên bản	Đóng góp từng biến	Điểm
Z gốc	-0,06; 0,07; 0,26; 0,45; 1,25	1,97
Z'	-0,04; 0,04; 0,25; 0,18; 1,25	1,68
Z''	-0,33; 0,16; 0,54; 0,45	0,82 (4,07 nếu cộng 3,25)



Công ty X giả định: ba điểm từ cùng một bộ số

Số liệu giả định, kiểm tính bằng Python.

Ba điều rút ra từ bộ số này.

Thứ nhất, thang điểm khác nhau. 1,97; 1,68 và 0,82 không đem so với nhau được. Con số 0,82 và 4,07 là cùng một kết quả của Z'', chỉ khác ở hằng số chuẩn hoá 3,25. Vì vậy phải ghi tên phiên bản đi kèm điểm, và chỉ so với mốc của đúng phiên bản đó.

Thứ hai, Z gốc chạy theo giá cổ phiếu. Nếu giá trị thị trường của vốn chủ giảm từ 420 xuống 200 mà báo cáo tài chính không đổi, X4 giảm từ 0,75 xuống 0,36 và Z từ 1,97 xuống 1,74, đi từ phía trên xuống phía dưới mốc 1,81. Z' và Z'' dùng giá trị sổ sách nên đứng yên. Bài 2000 cũng ghi nhận điểm trung bình của công ty Mỹ tăng từ mức 4 đến 5 lên gần 10 vào năm 1999, chủ yếu do giá cổ phiếu tăng tác động qua biến thứ tư.

Thứ ba, vùng xám là vùng chưa phân loại rõ. Z' bằng 1,68 nằm trong vùng 1,23 đến 2,90, còn Z gốc 1,97 nằm giữa hai mốc 1,81 và 2,675 đã đọc. Vốn lưu động âm 40 là giả định cho một mô hình thu tiền trước: nó kéo X1 xuống nhưng chưa nói công ty yếu. Ba kết quả này chỉ là tín hiệu để mở thuyết minh về nợ, kỳ hạn vay và doanh thu nhận trước, không phải kết luận về công ty X.

Một lỗi thực hành đáng nhắc: bài 2000 nêu dạng gốc của Z nhập X1 đến X4 theo phần trăm (10% nhập là 10,0) với hệ số rất nhỏ (0,012; 0,014; 0,033; 0,006; 0,999), còn dạng quen dùng nhập số thập phân (10% là 0,10) với hệ số 1,2; 1,4; 3,3; 0,6; 1,0, cho cùng điểm. Trộn hai dạng, chẳng hạn nhập phần trăm vào hệ số của dạng thập phân, cho điểm 73,65 trong ví dụ trên: một con số vô nghĩa.

Doanh nghiệp không phải sản xuất: bản nào?

Bài 2000 mô tả Z'' là phiên bản bỏ vòng quay tài sản để giảm tác động của ngành, và cho biết tác giả cùng đồng nghiệp từng áp dụng cho công ty ở thị trường mới nổi phát hành trái phiếu quốc tế. Phần đã đọc không đưa mốc phân vùng cho Z''; các tài liệu thứ cấp tuy nêu mốc riêng nhưng chưa rõ áp cho bản có hay không có hằng số 3,25. Vì vậy bài này không gán vùng an toàn hay nguy cơ cho Z'' và không khuyên chọn bản nào. Ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán và bất động sản có vấn đề riêng, xem bài về giới hạn theo ngành ở phần Đọc thêm.

Các quan điểm khác nhau

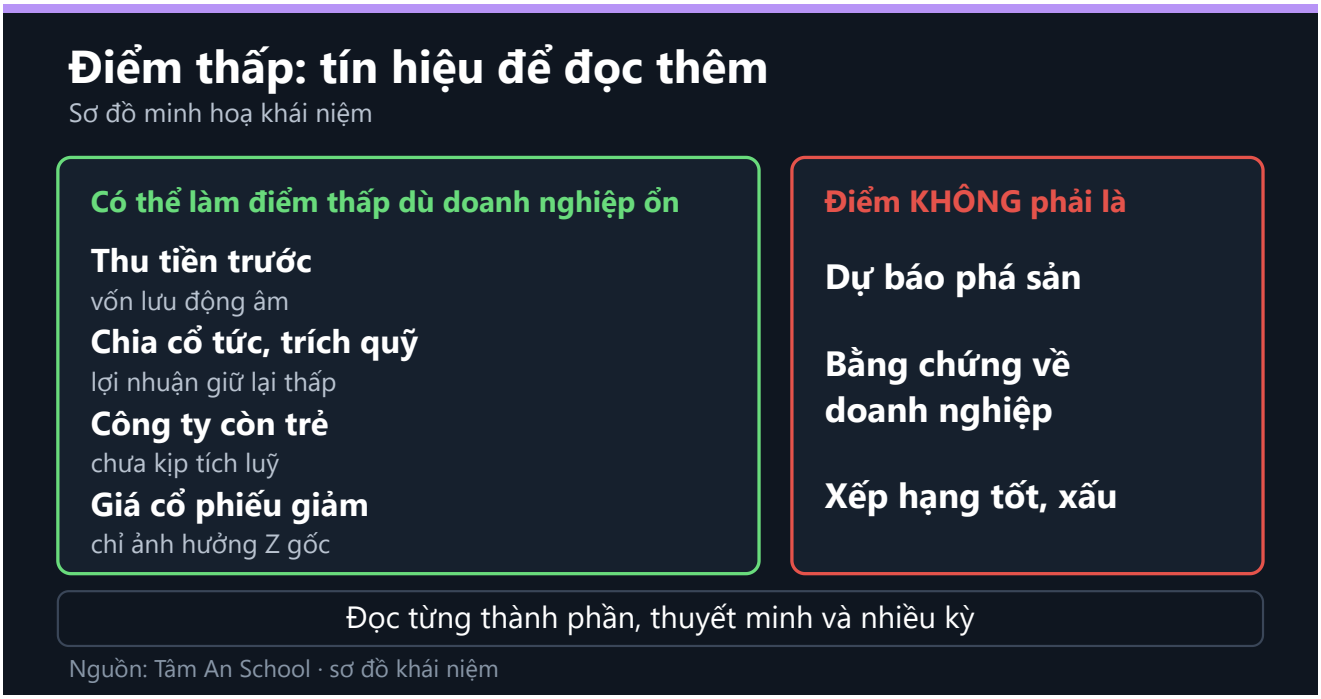
Có nhiều cách nhìn về việc dùng bản nào, mốc nào và đọc điểm ra sao. Mỗi quan điểm kèm nhóm nguồn, không chọn bên:

- **Tác giả mô hình (Altman, 2000), về phiên bản:** ước lượng lại phương trình khi đổi sang giá trị sổ sách (Z') hợp lý hơn việc thay số vào công thức cũ, và bỏ vòng quay tài sản (Z'') nhằm giảm ảnh hưởng ngành. Chính tác giả cũng nói Z' có lẽ kém tin cậy hơn đôi chút và chưa thử nghiệm rộng.
- **Cũng nhóm tác giả, về mốc cắt của Z gốc:** 2,675 cho sai số tổng thể thấp nhất trong thử nghiệm gốc; về sau tác giả nghiêng về mốc dưới 1,81 là thực tế hơn vì tỷ lệ công ty bị xếp vào nhóm thấp nhưng không phá sản đã tăng, tới khoảng 15 đến 20% số công ty sản xuất niêm yết trong dữ liệu Mỹ.
- **Về vốn chủ trong biến thứ tư:** giá thị trường thêm yếu tố kỳ vọng của thị trường nhưng làm điểm dao động theo giá cổ phiếu; giá trị sổ sách chỉ phụ thuộc báo cáo nhưng không chứa thông tin kỳ vọng. Đây là cách diễn giải của Tâm An từ các mô tả trong bài gốc, không phải kết luận của nhóm nào.
- **Nghiên cứu ứng dụng tại Việt Nam (Hoang Hung Dau, AISC 2025):** dùng bản 1968 cho 30 doanh nghiệp sản xuất niêm yết 2019 đến 2023, chia ba vùng, coi là công cụ cảnh báo sớm hữu ích khi kết hợp đánh giá định tính, đồng thời nhận định sức dự báo vừa phải và phụ thuộc bối cảnh.
- **Ghi chú xử lý dữ liệu của Tâm An (nội bộ):** hệ số và mốc hiệu chuẩn trên mẫu Mỹ, chuẩn mực kế toán Việt Nam không giống chuẩn mực Mỹ, nên ưu tiên xếp hạng tương đối trong ngành thay vì mốc tuyệt đối; quan điểm này chưa được kiểm định bằng nghiên cứu độc lập.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Xác định phạm vi:** doanh nghiệp sản xuất niêm yết, chưa niêm yết, hay không phải sản xuất? Ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán nằm ngoài phạm vi.
2. **Lấy năm số từ ba báo cáo** (bảng cân đối kế toán, kết quả kinh doanh) và ghi cách tính từng biến; với Z gốc ghi thêm ngày lấy giá thị trường.

3. **Đọc theo thành phần,** không chỉ tổng: biến nào kéo điểm xuống? Vốn lưu động âm do thu tiền trước hay do vay ngắn hạn (xem bài về hệ số thanh toán)? Lợi nhuận giữ lại thấp do lỗ luỹ kế hay do chia cổ tức và trích quỹ?
4. **So với chính doanh nghiệp qua nhiều kỳ** và với doanh nghiệp cùng ngành, cùng phiên bản. Dữ liệu quý nhiễu hơn vì mùa vụ; mô hình được xây trên số liệu năm.
5. **Đối chiếu thuyết minh:** nợ vay, kỳ hạn, doanh thu nhận trước, và mua bán sáp nhập làm hai kỳ không so sánh được.



Điểm thấp là tín hiệu để đọc thêm, không phải dự báo phá sản

Sơ đồ minh hoạ khái niệm.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, trục phân tích theo mã của Tâm An dùng kiến thức này để mở đúng chỗ cần đọc: biến nào kéo điểm, phiên bản nào phù hợp loại hình doanh nghiệp, và không biến điểm thành xếp loại tốt hay xấu.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025 với mã số chỉ tiêu đánh lại; bài không so mã số giữa hai thời kỳ.

Điểm cần cẩn trọng

- Hệ số và mốc 1,81; 2,675; 1,23 đến 2,90 lấy từ bản sao toàn văn bài Altman (2000), mẫu là công ty Mỹ từ nhiều thập niên trước; chưa có hiệu chuẩn cho Việt Nam.
- Độ chính xác trong bài gốc là phân loại lại các công ty đã biết kết cục, nhìn một kỳ báo cáo trước khi phá sản: mẫu gốc đúng 94% với mốc 2,67 ở kỳ gần nhất, nhưng còn 72% khi lùi hai kỳ và 48% khi lùi ba kỳ. Đó không phải khả năng dự đoán doanh nghiệp hiện nay.
- Bản đã đọc có chỗ in chưa nhất quán (mốc dưới của Z' ghi 1,21 một chỗ, 1,23 hai chỗ); bài dùng 1,23.
- Công ty X, giá trị thị trường vốn chủ và các kịch bản đều là giả định đơn giản hoá.

Đừng nói quá

- Không viết "điểm Z thấp nghĩa là doanh nghiệp sắp phá sản"; cũng không viết "điểm Z cao nghĩa là an toàn".
- Không viết "Z'' là bản đúng cho mọi doanh nghiệp không phải sản xuất": đó là mục đích thiết kế của tác giả, không phải bảo đảm về kết quả.
- Không so điểm giữa các phiên bản, và không dùng bài này để xếp hạng hay kết luận về một cổ phiếu. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Điểm Altman Z là tín hiệu sàng lọc, đo mức gần với các doanh nghiệp từng gặp khó khăn trong mẫu cũ, chưa phải bằng chứng về tình hình thật của một doanh nghiệp. Nguyên nhân kinh doanh hợp lý khác có thể làm điểm thấp: thu tiền trước, chia cổ tức nhiều, công ty còn trẻ, giá cổ phiếu giảm hay đặc thù ngành. Điểm cao cũng chưa phải kết luận doanh nghiệp an toàn.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.

- Altman, E. (2000), "Predicting financial distress of companies: revisiting the Z-score and ZETA models", NYU Stern: đọc bản sao toàn văn (các mục về Z gốc, Z', Z'', mốc, hằng số 3,25, giới hạn); bản gốc trên máy chủ NYU không truy cập được ngày kiểm.
- Hoang Hung Dau (2025), AISC Proceedings vol.7, tr.177-186: đã đọc toàn văn, chỉ diễn giải cách dùng Z gốc ở doanh nghiệp sản xuất Việt Nam.
- Ghi chú xác minh nội bộ của Tâm An về mô hình sàng lọc và ngành loại trừ (12/10/2026).
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python, ngày 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Mô hình sàng lọc báo cáo tài chính là gì, dùng để làm gì
- Beneish M-Score: tám chỉ số đo điều gì
- Mô hình sàng lọc có dùng được cho ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản không
- Hệ số thanh toán hiện hành, nhanh và tiền mặt
- Nghiên cứu 30 doanh nghiệp sản xuất nói gì về M-Score và Z-Score

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Altman Z-Score có ba phiên bản là ba phương trình khác nhau: Z gốc (1968) cần giá trị thị trường của vốn chủ sở hữu và được xây trên 66 công ty sản xuất; Z' dùng giá trị sổ sách và ước lượng lại cả năm hệ số; Z'' bỏ tỷ số vòng quay tài sản, được tác giả tách cho doanh nghiệp không phải sản xuất, và bản thị trường mới nổi cộng 3,25. Với công ty X giả định (tỷ đồng), cùng một bộ số cho Z gốc 1,97, Z' 1,68 và Z'' 0,82 (4,07 nếu cộng 3,25): ba thang khác nhau nên không so với nhau; nếu giá trị thị trường vốn chủ giảm từ 420 còn 200 thì Z gốc tụt từ 1,97 xuống 1,74 dù báo cáo không đổi. Z' 1,68 nằm trong vùng xám 1,23 đến

2,90, Z gốc 1,97 nằm giữa hai mốc 1,81 và 2,675 đã đọc. Có nhiều quan điểm về phiên bản, mốc cắt, vốn chủ thị trường hay sổ sách và việc áp dụng ở Việt Nam; bài nêu từng quan điểm, không chọn bên. Điểm thấp hay vùng xám chỉ là tín hiệu để đọc thêm thuyết minh, không phải dự báo phá sản và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Các mô hình sàng lọc có dùng được cho ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán và bất động sản không? Vì sao dùng sai ngành dễ ra kết quả vô nghĩa?

Câu trả lời ngắn

Nhìn chung là không. Các mô hình sàng lọc phổ biến (Beneish M-Score, Altman Z-Score, Piotroski F-Score) được dựng từ báo cáo của doanh nghiệp sản xuất và thương mại: có doanh thu thuần, giá vốn, phải thu bán chịu, hàng tồn kho và nợ vay. Ngân hàng, bảo hiểm và công ty chứng khoán lập báo cáo theo chế độ kế toán riêng, nơi tiền gửi, dự phòng nghiệp vụ hay tài sản tài chính là chính hoạt động kinh doanh. Bất động sản không bị loại hẳn, nhưng doanh thu theo bàn giao và tiền khách trả trước làm nhiều chỉ số bị méo. Với Beneish, theo một nguồn thứ cấp (Wikipedia, mở 17/10/2026), tổ chức tài chính còn bị loại khỏi mẫu gốc; bài gốc có phí, chưa đối chiếu. Dùng sai mô hình cho ra ba kiểu kết quả: không tính được, phụ thuộc cách gán dòng, hoặc mang nghĩa khác. Cả ba là nhiễu, không phải tín hiệu.



Bốn nhóm ngành có cấu trúc báo cáo khác doanh nghiệp sản xuất: ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Mô hình đặt giả định ngầm gì về báo cáo

Mô hình không biết ngành; nó nhận các dòng số và giả định mỗi dòng mang một nghĩa (khung chung ở bài mô hình sàng lọc là gì). Giả định ngầm theo nguồn đã đọc:

- **Giá vốn, biên gộp, phải thu trên doanh thu:** Piotroski có tiêu chí biên gộp; Beneish có chỉ số biên gộp, tăng trưởng doanh thu và phải thu trên doanh thu (giả định phải thu sinh ra từ bán chịu).

- **Vốn lưu động:** Altman X1 là tài sản ngắn hạn trừ nợ ngắn hạn, chia tổng tài sản; báo cáo phải chia ngắn hạn, dài hạn.
- **Lợi nhuận trước lãi vay và thuế:** Altman X3 độc lập với thuế và đòn bẩy, tức lãi vay phải là chi phí tài chính.
- **Vốn chủ sở hữu trên nợ phải trả:** Altman X4 giả định nợ chủ yếu là nợ vay.

Bài gốc của Altman (bản sao đã đọc) mô tả mẫu dựng mô hình đầu tiên là các nhà sản xuất; Z'' được giới thiệu cho doanh nghiệp không sản xuất, và phần đã đọc không nói áp dụng được cho ngân hàng, bảo hiểm hay chứng khoán. Hai nghiên cứu về Việt Nam đã đọc cũng chỉ lấy mẫu phi tài chính hoặc sản xuất; đó là thiết kế nghiên cứu, không phải kết luận về ngành khác. Chi tiết ở bài Beneish M-Score và bài Z, Z' và Z''.

Ngân hàng: tiền gửi là nguyên liệu, cho vay là sản phẩm

Thông tư 99/2025, Điều 2 khoản 2, nêu tổ chức tín dụng thực hiện chế độ kế toán theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước. Mẫu bảng cân đối B02/TCTD (kèm Thông tư 49/2014/TT-NHNN, bản sao toàn văn) liệt kê tài sản như cho vay khách hàng, chứng khoán đầu tư; nguồn vốn như tiền gửi của khách hàng, giấy tờ có giá. Mẫu **không chia ngắn hạn, dài hạn** và **không có dòng hàng tồn kho**. Báo cáo kết quả (B03/TCTD) mở đầu bằng thu nhập lãi và chi phí lãi, không phải doanh thu thuần và giá vốn. Mẫu đã có thông tư sau sửa đổi.

Ví dụ minh hoạ: ngân hàng giả định cho mô hình đọc

Giả sử ngân hàng X, tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt. Tài sản 1.000: tiền và tiền gửi, cho vay tổ chức tín dụng khác 150, chứng khoán kinh doanh 10, cho vay khách hàng 650, chứng khoán đầu tư 120, tài sản cố định 15, khác 55. Nguồn vốn 1.000: nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước 30, vay tổ chức tín dụng khác 100, tiền gửi khách hàng 650, giấy tờ có giá 90, nợ khác 50, vốn chủ sở hữu 80. Thu nhập lãi 70, chi phí lãi 42, lợi nhuận trước thuế 14, lãi chưa phân phối 30. Bài không đánh giá ngân hàng này; chỉ hỏi mô hình đọc được bảng này không.



Ngân hàng X giả định: cùng một bảng cân đối, ba cách gán dòng cho ra Z'' từ -4,77 đến 1,09

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Thứ nhất, vốn lưu động không xác định. Bảng không chia ngắn hạn, dài hạn nên người phân tích phải tự gán. Ba cách gán, mỗi cách biện hộ được, tính theo Z'' trong bài gốc (6,56 X1 + 3,26 X2 + 6,72 X3 + 1,05 X4, không cộng hằng số 3,25), với X2 bằng 0,030 và X4 bằng 80/920, tức 0,087:

Cách gán	Tài sản ngắn hạn	Nợ ngắn hạn	EBIT	Z''
A: chỉ nhóm thanh khoản cao	160	130	14	0,48
B: cho vay cũng ngắn hạn, EBIT cộng lại chi phí lãi	860	780	56	1,09
C: mọi nợ là ngắn hạn	150	920	14	-4,77

Cùng một bảng, Z'' đi từ -4,77 đến 1,09 chỉ vì cách gán. Không cách nào đúng: mô hình không được dựng cho bảng này. Bài cố ý không nêu vùng đánh giá Z'' (chưa xác minh); chỉ cần thấy độ rộng của dải. EBIT cũng khó xử: ở ngân hàng chi phí lãi là chi phí hoạt động chính.

Thứ hai, tỷ trọng tài sản đổi từ 0,825 sang 0,125. Một chỉ số của Beneish nhìn vào phần tài sản ngoài tài sản ngắn hạn và tài sản cố định (tính mức, mô hình thật so hai năm): nếu cho vay dài hạn, 1 - (160 + 15)/1.000 = 0,825; nếu là ngắn hạn, 1 - (860 + 15)/1.000 = 0,125.

Thứ ba, cho vay không phải phải thu bán chịu. Cho vay 650 bằng 65% tổng tài sản và 9,29 lần thu nhập lãi; doanh nghiệp bán chịu 60 ngày có phải thu khoảng 0,16 lần doanh thu năm. Giả sử năm trước cho vay 520, thu nhập lãi 62: cho vay tăng 25,0%, thu nhập lãi tăng 12,9%, chỉ số kiểu "phải thu nhanh hơn doanh thu" là 1,107. Ở doanh nghiệp sản xuất đó là tín hiệu hỏi về bán chịu; ở đây có thể chỉ là tăng trưởng tín dụng, mô hình không phân biệt được.

Phép thử trên kho dữ liệu của Tâm An. Ngày 12/10/2026, dự án kiểm dữ liệu năm 2025: mỗi nhóm ngành có đủ 20 chỉ tiêu lõi của các mô hình (như giá vốn) không? Ngân hàng 0 trên 28 mã, bảo hiểm 0 trên 13, dịch vụ tài chính 5 trên 49, bất động sản 122 trên 122. Đây là phép kiểm dữ liệu, không kết luận về doanh nghiệp.

Bảo hiểm và chứng khoán: nợ và doanh thu mang nghĩa khác

Bảo hiểm. Luật Kinh doanh bảo hiểm 08/2022/QH15, Điều 97, quy định dự phòng nghiệp vụ: trích lập riêng từng nghiệp vụ, có tài sản tương ứng, dùng chuyên gia tính toán, phương pháp phải được Bộ Tài chính chấp thuận. Theo cách hiểu của Tâm An, đây là nợ phải trả ước tính về nghĩa vụ với người được bảo hiểm, không phải vay; nợ cao theo nghĩa kế toán chưa đồng nghĩa nhiều nợ vay, nên X4 của Altman đọc sai nghĩa. Một hỏi đáp của Bộ Tài chính ngày 04/08/2026 vẫn dẫn Thông tư 232/2012/TT-BTC cho bảo hiểm phi nhân thọ; nhân thọ là Thông tư 199/2014/TT-BTC (nguồn thứ cấp). Theo mẫu báo cáo thực tế lập theo Thông tư 232 (nguồn thứ cấp), doanh thu phí bảo hiểm là phí gốc cộng phí nhận tái, trừ phần tăng dự phòng phí: "doanh thu" đã chịu một ước tính, và không có giá vốn hay tồn kho.

Chứng khoán. Chế độ kế toán là Thông tư 210/2014/TT-BTC, được Thông tư 334/2016/TT-BTC sửa đổi; một hỏi đáp của Bộ Tài chính trả lời ngày 09/07/2026 vẫn dẫn Thông tư 334/2016, và Tâm An chưa thấy văn bản thay thế. Theo mẫu báo cáo thực tế (nguồn thứ cấp), doanh thu hoạt động gồm lãi bán tài sản tài chính, chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản chưa bán, cổ tức, lãi, cho vay, môi giới. Chênh lệch đánh giá lại biến động theo thị trường: mô hình đọc nó như "tăng trưởng doanh thu" dù phần lớn đến từ giá. Cho vay ký quỹ là tài sản hoạt động và nguồn thu. Công ty chứng khoán còn công bố báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Thông tư 96/2020, Điều 22 khoản 2), thước đo mô hình sàng lọc không có.

Bất động sản: không bị loại hẳn, nhưng nhiều chỉ số bị méo

Báo cáo chủ đầu tư vẫn có doanh thu, giá vốn, hàng tồn kho, nên tính được; vấn đề là nghĩa của con số. Theo Thông tư 99/2025 (tài khoản 511), chủ đầu tư không ghi nhận doanh thu cho tiền thu trước theo tiến độ, mà khi đã hoàn thành, bàn giao và thoả các điều kiện; tiền đã thu chưa giao nằm ở "Người mua trả tiền trước", chi phí dự án chưa bàn giao nằm ở chi phí dở dang, có cả phần dài hạn. Kỳ lập theo Thông tư 200 chưa đối chiếu (xem bài doanh thu được ghi nhận khi nào).

Giả sử công ty bất động sản Y, tỷ đồng, số liệu **giả định**: doanh thu từ 100 lên 400, giá vốn từ 75 lên 300 (biên gộp 25,0% cả hai năm), người mua trả tiền trước từ 380 xuống 300. Tài sản năm nay 1.000: tiền 100, phải thu 50, hàng tồn kho ngắn hạn 150, chi phí dở dang dài hạn 450, tài sản cố định và khác 250. Nợ phải trả 700: người mua trả tiền trước 300 (ngắn hạn 200), vay 250 (ngắn hạn 100), phải trả khác 150; vốn chủ sở hữu 300.

- **Doanh thu tăng 4,0 lần** vì bàn giao dồn vào năm nay, dù tiền khách trả trước giảm.
- **Vốn lưu động âm.** Tài sản ngắn hạn 300, nợ ngắn hạn 450, X1 bằng -0,15, trong khi 450 chi phí dự án nằm ngoài tài sản ngắn hạn.
- **Mẫu số của X4.** 300/700 = 0,429; bỏ 300 tiền khách trả trước (nghĩa vụ giao nhà) khỏi mẫu số thì 300/400 = 0,750. Đây là phép đổi minh hoạ, không phải cách hiệu chỉnh chuẩn.

Bất động sản cần cảnh báo, chứ không phải mô hình dứt khoát không chạy được.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Xác định loại hình và chế độ kế toán** trước khi chọn công cụ.
2. **Kiểm mỗi đầu vào có dòng tương ứng và cùng nghĩa không;** dòng nào tự gán thì ghi rõ.
3. **Thử hai cách gán trở lên.** Nếu kết quả đổi cả hướng như dải ở ví dụ, không dùng.
4. **Đọc chỉ tiêu riêng của ngành:** nợ xấu, tỷ lệ an toàn vốn với ngân hàng; tỷ lệ an toàn tài chính với chứng khoán; dự phòng nghiệp vụ với bảo hiểm. Bài không nêu ngưỡng.
5. **Dòng tiền cũng không chuyển nguyên.** Bài CFO trên lợi nhuận sau thuế viết cho doanh nghiệp sản xuất; ở ngân hàng, dòng tiền kinh doanh thường chịu tác động của cho vay và tiền gửi (chưa đối chiếu mẫu).



Bốn bước kiểm trước khi dùng mô hình sàng lọc: loại hình, dòng tương ứng, hai cách gán, chỉ tiêu riêng của ngành

Sơ đồ minh hoạ khái niệm.

Áp dụng cho từng mã. Theo ghi chú nội bộ ngày 12/10/2026, trục phân tích theo mã không áp điểm sàng lọc cho ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ tài chính; bất động sản và xây dựng chỉ kèm cảnh báo.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025 với mã số chỉ tiêu đánh lại; bài không so mã số giữa hai kỳ.

Điểm cần cẩn trọng

- Việc Beneish loại tổ chức tài chính đến từ nguồn thứ cấp; hệ số và ngưỡng Beneish, vùng đánh giá Z'' không nêu vì chưa xác minh.
- Mẫu B02/TCTD đọc từ bản sao; mô tả mẫu chứng khoán và bảo hiểm đến từ nguồn thứ cấp, cần đối chiếu Phụ lục thông tư gốc.
- Ngân hàng X, công ty Y, các cách gán và số năm trước đều là giả định đơn giản hoá.

Đừng nói quá

- Không viết "mô hình sàng lọc vô dụng": nó chỉ không được dựng cho cấu trúc báo cáo này.
- Không viết "ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán không cần sàng lọc": họ cần công cụ riêng.
- Không dùng kết quả mô hình để kết luận về một doanh nghiệp hay cổ phiếu. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Điểm sàng lọc ở doanh nghiệp sản xuất cũng chỉ là tín hiệu để đọc thêm, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Với ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, con số còn chưa đủ điều kiện làm tín hiệu, vì dòng đầu vào không mang nghĩa mô hình giả định.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.

- Thông tư 99/2025/TT-BTC: Điều 2 khoản 2, tài khoản 511 (mục 1.5.2, 1.5.5), đọc từ Công báo; Thông tư 49/2014/TT-NHNN, mẫu B02/TCTD, B03/TCTD: bản sao toàn văn, cần đối chiếu bản hiện hành.
- Altman (2000), Z-Score và ZETA, bản sao: công thức Z'', X1 đến X4, mô tả mẫu.
- Beneish M-score: tóm tắt Wikipedia (mở 17/10/2026), nguồn thứ cấp; bài gốc 1999 chưa đối chiếu.
- Thông tư 210/2014 và 334/2016/TT-BTC (hỏi đáp Bộ Tài chính trả lời 09/07/2026); Thông tư 96/2020/TT-BTC, Điều 22 khoản 2 (bản sao toàn văn).
- Luật Kinh doanh bảo hiểm 08/2022/QH15, Điều 97; Thông tư 232/2012/TT-BTC (hỏi đáp Bộ Tài chính 04/08/2026).
- Nguyễn Hữu Ánh và Nguyễn Hà Linh (2016), theo mô tả trong Hoang Hung Dau (2025), AISC Proceedings vol. 7; tài liệu nội bộ Tâm An (12/10/2026) về độ phủ chỉ tiêu theo ngành.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python, ngày 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Mô hình sàng lọc báo cáo tài chính là gì
- Beneish M-Score: tám chỉ số đo điều gì
- Altman Z-Score gốc, Z' và Z'' khác nhau thế nào
- Tỷ lệ CFO trên lợi nhuận sau thuế
- Doanh thu được ghi nhận khi nào

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Các mô hình sàng lọc được dựng từ cấu trúc báo cáo của doanh nghiệp sản xuất và thương mại, nên ngân hàng, bảo hiểm và chứng khoán, với chế độ kế toán và mẫu biểu riêng, không khớp các giả định về doanh thu, giá vốn, phải thu, hàng tồn kho, vốn lưu động và nợ vay; bất động sản không bị loại hẳn nhưng doanh thu theo bàn giao và tiền khách trả trước làm nhiều chỉ số méo. Với ngân hàng X giả định (tỷ đồng), cùng một bảng cân đối, ba cách gán ngắn hạn và dài hạn cho Z'' bằng 0,48, 1,09 và -4,77; tỷ trọng

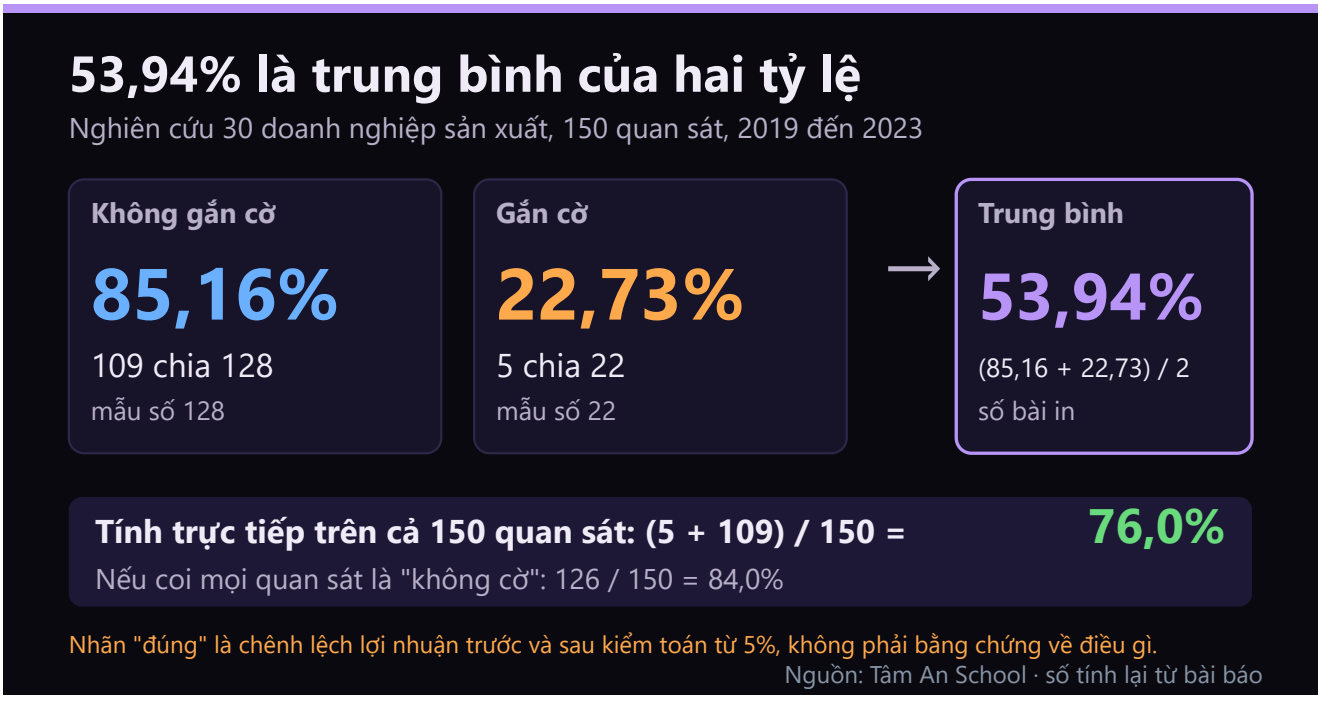
tài sản ngoài ngắn hạn và cố định là 0,825 hoặc 0,125; cho vay bằng 9,29 lần thu nhập lãi, so với khoảng 0,16 lần doanh thu của doanh nghiệp bán chịu 60 ngày. Công ty bất động sản Y giả định có doanh thu gấp 4,0 lần chỉ vì nhịp bàn giao. Cách đọc là xác định loại hình, kiểm dòng tương ứng, thử hai cách gán và đọc chỉ tiêu riêng của ngành. Điểm sàng lọc chỉ là tín hiệu để đọc thêm, không phải kết luận về doanh nghiệp, và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Nghiên cứu trên 30 doanh nghiệp sản xuất (2019-2023) nói gì về M-Score và Z-Score, và 'độ chính xác 53,94%' thực chất là gì?

Câu trả lời ngắn

Con số 53,94% trong nghiên cứu của Hoang Hung Dau (2025) **không phải tỷ lệ quan sát được phân loại đúng**. Theo Bảng 4 của chính bài, đó là trung bình cộng đơn giản của hai tỷ lệ riêng, 85,16% và 22,73%, tính trên hai nhóm cỡ rất khác nhau (128 và 22 quan sát). Tính lại từ Bảng 3, tỷ lệ khớp trên cả 150 quan sát là 76,0%, còn gắn nhãn "không có dấu hiệu" cho mọi quan sát thì khớp 84,0%; trong 24 quan sát lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, M-Score gắn cờ được 5, tức 20,8%. Chữ "đúng" còn nghĩa là khớp một nhãn đại diện, chưa phải bằng chứng về báo cáo. Số 55,33% của Z-Score bằng 83 chia 150, đúng tỷ lệ quan sát ở vùng an toàn, và Bảng 5 ghi số quan sát phá sản thực tế bằng 0. Bài này diễn giải cách đọc, không bác bỏ nghiên cứu.



Con số 53,94% là trung bình của hai tỷ lệ 85,16% và 22,73%, trong khi tỷ lệ khớp cả mẫu tính lại là 76,0%

Số tính lại từ Bảng 3 và Bảng 4 của bài báo; Tâm An tự tính bằng Python.

Nghiên cứu này làm gì

Bài đăng trong AISC Proceedings, tập 7, năm 2025, trang 177 đến 186. Mẫu gồm 30 doanh nghiệp sản xuất niêm yết, 2019 đến 2023, tổng 150 quan sát doanh nghiệp-năm (30 nhân 5). Điểm M-Score và Z-Score tính từ báo cáo chưa kiểm toán. Tác giả kiểm ba giả thuyết: M-Score phân biệt được (H1), Z-Score phân biệt được (H2), hai điểm có quan hệ dương (H3); kết luận lần lượt là chấp nhận một phần, chấp nhận, bác bỏ.

Theo cách Tâm An gộp lại, số quan sát ở hai vùng kém tin cậy của M-Score (trên 30 doanh nghiệp mỗi năm) là 2, 1, 2 trong ba năm 2019 đến 2021, rồi 6 năm 2022 và 11 năm 2023; vùng nguy cơ của Z-Score là 7, 1, 1, 4 và 8.

Tác giả gợi ý áp lực sau đại dịch hay biến động vĩ mô nhưng không kiểm định; với 30 doanh nghiệp đó là mô tả của mẫu, chưa phải quy luật thị trường. Bài đăng không nêu mốc điểm của hai mô hình vì chưa đối chiếu được nguồn.

53,94% đến từ đâu

Bảng 3 đối chiếu phân loại của M-Score (gắn cờ hay không) với chênh lệch lợi nhuận ròng trước và sau kiểm toán (từ 5% trở lên hay dưới 5%). Bốn ô là 5, 17, 19 và 109; bài vì sao điểm sàng lọc cao không có nghĩa là gian lận đã dùng chúng cho tỷ lệ cơ sở; bài này xem các tỷ lệ của Bảng 4 được tính thế nào.

Tiêu đề cột của Bảng 3 bị in lệch trong bản đã đọc; Tâm An đọc theo Bảng 4, trong đó 128 và 22 là tổng hai hàng "không gắn cờ" và "gắn cờ". Khi đó:

- **85,16%** là 109 chia 128: trong 128 quan sát không gắn cờ, 109 lệch dưới 5%.
- **22,73%** là 5 chia 22: trong 22 quan sát gắn cờ, 5 lệch từ 5% trở lên.
- **53,94%** là trung bình của hai số trên, (85,16 + 22,73) / 2 = 53,945. Bảng 4 gọi nó là tỷ lệ chính xác trung bình, còn tóm tắt của bài viết là phân loại đúng 53,94% số quan sát; hai cách nói không giống nhau.

Trung bình đơn giản coi nhóm 22 quan sát nặng ngang nhóm 128. Tính trực tiếp trên cả mẫu cho kết quả khác:

Cách tính	Phép tính	Kết quả
Trung bình hai tỷ lệ bài in	(85,16 + 22,73) / 2	53,94%
Khớp nhãn trên cả mẫu	(5 + 109) / 150	76,0%
Khớp nếu mọi quan sát đều "không cờ"	126 / 150	84,0%
Bắt được quan sát lệch từ 5%	5 / 24	20,8%

Ba điều đọc được. **Một**, tỷ lệ phân loại đúng tính trực tiếp là 76,0%, không phải 53,94%. **Hai**, 76,0% thấp hơn 84,0% vì nhóm lệch từ 5% chỉ chiếm 16,0% mẫu (24 trên 150), nên quy tắc "luôn nói không có dấu hiệu" còn khớp nhãn nhiều hơn mô hình; đó là chuyện tỷ lệ cơ sở, không nói mô hình vô dụng. **Ba**, mô hình bắt được 5 trên 24 ca lệch lớn, khoảng 20,8%, gần với 22,73% (tình cờ), nên nhận xét của tác giả, độ nhạy còn hạn chế, vẫn đứng vững. Nếu tính theo cột, độ nhạy 20,8% và độ đặc hiệu 86,5% (109 chia 126) có trung bình 53,7%, cũng ở vùng giữa: con số của bài không sai hoàn toàn, nhưng gộp hai thứ khác nhau dưới tên "độ chính xác".



Bốn ô của Bảng 3 cho bốn cách đọc: khớp cả mẫu 76,0%, mọi quan sát không cờ 84,0%, bắt ca lệch từ 5% là 20,8%

Số tính lại từ Bảng 3 của bài; Tâm An tự tính bằng Python.

"Đúng" nghĩa là khớp với nhãn nào

Nghiên cứu cần một nhãn để so với điểm mô hình. Bài dùng chênh lệch lợi nhuận ròng trước và sau kiểm toán, mốc 5%: dưới 5% coi là báo cáo đáng tin, từ 5% trở lên là không, và viện dẫn Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC làm căn cứ cho mốc này.

Tâm An đã đọc Điều 14 khoản 4 điểm c trong bản sao toàn văn thông tư gốc năm 2020. Điều khoản yêu cầu tổ chức niêm yết cổ phiếu và công ty đại chúng quy mô lớn, khi công bố báo cáo, **phải đồng thời giải trình nguyên nhân** nếu lợi nhuận sau thuế có chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hay ngược lại. Đó là nghĩa vụ giải trình, không phân loại báo cáo thành đáng tin hay không; "dưới 5% là trung thực" là cách đặt nhãn của nghiên cứu. Nguyên nhân hợp lý khiến hai số khác nhau (ước tính, khoá sổ, sự kiện sau ngày kết thúc kỳ, phân loại, thuế) có bài riêng: vì sao lợi nhuận trước và sau kiểm toán có thể chênh nhau.

Hệ quả cho cách đọc "độ chính xác":

- Chênh lệch từ 5% có thể có nguyên nhân hợp lý: lá cờ "khớp" chưa chứng minh gì về báo cáo, lá cờ "không khớp" chưa chứng minh mô hình sai.
- Chênh lệch ròng dưới 5% có thể che các điều chỉnh ngược chiều triệt tiêu nhau (nhận xét của Tâm An); bài chưa nêu chênh lệch chia cho số trước hay số sau.
- Bùi Phương Chi và cộng sự (2021, VNU) cũng dùng chênh lệch này làm đại diện và tự nêu đó là hạn chế.

55,33% của Z-Score

Bảng 5 so dự báo của Z-Score với tình trạng thực tế "phá sản hay không". Trong bản đã đọc, hai hàng dự báo có tổng 67 và 83, còn cột tình trạng thực tế đều ghi 0. Số 67 bằng 46 quan sát vùng cảnh báo cộng 21 quan sát vùng nguy cơ ở Bảng 2; số 83 bằng số quan sát vùng an toàn. Bảng 6 ghi 83 dự báo đúng trên 150, tức 55,33%.

Cách đọc của Tâm An, là suy luận từ bảng chứ không phải câu của tác giả: không quan sát nào phá sản thật, nên mọi quan sát vùng an toàn đều "đúng" và mọi quan sát ngoài vùng đó đều "sai". 55,33% khi đó là tỷ lệ quan sát vùng an toàn, không là tỷ lệ dự báo phá sản đúng. Nếu coi cả vùng cảnh báo là "an toàn", cùng dữ liệu cho (83 + 46) chia 150 bằng 86,0%: con số đổi vì cách chia vùng, không vì thêm thông tin về phá sản. Tác giả kết luận Z-Score hữu ích để cảnh báo sớm; Tâm An cho rằng mẫu chưa có ca phá sản nào chưa đủ để kiểm tra điều đó.



Z-Score: 83 trên 150 quan sát ở vùng an toàn bằng 55,33%, và Bảng 5 ghi 0 quan sát phá sản thực tế

Số tính lại từ Bảng 2, Bảng 5 và Bảng 6 của bài; Tâm An tự tính bằng Python.

Bảng 7 báo hệ số Pearson giữa hai điểm bằng -0,02, mức ý nghĩa 0,806: rất yếu, không có ý nghĩa thống kê, nên tác giả bác bỏ H3 và cho rằng hai mô hình đo hai khía cạnh khác nhau. Không có ý nghĩa thống kê trên 150 quan sát chưa chứng minh hai rủi ro không liên quan.

Ví dụ minh hoạ: nhóm công ty X giả định

Giả sử nhóm công ty X gồm 200 quan sát công ty-năm, số liệu **giả định** do Tâm An tự đặt, không liên quan nghiên cứu trên. Một mô hình sàng lọc gắn cờ 30 quan sát; nhãn đại diện (chênh lệch lợi nhuận từ 5% trở lên) có ở 40 quan sát. Bốn ô: gắn cờ và có nhãn 10; gắn cờ, không nhãn 20; không cờ, có nhãn 30; không cờ, không nhãn 140 (cộng đúng 200). Tính lại bằng Python:

- Theo hàng: 140 chia 170 bằng 82,35% và 10 chia 30 bằng 33,33%; trung bình đơn giản 57,84%.

- Cả mẫu: (10 + 140) chia 200 bằng 75,0%; mọi quan sát "không cờ" thì 160 chia 200 bằng 80,0%.
- Bắt được quan sát có nhãn: 10 chia 40 bằng 25,0%.

Cùng một mô hình, người đọc thấy "xấp xỉ 58%", "75%" hoặc "25%"; mỗi số trả lời một câu hỏi khác. Với Z-Score, giả sử 100 quan sát của nhóm X có 60 vùng an toàn, 15 vùng cảnh báo, 25 vùng nguy cơ và không quan sát nào phá sản: tỷ lệ "đúng" là 60% hoặc 75% tuỳ cảnh báo tính là rủi ro hay an toàn, và không số nào kiểm tra được khả năng dự báo vì không có ca phá sản.

Cách đọc trên báo cáo

Khi gặp câu "mô hình đạt độ chính xác bao nhiêu phần trăm", hỏi:

1. **Công thức là gì?** Tỷ lệ khớp cả mẫu, trung bình hai tỷ lệ, hay tỷ lệ trên một nhóm? Mẫu số mỗi con số là gì?
2. **Nhãn "thật" là gì?** Chênh lệch trước và sau kiểm toán, dồn tích bất thường, hay phá sản?
3. **Đường cơ sở là bao nhiêu?** Quy tắc "không làm gì" đúng bao nhiêu phần trăm?
4. **Mẫu có đủ ca thật không?** Bao nhiêu quan sát có nhãn dương, chọn thế nào, đã thử ngoài mẫu chưa?
5. **Dùng vào việc gì?** Chọn nơi đọc kỹ, hay kết luận về doanh nghiệp.

Trên báo cáo của một doanh nghiệp thật, nhãn của nghiên cứu này tương ứng với việc đặt lợi nhuận sau thuế của báo cáo quý IV tự lập cạnh số của báo cáo năm đã kiểm toán, rồi đọc giải trình và thuyết minh về các điều chỉnh.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, trục phân tích theo mã của Tâm An dùng kiến thức này để hiển thị điểm sàng lọc kèm dòng nhắc rằng độ chính xác trong nghiên cứu là con số của mẫu và nhãn riêng; bài không nêu mã cụ thể.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025 với mã số chỉ tiêu đánh lại; bài không so mã số chỉ tiêu giữa hai thời kỳ.

Điểm cần cẩn trọng

- Bản đã đọc in lệch tiêu đề cột của Bảng 3 và Bảng 5; cách đọc hàng là phân loại của mô hình, cột là nhãn, dựa trên các tổng của Bảng 4 và Bảng 2, là của Tâm An.
- Bảng 1 của bài có chỗ cộng chưa khớp (hàng 2022 cộng 28 thay vì 30; tổng cột vùng kém nhất ghi 16, cộng các năm ra 17); số theo năm ở trên lấy từ từng hàng. "84% doanh nghiệp" trong tóm tắt thực ra là 126 trên 150 quan sát doanh nghiệp-năm.
- Điều 14 Thông tư 96/2020 đọc từ bản sao thông tư gốc; thông tư đã có văn bản sửa đổi, Tâm An chưa có bản hợp nhất để đối chiếu.

Đừng nói quá

- Không viết "nghiên cứu chứng minh M-Score vô dụng": tác giả kết luận mô hình phân biệt được một phần.

- Không viết "M-Score chính xác 53,94%" hay "Z-Score dự báo phá sản đúng 55,33%": hai số có nghĩa như đã tính ở trên.
- Không viết "doanh nghiệp bị gắn cờ có báo cáo không đáng tin" hay "chênh lệch từ 5% là dấu hiệu sai phạm": nhãn chỉ là đại diện.
- Không dùng bài này để kết luận về một cổ phiếu. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Một con số "độ chính xác" của nghiên cứu là tín hiệu để hỏi thêm về công thức, nhãn và mẫu, chưa phải kết luận rằng mô hình dự báo tốt hay kém, càng chưa phải kết luận về một doanh nghiệp. Điểm sàng lọc cũng chỉ là lý do để đọc thêm thuyết minh, dòng tiền và báo cáo kiểm toán.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.

- Hoang Hung Dau (2025), "Financial Statement Fraud and Bankruptcy Risk in Listed Manufacturing Firms in Vietnam", AISC Proceedings, tập 7, tr. 177-186: đã đọc toàn văn, Bảng 1 đến 7 (tr. 181-184); số "tính lại" là Tâm An tự tính bằng Python.
- Bùi Phương Chi, Nguyễn Thị Hồng Thúy, Lăng Trịnh Mai Hương (2021), VNU Journal of Science: Economics and Business, 37(1): 40-49: chỉ dùng phần nhãn và hạn chế (tr. 44, 49).
- Thông tư 96/2020/TT-BTC, Điều 14 khoản 4 điểm c: đọc từ bản sao toàn văn thông tư gốc; cần đối chiếu bản hợp nhất.
- Số liệu ví dụ nhóm công ty X: Tâm An tự đặt, tính lại bằng Python ngày 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Mô hình sàng lọc báo cáo tài chính là gì
- Beneish M-Score: tám chỉ số đo điều gì
- Altman Z-Score gốc, Z' và Z'' khác nhau thế nào
- Vì sao điểm sàng lọc cao không có nghĩa là gian lận
- Vì sao lợi nhuận trước và sau kiểm toán có thể chênh nhau

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Nghiên cứu của Hoang Hung Dau (2025, AISC, tập 7) trên 30 doanh nghiệp sản xuất niêm yết, 150 quan sát doanh nghiệp-năm, giai đoạn 2019 đến 2023, báo cáo độ chính xác 53,94% cho M-Score và 55,33% cho Z-Score. Tính lại từ các bảng của bài: 53,94% là trung bình đơn giản của 85,16% (109 trên 128) và 22,73% (5 trên 22); tỷ lệ khớp nhãn trên cả mẫu là 76,0%, thấp hơn 84,0% của quy tắc coi mọi quan sát là không có dấu hiệu, và M-Score bắt được 5 trên 24 quan sát lệch lợi nhuận từ 5% trở lên, tức 20,8%. Nhãn là chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán, trong khi Điều 14 khoản 4 điểm c Thông tư 96/2020 là nghĩa vụ giải trình, không phân loại báo cáo. Với Z-Score, 55,33% bằng 83 trên 150, tỷ lệ quan sát vùng an toàn, và Bảng 5 ghi 0 quan sát phá sản thực tế; coi cả vùng cảnh báo là an toàn thì cùng dữ liệu cho

86,0%. Nhóm công ty X giả định (200 quan sát) cho 57,84%, 75,0% và 25,0% từ cùng một mô hình. Con số độ chính xác chỉ là tín hiệu để hỏi về công thức, nhãn và mẫu, chưa phải kết luận về mô hình hay doanh nghiệp, và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Hạn công bố báo cáo tài chính quý, bán niên và năm của công ty đại chúng và công ty niêm yết là bao lâu?

Câu trả lời ngắn

Trong Thông tư 96/2020/TT-BTC, hạn công bố báo cáo tài chính thường gồm hai cận, và cận nào đến trước thì áp dụng. Báo cáo năm đã kiểm toán: 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán, nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Với tổ chức niêm yết cổ phiếu và công ty đại chúng quy mô lớn (vốn góp từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo năm gần nhất đã kiểm toán): báo cáo quý 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý, 30 ngày nếu là công ty mẹ; bán niên đã soát xét 5 ngày kể từ ngày ký, không quá 45 ngày, hoặc 60 ngày với công ty mẹ. Đây là bản gốc 2020, đã đọc nguyên văn; ba thông tư sửa đổi sau đó, theo các trang trích, không đụng đến các điều này, nhưng chưa có bản hợp nhất chính thức. Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.



Năm mốc công bố định kỳ theo bản gốc Thông tư 96/2020: quý, quý soát xét, bán niên, năm và thường niên

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, số ngày theo bản gốc Thông tư 96/2020.

Ai phải công bố mốc nào

Thông tư chia hai tầng. Điều 10 áp dụng cho mọi công ty đại chúng: báo cáo năm đã kiểm toán và báo cáo thường niên. Điều 14 áp dụng cho tổ chức niêm yết cổ phiếu và công ty đại chúng quy mô lớn (Điều 3 khoản 1: vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo năm gần nhất đã kiểm toán); khoản 1 yêu cầu họ công bố cả các nội dung của Điều 10, các khoản 2 đến 5 thêm bán niên, quý và phần giải trình.

Báo cáo	Hạn công bố (bản gốc 2020)	Điều
Năm, đã kiểm toán	10 ngày kể từ ngày ký báo cáo kiểm toán, không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	10.1.c
Thường niên	20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo năm, không quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	10.2
Bán niên, đã soát xét	5 ngày kể từ ngày ký báo cáo soát xét, không quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính; công ty mẹ: không quá 60 ngày	14.2.c
Quý	20 ngày kể từ ngày kết thúc quý; công ty mẹ: 30 ngày	14.3.c
Quý, đã soát xét (nếu có)	5 ngày kể từ ngày ký báo cáo soát xét, không quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý	14.3.c

"Công ty mẹ" trong bảng gồm cả đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc tổ chức kế toán riêng. Điều 10 không nêu báo cáo quý hay bán niên cho công ty đại chúng chưa niêm yết và dưới ngưỡng 120 tỷ đồng; quy định riêng của sở giao dịch hay văn bản khác thì Tâm An chưa tra. Thông tư 99/2025 nêu báo cáo giữa niên độ gồm cả quý IV (Điều 15 khoản 2) và để pháp luật chuyên ngành quyết định việc có phải lập hay không (Điều 16 khoản 1). Điều 14 khoản 3 chỉ ghi "quý", nên Tâm An hiểu quý IV cũng có hạn của báo cáo quý (cách hiểu, cần đối chiếu).

Hai cận trong một hạn: cận nào đến trước

Hạn của báo cáo năm không phải "10 ngày" hay "90 ngày", mà là cận đến sớm hơn: cận tính từ ngày ký báo cáo kiểm toán, và trần tính từ ngày kết thúc năm tài chính. Ký sớm thì cận 10 ngày ràng buộc; ký muộn thì trần ràng buộc và khoảng từ ngày ký đến hạn bị rút ngắn. Bán niên, quý soát xét và thường niên cùng cấu trúc.

Cách đếm trong bài: ngày kết thúc kỳ hoặc ngày ký là mốc 0, hạn bằng mốc cộng số ngày theo lịch. Thông tư không giải thích cách đếm. Với báo cáo năm, 90 ngày kể từ 31/12 rơi vào 31/3 nếu năm sau không nhuận và 30/3 nếu năm sau nhuận: cùng quy tắc nhưng hạn lùi một ngày.



Công ty X giả định: ký báo cáo năm ngày 10/3 thì hạn 20/3, ký ngày 28/3 thì hạn rút về trần 30/3

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Công ty mẹ, soát xét thay báo cáo quý, năm tài chính lệch

Công ty mẹ và đơn vị kế toán cấp trên. Điều 10 khoản 1 điểm a: công ty mẹ công bố hai báo cáo năm, báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất; đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc tổ chức kế toán riêng công bố báo cáo tổng hợp. Đúng những công ty này được hạn dài hơn ở Điều 14 (quý 30 ngày, bán niên 60 ngày).

Báo cáo quý đã soát xét có thể thay báo cáo quý. Điều 14 khoản 3 nói công ty đã công bố báo cáo quý đã soát xét trong thời hạn của báo cáo quý thì không phải công bố báo cáo quý. Muốn thay bản quý thì bản soát xét phải kịp hạn của bản quý (20 ngày, hoặc 30 ngày với công ty mẹ).

Năm tài chính không trùng năm dương lịch. Bán niên tính từ khi kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính, báo cáo năm từ khi kết thúc năm tài chính, nên với năm tài chính kết thúc 30/9, mọi mốc dịch theo. Chữ "quý" trong Điều 14 khoản 3 không nói rõ quý dương lịch hay quý của năm tài chính; Tâm An hiểu theo năm tài chính của công ty (cách hiểu, cần đối chiếu).

"Ngày" là ngày nào, và hạn rơi vào ngày nghỉ

Điều 10 và Điều 14 chỉ ghi "ngày", trong khi nhiều chỗ khác ghi rõ "ngày làm việc" (như Điều 7 khoản 2 điểm b: 03 ngày làm việc). Tâm An hiểu là ngày theo lịch (cách hiểu, cần đối chiếu).

Điều 7 khoản 7 có quy tắc cho trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ: tổ chức công bố trên trang thông tin điện tử của mình, rồi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ở các kênh còn lại vào ngày làm việc liền sau. Văn bản dùng chữ "phát sinh", không nói rõ có áp cho ngày cuối của hạn hay

không; Tâm An chưa thấy hướng dẫn xác nhận, nên không viết "hạn tự động lùi sang thứ Hai". Điều 8 chỉ cho tạm hoãn khi bất khả kháng (thiên tai, dịch bệnh...), kèm báo cáo ngay cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và sở giao dịch: một ngoại lệ hẹp.

Công bố ở đâu, kèm những gì

Kênh. Điều 7: tổ chức niêm yết công bố trên trang thông tin điện tử của mình, hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và trang của sở giao dịch; công ty đại chúng khác ở hai kênh đầu. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải (Điều 7 khoản 2 điểm d), nên ngày công bố kiểm được ngay trên trang.

Nội dung kèm theo. Báo cáo năm phải đầy đủ báo cáo, phụ lục và thuyết minh (Điều 10 khoản 1 điểm a). Báo cáo quý và bán niên phải là dạng đầy đủ theo chuẩn mực về báo cáo giữa niên độ (Điều 14). Bản kiểm toán kèm báo cáo kiểm toán, bản soát xét kèm kết luận soát xét, cộng văn bản giải trình của công ty khi ý kiến hoặc kết luận không phải chấp nhận toàn phần; xem bài về các phần của báo cáo kiểm toán. Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế (Điều 14 khoản 4 và 5) và các ngưỡng nằm ở bài giải trình biến động lợi nhuận.

Ví dụ minh hoạ: công ty X và công ty Y giả định

Hai công ty **giả định**, ngày tính lại bằng Python.

Công ty X. Niêm yết cổ phiếu, là công ty mẹ, năm tài chính trùng năm dương lịch. Lịch nền: năm N không nhuận, ngày 1/1 là thứ Sáu; năm N+1 nhuận.

Mốc (giả định)	Ngày ký	Theo ngày ký	Trần	Hạn
Bán niên (hết 30/6), ký sớm	10/8 (thứ Ba)	15/8 (Chủ nhật)	60 ngày: 29/8 (Chủ nhật)	15/8
Bán niên, ký muộn	26/8 (thứ Năm)	31/8 (thứ Ba)	29/8 (Chủ nhật)	29/8
Năm N (hết 31/12), ký sớm	10/3 (thứ Sáu)	20/3 (thứ Hai)	90 ngày: 30/3 (thứ Năm)	20/3
Năm N, ký muộn	28/3 (thứ Ba)	7/4 (thứ Sáu)	30/3 (thứ Năm)	30/3

Cả hai bán niên có hạn rơi vào Chủ nhật, tình huống Điều 7 khoản 7 chưa trả lời rõ. Ở báo cáo năm, ký ngày 28/3 thì chỉ còn 2 ngày thay vì 10 ngày; năm N+1 nhuận nên trần là 30/3, không phải 31/3. Ký muộn không có nghĩa doanh nghiệp làm sai; bài không suy ra nguyên nhân.

Công ty Y. Niêm yết, không phải công ty mẹ, năm tài chính từ 1/10 đến 30/9. Quý I kết thúc 31/12 nên hạn 20 ngày là 20/1; bán niên kết thúc 31/3 nên trần 45 ngày là 15/5; năm kết thúc 30/9 nên trần 90 ngày là 29/12.

Nếu bản quý I soát xét của Y ký ngày 14/1 và công bố ngày 19/1 (14/1 cộng 5 ngày) thì kịp hạn 20/1, nên theo Điều 14 khoản 3 Y không phải công bố thêm bản chưa soát xét. Nếu ký ngày 18/1 thì cộng 5 ngày là 23/1, muộn hơn 20/1: bản ấy không còn thay được bản quý. Mọi ngày ký và mốc của X, Y do Tâm An tự đặt.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Xác định nhóm và loại báo cáo:** có niêm yết cổ phiếu hoặc vốn góp từ 120 tỷ đồng không; có phải công ty mẹ không; báo cáo là quý, bán niên hay năm.
2. **Tìm hai ngày trong hồ sơ:** ngày kết thúc kỳ ở đầu báo cáo và ngày ký ở cuối báo cáo kiểm toán hoặc soát xét (phân biệt hai loại ở bài báo cáo tài chính tự lập, soát xét và kiểm toán). Tính hai cận, lấy cận sớm hơn.
3. **Đọc thời gian đăng tải** hiển thị trên trang thông tin điện tử hoặc hệ thống công bố, không dùng ngày bài báo đưa tin.
4. **Kiểm bộ hồ sơ có đủ không:** báo cáo, thuyết minh; báo cáo riêng và hợp nhất với công ty mẹ; báo cáo kiểm toán hoặc kết luận soát xét; văn bản giải trình khi cần. Chênh lệch số trước và sau kiểm toán là việc khác (xem bài lợi nhuận trước và sau kiểm toán).



Bốn việc kiểm khi xem một lần công bố: nhóm và loại báo cáo, hai ngày, thời gian đăng tải, bộ hồ sơ

Sơ đồ minh hoạ khái niệm.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo thật, trục phân tích theo mã của Tâm An ghi kỳ báo cáo và ngày công bố cạnh nhau như dữ kiện, không quy thành điểm hay xếp hạng.

Điểm cần cẩn trọng

- Số ngày là của bản gốc 2020, đọc nguyên văn từ một bản sao toàn văn; ba thông tư sửa đổi chỉ đọc qua các trang trích, và chưa có bản hợp nhất chính thức. Tính đến ngày kiểm 17/10/2026, báo chí đưa tin một thông tư thay thế Thông tư 96 đang ở dạng dự thảo, chưa thấy ban hành; bài không nêu nội dung dự thảo.
- Điều 14 chỉ áp cho tổ chức niêm yết cổ phiếu và công ty đại chúng quy mô lớn; quy định riêng của sở giao dịch, ngân hàng, bảo hiểm, công ty chứng khoán, quỹ chưa tra.

- Cách đếm theo lịch, quy tắc ngày nghỉ cho ngày cuối của hạn, quý IV và quý của năm tài chính là cách hiểu của Tâm An, cần đối chiếu.
- Hậu quả khi trễ hạn không được bàn vì chưa xác minh; công ty X, Y và mọi ngày ký là giả định đơn giản hoá.

Đừng nói quá

- Không viết "công bố sát hạn là dấu hiệu xấu" hay "công bố sớm là tốt": hạn chỉ là mốc quy định.
- Không viết "mọi công ty đều công bố quý trong 20 ngày": con số gắn với nhóm niêm yết hoặc quy mô lớn, và công ty mẹ là 30 ngày.
- Không viết "hạn đã thay đổi" khi chưa đọc văn bản, cũng không viết "hạn không bao giờ đổi".
- Không dùng ngày công bố để đánh giá một doanh nghiệp hay cổ phiếu. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Khoảng cách giữa ngày công bố và hạn quy định là một dữ kiện lịch, giúp biết nên tìm ngày nào và đọc phần nào trong hồ sơ. Nó chưa phải đánh giá về chất lượng báo cáo hay về doanh nghiệp, và chưa phải kết luận ai đúng ai sai.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.

- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, bản gốc: Điều 3, 4, 7, 8, 10 và 14 (bản sao toàn văn, đọc nguyên văn, mức A*).
- Thông tư 68/2024/TT-BTC (Điều 4), 18/2025/TT-BTC (Điều 2), 08/2026/TT-BTC (Điều 1 đến 3): đọc qua trang trích, theo đó chỉ sửa Điều 5, 25, 33, 37 và phụ lục của Thông tư 96; cần đối chiếu bản hợp nhất.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC, Điều 15 khoản 2 và Điều 16 khoản 1 (Công báo, mức A, theo tài liệu căn cứ pháp lý của Tâm An ngày 12/10/2026).
- Tin báo chí tháng 9 và 10 năm 2026 về dự thảo thay Thông tư 96 (nguồn thứ cấp).
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python ngày 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Báo cáo tài chính tự lập, soát xét và kiểm toán
- Lợi nhuận trước và sau kiểm toán
- Giải trình biến động lợi nhuận
- Các phần của báo cáo kiểm toán
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Theo bản gốc Thông tư 96/2020/TT-BTC (đã đọc nguyên văn), báo cáo năm đã kiểm toán phải công bố trong 10 ngày kể từ ngày ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính; tổ chức niêm yết và công ty đại chúng quy mô lớn công bố báo cáo quý trong 20 ngày (30 ngày với công ty mẹ) và bán niên đã soát xét trong 5 ngày kể từ ngày ký, không quá 45 ngày (60 ngày với công ty mẹ); báo cáo thường niên trong 20 ngày sau báo cáo năm, không quá 110 ngày. Hạn là cận đến sớm hơn trong hai cận: công ty X giả định ký báo cáo năm ngày 10/3 thì hạn 20/3, ký ngày 28/3 thì hạn rút về trần 30/3. Cách đếm ngày theo lịch, quy tắc ngày nghỉ cho ngày cuối của hạn và quý IV là cách hiểu cần đối chiếu; ba thông tư sửa đổi theo các trang trích không sửa các điều này, nhưng chưa có bản hợp nhất chính thức. Ngày công bố so với hạn là dữ kiện lịch, không phải kết luận về doanh nghiệp, và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Khi nào doanh nghiệp niêm yết phải giải trình biến động hoặc chênh lệch lợi nhuận? Ngưỡng 10% và 5% nghĩa là gì?

Câu trả lời ngắn

Theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Điều 14 khoản 4, tổ chức niêm yết cổ phiếu và công ty đại chúng quy mô lớn phải giải trình nguyên nhân, đồng thời với việc công bố báo cáo tài chính, khi xảy ra một trong ba trường hợp. Một: lợi nhuận sau thuế của kỳ báo cáo thay đổi **từ 10% trở lên** so với cùng kỳ năm trước. Hai: lợi nhuận sau thuế bị lỗ, hoặc chuyển từ lãi sang lỗ hay ngược lại so với cùng kỳ năm trước. Ba: lợi nhuận sau thuế **chênh lệch từ 5% trở lên** giữa số trước và số sau kiểm toán hoặc soát xét, hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hay ngược lại. Hai ngưỡng đo hai thứ khác nhau: 10% so hai kỳ của hai năm, 5% so hai phiên bản của cùng một kỳ. Chạm ngưỡng chỉ nghĩa là phải giải trình, chưa nói kết quả tốt hay xấu. Văn bản không ghi cách chia phần trăm; bài dùng công ty X giả định để cho thấy kết quả đổi theo cách chia.



Ba trường hợp phải giải trình theo Thông tư 96/2020, Điều 14 khoản 4: lợi nhuận thay đổi từ 10%, bị lỗ hoặc đổi dấu, chênh lệch trước sau kiểm toán từ 5%

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Ai phải giải trình, và giải trình vào lúc nào

Điều 14 nằm trong chương dành cho tổ chức niêm yết cổ phiếu và công ty đại chúng quy mô lớn. Điều 3 khoản 1 định nghĩa công ty đại chúng quy mô lớn là công ty đại chúng có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán; Điều 18 cho biết nghĩa vụ bắt đầu

từ thời điểm đó và còn kéo dài một năm sau khi công ty không còn thuộc diện. Công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ cũng được dẫn về Điều 14 (Điều 22 khoản 1).

Về thời điểm, khoản 4 dùng chữ "đồng thời": giải trình đi cùng lúc công bố các báo cáo tài chính nêu ở khoản 1, 2 và 3, tức báo cáo năm, bán niên và quý. Văn bản không đặt một hạn riêng cho giải trình; hạn công bố từng loại báo cáo thuộc bài về hạn công bố.

Đừng nhầm với hai loại giải trình khác trong cùng thông tư: giải trình khi báo cáo năm có ý kiến kiểm toán không phải chấp nhận toàn phần (Điều 10 khoản 1 điểm b), và khi kết luận soát xét bán niên hoặc quý không phải chấp nhận toàn phần (Điều 14 khoản 2 và 3). Hai loại đó gắn với ý kiến của kiểm toán viên, không gắn với ngưỡng phần trăm.

Ngưỡng 10%: so với cùng kỳ năm trước

Trường hợp thứ nhất lấy lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo, so với báo cáo cùng kỳ năm trước. Hai chi tiết đáng chú ý. Cụm "từ 10% trở lên" gồm cả đúng 10%. Và chữ "thay đổi" không giới hạn một chiều: theo cách đọc của Tâm An, tăng hay giảm đều được tính.

Giả sử công ty X, số liệu **giả định**, tỷ đồng: lợi nhuận sau thuế quý 3 năm trước là 100.

Quý 3 năm nay	Thay đổi so với 100	Chạm ngưỡng 10%
92	giảm 8,0%	chưa
91	giảm 9,0%	chưa
90	giảm 10,0%	chạm (đúng 10%)
89	giảm 11,0%	chạm
110	tăng 10,0%	chạm

Mẫu số của phần trăm. Văn bản không ghi công thức. Tâm An chia cho số cùng kỳ năm trước, vì cụm "so với" đặt kỳ trước làm mốc. Nếu chia cho số của kỳ này, mức tăng từ 100 lên 110 chỉ còn 9,1% và thoát ngưỡng; mức giảm xuống 90 thành 11,1%. Ví dụ này cho thấy cách chia có thể đổi kết luận "chạm hay chưa", nên khi đọc công văn cần xem doanh nghiệp tính mức thay đổi trên số nào.

Quý hay luỹ kế. Báo cáo kết quả quý thường có cả cột quý và cột luỹ kế từ đầu năm. Giả sử quý 3 giảm 8,0% (92 so với 100) nhưng luỹ kế chín tháng tăng 14,8% (310 so với 270). "Kỳ báo cáo" là cột nào thì kết luận khác; văn bản không nói rõ, bài không khẳng định.

Phần trăm không phải số tiền. Lợi nhuận sau thuế từ 4 lên 5 là tăng 25,0%, chạm ngưỡng dù chỉ chênh 1 tỷ đồng. Lợi nhuận từ 2.000 lên 2.150 chỉ tăng 7,5%, chưa chạm dù chênh 150 tỷ đồng. Nền nhỏ chạm ngưỡng dễ hơn nền lớn.

Lỗ và đổi dấu: khi phần trăm mất nghĩa

Trường hợp thứ hai không dùng phần trăm. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ là đủ để phải giải trình, kể cả khi cùng kỳ năm trước cũng lỗ; chuyển từ lãi sang lỗ hay từ lỗ sang lãi cũng thuộc diện. Ví dụ với công ty X: lãi 40 chuyển thành lỗ 5 là đổi dấu (công thức thường cho âm 112,5%, con số ít ý nghĩa); lỗ 28 thành lỗ 30 vẫn là "bị lỗ" dù công thức chỉ cho 7,1%. Khi mốc so sánh bằng 0 thì phần trăm không xác định, khi mốc âm thì dấu của phần trăm dễ gây hiểu nhầm. Văn bản không nêu quy tắc cho các tình huống này; đó là nhận xét của Tâm An, không phải hướng dẫn.

Ngưỡng 5%: trước và sau kiểm toán hoặc soát xét

Trường hợp thứ ba so hai phiên bản của cùng một kỳ: số trong báo cáo công bố trước, và số sau khi soát xét hoặc kiểm toán. Nguyên nhân hợp lý của chênh lệch này được bàn ở bài lợi nhuận trước và sau kiểm toán, còn bài về báo cáo tự lập, soát xét và kiểm toán giải thích khác biệt giữa soát xét và kiểm toán. Ở đây chỉ bàn cách ngưỡng vận hành.

Điều khoản viết "từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại", ngăn bằng dấu phẩy. Tâm An đọc là hai điều kiện lựa chọn: chênh lệch từ 5% trở lên, hoặc đổi dấu; cần đối chiếu hướng dẫn nếu cần chắc chắn.

Cùng một chênh lệch, mẫu số khác nhau cho kết quả khác. Với công ty X (số giả định):

Trước	Sau	Chênh	Chia số trước	Chia số sau
480	455	giảm 25	5,21%	5,49%
480	458	giảm 22	4,58%	4,80%
400	420	tăng 20	5,00%	4,76%
400	380	giảm 20	5,00%	5,26%

Dòng thứ ba là trường hợp biên: chia số trước thì đúng 5% và chạm, chia số sau thì 4,76% và chưa. Cho nên khi thấy một công ty không giải trình dù chênh lệch "gần 5%", chưa nên vội kết luận gì; hãy xem công ty chia theo số nào.

Công ty mẹ: giải trình trên báo cáo nào

Khoản 5 áp dụng cho tổ chức niêm yết hoặc công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ, hoặc đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng. Họ phải giải trình các sự kiện ở khoản 4 "trên cơ sở" báo cáo của công ty mẹ, hoặc báo cáo tổng hợp và báo cáo hợp nhất.

Giả sử công ty X là công ty mẹ: lợi nhuận sau thuế báo cáo riêng tăng từ 50 lên 60 (tăng 20,0%), báo cáo hợp nhất tăng từ 100 lên 105 (tăng 5,0%). Cùng một doanh nghiệp, một báo cáo vượt xa ngưỡng 10%, một báo cáo thì không. Phần văn bản đã đọc không nói điều kiện kích hoạt xét trên báo cáo nào; Tâm An không kết luận, chỉ nhắc rằng khi đọc công văn nên xem giải trình dựa trên báo cáo riêng hay hợp nhất.

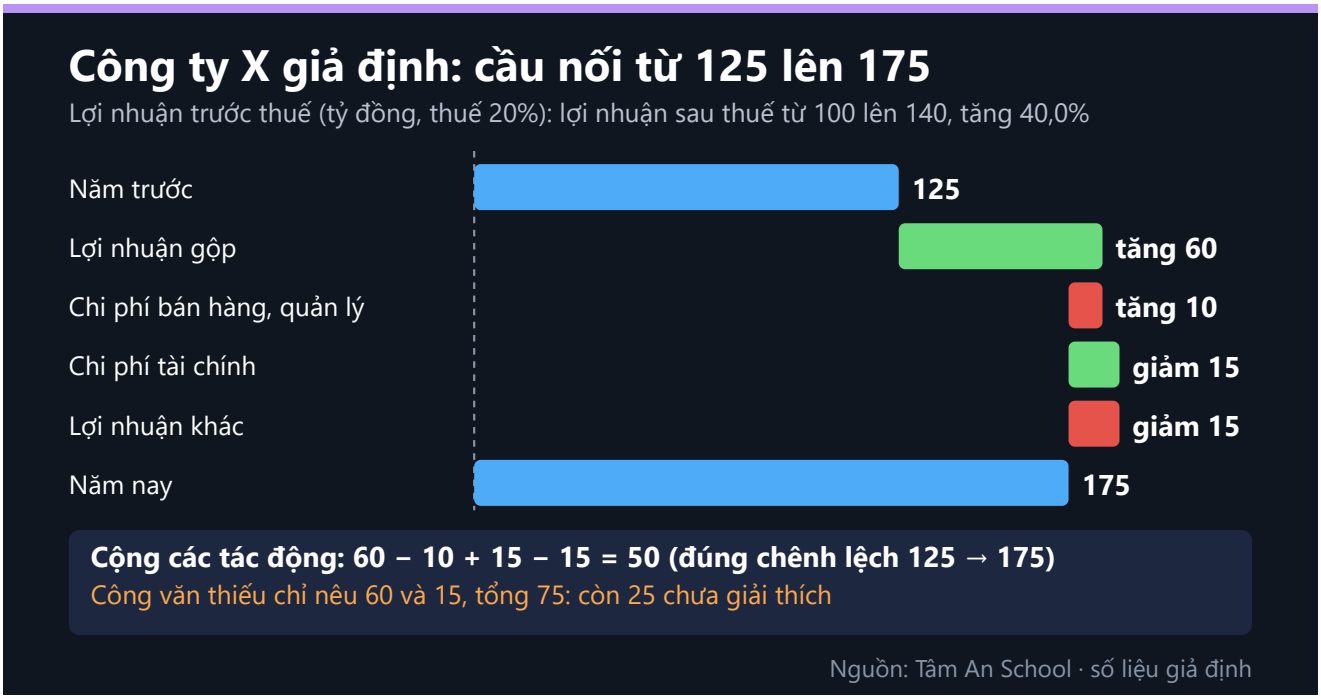
Ví dụ minh hoạ: công ty X giả định và công văn giải trình

Giả sử lợi nhuận sau thuế quý 3 của công ty X tăng từ 100 lên 140, tức tăng 40,0%: chạm ngưỡng 10%. Giả sử thuế suất 20% cho cả hai kỳ. Lợi nhuận trước thuế đi từ 125 lên 175, chênh 50; thuế tăng 10; lợi nhuận sau thuế tăng 40. Tính lại bằng Python, bốn khoản đứng sau chênh 50 (tỷ đồng):

Khoản	Năm trước	Năm nay	Chênh
Lợi nhuận gộp	240	300	tăng 60
Chi phí bán hàng và quản lý	110	120	tăng 10 (làm lợi nhuận giảm)
Chi phí tài chính	30	15	giảm 15 (làm lợi nhuận tăng)
Lợi nhuận khác	25	10	giảm 15

Cộng các tác động lên lợi nhuận: cộng 60, trừ 10, cộng 15, trừ 15, bằng 50. Một công văn đầy đủ nêu cả bốn khoản và con số. Một công văn thiếu chỉ nói "lợi nhuận gộp tăng 60 và chi phí tài chính giảm 15", tổng 75, trong khi chênh thực là 50: còn 25 chưa giải thích, vì hai khoản làm giảm lợi nhuận bị bỏ qua. Công văn thiếu chưa chắc có ý xấu, có thể chỉ viết gọn. Điều đáng ghi nhận là các khoản nêu **không cộng lại** thành chênh lệch.

Cũng cần hỏi khoản nào lặp lại, khoản nào chỉ một lần. Lợi nhuận khác giảm 15 có thể là khoản thanh lý năm trước không lặp lại; một khoản tăng có thể đến từ hoàn nhập dự phòng, và lợi nhuận từ hoạt động chính cho cách tách. Ví dụ này không nói công ty X tốt hay xấu.



Công ty X giả định: cầu nối lợi nhuận trước thuế từ 125 lên 175 qua bốn khoản, và công văn thiếu chỉ giải thích được 75

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Kiểm doanh nghiệp có thuộc diện không:** niêm yết cổ phiếu, hoặc đại chúng quy mô lớn.
2. **Tự tính mức thay đổi** bằng hai cách chia, trên cả cột quý và luỹ kế.
3. **Xem trường hợp nào được dẫn:** thay đổi từ 10%, lỗ hay đổi dấu, hay chênh lệch trước sau soát xét hoặc kiểm toán.
4. **Kiểm các khoản nêu có cộng đủ** chênh lệch không.
5. **Phân loại nguyên nhân:** hoạt động chính hay khoản khác; lặp lại hay một lần; có số hay chỉ lời chung.
6. **Với công ty mẹ,** xem giải trình trên báo cáo riêng hay hợp nhất.



Bốn câu hỏi khi đọc công văn giải trình lợi nhuận: trường hợp nào, cách chia, có cộng đủ không, lặp lại hay một lần

Sơ đồ minh hoạ khái niệm.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo thật cùng công văn, trục phân tích theo mã của Tâm An dùng kiến thức này để mở đúng chỗ: ngưỡng nào, mức thay đổi tính trên số nào, các khoản nêu có cộng đủ không. Trục không xếp công văn thành điểm tốt hay xấu.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025 với mã số chỉ tiêu đánh lại; bài không so mã số giữa hai kỳ.

Điểm cần cẩn trọng

- Bài đọc nguyên văn Điều 14 từ bản sao văn bản gốc năm 2020. Thông tư 96 đã được sửa; theo tóm tắt đã đọc, các lần sửa chạm Điều 5, 25, 33, 37 và phụ lục, chưa thấy sửa Điều 14, nhưng chưa đọc bản hợp nhất. Có dự thảo thông tư thay thế, chưa ban hành. Cần đối chiếu bản hiện hành.
- Văn bản không ghi mẫu số của phần trăm, "kỳ báo cáo" là quý hay luỹ kế, hay dòng lợi nhuận nào; các cách đọc ở trên là của Tâm An.
- Công ty X và mọi con số là giả định đơn giản hoá, không phản ánh doanh nghiệp thật.

Đừng nói quá

- Không viết "chạm ngưỡng nghĩa là lợi nhuận có vấn đề": ngưỡng chỉ kích hoạt nghĩa vụ giải trình, và lợi nhuận tăng mạnh hay giảm mạnh đều có thể có lý do kinh doanh bình thường.
- Không viết "không giải trình nghĩa là không có chuyện gì": doanh nghiệp có thể dưới ngưỡng, hoặc ngưỡng được tính theo mẫu số khác.
- Không dùng bài này để kết luận về một cổ phiếu hay xếp hạng doanh nghiệp. Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Việc một doanh nghiệp chạm ngưỡng 10% hoặc 5% là tín hiệu để mở công văn giải trình và đọc các khoản đứng sau, chưa phải bằng chứng về điều gì cụ thể của doanh nghiệp. Ngược lại, doanh nghiệp không phải giải trình cũng chưa phải kết luận rằng lợi nhuận bền vững.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.

- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, Điều 3 khoản 1, Điều 10 khoản 1 điểm b, Điều 14, Điều 18, Điều 22 khoản 1: đọc nguyên văn từ hai bản sao toàn văn văn bản gốc (mbs.com.vn, apolatlegal.com; khớp nhau); cần đối chiếu bản hợp nhất.
- Thông tư 68/2024, 18/2025 và 08/2026/TT-BTC: tóm tắt trên hethongphapluat.com (nguồn thứ cấp); hai văn bản hợp nhất 41/VBHN-BTC và 10/VBHN-BTC chỉ biết tên, chưa đọc.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (kỳ áp dụng): đã đối chiếu Công báo trong tài liệu căn cứ pháp lý nội bộ của Tâm An.
- Bản tin về dự thảo thay thế Thông tư 96 (thoibaotaichinhvietnam.vn, 02/10/2026): nguồn thứ cấp.
- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python, 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Hạn công bố báo cáo tài chính quý, bán niên và năm
- Vì sao lợi nhuận trước và sau kiểm toán có thể chênh nhau
- Lợi nhuận từ hoạt động chính khác lãi cuối cùng ở chỗ nào
- Hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng như thế nào
- Báo cáo tài chính tự lập, soát xét và kiểm toán khác nhau thế nào

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Điều 14 khoản 4, tổ chức niêm yết cổ phiếu và công ty đại chúng quy mô lớn (vốn góp từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo năm kiểm toán gần nhất) phải giải trình nguyên nhân đồng thời với việc công bố báo cáo tài chính khi lợi nhuận sau thuế thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước, khi bị lỗ hoặc đổi dấu lãi, lỗ, hoặc khi chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên. Văn bản không ghi cách chia phần trăm: với công ty X giả định, lợi nhuận từ 100 lên 110 là 10,0%

nếu chia cho kỳ trước và 9,1% nếu chia cho kỳ này; chênh 20 trên 400 là đúng 5,00% nhưng chỉ 4,76% nếu chia cho 420; lợi nhuận riêng của công ty mẹ tăng 20,0% trong khi hợp nhất tăng 5,0%. Khi đọc công văn giải trình, hãy hỏi trường hợp nào được dẫn, chia cho số nào, các khoản nêu có cộng đủ chênh lệch không, và khoản nào lặp lại. Chạm ngưỡng là tín hiệu để đọc thêm, không phải kết luận về doanh nghiệp, và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Mười sai lầm phổ biến khi đọc báo cáo tài chính

Câu trả lời ngắn

Mười sai lầm dưới đây có chung ba lỗi gốc: **đọc thiếu** (bỏ một phần của báo cáo), **so lệch** (đặt cạnh nhau hai con số không cùng cơ sở) và **kết luận vội** (từ một dấu hiệu đi thẳng tới phán quyết). Mỗi sai lầm đã có bài riêng trong chuỗi Đọc báo cáo tài chính; bài này chỉ gom lại và trỏ về bài chi tiết, không lặp công thức hay ví dụ. Hai ví dụ công ty X giả định cho thấy hai sai lầm "đắt" nhất: tăng trưởng đổi dấu, và một tín hiệu biến mất khi so cùng phạm vi. Khung chung là bài trụ cột về chất lượng lợi nhuận: số liệu có đáng tin không, và lãi có đáng dựa vào không.



Mười sai lầm khi đọc báo cáo tài chính gom thành ba lỗi gốc: đọc thiếu, so lệch, kết luận vội

Sơ đồ minh hoạ khái niệm, không phải số liệu thật.

Mười sai lầm, gom theo ba lỗi gốc

Thứ tự không phải thứ hạng nghiêm trọng. Mỗi mục nêu sai ở đâu, đúng một phần ở đâu, đọc bài nào.

Nhóm một: đọc thiếu

1. Chỉ đọc bảng cân đối và báo cáo kết quả kinh doanh, bỏ qua thuyết minh. Hai báo cáo đầu cho con số; thuyết minh cho biết chính sách tạo ra con số, tài sản thế chấp, nợ tiềm tàng và sự kiện sau ngày kết thúc kỳ. Hai công ty cùng lãi vẫn có thể khác nhau ở phần này. Đúng một phần: thuyết minh quý chọn lọc nên ngắn hơn bản năm. Đọc: thuyết minh báo cáo tài chính là gì, và bài về thứ tự đọc thuyết minh.

2. Coi lãi trên báo cáo kết quả kinh doanh là tiền đang có trong tay. Lãi theo nguyên tắc dồn tích; tiền nằm ở báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Lệch nhau là bình thường; câu đáng hỏi là lệch ở khoản nào và có tự đảo chiều không. Đúng một phần: nhận tiền trước làm tiền nhiều hơn lãi. Đọc: bài "Lãi trên báo cáo kết quả kinh doanh có phải là tiền không", bài về ba báo cáo nối với nhau.

3. Không tách lãi từ hoạt động chính khỏi khoản có thể không lặp lại. Hoàn nhập dự phòng, thanh lý tài sản, thu nhập khác, doanh thu tài chính đều hợp lệ nhưng không phải sức bán hàng thường xuyên. Đúng một phần: với vài doanh nghiệp, thanh lý hay đầu tư tài chính diễn ra đều đặn. Đọc: bài về lợi nhuận từ hoạt động chính, bài về hoàn nhập dự phòng.

Nhóm hai: so lệch

4. So hai con số khi cách tính, độ dài kỳ, phạm vi hợp nhất hoặc mẫu biểu đã khác. Số ngày thu tiền, số ngày tồn kho, dòng tiền tự do đều có nhiều cách tính; công ty con mới hợp nhất làm hai kỳ không cùng phạm vi; báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200 và báo cáo từ năm tài chính bắt đầu ngày 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025 có mã số chỉ tiêu đánh lại, nên ghép theo tên dòng, không theo mã số. Đúng một phần: chênh nhỏ giữa các cách tính thường chưa đổi hướng kết luận. Đọc: các bài về số ngày thu tiền (DSO), vòng quay hàng tồn kho, dòng tiền tự do. Xem ví dụ B.

5. Nhầm nợ phải trả với nợ vay, và coi hệ số thanh toán cao là luôn tốt. Nợ phải trả gồm cả phải trả người bán, tiền khách trả trước, chi phí phải trả; nợ chịu lãi chỉ là một phần. Hệ số hiện hành cao có thể do tồn kho nằm lâu. Đúng một phần: với vài ngành, nợ hoạt động cao là bình thường. Đọc: bài về nợ vay và nợ phải trả, bài về hệ số thanh toán hiện hành, nhanh, tiền mặt.

6. Lấy số tự lập hoặc số cũ chưa kiểm toán làm nền so sánh. Số trước và sau kiểm toán có thể chênh vì ước tính được xem lại, ghi nhận đúng kỳ hay sự kiện sau ngày kết thúc kỳ; tính tăng trưởng trên nền cũ có thể đổi cả dấu. Đúng một phần: số quý chưa soát xét vẫn theo dõi được xu hướng nếu ghi rõ. Đọc: bài về báo cáo tự lập, soát xét, kiểm toán và bài về lợi nhuận trước và sau kiểm toán. Xem ví dụ A.

Nhóm ba: kết luận vội

7. Từ một kỳ hoặc một dấu hiệu đi thẳng tới kết luận. "Dòng tiền âm là lãi giả" và "dòng tiền dương là lãi thật" là hai dạng quen thuộc nhất; cả hai đều đúng một phần và đều thiếu ba câu hỏi: tiền nằm ở đâu, lãi đến từ đâu, khoản đó có lặp lại không. Một năm thường nhiễu. Đọc: năm hiểu lầm thường gặp về lợi nhuận và dòng tiền.

8. Coi phải thu hoặc tồn kho tăng nhanh là bản án, hoặc ngược lại, bỏ qua hẳn. Tăng có thể do khách mới, hợp đồng lớn, tích trữ chủ động; cũng có thể do bán chậm. Tuỳ tuổi nợ, dự phòng, tiền thu sau ngày chốt sổ và dòng tiền mà cùng con số có hai cách đọc. Đúng một phần: nhiều kỳ liền tăng nhanh hơn doanh thu, kèm phải vay để bù, đáng để mở thuyết minh. Đọc: bài về phải thu tăng nhanh hơn doanh thu, bài về tồn kho tăng nhanh hơn giá vốn.

9. Hiểu sai báo cáo kiểm toán: tin rằng "đã kiểm toán là hết rủi ro", hoặc coi đoạn nhấn mạnh như ý kiến xấu. Kiểm toán cho đảm bảo hợp lý, cao nhưng không tuyệt đối; sai sót cố ý khó phát hiện hơn. Đoạn "vấn đề cần nhấn mạnh" nằm sau ý kiến và không đổi ý kiến; ý kiến ngoại trừ thì là một dạng ý kiến, kèm đoạn nêu cơ sở. Đúng một phần: chấp nhận toàn phần vẫn là kết quả tốt nhất trong các dạng ý kiến. Đọc: kiểm toán có đảm bảo báo cáo không có gian lận không, cùng các bài về bốn loại ý kiến và đoạn nhấn mạnh.

10. Dùng điểm sàng lọc như phán quyết, hoặc dùng sai ngành. Điểm cao chỉ xếp thứ tự dòng cần đọc; khi tỷ lệ cơ sở thấp, phần lớn lá cờ không phải ca thật. Mô hình dựng từ báo cáo doanh nghiệp sản xuất và thương mại, nên với ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán kết quả có thể vô nghĩa. Đúng một phần: dùng để xếp thứ tự đọc thì hợp lý. Đọc: mô hình sàng lọc có dùng được cho ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản không, và bài về điểm sàng lọc cao không có nghĩa là gian lận.

Ví dụ minh hoạ: hai sai lầm đắt giá của công ty X

Đơn vị tỷ đồng, số liệu **giả định** do Tâm An tự đặt, tính lại bằng Python, không phải số liệu thật. Hai ví dụ chỉ cho thấy cách đọc làm kết quả đổi thế nào, không đánh giá công ty nào.

Ví dụ A (sai lầm 6): đổi nền so sánh làm đổi dấu tăng trưởng. Công ty X công bố lợi nhuận sau thuế năm N là 400 (tự lập). Sau kiểm toán còn 360, thấp hơn 40, tức giảm 10,0%. Năm N+1, báo cáo quý IV chưa kiểm toán ghi lợi nhuận sau thuế lũy kế 396.

Cách tính	Nền so sánh	Tăng trưởng năm N+1
Lấy số tự lập đã lưu từ năm trước	400	396 chia 400 trừ 1, bằng -1,0%
Lấy số sau kiểm toán, cột so sánh của báo cáo mới	360	396 chia 360 trừ 1, bằng +10,0%

Cùng số năm N+1, một cách đọc ra giảm nhẹ, cách kia tăng một phần mười. Phép chia không sai; nền đã bị thay. Số 396 vẫn chưa kiểm toán nên có thể lại khác. Cách đọc: dùng số so sánh nằm ngay trong báo cáo mới, ghi rõ mỗi số thuộc lớp nào (tự lập, soát xét, kiểm toán) và xem giải trình nếu chênh lớn. Quy định công bố thông tin cho công ty niêm yết có yêu cầu giải trình khi lợi nhuận sau thuế chênh nhiều giữa trước và sau soát xét hoặc kiểm toán (Thông tư 96/2020/TT-BTC, Điều 14 khoản 4, theo bản gốc; đã có thông tư sửa đổi nên cần đối chiếu bản hợp nhất). Bài không nêu ngưỡng.



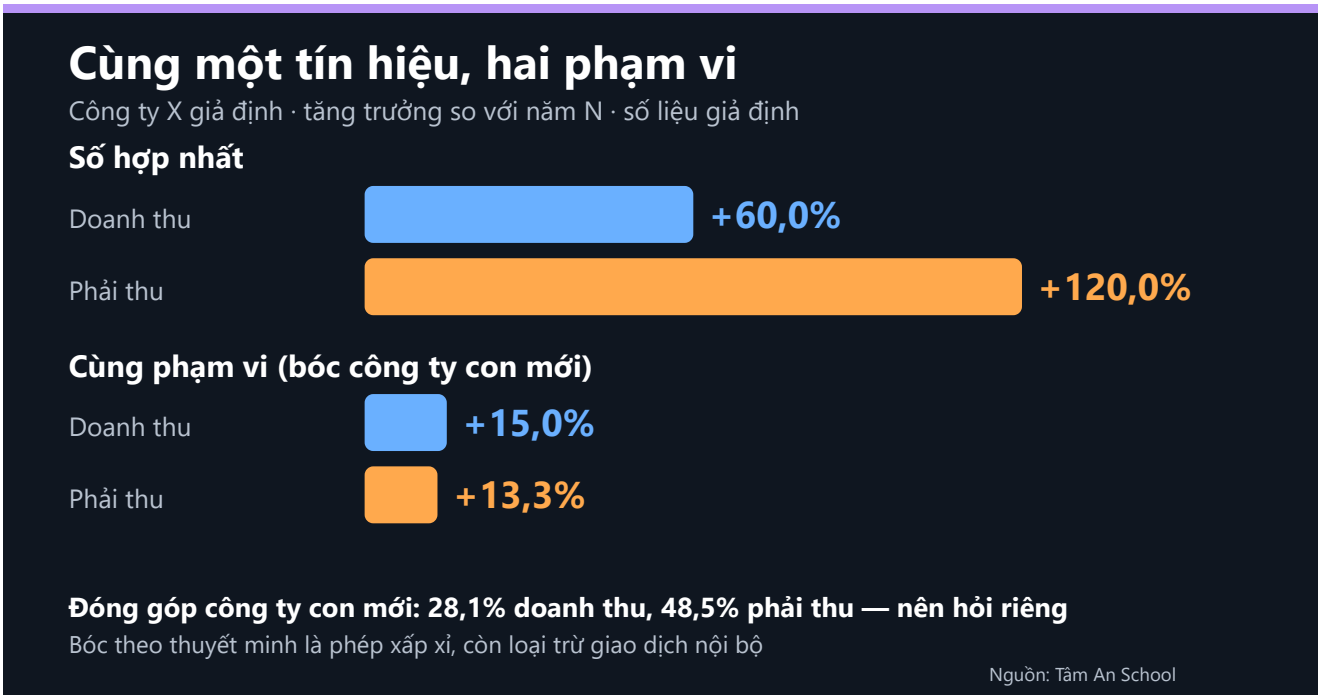
Công ty X giả định: cùng số 396 của năm N+1, nền 400 cho -1,0%, nền 360 cho +10,0%

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Ví dụ B (sai lầm 4): một tín hiệu biến mất khi so cùng phạm vi. Công ty X mua một công ty con và hợp nhất từ giữa năm N+1. Doanh thu thuần tăng từ 1.000 lên 1.600 (+60,0%), phải thu tăng từ 150 lên 330 (+120,0%), gấp đôi tốc độ doanh thu. Nhìn riêng số hợp nhất, đây là kiểu "phải thu tăng nhanh hơn doanh thu" mà nhiều tài liệu xếp vào danh sách nên xem kỹ. Giả sử thuyết minh cho biết công ty con mới đóng góp doanh thu 450 và phải thu 160 vào cuối năm. Bóc phần này ra:

- Doanh thu cùng phạm vi: 1.600 trừ 450 bằng 1.150, tăng 15,0%.
- Phải thu cùng phạm vi: 330 trừ 160 bằng 170, tăng 13,3%.
- Công ty con mới chiếm 28,1% doanh thu nhưng 48,5% phải thu, nên phần của nó đáng hỏi riêng (điều khoản bán chịu, tiền thu sau ngày chốt sổ).

Phải thu trên doanh thu: năm N là 15,0%, năm N+1 nhìn hợp nhất là 20,6%, cùng phạm vi 14,8%. Giới hạn: bóc theo thuyết minh chỉ là phép xấp xỉ vì còn loại trừ giao dịch nội bộ và công ty con chỉ hợp nhất nửa năm; còn bỏ qua phần công ty con thì dễ bỏ sót đúng chỗ cần hỏi. Mua bán sáp nhập và đổi phạm vi hợp nhất là một nguyên nhân dương tính giả hay gặp của mô hình sàng lọc.



Công ty X giả định: hợp nhất cho phải thu +120,0% so với doanh thu +60,0%; cùng phạm vi là +13,3% so với +15,0%

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Cách đọc trên báo cáo

Mười sai lầm rút thành sáu bước, gắn với từng báo cáo:

1. **Xác định lớp và phạm vi:** tự lập, soát xét hay kiểm toán; hợp nhất hay riêng lẻ; năm hay quý; Thông tư 200 hay Thông tư 99/2025 (khi so hai kỳ, ghép theo tên dòng, không theo mã số).
2. **Đọc ba báo cáo như một hệ:** lãi ở báo cáo kết quả kinh doanh, tiền ở báo cáo lưu chuyển tiền tệ, nguồn gốc khoản chênh ở bảng cân đối (từ năm tài chính 2026 gọi là báo cáo tình hình tài chính).
3. **Mở thuyết minh đúng chỗ:** chính sách kế toán, bên liên quan, vay và tài sản bảo đảm, nợ tiềm tàng, sự kiện sau ngày kết thúc kỳ.

4. **Ghi công thức bên cạnh mỗi tỷ số**, dùng cùng công thức qua các kỳ.
5. **Nhìn nhiều kỳ, cùng phạm vi** trước khi nhận xét hướng.
6. **Viết ra điều chưa biết** thay vì lấp bằng suy đoán. Bước tổng kết ở bài mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy, tập cuối của chuỗi.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng các kiến thức này ở trục phân tích theo mã, để người đọc tự quyết định có đào sâu thuyết minh hay không. Bài không nêu mã, không đánh giá doanh nghiệp nào.

Điểm cần cẩn trọng

- Bộ mười sai lầm là cách chọn của Tâm An dựa trên các bài trong chuỗi; không tài liệu nào xác nhận đây là mười sai lầm phổ biến nhất, bài cũng không đưa tỷ lệ phổ biến.
- Hai ví dụ công ty X là giả định đơn giản hoá; cách bóc công ty con ở ví dụ B là phép xấp xỉ.
- Thông tư 96/2020 theo bản gốc, thông tư sửa đổi chưa đối chiếu; mục 9 nêu theo các bài trước của chuỗi.

Đừng nói quá

- Không viết "đọc đúng mười điều này là không bị sai": đọc đúng chỉ giúp đặt câu hỏi tốt hơn.
- Không viết "có phải thu tăng hay hoàn nhập dự phòng là có vấn đề": mỗi hiện tượng có nguyên nhân kinh doanh hợp lý khác.
- Không dùng bài để kết luận về một doanh nghiệp hay cổ phiếu; bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Ngay cả khi tránh được cả mười sai lầm, thứ đọc được vẫn chỉ là tín hiệu để mở thêm thuyết minh, nhiều kỳ và giải trình. Một chênh lệch, một tỷ số lệch hay một điểm sàng lọc cao chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp; chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi. Theo khung của CFA Institute, chất lượng báo cáo và chất lượng lợi nhuận là hai câu hỏi khác nhau.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 17/10/2026.

- CFA Institute, "Financial Reporting Quality", CFA Program Level I 2026 (trang công khai, mở 17/10/2026).
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (Công báo, bản PDF đã đọc): tên gọi báo cáo; mã số chỉ tiêu đánh lại.
- Thông tư 96/2020/TT-BTC, Điều 14 khoản 4, theo bản gốc; cần đối chiếu bản hợp nhất.
- Ghi chú nội bộ Tâm An (12/10/2026) về nguyên nhân dương tính giả của mô hình sàng lọc và các vấn đề báo cáo tài chính gây tranh luận ở Việt Nam; các bài 1 đến 45 của chuỗi, với căn cứ nêu tại từng bài.

- Số liệu ví dụ: Tâm An tự đặt, tự tính lại bằng Python, ngày 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Năm hiểu lầm thường gặp về lợi nhuận và dòng tiền
- Thuyết minh báo cáo tài chính là gì
- Kiểm toán có đảm bảo báo cáo không có gian lận không
- Mô hình sàng lọc có dùng được cho ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản không
- Mười câu hỏi phân biệt lãi thật và lãi trên giấy

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính.

Mười sai lầm khi đọc báo cáo tài chính có chung ba lỗi gốc: đọc thiếu (bỏ thuyết minh, coi lãi là tiền, không tách khoản có thể không lặp lại), so lệch (khác cách tính, kỳ, phạm vi, mẫu biểu; nhầm nợ phải trả với nợ vay; lấy nền chưa kiểm toán) và kết luận vội (từ một kỳ hoặc một dấu hiệu, từ phải thu và tồn kho, từ báo cáo kiểm toán, từ điểm sàng lọc). Với công ty X giả định (tỷ đồng), cùng số 396 của năm N+1 cho -1,0% nếu so nền tự lập 400 và +10,0% nếu so nền sau kiểm toán 360; và phải thu tăng 120,0% so với doanh thu 60,0% trên số hợp nhất, nhưng 13,3% so với 15,0% khi bóc công ty con mới đóng góp doanh thu 450 và phải thu 160. Cách đọc là xác định lớp và phạm vi, đọc ba báo cáo như một hệ, mở thuyết minh, ghi công thức, nhìn nhiều kỳ cùng phạm vi và viết ra điều chưa biết. Bộ mười sai lầm là cách sắp của Tâm An; mọi dấu hiệu chỉ là tín hiệu để đọc thêm, chưa phải kết luận về doanh nghiệp và không phải khuyến nghị đầu tư.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.

Mười câu hỏi để phân biệt 'lãi thật' và 'lãi trên giấy' khi đọc một báo cáo tài chính (checklist)

Câu trả lời ngắn

Không có một con số nào cho biết lãi là "thật" hay "trên giấy". Có mười câu hỏi nên đặt trước khi tin một mức lãi: lãi có thành tiền không; phải thu và tồn kho tăng nhanh đến đâu; lãi đến từ hoạt động chính hay từ khoản khác; có khoản một lần hay hoàn nhập dự phòng không; thuế; lãi liên kết và tỷ giá chưa thực hiện; phần thuộc cổ đông công ty mẹ; và lời giải trình có khớp số liệu không. Mỗi câu chỉ đo một chiều của chất lượng lợi nhuận và luôn có nguyên nhân hợp lý khác. Danh sách này do Tâm An tổng hợp từ các bài nền của chuỗi, không phải checklist chuẩn trong sách hay quy định. Kết quả cuối cùng là danh sách chỗ cần mở thuyết minh, không phải bản án về một doanh nghiệp.



Mười câu hỏi chia bốn nhóm: tiền, vốn lưu động, nguồn lãi, điều chỉnh và giải trình

Sơ đồ minh hoạ khái niệm.

Vì sao cần checklist, và nó nằm ở đâu trong chuỗi

Đây là tập cuối của chuỗi Đọc báo cáo tài chính, nên mười câu hỏi gom lại các bài nền. Bài chất lượng lợi nhuận tách hai tầng: chất lượng báo cáo (số liệu có đáng tin không) và chất lượng lợi nhuận (lãi có đáng dựa vào để nhìn tiếp không). Theo phần công khai của "Financial Reporting Quality" (CFA Institute), chất lượng là một phổ chứ không phải hai ô đúng sai, ước tính là chỗ dễ bị dùng quá tay, và ngay dòng tiền kinh doanh cũng có thể bị tác động, chẳng hạn kéo dài thời gian trả nhà cung cấp. Sloan (1996), trên mẫu doanh nghiệp niêm yết ở Mỹ, cho thấy phần lợi nhuận từ dồn tích kém bền hơn phần từ tiền; bài không

mượn kết luận đó cho thị trường Việt Nam. "Lãi trên giấy" ở đây chỉ là cách nói gọn cho phần lãi đã ghi nhận theo dồn tích nhưng chưa thành tiền hoặc khó lặp lại. Đó không phải thuật ngữ kế toán, và không có nghĩa phần lãi ấy sai.

Mười câu đi từ ngoài vào trong: tiền (câu 1 và 2), vốn lưu động (câu 3), nguồn lãi (câu 4 đến 6), các điều chỉnh khác (câu 7 đến 9), rồi lời giải trình (câu 10).

Mười câu hỏi và nguyên nhân hợp lý khác

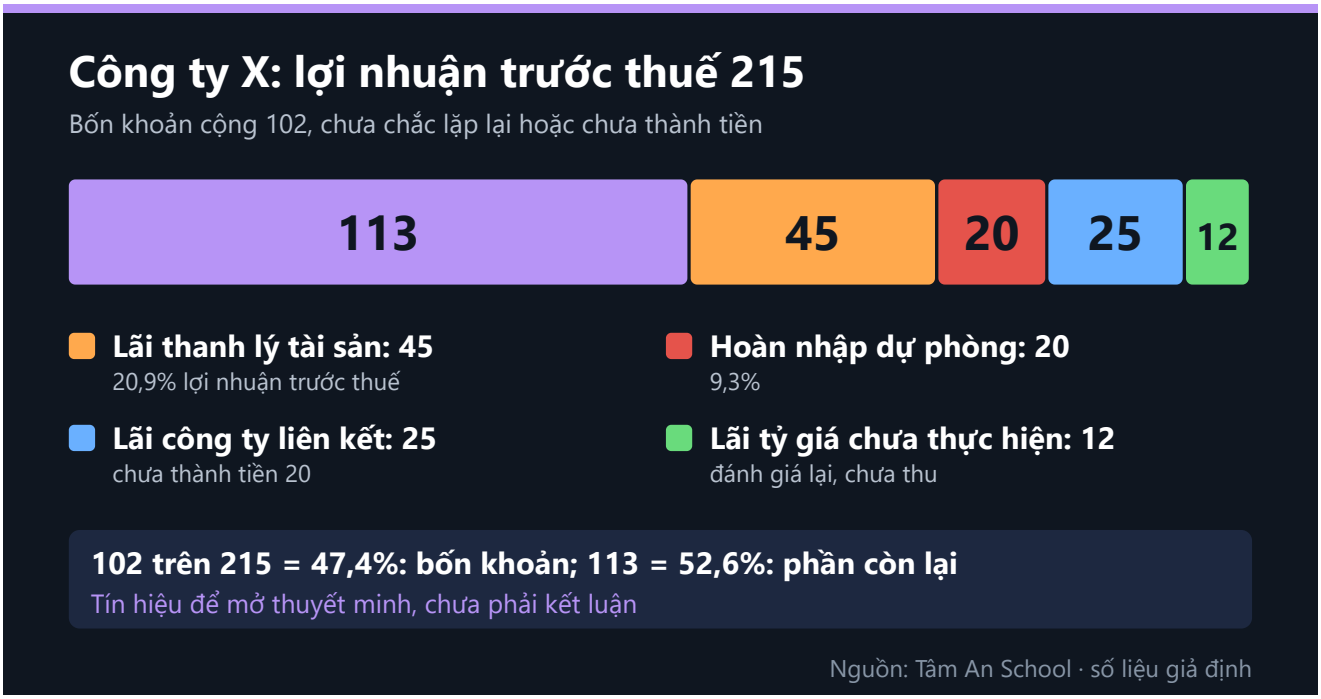
#	Câu hỏi	Nhìn ở đâu	Nguyên nhân hợp lý khác
1	Dòng tiền kinh doanh nhiều năm so với lãi thế nào?	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Tăng trưởng, mùa vụ, bán chịu có kế hoạch
2	Dòng nào lớn nhất trong cầu nối từ lãi sang tiền?	Phần điều chỉnh của báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Khấu hao lớn, vốn lưu động theo mùa
3	Phải thu và tồn kho có tăng nhanh hơn doanh thu và giá vốn không?	Bảng cân đối, thuyết minh	Mở bán chịu, tích trữ chủ động
4	Bao nhiêu phần lãi nằm ngoài hoạt động chính?	Báo cáo kết quả kinh doanh	Mô hình đầu tư, tiền nhàn rỗi lớn
5	Có khoản một lần (thanh lý, thoái vốn, mua rẻ) không?	Thu nhập khác, thuyết minh	Tái cơ cấu theo kế hoạch
6	Hoàn nhập dự phòng đóng góp bao nhiêu?	Thuyết minh biến động dự phòng	Đã thu được nợ, đổi ước tính
7	Thuế suất hiệu dụng lệch thuế suất danh nghĩa vì sao?	Thuyết minh chi phí thuế	Ưu đãi, khoản không chịu thuế
8	Lãi liên kết và tỷ giá chưa thực hiện chiếm bao nhiêu?	Kết quả kinh doanh, điều chỉnh dòng tiền	Liên kết chiến lược, tỷ giá đảo chiều
9	Phần lãi thuộc cổ đông công ty mẹ là bao nhiêu?	Phân bổ lợi nhuận hợp nhất	Có công ty con với cổ đông khác
10	Lời giải trình biến động có khớp số liệu không?	Văn bản giải trình, thuyết minh	Giải trình ngắn, chi tiết nằm ở thuyết minh

Các câu 1 và 2 nối với bài về tỷ lệ dòng tiền kinh doanh trên lợi nhuận sau thuế: một năm thường nhiễu nên cần nhìn nhiều năm. Câu 3 nối với bài về phải thu tăng nhanh hơn doanh thu; bài về hàng tồn kho tăng nhanh hơn giá vốn nằm cùng chuyên mục. Câu 6 nối với bài về hoàn nhập dự phòng, còn câu 4 và 5 gắn với bài về lợi nhuận hoạt động chính, cùng chuyên mục. Các câu 7 đến 10 đều cần đọc thuyết minh. Mặt trái của checklist này, những lối đọc sai hay gặp, nằm ở bài mười sai lầm phổ biến khi đọc báo cáo tài chính.

Ví dụ minh hoạ: công ty X đi qua mười câu

Giả sử công ty X, tỷ đồng, số liệu **giả định** tự đặt, tính lại bằng Python, kiểm cộng đúng. Năm N so với năm N-1:

Khoản	N-1	N
Doanh thu thuần	1.000	1.200
Giá vốn	750	930
Chi phí bán hàng	50	60
Chi phí quản lý (trước hoàn nhập)	60	90
Hoàn nhập dự phòng phải thu	0	20
Lãi tiền gửi, lãi tỷ giá chưa thực hiện	25, 0	28, 12
Lãi vay	25	30
Lãi từ công ty liên kết	10	25
Thu nhập khác (lãi thanh lý), chi phí khác	5, 5	45, 5
Lợi nhuận trước thuế	150	215
Thuế	30	26
Lợi nhuận sau thuế	120	189

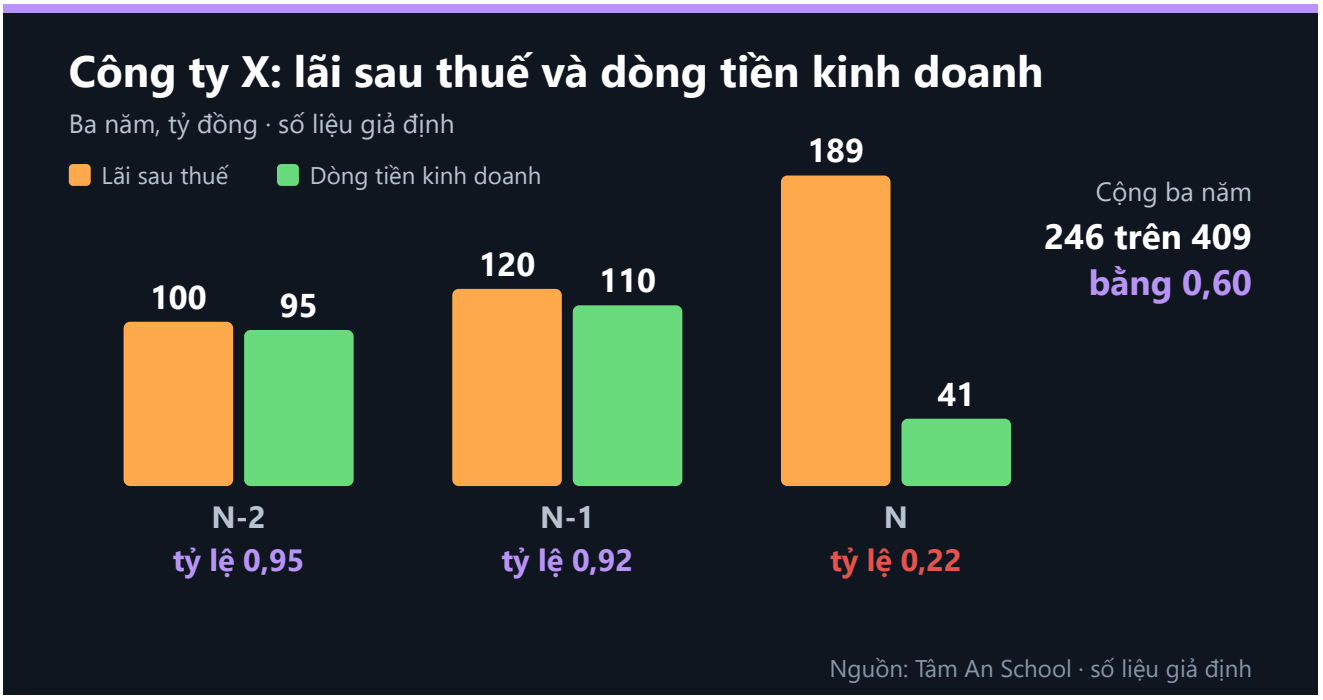


Công ty X giả định: lợi nhuận trước thuế 215, bốn khoản cộng 102, phần còn lại 113

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

Dòng tiền kinh doanh năm N là 41. Phải thu gộp cuối năm 200 lên 260, tồn kho 150 lên 200, phải trả người bán 110 lên 150. Năm N-2: lãi sau thuế 100, dòng tiền kinh doanh 95. Đi qua từng câu:

1. **Tiền so với lãi.** Lãi sau thuế ba năm là 100, 120 và 189; dòng tiền kinh doanh là 95, 110 và 41, tức tỷ lệ 0,95; 0,92 và 0,22. Cộng ba năm: 246 trên 409, bằng 0,60. Hợp lý khác: năm N doanh thu tăng 20,0% nên vốn lưu động phình ra.
2. **Cầu nối.** Từ lợi nhuận trước thuế 215, cộng khấu hao 48; trừ lãi thanh lý 45, hoàn nhập 20, lãi liên kết 25, lãi tỷ giá 12, lãi tiền gửi 28; cộng lãi vay 30: được 163. Trừ phải thu 60 và tồn kho 50, cộng phải trả 40: được 93. Trừ lãi vay đã trả 30 và thuế đã nộp 22: dòng tiền 41. Bốn khoản lãi bị bóc khỏi dòng kinh doanh cộng 102; vốn lưu động ròng trừ 70. Nếu phải trả người bán chỉ tăng bằng tốc độ giá vốn (24,0%), tức 26,4 thay vì 40, dòng tiền còn 27,4.



Công ty X giả định: lãi sau thuế và dòng tiền kinh doanh ba năm, tỷ lệ 0,95; 0,92; 0,22

Số liệu giả định, tính lại bằng Python.

3. **Phải thu và tồn kho.** Phải thu tăng 30,0% so với doanh thu 20,0%; số ngày thu tiền tính trên số dư cuối năm từ 73,0 lên 79,1. Tồn kho tăng 33,3% so với giá vốn 24,0%; số ngày tồn kho từ 73,0 lên 78,5. Hợp lý khác: mở bán chịu cho khách lớn, tích trữ trước khi giá lên.
4. **Lãi ngoài hoạt động chính.** Lợi nhuận hoạt động chính (lợi nhuận gộp trừ bán hàng và quản lý, chưa tính hoàn nhập) giảm từ 140 còn 120, tức 14,3%; biên trên doanh thu từ 14,0% còn 10,0%. Nó bằng 55,8% lợi nhuận trước thuế, so với 93,3% năm N-1.
5. **Khoản một lần.** Lãi thanh lý 45 bằng 20,9% lợi nhuận trước thuế; năm N-1 khoản này chỉ 5, bù với chi phí khác 5. Hợp lý khác: thanh lý theo kế hoạch tái cơ cấu; tiền thu nằm ở dòng đầu tư.
6. **Hoàn nhập.** 20 bằng 9,3% lợi nhuận trước thuế, ghi giảm chi phí quản lý, không có tiền vào; năm N-1 không có. Hợp lý khác: khách đã trả nợ.
7. **Thuế.** Thuế suất hiệu dụng 12,1% (26 trên 215) so với 20,0% năm N-1. Giả sử thuyết minh nêu thuế suất danh nghĩa 20,0%: thuế theo mức đó là 43,0, trừ 5,0 do lãi liên kết không chịu thuế và 12,0 do ưu đãi, còn 26,0, khớp. Chỉ để thấy độ nhạy, không dự báo: không còn ưu đãi thì lãi sau thuế là 177.

8. **Liên kết và tỷ giá.** Lãi liên kết 25, nhận cổ tức bằng tiền 5, nên 20 chưa thành tiền; lãi tỷ giá chưa thực hiện 12. Cộng 37, bằng 17,2% lợi nhuận trước thuế. Hợp lý khác: liên kết là hoạt động chiến lược, tỷ giá có thể đảo chiều.
9. **Công ty mẹ.** Lãi sau thuế tăng 57,5%, nhưng phần thuộc cổ đông công ty mẹ là 150, tăng 42,9%; phần cổ đông không kiểm soát 39, bằng 20,6% (năm N-1 là 12,5%).
10. **Giải trình.** Giả sử văn bản giải trình viết lãi tăng nhờ doanh thu tăng 20,0% và lãi thanh lý. Lợi nhuận trước thuế tăng 65, gồm thanh lý và khác 40, hoàn nhập 20, liên kết 15, tỷ giá 12, hoạt động chính trừ 20, tài chính ròng trừ 2. Thanh lý giải thích 40, tức 61,5%; ba khoản không nhắc cộng 47. Hợp lý khác: giải trình ngắn, chi tiết nằm ở thuyết minh.

Không cộng điểm: số câu "đáng hỏi" không phải thang đo. Kết quả đúng của ví dụ là một danh sách để mở thuyết minh: lãi liên kết, ưu đãi thuế, lý do hoàn nhập, kế hoạch thanh lý, điều kiện bán chịu.

Cách đọc trên báo cáo

1. **Chốt phạm vi:** hợp nhất hay riêng lẻ, năm hay quý (số quý là số đơn lẻ), báo cáo lập theo mẫu nào.
2. **Lập một trang ghi hai cột năm nay và năm trước** cho mười chỉ số trên, ghi rõ công thức đã dùng.
3. **Bảng cân đối kế toán** (từ năm tài chính 2026 gọi là báo cáo tình hình tài chính) cho câu 3; **báo cáo kết quả kinh doanh** cho câu 4, 5, 8, 9; **báo cáo lưu chuyển tiền tệ** cho câu 1, 2, 8; **thuyết minh** cho câu 3, 5, 6, 7, 10.
4. **Viết cạnh mỗi câu một nguyên nhân hợp lý khác** trước khi rút ra bất cứ điều gì.

Áp dụng cho từng mã. Khi có báo cáo tài chính thật, hệ thống của Tâm An dùng kiến thức này ở trục phân tích theo mã để đặt các chỉ số của mười câu cạnh nhau qua nhiều kỳ, giúp người đọc biết chỗ cần mở thuyết minh; chỉ là công cụ sàng lọc.

Lưu ý chuyển kỳ: báo cáo năm 2025 lập theo Thông tư 200, từ năm tài chính bắt đầu 01/01/2026 theo Thông tư 99/2025 với mã số chỉ tiêu đánh lại; bài không so mã số giữa hai kỳ.

Điểm cần cẩn trọng

- Công ty X, năm N-2, mọi dòng và khoản giải trình là giả định; các tỷ lệ chỉ để so với nhau, không có ngưỡng nào.
- Checklist viết cho doanh nghiệp phi tài chính. Ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán có chế độ kế toán và mẫu riêng; bất động sản và xây dựng có nhịp doanh thu khác.
- Ví dụ bỏ qua thuế hoãn lại, thuế trên các khoản điều chỉnh và việc sử dụng dự phòng để gọn.
- Số ngày thu tiền và tồn kho tính trên số dư cuối năm, không phải số bình quân.
- Mười câu là tổng hợp của người soạn, không phải chuẩn; bạn có thể thêm bớt câu.

Đừng nói quá

- Không viết "lãi có khoản một lần là lãi giả": đó vẫn là lãi trên báo cáo, chỉ chưa chắc lặp lại.
- Không viết "dòng tiền thấp là lãi giả" hay "dòng tiền cao là lãi thật": dòng tiền cũng bị tác động bởi thời điểm trả và thu.

- Không dùng số câu "đáng hỏi" làm điểm số, và không suy ra động cơ của doanh nghiệp từ một con số.
- Bài không phải khuyến nghị đầu tư.

Tín hiệu không phải kết luận

Mỗi câu trả lời lệch là một tín hiệu để mở thuyết minh và so nhiều kỳ, chưa phải bằng chứng về điều gì của doanh nghiệp. Nguyên nhân hợp lý khác có ở cả mười câu: tăng trưởng, mùa vụ, tái cơ cấu, ưu đãi thuế, cấu trúc công ty con. Chỉ kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý và người có đủ hồ sơ mới đủ căn cứ kết luận về hành vi.

Căn cứ

Căn cứ kiểm ngày 14/10/2026.

- CFA Institute, "Financial Reporting Quality", CFA Program Level I, giáo trình 2026: chỉ trang công khai, truy cập 12/10/2026.
- Sloan, R. G. (1996), The Accounting Review 71(3): 289-315 (mẫu Mỹ).
- Schilit, H., Perler, J. và Engelhart, Y. (2018), Financial Shenanigans, 4th ed., McGraw-Hill: chỉ xác nhận thư mục, không trích số trang.
- Thông tư 99/2025/TT-BTC (hiệu lực 01/01/2026), Công báo ngày 16/11/2025, đọc từ bản PDF (mức A): chỉ dùng cho tên báo cáo và lưu ý chuyển kỳ; Thông tư 200/2014/TT-BTC cho báo cáo năm 2025.
- Danh sách mười câu: Tâm An tổng hợp từ các bài nền trong chuỗi; số liệu ví dụ Tâm An tự đặt và tự tính lại bằng Python ngày 17/10/2026.

Đọc thêm

- Chất lượng lợi nhuận là gì? (trụ cột)
- Tỷ lệ CFO trên lợi nhuận sau thuế
- Phải thu tăng nhanh hơn doanh thu
- Hoàn nhập dự phòng làm lợi nhuận tăng thế nào
- Đọc thuyết minh theo thứ tự nào
- Mười sai lầm phổ biến khi đọc báo cáo tài chính

Cả chuỗi: chuyên mục Đọc báo cáo tài chính. Đây là tập cuối: muốn đi tiếp theo từng loại hình doanh nghiệp, xem khoá học Đọc báo cáo tài chính theo từng loại hình doanh nghiệp.

Không có một con số nào cho biết lãi là thật hay trên giấy; có mười câu hỏi để đặt theo thứ tự: dòng tiền kinh doanh nhiều năm so với lãi, dòng lớn nhất trong cầu nối từ lãi sang tiền, phải thu và tồn kho so với doanh thu và giá vốn, phần lãi ngoài hoạt động chính, khoản một lần, hoàn nhập dự phòng, thuế suất hiệu dụng, lãi liên kết và tỷ giá chưa thực hiện, phần thuộc cổ đông công ty mẹ, và lời giải trình có khớp số liệu không. Với công ty X giả định (tỷ đồng), lãi sau thuế 189 nhưng dòng tiền kinh doanh 41, tỷ lệ 0,22, cộng ba năm 0,60; phải thu tăng 30,0% so với doanh thu 20,0%, tồn kho tăng 33,3% so với giá vốn 24,0%; lợi nhuận hoạt động chính giảm từ 140 còn 120; bốn khoản thanh lý 45, hoàn nhập 20, liên kết 25, tỷ giá 12 cộng 102, bằng 47,4% lợi nhuận trước thuế; thuế suất hiệu dụng 12,1%; phần công ty mẹ 150, tăng

42,9%; giải trình nhắc doanh thu và thanh lý nhưng chưa nhắc ba khoản cộng 47. Mỗi câu có nguyên nhân hợp lý khác, mười câu là tổng hợp của người soạn chứ không phải chuẩn, và kết quả chỉ là danh sách chỗ cần mở thuyết minh, không phải kết luận về doanh nghiệp hay khuyến nghị đầu tư. Đây là tập cuối của chuỗi; muốn đi tiếp theo từng loại hình doanh nghiệp, mời xem khoá học Đọc báo cáo tài chính theo từng loại hình doanh nghiệp.

Nội dung mang tính giáo dục, không phải tư vấn đầu tư. Tín hiệu và mô hình chỉ để sàng lọc, không phải kết luận. Căn cứ pháp lý có thể thay đổi; luôn đối chiếu văn bản hiện hành.